VŨ ĐỨC SAO BIỂN

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Khái quát phong cách xây dựng nhân vật

Trong những năm trước 1975 tại miền Nam người đọc xem Kim Dung tiên sinh, tiểu thuyết gia Hongkong, là một nhà văn lớn. Những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông, được đăng báo dưới dạng feuilleton hoặc in thành sách, đã hấp dẫn hàng triệu người đọc Việt Nam. Văn của ông đã được truyển trạch để đưa vào giáo trình văn cấp trung học và đại học tại Đài Loan, Hongkong và Hoa Lục. Và ngay trong lòng nước Mỹ, người Hoa đã lập ra "Kim Dung học hội", chuyên nghiên cứu, giới thiệu và dịch những tác phẩm của ông ra tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha....Điều mà người ta dễ nhận ra nhất là bút lực của Kim Dung rất hùng hậu. Mỗi tác phẩm là một bộ (thường trên 10 quyển, trung bình khoảng 500, 600 trang một quyển). Chúng tôi chỉ xin giới thiệu đầu tiên một khía cạnh trong kỹ thuật tiểu thuyết của ông: phong cách xây dựng nhân vật.

Trước năm 1975, sách Kim Dung được in gồm:

1. Thư kiếm ân cừu lục

2. Bích huyết kiếm

3. Xạ điêu anh hùng truyện

4. Thần điêu hiệp lữ

5. Tuyết Sơn phi hồ

6. Phi hồ ngoại truyện (Lãnh nguyệt bảo đao)

7. Ỷ thiên Đồ long ký

8. Liên thành quyết (Tố tâm kiếm)

9. Thiên Long bát bộ (Lục mạch thần kiếm truyện)

10. Hiệp khách hành

11. Tiếu ngạo giang hồ

12. Lộc Đỉnh ký

Một điều cần lưu ý là nếu chúng ta phân biệt rõ 4 khái niệm: Truyện (tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu), Ký (tác phẩm văn xuôi viết về người thật, việc thật) và Lục (cuốn sách) thì Kim Dung sử dụng 3 khái niệm đó với một ý nghĩa duy nhất để chỉ các bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông.

Khuynh hướng của Kim Dung là thường đặt những cuốn tiểu thuyết của mình vào những hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Trung Quốc. Bộ Thiên Long bát bộ được đặt và khung cảnh lịch sử triều Tống (1127-1279) với sự tương tranh, tương giao của 6 thế lực phong kiến: Tống, Đại Lý, Khiết Đan (Liêu), Tây Hạ, Thổ Phồn và Yên (Tiên Ti, đã suy tàn). Bộ Lộc Đỉnh ký được đặt vào khung cảnh lịch sử triều Khang Hy (1662-1722) nhà Thanh, khi mà các thế lực chống Thanh như Đường Vương, Quế Vương, Lỗ Vương và Thiên Địa hội hoạt động mạnh... Chính vì thế, trong tiểu thuyết của ông, có những nhân vật lịch sử như Triệu Hú (Tống Triết Tông), Gia Luật Hồng Cơ (hoàng đế Đại Liêu), Đoàn Chính Minh (hoàng đế Đại Lý), Khang Hy (hoàng đế Thanh), Trần Vĩnh Hoa (Trần Cận Nam, tổng đường chủ Thiên Địa hội)... Bên cạnh đó là nhưng nhân vật thuần túy hư cấu, thường là nhân vật chính của tiểu thuyết... Trong Thiên Long bát bộ, đó là Kiều Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc, Du Thản Chi, Đinh Xuân Thu...Trong Lộc Đỉnh ký, đó là Vi Tiểu Bảo. Những nhân vật tiểu thuyết của ông kết hợp với nhân vật lịch sử tạo thành một phong cách tiểu thuyết hư hư, thực thực. Phong cách này khá đậm nét khi ông xây dựng cặp nhân vật Khang Hy-Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký. Từ 1 thằng bé lưu manh trong động điếm Lệ Xuân viện thành Dương Châu,

Vi Tiểu Bảo đã bị hoàn cảnh đẩy đưa lên Bắc Kinh giả làm thái giám rồi thân cận với vua Khang Hy, gia nhập Thiên Địa hội làm một thứ gián điệp hai mang, trờ thành công tước triều Thanh, nhận nhiệm vụ ký hoà ước lịch sử Hắc Long giang 1684 với Phí Diêu Đa La (Féodore) của Nga Ta Lư! Tác giả có ghi chú rõ về chuyện hư cấu của mình nhưng điều ấy vẫn không làm giảm đi sự thú vị trong lòng người đọc.

Một cách khái quát, nhân vật trong tiểu thuyết Kim Dung thường được chi làm 2 tuyến: chính phái (hay bạch đạo) và tà phái (hay hắc đạo). Tuy nhiên, trong tác phẩm Kim Dung không hề rơi vào chủ nghĩa công thức: những kẻ mà ông xếp vào hàng tà thường là những chính nhân quân tử, những kẻ mà ông giới thiệu như là chính nhân quân tử là là kẻ chẳng ra gì. Bất kỳ người Trung Quốc nào cũng gọi Minh giáo (tức Bái hỏa giáo) từ Ba Tư truyền sang là tà đạo. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã chứng minh ngược lại: Minh giáo là một chính giáo, nồng nàn tình cảm yêu nước, xả thân để cứu trăm họ ra khỏi ách thống trị của Mông Cổ. Những Trương Vô Kỵ, Dương Tiêu, Vi Nhất Tiếu, Phạm Dao, Hân Thiên Chính... là những con người quang minh lỗi lạc, hành sự trong sáng, sống rất người. Và chính nghĩa thuộc về họ, chứ không phải thuộc về nhân vật Chu Nguyên Chương, vốn đầy thủ đoạn chính trị, đã cướp công Minh giáo để lên ngôi mở ra nhà Minh. Còn có ai đẹp hơn Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, chưởng môn phái Hoa Sơn trong Tiếu ngạo giang hồ? Thế nhưng từ cuốn 9 trở đi, Nhạc Bất Quần dần dần hiện nguyên hình là một kẻ độc ác; dùng con gái làm bậc thang để leo lên, giết cả rể, lừa vợ, giết học trò, quyết chiếm được ngôi MInh chủ Ngũ Nhạc phái, tự thiến để trở thành kẻ lại cái. Nguỵ quân tử vẫn nguy hiểm hơn chân tiểu nhân!

Những nhân vật chính trong tác phẩm của Kim Dung thường là những con người bao dung, đôn hậu, không hủ nho, câu nệ, không làm bộ làm tịch. Đó

là Kiều Phong tự tử ngoài Nhạn Môn quan để mưu cầu hòa bình cho trăm họ Tống-Liêu. Đó là tiểu anh hùng Hồ Phỉ (Phi hồ ngoại truyện) tìm ra kẻ thủ giết cha mà vẫn không xuống tay hạ sát. Đó là Quách Tĩnh (Xạ điêu anh hùng truyện) liều chết để giữ thành Tương Dương, là Thạch Phá Thiên chỉ biết sống thuần phác khôn hề hại ai... Họ chính là mẫu "người hùng" lý tưởng theo nhận thức đạo đức Trung Hoa.

Chúng ta không nắm rõ lắm về thân thế Kim Dung. Nhưng truyện của ông thường danh tình cảm cho những con người xuất thân rất tầm thường, những đứa bé mồ côi không cha mẹ hoặc không biết ai là cha mẹ. Lệnh Hồ Xung, Hồ Phỉ, Thạch Phá Thiên, Trương Vô Kỵ, Dương Qua...là những chàng trai, những cậu bé như vậy. Đời đã dạy họ cách sống và vốn sống. Và họ đã thành người, những con người rất trung thực, đạo đức.

Kim Dung đặt tên cho những nhân vật mình rất hay. Có những nhân vật mà cái tên biểu hiện đầy đủ tính cách của mình: Nhậm Ngã Hành (chỉ làm theo ý mình), Nhạc Bất Quần (không chơi với ai) nhưng lại có rất nhiều bạn bè. Thông thường, trước mỗi tên nhân vật, tác giả đặt cho một ngoại hiệu. Điều thú vị là loại nhân vật càng xoàng xĩnh thì ngoại hiệu càng "kêu": Đoạn ngạc tam quyền, Đoạt mệnh tam quền, Nhất kiếm chấn Thiên Nam...Nhân vật có ngoại hiệu dài nhất là Giang dương đại đạo vạn lý độc hành thái hoa dâm tặc khoái đao Điền Bá Quang (tướng cướp đường sông biển, tên dâm tặc chuyên hãm hiếp phụ nữ, ngàn dặm đi một mình, đánh đao rất nhanh) và Đả biến thiên hạ vô địch thủ kim diện Phật Miêu Nhân Phượng (đánh khắp thiên hạ không ai địch nổi, Phật mặt vàng). Có ngoại hiệu làm cho người đọc nhận lầm là 3 nhân vậtt khác nhau như Côn Lôn tam thánh Hà Túc Đạo (Ỷ thiên Đồ long ký). Thực sự, "tam thánh" là lời người đời xưng tụng Hà Túc Đạo cầm thánh, kỳ thánh, kiếm thánh chứ không phải là "3 ông thánh". Có những nhân vật thoạt đọc ngoại hiệu cứ tưởng là một người hoá ra 2 như Hoàng Hà

Lão Tổ (Lão Đầu Tử và Tổ Thiên Thu sống trên sông Hoàng Hà - Tiếu ngạo giang hồ). Những nhân vật chính, siêu việt thường không có ngoại hiệu hoặc ngoại hiệu rất ngắn : Kiều Phong, Hư Trúc, Đoàn Dự, Bắc cái Hồng Thất... Ngay cách đặt tên nhân vật cũng đã nói lên tài năng của Kim Dung. Đây cũng là chỗ giúp người đọc phân biệt truyệt thật của Kim Dung và những nguỵ tác.

Truyện của Kim Dung thường có những nhân vật quái dị, mỗi nhân vật mang một phong cách riêng, không giống ai. Đó là Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh (Tiếu ngạo giang hồ), chưởng môn phái Hành Sơn, vẫn ăn mặc rách rưới, giấu thanh kiếmỏng như lá lúa trong cây đàn; là Đoàn Dự, Du Thản Chi (Thiên Long bát bộ) suốt đời si tình, chạy theo nhan sắc; là Vi Tiểu Bảo (Lộc Đỉnh ký) lưu manh nhưng chẳng bao giờ cần che giấu tính lưu manh... Loại nhân vật này tiêu biểu cho quan điểm "hoà nhi bất đồng" (có hòa mình vẫn không giống được) của Nho giáo. Những nhân vật của ông sống với cả tính cách, đặc điểm của mình. Họ có thể sống rất tố, cũng có thể rất xấu những mỗi con người như vậy - dù chỉ xuất hiện trong một đoạn ngắn ngủi - vẫn để lại những ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Điều ấy đã bao nhiều nhà văn làm được.

Kim Dung sử dụng phong cách xây dựng nhân vật như một cách đánh lừa độc giả và gây cho độc giả sự thú vị khi được "bị lừa" như vậy. Mở đầu Tiếu ngạo giang hồ là hình ảnh tốt đẹp của Lâm Bình Chi. Sau đó, Lâm Bình Chi bị lâm nạn nhà tan, người chết, phải lưu lạc tha hương. Ai cũng nghĩ Lâm Bình Chi là nhân vật trung tâm, con người chính nân quân tử. Nhưng không! Đọc hết bộ sách chúng ta mới thấy cái rởm đời của Lâm Bình Chi, cái chân thật của Lệnh Hồ Xung. Hạnh phúc thuộc về những con người chân thật. Đọc Hiệp khách hành, ta cứ ngỡ Thạch Phá Thiên là một tên tiểu ma đầu tàn bạo, dâm ác, lừa lọc. Nhưng không, cậu chỉ có một cái tội: giống hệt người

anh ruột tàn ác, dâm đãng Thạch Trung Ngọc. Chỉ có đôi mắt trẻ thơ của A Tú mới nhìn ra được chỗ khác biệt tốt đẹp đó, điều mà tất cả mọi người lớn không nhìn ra. Và cuối cùng, Thách Phá Thiên đã tìm ra được pho võ công thượng thặng ẩn trong bài thơ Hiệp khách hành của Thi tiên Lý Bạch, không phải do nghiên cứu được ý nghĩa của bài hành, mà nhờ chỉ nhìn nét viết (vì cậu không biết chữ). Kim Dung muốn chứng mình một điều: cái chân thật, cái dốt nát vẫn thắng được cái cơ tâm, cái hiểu biết rộng rãi nhất. Ai không thú vị với những định đề như vậy?

Sẽ rất thiếu sót nếu như chúng ta bỏ quên những nhân vật nữ trong tác phẩm Kim Dung. Tuy mang danh là truyện võ hiệp nhưhng tác phẩm Kim Dung thực chất là những tiểu thuyết về tình yêu đôi lứa. Các nhân vật nữ của ông xuất thân trong xã hội phong kiến nhưng sống và yêu rất lãng mạn - tất nhiên trong sự cho phép của lễ giáo Trung Hoa. Đó là nhưng con người biết yêu say đắm và biết xả thân vì người yêu: Nhậm Doanh Doanh - Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ), Triệu Mẫn – Trương Vô Kỵ (Ỷ thiên Đồ long ký), Viên Tử Y - Hồ Phỉ (Lãnh nguyệt bảo đao), A Tú - Thạch Phá Thiên (Hiệp khách hành), A Châu - Kiều Phong (Thiên Long bát bộ). Tuy nhiên trong mọi tình huống, họ vẫn giữ được tiết sạch giá trong của người phụ nữ phương Đông.

Nói như vậy, không có nghĩa là Kim Dung vẫn giữ nhân vật nữ của mình bo bo trong vòng tư duy cổ điển của lễ giáo Trung Hoa. Không, ông đã tạo ra những tình huống có vấn đề: Kỷ Hiểu Phù đã hứa hôn với Hân Lợi Hanh nhưng lại thất thân với Dương Tiêu, sinh ra đứa con gái và đặt tên là Bất Hối (không hối hận) (Ỷ thiên Đồ long ký). Tiểu Long Nữ là sư phụ, đã bị kẻ khác cưỡng dâm nnhưng vẫn yêu say đắm đồ đệ của mình là Dương Qua (Thiền điêu hiệp lữ). Những nhân vật nữ của ông biết đánh kiếm, đánh chưởng, ám khí, ghen tuông, giận hờn, đau xót vì chia ly. Họ có một vẻ đẹp

riêng từ ngoại hình đến tâm hồn, rất lý tưởng, nhưng cũng rất thật.
Cũng có thể nói Kim Dung là nhà văn lớn phương Đông thế kỷ XX. Về mặt trước tác, tác phẩm của ông đồ sộ hơn bất cứ nhà văn nào khác. Bút pháp của ông lôi cuốn, hấp dẫn người đọc một cách lạ lùng. Và hệ thống kiến thức của ông từ y học đấn địa lý, lịch sử, võ thuật, tâm lý, bệnh học, tôn giáo... hoàn chỉnh một cách vô song. Tiếc thay một nhà văn như vậy là chưa có tên trong những nhà văn được nhận giải Nobel văn học. Nhưng dù gì đi nữa, những nhà văn khác cũng đã học tập được từ Kim Dung nhiều kinh nghiệm tiểu thuyết. Ông xứng đáng là nhà văn bậc thầy của những bậc thầy trong thế kỷ chúng ta.

Võ công
VÕ CÔNG TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Các nhân vật trong tác phẩm của Kim Dung hợp lại thành một giới - giới võ lâm – và đương nhiên, sinh hoạt của họ là sự thể hiện võ công để giết người, mưu đồ địa vị quyền lực; võ công để cứu người, trừ gian diệt bạo, biểu dương cái lẽ công bằng ở đời. Nói đến những nhân vật của Kim Dung, không thể không nói đến võ công.

Một cách khái quát, Kim Dung đã đặt vào cho những nhân vật của mình những loại hình võ công (hay công phu, kungfu) mà họ cần phải có. Các loại hình võ công bao gồm chưởng pháp (phép đánh bằng tay), quyền pháp (phép đánh bằng nắm tay), chỉ pháp (phép đánh bằng ngón tay), cầm nã thủ pháp (phép đánh bằng câu, bắt, móc, giật) trảo pháp (phép chụp bằng ngón tay), cước pháp (phép đá), bộ pháp (phép di chuyển), khinh công (phép đi nhanh). Nếu các nhân vật của ông chuyên sử dụng vũ khí thì mỗi loại vũ khí được kết hợp với một pháp để hình thành võ công riêng cho họ (đao pháp, thương pháp, kiếm pháp, trượng pháp, côn pháp... Đối với một số nhân vật đặc biệt, Kim Dung đã tạo ra cho họ những thứ võ công đặc biệt: thần công Sư tử hống (tiếng rống của sư tử) của Tạ Tốn (Ỷ thiên Đồ long ký), Hấp tinh đại pháp (phép hút kình lực và công lực kẻ khác làm công lực và kình lực của mình) của Nhậm Ngã Hành (Tiếu ngạo giang hồ), Nhiếp hồn đại pháp (phép thôi miên) của Đinh Xuân Thu (Thiên Long bát bộ)...

Kim Dung tạo ra cho nhân vật của mình những hoàn cảnh, những tình huống để họ thủ đắc võ công. Có những nhân vật không chịu học võ, suốt ngày chỉ lo học sách thành hiền, học kinh Phật như vương tử Đại Lý Đoàn Dự hay như nhà sư trẻ Hư Trúc cùng bị đẩy đưa vào hoàn cảnh phải học võ công để tự cứu mình và cứu người, trở thành bậc thượng thừa. Có kẻ say mê võ công, đi tìm suốt đời mà chẳng thấy. Con đường mà Kim Dung dẫn dắt những nhân vật trung tâm của mình đến với các thứ võ công không khỏi khiến cho người đọc cười thầm.

Nhân vật của Kim Dung thể hiện võ công qua kình lực. Đứng trên quan điểm triết học Trung Hoa, ông chia kình lực ra làm hai loại: dương cương và

âm nhu. Dương cương là loại kình lực mãnh liệt, khi xuất chiêu phát ra tiếng động. Âm nhu là kình lực mềm mại, khi xuất chiêu không phát ra tiếng động. Hai loại kình lực đó loại nào cũng có thể giết người, làm tan bia vỡ đá! Ông lấy Nhu chế Cương, lấy Cương chế Nhu. Kẻ thắng cuộc là kẻ có công lực cao hơn. Căn cứ vào võ học Trung Hoa, Kim Dung để cho các nhân vật của mình thi triển võ công theo hai cách: trực tiếp và gián tiếp. trong cách đánh trực tiếp; chưởng, trảo, chỉ, quyền... phải đụng đến người địch thủ. trong cách đánh gián tiếp; chưởng, trảo, chỉ, quyền... không đụng đến người địch thủ, Kim Dung gọi đó là cách không. Cách không điểm huyệt chỉ pháp của Kiều Phong, Lục mạch thần kiếm của Đoàn Dự, Thất thương quyền của Tạ Tốn... đều có cái khả năng cách không này. Đặc biệt Kim Dung có đề cập đến Cách sơn đả ngưu thần công (thần công đánh con trâu cách trái núi). Trong Thiên Long bát bộ, ông đã để cho quốc sư nước Thổ Phồn dùng Tiểu Tu ni chưởng đánh vào đỉnh đồng bên này, đỉnh đồng không phát ra tiếng động và vẫn lành lặn nhưng phía bên kia lại lủng. Cách diễn tả như vậy nghe hơi phi khoa học nhưng lại làm thoả mãn trí tưởng tượng vốn phong phú của con người.

Kim Dung đặt tên cho các loại võ công rất độc đáo và riêng trong khía cạnh này, ông cũng đã tự chứng mình được trình độ viết tiểu thuyết của mình. Một là – võ công thường gắn liều với nguồn gốc xuất thân. Thí dụ các nhà sư xuất thân từ phái Thiếu Lâm thì phải biết sử La Hán quyền, Niêm hoa chỉ, Thiếu Lâm trường quyền, Di Đà chưởng, Giáng ma trượng... Ai xuất thân từ đạo gia Võ Đang thì có Thái cực quyền, Võ Đang miên chưởng. Hư Trúc học được võ công của phái Thiên Sơn thì võ công đó được gọi là Thiên Sơn lục dương chưởng, Thiên Sơn lục dương chỉ, Thiên Sơn chiết mai thủ... Hai là – tên của võ công thường gắn liền với những chiêu thức, đòn thế của môn võ công ấy. trong tinh thần này, người đọc tìm thấy Hàng long thập bát chưởng (18 chưởng hạ rồng), Liên hoàn thập tam cước (13 thế đá liền nhau), Độc Cô cửu kiếm (9 thế kiếm của Độc Cô Cầu Bại). Ba là – tên của môn võ công thường gắn liền với sinh hoạt, đặc điểm của động vật. Trong tinh thần này, ta thường gặp trong tác phẩm của Kim Dung những Xà quyền (rắn), Đại Thánh quyền (khỉ), Áp hình công (vịt), Hàm mô công (ếch), Ưng trảo công (chim ưng), Kê trảo công (gà). Ngay cả đến con rồng - một động vật trong linh thoại cổ Trung Hoa – cũng có công phu: Long trảo công. Bốn là – tên của võ công gắn liền với tính chất, hậu quả khi sử dụng võ công đó. Trong tinh thần này, ta thường gặp Tam tiếu tiêu dao tán (thuốc bột làm người ta cười 3 lần trước khi chết), Thất thương quyền (loại quyền pháp muốn luyện được phải bị 7 thứ nội thương trong phủ tạng), Hoá thi phấn (loại thuốc bột làm tan xác chết ra nước)...

Kim Dung có một bề dày kiến thức về y học cổ Trung Hoa. Một cố nhân vật của ông trường vừa giỏi võ công, vừa tinh thâm y thuật, phối hợp y thuật với võ công hoặc để cứu người, hoặc để chế ngự người. Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta bắt gặp nhân vật Sát nhân danh y bình Nhứt Chỉ, cứu người chỉ cần một ngón tay và giết người cũng chỉ cần một ngón tay. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, ta gặp Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và sau đó là Trương Vô Kỵ, giỏi về chữa thương, phục hồi kỳ kinh bát mạch. Thuốc độc và phóng độc cũng là một loại võ công. Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta gặp Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam. Trong Phi hồ ngoại truyện, ta gặp Độc thủ dược vương chuyên đánh thuốc độc.

Cũng theo Kim Dung, âm nhạc cũng là một dạng võ công có thể chế ngự địch thủ. Một số nhân vật của ông như Côn Lôn tam thánh Hà Túc Đạo (Ỷ thiên Đồ long ký), Cầm điên Khang Quảng Lăng (Thiên Long bát bộ), Nhậm Doanh Doanh và Lưu Chính Phong (Tiếu ngạo giang hồ)... đã dùng tiếng đàn, tiếng sáo, hoặc để chữa thương, hoặc để khắc chế địch thủ. Đoạn cảm động nhất là đoạn Doanh Doanh đàn khúc Thanh tâm phổ thiện trú để xoa dịu thần kinh cho Lệnh Hồ Xung khi chàng trai này bị trọng thương.

Viết về võ công nên kiến thức võ học của Kim Dung rất uyên bác. Ông Yên Thị Đồ Cẩu Khách trên tờ Tân Họa báo cho biết rằng Kim Dung thường tham khảo ý kiến của các võ sư về đòn thế, về cách xuất chiêu, nhả kình lực của từng thế võ. Ông dung hợp võ công với y học Trung Hoa, tạo cho người đọc sự thú vị tuyệt vời, điều mà những tác giả truyện võ hiệp khác chưa làm được. Đặc biệt, khi viết về những võ công của các bang hội, giáo phái khác ngoài lãnh thổ Trung Quốc, kiến thức võ học của ông đã được thực hiện rất tinh tường. Đại thi hào Ba Tư Omar Khayan đã ghi nhận võ công Bái hỏa giáo (Minh giáo) Ba Tư được ghi lại trên 8 tấm thẻ Thánh hỏa lệnh và tâm pháp thì được ghi lại trên những tấm da dê. Kim Dung nghiên cứu đoạn kinh mở đầu của Bái hỏa giáo Ba Tư, đã dung hợp ý kiến của Omar Khayan để xây dựng nên những đoạn mô tả về sinh hoạt của Minh giáo Trung Hoa (Ỷ thiên Đồ long ký).

Một điều cần chú ý là Kim Dung không lạm dụng khuynh hướng đa sát trong tiểu thuyết võ hiệp, điều mà ta thường gặp trong các loại phim cao bồi Viễn Tây (Mỹ) và phim chưởng Hongkong cũng như ở một số tiểu thuyết gia khác viết truyện võ hiệp. Trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung có mô tả 2 trận đa sát: một là đoạn Kiều Phong bị quần hùng Trung Nguyên vây hãm ở Tụ hiền trang (Thiên Long bát bộ), hai là đoạn phái Tung Sơn bịt mặt giả

làm người của Ma giáo vây hãm phái Hằng Sơn ở Long Tuyền (Tiếu ngạo giang hồ). Chữ Nhân của đạo Khổng đã được ông tôn trọng một cách hết sức nghiêm túc đúng như quan niệm của Khổng Tử: "Nhân giả nhân dã" (Đạo nhân là đạo của con người vây). Đọc văn của ông, người ta chỉ thấy cái thiện chế ngự cái ác, cái chính nghĩa thắng cái gian tà và tinh thần nhân đạo được đề cao triệt để. Những nhân vật bình thường nhất cũng biết tha thứ cho kẻ thù, cũng nói được "Oán thù nên giải chứ không nên kết" hoặc "Hồi đầu thị ngạn" (Quay đầu là bờ)... Và họ đã tha thứ cho nhau. Những nhân vật ma đầu, đầy mình tội lỗi như Đinh Xuân Thu, Du Thản Chi, Lâm Bình Chi, Thạch Trung Ngọc,... cuối cùng rồi cũng chỉ bị phế võ công, đưa cho những người nhân hậu quản chế để khỏi đi gieo rắc cái ác. Không có ai bị giết, bị hành hạ, bị trả thù đau đớn.

Tất cả nỗ lực của Kim Dung nhằm mình họa một nguyên tắc lớn: chữ Võ không bằng chữ Hiệp. Các nhân vật chính phái của ông hành hiệp cứu đời, xả thân vì cuộc sống, cứu vớt kẻ trầm luân, đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ hòa bình hạnh phúc cho trăm họ. Họ không mưu cầu lợi danh, địa vị cho riêng mình. Đoạn tiêu biểu nhất cho cái Hiệp trong tác phẩm Kim Dung là đoạn Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo, chỉ huy các lực lượng kháng Nguyên, bị một thuộc tướng của mình là Chu Nguyên Chương đánh thuốc mê và bắt giam. Chu Nguyên Chương có tham vọng lên ngôi thống lãnh. Trương Vô Kỵ có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với một ngón tay, nhưng đã không làm điều đó. Anh đã lặng lẽ bỏ ra đi để được suốt đời ngồi vẽ lông mày cho người yêu là Triệu Minh. Chu Nguyên Chương kháng chiến chống quân Nguyên thành công lên ngôi cửu ngũ, mở ra nhà Minh, truyền được 263 năm (1380-1643).

Cái mà người ta tìm được trong tác phẩm Kim Dung chính là lòng nhân ái. Lòng nhân ái đó đặt trên cơ sở của tư tưởng Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo phương Đông. Trong khi các nhân vật của ông sử dụng võ công để đánh nhau, họ vẫn tôn trọng lòng nhân ái mà "hạ thủ lưu tình" (xuống tay nhưng vẫn giữ được tình người). Hai kẻ thù đánh nhau, đến khi chia tay vẫn có thể nói được lời từ biệt: "Non xanh trơ đó, nước biếc còn đây, còn ngày gặp gỡ." Chiêu thức nào có tên gọi độc ác quá, được đổi tên ngay: Thế Lưỡng bại câu thương (đôi bên cùng chết) của phái Võ Đang được đổi tên thành Thiên địa đồng thọ (đất trời cùng tồn tại) và được khuyến khích không đem ra sử dụng. Võ công làm nên tiểu thuyết võ hiệp nhưng không quyết định nội dung tiểu thuyết võ hiệp. Cái quyết định chính là chữ Hiệp, đứng sau chữ Võ.

Rượu
RƯỢU TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

C ũng như nhiều dân tộc khác ở vào vùng khí hậu lạnh, dân tộc trung Hoa thường thích rượu. Khái niệm rượu đã được người xưa kết hợp với khái niệm lễ, không có rượu không thành lễ nghi (vô tửu bất thành lễ). Rược là thức uống kích thích niềm sảng khoái, được dùng trong y dược Trung Hoa như một chất xúc tác. Thời Tam Hoàng, Ngũ Đế đã có những bài thuốc ngâm rượu, những cách xông hơi rượu ra đời. Trong những tác phẩm võ hiệp tiêu biểu của Kim Dung, rượu luôn luôn có mặt, dàn trải khắp cả câu chuyện.

Chắc hẳn những bạn đọc tác phẩm Kim Dung đều đồng ý rằng đoạn tửu luận của Tổ Thiên Thu trong Tiếu ngạo giang hồ là đoạn gây sảng khoái nhất. Với đoạn văn này, Kim Dung đã nâng nghệ thuật uống rượu lên thành một thứ đạo: tửu đạo - và với cách diễn đạt tài tình, dàn cảnh oái ăm, Kim Dung đã thực sự cuốn hút người đọc. Tổ Thiên thu biết được Lệnh Hồ Xung, người yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, đang bị bệnh mất hết công lực. Anh ta bèn ăn cắp Tục mệnh bát hoàn (8 viên thuốc duy trì mạng sống) của một người bạn thân là Lão Đầu Tử, hòa vào rượu để dẫn dụ cho Lệnh Hồ Xung uống. Nguyên Lão Đầu Tử đã bỏ ra 18 năm để ăn cắp những kỳ trân, dược vật trên thế gian, chế ra 8 hoàn thuốc thuần âm, chữa trị chứng "Tiên thiên bất túc" (một dạng suy dinh dưỡng) cho con gái mình là Tiểu Di. Trong khi đó, bệnh của Lệnh Hồ Xung thuộc trạng thái khí âm hàn. Cho nên, đem thuốc thuần âm cho kẻ dư khí âm hàn uống khác nào sông Trường Giang nước đã đầy, lại được tháo nước hồ Bàn Dương, hồ Động Đình đưa vào cho nước thêm đầy lên, hóa ra càng thêm hại.

Tổ Thiên Thu biết Lệnh Hồ Xung là người khảng khái, không chịu uống thuốc ăn cắp nên y bày đặt ra chuyện tửu luận, kích thích tinh thần Lệnh Hồ Xung. Theo y, bậc danh sĩ phải biết uống từng thứ rượu với từng thứ chung riêng: rượu Bồ đào uống chung Dạ quang; rượu Trúc diệp thanh phải uống chén Dương chi bạch ngọc mà phải Dương chi bạch ngọc đời Bắc Tống; rượu trắng phải uống trong sừng trâu, lấy mùi tanh của sừng chế ngự mùi men nồng của rượu; rượu Bách thảo mỹ tửu được chế với 100 thứ hoa cỏ thơm, phải được uống với chung bằng trúc để thơm hơn...Y nói một hơi 8

thứ rượu và móc trong bọc ra 8 thứ chén, rót rượu vào mời Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung tức khí, nuốt sạch 8 chén rượu; có chén thum thủm mùi cá ươn, có chén cay sè, có chén rào rạt như ngàn dao đâm vào cổ họng...Thiện ý của Tổ Thiên Thu là cứu người, vì hắn dốt nát về y lý hóa ra làm hại người.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng nhân vật Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, là một chàng du tử lãng mạn, quý rượu hơn tính mạng mình. Đoạn buồn cười nhất là đoạn Lệnh Hồ Xung xin rượu Hầu nhi tửu của lão ăn xin dưới chân thành Hành Dương. Lệnh Hồ Xung chỉ xin uống một tợp và lão cũng chỉ đồng ý cho uống một tợp mà thôi. Nào ngờ, nghe hơi rượu ngon, Lệnh Hồ Xung đã vận hỗn nguyên khí công uống sạch bầu rượu. Lão ăn xin lăn đùng ra khóc vì tiếc bầu rượu. Lệnh Hồ Xung đành phải xin lỗi và mời lão vào tửu lâu, đãi lão một chầu tuý luý càn khôn.

Trong khi uống rượu, các nhân vật của Kim Dung thường thể hiện phẩm cách người đối ẩm với mình. Đoạn uống rượu đẹp nhất và khiến cho người đọc kinh ngạc nhất là đoạn Điền Bá Quang mời rượu Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung bị sư phụ phạt giam trên đỉnh Ngọc Nữ Phong để ăn năn, sám hối. Biết bạn rất nhớ rượu, Điền Bá Quang đã vượt 5000 dặm về tới kinh đô Lạc Dương, vào trong Tuý tiên lâu, hoàng cung của vua Tống, ăn cắp 2 hũ Thiệu Hưng nữ nhi hồng. Thấy trong hầm rượu của hoàng cung còn đến mấy ngàn hũ Thiệu Hưng, Điền Bá Quang phóng cước đá bể tất cả để "bọn vua quan không còn được uống thứ rượu quý này nữa", vì trên đời này "chỉ còn Điền mỗ với Lệnh Hồ huynh đệ mới xứng đáng được uống nó mà thôi". Tuy nhiên, gánh 2 hũ rượu lên Ngọc Nữ Phong là chuyện dễ, mà được đối ẩm với Lệnh Hồ Xung là chuyện cực kỳ khó vì Điền Bá Quang vốn rất sợ sư phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bất Quần. Hắn bèn nghĩ cách điệu hổ ly sơn làm Nhạc Bất Quần lầm mưu xuống núi đi tìm Điền Bá Quang. Thế là hắn ung dung lên Ngọc Nữ Phong đối ẩm với Lệnh Hồ Xung.

Nhà Nho có câu :"Bậc quân tử lấy văn kết bạn" (quân tử dĩ văn hội hữu). Kim Dung đã mượn chén rượu cho những nhân vật võ lâm của mình giao kết với nhau. Trong tình bạn hay trong tình yêu, chén rượu vẫn làm vai trò của cơ duyên hội ngộ.

Đọc Thiên Long bát bộ, ta thấy cuộc hội ngộ giữa Kiều Phong, bang chúa Cái Bang và Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý, là cuộc hội ngộ trong hương rượu nồng. Thoát ra khỏi cảnh giam cầm ở Thái Hồ, Đoàn Dự tìm đến một quán rượu ngoài thành Vô Tích thì bắt gặp :"Một đại hán mắt sáng như điện,

trạc ngoài 30, thân thể cao lớn, mặc áo vải màu tro, phục sức sơ sài, mộc mạc" đang ngồi độc ẩm. Đoàn Dự nhận định :"Đây chắc chắn là hào khách của Yên, Triệu; Giang Nam quyết không thể có nhân vật thế này". Ngoại hình Kiều Phong đã khiến Đoàn Dự kính ngưỡng, bèn mời Kiều Phong uống rượu. Kiều Phong gọi tất cả 30 cân rượu (khoảng 18 lít) và đề nghị Đoàn Dự uống bằng bát lớn. Đoàn Dự nào biết uống rượu? Cho nên uống xong bát đầu tiên, anh đã muốn gục xuống tại chỗ; Kiều Phong chỉ nhìn anh mà tủm tỉm cười. Đến đây thì Kim Dung "cứu" nhân vật của mình. Vốn Đoàn Dự đã học được tuyệt kỹ Lục mạch thần kiếm, quy khí lực vào huyệt Đan điền rồi vận công phóng kiếm khí vô hình ra 6 ngón tay. Từ kiếm khí, Kim Dung cho phép nhân vật của mình phóng ra ...kiếm tửu. Đoàn Dự nạp hết số rượu vừa uống vào huyệt Đại truy, rồi dẫn rượu đi qua các huyệt Thiên tôn, Kiên chân, Tiểu hải, Chi chính, Dưỡng lão, Dương cốc, Hậu thoát và "phóng" rượu ra nơi ngón Thiếu trạch (ngón út). Anh ta cứ gác tay trái lên vách quán rượu, uống bao nhiêu vận nội lựcphóng rượu ra bấy nhiêu khiến Kiều Phong kinh hoàng, tưởng tửu lượng chàng thư sinh cao không kể xiết! Từ cuộc đấu rượu hi hữu đó, họ nhận ra phẩm chất của nhau và kết nghĩa anh em. Cuộc đối ẩm giữa Kiều Phong và Đoàn Dự làm cho người đọc vừa sảng khoái vừa buồn cười.

Rượu nối kết tình bạn và cũng chính rượu tạo ra hào khí. Trong Thiên Long bát bộ, có đoạn nhà sư Hư Trúc, cung chủ cung Linh Thứu, bái kết Kiều Phong làm đại ca trước mặt quần hùng Trung Nguyên khi Kiều Phong đang bị quần hùng vây hãm. Từ nước Khất Đan, Kiều Phong dẫn 18 tên lính trung thành gọi là Yên Vân thập bát kỵ, mang theo 36 da dê đựng rượu quay về chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam. Nơi đây, anh bị quần hùng vây hãm. Trong cảnh nguy nan, bỗng dưng Đoàn Dự xuất hiện. Hai anh em đang bưng rượu lên uống thì một nhà sư xấu xí trong đội ngũ chùa Thiếu Lâm chạy ra: "Đại ca với tam đệ uống rượu sao không gọi ta ?". Nhà sư đó là Hư Trúc. Hư Trúc đã kết nghĩa với Đoàn Dự nhưng chưa được bái kiến Kiều Phong. Mặc dù quy luật giới tửu (cấm rượu) của chùa Thiếu Lâm rất khắt khe nhưng khi đã thấy đại ca và tam đệ uống rượu để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu, Hư Trúc cũng nổi hào khí, muốn uống rượu trước mặt quần hùng để chia sẻ với hai người anh em những hoạn nạn sẽ xảy ra.

Và quả nhiên bầu rượu nghĩa tình đó đã làm nên đại sự. Kiều Phong chế ngự được kẻ đại ác Du Thản Chi, vươn tay xách cổ Cô Tô Mộ Dung Phục như người ta xách một con gà. Đoàn Dự sử dụng 6 thế Lục mạch thần kiếm đánh cho Mộ Dung Phục thất điên bát đảo, làm phơi bày toàn bộ âm mưu đen tối của nhà Mộ Dung. Hư Trúc vận Bắc minh chân khí, biến những giọt rượu

của đại ca thành băng làm một thứ Sinh tử phù cấy vào người gã đại ác Đinh Xuân Thu, chế ngự và sanh cầm gã. Bọn Yên Vân thập bát kỵ, mỗi người một túi rượu, phanh cổ áo để lộ ra hình tượng con chó sói được xăm trên ngực của dân tộc Khất Đan, hú lên những tiếng hoang dã và ngửa cổ uống rượu, thể hiện quyết tâm cũng liều chết với chủ tướng Kiều Phong. Chưa có một đoạn nào trong tiểu thuyết cổ kim miêu tả hào khí của con người trước gian nan thử thách hay hơn đoạn của Kim Dung viết về cuộc hội ngộ của 3 anh em Kiều Phong – Hư Trúc – Đoàn Dự dưới chân núi Thiếu Thất.

Nhưng rượu trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung không chỉ uống trong lúc đoàn viên, mà còn được uống trong khi lâm biệt đầy máu và nước mắt. Như trong trận ác đấu của Kiều Phong tại Tụ hiền trang. Từ khi biết mình là người Khất Đan, Kiều Phong chỉ mong tìm về bên kia Nhạn môn quan để suốt đời săn chồn đuổi thỏ, tuyệt không dính dấp đến giới võ lâm Trung Quốc nữa. Nhưng hoàn cảnh đã bó buộc ông phải cứu lấy cô bé A Châu, và ông đã bế nàng tới Tụ hiền trang ra mắt Tiết Mộ Hoa, nhờ viên thần y này giúp đỡ. Hóa ra Kiều Phong đã tự dấn thân vào chốn hung hiểm: quần hùng Trung Nguyên đang họp nhau tại Tụ hiền Trang để bàn kế sách diệt ông, loài Liêu cẩu man rợ! Kiều Phong nhìn những kẻ đang vây hãm mình. Họ là những anh em ruột thịt của ông ngày trước ở Cái Bang, là những bạn bè tốt của ông thuộc các võ phái Trung Quốc, là những người mà ông cha bao giờ có ý niệm thù hằn, căm ghét. Nhưng cục diện ở Tụ hiền trang lúc đó là một mất một còn, là ta sống thì người chết. Kiều Phong đã đề nghị anh em Du Ký, Du Câu - chủ nhân Tụ hiền trang - cho xin mấy vò rượu lớn. Ông rót rượu ra bát lớn, mời anh em Cái bang uống trước để nói lời cuối cùng, dứt tình đoạn nghĩa. Ông uống rượu với bạn bè các môn phái mỗi người một bát. Có kẻ bưng tô rượu dứt tình với Kiều Phong mà nước mắt tuôn rơi. Rồi sau đó, Kiều Phong đại khai sát giới, tìm con đường sống riêng cho mình, chạy về bên kia ải Nhạn môn quan nghìn trùng xa cách.

Có trường hợp uống rượu tưởng như chia biệt lại hóa ra đoàn viên. Đó là trường hợp uống rượu kỳ cục của Cẩu Tạp Chủng (Thạch Phá Thiên), một thiếu niên ngây thơ, trong trắng trước hai ông anh kết nghĩa đầy mưu mô xảo quyệt là Trương Tam và Lý Tứ. Trương Tam, Lý Tứ thật ra chỉ là tên giả mạo; họ chính là hai sứ giả Thưởng Thiện và Phạt Ác của đảo Long Mộc ngoài biển Đông. Trương Tam, Lý Tứ cũng giả vờ kết nghĩa với Thạch Phá Thiên, cũng thề đồng sinh đồng tử, nhưng trong bụng hai lão chỉ muốn chàng thiếu niên này chết đi cho khuất mắt. Trương Tam có bầu rượu dương cương, Lý Tứ có bầu rượu âm nhu, mỗi lão tự uống bầu rượu của mình và lão này rất sợ bầu rượu của lão kia. Kết nghĩa xong, chàng thiếu niên Thạch

Phá Thiên đề nghị... uống rượu. Thạch Phá Thiên ngây ngô, xin được uống hai thứ rượu trong dủ hai bầu. Trương Tam, Lý Tứ cả mừng vì đinh ninh thế nào thằng nhỏ này cũng chết tươi vì hai thứ rượu xung đột nhau. Một lần nữa, Kim Dung lại "cứu" nhân vật ngây thơ, trong trắng của mình. Thạch Phá Thiên đã từng ngộ kỳ duyên, con người chàng ta dung hòa được cả hai loại chất độc dương cương và âm nhu. Cho nên uống rượu xong, chẳng những chàng trai trẻ không chết mà công lực còn tăng tiến. Trương Tam, Lý Tứ hối hận và xấu hổ vô cùng. Từ tình bạn giả trá, họ đã đổi ra tình bạn chân thành. Cẩu Tạp Chủng trở thành người em tốt của Thưởng Thiện và Phạt Ác. Đó là chương uống rượu thú vị nhất trong toàn bộ bộ truyện Hiệp khách hành.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung còn làm nên tình yêu lứa đôi, giàu chất thơ lãng mạn. Có những lứa đôi gặp gỡ lần đầu tiên qua chén rượu và tình yêu bắt nguồn từ đó. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Trương Thúy Sơn làm quen với Hân Tố Tố qua chén rượu trên con thuyền nhỏ đậu giữa lòng Thái Hồ. Trương Vô Kỵ cũng gặp gỡ và yêu quận chúa Triệu Minh qua chén rượu. Đoạn giàu chất thơ nhất của Ỷ thiên Đồ long ký là đoạn Triệu Minh nhớ Vô Kỵ, tìm lên tửu lâu và ngồi đúng vào cái bàn mà hai người đã từng ngồi đối ẩm. Thiếu vắng Vô Kỵ, cô cũng gọi bình rượu, thức ăn, hai cái chén, hai đôi đũa, hai chung rượu. Cô rót rượu ra đủ hai chung, uống một chung và nước mắt rơi. Đúng lúc đó thì Trương Vô Kỵ xuất hiện. Và họ tìm lại được hơi ấm tình yêu trong chung rượu đối ẩm.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Lệnh Hồ Xung thường đối ẩm với người yêu là Doanh Doanh. Một nhân vật khác, Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam, cũng rất say đắm Lệnh Hồ Xung. Cô mang vò rượu Ngũ độc mỹ tửu, trong đó có ngâm năm thứ trùng độc, từ Vân Nam đến Giang Nam để chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Cảm xúc tấm thịnh tình đó, Lệnh Hồ Xung đã uống rượu cho cô vui lòng. Tác giả Kim Dung đã để cho Lam Phượng Hoàng hôn Lệnh Hồ Xung trước mặt mọi người, kể cả sư phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bất Quần. Trong con mắt của Lam Phượng Hoàng, kẻ biết uống rượu của cô mới là người tốt.

Trong Thiên Long bát bộ, mỗi khi trở về Nhạn môn quan, Kiều Phong nhớ A Châu là tìm đến chung rượu giải sầu. Đoạn đẹp nhất trong mối tình hai người là đoạn Kiều Phong ngồi nghe A Châu tâm sự: "Đại ca ơi, tiểu nữ nguyện suốt đời đi theo đại ca về Nhạn môn quan săn chồn đuổi thỏ, sống cuộc đời ung dung khoái lạc". Nghe cô bé tâm sự, Kiều Phong cao hứng. Trong cái quán nghèo ngoài biên giới không có một giọt rượu, ông cũng giả

vờ nâng cái chén không lên, ngửa cổ ra như đang thực sự thưởng thức men rượu nồng.

Trong Thần điêu hiệp lữ, có cô bé Quách Tương, 16 tuổi, say mê người anh họ mình là Thần điêu đại hiệp Dương Qua. Mặc dù Dương Qua chạy theo hình bóng của sư phụ là Tiểu Long Nữ, không nghĩ đến mối tình si của Quách Tương, Quách Tương vẫn vượt ngàn dặm ra đi tìm anh. Trong túi hành trang của cô bé, luôn luôn có một bầu rượu. Cô chỉ có mỗi ước mong: cùng Dương Qua đối ẩm. Nhưng ước mong đó không bao giờ thành hiện thực. Quách Tương lên núi đi tu, trở thành sư tổ phái Nga Mi.

Những lứa đôi yêu nhau của tác phẩm Kim Dung uống rượu như ta uống cà phê. Họ gặp nhau là mời nhau chén rượu, trang trọng, cung kính. Không có ai uống rượu đến nỗi quần áo xốc xếch, ong bớm lả lơi. Chén rượu trong tình yêu của tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo tính cách đạo đức mặc dù khung cảnh uống rượu lãng mạn vô kể: uống trong quán khuya vắng người, uống trong căn phòng chỉ có hai người, giữa đêm mùa đông tuyết rơi lả tả; uống trên con thuyền nhỏ chơi vơi giữa đêm trăng trên dòng Trường Giang mông mênh.

Nhân vật Tiêu Tương Dạ Vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn trong Tiếu ngạo giang hồ luôn luôn gắn liền tâm hồn mình với chén rượu. Kim Dung mô tả Mạc Đại :"Tướng mạo tiên sinh điêu linh cổ quái, lúc nào cũng như ba phần tỉnh, bảy phần say". Mạc Đại có cây dao cầm rất cũ kỹ, trong cây dao cầm lại giắt một lưỡi kiếm mỏng như lá lúa. Tiên sinh xuất hiện dưới chân núi Hành Sơn, trong quán rượu đầy ấn tượng. Quần hùng gồm 7 gã, uống 7 chung trà, đang ngồi nghị luận rằng võ công Mạc Đại còn kém thua sư đệ mình là Lưu Chính Phong vì Lưu Chính Phong đánh ra một đường kiếm là đứt đầu 5 con chim nhạn. Lúc đang nói chuyện cao hứng thì một ông già gầy gò đi đến, nghẹo cổ nhìn các hán tử và bảo: "Các người nói thúi lắm!". Rồi bỗng dưng, các gã hán tử chỉ thấy trước mắt hoa lên một cái như có một luồng ánh sáng lấp lánh. Ông già gầy gò bỏ đi, tiếng đàn tình tang xa dần. Một cơn gió nhẹ thổi qua trên bàn rượu, 7 cái miệng chén bị cắt đứt lìa lần lượt rơi xuống mặt bàn, vỡ tan. Hóa ra kẻ lam lũ ấy là Mạc Đại tiên sinh. Ông già say ấy rút kiếm khi nào, chém 7 miệng chén khi nào, đút kiếm vào đáy cây dao cầm khi nào, không ai nhìn rõ được. Chỉ với một đường kiếm tiện đứt 7 miệng chung thì 7 đầu chim nhạn phỏng có là bao! Rõ ràng, trong đoạn này có hai thứ: một thứ trà sinh nói bậy của 7 hán tử và một thứ rượu cực kỳ tỉnh táo của Mạc Đại tiên sinh.

Rượu trong truyện võ hiệp của Kim Dung cũng biến thành một thứ võ khí. Trong Thiên Long bát bộ, bọn Dư Bà Bà của cung Linh Thứu tung bì rượu lên thành thế Mãn thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời) cho chủ nhân mình là Hư Trúc dùng Bắc minh chân khí hóa rượu thành băng, khống chế địch thủ. Rượu được dùng để pha độc được, trừng trị những anh háo sắc. Vợ của Mã Đại Nguyên là Ôn Thị tư tình với Đoàn Chính Thuần, em ruột nhà vua nước Đại Lý. Giận Chính Thuần lòng dạ lang chạ, Ôn Thị đã pha bình Mê xuân tửu dụ cho Đoàn Chính Thuần uống, rồi trói lại và bắt đầu... cắn từng miếng thịt của Đoàn Chính Thuần để trả thù. Trong Lộc Đỉnh ký, Vi Tiểu Bảo đã biết dùng Mê xuân tửu từ thuở bé. Mẹ của y là Vi Xuân Hoa, làm điếm trong thành Dương Châu đã từng pha thuốc mê vào rượu cho bọn làng chơi uống, để trấn lột tiền tài vật dụng. Đắc thủ được bài học lưu manh đó khi làm quan lớn ở Bắc Kinh, Vi Tiểu Bảo cũng pha chế những bình Mê xuân tửu để hãm hại, vu cáo những kẻ thù của mình. Từ rượu độc, Vi Tiểu Bảo nghĩ ra những trò đầu độc khác tệ hại hơn và tất nhiên mực độ lưu manh hạ cấp cao hơn.

Rượu trợ lực cho những màn tác oai, tác quái của bọn quan lại triều Thanh. Để hành hạ Trịnh Khắc Sảng, kẻ tình địch ngày trước của mình, Vi Tiểu Bảo đã cho tiền để bọn thị vệ dưới quyền uống rượu thoải mái. Uống xong, chúng kéo qua tư dinh Trịnh Khắc Sảng, đòi nợ cho "công tước" Vi Tiểu Bảo. Chúng đập phá nhà cửa, tài sản, lăng nhục Trịnh Khắc Sảng và vợ con, bắt cóc, giết người rồi vu cáo...

Đọc tác phẩm Kim Dung, ta biết được người Trung Quốc có nhiều thứ rượu danh tiếng: Thiệu Hưng Nữ nhi hồng, Thiệu Hưng Trạng nguyên hồng, Trúc diệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo tửu, Biên tái tửu, Hầu nhi tửu, Bồ đào tửu, Ngũ gia bì, Kim tước tửu... Đọc Kim Dung, ta mới biết được phong cách uống rượu của người Trung Quốc: rượu thường được hâm nóng trước khi uống, nhất là vào mùa đông. Thỉnh thoảng, trong vài tình huống đặc biệt, khi công nghiệp làm nước đá chưa ra đời, tác giả đã để cho nhân vật mình làm ra băng để uống rượu. Trong Tiếu ngạo giang hồ, có đoạn Lệnh Hồ Xung cùng Hướng Vấn Thiên tìm về Cô Mai sơn trang ở Giang Nam gặp gỡ Giang Nam tứ hữu. Để mời rượu Lệnh Hồ Xung giữa mùa hè nóng bức, Đan Thanh tiên sinh đã nhờ anh mình là Hắc Bạch Tử dùng Hàn băng chưởng hóa nước thành ra nước đá ướp lạnh rượu bồ đào Thổ Lỗ Phồn!

Đọc Kim Dung, ta mới biết được những cách uống rượu khác nhau. Đối ẩm là hai người uống, thường là tình nhân hoặc bạn hữu thân thiết. Độc ẩm là uống một mình, trong lòng đang lo nghĩ hoặc tưởng nhớ. Cộng ẩm hay Quần ẩm là một nhóm người cùng uống với nhau. Loạn ẩm là một đám đông cùng

uống. Trong Tiếu ngạo giang hồ, đoạn loạn ẩm hay nhất là đoạn bọn tà ma ngoại đạo thết tiệc Lệnh Hồ Xung để lấy lòng Thánh cô Doanh Doanh. Thương nhau, quý nhau, người ta mới tặng rượu. Quần hào Cái bang Trung Quốc, tuy là đi ăn mày, đáng lẽ chỉ xin cơm, thì người ta còn xin cả rượu nữa.

Chén rượu của Kim Dung đã làm cho những nhân vật của ông nổi tiếng. Hồng Thất Công nổi tiếng chuyên uống rượu với thịt chó. Kiều Phong nhờ rượu mới phát huy được thần oai, càng uống càng mạnh, càng tỉnh táo. Hư Trúc nhờ uống rượu phá giới mà tìm ra được cô vợ sắc nước hương trời: công chúa Văn Nghi của nước Tây Hạ. Thạch Phá Thiên nhờ uống hai thứ rượu độc mà hóa giải được sự xung đột của âm dương nhị khí, đạt đến mức thượng thừa trong võ học... ở chừng mực nào đó, Kim Dung đã nghĩ đến câu cổ thi:

Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh
(Xưa nay thánh hiền đều lặng lẽ
Chỉ người uống rượu mới còn danh)
(Lý Bạch)

Tác phẩm của Kim Dung tràn đầy rượu và ruợu. Trừ những nhà sư, các nhân vật của ông ít nhiều đều biết đến chén rượu. Rượu làm nên sự hưng phấn cho cuộc đấu tranh chống cái ác, biểu dương cái thiện và lẽ công bằng ở đời.

Uống rượu nhiều tất có tình trạng say rượu xảy ra. Những người say trong tác phẩm Kim Dung cũng say một cách tử tế. Trong những hội loạn ẩm, họ xai quyền thách đố nhau hoặc cãi cọ chửi bới. Duy nhất trong 12 bộ truyện, có một nhân vật say rượu phạm vào tội đại ác, trở thành một thứ tửu tặc. Nhân vật đó là Thành Khôn, sư phụ của Tạ Tốn trong Ỷ thiên Đồ long ký. Thành Khôn giả say rượu, đã làm nhục và giết hại vợ con của đồ đệ mình. Y lẻn vào chùa Thiếu Lâm làm một nhà tu giả mạo dưới pháp danh Viên Chân. Kẻ tửu tặc ấy đã bị tìm ra, bị trừng trị nhưng rồi cuối cùng cũng được tha thứ.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung khác xa với rượu ở miền Viễn Tây Mỹ trong phim cao bồi, khác xa với rượu trong các hộp đêm trên toàn thế giới và cũng khác xa với "rượu" trong các quán bia ôm. Chính vì thế, tôi mạnh dạn gọi rượu trong truyện Kim Dung là một loại rượu đạo đức. Rượu trong truyện Kim Dung thể hiện triết lý nhân sinh gần gũi cuộc sống. Nó làm nên

tình yêu, tình bạn, hận thù, sự tha thứ, mối hoài cảm, niềm hối tiếc. Qua rượu, Kim Dung hé mở cho chúng ta nhìn thấy một khoa học mới: tửu học. Với một chữ Rượu, Kim Dung đã vượt xa hơn bất kỳ nhà văn nào khác. Rượu của ông có bài bản, có tính chất triết lý tề chỉnh. Nó góp phần làm nên cái đẹp cho đời sống con người. Men rượu kết hợp với men tình, men võ khiến ta không "uống" được tác phẩm mà lòng vẫn say.

Âm nhạc
ÂM NHẠC TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Kim Dung quan niệm âm nhạc cũng như một thứ võ công, có thể giúp người ta dưỡng thương, chữa bệnh, mê hoặc và khắc chế địch thủ. Trên một đất nước Trung Hoa rộng lớn, đa chủng tộc và sắc tộc, nhiều loại hình âm nhạc đã ra đời và hình thành. Trong những tác phẩm võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành cho âm nhạc một vị trí quan trọng. Âm nhạc có ở khắp mọi nơi. Trong tác phẩm võ hiệp của ông, ta bắt gặp "cái vỏ" là sự đấu tranh của võ lâm đầy đau thương, sắt máu nhưng "cái ruột" chính là tâm hồn nghệ sĩ khoáng dật, thanh thoát...

Có những tác phẩm mà âm nhạc như một sợi chỉ xuyên suốt, trở thành cốt lõi, chi phối toàn bộ và tạo nên cái hồn cho tác phẩm. Đó là trường hợp của Tiếu ngạo giang hồ. Tác phẩm này lấy chủ đề từ một bản nhạc cầm tiêu hợp tấu giữa bạch đạo và hắc đạo, giữa chính và tà. Đó là bản nhạc hợp soạn giữa hai người nghệ sĩ, hai nhân vật võ lâm tiêu biểu: Lưu Chính Phong, sư đệ của chưởng môn phái Hành Sơn và Khúc Dương, trưởng lão của Triêu Dương thần giáo. Vốn xưa, họ là hai người đứng ở hai thái cực, hai thế lực đối nghịch với nhau, coi nhau là cừu hận. Nhưng rồi âm nhạc đã nối kết tình bạn của Lưu-Khúc lại và người này nhìn ra bản chất nghệ sĩ tài hoa của người kia. Khúc Tiếu Ngạo giang hồ ra đời như kết quả của hai tâm hồn đồng thanh, đồng điệu và đồng cảm, một khúc nhạc có khả năng hoá giải sự khác biệt giữa hắc và bạch.

Lưu Chính Phong và Khúc Dương, một cầm một tiêu, đã hoà tấu bản này đạt tới đỉnh cao nhất của âm nhạc "khoan hoà trung chính, khi mau sầm sập, khi khoan thai, chỗ trầm lắng, chỗ cao vút", tương thông tâm ý. Lưu Chính Phong ăn mừng thọ 60 tuổi, muốn rửa tay gác kiếm để tìm những tháng ngày ung dung tự tại giữa một đời đấu tranh trá ngụy. Thế nhưng, phái Tung Sơn mà lãnh tụ là Tả Lãnh Thiền đã huy động hết lực lượng của Hoa Sơn, Hằng Sơn, Thái Sơn nhằm ngăn cản hành động của Lưu Chính Phong, vu cáo rằng "Lưu Chính Phong kết bạn tà ma", buộc Lưu Chính Phong phải tìm cách giết Khúc Dương, chặt đứt mối quan hệ với Triêu Dương thần giáo. Không đồng ý với cách sống bán bạn cầu vinh, Lưu Chính Phong đã chịu một thảm kịch đau đớn: nhà tan người chết, bản thân bị trọng thương. Khúc Dương nhanh

tay cứu bạn, đưa bạn chạy về dưới núi Hành Sơn. Nơi đây, hai đại cao thủ đã hợp tấu lần sau cùng trước khi qua đời rồi trao bản nhạc cho đệ tử phái Hoa Sơn là Lệnh Hồ Xung.

Phải chăng khát vọng Tiếu Ngạo giang hồ là không bao giờ có thể thực hiện được giữa một cuộc sống đầy đua tranh, thù hận, chia rẽ và bạo lực? Cầm bản đàn của hai bậc tiền bối, Lệnh Hồ Xung phiêu bạt giang hồ, thân danh tàn tạ, bị khinh miệt, bị đánh, bị vũ nhục, bị vu cáo. Người ta cứ đinh ninh rằng đó là một loại bí lục võ công thượng thặng! Lệnh Hồ Xung gặp nàng Doanh Doanh trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, ngỏ hết nỗi đau thương của đời mình, trong đó có niềm đau về mối tình đầu tan vỡ. Doanh Doanh đã dạy cho Lệnh Hồ Xung khúc đàn Thanh tâm phổ thiện trú để duy trì mạng sống. Âm nhạc trở thành một liều thuốc chữa bệnh tâm thần, tạo nên sự hưng phấn, đem lại nguồn sống cho Lệnh Hồ Xung.

Đoạn dễ thương nhất của Tiếu ngạo giang hồ là đoạn Doanh Doanh đàn Thanh Tâm Phổ Thiện Trú ru cho Lệnh Hồ Xung ngủ. Cuối cùng, âm nhạc cũng không đủ tác dụng vực dậy một tâm hồn đau thương trong một thể xác đã suy tàn, nàng đành cõng tình lang lên chùa Thiếu Lâm, chịu bị cầm tù để tình lang được chữa trị. Kết thúc Tiếu ngạo giang hồ là một kết thúc thật đẹp. Lệnh Hồ Xung chữa được thương thế, cùng Doanh Doanh hợp tấu bản Tiếu ngạo giang hồ, sống cuộc đời thanh bình, hạnh phúc.

Tiếu ngạo giang hồ đưa ra một luận điểm triết lý sâu sắc: con người sinh ra không thể sống một mình, cũng không thể sống hai mình khi tâm ý chẳng tương thông. Khát vọng của Tiếu ngạo giang hồ chính là tình thương yêu con người đằm thắm. Sự giao hoà âm nhạc tạo nên giao hoà tình yêu và chỉ có tình yêu chân chính mới đạt đến hạnh phúc làm người.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta bắt gặp một loại hình âm nhạc khác - âm nhạc lang thang của chưởng môn phái Hành Sơn Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Với vóc dáng "điêu linh cổ quái", người chưởng môn ấy từ chối quyền lực và danh vọng, mang một cây dao cầm trong có dấu một thanh kiếm mỏng như lá lúa, vui chơi bốn biển năm hồ. Kiếm để trừ diệt kẻ ác, dao cầm để di dưỡng tâm hồn. Mạc Đại tiên sinh chính là hình tượng mà Nam Hoa Kinh của Trang Tử thường mơ ước: "Khi cao lên 9000 dặm, nương mây cỡi gió mà bay". Tiếc thay, ông ta chưa đạt được phong cách thần tiên thoát tục đó bởi cái khúc Tiêu Tương dạ vũ mà tiên sinh thường hay hát là một "bài ca buồn bã có đi mà không có lại". Tiếng hát của tiên sinh là tiếng hát lênh đênh trong ảo ảnh sương khói và suốt đời, tiên sinh chỉ là một nghệ sĩ lang

thang. Mạc Đại là nhà du ca lớn nhất trong Tiếu ngạo giang hồ và trong toàn bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, một thứ thần tiên bị đọa phải nhập thể và nhập thế. Nếu Doanh Doanh chơi nhạc thính phòng thì âm nhạc của Mạc Đại là nhạc du ca.

Nhưng Tiếu ngạo giang hồ không phải chỉ có chừng đó dạng âm nhạc. Tiếu ngạo giang hồ còn có khúc "Sơn ca Phúc Kiến" của Lâm Bình Chi mang về núi Hoa Sơn dạy cho Nhạc Linh San hát. "Chị em lên núi hái chè", câu sơn ca đó làm tan hồn nát ruột Lệnh Hồ Xung vì mỗi khi Nhạc Linh San hát lên, anh biết nàng ta đang nghĩ tới Lâm Bình Chi và phụ rẫy mối tình đầu của mình.

Tiếu ngạo giang hồ còn có một bài ca rất buồn cười mà bọn giáo chúng Triêu Dương thần giáo đồng thanh hợp ca để tâng bốc Nhậm Ngã Hành khi lão vừa chiếm lại được ngôi giáo chủ: "Thánh giáo văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thiên thu trường trị, nhất thống giang hồ. Bọn thuộc hạ đưa lời cung nghinh thánh giáo chủ thương sinh trạch bị, ơn khắp lê dân..." Nguyên cái loại "âm nhạc" này phát xuất từ thời giáo chủ Đông Phương Bất Bại. Khi Đông Phương Bất Bại trở thành "tất bại", bọn giáo chúng Triêu Dương thần giáo mới dùng nó để ca ngợi Nhậm Ngã Hành. Cả ngàn người cùng há miệng hò ca chấn động cả lỗ tai người nghe! Thứ "âm nhạc" này bị coi là nhạc sến!

Trong bộ Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã để cho âm nhạc xuất hiện trước tiên với nhân vật Côn Lôn tam thánh Hà Túc Đạo. Hà Túc Đạo tuổi ngoài 40, khuôn mặt xương xương, giỏi kiếm, giỏi cờ, giỏi đàn, được xưng tụng là tam thánh, từ Côn Lôn xuống Trung Nguyên.
Ông ta có một khúc đàn tuyệt vời, có thể sai khiến trăm chim tụ họp về nhảy múa, ca hót gọi là Không sơn điểu ngữ. Cô bé Quách Tương, 19 tuổi, đi tìm Dương Qua, đã gặp người trung niên tài hoa Hà Túc Đạo ngoài rừng chùa Thiếu Lâm, được nghe khúc Bách điểu triều phụng và tiếng muôn chim ca hót. Hình ảnh trong sáng, tươi đẹp của cô đã in ngay vào trong tâm hồn chàng nghệ sĩ trung niên.

Hôm sau, khi chiến đấu với ba cao thủ Thiếu Lâm Tây Vực trước sự chứng kiến của Quách Tương, Hà Túc Đạo chỉ dùng đến một tay, tay còn lại vận Cách không chỉ phóng vào cây dao cầm đang để dưới đất, mời Quách Tương nghe bản nhạc mình mới sáng tác tặng cô. Kiếm chưởng thì sát phạt sắt máu, tiếng đàn lại lãng mạn xuân tình, u uất thương nhớ. Cái công phu phân ý của Hà Túc Đạo quả thật hy hữu! Cô bé Quách Tương thơ ngây nghe hết cung

đàn, cảm động và đỏ mặt vì biết Hà Túc Đạo đang dùng âm nhạc tỏ tình với mình. Thế nhưng mối tình của Hà Túc Đạo cũng chẳng tới đâu. Hà Túc Đạo đánh thua sư Giác Viễn, hổ thẹn chạy về núi Côn Lôn. Quách Tương yêu Dương Qua mà tìm nhau không gặp, lên núi Nga My đi tu, mở ra phái Nga My. Âm nhạc của Hà Túc Đạo cũng "có đi mà không có lại". Nó trở thành bài biệt ca của tình yêu.

Nhưng âm nhạc hay nhất, đẹp nhất, mang giá trị nhân bản cao nhất vẫn là bài Hoả ca của giáo chúng Minh giáo (tức Bái Hoả giáo), truyền từ Ba Tư (tên cũ: Perse - thời ấy chưa gọi Iran) sang Trung Quốc. Đây là bài ca được hát trên Quang Minh Đỉnh khi quần hùng Trung Quốc bao vây quần hùng Minh giáo, vu cáo họ là tà giáo, có ý muốn đuổi tận diệt. Theo tác giả Kim Dung, bài Hoả ca lấy từ thơ của nhà thơ lớn Ba Tư Omar Khayam, có những câu được dịch thoát ra như thế này:

Đốt tàn thân xác của ta
Ngọn lửa thánh bốc cháy lên đỏ rực
Sống đã chẳng có chi là hạnh phúc
Thì chết đi nào có khổ đau gì.
Vì thiện lương, ta trừ cái ác
Nẻo quang minh cứ vậy mà đi
Hỷ, Lạc, Sầu, Bi xin gởi về cát bụi
Tội nghiệp thay người đời hoạn nạn lắm khi.

Giữa cảnh đang bị cường địch bao vây, giáo chúng Minh giáo vẫn ung dung tự tại hát lên bài Hoả ca dâng lên đức Giáo chủ Minh Tôn Di Lạc, bày tỏ tấm lòng của mình với cuộc đời và thể hiện khí phách hiên ngang trước cái chết. Trương Vô Kỵ đã nghe được bài ca đó và nhận ra rằng Minh giáo là một đạo nhân bản, rằng những lời kết án Minh giáo là bàng môn tả đạo là những lời xuyên tạc, rằng việc chống lại người Minh giáo là hành động phi nhân. Và chàng đã xả thân cứu quần hùng Minh giáo, nguyện hiến tấm thân vì trăm họ để cho giáo chúng Minh giáo được sống. Chàng được Minh giáo Trung Hoa bầu lên làm giáo chủ, huy động các lực lượng Minh giáo chống lại quân Nguyên, giành lại được giang sơn từ giống nòi di tộc.

Chu Nguyên Chương lên ngôi cũng còn biết nhớ nguồn gốc của mình xuất thân từ Minh giáo nên đặt đế hiệu là Minh Thành Tổ. Người Minh giáo mặc áo đạo bào trắng, trước ngực áo có vẽ ngọn lửa đỏ, gặp nhau chào bằng hai bàn tay chắp lại thành hình ngọn lửa. Và thánh ca của họ chính là bài Hoả ca, bài mang một giá trị nhân bản, nhân đạo tuyệt vời.

Trong Thiên Long bát bộ, âm nhạc mới phong phú làm sao. Trước hết, người ta dễ nhận ra bài ca "chiến thắng" ê a của bọn lính Khất Đan sau những cuộc "hành quân" qua thảo nguyên ngoài ải Nhạn Môn Quan. Bọn chúng bắt đàn bà, giết trẻ em, tước đoạt tài vật của những gia đình lương dân Trung Quốc. Ấy thế mà chúng vẫn hát được!

Cũng trong bộ truyện này, người đọc thật sự cảm thấy thú vị với bài ca bợ đít của bọn đệ tử phái Tinh Tú nhằm ca ngợi Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu. Mỗi khi Đinh Xuân Thu xuất hiện hay lâm trận, bọn đệ tử đồng thanh hát:

Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thổ
Oai lực vô biên
Đánh đâu thắng đó

Nhân vật Bao Bất Đồng, một thuộc hạ của Cô Tô Mộ Dung Phục đã làm cho phái Tinh Tú mắc lỡm khi cất giọng solo bài này dưới chân núi Thiếu Thất để bọn Tinh Tú "hợp ca" theo:

Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thổ
Oai lực vô biên
...Thối hơn rắm chó

Đem "rắm chó" vào trong bài ca để "hướng dẫn" bọn đề đệ Tinh Tú hát theo làm trò cười cho thiên hạ, cách phê phán thói nịnh của Kim Dung vừa bình dân, vừa bác học hết chỗ nói.

Nói đến âm nhạc trong Thiên Long bát bộ, ta không thể quên hai nhân vật quái dị trong nhóm Hàm Cốc bát hữu (tám người bạn ở Hàm Cốc) là Cầm điên Khang Quảng Lăng và Hí mê Lý Quỹ Lỗi. Cầm điên Khang Quảng Lăng đánh địch bằng cây dao cầm. Nghe tiếng đàn của lão, trái tim người ta nhảy loạn lên, đầu óc trở thành u mê, hồ đồ. Tiếng đàn của lão thoạt đông, thoạt tây; khi trên, khi dưới khiến người ta tưởng khinh công của lão xuất thần nhập hoá. Nhạc sĩ Khang Quảng Lăng này rất hồ đồ. Lão tin rằng tiếng đàn của lão có thể làm người chết sống lại: "Vậy mộ của Huyền Khổ đại sư chôn ở đâu ? Dẫn ta đến mau, ta đàn cho đại sư nghe một khúc, không chừng đại sư có thể sống lại (?)". Ngược lại với Khang Quảng Lăng, nhân vật Lý

Quý Lỗi là một con hát. Anh ta vừa đánh, vừa hát bội, thậm chí khi bị đánh gãy chân, thay vì rên la, anh ta lại mở miệng hát (!). Hai nhân vật chơi nhạc trong Hàm Cốc bát hữu là hai con người hồn nhiên như trẻ con. Họ xuất hiện rất ngắn nhưng để lại ấn tượng rất sâu trong lòng người đọc.

Trong Thiên Long bát bộ, người ta còn nghe bài ca "Xin cơm" của anh em Cái bang, một bài hát không dùng vào việc xin cơm thông thường mà để kết Đả cẩu trận, khắc chế địch nhân hung hãn.

Khi viết về âm nhạc, kiến thức âm nhạc của Kim Dung tiên sinh cũng rất tinh tường và phong phú. Trong Lộc Đỉnh ký, ông đã trích lại bài ca của danh sĩ Ngô Mai Thôn nói về Trần Viên Viên - một danh kỹ cuối Minh đầu Thanh, người tình của Lý Sấm và Bình Tây Vương Ngô Tam Quế. Trần Viên Viên được mô tả "mặt đẹp như Quan Âm", sống một cuộc đời đau thương chìm nổi đúng như định đề cổ điển của văn học "hồng nhan đa truân". Tất cả những đau thương đó đều được đúc kết thành Viên Viên khúc. Khi đi tu, Viên Viên vẫn hát khúc ca Ngô Mai Thôn viết cho mình với cây dao cầm. Ngô Tam Quế nghe được vài chục câu, Mỹ đạo vương Hồ Dật Chi nghe được dăm ba câu. Chỉ có Vi Tiểu Bảo, một kẻ chẳng hiểu âm nhạc là gì, lại có hồng phước nghe được trọn bài. Viên Viên khúc nghe thật buồn bã, đúng là một bài ca mất nước chẳng khác gì Hậu đình hoa của Lý Hậu chủ trong thơ Đỗ Mục:

Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu đình hoa
(Con hát biết đâu hờn vong quốc
Bên sông còn hát Hậu đình hoa)

Lộc Đỉnh ký còn có một loại "âm nhạc" ngộ nghĩnh khác: những bài ca nịnh bợ của bọn Thần Long giáo. Đó là những bài ca mang tính chất tự kỷ ám thị dùng trong lúc đánh nhau, đã được Kim Dung viết với một giọng văn thô thiển, phù hợp với "trình độ" của bọn giáo chúng ngu muội:

Hồng giáo chủ thần thông quảng đại
Giáo chúng ta đánh bại khắp nơi
Địch nhân thấy bóng chạy tơi bời
Cứng rắn cũng tan tành xác pháo
Hồng giáo chủ ra oai sấm sét
Chúng đô nhi sức mạnh phi thường
Ta một người trăm địch khôn đương

Địch hàng vạn trăm quân đủ thắng
Hồng giáo chủ thần kinh như điện
Chiếu nhãn quang ra khắp muôn phương....

Những bài hát như vậy mang tính kinh điển, khẩu hiệu, quê muội, tự nó đã nói lên được kiểu lừa bịp trá ngụy của những tà giáo thứ thiệt. Cái hay của Kim Dung là ông chỉ mô tả sự kiện, tường thuật vấn đề không bình luận. Nhưng thông qua sự kiện, vấn đề, người đọc nhận biết được ý đồ của ông, hiểu được ông muốn nói lên điều gì. Bài ca tập thể lạ lùng của giáo chúng Thần long giáo sau đây khiến người ta nghĩ đến "bài ca" của các tiểu tướng Hồng vệ binh ở Trung Quốc trong thời kỳ Cách mạng văn hóa:

Bảo huấn của giáo chủ
Thời khắc ghi tronglòng
Lập công và thắng địch
Trường thọ với non sông.

Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, âm nhạc xuất hiện khắp mọi nơi trên đất nước Trung Hoa rộng lớn. Trong Phi hồ ngoại truyện, ta nghe được tiếng hát vùng Sơn Đông - Triết Giang của tiểu anh hùng Hồ Phỉ. Trong Xạ điêu anh hùng truyện, ta nghe được khúc sáo ma quái, nhiếp hồn của Đông tà Hoàng Dược Sư. Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta nghe được tiếng hát của dân tộc Miêu Cương của giáo chủ Ngũ Độc giáo Vân Nam Lam Phượng Hoàng.

Trong Lộc Đỉnh ký, ta nghe được bài ca Trầm Giang hùng tráng trích từ tác phẩm dân ca Đào hoa phiến, ca ngợi cái chết anh hùng của nhà yêu nước Sử Các Bộ, người chịu hy sinh để giành lại đất nước trong bàn tay di tộc. Nhưng không phải ai cũng có thể hát được khúc Trầm Giang. Đi trên sông Liễu Giang giữa đêm mưa gió, cả mấy chục người mà chỉ có Trần Cận Nam - Tổng đường chủ của Thiên Địa hội - và Ngô Lục Kỳ - đường chủ Hồng Thuận đường của Thiên địa hội - mới đủ công lực cất lên tiếng hát át cả tiếng cuồng phong sậu vũ:

Đầy lòng phẫn nộ ngỏ cùng ai
Giọt lệ già nua dạ ái hoài
Trong chốn cô thành mong cứu viện
Tàn quân huyết chiến luống bi ai
Đoái trông cố quốc lòng đau xót
Trùng vây không nỗi vượt ra ngoài
Trường giang một dải ba ngàn dặm

Nỡ để về tay kẻ khác loài..

Và:

Non nước ngàn thu để tiếng truyền
Đau lòng huyết lệ khắp Tây Xuyên...

Trong Thiên Long bát bộ, ta nghe được tiếng hát bài ca "Hái sen ở Giang Nam" (Giang Nam khả thái liên) hoà với tiếng đàn hồ cầm thánh thót của cô gái đẹp A Bích tại Yến tử ổ, Giang Nam:

Giang Nam khả thái liên
Liên điệp hà điền điền
Ngư hý liên điệp đông
Ngư hý liên điệp tây...
(Giang Nam ta hãy hái sen
Lá sen dày khít mọc chen thành đồng
Cá đùa bên lá sen phía đông
Cá đùa bên lá sen phía tây...)

Nhưng tiếng hát đẹp nhất, mang nặng tính chất triết lý nhất là vẫn là tiếng hát của Tiểu SIêu, cô gái lai người Ba Tư. Tiểu Siêu là cô bé 16 tuổi, được mẹ là Đại Y Ty đưa vào "nằm vùng" trong Minh giáo Trung Quốc, len lỏi lên Quang Minh Đỉnh để tìm cách đánh cắp bộ thần công Đại nã di tâm pháp. Cô trở thành con hầu của giáo chủ Trương Vô Kỵ và thầm yêu trộm nhớ Trương Vô Kỵ. Nhưng cô đã tiên cảm được rằng mối tình đó không đến đâu, số phận của cô không biết sẽ trôi dạt về đâu. Nỗi u oán đó biểu hiện lên trong những khi cô hát cho giáo chủ Minh giáo Trương Vô Kỵ nghe. Lời ca nguyên là 1 trong 101 bài thơ của Nga Mạc (Omar Khayam) - thi hào Ba Tư đã được Quách Mạt Nhược dịch qua tiếng Quan Thoại. Triết lý trong lời ca là cái khát vọng cắt nghĩa cho được những vấn đề gần gũi nhất của con người: cuộc sống, tình yêu và cái chết:

Lai như lưu thủy hề thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề hà sở chung
(Chợt đến như giòng sông nước chảy
Thoắt tan như gió qua mau
Chẳng biết từ đâu mà đến
Cũng chẳng biết về nơi đâu)

Bài ca này là một bài thánh ca của Bái hỏa giáo Ba Tư và tiếng hát cuối cùng là tiếng hát của Hân Ly trong cơn mê sảng trước khi chết trên một hải đảo vùng Đông Bắc Trung Quốc.

Trong lịch sử văn minh Trung Quốc, không có biên giới giữa Thi và Ca. Trường phái thơ Đường đã dung nạp một cách tự nhiên âm nhạc vào thi ca; biến phong cách này trở thành truyền thống:

Sở thanh phong địch ly đình vãn
Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần

Hoặc:

Khương địch hà tu oán Dương liễu?
Xuân phong bất độ Ngọc môn quan

Kim Dung đã đưa âm nhạc vào tiểu thuyết đúng như truyền thống của Đường thi nhưng lãnh vực phản ánh của ông rộng hơn và mức độ phản ánh sâu sắc hơn. Âm nhạc đó hoá giải được tính chất đấu tranh gay gắt, phức tạp của bản chất truyện võ hiệp. Nó làm nên cái hồn tính lãng mạn cho tiểu thuyết võ hiệp, đem lại chất hài hước vui nhộn cho tiểu thuyết võ hiệp. Nói là âm nhạc, nhưng nó chính là võ công, là công phu, là y đạo, và đồng thời là phương thức biểu lộ tình yêu. Ngay chính trong cách dung nạp này, Kim Dung đã chứng tỏ được rằng ông là bậc thầy trong kỹ thuật viết tiểu thuyết. Đọc Kim Dung là lắng nghe chất âm nhạc trong tiểu thuyết của Kim Dung, nhờ âm nhạc, người ta thấy được niềm tin, dù trong đau thương hay trong hạnh phúc.

Hoa
HOA TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

V ăn chương tiểu thuyết, kể cả văn chương tiểu thuyết võ hiệp, luôn có những đoạn tả cảnh. Cảnh quan thiên nhiên hiện ra trong văn chương đã trở thành một thứ quy luật tất yếu, không thể thiếu được. Vả chăng, người Trung Hoa đã quan niệm "Vạn vật đồng nhất thể" mà con người cũng là một vật trong vạn vật cho nên con người không thể tự tách mình ra khỏi thiên nhiên, ra khỏi cảnh quan và môi trường sống. Văn chương tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng vậy. Con người trong tiểu thuyết của ông luôn luôn gắn liền với thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên và hoạt động với thiên nhiên.

Nhưng vượt lên trên tất cả cung cách mô tả thiên nhiên, Kim Dung đã dành cho hoa nhiều cảm tình nhất. Hoa xuất hiện trongg 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông như là biểu tượng cho bốn mùa. Hoa tiêu biểu cho chiều sâu trí tuệ và tâm hồn của người trồng hoa và chơi hoa. Hoa là sản phẩm đặc trưng của từng vùng đất mà đất Trung Hoa vô cùng rộng lớn nên hoa cũng cực kỳ phong phú về chủng loại, đặc sắc về ngoại hình. Ở một chừng mực nào đó, ta có thể thấy Kim Dung đã thể hiện kiến thức của một nhà hoa học trong những bộ tiểu thuyết của mình.

Trong Thiên Long bát bộ, theo gót chân lãng du của vương tử Đại Lý Đoàn Dự, tác giả đưa chúng ta đi về vùng Giang Nam nước Tống. Mùa xuân về trên Thái Hồ, Giang Nam, ta bắt gặp hoa sen và hoa hồng lăng khoe sắc thắm, thoang thoảng hường đưa trong gió. Rồi tác giả đưa chúng ta về Mạn Đàn sơn trang của Vương phu nhân, thưởng thức hoa trà. Đoạn lý luận về hoa trà của Đoàn Dự có thể coi là một chương hoa học kỳ thú trong Thiên Long bát bộ.

Hoa trà - tiếng Phạn là Mạn đà la – là một loài hoa nổi tiếng được trồng phổ biến khắp vùng Vân Nam. Lúc bấy giờ, Vân Nam thuộc nước Đại Lý. Hoa trà trở thành quốc hoa của Đại Lý. Vân Nam có khí hậu ấm, mứa nhiều quanh năm, dân dã bình thường cũng biết trồng hoa trà để thưởng ngoạn. Thế nhưng,Vương phu nhân là đem hoa trà từ Vân Nam (Đại Lý) về trồng ở Giang Nam (Tống) mà lại thiếu kinh nghiệm chăm sóc khiến các gọi là Mạn đà sơn trang của phu nhân dưới mắt Đàon Dự chẳng đáng một xu. Vốn ghét

tính cách tàn bạo, ngang ngược của Vương phu nhân, Đoàn Dự thẳng thừng phê phán sự dốt nát của bà khi trồng trà: "Tỷ như khóm trà hoa này chắc phu nhân cho là quý lắm? Cái lan can bên cạnh mới thực là đẹp.". Khen như vậy khác nào khen quyển sách in đẹp mà nội dung rỗng tuếch. Những kiến thức về hoa trà của Đoàn Dự khiến Vương phu nhân vừa kinh hãi, vửa thẹn thùng. Chậu hoa mà phu nhân gọi là "Ngũ sắc trà hoa" (hoa tra năm màu) thì Đoàn Dự gọi là "Lạc đệ tú tài" (tú tài thi hỏng). Đoàn Dự cho biết loại hoa trá quý nhất là "Thập bát học sĩ" (18 vị học sĩ) gồm 18 bông, màu sắc không bông nào giống bông nào (toàn hồng, toàn trắng, toàn tía...không hỗn tạp), cùng nở một lúc và cùng tàn một giờ. Sau "Thập bát học sĩ" là "Bát tiên quá hải" (8 vị tiên qua biển) chỉ có một gốc, nở ra cùng lúc 8 bông với 8 màu khác nhau. Sau "Bát tiên quá hải" là "Thất tiên nữ" (7 tiên nữ) chỉ có một gốc nở ra 7 bông. Sau "Thất tiên nữ" là "Phong trần tam hiệp" (3 hiệp khách phong trần) chỉ có 1 gốc nở ra đúng 3 bông. Rồi "Nhị Kiều" (hai nàng họ Kiều), rồi chia hạng chánh, phó... đủ kiểu chơi.

Vương phu nhân còn khen ngợi loại trà "Mãn nguyệt" (trăng tròn). Đoàn Dự bác ngay vàlý luận đó phải là loại "Ỷ lan Kiều' (nàng Kiều e thẹn dựa vào lan can). Trồng "Ỷ lan Kiều" phải chọn nơi nửa kín nửa hở để xứng với câu thơ:

E thẹn ôm đàn che nửa mặt
Ai kêu ai gọi cũng làm thinh.

Viết đến đâu, Kim Dung trích dẫn thơ ca đến đó:

Xuân câu thuỷ động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Dòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây vương trái vải hồng)

Hoặc:

Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mãn độ khai
(Quần xanh vóc ngọc như từng gặp
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)

Thật sự, Trung Quốc đã từng có tác phẩm Điền trung trà hoa ký nghiên cứu về hoa trà trong đó có đoạn: "Đại Lý trà hoa tối giáp hải nội, chủng loại thất

thập nhị, đại ư mẫu đơn. Nhất vọng nhược hỏa tề vân cẩm, thước nhật chưng hà." (Hoa trà Đại Lý đứng đầu thiên hạ, gồm 72 loại khác nhau, có loại lớn hơn cả hoa mẫu đơn, khiến ta đứng xa vẫn trông đỏ rõ một góc trời như mây gấm hoà vào cho màu trắng ban mai thêm rực rỡ). Thật ít có nhà văn nào đạt được kiến thức hoa học và vận dụng kiến thức ấy - vốn thuộc phạm vi sinh học – vào văn chương một cách nhuần nhuyễn như Kim Dung.

Đúng là Kim Dung đã đưa hoa vào tác phẩm văn chương võ hiệp của mình, dùng hình ảnh tươi đẹp của hoa để chế ngự bớt tính chất căng thẳng và đôi khi tàn nhẫn của thế giới võ hiệp. Hoa là biểu tượng cho một dạng công lực thượng thừa, Kẻ luyện nội công đến mức cao siêu nhất được gọi là "Tam hoa tụ đỉnh". Hoa được dùng để đặt tên cho các pho võ công: Niêm hoa chưởng, Niêm hoa chỉ của phái Thiếu Lâm; Thiên Sơn thiết mai thủ của phái Tiêu Dao; Lạc anh chưởng pháp của Đào hoa đảo. Hoa trở thành mệnh lệnh tấn công như khi bang chúng Cái bang hát bài Liên hoa lạc (cánh sen rơi) thì có nghĩa là họ kết Đã cẩu trận để chống lại kẻ địch, bao vây kẻ địch.

Hoa trở thành đòn thức, chiêu thế của người sử dụng võ công, và khi sử dụng, giới võ lâm phải thể hiện cho được yếu tính của đòn thức, chiêu thế mang tên hoa đó. Nhà sư Thổ Phồn Cưu Ma Trí khi đánh chiêu Niêm hoa vi tiếu trong Niêm hoa chỉ vẫn giữ được khuôn mặt tươi cười, tư thế ung dung của khái niệm niêm hoa (cánh hoa chưa nở). Nhà sư Hư Trúc sử dụng Thiên Sơn chiết mai thủ với phong cách nhẹ nhàng, khuôn mặt trầm tĩnh đúng như người đang bẻ cành mai trên núi Thiên Sơn mà kình lực có thể làm tan bia, vỡ đá. Phái Thiếu Lâm có chiêu Hoa khai kiến Phật (Hoa nở thấy Phật) bó buột đệ tử Thiếu Lâm chấp hai tay lên trước ngực, vừa hàm ý chào kính kẻ địch, vừa thể hiện đức từ bi của nhà Phật: đấu tranh là phải đấu chứ không muốn giết hại lẫn nhau. Ta bắt gặp trong tiểu thuyết Kim Dung những tên gọi Lạc hoa lưu thủy (hoa rụng nước trôi), Mãn thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời), Liên hoa phất huyệt thủ (đánh huyệt như phất hoa sen), Hồ điệp xuyên hoa (bướm len giữa khóm hoa), Thiên nữ tán hoa (tiên nữ rắc hoa)...

Hoa muôn đời là biểu tượng của người phụ nữ đẹp, là biểu tượng của cô gái trong trắng thơ ngây. Kinh Thi có câu: "Xước ước như xử nữ" (mềm mại như gái trinh) và từ "xước ước" cũng đồng thời là từ diễn tả dáng thanh lịch của ngàn hoa. Những nhân vật nữ của Kim Dung như Nhậm Doanh Doanh, Nhạc Linh San, Nghi Lâm, Lam Phượng Hoàng (Tiếu ngạo giang hồ), Hoàng Dung, Quách Tương, Tiểu Long Nữ (Thần điêu hiệp lữ), Hân Tố Tố, Triệu Minh, Chu Chỉ Nhược, Tiểu Siêu (Ỷ thiên Đồ long ký)... đều có "khuôn mặt đẹp như hoa nở, nụ cười tươi như hoa nở". Những cô gái trinh

bạch, xinh đẹp ấy được gọi là Hoàng hoa khuê nữ (cô gái trong phòng khuê dịu dáng như hoa cúc) nhưng lĩnh vực hoạt động của họ không phải là phòng khuê nữa mà là giới giang hồ.

Họ là hào khách võ lâm biết yêu hoa: Vương phu nhân yêu hoa trà, Mộc Uyển Thanh yêu hoa mai côi (hoa hồng) và con người cô cũng toát ra mùi hương tự nhiên của mai côi đến nỗi cô có ngoại hiệu là Hương Dược Xoa (Thiên Long bát bộ), Lăng Sương Hoa, con gái tri phủ Giang Lăng thành Lăng Thoái Tư yêu hoa cúc (Liên thành quyết).

Kẻ nào manh tâm chiếm đoạt trinh tiết người phụ nữ bị Kim Dung gọi là tên Thái hoa dâm tặc (tên dâm tặc chuyên hái hoa). Trong Tiếu ngạo giang hồ, có gã Giang dương đại đạo thái hoa dâm tặc vạn lý độc hành khoái đao Điền Bá Quang. Hắn gớm ghiếc đến nỗi phụ nữ nhà lành cũng bị cha mẹ cấm không được gọi đến tên. Nhà sư Bất Giới đã trừng trị tội dâm dật của hắn bằng cách điểm trọng huyệt, xuyên một cặp tụ tiễn (mũi tên nhỏ) vào bộ phận sinh dục để hắn không thể "hái hoa" được nữa. Ngoại hiệu của nhà sư là Bất Giới (không cấm cản chi hết) nhưng nhà sư buộc Điền Bá Quang phải cạo đầu làm sư, đặt lại ngoại hiệu cho hắn là Bất Khả Bất Giới (không thể không cấm). Cách trừng trị kinh khủng như vậy là nhằm bảo vệ những đời hoa!

Hoa là biểu tượng của tình yêu lứa đôi, và đặc biệt trong võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, là biểu tượng của tình yêu chung thuỷ. Thời đôi mươi, Vương phu nhân say mê Đoàn Chính Thuần, thất thân với y và sinh ra Vương Ngọc Yến. Đoàn Chính Thuần là hoàng thái đệ của Đoàn Chính Minh, vua Đại Lý; không thể cưới được Vương phu nhân. Tương tư tình lang, Vương phu nhân đem trà Đại Lý về trồng tại Giang Nam, lập nên cái gọi là Mạng đà sơn trang (Thiên Long bát bộ). Còn trong Liên thành quyết, Kim Dung đã thực sự tạo cho hoa cúc một tâm hồn riêng khi ông xây dựng mối tình Đinh Điển – Lăng Sương Hoa.

Đinh Điển luyện thành thần công Thần chiếu kinh, chỉ cần vươn tay ra chộp một cái là kẻ thù phải chết. Anh yêu tiểu thư Lăng Sương Hoa, con gái tri phủ Lăng Thoái Tư thành Giang Lăng, nên ẩn thân vào nhà tù thành Giang Lăng để ngày ngày được ngắm màu hoa cúc vàng trên cửa sổ do chính Lăng Sương Hoa chăm sóc. Lăng Sương Hoa ra sức chăm bón hoa, giữ cho hoa tươi mãi để tạ lòng người yêu. Tình yêu lặng lẽ giữa người tù và cô tiểu thư diễn ra thật nên thơ những cũng rất mạnh mẽ. Tri phủ Lăng Thoái Tư biết được điều đó; lão cố tìm mọi cách để giết Đinh Điển để chiếm đoạt bộ Liên

thành quyết - một bí lục mô tả đường đi nước bước của mộ kho báu trị giá liên thành. Lão bức tử con gái, đặt cô vào quan tài rồi tẩm thuốc độc lên vỏ quan tài, chờ Đinh Điển sa bẫy. Quản nhiên một hôm Đinh Điển nhận ra rằng chậu hoa cúc trên cửa sổ của người tình đã héo úa. biết rằng Lăng Sương Hoa đã gặp điều gì đó chẳng lành, Đinh Điển vượt ngụ, thâm nhập vào tư dinh Lăng Thoái Tu. Thấy tấm bài vị đề "Lăng Sương Hoa ái nữ chi linh vị" trên nắp quan tài, anh đau xót ông lấy quan tài khóc rống lên và lập tức bị trúng độc. Đinh Điển chết, dặn dò lại nghĩa đệ là Địch Vân phải hợp táng xương cốt của anh và Lăng Sương Hoa chung một nơi.

Lăng Sương Hoa được chôn trong nghĩa địa phía tây thành Giang Lăng còn Đinh Điển thì chết ở vùng Quan ngoại. Cuối truyện, chàng Địch Vân mang bọc xương cốt của nghĩa huynh Đinh Điển từ ngàn dặm trở lại Giang Lăng, đào mả Lăng Sương Hoa và hợp táng hai người. Anh còn mua hoa cúc, cuốc đất chung quanh mộ rồi trồng cho hai người mấy cụm với ước mong hương hồn họ nhìn thấy bóng hoa và được sống lại với tình yêu cũ. Liên thành quyết có cái buồn và chất thơ lãng mạn xuyên suốt toát ra từ bóng hoa cúc vàng - mối tình của Đinh Điển và Lăng Sương Hoa.

Người yêu hoa thì rất quý hoa, xem hoa như là bạn; còn kẻ ghét hoa thì rất giận hoa, xem hoa là thù địch. Đó là trường hợp của Vi Tiểu bào, một tiểu lưu manh bất học vô thuật, may mắn trở thành quan lớn triều Khang Hy (Lộc Đỉnh ký). Vua Khang Hy ra lệnh cho Vi Tiểu Bảo làm khâm sai đại thần, trở về quê quán thành Dương Châu xây dựng toà Trung liệt từ. Nghe đồn Vi Tiểu Bảo là một thiếu niên, tưởng gã là người có tài văn học, các quan ở Dương Châu bèn mời gã vào uống rượu ngâm thơ trong chùa Thiền Trí. Mùa ấy, hoa thược dược đang nở mà thược dược ở Dương Châu và chùa Thiền Trí là thứ hoa tươi đẹp nhất thiên hạ. Nhìn thấy thược dược tươi hơn hớn, Vi Tiểu Bảo tức muốn sôi gan. Nguyên lai, lúc mới lên chín mười tuổi, gã đã từng cùng bọn tiểu lưu manh thành Dương Châu đột nhập chùa Thiền Trí hái trộm hoa thược dược. Một nhà sư nào đó đã rượt cả bọn chạy, Vi Tiểu bảo nhỏ con, chạy chậm bị nhà sư nắm áo éo lại, tát cho một cái. "Mối thù" ấy âm ỉ mãi trong lòng gã nên khi quay về Dương Châu, thấy lại thược dược đại đóa nở phô hồng khoe tía trong chùa Thiền Trí là gã nổi nóng.

Gã đặt chuyện nói rằng vua Khang Hy đang nuôi bầy ngựa chiến và ra lệnh cho gã chặt hết thược dược trong thiên hạ để làm thức ăn cho ngựa. Nghe câu nói đó, bá quan văn võ Dương Châu và các nhà sư chùa Thiền Trí đều vỡ mật kinh tâm. Mây mắn là viên tuần phủ Dương Châu học rộng biết nhiều. Viên tuần phủ phải nịnh Vi Tiểu Bảo rằng thược dược là tượng trưng

cho người đàn ông thành đạt, công danh hiển hách; rằng Vi Tiểu Bảo về Dương Châu đúng mùa thược dược mãi khai là điều tốt lành, ngày sau ắt thăng quan tiến chức cao sang không biết bao nhiêu mà lường. Cho nên việc chặt hoa thược dược cho ngựa ăn là chuyện rất uổng. Viên tuần phủ còn ngắt một đóa hoa thược dược kình cẩn gài lên mũ của Khâm sai đại thần và chúc phúc. Quả nhiên lời nói khôn khéo đó của viên tuần phủ đã làm nguôi cơn giận của Vi Tiểu Bảo, cứu được ngàn hoa của chùan Thiền Trí và thành Dương Châu.

Kiến thức về hoa của Kim Dung thật phong phú. Loại hoa gì, tính năng ra sao, nở mùa nào, có nhiều ở địa phường nào đều được lý giải một cách cặn kẽ. Mỗi mùa hoa, mang hteo một loại chướng khí. Chướng khí là hậu quả của cây lá rụng xuống ao chằm, rồi bốc lên, tạo thành những dịch bệnh cho con người. Tháng ba âm lịch có Đào hoa chướng, tháng năm chó Lựu hoa chướng, tháng tám có Phù dung chướng. Kim Dung cho biết người Vân Nam vốn yêu hoa trà, coi hoa trà là một loài hoa quý cho nên không lấy tên hoa trà để gọi chướng khí.

Hoa làm đẹp thêm cho tác phẩm võ hiệp của Kim Dung, tạo nên chiều sâu cho tác phẩm. Hoa là nới gửi gắm tâm tình con người. Chất thơ tự có trong hoa biến thành chất thơ cho tác phẩm. Đoc Kim Dung càng nhiều lần, ta càng khám phá ra thêm nhiều vẻ đạp, cáng nhận ra làn u hương thuần nhã của hoa.

Giòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây vương trái vải hồng.

Có người nói bóng hoa trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là hình ảnh của Hạ Mộng, người tình của ông. Hạ Mộng đã xa ông như lạc hoa lưu thủy. Và tiểu thuyết của ông giàu bóng hoa, hương hoa bởi Hạ Mộng vẫn sống trong trái tim ông.

Y học
Y HỌC TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Khát vọng sống lâu, mạnh khỏe không chỉ là khát vọng riêng của người Trung Quốc mà còn là của toàn thể nhân loại. Trung Quốc là đất nước có một nền y học cổ truyền rất thâm hậu và những hoạt động y học cổ truyền của đất nước này đã hình thành khái niệm Đông y. Hơn 1.800 năm trước, danh y Hoa Đà đã có những công trình nghiên cứu y học thời danh, trong đó có nguyên tắc luyện khí công gọi là Ngũ thú khí công (hay Ngũ cầm hí), mô phỏng chiêu thức hoạt động của loài cọp, gấu, nai, khỉ và hạc (Hổ hí, Hùng hí, Lộc hí, Hầu hí, Hạc hí). Quan điểm cơ bản của Hoa Đà có thể tóm tắt là mô phỏng hoạt động của năm động vật trên, hít làm không khí thanh lương vào phổi và nạp xuống Đan điền, vận dụng vào từng bộ phận trên cơ thể, giúp con người khỏe mạnh. Võ học thấy rằng sức mạnh đó có thể dùng để chế ngự được kẻ khác. Có thể nói, truyện võ hiệp Kim Dung cũng tràn đầy kiến thức y học.

Đọc truyện võ hiệp Kim Dung, người ta thường bắt gặp hai khái niệm nội công và ngoại công. Nội công là tiềm lực, sức mạnh bên trong của hào khác giang hồ. Ngoại công là chiêu thức, quyền cước bên ngoài. Kẻ có nội công cao, theo Kim Dung mô tả, là kẻ hái một chiếc lá, bẻ một bông hoa cũng có thể sát thương địch thủ. Kẻ có ngoại công cao thì thái dương huyệt gồ cao, khi vũ lộng tay chân, gân cốt nổi lên, các khớp xương kêu răng rắc. Nội công là cái gốc, ngoại công là cái ngọn. Luôn luôn kẻ có nội công cao là kẻ hơn người.

Trong 12 bộ tiểu thuyết, có trường hợp cá biệt Kim Dung để cho ngoại công thắng nội công. Nhạc bất quần, sư phụ Lệnh Hồ Xung, chưởng môn phái Hoa Sơn theo phe Khí tông (lấy khí làm chủ). Y dạy Lệnh Hồ Xung rằng phải vận khí trước rồi mới phóng chiêu thức ra sau, mỗi chiêu thức đều có thước tấc, bộ vị nhất định. Khi Lệnh Hồ Xung tình cờ gặp thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương theo phe Kiếm tông (lấy kiếm thức làm chủ), đang ẩn cư trong hang núi Hoa Sơn thì Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung rằng chỉ cần kiếm chiêu liên miên bất tuyệt, đánh ra theo ý muốn của mình như nước chảy mây trôi là đã khắc chế được địch thủ. Lệnh Hồ Xung đã lĩnh hội được phép sử kiếm ý (ý nghĩ đến đâu, kiếm phóng ra đến đó) chứ không sử

kiếm chiêu và gọi đó là biện pháp "liệu địch tiên cơ" (ra tay, chiếm thời cơ trước kẻ địch). Và rõ ràng, phương pháp Kiếm tông đã thắng Khí tông: Lệnh Hồ Xung mất hết công lực vẫn đánh ra một chiêu, đâm mù mắt 15 kẻ địch hùng mạnh (Tiếu ngạo giang hồ).

Các khái niệm nội công, ngoại công, chiêu thức - đầu tiên là khái niệm y học chứ không phải của võ học. Trong mỗi bộ sách của mình, Kim Dung thường xây dựng một hoặc vài ba nhân vật thầy thuốc. Những thầy thuốc này được gọi rất trang trọng: danh y, thần y. Bên cạnh thứ thuốc cứu người, Kim Dung còn xây dựng những nhân vật chuyên đánh thuốc độc, đầu độc kẻ khác. Quan điểm của ông rất mới lạ: thuốc độc cũng là một dạng thuốc cần thiết phải dùng đến. Trong Tiếu ngạo giang hồ, người ta gặp Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ. Cả ngoại hiệu và tên của người này cũng rất lạ lùng: thầy thuốc nổi tiếng (danh y) nhưng cứu một người thì phải giết một người (sát nhân) và khi cứu người hay giết người, đều chỉ dùng đến một ngón tay (bình nhứt chỉ). Bên cạnh Bình Nhứt Chỉ, Tiếu ngạo giang hồ cũng có một độc vương. Đó là Lam Phượng Hoàng, cô gái người Miêu Cương, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam. Tài năng của Bình Nhứt Chỉ hay đến nỗi mới bắt mạch Lệnh Hồ Xung đã biết Lệnh Hồ Xung được uống rượu và truyền máu của bọn Ngũ độc giáo! Trong Thiên Long bát bộ, người ta gặp Thần y Tiết Mộ Hoa. Đối lập với Tiết Mộ Hoa chuyên cứu người là một tay độc vương dễ sợ chuyên đầu độc người. Đó là Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu, giáo chủ Tinh Tú phái. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, có hai danh y là Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và vợ là Vương Nạn Cô. Hai vợ chồng kình chống nhau bằng cách Hồ Thanh Ngưu chữa thương cho thân chủ ban ngày thì ban đêm, Vương Nạn Cô lén đến đầu độc cho thân chủ bệnh trở lại.

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung đã đề cập đến những phương pháp y học, biện pháp chữa bệnh lâm sáng mà ngày nay, nhân loại vẫn đang thực hiện. Trong cách truyền máu, Kim Dung đã mô tả phương pháp dùng đỉa hút máu để tiếp máu ấy qua cho người bệnh. Đó là đoạn Lam Phượng Hoàng cùng các nữ đệ tử Ngũ độc giáo tiếp máu cho Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ). Chỉ có một điều đáng tiếc là y lý của Lam Phượng Hoàng còn non nớt nên đã đem máu thuần âm của phái nữ truyền vào cho một người bệnh dư khí âm hàn như Lệnh Hồ Xung.

Truyện võ hiệp Kim Dung còn đề cập đến việc dùng thuốc. Thuốc cổ truyền Trung Hoa gồm cao (thuốc dán), đơn (hay thang, thuốc thang), huờn (hay hoàn, thuốc viên), tán (thuốc bột). Những nhân vật của Kim Dung đã dùng thuốc cứu chữa cho bệnh nhân của mình: Trương Vô Kỵ ra toa, cắt thuốc

thang cho Thường Ngộ Xuân (Ỷ thiên Đồ long ký); bọn bàng môn tả đạo ăn cắp thuốc cho Lệnh Hồ Xung lại bắt 7 vị thầy thuốc đến coi bệnh cho chàng (Tiếu ngạo giang hồ).

Truyện võ hiệp Kim Dung cũng nói nhiều đến chuyện dùng nội công chữa thương cho những người bị chấn thương vì nội công. Trong trường hợp này, nội công của người thầy thuốc phải cao hơn hoặc tương đương với nội công của người bị thương thì động tác chữa thương mới thực hiện được. Như Trương Vô Kỵ dùng Tiên thiên Cửu dương công chữa trị cho trương Tam Phong, Hân Thiên Chính và bọn quần hào trên Quang Minh Đỉnh; Bình Nhứt Chỉ vỗ Bách hội huệt truyền nội công chữa cho Đào Thực Tiên, Bất Giới hoà thượng trút công lực chữa trị cho Lệnh Hồ Xung.

Triết học Trung Hoa cổ phân biệt rất rõ khái niệm Lưỡng nghi (hai mặt Âm – Dương). Lưỡng nghi sinh Tứ tượng (Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm), Tứ tượng sinh Bát quái (Càn, Khảm, Chấn, Tốn, Cấn, Ly, Khôn, Đoài). Võ công cũng như y học trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đều triệt để dựa trên nền tảng triết học ấy. Nội công dương cương và tính năng dương cương hoàn toàn mâu thuẫn với nội công âm nhu và tính năng âm nhu. Cho nên, trong Tiếu ngạo giang hồ, Tổ Thiên Thu ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của Lão Đấu Tử dùng cho con gái là Bất Tử, bọn Lam Phượng Hoàng truyền máu của các cô gái Miêu cương để cứu chữa cho Lệnh Hồ Xung là sai nguyên tắc y học (và cả triết học nữa). Chính Bình Nhứt Chỉ khi cầm tay Lệnh Hồ Xung chẩn mạch đã khám phá ra lập tức tình trạng pha trộn âm dương trong con người Lệnh Hồ Xung. Lão lại khám phá ra thêm rằng thân chủ của mình bạc nhược tinh thần, bị tình yêu hành hạ, bị rượu làm cho con người hô héo. Lão chửi toáng lên: "Mẹ cha nó! Thật là nát bét đến năm bảy tầng. Người thật là con người chẳng ra gì". Nếu Lệnh Hồ Xung không phải là người yêu của Thánh cô Doanh Doanh, nếu không phải đích thân Doanh Doanh mời lão đến chữa thương cho Lệnh Hồ Xung thì lão đã tát cho Lệnh Hồ Xung mấy cái ra trò vì đã uống thuốc tào lao, nhận máu của bọn Lam Phượng Hoàng, mất hết nội công mà còn nát rượu và bạc nhược tinh thần vì gái!

Thế nhưng, thỉnh thoảng âm dương cũng có thể hoà hợp nau trong một con người. Đó là trường hợp của Thạch Phá Thiên (Hiệp khách hành), uống hai thứ rược âm dương của Trương Tam và Lý Tứ. truyện của Kim Dung cũng mô tả tình trạng dùng lý trí chống lại cơn khao khát tình dục. Người Trung Hoa gọi động tính giao giữa nam nữ là âm dương hoà hợp. Chính vì vậy, để phá thanh danh của hoàng gia Đại Lý, Thanh bào khách Đoàn Diên Khánh

đã buộc thế tử Đoàn Dự và Mộc Uyển Thanh (nghi là em cùng cha khác mẹ với Đoàn Dự), uống một loại thuốc kích dục cực mạnh là Âm dương hòa hợp tán. Mộc Uyển thanh không đủ công lực, cơn khát khao tình dục nổi lên nhưng Đoàn Dự vốn là người học đạo Nho, vẫn giữ được lý trí sáng suốt, không thể loạn luân với cô em gái.

Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung đã đề cập đến các động tác chấn thương chỉnh hình. Dư Đại Nham phái Võ Đang bị Kim Cương chỉ đánh gãy hết các khớp xương phải nằm thoi thóp 20 năm (Ỷ thiên Đồ long ký). Trương Vô Kỵ học được y thuật của Hồ Thanh Ngưu, xin phép Dư Đại Nham gõ vỡ hết các khớp xương để dán thuốc cao chỉnh hình trở lại. Trong truyện này cũng nói đến một ca chấn thương sọ não kỳ lạ. Tống Thanh Thư mưu phản môn phái, bị tứ sư thúc là Dư Liên Châu dùng Thái cực quyền phái Võ Đang đánh vỡ xương sọ. Trương Vô Kỵ nhận chữa bệnh cho bệnh nhân này. Anh diểm huyệt để gây mê, cạo hết tóc, ráp lại xương sọ rồi băng bó. Sau này, Thanh Thư chết vì bị Trương Tam Phong trừng trị nhưng sách võ hiệp vẫn còn để lại một ca chữa chấn thương sọ não khá thú vị.

Thế nhưng, dù y học có tài giỏi đến đâu, y thuật có thâm hậu đến đâu, người ta vẫn đầu hàng những trường hợp bệnh cấp tính, đặc biệt là bệnh vì trúng chất Kịch độc. Trong trường hợp đó, Kim Dung sử dụng biện pháp cuối cùng: chặt bỏ. Lộc Đỉnh ký có đoạn thuật chuyện bọn Lạt ma Tang Kết từ Tây Tạng xuống Trrung Quốc, truy đuổi Cửu Nạn sư thái và Vi Tiểu Bảo để lấy cho được bộ Tứ thập nhị chương kinh. Vi Tiểu Bảo chống không lại, đã nghĩ cách đầu độc Tang Kết bằng một chất Kịch độc trong Hoàng cung Thanh triều mà y vẫn thường mang theo bên người: Hoá thi phấn. Y nhúng nước cho Tứ thập nhị chương kinh ướt đi rồi rắc hóa thi phấn vào đó. Quyển kinh đã bị nhiễm độc: những ngón tay dùng để giở các tờ kinh bị ướt nhanh chóng bị nhiễm độc, cụt đi và chảy thành nước vàng. Tang Kết nhanh trí chặt bỏ cánh tay của mình mới toàn mạng sống. Trong Thiên Long bát bộ có đoạn Thần Nông bang chúa Tư Không Huyền bị rắn độc cắn, phải chặt bỏ cánh tay.

Muốn ngăn nọc độc vào tim phổi
Tráng sĩ già gan chặt cánh tay
(Kim Dung)

Truyện võ hiệp Kim Dung đề cập đến khá nhiều động tác phong tỏa huyệt đạo. Muốn phong tỏa huyệt đạo, người học võ phải hiểu toàn bộ hệ thống huyệt đạo con người, phải nhả vào huyệt đạo bao nhiêu kình lực mới đủ sức

phong tỏa. Phong tỏa huyệt đạo nhằm khắc chế một địch thủ, nhằm chữa thương cho một người, giúp người đó tránh được cảm giác đau đớn hoặc giảm cảm giác đau đớ. Phong tỏa huyệt đạo còn nhằm ngăn chặn quá trình nhiễm độc, an tĩnh và trấn định thần kinh. Những nhân vật của Kim Dung đã sử dụng thủ pháp châm cứu để phong tỏa huyệt đạo như vậy. Hồ Thanh Ngưu, Trương Vô Kỵ đã dùng gai, dùng tăm tre thay cho kim sắt, châm cứu cho bệnh bệnh nhân. Từ vị trí các huyệt đạo của y học, Kim Dung đã mô tả những đòn thế đánh vào các huyệt đạo để giải khai tình trạng bị phong tỏa, để gây những chấn thương trầm trọng cho địch thủ. Thí dụ các huyệt Đan điền, Thái Dương, Bách hội là những trọng huyệt. Đánh vào đúng những huyệt này có thể làm đối thủ chết hoặc bị thương nặng.

Tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung cũng đề cập đến động tác đả thông huyệt đạo, giúp người luyện võ thăng tiến công lực, đốt giai đoạn trong quá trình rèn luyện để đạt nhanh tới mức thượng thừa. Ông thường nói đến những nhân vật đã được đả thông hai trọng đểm Sinh Tử huyền quan, hoặc Kỳ kinh bát mạch nhưng trong trường hợp của nhà sư trẻ Hư Trúc được Vô Nhai Tử đả thông kinh mạch và truyền cho nội lực thượng thừa.

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung cũng phác thảo những ca phẫu thuật hy hữu. Đào Thực Tiên bị kiếm đâm lòi ruột được Bình Nhứt Chỉ khâu vết thương. trương Vô Kỵ trên Tuyết Sơn mổ vết thương cho con vượn già, tìm được bộ Cửu dương chân kinh. Các nhân vật của Kim Dung thường thông thạo cách băng bó, sát trừng, giữ vệ sinh cho những người bị ngoại thương.

Vượt xa những tác phẩm đương đại, Kim Dung cũng thường hay đề cập đến cách luyện độc và dùng độc bởi vì thuốc độc cũng là thuốc. Có kẻ tự nguyện luyện độc như Hân Lý (Ỷ thiên Đồ long ký) luyện môn Thiên châu tuyệt hộ thủ bằng cách cho loài nhện chúa (châu) cực độc hút máu bàn tay của mình và truyền vào đôi tay mình chất Kỵch độc của loài nhện. Với cách luyện này, nếu thành công, hơi thở của Hân Ly sẽ thơm như mùi hoa lan (?) và khi cô chộp vào địch thủ nào thì dẫu địch thủ ấy có sống được thì cũng không thể sinh con đẻ cái được nữa (tuyệt hộ).

Du Thản Chi (Thiên Long bát bộ) đã bị băng tàm trùng độc do nhà sư Tam Tỉnh mang từ Tây Vực về truyền hết chất âm hàn vào người. May mà hắn không chết vì trước đó hắn đã học... trật bộ Dịch Cân Kinh Thiếu Lâm khiến toàn bộ kinh mạch trong người bị đảo lộn. Với nội công âm hàn, hắn chỉ khẽ vỗ vào địch thủ một chiêu cũng khiến cho địch thủ lên cơn rét và biến thành nước đá (!).

Có luyện độc tất có dùng độc. Một cách dùng độc khá hy hữu nhưng cũng rất mới lạ của cung Linh Thứu là cấy Sinh tử phù vào người đối thủ. Hư trúc, dưới chân núi chùa Thiếu Lâm, đã dùng Bắc minh chân khí hoá những giọt rượu của đệ tử tạt lên không gian thành những miếng băng nhỏ, cấy vào những trọng huyệt của Đinh Xuân Thu, khắc chế lão ma đầu này phải quy thuận. Nói theo y học hiện đại, đó là phương pháp cấy một chất kháng nguyên vào người bệnh nhân và khi kháng nguyên phát tác thì bệnh nhân chỉ còn biết đến năn nỉ thầy thuốc chữa trị. Trong Lộc Đỉnh ký, những nhân vật dùng độc khá nhiều. Hải lão công dùng Hủ cốt tán (thuốc làm nát xương dần dần) bỏ vào trà cho Vi Tiểu Bảo uống. Giáo chủ Thần long giáo Hồng An Thông dùng Độc long dịch cân hoàn cho thuộc hạ uống. Giáo chủ Ma giáo Đông Phương Bất bại (Tiếu ngạo giang hồ) lại cho bọn thuộc ha uống Tam thi não thần đan. Tên thuốc thì rất hay nhưng là thuốc độc, uống vào phải trung thành (hoặc giả bộ trung thành) với người cho uống. Nếu có hành vi chống đối, tất không có thuốc giải, phải chịu nhận cái chết thảm thương.

Kim Dung cũng mô tả những thủ pháp đánh độc dược rất tinh tế, đặc biệt ở dạng thuốc bột. Thuốc bột được bôi lên quan tài (Liên thành quyết), được phủ trong khăn mặt, được hoà vào rượu, trộn vào thức ăn, được rải bay trong gió.

Côn glực là tiềm lực võ thuật của từng cá nhân, không thể đem cho người khác được. Nhưng tiểu thuyết gia Kim Dung cực kỳ lãng mạn: ông cứ cho các nhân vật của mình đem công lực cho kẻ khác. Chính vì vậy, Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Ma giáo, đã hút công lực kẻ khác bằng thủ pháp Hấp tinh đại pháp. Đào cốc lục tiên và Bất Giới hoà thượng đem công lực truyền cho Lệnh Hồ Xung. Đoàn Dự hút công lực của các đệ tử Huỳnh Mi Tăng, biến tất cả thành những người võ công tàn phế.
Cáng lãng mạn hơn nữa, Kim Dung cho phép thủ pháp xoá hẳn công lực của một người khác, tu theo một môn phái khác để truyền công lực mới vào. Đó là Vô Nhai Tử xoá hết công lực Thiếu Lâm của Hư Trúc và truyền công lực của phái Tiêu Dao vào, biến nhà sư trở thành đại biểu của phái Tiêu Dao!

Huyệt đạo trong cơ thể con người thường ở vào những vị trí cố định, ai cũng như ai. nhưng với trí tưởng tượng phong phú của Kim Dung, theo tình huống đưa đẩy câu chuyện, ông đã để cho những nhân vật cá biệt của mình luyện tập sai phương pháp; huyệt đạo không còn ở đúng chỗ cũ nữa. Đó là trường hợp của Du Thản Chi (Thiên Long bát bộ) luyện sai Dịch cân kinh Thiếu Lâm, của Âu Dương Phong (Xạ điêu anh hùng truyện) luyện sai Cửu

âm chân kinh đến nỗi xuống đời phải đi bằng tay, chúc đầu xuống đất.

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng đề cập đến những vị thuốc mà thường là thuốc quý dùng trong y học. Đọc Thiên Long bát bộ, ta thật sự xúc động khi Tiêu Phong đánh quá tay A Tử, hối hận vì hành động thiếu anh hùng của mình, đã bồng cô ra cùng Đông Bắc Trung Quốc kiếm nhân sâm, tay gấu chữa bệnh cho cô. Tác phẩm của ông cũng từng đề cập đến Linh chi thảo (cỏ linh chi) hoặc Thiên niên Tuyết liên tử (hạt sen ngàn năm trên đất tuyết) có giá trị hồi dương. Cũng trong Thiên Long bát bộ, Đoàn Dự nuốt lộn con nhái đỏ Mãng cổ chu cáp mà trở thành người có nội công đệ nhất.

Vị thuốc nằm trong toa thuốc. Tuy nhiên, có những toa thuốc mang ý nghĩa ẩn dụ một cách tuyệt vời mà các thầy lang bình thường chưa chắc khám phá được, Như toa thuốc mà Hồ Thanh Ngưu ra cho Trương Vô Kỵ: Phòng phong, Độc hoạt, Đương quy, Xuyên sơn giáp, uống vào canh ba. Cậu bé Trương Vô Kỵ 15 tuổi đọc toa thuốc này, hoàn toàn hoài nghi về cách ra toa bừa bãi với các vị thuốc phổ thông của Hồ Thanh Ngưu. Nhưng trí thông minh đã giúp cậu hiểu ra nghĩa ẩn dụ nằm trong những vị thuốc bình thường: coi chừng (Phòng phong), đi một mình (độc hoạt), quay về (Đương quy), bằng cách đi ngang qua núi (Xuyên sơn giáp). Hồ Thanh Ngưu đang lúc lâm nguy, muốn cứu Trương Vô Kỵ nên ra toa thuốc bảo chàng trốn đi vào lúc canh ba ra khỏi Hồ điệp cốc ngay!

Tôi xin nhắc sơ lược đến hai chữ "tình yêu" khá lạ lùng của Kiến Ninh công chúa (Lộc Đỉnh ký) và cặp Đông Phương Bất Bại – Dương Liên Đình (Tiếu ngạo giang hồ). Nếu nhìn dưới nhãn quan y học thì các nhân vật vừa nói ít nhiều đã bị chứng bệnh tâm thần và Kim Dung đã mô tả cho chúng ta (chứ không bình luận) về trạng thái bệnh lý của họ. Kiến Ninh công chúa, cô bé mới 14 tuổi, là một nhân vật bị chứng khổ dâm (Masochisme). Chứng khổ dâm được định nghĩa là "trạng thái mà trong đó chủ thể chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục qua sự đau đớn về thân xác" (Perversion dans laquelle le sujet recherche le plaisir sexuel dans la douleur physique – Petit Larousse). Kiến Ninh công chúa chỉ thực sự tìm thấy khoái lạc khi thái giám giả hiệu Vi Tiểu Bảo bóp cổ, đánh đập, lấy dao rạch, lấy dây quất vào người cô trước khi chăn gối. Còn Đông Phương Bất Bại đã tự thiến để luyện QUỳ hoa bảo điển (một tên gọi khác của Tịch tà kiếm phổ) nên thành ái nam ái nữ. Y chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục khi có Dương Liên Đình, một nhân vật tốt tướng đẹp trai, ăn mặc xa hoa như một nhà hao phú. Khi bị bốn cường địch là Nhận Ngã Hành, Hướng Vân Thiên, Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung bao vây, y chỉ cần chống đỡ bằng một cây kim thêu mà đã đâm Ngã Hành mù

một mắt. Phải đến lúc Doanh Doanh hành hạ Dường Liên Đình, Đông Phương Bất Bại nhìn thấy và đau đớn, mới chịu thua và chết dưới tay sát thủ của Nhậm Ngã Hành.

Võ học luôn kết hợp chặt chẽ với y học. Môn phái nào trong võ hiệp Kim Dung cũng biết dùng thuốc, chữa thương, nuôi nấng và chăm sóc người bị thương. Tất cả đều dựa trên y thuật cổ truyền của người Trung Hoa và do vậy, những điều mà Kim Dung điễn đạt đều có cơ sở khoa học. Thỉnh thoảng, trong vài bộ tiểu thuyết của ông cũng có những điều phi khoa học hoặc không được khoa học hiện đại kiểm chứng như chuện thay đổi công lực, đả thông hai huyệt Nhâm D(ốc. Người ta có thể hoài nghi các giả thuyết đó. Nhưng ai cấm được sự hư cấu, vốn là tình thần và nguyên tắc của sáng tạo tiểu thuyết? Ai cấm được nhà văn diễn đạt một cách lãng mạn, vượt ra ngoài quy luật thông thường của cuộc sống.

Một điều rõ ràng là Kim Dung chỉ viết tiểu thuyết chứ không hề viết sách nghiên cứu về y học Trung Hoa. Nhưng dù là nhà tiểu thuyết, rõ ràng ông đã nghiên cứu kỹ lĩnh vực y học của dân tộc ông để dung nạp một cách hài hoà với lĩnh vực võ học. tạo ra nhưng kiến thức y học phong phú cho tác phẩm và đem lại hứng thú cho người đọc. Kiến thức y học cũng như võ học ấy được xây dựng trên nền tảng kiến thức triết học Trung Hoa. Tất cả khởi đi với âm dương và cùng trở về trong cái lẽ huyền diệu của âm dương.

Tình yêu
TÌNH YÊU TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

T uy tên gọi là tiểu thuyết võ hiệp nhưng bản chất những tác phẩm của Kim Dung là tình yêu đôi lứa nồng thắm. Chính tình yêu đã làm nên tính cách nhân bản và khiến cho hàng tỉ người say mê tác phẩm của Kim Dung.

Một cách khái quát, Kim Dung đã xây dựng những cặp nhân vật hoặc những cụm nhân vật rồi tạo điều kiện cho họ gặp gỡ hiểu biết và yêu nhau. Ông đã rất tinh tế để cho các nhân vật chính phái yêu tà phái, bạch đạo yêu hắc đạo để tạo nên những mâu thuẫn chiều dọc xuyên suốt chiều dài của tác phẩm và những mâu thuẫn chiều sâu trong tâm hồn của từng nhân vật. Điều đặc biệt là những nhân vật nữ của ông thường rất đẹp, rất thông minh, xuất thân từ Ma giáo hoặc ít nhất cũng mang "một chút tà khí trong người". Đó là những cặp và những cụm nhân vật Lệnh Hồ Xung - Nhậm Doanh Doanh (Tiếu ngạo giang hồ), Trương Thuý Sơn – Hân Tố Tố, Trương Vô Kỵ - Triệu Minh – Chu Chỉ Nhược – Hân Ly - Tiểu Siêu (Ỷ thiên Đồ long ký); Kiều Phong – A Châu, Đoàn Dự - Vương Ngọc Yến - Mộc Uyển Thanh – Chung Linh, Du Thản Chi – A Tử, Hư Trúc – Văn Nghi công chúa (Thiên Long bát bộ), Thạch Phá Thiên – A Tú (Hiệp khách hành), Quách Tĩnh – Hoàng Dung – Hoa Tranh công chúa (Xạ điêu anh hùng truyện), Dương Qua - Tiểu Long Nữ (Thần điêu hiệp lữ)...

Những mối tình được được Kim Dung dựng lên là những mối tình thật trong sáng và do vậy, thật đẹp. Tác phẩm Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử từ đầu đời Thanh trở về trước (trước thế kỷ XVII), khi mà tư duy phong kiến và nguyên tắc lễ giáo của đạo Nho đang giữ vai trò độc tôn chi phối toàn bộ những sinh hoạt xã hội. Cho nên, những nhân vật của Kim Dung yêu trong sự cho phép của những tư duy và nguyên tắc ấy. Thế nhưng, tính chất lãng mạn - một thuộc tính không thể thiếu trong yêu đương – thì rất phong phú.

Những nhân vật của Kim Dung đã yêu theo phong cách của võ lâm. trước hết, họ đánh nhau, sau đó hiểu nhau rồi mới yêu nhau. Hân Tố Tố, một nữ ma đầu, con gái Bạch mi ưng vương, đã dùng Văn tu châm (kim râu muỗi) không chế Trương Thuý Sơn phái Võ Đang, rồi sau đó mới yêu Trương. Triệu Minh, con gái Như Nam vương triều Nguyên lưa TRương Vô Kỵ lọt

xuống hầm sâu rồi sau đó mới yêu Vô Kỵ (Ỷ thiên Đồ long ký). Mộc Uyển Thanh đã đánh cho Đoàn Dự thừa chết thiếu sống, sau đó mới nhận Đoàn Dự làm lang quân (Thiên Long bát bộ). Ở một chừng mực nào đó, các nâhn vật này vượt qua hàng rào của nghi thức phong kiến và ràng buộc giáo điều của lê giáo: họ tự quyết định tình yêu của mình và cảm thấy hạnh phúc khi được lựa chọn như vậy.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm võ hiê5p Kim Dung mang tính phấn đấu rất cao. Các nhân vật vượt lên hoàn cảnh, vượt qua những sự chống đối để bảo vệ tình yêu của mình. Trương Thúy Sơn cưới Hân Tố Tố, Trương Vô Kỵ bỏ hết sự nghiệp đi theo Triệu Minh, Nhậm Doanh Doanh lang thang qua ngàn trùng để bảo vệ Lệnh Hồ Xung, A Châu vượt ngàn dặm ra Nhạn Môn Quan để chờ đợi Kiều Phong... là những chuyện tình đẹp.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm Kim Dung luôn luôn kinh qua một quá trình hy sinh vô tận. Trương Thúy Sơn vì vợ mà tự tử khiến cho Tố Tố cũng tự vẫn để giữ gìn danh tiết, xứng đáng với chồng. Triệu Minh từ bỏ cha và anh ruột để ra đi cùng Trương Vô Kỵ. Tiểu Siêu về Ba Tư, lên ngôi Thánh nữ Minh giáo mà lòng đau như cắt, cảm thấy cuộc đời hoàn toàn vô vị vì cô chỉ muốn suốt đời hầu hạ cho Vô Kỵ thay áo, chảy đầu. Doanh Doanh cõng tình lang Lệnh Hồ Xung lên núi Thiếu Thất, chịu để phái Thiếu Lâm cầm tù mình đổi lấy lời hứa của Phương Chứng đại sư nhận chữa thương cho Lệnh Hồ Xung. Kim Dung đã thực sự biến tác phẩm võ hiệp của mình trở thành những bản tình ca tươi đẹp. Những bản tình ca ấy hoá giải được biên giới của chánh – tà, hắc - bạch, hận – thù. Chúng bành trướng cảm xúc cho người đọc khi đọc tác phẩm.

Kim Dung đã tạo ra được những nhân vật si tình kinh điển, những "giáo chủ" của đạo tình, hoặc là yêu, hoặc là chết. Vương tử Đoàn Dự suốt đời lẽo đẽo đi theo Vương Ngọc Yến chỉ để cho lúc nàng nguy nan là ghé vai cõng nàng chạy trốn. Du Thản Chi chịu bịt chiếc lồng sắt vào đầu, làm một tên Thiết Sửu giúp vui cho A Tử chỉ để được ngắm khuôn mặt thiên kiều bá mị nhưng tràn đầy ác độc của cô. Mỹ đao vương Hồ Dật Chi say mê Trân Viên Viên, hầu thiếp của Bình Tây vương Ngô Tam Quế đến nỗi chịu hóa thân thành một kẻ làm vườn, tưới rau trong mấy chục năm để được lén nhìn Trần. Truyện võ hiệp của Kim Dung đã xây dựng thành công những chàng si tình bậc nhất thiên hạ, xứng đáng đoạt huy chương vàng trong lịch sử tiểu thuyết cổ kim.

Người ta còn tìm thấy trong tác phẩm tiểu thuyết của ông những tình yêu

ngang trái, rất người, thoát ra khỏi khuôn mẫu cho phép của lễ giáo phong kiến Trung Quốc. Đó là Tiểu Long Nữ sư phụ, một cô gái trong sáng bị kẻ tà dâm cưỡng bức, yêu say mê đồ đệ Dương Qua. Đó là Kỷ Hiểu Phù, vợ chưa cưới của Hân Lợi hanh phái Võ Đang, đã thất thân và đã yêu một ma đâu của Minh giáo là Dương Tiêu. Sinh ra một đứa con gái, Hiểu Phù đã can đảm đặt tên cho con là Dương Bất Hối (không hôi hận). Đó là Hồng phu nhân, vợ của giáo chủ Thần long giáo và A Kha, một thiếu nữ mất hết trinh tiết, đã trở thành vợ của Vi Tiểu Bảo.

Tiểu Thuyết của Kim Dung cũng đặt ra những trường hợp sa đoạ tình dục hết sức quái dị. Đó là Kiến Ninh công chúa, em gái vua Khang Hy, đã sa ngã với Vi Tiểu Bảo, một gã thái giám giả mạo, từ năm 14 tuổi. Kiến Ninh chỉ muốn được Vi Tiểu Bảo trói cột, đánh đập cho vỡ da toá máu mới được thấy lạc thú của trao thân. Cá biệt, có trường hợp của Đông Phương Bất Bại, giáo chủ Ma giáo, luyện Quỳ hoa bảo điển phải "dẫn đao tự cung", trở thành kẻ ái nam ái nữ, quan hệ "yêu đương" với gã bộ hạ là Dương Liên Đình. Khi xây dựng những nhân vật, những loại "tình yêu" này, ông đã nghiên cứu rất kỹ những biểu hiện của tính cuồng dâm và đồng tính luyến ái.

Tác phẩm của Kim Dung có những đoạn nói đến tình yêu thật đẹp. Những nhân vật của ông không bao giờ thốt ra miệng chữ yêu nhưng tình yêu của họ nồng nàn trong ánh mắt, trong hành động và trong trái tim. Đó là A Châu trở về Nhạn Môn Quan chờ Kiều Phong để suốt đời "theo đại gia cùng đi săn chồn đuổi thỏ". Đó là Tiểu Siêu chia tay với Trương Vô Kỵ trên biển "về Ba Tư, đừng nói lên ngôi thánh nữ, dẫu có làm đến nữ hoàng đi nữa mà xa công tử thì cuộc đời cũng rất vô vị". Đó là Nhậm Doanh Doanh bắn tin cho giới ma đầu trên giang hồ phải giết ngay Lệnh Hồ Xung vì "ta muốn ngươi ở mãi bên ta để ta chở che, bảo vệ". Đó là Triệu Mẫn với Trương Vô Kỵ: "Lông mày thiếp đã nhạt màu rồi. Công tử kẻ lại giùm cho thiếp đi". Những lời tỏ tình mang đầy tính ẩn dụ và biểu tượng như thế khiến tác phẩm vừa sâu, vừa không dung tục.

Một điểm khác cũng đáng bàn đến là trong tác phẩm của Kim Dung vẫn có những tình yêu trá nguỵ. Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ gã ái nam ái nữ Lâm Bình Chi bởi mưu đồ chiếm pho Tịch tà kiếm phổ của Nhạc Bất Quần. Chu Chỉ Nhược đánh lừa hứa hôn với Trương Vô Kỵ để đánh cắp bộ Cửu âm chân kinh theo di huấn của sư phụ là Duyệt Tuyệt sư thái. Nhưng tuổi trẻ của Nhạc Linh San, Chu Chỉ Nhược không nghĩ ra được sự trá nguỵ ấy. Phần trá nguỵ, âm mưu thuộc về sự sắp đặt của những người lớn, người thầy, người cha.

Đọc tác phẩm của Kim Dung, người ta khám phá ra cái đẹp của tình yêu. So với những tác giả cùng thời, tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông trong sáng, lành mạnh. Thông qua tình yêu, ông giáo dục cho con người cái mỹ cảm về đạo đức. Nói rằng tác phẩm võ hiệp, thật ra chỉ là một cách nói. Chính tình yêu đã làm nên cái hồn, sự sống cho tiểu thuyết võ hiệp. Mỗi tác phẩm của ông ra đời trở thành một bức thông điệp ngọt ngào cho tình yêu lứa đôi.

Tình dục
TÌNH DỤC TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

T rong ngôn ngữ Trung Hoa, chữ Dâm (淫) được viết với bộ Thuỷ, có nghĩa là ham mê sắc dục quá độ. Dâm được coi là một cái gì đó rất tự nhiên đối với xã hội phong kiến Trung Hoa: vua được toàn quyền có nhiều phi tần, quan lại và nhà giàu có quyền cưới nhiều thê thiếp. Người phụ nữ trở thành món đồ chơi, phương tiện giải trí của người đàn ông. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung phản ánh về xã hội phong kiến Trung Hoa nhưng cái nhìn của ông đối với thói dâm đãng nói riêng và tình dục nói chung là một cái nhìn nghiêm túc và nghiêm khắc.

Tác phẩm Kim Dung xây dựng khá nhiều những nhân vật dâm đãng chuyên lợi dụng tình dục. Và ông đã dành những hình phạt nặng nề theo luật giang hồ để trừng trị những loại nhân vật đó.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, nhân vật dâm đãng là Điền Bá Quang. Hắn vừa là tên cướp, vừa là dâm tặc, khinh công rất giỏi và đao pháp rất nhanh. Hắn có ngoại hiệu đúng 14 chữ: Giang dương đại đạo, thái hoa dâm tặc, vạn lý độc hành khoái đao Điền Bá Quang. Nhà sư Bất Giới đã trừng trị hắn: xuyên tụ tiễn vào bộ phận sinh dục và buột hắn cạo đầu làm sư với pháp hiệu Bất Khả Bất Giới (không thể không cấm). Chính nhờ hình phạt đó mà Điền Bá Quang bỏ được con đường tà dâm, trở thành người tử tế. Trong Xạ điêu anh hùng truyện, nhân vật dâm đãng là Âu Dương công tử. Hắn là cháu của Tây độc Âu Dương Phong, từ Tây Vực xuống Trung Nguyên, võ công cao cường, chuyên hãm hại lương gia phụ nữ. Da mặt hắn lúc nào cũng trắng bệt! Nhưng Âu Dương công tử tà môn vẫn chưa nguy hiểm bằng Doãn Chí Bình chính phái. Doãn Chí Bình là đệ tử hàng thứ ba của phái Toàn Chân. Hắn đi ngang qua núi Chung Nam thì gặp ngay lúc Tiểu Long Nữ phái Cổ Mộ đang thoát y để luyện võ công trong Ngọc Nữ tâm kinh. Thế là hắn quên mất môn quy, điểm huyệt cô gái, lấy áo đạo bào phủ lên mặt cô và đưa cô vào bụi rậm. Tiểu Long Nữ cứ ngỡ đó là Dương Qua, người học trò thân yêu của mình. Doãn Chí Bình ăn mắm mà Dương Qua khát nước!

Kim Dung nói về những hoạt động tình dục, điều mà người ta cho là dung tục, với một bút pháp tinh tế và trang nhã. Chính vì thế mà trong lần trở về

thăm và nhận hàm Tiến sĩ danh dự Đại học Bắc Kinh - Đại nhã chi đường của trung Quốc- vào tháng 1-1995, người ta đã mạnh dạn bàn đến cái nhã, cái tục và ca ngợi Kim Dung là một nhà văn thanh nhã từ văn phong đến nội dung. Khi nói đến những hoạt động tình dục, Kim Dung không bao giờ mô tả. Ông chỉ thuật lại bằng một vài câu ngắn gọn và dành phần suy nghĩ, đánh giá tình hình cho độc giả.

Trong Liên thành quyết, Kim Dung xây dựng nhân vật Huyết đao lão tổ từ Tây Tạng xuống như một nhân vật dâm ác hạng nhất. Trong những chương đầu, cái nhìn của Kim Dung về nhân vật này rất nghiêm khắc, phản ánh quan điểm dân tộc hẹp hòi của ông đối với những con người ngoài Há tộc. Huyết đao lão tổ nhận Địch Vân làm đệ tử. Mọi người gọi Địch Vân là tiển dâm tặc. Nhưng hai thầy trò Địch Vân chẳng hề có một hành động dâm dật vơi ai, ngược lại Địch Vân còn là một chính nhân quân tử.

Nếu Huyết đạo lão tổ là tên "dâm tặc" già nhất thì trong Hiệp khách hành, Thạch Trung Ngọc là tên dâm tặc trẻ nhất. Khi được gửi lên phái Tuyết Sơn học, gã thiếu niên 15 tuổi đó đã có hành vi cưỡng bức cô bé A Tú, con của sư phục mình khiến cô bé phải nhảy xuống lũng sâu để tự bảo vệ tiết sạch giá trong. Thạch Trung Ngọc có đứa em song sinh rất giống mình là Thạch Phá Thiên, thường chỉ được gọi với cái tên Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống). Khi Cẩu Tạp Chủng xuất hiện, mọi người phái Tuyết Sơn đều tưởng là Thạch Trung Ngọc nên muốn giết cậu. Chỉ có đôi mắt ngây thơ của A Tú mới nhìn ra được "vị đại ca hiền lành này không phải là tên tiểu tặc đó". Ấy vậy mà Cẩu Tạp Chủng cũng bị mọi người chửi mấy trăm lần là "tiểu dâm tặc".

Nhưng trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, nhân vật dâm đãng số một phải thuộc về Vi Tiểu Bảo (Lộc Đỉnh ký). Xuất thân trong kỹ viện thành Dương Châu, ngay từ nhỏ, Vi Tiểu Bảo đã quen với cảnh ong bướm lả lơi giữa đám khách làng chơi và các kỹ nữ. Cơ duyên đã đưa hắn lên Bắc Kinh, làm thái giám giả mạo trong cung nhà Thanh. Mới 13 tuổi đầu, hắn đã ôm Mộc Kiếm Bình, quận chúa Mộc vương phủ Vân Nam và chớt nhả với Phương Di, lớn hơn hắn 2 tuổi; 15 tuổi, hắn quan hệ thân xác với công chúa Kiến Ninh; 18 tuổi trôi giạt sang Nga, hắn quan hệ với công chúa Tô Phi Á (Sophia), con gái Sa hoàng! Từ thái giám, hắn lên Đô thống Hoàng kỳ, Khâm sai đại thần, Bá tước rồi Công tước. Trong một lần đi công cán về thành Dương Châu, hắn quan hệ một hơi với 4 người phụ nữ: Tô Thuyên (vợ giáo chủ Thần long giáo Hồng An Thông), A Kha (nghi là con gái của Ngô Tam Quế và Trần Viên Viên), Song Nhi (nữ tì), Tăng Nhu (Thiên địa hội).

Rồi hắn ăn ở luôn với cả 4 người trên, lấy luôn cả Kiến Ninh, Phương Di, Mộc Kiếm Bình. Suốt đời Vi Tiểu Bảo chỉ biết có tình dục, không hề biết đến tình yêu chân thật là gì. Kim Dung đã không cho hắn có được niềm hạnh phúc được yêu của Vi Tiểu Bảo. Hôm hắn trở lại Dương Châu thăm mẹ dẫn theo một đoàn thê thiếp, Vi Xuân Phương phải thầm khen con trai mình có mắt.

Trong tác phẩm Kim Dung, không thiếu những lời thoá mạ: dâm tặc, rùa đen, chó lộn giống... Ông đứng trên quan điểm của một nhà nhân bản để nhận xét, đánh giá những hành vi tình dục của các nhân vật do chính mình tạo ra. Ông phán xét họ một cách nghiêm khắc - tất nhiên là với cái nghiêm khắc của một nhà văn chứ không phải một quan toà. Ông để cho những nhân vật dâm đãng tự rước lấy sự trừng phạt công mình của cuộc sống (trừ Vi Tiểu Bảo!).

Cá biệt, có một trường hợp mở đầu bằng hành vi cưỡng bức nhưng kết thúa bằng tình cảm tốt đẹp. Đó là Dương Tiêu (Tả sứ Minh giáo) đã bắt cóc và cưỡng bức Kỷ Hiểu Phù (đệ tử phái Nga Mi). Hiểu Phù sinh ra đứa con gái, đặt tên là Dương Bất Hối để tỏ ý không hề hối hận vì đã thất thân với Dương Tiêu. Diệt Tuyệt sư thái, sư phụ của Kỷ Hiểu Phù, vì vậy đã giết Hiểu Phù. Dương Tiêu ở vậy nuôi con, không cưới vợ nữa để giữ mãi hình bóng của người phụ nữ từng là nạn nhân của anh ta.

Người ta thường nói: "Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén" để chỉ những quan hệ tất yêu nam nữ trong những hoàn cảnh thuận lợi. Câu nói đầy tính ẩn dụ đấy không thể có trong tác phẩm Kim Dung. Nhiều lứa đôi trong tác phẩm của ông thương nhau, sống với nhau một nơi nhưng trai vẫn giữ được phong độ người quân tử, gái vẫn giữ được tiết sạch giá trong. Đó là Vô Kỵ - Triệu Minh - Chỉ Nhược - Tiểu Siêu, Trương Thuý Sơn – Hân Tố Tố, Lệnh Hồ Xung – Doanh Doanh, Quách Tĩnh – Hoàng Dung, Đoàn Dự - Mộc Uyển Thanh – Vương Ngọc Yến – Chung Linh, Hồ Phỉ - Viên Tử Y, Thạch Phá Thiên – A Tú, Địch Vân - Thủy Phương, Kiều Phong – A Châu. Họ đều rất trẻ, sống giang hồ phiêu bạt nhưng vẫn tôn trọng chữ Lễ, biết yêu say đắm, có thèm khát nhưng không vượt quá giới hạn của tình yêu. Có những lứa đôi thành vợ thành chồng, có lứa đôi ly tán nhưng tựu trung, họ đã sống thật đẹp và yêu thật đẹp. Tôi cho rằng đây là một khía cạnh rất đạo đức trong tác phẩm Kim Dung. Nó đem lại cho người đọc - nhất là bạn đọc trẻ - những nhận thức đúng đắn về tình yêu và tình dục, giúp con người vươn lên để sống đúng nghĩa với khái niệm con người.

Chất hài
CHẤT HÀI TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Trước nay, văn học thế giới đã để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm của các bậc thầy hài hước. Đưa nụ cười vào văn chương, tạo ra sự hứng thú cho người đọc đã có từ những vở Kịch của Molière (Pháp), Azit Neshin (Thổ Nhĩ Kỳ), Slavemir Mrojek (Ba Lan). Và trong thời đại chúng ta, tiếng cười có nhiều trong các tờ báo chuyên hài hước, các tiểu phẩm trào phúng, châm biếm. Văn học Trung Quốc cũng đã trước bạ tên tuổi của các bậc thầy cười: Ngô Thừa Ân với siêu phẩm Tây Du Ký, Lỗ Tấn với tác phẩm A.Q Chính Truyện. Trên nền tảng cái cười Trung Quốc, Kim Dung tiên sinh cũng đưa nụ cười vào văn chương của ông, dù văn chương đó ở phạm trù văn chương kiếm hiệp.

Những tình huống trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung luôn luôn sôi động với tính chất đấu tranh, bạo lực, mưu toan, thủ đoạn. Vậy thì việc đưa tiếng cười vào trong những tình huống này quả là một điều khó thực hiện nhất là giữ làm sao cho chất cười đó không phá vỡ cái tổng thể của khái niệm võ hiệp tiểu thuyết. Kim Dung đã làm được việc đó với ngòi bút khéo léo của một bậc thầy và trong 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của ông, chất hài hước đã được dàn trải khắp các chương tạo ra niềm hứng thú cho độc giả.

Trong tác phẩm của ông, có những nhân vật khá hài hước về ngoại diện, tâm hồn thật trẻ thơ và hành sự rất tếu. Với bộ Xạ điêu anh hùng truyện, ta bắt gặp một nhân vật đáng yêu như vậy: Lão ngoan đồng Châu Bá Thông. Châu Bá Thông là nhân vật số 2 của phái Toàn Chân, sư đệ của Vương Trùng Dương, dưới tay có cả một đám sư điệt già nua cổ thụ nhưng tâm hồn ông vẫn là tâm hồn của một đứa bé ngây thơ, trong sáng. Ngay ngoại hiệu Lão ngoan đồng (ông già mà chơi như con nít) cũng đủ để mô tả đặc điểm tính cách nhân vật Châu Bá Thông. Theo sư huynh Vương Trùng Dương sang hoàng cung nước Đại Lý, Châu Bá Thông đã quan hệ tình dục với một cung phi của hoàng gia, đẻ ra một đứa con nhưng nuôi không được. Châu Bá Thông là một cao thủ, suốt đời chẳng biết sợ hãi ai nhưng mỗi khi nghe đến tên nàng cung phi đã lỡ thất thân với mình là ông ta chạy dài. Suốt đời Châu Bá Thông chuyên làm những việc cổ quái. Ngay đến môn võ công ông tự suy nghĩ ra cũng có cái tên kỳ dị không kém: Song thủ hỗ bác (hai tay vừa giúp nhau vừa đánh nhau). Đó là kết quả của một cách phân ý thật lý tưởng: tay trái vẽ hình vuông, tay mặt vẽ hình tròn cùng một lúc, sao cho vuông ra

vuông, tròn ra tròn. Chỉ có Châu Bá Thông là làm được việc ấy và luyện thành công kỹ thuật Song thủ hỗ bác. Võ công ông ta đạt đến trình độ kinh người nhng chẳng hề giết chóc ai, hãm hại ai. Mỗi khi ông ta xuất hiện là tình huống trở nên vui nhộn.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta gặp rất nhiều nhân vật hài hước. Đó là Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, một nhân vật được mô tả là "lãng tử vô hạnh, thanh danh tàn tạ". Phái Hoa Sơn nổi tiếng về sự nghiêm khắc giữ gìn thanh quy giới luật nhưng khi cao hứng lên, Lệnh Hồ Xung sẵn sàng bỏ tất cả ra sau gáy. Anh đánh bạc với bọn du thủ, uống rượu xai quyền cùng anh em giang hồ hào sĩ, đánh cho bọn đệ tử Thanh Thành phải "thí cổ hướng hậu bình sa lạc nhạn" (chổng đít ra sau tan tác như nhạn rơi bãi cát). Bị mụ ni cô - vợ của Bất Giới hoà thượng, má của ni cô Nghi Lâm - cạo đầu và suýt bị thiến vì từ chối tình yêu của Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã trả thù" hết sức ngộ nghĩnh. Anh hướng dẫn cho Bất Giới đại sư cách điểm huyệt mụ, đưa mụ vào khách sạn và... cởi quần áo mụ ra làm sao mụ còn chạy thoát khỏi tay Bất Giới. Học được kinh nghiệm quái chiêu đó, Bất Giới đã quỳ xuống lạy Lệnh Hồ Xung, xưng tụng là Lệnh Hồ sư phụ, thậm chí là Lệnh Hồ gia gia!

Bất Giới hoà thượng cũng là nhân vật hài hước số một. Lỡ yêu một ni cô, ông ta cũng cạo đầu đi tu. Nhưng quy luật của Phật gia có ngũ giới cấm, trong đó có cấm tà dâm, mà mục đích của Bất Giới là đi tu để ăn ở cho được với người ni cô đó. Ông ta tự đặt cho mình ngoại hiệu là Bất Giới (chẳng cấm cản gì ráo), đã lấy được ni cô và đẻ ra Nghi Lâm. Nghi Lâm cũng đi tu, làm ni cô của phái Hằng Sơn. Cô thầm yêu trộm nhớ Lệnh Hồ Xung, ân nhân đã cứu mình ra khỏi tay dâm tặc Điền Bá Quang. Thế là Bất Giới phải đi tìm Lệnh Hồ Xung, ép buộc anh làm nhà sư để cưới Nghi Lâm vì trên đời này "chỉ có ông sư là cưới được bà vãi". Đối với Điền Bá Quang, Bất Giới trừng trị thẳng tay: cạo đầu buộc làm sư, đặt pháp hiệu là Bất Khả Bất Giới (không thể không cấm được), buộc Điền Bá Quang tôn Nghi Lâm làm sư phụ rồi buộc Điền Bá Quang làm mai "sư phụ" mình với Lệnh Hồ Xung.

Tuy nhiên, nói đến tiếng cười trong Tiếu ngạo giang hồ, người đọc vẫn nhớ đến Đào cốc lục tiên nhiều nhất. Đó là 6 anh em, tên là Đào Hoa Tiên, Đào Chi Tiên, Đào Điệp Tiên, Đào Thực Tiên, Đào Cán Tiên, Đào Căn Tiên. Họ gồm đủ hoa, nhánh, lá, cành, gốc, rễ nhưng bị cái tội hồ đồ, không phân biệt được ai là lão tam; ai là lão tứ ! Võ công cao cường, tâm ý tương thông, họ không sợ bất kỳ địch thủ nào trên đời. Suốt ngày họ đánh nhau, văng tục, cãi lộn.. Mà cái kiểu cãi lộn của anh em nhà họ Đào cũng rất hoạt kê, càng cãi câu truyện càng rối rắm. Nhìn dưới khía cạnh triết lý, Đào Cốc lục tiên chính là những nhà luận lý học hình thức (logique formelle) của phương Đông. Đào Cốc lục tiên mồm năm miệng mười, suốt ngày chỉ nói, nói và nói; đến

vua nhà Tống cũng không cấm họ im miệng được.
Nhưng có một người duy nhất có thể buộc họ câm miệng. Đó là Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ. Bình Nhứt Chỉ có lệ cứu được một người là ra lệnh cho người đó hoặc anh em người đó đi giết một người khác. Trong một lần Đào Thực Tiên bị trọng thương, bọn ngũ tiên bèn khiêng đến cho Bình Nhứt Chỉ chữa nhưng miệng vẫn nói thiên hô bách sát. Bình Nhứt Chỉ quát một tiếng im là năm lão im ngay bởi vì nếu không im, Bình Nhứt Chỉ sẽ buộc bọn tiên giết tên Đào Thực Tiên! Khi Lệnh Hồ Xung được đưa lên gò Ngũ Bá Cương, Bình Nhứt Chỉ thú nhận rằng không thể chữa thương cho chàng được. Bọn Đào Cốc lục tiên bèn trả thù, đặt ra câu hỏi: "Cứu một người thì giết một người. Nay không cứu được người thì giết ai?" Chính cái luận lý học hình thức của bọn lục tiên đã khiến Bình Nhứt Chỉ tự suy nghĩ và cuối cùng, tự vận kinh mạch cho đứt, chết đi để xứng với ngoại hiệu Sát nhân danh y!
Lệnh Hồ Xung, Bất Giới hoà thượng, Bất Khả Bất Giới Điền Bá Quang, Đào cốc lục tiên là cái trục hài hước của Tiếu ngạo giang hồ. Chung quanh cái trục đó còn có nhiều nhân vật hài hước khác như Hướng Vân Thiên, Quang minh tả sứ của Triêu Dương thần giáo; Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn; bọn quần ni phái Hằng Sơn; bọn giang hồ thảo khấu 36 động 72 đảo... góp thêm tiếng cười cho tác phẩm. Vì thế, Tiếu ngạo giang hồ tràn đầy tiếng cười lạc quan, ngay trong những tình huống bi thương nhất.
Chất hài hước trong kiếm hiệp Kim Dung thường xuất hiện trong những tình huống nghịch lý, thoạt tiên thì có vẻ kỳ quái nhưng đọc kỹ thấy thú vị vô cùng. Ta có thể tìm ra một hồi như vậy trong bộ Hiệp khách hành. Phái Tuyết Sơn có nội biến, bọn Tiêu Tự Lệ, Thành Tự Học, Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiến bắt giam chưởng môn rồi quay ra đánh nhau để dành chức chưởng môn. Ai cũng tự khoe khoang võ công mình cao cường và họ đánh nhau với những chiêu thức độc ác nhất, tinh vi nhất. Giữa khung cảnh như vậy thì Trương Tam và Lý Tứ, hai sứ giả của đảo Mộc Long đến phát thiếp mời chưởng môn phái Tuyết Sơn đi ăn Lạp bát cúc ngoài biển Đông. Mà "ăn lạp bát cúc" có nghĩa là ra đi không có ngày về. Cả bọn Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiến, Tiêu Tự Lệ, Thành Tự Học sợ quá, chẳng ai muốn tranh cái chức chưởng môn nữa. Trương Tam và Lý Tứ bó buộc bọn họ phải đấu võ cho phân thắng bại để xác định chưởng môn. Thế là anh nào anh nấy chỉ đấu cầu thua, thậm chí còn đưa tay chân của mình vào đao kiếm địch thủ để được bị thương và dĩ nhiên, càng bị thương nặng càng tốt. Trận đấu có kiếm bay, có máu chảy nhưng chất hài hước của bốn nhân vật cầu thua lại hoá giải được chất sắt máu kia và làm cho chương tiểu thuyết cực kỳ sống động, thú vị.
Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, có những nụ cười rất nóng và có

những nụ cười rất lạnh. Cười nóng là cười ha hả, cười đau cả ruột, mọi người cùng cười kể cả độc giả. Trong Thiên Long bát bộ, mỗi khi Tinh Tú hải lão ma Đinh Xuân Thu và bọn đệ tử của lão xuất hiện thì tiếng cười nóng lại rộ lên. Ấy bởi vì với phái Tinh Tú, thói nịnh là một thứ võ công hàng đầu so với những thứ võ công khác trên đời. Đã có những tên đệ tử phái Tinh Tú đem sư phụ Đinh Xuân Thu của mình so sánh với Đức Khổng Tử và kết luận Đức Khổng Tử thua Đinh Xuân Thu vì Khổng Tử không có võ công. Giá mà Đức Khổng Tử sống dậy, đọc được những dòng này, chắc hẳn ngài cũng phải bật cười khoan khoái. Ngược lại với cười nóng là cười lạnh, buồn mà cười, thương mà cười. Đó là mối tình của Du Thản Chi với A Tử. Đoàn A Tử là cô bé ác độc, đệ tử của Đinh Xuân Thu, bắt được Du Thản Chi để hành hạ cho thoả tính tàn bạo. Cô đã ra lệnh đánh Du Thản Chi thừa sống thiếu chết rồi nướng cái lồng sắt đỏ chụp vào đầu y, biến y thành tên Thiết sửu giải trí cho cô. Nhưng oái ăm thay, ngay từ cái nhìn đầu tiên, Du Thản Chi đã say mê tấm dung nhan mỹ miều của A Tử. Hắn có thể hứng chịu cả trăm ngàn đau khổ để được nhìn thấy A Tử nở một nụ cười. Đôi mắt hắn long lên căm hờn khi có ai hướng về phía A Tử một cái nhìn thiện cảm. Hắn có một pho võ công rất kỳ bí là hàn khí của Kim tầm trùng độc làm nội công và đồ hình của Dịch Cân Kinh làm chiêu thức. Hắn đánh ai một chưởng thì người đó hoá thành băng tuyết ngay. A Tử đui hai mắt, không còn nhìn thấy gì trên đời. Thế là Du Thản Chi đi nhờ người ta tháo cái lồng sắt ra khỏi đầu mình và khuôn mặt của hắn trở thành khuôn mặt dị dạng của quỷ sứ. Hắn kiếm một cái khăn trùm đầu, tìm về với A Tử và tự đổi giọng nói, xưng mình là Trang Tụ Hiền; dẫn cô bé chu du giang hồ, khoe với cô rằng mình là kỳ nam tử, đẹp như Phan An, Tống Ngọc! Rõ ràng là khi có mặt A Tử, hắn đã đánh cho nhiều người thất điên bát đảo nên A Tử hết lòng tin cậy. Chính vì để bảo vệ bí mật cho những lời khoe khoang khoác lác đó, hắn đã phải năn nỉ nhiều người khen hộ hắn anh tuấn, đẹp trai để vừa lòng A Tử. Cái hài hước khi xây dựng cặp nhân vật A Tử - Du Thản Chi của Kim Dung tràn đầy nước mắt, bảo cười cũng được mà bảo khóc cũng không sai. Đó cũng là chất hài hước của Lỗ Tấn trong A.Q Chính Truyện khi A.Q được đưa ra pháp trường!

Được cười với những nhân vật của Kim Dung thật là một điều sảng khoái. Cái sảng khoái đó nằm trong những diễn tiến ngộ nghĩnh của câu chuyện, khiến người ta không tin cũng phải tin. Một thí dụ sinh động nhất là chuyện tuyển phu của công chúa Văn Nghi nước Tây Hạ. Công chúa Văn Nghi đã từng bị Thiên Sơn Đồng Mỗ bắt, cởi trần truồng và đem vào hầm nước đá tối thui cho nằm cạnh nhà sư Hư Trúc. Mục đích của Đồng Mỗ là phá giới Hư Trúc và quả nhiên, nhà sư trẻ đã không thoát qua khỏi vòng trần luỵ. Lòng anh vừa đau khổ nhưng cũng vừa cảm thấy hạnh phúc. Và suốt đời anh

vẫn nhớ người trong mộng nhưng không biết nàng tên là gì, ở đâu. Đùng một cái, nước Tây Hạ ra bảng chiêu phu cho công chúa Văn Nghi. Những thế lực chính trị cảm thấy đây là thời cơ để phục hưng nền quân sự của quốc gia vì kẻ nào làm phò mã nước Tây Hạ là kẻ đó có thể nắm thực quyền về quân đội. Đoàn Chính Thuần nước Đại Lý buộc con là thế tử Đoàn Dự phải đi. Cô Tô Mộ Dung Phục cũng đi đến cầu hôn với hy vọng phục hưng binh lực nước Đại Yên. Hoắc Đô Vương tử nước Thổ Lỗ Phồn cũng đến tranh thủ. Chỉ có chàng Hư Trúc là đi chơi, hoàn toàn không nghĩ đến chuyện tuyển phu. Tất cả chương trình tuyển phu chỉ gồm có 3 câu: "Trên đời, người thích ai nhất? Người ấy tên gì, ở đâu?". Các Vương tử, thế tử đều đáp xong. Đến lượt, người ta đùa cợt, đẩy Hư Trúc vào. Đáp câu thứ nhất, Hư Trúc bảo: "Trên đời ta chỉ thích nàng nhất". Câu thứ hai: "Tối quá, ta không biết tên". Câu thứ 3:"Trong hầm nước đá" Và chỉ 3 câu đó, Hư Trúc tìm ra người tình nhân - Mộng Cô - của mình, trở thành phò mã nước Tây Hạ giữa sự ngạc nhiên của mọi người. Hoá ra, trò tuyển phu đó không phải là một đòn phép chính trị nhằm đối địch với ai cả. Đó chỉ là một cách để tìm ra người đàn ông mà công chúa đã từng yêu dấu và trao thân gửi phận.
Thế nhưng, không có tác phẩm nào tập trung cao độ tính hài hước bằng bộ Lộc Đỉnh ký. Từ cách xây dựng nhân vật trung tâm đến tình huống diễn tiến câu chuyện, đến ngôn ngữ nhân vật, Lộc Đỉnh ký là một bộ hài Kịch lớn. Không chương nào của tác phẩm thiếu tiếng cười. Chuyện bắt đầu khi Vi Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh trong động điếm Lệ Xuân viện thành Dương Châu được Mao Thập Bát, một hào khách giang hồ đem lên Bắc Kinh. Bằng thủ đoạn ma mãnh, Vi Tiểu Bảo đã giết được Tiểu Quế Tử thái giám, hoá thân làm Tiểu Quế Tử. Từ đó, hắn thân cận được với vua Khang Hy, trở thành bạn nhỏ của nhà vua, giúp vua giết được loạn thần Ngao Bái, gia nhập thiên địa hội và hoạt động gián điệp. Hắn trở thành Chánh đô thống hoàng kỳ, phong tặng tước hiệu Ba Đồ Lỗ; Khâm sai đại thần đi công cán Vân Nam; Tứ hôn sứ; Bá tước; Nguyên soái cầm quân chinh phạt quân La Sát! Công lao hắn lớn hơn bất kỳ một vị cố mệnh đại thần nào của triều Khang Hy.
Để đạt được tột đỉnh vinh quang đó, hắn chỉ áp dụng hai thứ kinh nghiệm: một là kinh nghiệm sống trong động điếm và hai là những câu chuyện truyền kỳ trong bộ Anh Liệt Truyện mà hắn nghe được thủa còn ở Dương Châu. Thông qua nhân vật Vi Tiểu Bảo, người ta nhận ra một định đề bất ngờ: "Trên đời nầy, kỹ viện và hoàng cung là hai nơi trá nguỵ nhất". Đắc thủ kinh nghiệm từ kỹ viện đến hoàng cung, Vi Tiểu Bảo trở thành nhân vật đệ nhất trá nguỵ. Nhân vật trá nguỵ ấy đã trở thành Hối minh hoà thượng, sư đệ của Hối Thông, phương trượng chùa Thiếu Lâm; rồi sau đó lại trở thành trụ trì chùa Thanh Lương trên Ngũ Đài Sơn ! Nhân vật ấy đủ sức "trị" tên đại Hán

gian Ngô Tam Quế; trở thành cố vấn đặc biệt cho Sa hoàng Nga La Tư; thay mặt Khang Hy Hoàng đế quan hệ giao hảo với Mông Cổ và Tây Tạng. Thế nhưng, nhân vật quan trọng ấy không biết chữ. Trong 3 chữ họ tên của mình, Vi Tiểu Bảo chỉ đọc được chữ Tiểu vì chữ này dễ nhận ra với 3 nét. Ấy thế mà bọn nhà văn có tên tuổi trong lịch sử văn học triều Thanh như Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng phục lăn phục lóc, hết lời ca ngợi. Nhân vật ấy đưa vào trong văn chương một mớ ngôn ngữ thoá mạ bình dân, tục tĩu như "con mẹ nó", "tổ bà quân rùa đen", "phường chó đẻ"... Vi Tiểu Bảo "sáng tạo" ra những thuật ngữ mà chưa một thời đại nào người ta dám đem gán ghép cho những nhân vật cao quý trong xã hội phong kiến: công chúa Kiến Ninh được coi là con đượi non, thái hậu được gọi là mụ điếm già. Mớ ngôn ngữ ấy đã được "truyền bá". Trần Cận Nam, thầy của Vi Tiểu Bảo, cũng biết gọi thái hậu là "mụ điếm già". Vua Khang Hy cũng học thứ ngôn ngữ bình dân của Vi Tiểu Bảo mà mở miệng thoá mạ "con mẹ nó". Chẳng những thế, nhà vua cũng sẵn sàng làm những việc làm hết sức "bình dân", chẳng ra thể thống một Đại Thanh Hoàng đế chút nào. Tôi cho rằng đoạn trích sau đây có thể nói lên chất hài hước cao đó của Lộc Đỉnh ký:

"Sách thánh hiền đọc nhiều quá, toàn những đoạn khô khan. Đột nhiên, nhà vua được nghe những câu "Tổ bà nó", "Té đái vãi phân", tuy thô tục nhưng cũng thấy vui vui liền bắt chước nhưng chỉ khi nói với Vi Tiểu Bảo mới đưa ra. Hôm nay, nhà vua gặp phụ hoàng, vừa hoan hỉ vừa bi thương, nhưng thân cận cha được nửa giờ đã bị đẩy ra ngoài cửa chẳng biết từ nay còn có dịp nào gặp lại, trong lòng rất là khó chịu. May có Vi Tiểu Bảo nói năng thú vị làm vơi nỗi uất ức đi nhiều. Khi bàn tới đại sự trừ phản dẹp loạn, ngài lại nổi hùng tâm.

Nhà vua đứng dậy đi ra ngoài sân mấy bớc, hai tay bê mấy hòn đá bày ra dưới đất, miệng nói:

- Hán quân có tứ vương, nào Đông Vương, nào Tây phiên, nào Bắc biên, phải phân chia ra không thể để chúng liên hiệp với nhau được. Lại còn Định Nam Vương Khổng Hữu Đức nhưng may thằng cha này chết rồi, chỉ để lại một đứa con gái thì cách đối phó chẳng khó khăn gì.

Nhà vua dứt lời, vung chân đá một hòn đá ra ngoài rồi nói tiếp:

- Cảnh Tinh Trung thần dũng hơn đời nhưng lại là kẻ vô mưu nên chẳng có chi đáng ngại. Chỉ cần làm cho hắn không liên minh được với họ Trịnh ở Đài Loan là xong.

Nhà vua lại đá một hòn đá nữa đi rồi nói tiếp:

- Thượng Khả Hỷ thì phụ tử bất hoà. Giữa hai cha con hắn cũng thành thế nước lửa nhằm khuynh loát nhau, chắc chẳng làm nên trò trống gì.

Khối đá thứ ba bị hất tung đi. Chỉ còn một khối đá lớn nhất. Nhà vua nhìn chằm chặp vào khối đá này, ngơ ngẩn xuất thần.

Vi Tiểu Bảo cất tiếng hỏi:
- Tâu Hoàng thượng ! Phải chăng đây là Ngô Tam Quế ?
Vua Khang Hy gật đầu.
Vi Tiểu Bảo mắng liền:
- Thằng giặc thối tha này. Sao mi không chết đi khiến cho Đức Hoàng Đế phải vì mi mà tổn thương cân não. Tâu Hoàng thượng ! Xin Hoàng thượng đái vào người hắn.
Vua Khang Hy cười ha hả, nổi dạ trẻ thơ, vạch quần đái vào phiến đá. Ngài cười nói:
- Ngươi cũng đái vào đi.
Vi Tiểu Bảo cười rộ. Gã vừa đái vừa nói:
- Hồi sách này kêu bằng Vạn tuế gia cao sơn lưu thuỷ. Tiểu Quế Tử ... Tiểu Quế Tử ...
Gã chợt nhớ thầy đồ nói chuyện Tam Quốc có một hồi kêu bằng "Quan Vân Trường thuỷ yếm thất quân" liền nói tiếp:
- "Tiểu Quế Tử thuỷ yếm thất quân"
Vua Khang Hy không nín được, lại cười ha hả. Ngài vừa thắt quần lại vừa nói:
- Sau nầy mà ta bắt được tên giặc thối tha kia thật sự thì sẽ đái hẳn vào người hắn.
Vi Tiểu Bảo thấy Tiểu Hoàng Đế ra chiều căm hận Ngô Tam Quế thì trong bụng mừng thầm tự nhủ:
- Ta cùng bọn Mộc Vương phủ đánh cuộc về vụ này. Thế là phe mình ăn chắc đến quá nửa rồi."
Và gần như không có nhân vật nào trong Lộc Đỉnh ký không có tính hài hước. Công chúa Kiến Ninh cũng biết chửi tục "Con mẹ nó, té đái vãi phân" và gây ra một hành động kinh thiên động địa mà không phải người phụ nữ nào cũng dám làm: lấy súng bắn nát bộ phận sinh dục của chồng chưa cưới. Hối Thông đại sư, trụ trì chùa Thiếu Lâm, ca ngợi sư đệ của mình là Hối Minh (tức Vi Tiểu Bảo) định lực cao cường khi đối đầu với bọn Cát Nhĩ Đan Vương tử mà chẳng biết Vi Tiểu Bảo sợ quá, thở cũng không nổi và đã "đi" ra đầy cả quần. Trừng Quang đại sư cầm đầu Thập bát La hán chùa Thiếu Lâm ngây thơ đến nỗi nghe Vi Tiểu Bảo đi chơi kỹ viện (động điếm) cũng cho rằng kỹ viện là một "viện" tương đương với Đạt Ma viện của chùa Thiếu Lâm. Thậm chí khi Trừng Quang đại sư nghiên cứu võ công cũng phải nhờ Vi Tiểu Bảo chỉ điểm, hướng dẫn!
Có người cho rằng Lộc Đỉnh ký là tác phẩm của thời đại chúng ta, Vi Tiểu Bảo là con người sống trong thời đại chúng ta. Tôi nghĩ là nhận định đó hết sức nghiêm túc và hợp lý. Với chất hài hước của Lộc Đỉnh ký, thế kỷ 20 hiện thân rành rành trong tiểu thuyết võ hiệp, với những con người, những

tình huống, những suy nghĩ của nó.
Không dễ đưa chất hài hước vào văn chương như đưa vào sân khấu hay thơ ca. Tôi đã đọc Kim Dung nhiều lần trong đời. Với Du Thản Chi trong Thiên Long bát bộ, tôi nhỏ nước mắt. Với Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký, tôi cười ha hả. Nhiều đêm, chợt tỉnh giấc ngủ, nhớ đến Vi Tiểu Bảo, tôi bật cười một mình. Con người ngộ nghĩnh, thú vị, sống rất chân thật đó đã trở thành một biểu tợng hài hước của thế kỷ thứ 20 chứ không riêng gì trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung.
Trong hoàn cảnh đất nước chưa hoà bình, chiến tranh vẫn còn tiếp diễn nhiều nơi, lòng người hoang mang ly tán như xã hội miền Nam trước năm 1975, tác phẩm võ hiệp Kim Dung với những màn hài hước đặc sắc vụt trở nên phương tiện giải trí đắt giá. Tâm trạng chung của bạn đọc lúc đó là tìm ra một cái gì vui trong một đời sống có nhiều bế tắc và niềm bi thảm. Ta không thấy làm lạ khi người đọc đón nhận từng chương, từng hồi của tác phẩm Kim Dung đăng trên báo dưới dạng feuilleton. Tôi chưa nói đến giá trị văn học, giá trị tư tưởng, giáo dục. Chỉ một chức năng giải trí, văn chương Kim Dung đã đáp ứng đầy đủ cho người đọc. Hài hước trở thành một thang thuốc bổ, đem lại cho đời nụ cười ý vị.

Ghen
GHEN TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Ghen (jalousie) là một tình cảm tự nhiên của con người, đặc biệt là ở phụ nữ. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tuy trọng tâm phản ánh về những sinh hoạt võ lâm, cũng đã có những nhân vật ghen tuông, tình huống ghen tuông thú vị. Nhận định về tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông mà không nhận định về cái ghen quả thật là một thiếu sót.

Một cách khái quát, Kim Dung dùng khái niệm rất cụ thể để nói về cái ghen. Ghe được gọi là "bình giấm chua" hoặc "ghè tương". Còn cái binh giấm chua và ghe tương đó đổ bể trong tình huống nào, đổ bể ở đâu thì lại là chuyện khác.

Ở mức độ sơ cấp, người phụ nữ bày tỏ lòng ghen tuông một cách nhẹ nhàng, đôi khi không khỏi khiến độc giả buồn cười, thương hại. Đó là trường hợp Á bà bà (bà già câm) (Tiếu ngạo giang hồ). Ở tuổi đôi mươi, bà đã xuất gia đi tu và là một nữ ni xinh đẹp. Có một chàng đồ tể cảm mến sác đẹp đó, cứ theo tán tỉnh hoài. Và hắn cũng cạo đầu đi tu, tự đặt pháp hiệu cho mình là Bất Giới hoà thượng. Hắn cho rằng "chỉ có ông sư mới có thể yêu bà vãi" (?) Họ thành vợ chồng và sinh ra cô con gái xinh đẹp là Nghi Lâm. Một lần, Bất Giới nhìn thấy Ninh Trung Tắc, vợ Nhạc Bất Quần. Ông ta lỡ miệng khen Ninh Trung Tắc đẹp, thế là Á bà bà nổi cơn ghen vì "đã có vợ rồi, sao lại còn khen kẻ khác đẹp?". Bà ta bỏ luôn Bất Giới, vào phái Hằng Sơn giả làm mụ già câm điếc, chuyên việc quét chùa, lau tượng trong 18 năm, báo hại Bất Giới đi tìm muốn chết!

Ở mức độ trung cấp, cái ghen bắt đầu có "bài bản" hơn. Đó là trường hợp ghen của Mai Phương Cô (Hiệp khách hành). Mai Phương Cô thầm yêu trộm nhớ Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh chỉ yêu và cưới Mẫn Nhu. Họ sinh được hai đứa con trai song sinh: Thạch Trung Ngọc và Thạch Phá Thiên. Thạch Phá Thiên mới 6 tháng tuổi thì... mất tích. Ai bắt? Chính là Mai Phương Cô. Nàng đem cậu bé về hoang sơn dã lĩnh ở Triết Giang nuôi nấng, đặt tên cho bé là Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống) để mỗi khi lòng ghen tuông với hạnh phúc của Mẫn Nhu nổi lên, nàng kêu mấy tiếng "cẩu tạp chủng" cho đỡ buồn!

Cẩu Tạp Chủng lớn lên, thành một chàng trai tuấn tú, hiền lành nhưng hoàn toàn dốt nát. Nhưng chính nhờ đó mà chàng trở thành một con người đệ nhất võ công đắc thủ được trong bài thơ Hiệp khách hành, khác xa người anh ruột

dâm ác và tàn bạo Thạch Trung Ngọc. Hiệp khách hàng - một bài thơ danh tiếng của Lý Bạch, đi vào tiểu thuyết Kim Dung, trở thành một tác phẩm tiểu thuyết ca ngợi lòng dũng cảm, đức hy sinh và tâm hồn trung hậu của chàng trai Cẩu Tạp Chủng Thạch Phá Thiên.

Ở mức độ cao cấp, cái ghen được Kim Dung nâng lên thành những âm mưu, thủ đoạn cao cường. Đó là cái ghen của Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga Mi (Ỷ thiên Đồ long ký). Ở trên đảo hoang, để độc chiếm kiếm Ỷ thiên và đao Đồ long, cô đánh thuốc mê cho mọi người, lấy kiếm rạch mặt và giết Hân Ly, trói Triệu Minh và bỏ lên một con thuyền thả lênh đênh, mưu đồ để Triệu Minh chết đói vừa đổ vạ cho nàng. Trở về trung Nguyên, Chu Chỉ Nhược lập tức tiến hành hôn với Trương Vô Kỵ nhưng lại bị Triệu Minh phá ngang, làm Trương Vô Kỵ bỏ hôn lễ và chạy theo Triệu Minh để tìm nghĩa phụ tạ Tốn. Chu Chỉ Nhược vừa thẹn, vừa sợ bại lộ âm mưu, đã sử dụng một chiêu ác độc nhất trong Cửu âm bạch cốt trảo, định đánh vỡ sọ Triệu Minh để bịt đầu mối. Tuy nhiên Triệu Minh chỉ bị thương, và nhờ vết thương đó, Trương Vô Kỵ mới dần hiểu được rằng Chu Chỉ Nhược là người đánh cắp kiếm Ỷ thiên và đao Đồ long, luyện thành Cửu âm bạch cốt trảo giấu trong thân kiếm, bắt cóc cha nuôi của mình là Tạ Tốn và là người giết Hân Ly.

Cái ghen tuông không chỉ có trong những bậc nữ lưu bình thường. Cái ghen trong bậc nữ lưu quý tộc còn ghê gớm hơn. Đó là trường hợp của Đao Bạch Phụng, người tộc Bãi Di, vợ Đoàn Chính Thuần. Thân là Vương phi nước Đại Lý, giận chồng lăng nhăng, đã đem tấm thân ngàn vàng cho gã ăn mày dơ dái ân ái... "Mối tình" chớp nhoáng đó đã sinh ra vương tử Đoàn Dự, danh nghĩa là con Đoàn Chính Thuần nhưng huyết thống là con Đoàn Diên Khánh. Vương phu nhân, gốc người tộc Đảng Hạng (Tiên Ty), còn ghen ghê gớm hơn. Giận Đoàn Chính Thuần, hễ ai họ Đoàn nước Đại Lý lọt vào sơn trang của bà là bà ra lệnh giết để làm phân bón hoa.

Tuy nhiên, cái hay của Kim Dung là không biến những tình huống ghen tuông trong tác phẩm của mình trở thành những vụ án hình sự có nhà tan, người chết. Những nhân vật của ông chỉ ghen như một cách bày tỏ thái độ, chẳng có ai chết cả. Hên ly vẫn không chết do nhát kiếm của Chu Chỉ Nhược, thậm chí, nhờ đó mà độc tính của Thiên châu tuyệt hộ thủ theo máu thoát ra ngoài và cô... sống lại.

Đứng trên quan điểm hôn nhân của chế độ phong kiến, Kim Dung cho phép những nhân vật nam của mình có nhiều vợ, nhiều tình nhân. Đoàn Chính Thuần có một vợ và... 5 tình nhân (có kể lại!); Vi Tiểu Bảo có... 7 vợ và một tình nhân. Tuy nhiên, Kim Dung cũng đã để cho những nhân vật nữ của mình đấu tranh chống lại quan điểm đa thê sai trái đó. Một cách tích cực, ghen tuông được coi là một cách thể hiện phản ứng chế độ đa thê. Những Á bà bà, Đao Bạch Phụng... là những con người đã phản ứng như vậy.

Quả thật đáng buồn nếu có những nhân vật (và ngay cả những người thật) không biết yêu và cũng chẳng biết ghen. trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, người ta yêu tha thiết nhưng ghen tuông cũng cháy chòi lá! Rõ ràng, tuy lấy bối cảnh là xã hội phong kiến Trung Quốc nhưng tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung lại đi sát cuộc đời bởi vì tâm tình trong đó là tâm tình của xã hội phương Đông thời hiện đại.

Chất thơ
CHẤT THƠ TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Đưa thơ vào trong tiểu thuyết, cho tiểu thuyết có chất lãng mạn nhằm tạo thi hứng cho cả người viết lẫn người đọc là đặc điểm cố hữu của 300 tiểu thuyết chương hồi thời Minh - Thanh. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần có trên vài trăm bài thơ và khi thực hiện phim Hồng Lâu Mộng, các nghệ sĩ Bắc Kinh đã biến những bài thơ này thành nhạc từ - một dạng nhạc phủ - được hát lên, làm giàu thêm chất liệu nghệ thuật cho tác phẩm điện ảnh. Nhà văn Kim Dung đã kế thừa phong cách đưa thơ vào tác phẩm tiểu thuyết như các nhà văn tiền bối mặc dù tiểu thuyết chương hồi của ông là tân văn tiểu thuyết. Ở chừng mực nào đó, Kim Dung là một nhà thơ thực sự; ông đã viết cả vài trăm bài thơ, đặc biệt là thơ Thiền tông. Những bài thơ này chưa được in ra; người đời chỉ biết ông là nhà văn chứ chưa hề hiểu được ông còn là một nhà thơ. Chúng ta cũng lưu ý rằng ông nội Kim Dung đã từng làm tri huyện huyện Đơn Dương, Triết Giang và là một nhà thơ khá nổi tiếng cuối đời Thanh với thi tập Hải Ninh Sát Thị Sao Thi. Có lẽ âm vang của truyền thống tiểu thuyết Minh - Thanh, âm vang của truyền thống gia đình đã khiến Kim Dung mạnh dạn đưa thơ vào tiểu thuyết võ hiệp, làm cho những tác phẩm văn xuôi của ông mênh mang một màu thi ca lãng mạn, trữ tình.
Có những tác phẩm của Kim Dung lấy thơ làm nguồn cảm hứng chủ yếu. Đó là trường hợp bộ Hiệp khách hành, gồm 14 quyển. Hiệp khách hành là tựa đề một bài thơ dài của nhà thơ Lý Bạch, một trong Đường - Tống bát đại gia mà lịch sử văn học Trung Quốc rất đỗi tự hào. Thơ Lý Bạch có nhiều thể tài: Diễm ca (ca ngợi cái đẹp), Tuý ca (viết trong lúc say), Biệt ca (viết lúc chia tay nhau), Biên tái ca (viết về cuộc đời chinh chiến), Tình ca (ca ngợi tình yêu), Hành ca (ca ngợi chuyện giang hồ mạo hiểm),... Hiệp khách hành là một bài thơ ngũ ngôn, thuộc thể Hành ca, ca ngợi Nguỵ Vô Kỵ, tức Tín Lăng Quân, công tử nước Nguỵ và 2 hiệp khách - Hầu Doanh, người giữ cửa Di Môn cùng Chu Hợi, anh hàng thịt. Hai người đã có công giúp Tín Lăng Quân đưa quân sang cứu nước Triệu, bảo vệ Hàm Đan, chống lại quân Tần thời Chiến quốc.
"Triệu khách mạn hồ anh
Ngô câu sương tuyết minh
Ngân yên chiếu bạch mã
Táp nạp như lưu tinh..."

Đi vào trong tiểu thuyết Kim Dung, cả bài thơ Hiệp khách hành vẫn được giữ nguyên nhưng nó không còn là một bài thơ nữa. Nó chính là một pho võ công mà ai có tấm lòng chân chất nhất, ít cơ tâm nhất mới nhận ra được. Con người đó là một chàng trai không hề biết chữ: Thạch Phá Thiên tức Cẩu Tạp Chủng. Anh cóc cần bài thơ nói lên ý nghĩa gì, câu thơ biểu đạt điều gì. Anh chỉ nhìn nét chữ. Ví dụ chữ Hành gồm 6 nét thì anh khám phá ra sáu thế võ tương ứng với 6 nét đó chứ không cần biết Hành là đi hay chạy. Anh cứ lẳng lặng khám phá tự dạng như thế cho đến chữ cuối cùng và đắc thủ một môn thần công, điều mà có những người bỏ ra mấy chục năm vẫn không khám phá được. Kim Dung gọi đó là lối trước ý.

Thiên Long bát bộ mênh mang một không khí lãng mạn, trữ tình của thơ. Đó là những câu thơ của Kim Dung làm ra để ca ngợi hoa trà, một quốc hoa của nước Đại Lý:

Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mãn lộ khai
(Quần xanh, vóc ngọc tuồng quen mặt
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)

Hoặc:

Xuân câu thuỷ động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Dòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây trôi trái vải hồng).

Đó là những câu thơ do chính Kim Dung làm ra nhưng được gắn vào cho những nhân vật của mình, để các nhân vật tỏ tình trước tình nhân. Thí dụ Trấn Nam vương gia Đoàn Chính Thuần, một con người phong tình rất mực, thường "nói" với các tình nhân Vương phu nhân và Tu la đao Tần Hồng Miên. Với Vương phu nhân, một người rất yêu hoa, Đoàn Chính Thuần đọc:

Dưới khóm mẫu đơn đành bỏ mạng
Chết làm quỷ sứ cũng oai phong

Với Tần Hồng Miên, một người chuyên phóng Tu la đao, Đoàn Chính Thuần chỉ "biên tập" hai chữ mẫu đơn:

Dưới lưỡi Tu la đành bỏ mạng
Chết làm quỷ sứ cũng oai phong

Thi ca, từ phú không thể tách rời với thi pháp. Trong những ngày sống chung với Nguyễn Tinh Trúc, Đoàn Chính Thuần đã chép tặng bà này bài Sầm viên xuân, một bài từ danh tiếng:

Sóng thu dường điểm mực
Tóc phượng rủ bên tai
Dung nhan tuấn nhã
Vẻ thiên nhiên càng ngắm càng tươi

Cách hoa nhìn bóng dáng
Vẳng vặc ánh sao thưa
Ngồi tựa lan can ngắm
Mặt hồ gươm phẳng lặng như tờ
...Bao giờ quên được
Hình ảnh lúc chia phôi
Khăn là ướt đẫm
Ly biệt đôi đàng dòng lệ rơi.

Đoàn Chính Thuần là một vương gia phong nhã, có riêng một thư pháp. Chính nhờ đó, Tiêu Phong đã đối chiếu nét chữ trên bài từ với nét chữ của một nhân vật ẩn danh được gọi là "Thủ lĩnh đại ca" trong lá thư viết về truyện giết cha ông ngoài Nhạn Môn Quan và biết Đoàn Chính Thuần không phải là người chủ mưu vụ giết cha mình.

Thơ luôn gắn liền với tình yêu, đặc biệt là những mối tình dang dở. Gần như Kim Dung tôn trọng triệt để mô thức đó... Trong Tiếu ngạo giang hồ, Lệnh Hồ Xung và Nhạc Linh San thương yêu nhau. Rồi một người thứ ba - Lâm Bình Chi - hiện ra và Nhạc Linh San say mê Lâm Bình Chi, phụ rẫy mối tình của Lệnh Hồ Xung. Nàng lấy Lâm Bình Chi khi Lâm Bình Chi đã tự thiến (dẫn đao tự cung) để luyện Tịch tà kiếm phổ. Biết chồng mình không còn là đàn ông nữa, Nhạc Linh San đau đớn nhớ thương chàng Lệnh Hồ Xung. Cô đã đề lên trên tấm vải một bài thơ của danh sĩ Lý Thương Ẩn, mượn thơ người để biểu đạt tâm trạng của mình:

Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan.

Ngày Nhạc Linh San chết đi, Lệnh Hồ Xung trở về núi Hoa Sơn. Anh vào căn phòng riêng của Nhạc Linh San và đọc được hai câu thơ ấy, biết được tâm trạng Nhạc Linh San và cảm thấy thương yêu cô gái bất hạnh hơn bao giờ hết.

Cũng trong Tiếu ngạo giang hồ, ta đọc được những câu thơ bình dân khá nổi tiếng của người Trung Hoa. Gần như bọn giang hồ hào sĩ thường lấy những câu thơ nầy làm câu cửa miệng, đọc lên trong những tình huống thích hợp. Thí dụ khi chia tay nhau họ đọc:

Thanh sơn bích thuỷ
Hậu hội hữu kỳ
(Non xanh trơ đó
Nước biếc vẫn đây
Còn ngày gặp gỡ)

Hay khi khuyên ai xuống tay giết một người, họ thường đọc hai câu thơ:

Tiểu lượng phi quân tử
Vô độc bất trượng phu

(Lượng nhỏ chẳng thành người quân tử
Không độc sao nên đấng trượng phu)
Những câu thơ thông tục, đặt đúng vào vị trí trong văn cảnh, đã làm tác phẩm tăng thêm chất văn học.
Thơ luôn gắn liền với kinh điển của các tôn giáo, bang hội. Trong kinh của Báo hoả giáo Ba Tư, có đến trên 100 bài thơ của Nga Mạc, đã được nhà thơ Quách Mạt Nhược dịch ra bản Quan thoại. Kim Dung đã khéo léo sử dụng một bài thơ ngắn nói về số phận con người, gắn bài thơ đó vào thân phận Tiểu Siêu, cô gái lai Ba Tư - Trung Hoa trong Ỷ thiên Đồ long ký. Tiểu Siêu thương yêu Trương Vô Kỵ nhưng không hề nói lên lòng thương yêu đó. Cô chỉ vẫn thường hát cho anh nghe:
Lai như lưu thuỷ hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lại hề, hà sở chung
Chỉ có 17 chữ nhưng bài thơ cực kỳ hàm súc. Tôi xin tạm dịch:
Chợt đến như dòng nước chảy
Rồi tàn như gió thoảng mau
Chẳng biết từ nơi nào đến
Và chẳng biết tàn nơi đâu.
Cho đến khi Tiểu Siêu hôn Trương Vô Kỵ, từ biệt anh để trở về Ba Tư, Trương Vô Kỵ mới khám phá ra ý nghĩa của tình yêu nằm trong lời kinh Bái hoả giáo. Cuộc đời con người ngắn ngủi thì tình yêu cũng thế; cũng Lai như lưu thuỷ hề, thệ như phong và bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung. Tôi cho đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ trên biển là đoạn hay nhất, giàu chất thơ nhất trong cả 12 pho tiểu thuyết đồ sộ của Kim Dung.
Thơ chính là Đạo. Kim Dung muốn bạn đọc của mình nhận ra điều ấy. Ông đã để cho những nhân vật của mình xuất khẩu thành thơ, ngôn từ đơn giản nhưng ý tứ - cái Đạo bên trong - lại rất bao la, thâm diệu. Thí dụ như bài thơ của nhà sư Trí Quan đọc cho Kiều Phong khi nghe Kiều Phong lên núi thiên thai, chùa Chỉ Quán, yết kiến ông và hỏi thăm gốc gác của mình. Tự thâm tâm, Kiều Phong rất xấu hổ, rất đau đớn vì mình là người Khiết Đan; mình không thuộc dân tộc Hán. Nhà sư Trí Quan đã giải quyết mối ưu tư nội tại của Kiều Phong bằng một bài thơ mang chất thiền mênh mông:
Khiết Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần
Kim Dung đã đẩy tiểu thuyết của mình đi đến bờ cõi bao la của triết học. Và tuỳ trình độ nhận thức, cảm thụ; các nhân vật của ông ngộ hay không ngộ vấn đề. Tất nhiên, bài thơ như thế này rất gần gũi với con người, không đến nỗi bí hiểm như những công án của Thiền tông.

Trong 12 pho tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, thơ Trung Hoa và thơ của Kim Dung xuất hiện đều đặn. Nó trung hoà với tính chất sắt máu của cuộc đấu tranh chánh - tà, thể hiện cái hồn của văn học tiểu thuyết chương hồi truyền thống. Nó kết hợp với thư pháp (phép viết chữ), hình thành nên những pho võ công cho phán quan bút, kiếm pháp, chưởng pháp. Nó làm nên tố chất lãng mạn cho tình yêu, chất triết lý cho tôn giáo, chất trí tuệ cho đời sống. Đưa thơ vào truyện kiếm hiệp như ông quả là thủ pháp của một nhà văn cao cường. Có thể nói, Kim Dung đã vượt xa những bậc tiền bối của mình trong hệ tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh. Điều này cũng rất dễ hiểu bởi Kim Dung là một nhà thơ có tài và tài năng của ông thực sự phát triển rực rỡ khi người tình Hạ Mộng ra đi khỏi vòng tay ông.

Ngôn ngữ bình dân
NGÔN NGỮ BÌNH DÂN TRONG VĂN CHƯƠNG KIM DUNG

Trước hết, ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ nghệ thuật. Tuy nhiên, không ai cấm nhà văn đưa vào hệ thống ngôn ngữ bình dân, đặc biệt là ngôn ngữ thoá mạ, vào trong tác phẩm của mình. Có nhiều khi, một từ thoá mạ thô thiển, thậm chí tục tĩu, nằm đúng vào ngữ cảnh của câu văn hoặc tình huống của chương hồi lại tạo ra được yếu tố nghệ thuật bất ngờ, thú vị cho văn chương.

Đọc văn chương Trung Hoa, chúng ta bắt gặp ngôn ngữ thóa mạ gần như là yếu tố khá phổ biến, bàng bạc trong tác phẩm. Bộ tiểu thuyết sử thi Tây Hán chí (Hán Sở tranh hùng) có nhiều đoạn mô tả phương pháp thoá mạ mà các tường lĩnh của Hán vương Lưu Bang và Tây Sở bá vương Hạng Vũ đùng để chửi bới lẫn nhau với mục đích chọc giận kẻ thù, buộc kẻ thù không chịu nhục được, phải mở cửa thành ra đánh. Gặp kẻ thù ngoan cố, chịu nhục giỏi, các tướng lĩnh còn ra lệnh cho bọn mạ thủ (chuyên chửi) cưởi truồng ra mà thoá mạ. trong AQ chính truyện, Lỗ Tấn đã cho phép nhân vật AQ của mình thực hiện phép "thắng lợi tinh thần", thình thoảng cũng thoá mạ cũ Triệu, Vương râu xồm, Đôn oắt tì và Tây giả cầy: "Mày là cái thứ đồ gì? Con ông về sau còn hơn gấp mười lần mày" hoặc "Nó đánh mình như đánh bố nó". Văn chương của Kim Dung là thế giới của bọn hào sĩ giang hồ; trong đó một nửa là bàng môn tả đạo, bắt gà, trộm chó, cướp của, giết người, lại bất học vô thuật nữa cho nên chuyện thoá mạ đối với họ như cơm bữa.

Bộ Hiệp khách hành là bộ tiểu thuyết có lối thóa mạ kỳ lạ nhất. Mỗi khi nghĩ đến tình địch, Mai Phương Cô thoá mạ con của Thạch Thanh và Mẫn Nhu là Cẩu Tạp Chủng, kêu tên Cẩu Tạp Chủng chửi mấy tiếng cho đỡ buồn. Đối với người đàn bà ghen uông ghê gớm này, một nửa Thạch Phá Thiên có chất người của Thạch Thanh, một nửa còn lại có chất "chó má" của Mẫn Nhu! Cậu bé phải mang cái tên Cẩu Tạp Chủng cho đến năm 20 tuổi mới biết được tên mình là Thạch Phá Thiên.

Thiên Long bát bộ cũng có một hệ thống ngôn ngữ thoá mạ phong phú. Một nhà sư trẻ Phật lực cao cường, kinh điển tinh thông, lòng dạ đoan chính như Hư Trúc cũng bị Thiên Sơn Đồng Mỗ cung Linh Thứu núi Phiêu Diễu thoá mạ là "xú hoà thượng, sư chết chém, thầy chùa chết đâm". Bọn "quần tiên" 36 động 72 đảo là một phường bàng môn tả đạo ô hợp; đàn ông thì tự xưng là "lão gia, lão tử", đàn bà thì tự xưng là "lão nương". Bọn đệ tử của Tinh

Tú lão quái Đinh Xuân Thu thì tán tụng thầy: "Tinh Tú lão tiên thần thông quảngđại thiên hạ vông song. Lão gia đá một phát như trời long đất lở, vẫy tay một cái nhật nguyệt lu mờ" và đối với các phài khác, bọn họ coi chẳng ra gì. Thế như khi Đinh Xuân Thu bị Hư Trúc đánh ngã, cả bọn lại nịnh Hư Trúc và quay ngược thoá mạ Đinh Xuân Thu: "Ánh lửa đom đóm mà dám tranh sáng với mặt trời mặt trăng. Ngươi là kẻ tiểu nhân gian tà, độc ác". Kiểu thoá mạ như vậy gây cho người đọc những nụ cười thú vị về thói nịnh, thói xu viêm phụ nhiệt.

Mà không chỉ có bọn đàn ông mới thoá mạ. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung còn xây dựng một hình tượng phụ nữ khá độc đáo: nàng hoa khôi Ôn Khang, vợ Mã Đại Nguyên. Người đàn bà đẹp này bình thường khép nép, nghiêm cẩn, rõ ra khí tượng của một thiếu phụ khả kính. Nhưng trước khi nàng ta chết, người đọc mới hiểu ra rằng nàng là kẻ dâm loạn với Đoàn Chính Thuần, Bạch Thế Kính. Trước khi chết, Ôn Khang còn ráng thu hết tàn lực thoá mạ Kiều Phong một hồi với mới ngon ngữ vừa tục tĩu vừa độc ác. Và càng thoá mạ, đôi mắt nàng càng sáng lên, gương mặt lại có vẻ cao hứng, phấn khởi!

Bọn quần hào bốn châu Tề, Lỗ, Dự, Ngạc trong Tiếu ngạo giang hồ có trình độ thoá mạ cũng thuộc hạng thượng thừa. Chúng kết hợp với Đào Cốc lục tiên cùng một giuộc, hễ mở miệng ra là "con mẹ nó, 18 đời tổ tôn quân rùa đen, phường đê tiện". Đặc biệt ngôn ngữ thóa mạ còn được dùng như mộ thứ mật khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung, chưởng môn Hằng Sơn, bị bọn đệ tử Tung Sơn từng bị chàng đâm mù mắt vây hãm trong hang động tối đen núi Hoa Sơn, tìm mọi cách để giết chàng. Khi phóng kiếm ra trong bóng tối, họ thường chửi: "Cút con bà mày đi!". hoá ra, đó là mật khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung thoá chết nhờ biết học và dùng câu "Cút con bà mày đi!". Những kẻ khiếm thị kia cứ ngỡ chàng là đồng bọn! (Tiếu ngạo giang hồ).

Nhưng không ở tác phẩm nào, ngôn ngữ thóa mạ được hệ thống hoá một cách tinh xảo và nâng cao thành ngôn ngữ văn học lạ lùng như trong Lộc Đỉnh ký. Vi Tiểu Bảo Xuất thân từ Lệ Xuân viện thành Dương Châu, 13 tuổi đã lĩnh hội trọn vẹn mớ ngôn ngữ tục tĩu của khách làng chơi và đám kỹ nữ. Khi được vào trong cung nhà Thanh, hắn lại được tu nghiệp thêm với bọn thái giám và thị vệ, trở thành một chuyên gia thoá mạ hạng nhất. Hắn gọi Tổng quản thái giám là "Hải lão con rùa", gọi thái hậu là "mụ điếm già", gọi công chúa Kiến Ninh là "con đượi non", gọi Ngô Tam Quế là "đại Hán gian", gọi Ngô Ứng Hùng là "tiểu Hán gian". Tiến quân ra biên giới Đông Bắc đánh nhau với nước Nga, hắn gọi quân Sa hoàng là "bọn quỷ Hồng mao". Bắt được một số hàng binh Nga, hắn buộc những người này phải ra trận làm mạ thủ, chửi bới viên tư lệnh quân Nga là Á Nhĩ Thanh Tư Cơ,

chọc giận cho quân Nga khai thành tiếp chiến. Tuy nhiên, hắn cực kỳ thất vọng khi hàng binh Nga chỉ biết chửi "người là đồ heo, đồ chó". Hắn vỡ lẽ ra rằng về phương pháp và nội dung thóa mạ, người Trung Quốc cao cường hơn người Nga; câu văn phong phú hơn mà tiết tấu cũng nhịp nhàng hơn. Nghệ thuật chửi bới của Vi Tiểu Bảo xuất thần nhập hóa đến nỗi hai ông thầy của hắn cũng theo học mớ ngôn ngữ tào lao đó. Vua Khang Hy và trần Cận Nam cũng theo cách chửi của Vi Tiểu Bảo, chửi tục. Chửi cho vui!
Văn chương là sự phản ánh cuộc sống xã hội nhất định trong một giai đoạn nhhất định. tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung nói về bọn hào sĩ giang hồ thời phong kiến. Mà cái mặt bằng văn hóa thời phong kiến của xãn hội Trung Hoa quá thấp, là sản phẩm của một nền kinh tế nhỏ và lạc hậu. Chính trong một xã hội như vậy, việc đưa ngôn ngữ thóa mạ vào miệng nhựng nhân vật của mình là một cái gì hết sức tự nhiên. Vấn đề còn lại là ngôn ngữ thóa mạ ấy hiện ra trong ngữ cảnh nào, trong trường hợp nào. Kim Dung đã làm một chuyện hết sức tài hoa: việt được những bộ tiểu thuyết trường thiên, giàu tính nghệ thuật bằng sự pha trộn ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân, trong đó có ngôn ngữ thoá mạ.
Ông sáng tác tiểu thuyết tại Hongkong, nhưng văn chương Quan thoại trong tác phẩm của ông cực kỳ trong sáng và nghệ thuật: rất gần gũi với Quan thoại Trung Quốc. Tháng 1/1995, ông về Bắc Kinh diễn thuyết và nhận hàm giáo sư danh dự Đại học Bắc Kinh; các học giả Trung Hoa đã ca ngợi cách thể hiện của Kim Dung, coi ông là nhà văn lớn của nền văn chương Quan thoại hiện đại. Kim Dung đã biết dung nạp cái nhã và cái tục, sử dụng cái tục để tạo ra cái nhã. Thủ pháp diễn đạt của ông là thủ pháp của nhà văn thượng thừa. Có lẽ vì thế mà hôm nay, 12 bộ tiểu thuyết của ông đã được các nhà xuất bản Trung Quốc in lại và được bày bán, trân trọng đón nhận trên toàn cõi Trung Hoa. Kim Dung có thêm cả tỷ độc giả chính thức.

Những bộ sách
SỐ PHẬN NHỮNG BỘ SÁCH TRONG TÁC PHẨM VÕ HIỆP KIM DUNG

Trước khi là một nhà văn viết tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là nhà văn hóa. Và là một nhà văn hóa cho nên ông rất chú trọng đến các vấn đề văn hóa, đặc biệt là các vấn đề về thế giới sách. Ông đã dành cho sách một vị trí khá quan trọng, không phải chỉ trong những bài viết trên tờ Minh báo mà còn ngay trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp vốn đầy tính đấu tranh của giới võ lâm. Ta có thể tìm trong thế giới võ hiệp của ông một thế giới vế sách và số phận của những bộ sáfch đó cũng đầy sóng gió như số phận những nhân vật chính trong tác phẩm của ông.
Một cách khái quát, Kim Dung có cách gọi tên sách rất phong phú. Sách được gọi là Thư; như bộ Võ Mục di thư của Nhạc Phi (tức Nhạc Võ Mục) giấu trong bảo đao Đồ Long (Ỷ thiên Đồ long ký), bộ Minh thư tập lược của Cố Viêm Võ và Tra Y Hoàng (Lộc Đỉnh ký). Sách được gọi là Phổ; như Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm ở Phúc Châu (Tiếu ngạo giang hồ), Cầm phổ và Tiêu phổ của khúc hợp tấu Tiếu ngạo giang hồ. Sách được gọi là Kinh; như Thần chiếu kinh của Đinh Điển (Liên thành quyết), Lục mạch thần kiếm kinh của chùa Thiên Long và Dịch cân kinh của chùa Thiếu Lâm (Thiên Long bát bộ), Tứ thập nhị chương kinh của Bát kỳ triều Thanh (Lộc Đỉnh ký), Dược vương kinh (Phi hồ ngoại truyện). Sách được gọi là Điển, như Quỳ hoa bảo điển (Tiếu ngạo giang hồ). Sách được gọi là Lục, như bộ Tử hà bí lục của phái Hoa Sơn (Tiếu ngạo giang hồ). Sách được gọi là Tâm pháp, như bộ Càn không đại nã di tâm pháp (Ỷ thiên Đồ Long ký). Sách được gọi là Ký, như Minh giáo lưu truyền Trung thổ ký của Dương Tiêu viết về quá trình hình thành Bái hỏa giáo (Minh giáo) ở đất Trung Hoa (Ỷ thiên Đồ Long ký).
Những bộ sách mà Kim Dung đề cập đến được ghi chép với nhiều dạng văn tự khác nhau trên những phương tiện khác nhau. Vũ Mục di thư, Cửu âm chân kinh chép bằng chữ Hán (khải thư) trên những tờ giấy (hay lụa ???) mỏng vàng khè. Lục mạch thần kiếm kinh chép bằng chữ Hán, có đồ hình hướng dẫn chép trên lụa quý. Tịch tà kiếm phổ lại chép trên áo cà sa. Dịch cân kinh chép bằng tiếng Phạn (Sanskrit) trên giấy. Hấp tinh đại pháp của Nhậm Ngã Hành mà Lệnh Hồ Xung học được được khắc trên tảng sắt nằm trong nhà ngục ở Thái Hồ. Võ công phái Tiêu Dao (Thiên Long bát bộ) hay

công phu Hiệp khách hành (Hiệp khách hành) được khắc trên đá). Càn không đãi nã di tâm pháp được chép trên tấm da dê. Võ công Minh giáo Ba Tư được khắc bằng tiếng Ba Tư (Presian) trên 6 tấm Thánh hỏa lệnh dài ngắn khác nhau, xương không ra xương, ngà không ra ngà. Nói cách khác, những bộ sách mà Kim Dung đề cập đến khá phong phú về văn tự, đa dạng về vật liệu làm sách.

Ngay cả cách chép sách cũng lạ: phải vận chỉ công để khắc chữ trên sắt (Hấp tinh đại pháp trong Tiếu ngạo giang hồ); phải đem Thánh hỏa lệnh nhúng vào một lớp sáp rồi viết chữ lên lớp sáp và dùng cường toan (acide) đồ theo những chữ đã viết mới ra tự dạng trên Thánh hỏa lệnh.

Sách đã lạ, cách đọc sách càng lạ hơn. Lệnh Hồ Xung sẽ không đọc được Hấp tinh đại pháp nếu không cởi trần truồng nằm trên tấm sắt cho những chữ khắc đó hằn lên da thịt. Trương Vô Kỵ sẽ không hiểu được võ công Ba Tư nếu như Bảo Thụ vương của Ba Tư không bị đánh Thánh hỏa lệnh trúng vào má cho chữ bị hằn lên để Tiểu Siêu đọc và dịch ra tiếng Hán. Vô Kỵ cũng không biết tấm da dê là Càn khôn đại nã di tâm pháp nếu Tiểu Siêu không trích máu ngón tay nhỏ vào cho chữ hiện ra. Du Thản Chi chỉ có thể lãnh hội được Dịch cân kinh khi cúi đầu xuống đất, chổng chân lên trời. Tựu trung, những bộ sách trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo nhiều điều bí ẩn khó tả, có người cầm nó trong tay nhưng chẳng biết được giá trị liên thành - chiều sâu chứa đựng trong bộ sách.

Số phận của những bộ sách được Kim Dung hư cấu trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông đã thực sự cuốn hút người đọc, đưa người đọc đi vào một thế giới tiểu thuyết vừa siêu thực nhưng cũng rất hiện thực.

Có những bộ sách trở thành tực đề luôn cho tác phẩm. Đó là trường hợp của khúc hợp tấu cầm – tiêu Tiếu ngạo giang hồ, khúc hợp soạn của hai con người thanh nhã: Lưu Chính Phong, cao thủ Hành Sơn (bạch đạo) và Khúc Dương, trưởng lão Triêu Dương thần giáo (hắc đạo). Xưa nay, người ta vẫn sống theo công thức "hắc bạch không thể hòa, chính tà không thể gặp". Cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương đều muốn chứng minh rằng khúc Tiếu ngạo giang hồ của họ có thể hóa giải những biên giới của sự chia rẽ và hận thù. Kết quả là cả Phong lẫn Khúc đều bị hại bởi những con người tự xưng là danh môn chính phái. Bộ sách đó được truyền lại cho Lệnh Hồ Xung phái Hoa Sơn; mang nó trong người, chàng gặp phải không biết bao nhiêu điều đau khổ. Nhưng cũng chính Tiếu ngạo giang hồ đã đưa chàng lãng tử vô hạnh này gặp được một ngọc nữ: Nhậm Doanh Doanh, ái nữ của Giáo chủ Triêu Dương thần giáo Nhậm Ngã Hành. Họ yêu thương nhau, đến với nhau, hoá giải được biên giới chính tà, hợp tấu cầm tiêu Tiếu ngạo giang hồ đi đến chỗ tâm linh tương thức - điều mà hai vị tiền bối Lưu – Khúc không thể làm được.

Một bộ sách khác được nhắc đến trong Tiếu ngạo giang hồ là Tịch tà kiếm phổ (sách về những đường kiếm chuyên trừ bọn tà đạo), lưu truyền một lộ kiếm pháp vô địch, tương truyền của dòng họ Lâm. Tổ họ Lâm, Lâm Viễn Đồ, xuất thân là tiêu sư, có được kiếm phổ phải "dẫn đao tự cung" (tự thiến) luyện thành. Kiếm pháp Tịch tà quá đỗi độc ác, ông ta chép lại vào áo cà sa, đi tu và dặn con cháu không được dở ra coi. Con ông là Lâm Chấn Nam võ công tầm thường, bị phái Thanh Thành của Dư Thương Hải tấn công nhằm đoạt Tịch tà kiếm phổ mà không đánh trả được. Cuối cùng, kiếm phổ bị chưởng môn phái Hoa Sơn Nhạc Bất Quần đoạt được. Một mặt, Nhạc liền "dẫn đao tự cung" để luyện, mặt khác lão vu cáo cho học trò là Lệnh Hồ Xung ăn cắp Tịch tà kiếm phổ. Khi Nhạc luyện xong, vứt áo cà sa đi thì Lâm Bình Chi, con trai Lâm Chấn Nam, lấy được và cũng ngay lập tức… "phăng teo" để luyện. Nhạc nghi ngờ, gả con gái là Nhạc Linh San cho cho Lâm và thường xuyên theo dõi xem con gái mình có được "hạnh phúc" hay không. Lâm Bình Chi đã "tự cung" thì làm sao có thể chăn gối được. Nhưng Nhạc Linh San đã cứu mạng Lâm Bình Chi: cô trả lời rằng Lâm đối với cô rất tốt. Nhạc Bất Quần tin lời đó mới tha mạng cho Lâm Bình Chi. Nhưng cuối cùng, Lệnh Hồ Xung với Độc Cô cửu kiếm vẫn đánh bại Tịch tà kiếm pháp "vô địch". Bộ Tịch tà kiếm phổ đó đã khiến ba con người thân bại danh liệt: Nhạc Bất Quần, Lâm Bình Chi và Tả Lãnh Thiền, chưởng môn phái Tung Sơn. Đúng ra, phải gọi nó là Tà môn kiếm phổ.

Những pho sách mà Kim Dung đề cập đến trong tác phẩm của ông có khi là sản phẩm tưởng tượng, cũng có khi là sản phẩm thực tế được lồng vào cốt truyện. Vũ Mục di thư (trong Ỷ thiên Đồ Long ký), Dịch cân kinh (trong Thiên Long bát bộ), Tứ thập nhị chương kinh và Minh thứ tập lược (trong Lộc Đỉnh ký)… là những tác phẩm có thực trong lịech sử văn hóa Trung Hoa. Dù là sản phẩm hư cấu hay sản phẩm thực tế, Kim Dung đã khoác cho những bộ sách của mình một hành tung kỳ bí, một số phận oái oăm, khiến người đọc càng cảm thấy thú vị.

Thí dụ như trường hợp bộ Tứ thập nhị chương kinh, một bộ kinh Phật thông thường mà mọi người Trung Hoa đều có thể biết, trong Lộc Đỉnh ký. Bát kỳ Mãn Châu tấn công Trung Nguyên, tiêu diệt nhà Minh. Hoàng đế Thanh triều Thuận Trị đã giao cho các thủ lĩnh Bát kỳ tám quyển Tứ thập nhị chương kinh, mỗi quyển có bìa sách đúng như màu cờ của Bát kỳ: Bạch kỳ bìa trắng, Hắc kỳ bìa đen, Hồng kỳ bìa đỏ, Thanh kỳ bìa xanh… Tám quyển kinh đó có gì đặc biệt? Có! Thuận Trị đã cắt nhỏ một bản đồ khu vực Oa Tập Sơn (tiếng Mãn; tiếng Hán là Lộc Đỉnh Sơn) rồi chia các miếng vải đã cắt vào trong bìa sách, chia cho Bát kỳ. Thuận Trị dặn con cháu: "Nếu không giữ được thiên hạ (tức đất Trung Nguyên) thì ta ở đâu hãy trở về nơi đó".

Có ít nhất năm thế lực tìm mọi cách để cướp cho được bí mật trong tám quyển Tức thập nhị chương kinh. Đó là hoàng đế Khang Hy, con Thuận Trị. Đó là Cửu Nạn sư thái, nguyên là công chúa Hồng Anh, con vua Sùng Trinh triều Minh. Đó là bọn Thần long giáo, một giáo phái bí mật thông đồng với người La Sát (tức Nga Ta Lư). Đó là Thiên Địa hội, một tổ chức phản Thanh phục Minh do Trần Vĩnh Hoa (Trần Cận Nam) là Tổng đàn chủ. Và đó là Ngô Tam Quế, phản thần triều Minh, được nhà Thanh phong tước Bình Tây vương, trấn vùng Vân Nam. Mỗi thế lực đều tin rằng tấm bản đồ giấu trong tám bìa sách có bí mật riêng. Khang Hy muốn có để đốt đi, bảo vệ long mạch của tổ tiên tại Hắc Long Giang, Lộc Đỉnh Sơn miền Đông bắc Trung Quốc. Bọn Cửu Nạn sư thái và Thiên Địa hội thì muốn phá long mạch của nhà Thanh để đuổi người Mã ra khỏi Trung Nguyên, trả thù cho vua Sùng Trinh và khôi phục nhà Minh. Thần long giáo thì lại tin rằng bản đồ vẽ sơ đồ kho báu… Cuối cùng cả tám quyển Tứ thập nhị chương kinh lọt hết vào tay Vi Tiểu Bảo. Hắn lấy hết các mảnh vải nhỏ sai nữ tì Song Nhi kết lại thành một bản đồ hoàn chỉnh. Hắn giữ lại bản đồ cho mình còn các pho Tứ thập nhị chương kinh thì được may bìa lại để biếu cho Khang Hy, Trần Cận Nam (thầy của Vi Tiểu Bảo) và Cửu Nạn sư thái (cũng là thầy của Vi Tiểu Bảo!).
Một số nhân vật của Kim Dung là văn gia nên đi đâu họ cũng mang sách theo. Sách trở thành vũ khí trong chiến đấu chống kẻ thù, tranh biện với kẻ khác. Nhân vật Chu Đan Thần, một trong Tứ Đại Vệ Hộ nước Đại Lý, có nhiệm vụ bảo vệ Trấn Nam vương Đoàn Chính Thuần, đi đâu cũng cầm theo các tập thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ. Trước khi chiến đấu, Chu hay ngâm thơ! Trong Thiên Long bát bộ, Chu thường cùng bàn luận thi ca với Đoàn Dự, con Đoàn Chính Thuần. Nhân vật Thư ngai Cẩu Độc (Đồ gàn đọc sách lung tung) trong nhóm Hàm Cốc bát hữu ra trận thường… lục túi, đem sách ra… đấu võ miệng. Trong trận đụng độ với nhà sư Huyền Thống chùa Thiếu Lâm, Cẩu Độc đã đem đủ các sách Luận ngữ, Mạnh Tử ra chất vấn Huyền Thống. Huyền Thống vẫn mặc kệ, đánh tràn. Sực nhớ nhà sư không đọc sách đạo Nho, Cẩu Độc đổi sang trích dẫn kinh điển đạo Phật: “Bể khổ mênh mông, quay đầu là bờ”, khiến Huyền Thống chợt ngừng trận đấu. Nhà sư chợt ngộ Thiền cơ trong câu nói đó và viên tịch ngay tại chỗ với nụ cười thư thái giải thoát trên môi.
Sách của Kim Dung đã đề cập đến trong truyện võ hiệp đương nhiên là sách quý, giá trị khôn gbiết bao nhiêu mà lường. Trong Ỷ thiên Đồ Long ký, nhà sư Giác Viễn trước khi chết, đọc một vài đoạn thuộc long trong bộ Cửu dương chân kinh. Quách Tương học lóm vài đoạn mà đã có thể dựng nên phái Nga Mi; Trương Quân Bảo cũng chỉ thuộc vài đoạn mà dựng nên phái Võ Đang. Bọn Doãn Khắc Tây, Tiêu Tương Tử ăn cắp từ chùa Thiếu Lâm bộ sách này, rạch bụng con vượn mà nhét vào. Trước khi chết, chúng di

ngôn lại cho Hà Túc Đạo núi Côn Lôn là "kinh để trong hầu". Hà Túc Đạo nghe gà hóa cuốc, nói lại với phái Thiếu Lâm là "kinh để trong dầu"! Chỉ sau này, khi Trương Vô Kỵ giải phẫu cho con vượn già mới tìm lại được bộ sách trân quý của chùa Thiếu Lâm.

Sách quý nên việc bảo quản cũng rất công phu. Những nơi chứa sách được gọi là tàng kinh lâu, tàng kinh các, có quy định rất nghiêm ngặt, cấm người lạ lai vãng. Càng cấm nên sách càng gợi trí tò mò. Từ đó xuất hiện những kẻ ăn cắp sách. Trong Thiên Long bát bộ, nhà sư Ba La Tinh từ Thiên Trúc đến chùa Thiếu Lâm ăn cắp sách, bị phát hiện và bị giam lỏng tại chùa Thiếu Lâm. Tiêu Viễn Sơn, dòng quốc thích Khất Đan, đột nhập vào Tàng kinh các Thiếu Lâm đọc lén võ kinh và học võ công Trung Quốc để trả thù cho vợ. Mộ Dung Bác, tộc Tiên Ty, hậu duệ hoàng tộc Đại Yên thời Thập lục quốc cũng từng đột nhập Thiếu Lâm học lén 72 tuyệt kỹ Thiếu Lâm, trá tử, ẩn nhẫn nuôi mộng trung hưng nước Đại Yên.

Những nhân vật của Kim Dung thường có trí nhớ rất tuyệt vời. Vương Ngữ Yên thuộc làu các sách võ trong thiên hạ, trở thành nhân vật ai cũng hâm mộ. Đoàn Dự chỉ xem qua Lục mạch thần kiếm kinh một lần tài chùa Thiên Long mà tâm đã lãnh hội trọn vẹn. Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung, chỉ có một nhân vật ghét sách thậm tệ, thấy sách và chữ nghĩa là mắt hoa đầu váng. Đó là Vi Tiểu Bảo, Lộng Đỉnh công triều Khang Hy. Vốn hắn dốt đặc cán mai, chỉ thích chơi gái, đánh bạc, uống rượu, nói tục. Ấy thế mà trời lại trao cho hắn tám quyển Tứ thập nhị chương kinh!

Sách chiếm một vai trò rất lớn trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp. Kim Dung đưa các bộ sách vào, tạo cho tác phẩm của mình những tình tiết hấp dẫn, nhữhng mâu thuẫn lạ lùng. Ở chừng mực nào đó, sách làm nên chất văn hóa cho tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp vốn nặng về âm mưu, thủ đoạn, sự tranh đấu, sự giết chóc. Chỉ ngay trong khía cạnh đưa sách vào tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là một bậc thầy trong văn chương tiểu thuyết hiện đại.

"Thời trang"
"THỜI TRANG" TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Thời trang là khái niệm xuất hiện trong thời đại của chúng ta. Trong xã hội phong kiến Trung Quốc ngày xưa không thể có khái niệm thời trang, đơn giản là vì thời ấy chưa hề có người mẫu với những kiểu quần áo mẫu được đưa lên sân khấu biểu diễn cho đông đảo quần chúng mô phỏng theo đó mà may mặc. Tuy nhiên, "ăn theo thuở, ở theo thời", từ ngàn xưa, nhân loại đã biết cách ăn mặc để thích nghi với môi trường sống; việc ăn mặc trở thành một nhu cầu phổ quát ở mọi nơi và vào mọi thời đối với mọi dân tộc. Tác phẩm tiểu thuyết Kim Dung cũng không thoát ra khỏi quy luật phổ quát đó. Căn cứ vào cách ông miêu ta cách ăn mặc của những nhân vật trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp, ta có thể nhận định về khái niệm "thời trang" như là một thực tế có thật trong các tác phẩm đó.

Có những hình thái thời trang tập thể được nhà văn Kim Dung miêu tả sát với thực tế vì nó bắt nguồn từ những quy luật của các bang hội, tôn giáo của võ lâm Trung Quốc. Đó là những hình thái thời trang mang tính bó buộc và tuyệt đối.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung miêu tả giáo chúng Minh giáo (Manichéisme) luôn luôn mặc bộ áo choàng dài màu trắng, ngực áo trái và tà áo bên phải có thêu một ngọn lửa đỏ. Ngọn lửa đó chính là Thhánh hỏa, biểu tượng có từ Bái hỏa giáo Ba Tư. Khi đem đạo truyền sang Trung Quốc, Hốt Đa Đán đã đổi tên Bái hỏa giáo thành Minh giáo, gọi tên các chùa là Đại Vân Quang Minh tự. Trong Hán tự, chữ Minh, gồm chữ Nhật kết hợp với chữ Nguyệt. Minh có nghĩa là sáng như mặt trời, mặt trăng và sáng là yếu tính của ngọn lửa.

Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung thì đã có 10 bộ ông nhắc đến các vị sư chùa Thiếu Lâm, thuộc ngọn Tung Sơn, tỉnh Hồ Nam. "Thời trang" của các nhà sư rất dễ nhận ra: ngày lễ các vị đại sư tiền bối mặc tăng y đại hồng, ngày thường mặc cà sa màu vàng; những lớp đệ tử nhỏ hơn mặc tăng y màu xám hoặc nâu. Trong Tiếu ngạo giang hồ có những đoạn Kim Dung đề cập đến phái Thanh Thành ở vùng Tứ Xuyên xuống Phúc Châu hoạt động. Họ mặc một màu áo xanh, và đặc biệt nhất là luôn luôn đội khăn trắng trên đầu. Kim Dung thật tinh tế khi đưa ra chiếc khăn trắng ở đây! Đất Tứ Xuyên nguyên thuộc về đất Ba Thục của Lưu Bị thời Tam Quốc. Khổng Minh là quân sư của Lưu Bị, được nhân dân Ba Thục kính trọng như thần minh. Khi

ông chết đi, cả một dải Ba Thục đều để tang. Tục lệ ấy kéo dài qua 17 thế kỷ và cho đến nay, người Tứ Xuyên ra đường vẫn còn quấn khăn trắng!
Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung có nhắc tới quần nữ cung Linh Thứu, núi Phiêu Miễu. Đây là vùng giáp giới sa mạc Qua Bích (Gobi). Họ mặc áo trường bào màu xanh lục, cưỡi lạc đà. Lối trang phục đó giúp họ dễ nhận ra nhau trên sa mạc chỉ có một màu cát vàng mênh mông. Trong Lộc Đỉnh ký, Thần long giáo chia làm Ngũ kỳ (5 sắc cờ); mỗi kỳ có một màu áo riêng: Thanh long mặc áo xanh, Hắc long áo đen, Xích long áo đỏ, Bạch long áo trắng và Hoàng long áo vàng.
Nếu thời trang tập thể mang tính bó buộc, quy luật thì thời trang cá nhân lại hết sức linh hoạt, tự do, đặc biệt là ở những nhân vật nữ. Nhân vật nữ trung hào kiệt của Kim Dung luôn luôn có nhu cầu làm đẹp và thậm chí, nhu cầu đó rất cao.
Có những nhân vật nữ chỉ thích một màu áo quần và màu sắc ấy làm nên tính cách độc đáo của từng người, khiến ta không thể lầm người này với người khác. Trong Thần điêu hiệp lữ, Tiểu Long Nữ chỉ mặc toàn một màu trắng. Võ công cô học từ phái Cổ Mộ là Ngọc nữ kiếm pháp, thuần về âm nhu. Cô lâm trận, đối địch với những kẻ thù hung bạo mà người ta cứ ngỡ cô đang múa bởi màu áo trắng và những tư thức võ công nhuần nhuyễn, dịu dàng, mỹ lệ. Ngược lại, Mộc Uyển Thanh (trong Thiên Long bát bộ) lại chỉ mặc tuyền một màu đen và bịt mặt cũng bằng khăn màu đen. Người cô tiết ra một mùi hương tự nhiên man mác như hương hoa mai côi (hoa hồng) nên giang hồ thường gọi cô là Hương dược xoa. Tuy gọi "dược xoa" (xấu như quỷ sứ) nhưng thực sự, Mộc Uyển Thanh là một người đẹp trong những người đẹp nhất trong Thiên Long bát bộ.
Khá nhiều trường hợp, màu áo quần của các nhân vật nữ làm thành tên gọi của nhân vật ấy. Trong Thiên Long bát bộ, Đoàn A Châu chỉ mặc một màu đỏ, Đoàn A Tử chỉ mặc một màu tía, A Bích thì màu xanh biếc, màu xanh của vùng sông nước Giang Nam. Trong Phi hồ ngoại truyện, tiểu anh hùng Hồ Phỉ có một cô bạn 16 tuổi cực kỳ thông minh. Cô mặc áo màu tía, tự xưng họ Viên và Hồ Phỉ cứ gọi cô là Viên Tử Y (cô Viên áo tía). A Châu, A Tử, A Bích, Viên Tử Y từ màu sắc trang phục đã trở thành tên nhân vật.
Thời trang còn làm nên chức vụ, vai về của nhân vật. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, có nhân vật Đại Ỷ Ty, một cô gái lai Ba Tư xinh đẹp, gia nhập Minh giáo Trung Quốc, lập được công lớn, đứng đầu tứ đại hộ pháp giáo vương của Minh giáo. Cô mặc áo tía nên được tôn xưng là Tử sam long vương (vua rồng áo tía), đứng trên Bạch mi ưng vương (vua ó mày bạc), Kim mao sư vương (vua sư tử lông vàng) và Thanh dực phức vương (vua dơi cánh xanh). Chiếc áo tím của nàng Đại Ỷ Ty đã làm nên chức vụ (thứ tự Tử, Bạch Kim, Thanh).

Các nhân vật nữ của Kim Dung rất chú trọng việc chăm chút vẻ đẹp. Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, cô gái Mông Cổ, Hán danh là Triệu Mẫn, luôn luôn xuất hiện trước người tình Trương Vô Kỵ với áo khoác ngoài cổ da điêu, phía trong là trường bào bằng gấm. Triệu Mẫn là một kiểu mẫu phụ nữ lý tưởng với nhan sắc đẹp như hoa nở, trí thông minh mẫn tuệ cực kỳ và ứng xử mọi tình huống một cách nhanh nhạy. Đọc Ỷ thiên Đồ long ký, không một độc giả nào có thể chê trách được Triệu Mẫn.

rong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng một nhân vật nữ cự kỳ "hiện đại" so với cả ngàn nhân vật nữ khác. Đó là Lam Phượng Hoàng, người dân tộc Miêu Cương vùng Vân Nam, giáo chủ Ngũ độc giáo. Nghe tiếng chàng Lệnh Hồ Xung là chàng trai phong lưu, cô đã vượt mấy ngàn dặm từ Vân Nam về Hoàng Hà để tương kiến. Lam Phương Hoàng mặc chiếc áo lam in hoa trắng sặc sỡ, mùi hương sực nức, dám ôm cổ Lệnh Hồ Xung hôn lên má trước mặt mọi người, dám vén váy mình lên đặt con đỉa vào hút máu để truyền máu cho Lệnh Hồ Xung. Hành động tự nhiên đó đã làm cho kiếm khách Giang Phi Hồng buồn tình mà tự vận.

Những người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không hhề muốn lên sân khấu, chưa hề biết đến biểu diễn thời trang. Cá biệt, có một người muốn biểu diễn thời trang mà người đi dự không thèm để mắt đến, giận đời nên đã gây thành một vụ huyết án động trời. Đó là nàng Ôn Khang (Thiên Long bát bộ), vợ của Mã Đại Nguyên. Mã Đại Nguyên là một anh hùng hảo hán, phó bang chủ Cái bang của Kiều Phong. Trong dịp Bách hoa đại hội, Ôn Khang mặc bộ đồ lụa đẹp nhất, đứng bên cạnh chậu thược dược. Già trẻ đi ngang đó đều nhìn nàng, tim đạp rộn ràng vì không ngờ có một phụ nữ đẹp như thế. Duy chỉ có một người không nhìn đến nàng. Đó là Kiều Phong. Giận vì nhan sắc của mình không được hâm mộ, Ôn Khang xúi chồng tố cáo Kiều Phong là người Khất Đan. Mã Đại Nguyên không nghe lời, Ôn Khang âm mưu cùng Bạch Thế Kinh giết chồng bằng một thế Toả hầu cầm nã thủ rồi vu cáo cho Kiều Phogn đã giết chồng mình để bịt miệng. Quả nhiên, Kiều Phong mất ngôi Bang chủ Cái bang Trung Quốc. Sự trả thù của diêu người mẫu Ôn Khang quả thật siêu việt!

May mắn thay, đó chỉ là một trường hợp cá biệt. Nhan sắc của người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không bị đem ra bán đứng, tên tuổi của họ không bị đem ra kinh doanh, nhân phẩm của họ được tác giả bảo về cẩn mật. Trí thông minh, lòng tự trọng và nhan sắc trời ban cho đã giúp họ gặp được những chàng trai như ý, những mối tình tươi đẹp, trong sáng và chung thuỷ. Viện Tử Y với Hồ Phỉ, Hân Tố Tố với Trương Thúy Sơn, Trương Vô Kỵ với Triệu Mẫn, Lệnh Hồ Xung với Doanh Doanh, Tiểu Long Nữ với Dương Qua, Vương Ngữ Yên với Đoàn Dự… là những lứa đôi thật đẹp. Ở một nghĩa hết sức biểu tượng, Những lứa đôi đó góp phần làm nên khái niệm anh

hùng và giai nhân, giấc mơ lý tưởng của văn học nghệ thuật ngày xưa và hôm nay.

Những nhân vật quái dị

NHỮNG NHÂN VẬT QUÁI DỊ TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Khái niệm nhân vật quái dị không phải là khái niệm do chúng tôi tạo ra mà là một khái niệm nằm trong văn chương tiểu thuyết của Kim Dung tiên sinh. Văn chương của ông thường có các cụm từ "trông lão thật là quái dị" hoặc "khuôn mặt của gã thật là quái dị". Tuy viết như thế nhưng khái niệm quái dị không ngừng lại ở chỗ mô tả ngoại hình, động tác. Khái niệm quái dị đi vào chiều sâu nhân cách của các nhân vật, chủ yếu đưa ra những cách sống, cách tư duy khác đời và lắm khi, đi ngược lại cái lẽ thường của cuộc sống.
Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta bắt gặp nhân vật quái dị tiêu biểu là Tiêu tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Thân danh là chưởng môn của phái Hành Sơn, Mạc Đại luôn luôn ăn mặc rách rới như một gã Cái bang, chơi một cây dao cầm (hồ cầm) cũ kỹ và miệng luôn hát bài Tiêu Tương dạ vũ (mưa đêm trên bến Tiêu Tương). Thế nhưng, trong đáy cây dao cầm của tiên sinh có dấu một cây kiếm lưỡi mỏng như lá lúa, rất lợi hại. Mạc Đại được xưng tụng là "cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm âm" (trong đàn có dấu một cây kiếm, và khi múa kiếm thì lại phát ra tiếng đàn). Khi tiên sinh rút kiếm ra khỏi cây đàn, vận công vào thân cây kiếm khiến kiếm khí phóng ra veo véo nơi đầu mũi. Với "Hành Sơn vân tụ thập tam thức", chưa có một đối thủ nào thoát khỏi tay Mạc Đại tiên sinh.
Trong Tiếu ngạo giang hồ, Mạc Đại chỉ xuất hiện ra ba đoạn, cộng lại không quá mười trang sách nhưng đã gây được ấn tượng mạnh mẽ và chiếm được cảm tình nồng thắm nơi người đọc. Đoạn thứ nhất, tiên sinh bất ngờ xuất hiện trong tửu quán dưới chân núi Hành Sơn, bất ngờ rút kiếm chém đứt tiện 7 chiếc trà trên bàn mà những giang hồ hảo thủ ngồi quanh không thể hiểu được tiên sinh đã rút kiếm ra và thu kiếm về lúc nào. Đoạn thứ hai, Mạc Đại hiện ra đúng lúc, múa kiếm giết chết Đại tung dương thủ Phí Bân của phái Thái Sơn để cứu sư đệ của mình là Lưu Chính Phong cùng Khúc Dương (trưởng lão Ma giáo), Khúc Phi Yên (con gái của Khúc Dương), Lệnh Hồ Xung (đệ tử Hoa Sơn) và Nghi Lâm (đệ tử Hằng Sơn). Giết xong Phí Bân, tiên sinh đút kiếm vào đàn, ung dung ra đi, giọng đàn dao cầm lại ngân lên khúc tình tang Tiêu Tương dạ vũ. Đoạn thứ ba, Mạc Đại hiện ra giữa đêm khuya bên bến sông Trường Giang, trách cứ Lệnh Hồ Xung là gã vong tình, không lo đi lên chùa Thiếu Lâm cứu người yêu mình là Nhậm Doanh Doanh

mà cứ bo bo đi theo bầy nữ đệ tử của phái Hằng Sơn. Lời trách cứ của tiên sinh làm Lệnh Hồ Xung toát mồ hôi. Mạc Đại khoát tay hối Lệnh Hồ Xung ra đi và chính tiên sinh nhận nhiệm vụ bảo toàn cho bọn nữ ni Hằng Sơn về núi.
Con người quái dị ấy thoạt ẩn thoạt hiện, mang phong cách của một đạo gia Lão Trang, ung dung tiêu sái giữa cuộc đời. Duy có tiếng đàn và điệu ca Tiêu Tương dạ vũ của tiên sinh luôn luôn trĩu nặng nỗi u buồn, chưa thoát khỏi vòng hệ luỵ của cuộc sống, như dòng nước có đi mà không bao giờ có lại. Mạc Đại là hình ảnh tiêu biểu của một thứ trích tiên bị đoạ.
Tuy nhiên, trong Tiếu ngạo giang hồ, không phải chỉ có duy nhất nhân vật Mạc Đại là quái dị. Người ta còn tìm thấy một gã Tổ Thiên Thu, con người đầy mình mưu kế, văn võ song toàn nhưng lại ăn mặc như một anh đồ nghèo kiết xác, đã ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của một người bạn thân là Lão Đầu Tử nhằm pha rượu cứu mạng Lệnh Hồ Xung. Người ta còn tìm thấy một gã Lão Đầu Tử lùn tịt như trái dưa, võ công cao cường, khi cười khi khóc, hợp cùng Tổ Thiên Thu thành ra cặp nhân vật Hoàng Hà Lão Tổ. Chính Lão Đầu Tử rất căm hận Lệnh Hồ Xung đã "nuốt" mất 8 viên thuốc bửu bối nhằm cứu mạng con gái mình nhưng khi biết được Lệnh Hồ Xung là người tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, lão đã tự vả má mình cho vọt máu vỡ da.
Trong Tiếu ngạo giang hồ, một nhân vật quái dị khác cũng gây ấn tượng không kém là Bình Nhứt Chỉ đại phu, nổi danh Sát nhân danh y, chuyên chẩn bệnh bằng một ngón tay (nhứt chỉ) và hễ cứu một người là giết một người. Không cứu được Lệnh Hồ xụng, lão đã tự vận Kynh mạch cho đứt tuyệt để bảo vệ ngọai hiệu Sát nhân danh y.
Nghe đến bốn chữ Đông Phương Bất Bại (không bao giờ thua), người đọc cứ ngỡ đây là một vị anh hùng hảo hán. Không, gã giáo chủ này chỉ là một người lại cái, đã tự thiến bộ phận sinh dục của mình để luyện Quỳ hoa bảo điển, đã quan hệ đồng tính luyến ái với một thủ hạ lân cận là Dương Liên Đình. Tuy nhiên, võ công của Đông Phương Bất Bại cực kỳ cao cường. Gã đã chống trả lại 4 kẻ đại địch là Nhậm Ngã Hành, Nhậm Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung và Hướng Vấn Thiên chỉ với một mũi kim thêu! Nhậm Doanh Doanh đã dùng đến một đòn phép tệ hại nhất: hành hạ "người tình" Dương Liên Đình để phân tâm Đông Phương Bất Bại, giúp cha mình giết chết Đông Phương Bất Bại.
Nhưng nhân vật quái dị được người đọc yêu mến nhất trong Tiếu ngạo giang hồ vẫn là Phong Thanh Dương, sư thúc của Nhạc Bất Quần, phái Hoa Sơn. Phong Thanh Dương là đại biểu của phe Kiếm tông (lấy kiếm làm chủ) trong khi Nhạc Bất Quần là đại biểu của phe Khí tông (lấy nội công làm chủ). Chính Phong Thanh Dương đã mắng Nhạc Bất Quần là kẻ xuẩn tài (có tài mà ngu), biến những kẻ tài năng như đệ tử Lệnh Hồ Xung thành ra ngựa gỗ,

trâu đá. Phong Thanh Dương truyền thụ cho Lệnh Hồ Xung 9 thế kiếm của Độc Cô Cầu Bại với một câu quyết duy nhất "sử kiếm liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi, nghĩ đến đâu là kiếm tới đó để chiếm tiên cơ, đẩy kẻ địch vào thế phải thủ". Toàn bộ lý thuyết của Phong Thanh Dương là "lấy vô chiêu thắng hữu chiêu và lấy công làm thủ ". Lệnh Hồ Xung đã học được bài học quý giá đó từ thái sư thúc tổ, trở thành kẻ đối nghịch với sư phụ Nhạc Bất Quần, hạ Nhạc Bất Quần và môn Tịch tà kiếm phổ của họ Nhạc, trở thành kiếm sĩ đệ nhất giang hồ. Phong Thanh Dương mình gầy như con hạc, sắc mặt điêu linh tiều tuỵ, chỉ xuất hiện một lần mà danh tiếng của Phong đã làm quần hùng chấn động.

Nhân vật quái dị đến đâu cũng là con người nên vẫn mang theo những đặc điểm, yếu tính của con người. Thế nhưng, khác hơn con người nói chung, nhân vật quái dị suy nghĩ, sống và hành động theo ý mình và thông thường sự suy nghĩ, sống và hành động đó lại vượt ra những khuôn sáo bó buộc của lương tâm, luật pháp, đạo đức. Nó gây một sự kinh ngạc và thậm chí, là sự kinh sợ cho người đọc. Một hình tượng tiêu biểu cho motif này là nàng Ôn thị, vợ của Phó bang chúa Cái bang Mã Đại Nguyên trong Thiên Long bát bộ. Tác giả Kim Dung chỉ để cho Ôn thị xuất hiện hai lần trong Thiên Long bát bộ. Lần thứ nhất với vẻ nhu mì và đau thương của một vị vong nhân (đàn bà mới goá chồng), lần thứ hai với toàn bộ phong cách dâm đãng và man rợ của một người mắc chứng cuồng dâm. Hai hình tượng đối lập trong một con người có nhan sắc tuyệt vời thật khiến cho người ta kinh sợ đến dựng cả tóc gáy.

Mọi chuyện bắt đầu từ Bách hoa đại hội, Ôn thị theo chồng là Mã Đại Nguyên, Phó bang chúa Cái bang, đi dự hội hoa xuân này. Nhan sắc tươi đẹp của người phụ nữ này đã làm cho hàng ngàn anh hùng hảo hán kinh ngạc, thán phục. Nhưng có một người không để ý tới tấm nhan sắc đó. Người đó là Bang chúa Cái bang Kiều Phong. Thật ra, Kiều Phong không hề coi thường vẻ đẹp phụ nữ; ông chỉ nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, cần phải giữ đúng lễ. Thế nhưng điều đó đã làm Ôn thị căm thù và lập tâm sẽ hại Kiều Phong để ông thân bại danh liệt. Nàng ta dựng lên một nghi án, cáo giác rằng chồng nàng biết Kiều Phong là giòng giống man rợ Khất Đan nên Kiều Phong đã giết chồng nàng để bịt miệng. Trong rừng hạnh ngoài thành Vô Tích, Ôn thị đã xuất hiện trong tư thế một người đàn bà đang chịu tang chồng, tiết lộ thân thế Khất Đan của Kiều Phong đã làm quần hùng Cái bang kinh tâm. Họ trở mặt khinh miệt ông, coi ông là kẻ thù. Kiều Phong phải đau đớn rời bỏ chức vụ, ra đi.

Kiều Phong sẽ không bao giờ hiểu được động cơ nào đã đưa Ôn thị đến việc vu cáo mình đã giết Mã Đại Nguyên, người bạn mà ông rất yêu mến, nếu không có một đêm ông rượt theo dấu vết Đoàn Chính Thuần và tận mắt

chứng kiến tấn kịch man rợ tại nhà Ôn thị. Hoá ra, Ôn thị là người tình cũ của Đoàn Chính Thuần; họ đã quan hệ thân xác với nhau và trong cơn say đắm Đoàn Chính Thuần đã thề rằng nếu ông phụ Ôn thị, thân thể sẽ bị lóc thành từng miếng thịt. Gặp lại Đoàn Chính Thuần, Ôn thị vui vẻ mở tiệc rượu cùng Đoàn Chính Thuần ăn uống đùa giỡn rồi bỏ thuốc mê vào rượu đầu độc Đoàn Chính Thuần. Ôn thị trói Đoàn Chính Thuần lại, nhắc lại lời thề xưa và há miệng cắn từng miếng thịt của tình lang! Chính trong dịp này, Ôn thị đã tiết lộ cho Đoàn Chính Thuần biết rằng mụ đã hãm hại Kiều Phong; rằng người giết Mã Đại Nguyên - chồng mụ - không ai khác hơn là Bạch Thế Kính, chấp pháp trưởng lão Cái bang và là một tình lang khác của mụ; và rằng Bạch Thế Kính đã nhại theo chiêu thức Toả hầu cầm nã thủ của Kiều Phong để bóp nát yết hầu Mã Đại Nguyên, dễ dàng thực hiện âm mưu vu cáo! Ôn thị là một nhân vật nữ vô cùng quái dị trong suốt 12 bộ kiếm hiệp tiểu thuyết Kim Dung. Trong văn học thế giới, chưa thấy có một nhân vật nữ nào đáng nể như nàng Ôn thị. Phải chăng, đó chỉ là sản phẩm thuần tuý hư cấu của trí tưởng tượng, trên đời này không hề có một phụ nữ như vậy?

Nhưng Thiên Long bát bộ không chỉ có Ôn thị mà còn có Trấn Nam vương phi Đao Bạch Phụng, vợ chánh thất của Đoàn Chính Thuần, cũng quái dị không kém. Thân danh là Vương phi của nước Đại Lý, Đao Bạch Phụng đã khám phá ra chồng mình ngoại tình với nhiều phụ nữ khác. Vậy là bà ta trả thù và cách trả thù cũng khá độc đáo: cho một gã ăn xin rách rưới hôi hám ăn nằm với mình. Lần ăn nằm đó đã sinh ra một anh thế tử bảnh trai, một nhà nho trẻ lãng mạn, si tình. Đó là Đoàn Dự. Gã ăn mày dơ bẩn đó là ai? Chính là Đoàn Diên Khánh, nhân vật đại biểu của hoàng gia nước Đại Lý, tranh chấp ngai vàng không được, đã để quyền lực cầm đầu nước Đại Lý lọt vào tay Đoàn Chính Minh, anh ruột của Đoàn Chính Thuần.

Kim Dung để cho Đoàn Dự lưu lạc giang hồ, yêu một lúc ba cô gái Mộc Uyển Thanh, Chung Linh, Vương Ngữ Yên; toàn là những người con tư sinh của Đoàn Chính Thuần. Cho đến khi chàng trai tuyệt vọng vì khám phá ra rằng mình đang yêu những cô em cùng cha khác mẹ thì Trấn Nam Vương phi mới kề tai con mà tiết lộ rằng chàng không phải là con của Đoàn Chính Thuần mà là con của Đoàn Diên Khánh! Một bà vương phi có ngoại hiệu là Ngọc diện Quan Âm mà lãng mạn và liều mạng đến thế thì thôi!

Nhân vật quái dị tuy sống rất khác đời nhưng lại sống rất người. Đối với họ, cái vỏ luân lý, đạo đức của đạo Nho không cứng lắm, có thể phá vỡ để thoát ra được để sống đúng như lòng mình muốn sống. Trong Xạ điêu anh hùng truyện, bất kỳ người anh hùng hào kiệt nào cũng lên án mối tình Tiểu Long Nữ - Dương Qua vì nàng Tiểu Long Nữ là sư phụ mà chàng Dương Qua là đồ đệ. Nho học và cả võ học Trung Quốc chưa hề cho phép một đứa học trò

trai được yêu và lấy cô giáo của mình. Kim Dung lãng mạn và cách mạng hơn: ông cho phép họ thương yêu nhau và vượt xa hơn một chút, ông cứ để cho Tiểu Long Nữ mất trinh vì một gã đệ tử hạng bét của phái Toàn Chân. Mất trinh thì mất, Dương Qua chỉ biết yêu cô giáo của mình là Tiểu Long Nữ và ngược lại, trong đôi mắt của Tiểu Long Nữ chỉ có chàng Dương Qua mà thôi. Họ dắt tay nhau đi đâu khi thành Tương Dương bị quân Mông Cổ bao vây? Chính tác giả cũng không biết điều đó. Tình yêu đã đưa họ đi thật xa, xa loài người, xa cuộc đời. Tiểu Long Nữ bỏ đi và Dương Qua tìm kiếm. Và rồi cô bé Quách Tương cũng bỏ đi tìm Dương Qua.

Có thể kể ra hàng trăm nhân vật quái dị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Họ tạo ra đặc điểm riêng cho tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tạo nên "phong cách quái dị" độc đáo đến nỗi, khi cầm lên một tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp in bằng tiếng Quan thoại cũng ký tên tác giả Kim Dung mà chẳng có "phong cách quái dị" này, ta có thể nói ngay đó là tác phẩm nguỵ tạo (nguỵ tác). Văn là người. Tư Mã Thiên đau niềm đau của kẻ sĩ bị cung hình, ráng sống để viết nên bộ Sử ký đồ sộ, trở thành viên pháp quan toàn quyền phê phán lịch sử một cách nghiêm khắc và nghiêm túc. Khuất Bình đau niềm đau của kẻ cô trung bị phụ bạc mà viết lên Ly tao rồi tìm cái chết trên dòng sông Mịch La, để lại cho đời những câu phú ngậm ngùi khôn tả. Lỗ Tấn sinh ra và lớn lên trong giai đoạn lịch sử đau thương nhất của Trung Quốc, không thể khóc nổi nữa đành phải đi tìm nụ cười ra nước mắt trong A.Q chính truyện. Kim Dung xuất thân từ một gia đình có ông nội làm quan dưới triều vua Quang Tự, đã lớn lên và từ bỏ Hoa lục ra đảo Đài Loan, đã chứng kiến được những tác hại của tư duy giáo điều và chủ nghĩa công thức sơ lược nên ông đã làm người lội ngược dòng nước. Phương pháp luận của triết học là đưa ra một chính đề, phản biện lại thành một phản đề để đi đến một hợp đề khả dĩ chấp nhận. Qua những nhân vật quái dị, Kim Dung đã đưa ra những phản đề và phần hợp đề được ông giao lại cho người đọc, để người đọc tự nhận ra. Rõ ràng là anh hùng - tiểu nhân, chính phái - tà phái, trinh tiết - bất trinh, Kiếm tông - Khí tông, vương đạo - bá đạo, cao quý - đê tiện, ôn nhu - dâm đãng... là nhữngmặt đối lập khốc liệt. Nào ai đúng, nào ai sai? Người đọc hãy tự lý giải. Kim Dung chỉ dặn dò chúng ta: *thấy như vậy nhưng không hẳn là như vậy*. Thế thôi.

Nghề kỹ nữ
NGHỀ KỸ NỮ TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Khái niệm "nghề", theo nhà kinh tế học người Anh Thomas Robert Malthus, là một cái gì có lợi cho bản thân, vừa có ích cho xã hội. Và nếu hiểu theo cái nghĩa nghiêm túc đó thì kỹ nữ không thể là một nghề. Kỹ nữ, người con gái làm nghề bán phấn buôn hương, còn có nghĩa là ả đào, con hát. Nếu người ta có thể chấp nhận ả đào, con hát là một nghề thì người ta khó có thể chấp nhận được chữ nghề trong cái người ta gọi là bán phấn buôn hương. Trong thơ của Đỗ Mục, kỹ nữ còn được gọi là "thương nữ":
Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu đình hoa
(Con hát biết chi hờn mất nước
Cách sông còn hát Hậu đình hoa
(Đỗ Mục - Bạc Tần Hoài)
Nói thì nói thế nhưng trong xã hội Trung Hoa ngày xưa, một xã hội vốn trọng nam khinh nữ, coi người phụ nữ là đồ chơi của đàn ông, có thể dễ dàng mua, bán, bắt cóc, sang nhượng hoặc đem làm quà tặng giữa những người đàn ông với nhau thì xuất hiện của nghề kỹ nữ cũng là điều rất bình thường, thậm chí được coi là hợp lý.
Nghề kỹ nữ có từ thời nào? Người ta khó mà xác định được thời điểm xuất hiện của nghề này, tuy nhiên cũng có thể khẳng định được nghề này gắn liền với chén rượu câu khách, mời khách, đàn ca làm vui và bán dâm cho khách. Theo tư liệu của ông Nguyễn Tôn Nhan đăng trên tạp chí Kiến thức ngày nay, ông tổ của nghề kỹ nữ là Bạch mi thần. Thần mày trắng có thể là Hồng Nhai tiên sinh, tên gọi Linh Luân, bầy tôi dưới thời vua Hoàng Đế, người làm ra âm luật đã được ghi trong Lã Thị xuân thu của Lã Bất Vi thời Tần. Thần mày trắng cũng có thể là Liễu Đạo Chích, thời Xuân Thu; Quản Trọng (Quản Di Ngô), thời Xuân Thu, người có công lập ra 700 nhà chứa gái để đàn ông đến mua vui, thu tiền lời để lo tiền quân quốc cho Tề Hoàn Công; cũng có thể là Lã Động Tân trong nhóm Bát tiên, nhân vật chuyên dạy hát kiêm trị bệnh hoa liễu cho phụ nữ làng chơi. Trong bất kỳ thời đại vua chúa nào ở Trung Hoa, nghề kỹ nữ cũng vẫn được hoạt động, các "viện" chứa gái vẫn mọc lên ở khắp nơi. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trở thành một bản điều tra xã hội khá ngoạn mục khi ông phản ánh cho độc giả thấy thêm được một nghề: nghề kỹ nữ.

Trong tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung có nhắc tới viện Quần Ngọc dưới núi Hành Sơn. Đây là nơi mà Lệnh Hồ Xung khuyên Điền Bá Quang nên tìm tới để giải trí, buông tha cho ni cô Nghi Lâm bé bỏng tội nghiệp. Cũng chính nơi này, Lệnh Hồ Xung đã tìm tới để dưỡng thương; Nghi Lâm được cô bé Khúc Phi Yên dẫn đến tìm anh để đưa anh đến vùng hoang sơn dã lĩnh, tránh sự truy đuổi của những kẻ thù. Cũng chính nơi này, Dư Thương Hải của phái Thanh Thành tưởng đã có cơ hội làm nhục hai phái Hoa Sơn và Hằng Sơn nếu bắt được Lệnh Hồ Xung và Nghi Lâm ở chung một phòng, nhưng cuối cùng lão đã phải chạm mặt Điền Bá Quang và đánh nhau, bị Điền Bá Quang xuyên tạc là "đánh nhau để giành một cô gái làng chơi tên là Ngọc Bảo".

Nhưng nghề kỹ nữ được mô tả đậm nét nhất vẫn là trong bộ Lộc Đỉnh ký, Vi Tiểu Bảo xuất thân từ kỹ viện Lệ Xuân ở thành Dương Châu. Mẹ của Vi Tiểu Bảo -Vi Xuân Phương - bang giao rộng rãi với các anh em Hán, Mông, Tạng, Hồi Mãn; không khẳng định được cha của Vi Tiểu Bảo là ai. Chính Vi Tiểu Bảo cũng trải qua tâm trạng buồn bực, ghen tị khi má mình đã già (trên 30 tuổi), không có được khách sang, khách sộp của các kỹ nữ trẻ tuổi khác. Kim Dung cũng cho biết các cấp bậc trong các kỹ viện ở Dương Châu. Má má là chủ viện, người bỏ tiền ra mua gái về, có toàn quyền sinh sát đối với các cô gái. Mụ dầu là những người đàn bà lớn tuổi, chuyên môi giới giới thiệu, làm môi giới mại dâm. Kỹ nữ là người trực tiếp bán dâm trong các kỹ viện, lại kiêm nhiệm vụ mời khách uống rượu và kêu đồ nhậu. Nội dung công việc của họ là khuyến khích bọn khách chơi xài tiền nhiều càng tốt. Quy nô là những chàng trai cô gái có nhiệm vụ phục vụ các công việc vặt trong kỹ viện: nấu nướng thức ăn, pha rượu, dọn bàn ghế, mua đồ ăn cho kỹ nữ và... đánh đập những cô gái nhà lành, dằn mặt họ nếu họ không chịu bán trinh, không chịu tiếp khách.

Chính Vi Tiểu Bảo đã từng mơ ước một ngày có số tiền lớn, tìm đến một viện nào đó ăn xài phung phí cho sướng tay ba ngày ba đêm. Về sau, làm đại thần trong triều Khang Hy rồi, Vi Tiểu Bảo mang số tiền lớn về cho mẹ để mẹ có thể mở một Lệ Thu viện, Lệ Đông viện, Lệ Hạ viện ; cạnh tranh cho cái Lệ Xuân viện mà hắn đã từng lớn lên và chịu nhục phải sụp tiệm, rồi đời. Ngay bà Vi Xuân Phương, khi nhìn thấy đàn con dâu tươi đẹp của mình, trong đó có đủ tất công chúa, phu nhân, tiểu thư quyền quý; đã khen con mình có con mắt tinh đời. Trong tư tưởng khinh doanh kỹ viện của bà già chồng này thì cứ cái đàn gái đó mà lập thành một viện thì ắt thành Dương Châu sẽ không có viện nào còn bóng đàn ông nữa.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung xây dựng một tình huống xảy ra tại Lệ Xuân viện khá buồn cười. Trịnh Khắc Sản dẫn A Kha (cô gái mà Vi Tiểu Bảo đang say đắm) hoá trang thành một vị công tử, xuống Lệ Xuân viện ở

Dương Châu để đón bắt Vi Tiểu Bảo. Bà Vi Xuân Phương cứ tưởng đây là hai khách sộp, cố gắng rót rượu mời chào, ôm Trịnh Khắc Sản và A Kha hôn hít hoài. Vi Tiểu Bảo thấy cảnh đó vừa bực tức vừa sợ Trịnh Khắc Sản, tình địch của mình sẽ trở thành cha hờ của hắn đêm ấy; vừa buồn cười vì mẹ ruột của mình cứ hôn hít bồ của mình, tưởng A Kha là đàn ông phong lưu.
Thành đô nhộn nhịp có kỹ viện không lạ. Lạ nhất là những nơi tôn nghiêm như chân núi Thiếu Thất dưới chùa Thiếu Lâm, Hồ Nam cũng có kỹ viện. Chính Vi Tiểu Bảo trong lớp áo của Hối Minh thiền sư, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm, chịu không nổi cảnh chay tịnh của nhà chùa, đã thay áo đội khăn lén khỏi chùa đến kỹ viện chơi. Lúc hắn đang say sưa cho tiền bọn kỹ nữ, gác tay gác chân lộn xộn thì A Kha và A Kỳ đến tìm hắn để tấn công. Hắn nhanh trí nói dối A Kỳ là vợ lớn, A Kha là vợ nhỏ, nghe hắn đi chơi kỹ viện nổi ghen đến quậy. Để tránh sự truy bắt của A Kỳ, A Kha, hắn dùng kế "kim thiền thoát xác", mượn áo bọn kỹ nữ mặc vào, cho tiền đậm bọn kỹ nữ nhờ chúng chửi bới A Kha, A Kỳ rồi chia hai tốp kéo ra cổng trước và cổng sau. Thấy bọn kỹ nữ kéo ra, A Kỳ và A Kha không dám chém. Vi Tiểu Bảo nhờ thế mà thoát nạn, chỉ thương bọn kỹ nữ vì ăn tiền chửi mắng hăng quá, bị A Kỳ và A Kha đánh cho sứt đầu mẻ trán, kêu khóc om sòm. Sau này A Kỳ và A Kha đem chuyện hắn đi chơi kỹ viện thưa với phương trượng chùa Thiếu Lâm là Hối Thông thiền sư. Vi Tiểu Bảo tưởng đã chết đến nơi, ai ngờ có một nhân vật là Dương Dật Chi đứng ra đỡ đòn cho hắn. Dương Dật Chi cho biết hắn là thái giám được hoàng thượng tin tưởng. Mà thái giám thì còn đi kỹ viện sao được. Cho nên mọi vị sư tăng trong chùa Thiếu Lâm đều kính ngưỡng hắn và cho rằng câu chuyện của A Kỳ và A Kha là chuyện bịa đặt, vu cáo một nhà tu hành đạo đức sáng rỡ!
Nhưng thật ra, kỹ viện không chỉ là nơi mại dâm. Nếu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, bọn hào sĩ giang hồ bị bọn quan binh truy nã; người bị thương thì lánh vào kỹ viện trị thương, thì trong thực tế, các danh sĩ thường tìm đến kỹ viện để nghe hát làm thơ, rồi dạy các kỹ nữ hát những bài thơ của mình thành nhạc phổ. Kỹ viện trở thành nơi nương náu của những tâm hồn cô độc, của những người bị vua chúa lưu đày. Trong những trường hợp đó thì kỹ nữ trở thành người bạn tri âm.
Chúng ta đã từng biết Bạch Cư Dị bị giáng làm Tư mã Cửu Giang, đã từng làm bài Tỳ bà hành ca ngợi tiếng đàn của một kỹ nữ dài 622 câu. Trong phần đề tựa, Bạch Cư Dị đã viết: "Năm Nguyên Hoà thứ mười (816), ta bị giáng làm Tư mã huyện Cửu Giang ... tiễn khách ở bến Bồn, giữa đêm nghe tiếng tỳ bà ở trên thuyền ... hỏi ra thì đó là ca nữ ở Trường An". Tác giả ngồi nghe tâm sự của người ca nữ đó. Bản thân người ca nữ đó là một nhân vật có học, có lòng tự trọng, không phải khách nào mời cũng ra:
Di thuyền tương cận yêu tương kiến

Thiên tửu hồi đăng trùng khai yến
Thiên hô vạn hoán thỉ xuất lai
Do bão tỳ bà bán già diện
(Ghé thuyền đến cạnh chào mời
Khêu đèn thêm rượu lại bày tiệc hoa
Nằn nì mời mãi mới ra
Ôm đàn che nửa mặt hoa thẫn thờ)
(Trần Trọng Kim dịch)
Lý Bạch cũng từng tìm thấy nguồn cảm hứng trong những chén rượu mà các nàng Ngô cơ chào mời ông trong bài Kim Lăng tửu tứ lưu biệt:
Phong xuy liễu hoa mãn điếm hương
Ngô cơ áp tửu khuyến khách thường
(Gió đưa hương liễu đầy nhà
Gái Ngô chuốc rượu thiết tha ép nài)
Nhưng có lẽ Đỗ Mục với 10 năm lưu lạc ở Giang Nam mới hiểu được tấm lòng của người hồng nhan tri kỷ xuất thân từ giới kỹ nữ:
Lạc phách giang hồ tái tửu hành
Sở yêu tương tế chưởng trung khinh
Thập niên nhất giác Dương Châu mộng
Dinh đắc thanh lâu bạc hạnh danh
(Lưu lạc giang hồ đã bấy lâu
Cùng người nhỏ bé ở bên nhau
Mười năm sực tỉnh Dương Châu mộng
Mang tiếng trăng hoa nghĩ lại sầu)
(Hàn Giang Nhạn dịch)
Và đúng như truyền thống các bậc nhà văn tiền bối, Kim Dung cũng không hề xây dựng nững nhân vật thuần tuý là những cô gái làng chơi trong tiểu thuyết võ hiệp của mình. Tôi có dịp khắc hoạ nhân vật Trần Viên Viên như một thiên hạ đệ nhất mỹ nhân, một danh kỹ, tuy xuất thân từ chốn phong trần nhưng đẹp tuyệt vời và thông minh vô hạn, có một quan hệ lạ lùng đến lịch sử Trung Hoa thời Minh mạt - Thanh sơ. Nhân vật có thật này trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo cho danh sĩ Ngô Mai Thôn đời Thanh viết thành Viên Viên khúc. Và cũng ngay trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung cũng xây dựng nên những đoạn kể chuyện các quan ở Dương Châu chiêu đãi khâm sai đại thần Vi Tiểu Bảo bằng cách mời ba kỹ nữ tài năng. Người thứ nhất là Lương Ngọc Kiều, tuổi ngoài 30, ăn mặc hoa lệ nhưng nhan sắc cũng tầm thường. Người thứ hai lối ba mươi bốn, ba mươi lăm nhưng "cử chỉ thuần nhã, giọng ca thánh thót; gặp những câu khúc chiết vi diệu tiếng hát càng thanh thoát lên bổng xuống trầm, biến hoá vô cùng". Cô hát bài Vọng Hải Triều, thơ của Tần Quan đời Tống, ca ngợi đất Dương Châu. Người thứ ba

là một kỹ nữ tuổi ngoài bốn mươi, trán nhiều vết nhăn, mắt nhỏ ti hí nhưng được đánh giá là đệ nhất danh kỹ Dương Châu. Cô ôm tỳ bà hát một bài mới của Tra Thận Thành (viễn tổ của Kim Dung); các quan ở Dương Châu ngồi nghe tâm hồn bay bổng. Chỉ có Vi Tiểu Bảo là chán nản bởi vì gã chỉ thích gái trẻ, mà có hát thì phải hát những bài dâm đãng như Thập bát mô. Cho nên khi gã đòi cô danh kỹ này hát Thập bát mô, cô đã liệng đàn, ôm mặt khóc bỏ chạy khỏi bữa tiệc.

Với tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đã hé mở cho ta thấy sự tồn tại của giới kỹ nữ và các kỹ viện trong những chế độ quân chủ Trung Hoa. Biết sao được, pháp luật ấy công nhận kỹ nữ là một nghề thực thụ. Điều đáng quý ở nơi ông là ông đã nhìn những kỹ nữ dưới con mắt của nhà văn nhân bản và nhân đạo: không lên án cái nghề ti tiện của họ, mà thậm chí còn có khuynh hướng ca ngợi, biểu dương các danh kỹ như các nhà văn tiền bối đã làm. Nhưng tôi cho rằng cái cam đảm nhất ở ông là đã để cho một thàng nhóc con của một kỹ nữ, lớn lên trong kỹ viện trở thành công tước của triều Thanh, đè đầu cưỡi cổ thiên hạ, kể cả những bậc vương công đại thần, Đó là Vi Tiểu Bảo. Kim Dung muốn chứng minh một định đề: trước những ba động của lịch sử thì một gã lưu manh, một con gái điếm, cũng có thể trở thành người "cao quý " nhất thiên hạ. Định đề đó quả thật buồn và thật đắng cay!

Con trâu
CON TRÂU TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung không phản ánh về hoạt động nông nghiệp của nông dân Trung Quốc mà chỉ phản ánh thế giới võ hiệp – một thế giới hoàn toàn hư cấu do trí tưởng tượng phong phú của tác giả. Tuy nhiên, xuất thân từ một đất nước rộng lớn trong một giai đoạn mà nền nông nghiệp còn sản xuất nhỏ và lạc hậu, Kim Dung đã đưa vào trong tiểu thuyết của mình hình ảnh nông thôn Trung Quốc, những nông dân và sinh hoạt nông nghiệp Trung Quốc. Ta thử bàn về con trâu trong tác phẩm của ông.

Trong ngôn ngữ Trung Quốc, trâu là ngưu hoặc hắc ngưu để phân biệt với con bò là hoàng ngưu. Ở chừng mực nào đó, Kim Dung cũng đã thể hiện tình cảm của mình đối với con trâu, sức kéo tiêu biểu trong nông nghiệp truyền thống Trung Quốc. Trong tác phẩm Thần điêu hiệp lữ, trí tưởng tượng của tác giả đã phát huy đến cao độ khi ông để cho chàng trai Dương Qua "mượn" tạm một con trâu của người nông dân, mặc bộ quần áo của trẻ chăn trâu, đốt đuốc phía sau đít trâu để trâu phóng thục mạng vào vòng vây của quân Mông Cổ xâm lược. Con trâu của Dương Qua xông trận còn hữu hiệu hơn cả con ngựa chiến Mông Cổ. Phải chăng đó là hình ảnh tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa nông dân tại thành Tương Dương? Cuộc khởi nghĩa Tương Dương đã bị quân Nguyên tắm máu, giang sơn Trung Hoa chìm trong ách Di Địch nhưng hình tượng Dương Qua cỡi trâu xông trận vẫn còn mãi với Thần điêu hiệp lữ và được hiện thực hóa bằng điện ảnh.

Chàng trai Quách Tĩnh trong Xạ điêu anh hùng truyện được thầy mình là Hồng Thất Công đặt tên cho là Thuỷ Ngưu (trâu nước), còn có biệt hiệu là Ngưu Canh Điền (trâu cày ruộng). Ấy bởi vì tướng mạo Quách Tĩnh mộc mạc quê mùa, nước da ngăm ngăm đen, ít miệng lưỡi, chậm hiểu, tướng phục phịch như con trâu.

Con trâu có mặt khắp mọi nơi trong tiểu thuyết Kim Dung. Trâu chết đi để lại cho người thịt và da. Bọn quần tiên 36 động 72 đảo trong Thiên Long bát bộ chuyên ăn thịt trâu khi tấn công lên cung Linh Thứu, núi Phiêu Diễu. Và bọn họ ăn như ngựa, uống như trâu (mã thực, ngưu ẩm). Bọn quần hào Trung Nguyên, từ đám bàng môn tả đạo ủng hộ Lệnh Hồ Xung tấn công lên chùa Thiếu Lâm núi Thiếu Thất trong Tiếu ngạo giang hồ đến bọn lên ủng hộ Thiếu Lâm anh hùng đại hội trong Thiên Long bát bộ đều đánh trống bằng da trâu. Có lẽ da trâu dày hơn da bò mới chịu được công lực của các vị

đại gia ấy chăng? Cái tiết tấu ồn ào, phức tạp của họ làm cho ma quỷ, thánh thần cùng kinh hãi. Da trâu được dùng làm vũ khí và đôi khi là công cụ để thi hành hình luật. Đó là roi da trâu, tức ngưu bì tiên, đánh đến đâu nghe đến đó! Sừng trâu được cưa làm chung đựng rượu. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Tổ Thiên Thu đã thuyết Lệnh Hồ Xung rằng rượu trắng ngoài quan ngoại đựng trong sừng trâu. Sở dĩ dùng sừng trâu làm chung uống rượu vì chất sừng tanh tanh, có như thế mới chế ngự được mùi vị cay nồng của rượu trắng.

Tên tuổi của con trâu cũng được nhà tiểu thuyết mượn tạm để chế ra môn phái, ám khí và võ công. Các vị đạo sĩ tu theo pheo phái Võ Đang như Xung Hư trong Tiếu ngạo giang hồ, Trương Tam Phong trong Ỷ thiên Đồ long ký được gọi là các lão "lỗ mũi trâu". Mô phỏng theo hình dáng sợi lông trâu, bọn bàng môn tả đạo chế ra thứ ám khí gọi là Ngưu mao châm. Trong Thiên Long bát bộ, Tang Thổ Công, động chủ động Bích Lân, đã bắn thứ này vào bọn Mộ Dung Phục khiến phe Cô Tô Mộ Dung ngứa ngáy vô kể. Tuy nhiên điểm sáng nhất của Kim Dung lại nằm trong môn Cách sơn đả ngưu thần công. Như tên gọi, loại công phu này có điểm cách biệt là đánh được con trâu mà giữa con trâu và người đánh có một vật cản là hòn núi. Tất nhiên cả hai khái niệm trâu và núi đều mang tính ẩn dụ cao độ. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung đã để cho quốc sư nước Thổ Phồn là Cưu Ma Trí biểu diễn công phu này. Cưu Ma Trí vận chưởng của phái Thiếu Lâm, đứng từ xa vung tay đánh cách không vào chiếc lư hương bằng đồng. Phía bên này lư hương vẫn bình thường nhưng ở phía bên kia, phần đồng bị cắt ra một miếng đúng như bàn tay của Cưu Ma Trí. Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung cũng để cho Vi Tiểu Bảo biểu diễn Cách sơn đả ngưu thần công. Hắn vận "công lực" và đấm vào các vị Lạt ma Tây Tạng những thế võ nhẹ hều. Nhưng các nhà sư Tây Tạng lại lăn ra chết. Tại sao vậy? Trong tay áo thùng thình, hắn đang cầm một lưỡi truỷ thủ bén ngọt. Hắn vung tay lên không phải để đánh quyền mà là dùng truỷ thủ đâm lén. Da thịt nào chịu nổi loại thần công gớm ghiếc như vậy?

Người đời thường bảo ngu như trâu, dở như trâu. Nhưng trong tác phẩm võ hiệp Kim Dung, con trâu đã chẳng ngu mà lại chẳng dở chút nào. Cuốn Ỷ thiên Đồ long ký xây dựng một nhân vật thầy thuốc mà y thuật cao đến độ thần thông, mang tên trâu xanh: Hồ Thanh Ngưu. Ngoại hiệu của Hồ Thanh Ngưu là Điệp Cốc y tiên và chỗ ở của ông là Hồ Điệp Cốc. Cả ngoại hiệu và chỗ ở của Hồ Thanh Ngưu cho thấy được chất lãng mạn mênh mông của nhân vật này.

Có một con trâu khác trở thành đối tượng được các cô thiếu nữ nhan sắc kiện tướng công huân say mê như điếu đổ. Đó là chàng Trương Vô Kỵ, khi trốn vào hang núi mới có 15 tuổi. Trong 5 năm học võ, chàng trở thành bậc

thượng thừa. Trượt tuyết rớt xuống chân núi gãy cả hai chân, chàng tự xưng là Tăng A Ngưu (Tăng Văn Trâu). Lên đến Quang Minh đỉnh giải vây cho quần hùng Minh giáo, chàng vẫn là Tăng A Ngưu. Tăng A Ngưu có đến bốn cô bạn sắc nước hương trời, một "tài sản" mà không một hoàng đế Trung Hoa nào có được: Triệu Mẫn, quận chúa hoa hậu Mông Cổ; Tiểu Siêu, hoa khôi thánh nữ sứ Minh giáo Ba Tư; Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga Mi; Hân Ly, tức Châu Nhi, em cô cậu. Cuối cùng Tăng Văn Trâu chọn Triệu Mẫn vui chơi bốn biển năm hồ mặc dù anh có đủ tài năng và tư cách lên nắm ghế lãnh đạo cao nhất trong lực lượng khởi nghĩa kháng Nguyên ở Hoài Tứ. Thuộc hạ của anh là Chu Nguyên Chương đã nắm quyền khởi nghĩa thành công, xưng đế hiệu là Minh Thái Tổ, mở ra nhà Minh (1368 - 1643), truyền được 13 đời. Tăng A Ngưu Trung Quốc đi theo đóa hoa lài Mông Cổ nhưng trong trường hợp này chẳng ai dám chế giễu nhà văn Kim Dung đem bông hoa lài cắm bãi cứt trâu!

Người Tây dương

NGƯỜI TÂY DƯƠNG TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Người Trung Quốc vẫn gọi người châu Âu là Tây dương quỷ (bọn quỷ ở bờ biển phía Tây) hoạc Hồng mao quỷ (bọn quỷ lông tay đỏ). Khi dùng cách gọi như thế, người Trung Quốc đã tự cho họ cái quyền được mạt sát người châu Âu, coi dân châu Âu không phải là người.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã có những đoạn, những chương thuật lại các quan hệ với người Tây dương. Đầu tiên là người Nga. Cuộc chiến tranh Trung - Nga dưới triều Khang Hy đã diễn ra tại thành Ni Bố Sở (Nertohinsk) năm 1669. Vi Tiểu Bảo làm nguyên soái, tư lệnh các lộ quân Thanh triều, đi đánh quân Nga. Tư lệnh Nga là Á Nhĩ Thanh Tư Cơ (Alsinsky) bị bắt. Hầu tước Nga là Phí Diêu Đa La (Feodore) phải xin cầu hoà. Trong giai đoạn này, Vi Tiểu Bảo thu nhận hai tay đội trưởng Nga để làm người đưa tin về cho công chúa Tô Phi Á (Sophia). Một người tên là Hoa Bá Tư Cơ (Vabasky) và một người tên là Tề Lạc Nặc Phu (Delanov). Hai người này đã giúp chuyển thư từ, quà cáp của Vi Tiểu Bảo về cho Tô Phi Á và đồng thời cũng đem tin tức, quà cáp của Tô Phi Á lại cho Vi Tiểu Bảo. Do trình độ chữ Hán mập mờ, chữ Nga lại ấm ớ, Vi Tiểu Bảo đọc tên hai người này là Vương Bát Tử Kê (gà chết khốn nạn) và Trư La Noạ Phu (con heo hèn hạ). Lộc Đỉnh ký cũng nhắc đến đại sứ Nga Tư Ba Tháp Lôi (Spartinary) và đoàn quân Nga bị bắt về Bắc Kinh, được vua Khang Hy trọng dụng, kêu bằng Nga La Tư tá lĩnh.

Ngay trong triều đình Khang Hy, nhà vua cũng đã trọng dụng hai nhân tài Tây Dương. Người thứ nhất là Thang Nhược Vọng (Adam Schall), quốc tịch Đức, giám đốc đài Thiên văn Bắc Kinh. Cuộc đời của Thang Nhược Vọng rất may mắn khi gặp được vua Khang Hy. Thời ThuânTrị, Thang Nhược Vọng đã được tin tưởng, cho làm công việc tính thiên văn, lịch pháp. Năm Khang Hy thứ ba (1665), Toà Khâm thiên giám tính lộn ngày nhật thực; Thang Nhược Vọng khám phá ra sơ suất ấy, trình Khang Hy. Dương Quang Tiến, viên quan tính lộn nhật thực, đâm ra thù Thang Nhược Vọng, muốn trả oán. Tiên bèn lấy cuốn Đại Thanh thời hiến lịch do Thang Nhược Vọng viết ra dưới thời Thuận Trị, tiên đoán nhà Thanh chỉ ở ngôi 200 năm, làm một bản tâu lên Khang Hy rằng nhà Đại Thanh có thượng đế phù hộ, sẽ trường tồn vạn năm. Chuyện Thang Nhược Vọng cho rằng Đại Thanh chỉ bền vững

200 năm là nguyền rủa Đại Thanh. Lúc đó, Khang Hy mới 11 tuổi, quyền hành đang ở trong tay cố mệnh đại thần Ngao Bái. Ngao Bái nghe tâu, bèn bắt Thang Nhược Vọng, định xử lăng trì. Nhưng Khang Hy phát giác được chỗ để cứu THang Nhược Vọng. Nhà vua nhỏ tuổi bàn: cuốn Đại Thanh thời hiến lịch làm ra năm Thuận Trị thứ 10 (1653) chẳng ai nói gì; thậm chí vua còn ban cho Thang Nhược Vọng tước vị Thông Huyền giáo sư. Nay đem Thang Nhược Vọng ra giết đi thì chẳng khác nào mạt sát tiên hoàng Thuận Trị là u mê, tối tăm. Nhà vua bàn nên giam Thang Nhược Vọng lại. Khi Ngao Bái bị giết, nhà vua cho thả Thang Nhược Vọng ra, làm giám đốc Thiên văn đài như cũ, phong tước Thông Minh giáo sư (vì tên của Khang Hy là Huyền Hoa, phải kỵ huý nên bỏ tước Thông Huyền giáo sư).
Người thứ hai là Nam Hoài Nhân (Ferdinard Verbiest) gốc Bỉ Lợi Thì (Belgique). Người này rất trung thành với Khang Hy chuẩn bị đánh Ngô Tam Quế, nhà vua đã nhờ đến cả Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng giám đốc toàn bộ công trình đúc đại bác cho mình, Cả hai đều là giáo sĩ dòng Tên (Jésuite) làm cho quan dưới triều Khang Hy và đã có nhiều đóng góp lớn lao giúp Khang Hy bình định Trung Quốc.
Chính Vi Tiểu Bảo cũng mến mộ hai người Tây dương này. Y gọi họ là "ngoại quốc lão huynh". Vi Tiểu Bảo rất kinh phục kỹ thuật đúc trọng pháo của hai "ngoại quốc lão huynh". Sau đó, đi đánh người Nga La Tư ở Ni Bố Sở, Vi Tiểu Bảo cũng mời các "ngọai quốc lão huynh" cùng đi trong quân để làm người phiên dịch trong đàm phán phân chia ranh giới và viết hoà ước bằng tiếng Latin cho mình.
Lộc Đỉnh ký cũng có những đoạn thuật lại cuộc chiến đấu của quân dân đảo Đài Loan chống lại người Hà Lan. Kim Dung gọi viên tư lệnh Hà Lan là Quỷ Nhất (?). Tra cứu trong chính sử Trung Quốc, chúnh tôi chưa tìm được đích xác tên gốc của viên tư lệnh này. Tất nhiên, đối với những kẻ đến xâm lược đất nước mình. Kim Dung dùng từ "Quỷ" cũng chẳng có gì là quá đáng. Chính trong tác phẩm của mình, Kim Dung cũng thừa nhận rằng sức mạnh hoả khí của người Tây dương là ghê gớm, không có một thứ "thần công" nào của giới võ lâm Trung Quốc có thể địch nổi. Ngô Tam Quế tặng cho Vi Tiểu Bảo một cặp súng lục của Nga, hắn bắn thử một phát, sạt nửa hòn giả sơn, khiến cho gã sợ hãi muốn... ra quần. Cũng vậy, ra diễn võ trường Bắc Kinh xem thử súng đại bác của Man Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng chế ra, gã kinh hoàng nghe trọng pháo nổ hai lần. Cho nên, nói chuyện võ công là nói chơi, chuyện chiến đấu bằng súng đạn trên chiến trường mới là chuyện thật. Những chiến thắng của quân dân Đài Loan trước quân Hà Lan, của quân Thanh trước quân Nga chẳng qua cũng chỉ là kinh nghiệm dùng cái thô sơ để chống chọi với cái tiên tiến. Người Trung Quốc đã biết đưa quân dùng ván ghép lại để che đạn, cho quân đi sau dùng đoản đao xung phong chặt chân

người Tây dương. Lịch sử Trung Quốc gọi đó là Đằng bài quân. Điều may mắn cho họ là ở thế kỉ 17, súng đạn chưa có được sức mạnh sát thương ghê gớm như ngày nay. Cho nên họ đã chiến thắng được Tây dương quỷ.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kỹ thuật
CÁC KỸ THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Khái niệm khoa học - kỹ thuật là khái niệm khá mới mẻ, khái quát những phát minh sáng chế sử dụng phục vụ cho con người. Từ ngàn xưa, dân tộc Trung Hoa cũng có những phát kiến khoa học – kỹ thuật riêng của họ. Và thật thú vị khi ta gặp lại một số kỹ thuật sơ đẳng đó trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung.
Kim Dung cho ta biết người Trung Hoa đã biết sử dụng chất cường toan (acid) vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Đầu tiên, chất acid dùng để viết chữ. Bộ Ỷ thiên Đồ long ký có nhắc đến sáu thanh Thánh hỏa lệnh của Bái hỏa giáo Ba Tư do 3 sứ giả của tôn giáo này đem vào Trung Quốc, dùng như một loại vũ khí, trên đó có khắc pho võ công quái dị của người Ba Tư. Trương Vô Kỵ, giáo chủ Bái hỏa giáo Trung Quốc (Kim Dung dùng từ Minh giáo – Manichéisme) sử dụng võ công tuyệt thế đoạt lấy được các thẻ Thánh hỏa lệnh. Điều đặc biệt là các Thánh hỏa lệnh không phải bằng xương, bằng ngà, bằng thép mà bằng một loại hợp kim rất lạ. Để viết được tâm pháp võ công trên Thánh hỏa lệnh, người Ba Tư phải nhúng thánh hỏa lệnh vào sáp, lấy cọ cứng viết chữ trên mặt sáp rồi dùng chất cường toan đồ theo nét chữ nhiều lần mới in sâu được chữ vào Thánh hỏa lệnh
Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung đã biết dùng cường toan làm vũ khí chiến đấu. Trong Ngũ kỳ của Minh giáo Trung Quốc, có đội Hồng thủy kỳ chuyên dùng ống phun cường toan vào kẻ địch. Trên sân chùa Thiếu Lâm, họ đã biểu diễn màn đánh cường toan vào bầy chó sói cho quần hùng mục kích. Bộ Tiếu ngạo giang hồ cũng nói đến kỹ thuật đánh cường toan này. Bọn giáo chúng Nhật Nguyệt giáo ngụy trang lên Hằng Sơn chúc mừng lễ nhậm chức chưởng môn của Lệnh Hồ Xung đã đem theo ống phun nước cường toan, vây hãm Lệnh Hồ Xung, Phương Chứng – trụ trì chùa Thiếu Lâm và Xung Hư – chưởng môn phái Võ Đang….
Kim Dung còn đề cập đến kỹ thuật dùng thuốc nổ. Đầu tiên thuốc nổ được dùng như một loại pháo thăng thiên, nổ trên không trung cho ra những hình ảnh đặc biệt. Đây là cách triệu tập đồng môn, đệ tử của từng môn phái. Từ

thuốc nổ làm pháo, Kim Dung bàn đến kỹ thuật chôn thuốc nổ để đánh mìn. Phái Tiêu Dao trong bộ Thiên Long bát bộ có kỹ thuật đánh mìn cực giỏi. Bọn Hàm Cốc bát hữu của phái Tiêu Dao dùng thuốc nổ làm mìn chống lại Đinh Xuân Thu. Trong Tiếu ngạo giang hồ, phái Võ Đang chôn thuốc nổ ở núi Hằng Sơn định tiêu diệt Nhật Nguyệt giáo. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Viên Chân (tức Thành Khôn) chôn thuốc nổ hòng tiêu diệt Minh Giáo. Họ đều biết cách chuyền dây dẫn, kích hỏa, tạo phản ứng nổ…

Lịch sử cho ta biết người Trung Hoa là dân tộc đầu tiên tìm ra thuốc nổ phục vụ nghề làm pháo. Điều thú vị là trong tiểu thuyết Kim Dung không có vụ nổ nào thành công bởi vì cuối cùng chẳng có ai kích hỏa. Tất cả đều kết thúc tốt đẹp, nhân vật giang hồ không ai chết tập thể vì thuốc nổ, dù đã được chôn theo đúng dự kiến.

Bộ Thiên Long bát bộ cho chúng ta biết kỹ thuật sử dụng chất lân (phosphore) làm vũ khí. Phái Tinh Tú của Đinh Xuân Thu lấy chất lân chế ra những viên đạn dùng để bắn vào thân thể người khác. Ngọn lửa xanh biếc của chất lân bám vào quần áo da thịt người bị bắn, bốc cháy khiến cho nạn nhân đau đớn kêu gào rất thảm thiết trước khi chết. Phái Tinh Tú sử dụng loại đạn này để trừng phạt các giáo đồ có âm mưu phản thầy, dối bạn đồng môn.

Sự thật của sức mạnh trong việc đánh nhau chủ yếu vẫn là vũ khí. Vũ khí càng mới mẻ, việc đánh nhau càng dễ đưa đến thành công. Trong Lộc Đỉnh ký nói đến kỹ thuật đúc súng đại bác: vua Khang hy lặng lẽ giao cho 2 giáo sĩ người Tây Dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng luyện kim đúc súng đại bác. Nhà vua chuẩn bị việc đánh nhau với Bình Tây vương Ngô Tam Quế ở Vân Nam và với quân Nga ở biên giới Đông Bắc. Súng đại bác thời đó chưa có bộ phận kích hỏa, phải đốt mồi lửa sau đuôi trái đạn để tạo phản ứng nổ đẩy trái đạn bay đi. Đây là 1 dạng sử dụng thuốc bồi trong pháo binh hiện đại. Để buổi thao diễn kích thích tinh thần sĩ tốt, Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng cho xây sẵn những gò nổng làm mục tiêu, bên trong gò nổng chứa đầy diêm sinh, lưu huỳnh. Quả đạn rơi trúng mục tiêu nổ bùng khiến các chất trên bốc cháy rực trời. Bọn sĩ tốt phấn khởi, hoan hô vạn tuế muốn bể cả võ trường.

Kỹ thuật luyện kim được Kim Dung nhắc đến nhiều nhất trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông. Bọn hào sĩ giang hồ đánh nhau thường sử dụng đến 2 thứ vũ khí cổ điển là đao và kiếm. Kim Dung đề cập đến loại bảo đao, bảo kiếm như Đồ long đao và Ỷ thiên kiếm (Ỷ thiên Đồ long ký) chém sắt như chém bùn. Ông cũng đề cập đến các loại trủy thủ (dao găm) chế bằng hợp kim đặc biệt như lưỡi trủy thủ của Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký. Loại trủy thủ này bén ngọt đến nổi Vi Tiểu Bảo đâm xuyên qua vách ván giết chết mấy Lạt ma Tây Tạng cứu thầy mình là Cửu Nạn sư thái mà người ở hiện

trường chẳng biết tại sao các Lạt ma chết đi. Trong Hiệp khách hành, ông đề cập đến một thứ lệnh bài làm bằng huyền thiết (thép đen) của Tạ Yên Khách. Tạ Yên Khách lấy kiếm chém vào Huyền thiết lệnh, kiếm gãy mà lệnh bài vẫn không suy suyển chút nào.

Nhắc đến thuật luyện kim, Kim Dung không quên khoác vào cho thuật này chất huyền bí. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, ông kể lại chuyện quần hùng Minh giáo nối lại cây đao Đồ long đã gãy. Trên ngọn lửa đỏ phừng phừng, tất cả các loại kềm gắp bảo đao nóng quá, chảy ra thành chất lỏng mà bảo đao vẫn chưa nối lại được. Trương Vô Kỵ phải cho bọn giáo chúng mượn bốn thanh Thánh hỏa lệnh kẹp bảo đao. Ngọn lửa cháy cao, một thuộc hạ của Vô Kỵ phải múa kiếm đâm bạn mình cho máu phun vào chỗ đương ráp nối, bảo đao mới lành lặn lại được. Câu chuyện nhắc ta nhớ lại huyền thoại luyện 2 thanh kiếm Can tương và Mạc gia (Mạc tà) thời Chiến quốc.

Ỷ thiên Đồ long ký cũng đề cập đến việc sử dụng dầu đá (thạch du – dầu thô lấy từ mỏ ra, chưa được chế biến) của người Trung Quốc cuối đời Nguyên. Trong đội ngũ kháng chiến của Minh giáo có đội Liệt hỏa kỳ chuyên lấy dầu thô phun qua ống thụt để đánh hỏa công. Nói đến việc lấy dầu thô là nói đến kỹ thuật khai thác quặng mỏ. Minh giáo bắt nguồn từ Ba Tư nên rất rành kỹ thuật khai thác loại dầu này.

Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng kỹ thuật lạ nhất được Kim Dung đề cập đến là kỹ thuật chưng cất rượu. Kỹ thuật này được đề cập trong Tiếu ngạo giang hồ. Đan Thanh tiên sinh ở Giang Nam đem 3 chiêu kiếm truyền cho kiếm khách Mạc Hoa Nhĩ người Thổ Lỗ Phồn (Thổ Phồn – Tourfan) để đổi được 4 thùng rượu Bồ đào đã cất được 120 năm. Vận chuyển loại danh tửu này từ Thổ Lỗ Phồn về đến Giang Nam phải mất bốn tháng, đường đi lại khó khăn nên đến Giang Nam chất rượu lại chua, không được thuần mỹ. Đan Thanh vào hoàng cung, bắt cóc một chuyên gia của ngự trù phòng chuyên chưng cất rượu cho vua uống đem về Giang Nam buộc gã phải chưng lại mấy thùng Bồ đào tửu cho mình. Rượu được chưng lại đúng 13 tháng thì Đan Thanh gặp được "ông trùm" uống rượu Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung mới uống một hớp Bồ đào tửu đã lấy làm lạ, nhận xét trong cái mới có cái cũ, trong cái cũ có cái mới, dường như đã 120 năm mà cũng dường như mới 12 tháng. Đan Thanh hân hoan cho biết thứ Bồ đào tửu này đã được Mạc Hoa Nhĩ 3 lần cất, 3 lần chưng, về đến Giang Nam lại chưng cất thêm một lần nữa. Cho nên vị rượu vừa 120 tuổi mà cũng vừa 13 tháng là như vậy.

Kỹ thuật sau cùng đáng quan tâm là kỹ thuật dệt kim. Kim Dung giới thiệu một loại bảo y hộ thân rất hiệu nghiệm, được dệt bằng sợi kim ty (tơ kim khí) phối hợp với tơ tằm ngàn năm trên đỉnh Tuyết Sơn. Loại áo này là nội y, mặc lót bên trong, đao kiếm đâm không lủng, quyền chưởng đánh không bị chấn động. Trong Lộc Đỉnh ký, Khang Hy mặc 1 chiếc, Vi Tiểu Bảo mặc

1 chiếc. Quả nhiên không ai chơi nổi cả vua tôi nhà này.
Nhân loại càng tiến bộ, kỹ thuật càng phát triển. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung đơn thuần là tiểu thuyết, hoàn toàn không có ý định giới thiệu sự tiến bộ trong khoa học- kỹ thuật của người Trung Quốc. Ông cứ viết vậy, chúng ta đọc và tưởng tượng. Còn tưởng tượng đến đâu là quyền chúng ta.

Thức ăn Trung Hoa
THỨC ĂN TRUNG HOA TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Miếng ăn bao giờcũng quý giáo đối với con người. Đặc biết đối với dân tộc Trung Hoa ngày trước, một dân tộc sống nhờ vào sản xuất nông hiệp lạc hậu, lải phải luôn đối đầu với những thiên tai khủng khiếp hhàng năm thì miếng ăn quả thật rất cần thiết và rất rất quý. Từ điển tiếng Hoa gọi chung các loại thức ăn là ngọc thực (món ăn vàng ngọc). Làm ra miếng ăn để có ăn đã quý. Thức ăn được chế biến tinh xảo; nhìn sướng mắt, ngửi thơm mũi, chạm vào thấy nóng, ăn vào miệng thấy ngon lại còn quý hơn. Mà trên thế giới, dân tộc Trung Hoa là dân tộc nổi tiếng biết chế biến nhiều món ăn ngon nhất và thậm chí, cầu kỳ nhất. Chính vì vậy, thức ăn trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung – có lẽ là một người Trung Hoa sành ăn - cực kỳ phong phú. Trình độ hiểu biết về các món ăn khắp các miền, hiểu biết cách chế biến thức ăn từ thô sơ đến tinh xảo của tác giả không khỏi khiến chúng ta ngạc nhiên thú vị.

Triều Tống, từ bờ Bắc sông Hoàng Hà ra đến biên giới Ngoại Mông được gọi là miến Bắc. Khí hậu quanh năm tương đối lạnh, Kim Dung cho biết họ thường ăn các loại bánh bao không nhân với các loại thịt cừu, thịt trâu, thịt bò kho. Đọc Thiên Long bát bộ, ta biết các bộ tộc Khất Đan và Nữ Chân nuôi nhiều loại gia súc này dưới dạng chăn thả; thịt để làm thức ăn, da để làm áo quần, lều trại, túi đựng rượu. Thiên nhiên hào phóng và hoang sơ cũng đem lại cho người phương Bắc nhiều thức ăn, mang tính bổ dưỡng cao. Thiên Long bát bộ có đoạn kể chuyện Tiêu Phong bồng A Tử ra Nhạn Môn quan chữa thương, chuyên đánh giết gấu để lấy bàn tay gấu (hùng chưởng) và mật gấu cho A Tử uống. Nơi đây gần núi Trường Bạch, Tiêu Phong cũng dễ kiếm ra củ nhân sâm có giá trị cải tử hoàn sinh cho A Tử dùng. Ông nuôi cô em vợ bằng những thức ăn là dược vật trân quý dẫu có ngàn vàng cũng khó tìm mua.

Từ bờ Nam sông Hoàng Hà đổ về hết phương Nam Trung Quốc, cách chế biến đồ ăn có vẻ ngon lành hơn, tinh vi hơn. Tất nhiên, nơi ăn ngon nhất thiên hạ Trung Quốc vẫn là Bắc Kinh, đặc biệt là trong hoàng cung nội viện. Lộc Đỉnh ký cho biết dưới triều Khang Hy, để phục vụ chuyện ăn uống cho hoàng gia, có cả một ngự trù phòng, đứng đầu là một tay thượng thiện thái giám, phía dưới có hàng trăm thái giám chuyên mua sắm, chế biến thức ăn.

Thức ăn chơi gồm bánh mứt - Kim Dung gọi là đồ điểm tâm, khác hẳn khái niệm điểm tâm của chúng ta là ăn sáng – đã gồm cả trăm thứ. Chế biến xong, bọn thái giám đặt lên đầy cả bàn để dâng vua Khang Hy. Nhưng Khang Hy chán lối ngồi ăn trên bàn; nhà vua muốn… ăn vụng. Và nhờ đi ăn vụng bánh nướng, bánh da lợn, nhà vua đã gặp anh bạn trẻ Vi Tiểu Bảo (cũng là trùm ăn vụng!). Cho hay, ăn vụng luôn luôn hấp dẫn đối với con người, cái gì ngay ngắn quá, chính quy quá cũng trở nên phiền toái.
Vâng, đồ ăn trong hoàng cung là ngon nhất và đa dạng nhất bởi hoàng cung quy tụ đủ các anh tài nấu ăn trên toàn cõi Trung Hoa. Sau khi biết Mộc Kiếm Bình là cô gái người Vân Nam, Vi Tiểu Bảo đã ra lệnh cho ngự trù phòng nấu món Tuyên oai hoả thoái - một món canh giò heo thơn ngon nhiều nước mỡ - để đãi cô gái nhỏ này khiến cô vô cùng ngạc nhiên.
Trên nguyên tắc, thứ gì ngon thì đổ vào hoàng cung nhưng trên thực tế, định đề ấy hơi bị sai. Kim Dung chua chát nhận ra rằng bao giờ cũng có nạn tham nhũng, nhà thầu nào đưa đồ ăn ươn thối cho ngự trù phòng mà có món tiền lót tay kha khá thì thức ấy vẫn đáng dâng lên cho vua và thái hậu dùng; nhà thầu nào quên tiền lót tay thì dẫu cá tươi, thịt sống cũng trở thành đồ ươn thối.. Chính nhờ nạn tham nhũng đó mà bọn Tiền Lão Bản trong Thiên Địa hội đưa hai con heo Hoa điêu phục linh trư và Đậu hoàng nhân sâm trư mổ sẵn vào hoàng cung, trong bụng heo nhét được cả... một cô gái (Mộc Kiếm Bình) đưa vào để Vi Tiểu Bảo trao đổi "tù binh" sau này.
Lại cũng từ chuyện hoàng cung là nơi có thức ăn ngon nhất Trung Hoa làm nảy sinh những tay… ăn trộm đồ ăn. Một tay ăn trộm thuộc loại thượng thừa là Cửu chỉ thần cái Hồng Thất Công (Xạ điêu anh hùng truyện) chuyên vào ngự trù phòng, đánh cắp thức ăn đã chế biến sẵn. Lão này ăn cũng dữ mà uống cũng vô địch, suốt đời lấy ăn làm lẽ sống. Một tay trùm ăn mày như vậy cũng đáng để chúng ta học tập làm… ăn mày!
Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung là phường ăn mạnh, uống đậm. Họ hội họp ở đâu là nơi đó có mùi rượu thịt xông lên nhức mũi. Khi đám bàng môn tả đạo về đầu nhập phái Hằng Sơn, tình nguyện làm đệ tử Lệnh Hồ Xung để cho Lệnh Hồ Xung khỏi mang tiếng cầm đầu một đám nữ ni; Lệnh Hồ Xung đã cấm họ không được đặt chân lên ngọn Kiến Tính (núi chính của Hằng Sơn). Họ giữ lời hứa không lên nhưng vẫn xào heo, nấu bò bày tiệc nhậu; trong chốn cửa Phật thanh tịnh, bỗng vang mùi hành tiêu, mỡ thịt. Cho hay, cái ăn nuôi sống con người; miếng ăn ngon cũng góp phần làm cho phẩm giá con người rực rỡ. Tội gì không ăn!
Có lẽ đất Trung Quốc có nhiều quán cơm (phạn điếm) và tiệm rượu (tửu lâu) nhất thiên hạ. Chẳng vậy mà cô bé A Tử trên đường trốn thầy mình, sẵn sàng kêu rượu và các món nhậu để… thuốc đồng môn. Cô này ăn xài rất phí: gọi đĩa thịt bò ra, ngang nhiên cầm miếng thịt… lau giày, con cá chép còn

sống mới chiên xong lại gọi là cá ươn. Đoạn buồn cười nhất của Thiên Long bát bộ là đoạn nhà sư Hư Trúc gặp A Tử trong quán cơm. Nhà sư ăn chay từ nhỏ, chỉ dám gọi độc món mì chay. A Tử đánh lừa cho nhà sư nhìn đi nơi khác rồi lén đổ vào vài muỗng nước mỡ. Hôm ấy Hư Trúc ăn tô mì chay cảm thấy hết sức thơm ngon, khoông ngờ món này khác món chay ở chùa Thiếu Lâm một trời một vực.

Thức ăn chay của Trung Hoa cũng rất phong phú. Đọc Thiên Long bát bộ, ta biết chùa Thiếu Lâm có khu vườn rộng hàng trăm mẫu trồng rau dưa; các nhà sư bị kỷ luật phải gánh nước, gánh phân tưới bón hàng ngày. Quần hùng lên chùa Thiếu Lâm là được thiết đãi cơm chay. Quần hùng Ma Ni giao (Ma giáo, tiếng chỉ chung Manichéisme – Bái hỏa giáo Trung Hoa) cũng ăn chay. Hễ thấy đám nào mặc áo trắng, vào tiệm cơm không gọi thịt cá mà chỉ ggọi rau dưa, đậu hũ thì đó là bọn giáo chúng Manichéisme. Có những tập thể không ăn chay nhưng khi đi ra ngoài hành sự, họ thường mang thức ăn không đi theo để dễ chế biến. Hai loại thức ăn dễ mang theo nhất là bánh bao chay và mì. Trong Hiệp khách hành, bọn Kim Đao trại tấn công Ngô Đạo Nhất ở thành Biện Lương xong, rút ra ngoài đồng hoang nấu mìn lên húp soàn soạt. Loại thức ăn này toàn tinh bột, không có thịt, cũng là món chay.

Trên đây, tôi chỉ mới bàn với các bạn những món ăn chính quy, bài bản, có kẻ nấu bán, có người mua ăn. Đọc Kim Dung ta còn thấy thú vị với những món ăn và cách chế biến thức ăn cực kỳ hoang dã.

Trong Thần điêu hiệp lữ, Kim Dung kể chuyện Dương Qua và Hồng Thất Công bắt được một loại rít lớn trên núi tuyết, nước lên, lột bỏ lớp vỏ kitin đi, còn lại một loại thịt thơm ngon như thịt tôm. Món nước trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung rất phong phú. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Doanh Doanh đã bắt ếch nướng lên nuôi chàng Lệnh Hồ Xung. Kim Dung mô tả món ếch nướng rất thơm ngon, kể cả những miếng Doanh Doanh lỡ để quên đến nỗi cháy khét!

Con người càng đó lại càng cần ăn. Nhu cầu ham sống quả thật khốc liệt đến nỗi thấy miếng ăn là người ta lao tới, đôi khi không cần đến sự chế biến và đôi khi người ta ăn cả thịt người! Trong Tiếu ngạo giang hồ, có đoạn thuật chuyện Hướng Vân Thiên đã dùng chỉ công đâm vào tĩnh mạch trên cổ ngựa và kê miệng vào uống máu sống. Uống no xong, lão bảo Lệnh Hồ Xung kê miệng vào uống tiếp. Kim Dung cho biết máu ngựa rất tanh nhưng trong hoàn cảnh của hai người, máu ngựa vẫn là một loại thực phẩm cứu đói kịp thời. Khi đã xuống tới thung lũng sâu, Hướng Vân Thiên lại đói bụng, thầm tiếc không tìm ra xác chết nào của bọn thù địch rớt xuống để lão dùng cho đỡ đói!

Như chúng ta đã nói, Trung Quốc xưa là một đất nước có nền nông nghiệp

lạc hậu, thường gặp thiên tai, địch hoạ. Cái đói thường xuyên đe doạ người Trung Quốc suốt cả chiều dài lịch sử. Cho nên thật dễ hiểu khi dân tộc này chọn nền kinh tế trọng nông. Một khi cái đói đến thì con người mất hết tính người, sẵn sàng ăn thịt đồng loại. Trong Ỷ thiên Đồ long ký kể chuyện Trương Vô Kỵ 15 tuổi dẫn em bé Dương Bất Hối 6, 7 tuổi tìm lên Thiên Sơn. Đi ngang qua tỉnh Sơn Tây, Vô Kỵ và Bất Hối bị một nhóm thổ phỉ bắt, định làm thịt nấu ăn. Vô Kỵ nhanh trí hái một mớ nấm độc bỏ vào nồi nước sôi, đầu độc những kẻ muốn hại mình và Bất Hối. Sau đó, cậu bé mới được Chu Nguyên Chương, cũng là thổ phỉ, đi tu ở chùa Hoàng Giác, cho ăn thịt bò kho.

Điều thú vị trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung là nhiều khi một món ăn tào lao lại trở thành một món thuốc làm tăng trưởng công lực cấp kỳ. Thiên Long bát bộ kể chuyện Đoàn Dự ngẫu nhiên nuốt trúng con Mãng cổ chu cáp (con ếch có tiếng kêu như con bò), là một loại độc vật hạng nhất, tưởng rằng chắc chắn sẽ chết. Oái oăm thay, đó lại là một món thần vật đại bổ, ăn vào phát huy khả năng thần kỳ đến nỗi chàng ta không còn bị nhiễm bất cứ loại độc dược nào. Đoàn Dự trở thành một kẻ "bách độc bất xâm" (trăm thứ độc không thể thâm nhập được), Kim Dung gọi đó là Mãng cổ chu cáp thần công!

Có những thức ăn đối với người này là độc hại, đối với người kia là đại bổ. Ta có thể tìm thấy một thí dụ như vậy trong Tiếu ngạo giang hồ. Trên sông Trường Giang, Lam Phượng Hoàng – giáo chủ Ngũ Độc giáo Vân Nam – tìm đến thăm và chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Cô cho chàng trai uống Ngũ Độc tửu. Thế nào là Ngũ Độc tửu? Đó là loại rượu ngâm 5 loại trùng độc hạng nhất của Ngũ Độc giáo: một con rắn, một con rít, một con bò cạp, một con cóc và một con nhện cực độc. Uống xong hũ rượu, Lệnh Hồ Xung còn phải nuốt 5 con trùng độc kia vào bụng. Ngũ Độc giáo gọi đó là Ngũ tiên. Món "Ngũ tiên" kia đối với người Trung Nguyên là độc vật nhưng đối với Lam Phượng Hoàng người Vân Nam là thứ đại bổ, không dễ tìm ra được.

Ăn uống là một dạng nạp năng lượng; có năng lượng mới có sự sống đúng nghĩa. Mà suy cho cùng, quyền gần gũi nhất đối với con người là được ăn, được ăn no đủ, được ăn ngon. Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung phản ảnh về cái ăn, thức uống, về cách ăn Trung Hoa khá phong phú. Phải nói đọc tác phẩm của ông, ta có thể hình dung ra một phong cách văn hóa ẩm thực Trung Quốc lẫn khuất sau những bữa ăn, đồ ăn, nơi ăn, trạng thái ăn. Trương Vô Kỵ và Triệu Mẫn đánh nhau tơi bời rồi sau đó, lặng lẽ tìm về một quán cóc nhỏ, ngồi bên nhau ăn những thức ăn nhẹ và đối ẩm mấy chung. Hay như chiếc bánh chưng Hồ Châu (Giang Nam) được xếp loại Hồ Châu tam bảo (sau bút lông và gấm đoạn) dù nó chỉ được gói bằng là chuối, nếp, nhân đậu xanh, nấm, thịt…

Trong những bữa ăn của tiểu thuyết võ hiệp, lấp lánh thứ ánh sáng hạnh phúc ngọt ngào của tình yêu đôi lứa. Doanh Doanh nướng ếch nuôi Lệnh Hồ Xung; Hoàng Dung săn bắn nuôi Quách Tĩnh; Triệu Mẫn gọi thức ăn chờ Vô Kỵ đến cộng ẩm… Tất cả là vì tình yêu đôi lứa. Chính vì có tình yêu làm tố chất nên không cần đến bàn ghế, chén đĩa mà bữa ăn vẫn vang lên tiếng cười hạnh phúc.

Tinh thần Phật giáo
TINH THẦN PHẬT GIÁO TRONG TÁC PHẨM TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Đọc quyển lịch sử Phật giáo Trung Quốc của Thượng toạ Thích Thanh Kiểm (NXB Vạn Hạnh 1963), tôi thấy ngài đưa ra 2 thuyết rất đáng tin cậy để cắt nghĩa sự du nhập của Phật giáo vào Trung Quốc. Thượng toạ cho biết thời Hán Ai đế (-6TrCN), một sứ giả nước Đại Nhục Chi (Indo-Scythe) đưa kinh điển của Phù đồ giáo (Bouddho, tức Phật giáo) truyền miệng cho Trần Cảnh Hiến, một viên quan của Hán Ai đế. Sau đó, vua Hán Minh đế (67) phái 18 người sang Tây Vực để thỉnh tượng và kinh điển Phật giáo về. Giữa đường, gặp hai cao tăng nước Thiên Trúc là Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đang đưa kinh tượng xuống Trung thổ, họ mừng rỡ rước hai cao tăng v62 Trung Quốc. Hán Minh đế cho dựng Bạch Mã tự để xiển dương Phật giáo, làm nơi dịch kinh cho các cao tăng. Bộ kinh Phật đầu tiên được dịch ra Hán văn là Tức thập nhị chương kinh. Đến cuối đời Hậu Hán, Phật giáo gần như đã lan truyền khắp xã hội Trung Quốc.

Có lẽ trong những nhà văn Trung Quốc, Kim Dung là nhà văn thể hiện một cách đều khắp và sâu sắc nhất tinh thần Phật giáo qua các tác phẩm tiểu thuyết của mình. Trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung luôn nhắc đến sự tích Đạt Ma sư tổ từ Thiên Trúc sang Đông thổ, lên ngọn Thiếu Thất tỉnh Hồ Nam, diện bích (nhìn vách) chính năm, sáng lập ra phái Thiếu Lâm. Phái Thiếu Lâm được ông gọi là Thái Sơn Bắc Đẩu trong võ lâm Trung Quốc. Hình tượng các nhà sư Thiếu Lâm với tấm tăng bào rộng thùng thình, xuất hiện đúng tình huống tiểu thuyết, Phật lực cao cường. võ công siêu việt, sẵn sàng xả thân tế khốn phò nguy, hàng yêu diệt ma đã quá quen thuộc với bạn đọc tiểu thuyết võ hiệp.

Một số nhân vật tiểu thuyết là tăng sĩ đã trở thành hình tượngg văn học, được tác giả khắc họa một cách tinh tế: Huyền Từ - phương trượng chùa Thiếu Lâm, Trí Quan - trụ trì chùa Chỉ Quán núi Thiên Thai, Hư Trúc - tiểu tăng chùa Thiếu Lâm (Thiên Long bát bộ); Vô Sắc – cao tăng Thiếu Lâm (Ỷ thiên Đồ long ký); Phương Chứng – cao tăng Thiếu Lâm (Tiếu ngạo giang hồ)… Phật giáo du nhập vào Trung Quốc đủ cả mười tông phái; tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung dành niềm ưu ái lớn cho Thiền tông. Tuy nhiên, Thiền tông trong tiểu thuyết Kim Dung không dừng lại ở chỗ những công án, không nặng nề về chủ trương "dĩ tâm truyền tâm, dĩ ý truyền ý".

Thiền tông trong tiểu thuyết Kim Dung là một thú Thiền tông nhập thể và nhập thế: tu học để tinh tường Phật pháp, thấu hiểu cái lẽ huyền vi của cuộc sống; rèn luyện võ công để hành hiệp cứu đời. Phật pháp càng cao, võ công càng siêu viiệt; võ công càng cao, Phật pháp càng tinh tấn. Những nhà sư trong tác phẩm của ông là những nhân vật lý tưởng. Họ là những hiệp khách đích thực trong cuộc chiến đấu chống cái ác và khi cuộc chiến đấu chấm dứt, họ là những triết gia với các triết lý rất gần gũi với cuộc sống.
Ta hãy nghe một bài kệ của nhà sư Trí Quan ứng tác trước khi qua đời, đọc cho Kiều Phong nghe khi Kiều Phong vất vả đi tìm nguồn gốc của mình là người Há hay người Khất Đan (Thiên Long bát bộ):
Khất Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần.
Phật giáo trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là một tôn giáo yêu nước, luôn luôn trung thành với sự nghiệp bảo vệ đất nước và giải phóng dân tộc. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Xạ điêu anh hùng truyện, Thần điêu hiệp lữ, các tăng lữ đã xông trận cùng quần hùng Trung nguyên đánh đuổi quân Mông Cổ. Những cuộc hội họp của hào sĩ giang hồ Trung Quốc bàn kế chống giặc giữ nước, dựng cờ khởi nghĩa thường diễn ra trong khuôn viên chùa Thiếu Lâm. Đoạn tiểu thuyết mà tôi cho là giàu tính anh hùng ca nhất là đoạn toàn thể nhà sư chùa Thiếu Lâm sát cánh cùng quần hùng Minh giáo, phá vòng vây quân Mông Cổ định san bằng chùa Thiếu Lâm (Ỷ thiên Đồ long ký).
Mỗi khi đất nước đối đầu với nguy cơ bị ngoại xâm thì Phật giáo là một chỗ dựa vững chắc nhất cho chính quyền quân chủ và nhà sư là những chiến sĩ đi đầu trong việc phá vỡ âm mưu ngoại xâm đó. Trong Thiên Long bát bộ, Khô Vinh đại sư phải hủy bộ Lục mạch thần kiếm kinh là để người Thổ Phồn không thể chiếm được võ công trấn quốc của nước Đại Lý; quần hùng cùng phái Thiếu Lâm xông pha vào phủ Nam viện của Khất Đan ở Yên Kinh cứu Kiều Phong, đưa quần hùng ra Nhạn Môn quan tập kích người Khất Đan để phá vỡ mầm mống xâm lược Trung Quốc có thể xảy ra. Trong Lộc Đỉnh ký, vua Khang Hy đã dựa vào lực lượng tăng lữ chùa Thiếu Lâm để bảo vệ phụ hoàng Thuận Trị, phá vỡ âm mưu chính trị của liên quân Mông Cổ - Tây Tạng.
Có lẽ Kim Dung là một Phật tử thuần thành, am hiểu Phật giáo một cách sâu sắc. Tiểu thuyết là sản phẩm của sự hư cấu, Kim Dung đã hư cấu cho phái Thiếu Lâm có đến 72 môn công phu huyền diệu gọi là Thất thập nhị huyền công. Mỗi môn công phu đều sử dụng kình lực dương cương, có sức mạnh tan bia vỡ đá. Các môn công phu đều có tên gọi xuất phát từ kinh đểin Phật

giáo: Niêm hoa chỉ, Bát Nhã chưởng, Vi Đà chưởng, Vô tướng kiếp chỉ, Đa la diệp chỉ, Đạt Ma kiếm pháp, Sư tử hống, Đồ đề chưởng, Phục ma trượng pháp… Trong cuộc đấu tranh, chính pháp huyền môn luôn luôn thắng ta môn ma đạo. Cái thắng ấy nằm trong ước lệ chính đạo thắng bàng môn.
Có khi Kim Dung sử dụng kinh điển Phật giáo là cái hồn cho toàn bộ tác phẩm. Thiên Long bát bộ là một thí dụ cho nhận định này. Thiên Long là tên một ngôi chùa ở Vân Nam, nước Đại Lý (thời Bắc Tống). Thế nhưng trong Pháp hoa kinh, Thiên Long bát bộ "bao gồm tám loại quỷ thần hay quái vật". Thiên Long bát bộ gồm: Thiên thần, Long thần, Dạ xoa, Kiền Đạt Bà, A Tu La, Già Lâu La, Khán La Na và Ma Hô La Gia. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung xây dựng tám nhân vật lớn, tám sự tích; mỗi nhân vật và sự tích ấy tương ứng với một "bộ" của bát bộ.
Trong Tiếu ngạo giang hồ, tác giả trích luôn Bảo tích kinh và Diệu pháp liên hoa kinh để xây dựng mối tình Nghi Lâm - Lệnh Hồ Xung. Lời kinh cầu cho Lệnh Hồ Xung tai qua nạn khỏi được Nghi Lâm niệm với cả niềm tin, một lòng thành tuyệt vời khiến Lệnh Hồ Xung trong cơn đau đớn vẫn nhận ra nơi người bạn nhỏ hào quang của sự thánh thiện.
Đưa tinh thần Phật giáo vào trong tác phẩm văn học là điều không mới lạ trong lịch sử văn học Trung Quốc. Cái mới lạ là Kim Dung đưa tình thần ấy vào tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp và ông chuyên canh một cách sâu sắc. Chất Từ, Bi, Hỉ, Xả, nhân bản, nhân văn trong tinh thần Phật giáo biến những tác phẩm nặng tính tranh đấu, sát phạt trở thành những bài tình ca ca ngợi phẩm giá con người, ca ngợi cuộc sống hòa bình trung chính.

Libido
THỬ NHÌN LIBIDO QUA TÁC PHẨM KIM DUNG

Tôi không có tham vọng đem khái niệm Libido của triết học Tây phương để mổ xẻ các vấn đề thuộc phạm trù tâm lý, tình cảm trong tác phẩm văn học Đông phương. Tuy nhiên con người khắp nơi trên thế giới đều có những mẫu số chung trong hoạt động tâm lý, tình cảm, bởi họ đều là con người. Và tôi đã thận trọng giới hạn vấn đề mình sắp bàn đến trong hai chữ "thử nhìn".
Tâm phân học (Psychanalyse) là một trường phái triết học Tây phương mà ông tổ sản sinh ra nó là Sigmund Freud. Tâm phân học đạt được một số thành tựu nhất định trong việc góp phần cắt nghĩa các hoạt động của năng lực tình dục; cắt nghĩa Ngã (Moi), Đại Ngã (Grand Moi) và Siêu Ngã (Sur-Moi); thế giới của ý thức, vô thức và tiềm thức… Tôi nhìn thấy trong các tác phẩm võ hiệp Kim Dung một số vấn đề khá gần gũi với cách cắt nghĩa của tâm phân học.
Khi sáng tạo và giải thích tâm phân học, Sigmund Freud cùng các đồ đệ của ông như Alfred Adler, Karl Gustav Jung có tham vọng phân tích trạng thái tâm lý con người như là 1 thực thể, được chia cắt ra thành nhiều phần khác nhau. Thế giới tâm lý không còn là thế giới trừu tượng nữa; nó có hình thù hẳn hoi: có đáy, có đỉnh, có miền, có khu vực… Libido là 1 thuật ngữ khá đặc biệt của tâm phân học, được hiểu như là năng lực tình dục (énergie de la pulsion sexuelle). Libido được coi như nền tảng của hoạt động tâm lý, giữ vai trò hình nhi hạ trong khi tình yêu giữ vai trò hình nhi thượng. Nếu hoạt động tâm lý được coi như 1 tam giác cân thì Libido là cái đáy mà tình yêu là cái đỉnh. Libido là năng lực bẩm sinh trong từng con người, năng lực ấy được thể hiện một cách khác nhau trong từng thời kỳ trưởng thành của cá nhân. Thí dụ: ở trẻ sơ sinh là thời kỳ bú mút, ở tuổi dậy thì là thời kỳ thủ dâm, và sau đó là thời kỳ tình dục…
Khi Libido được thỏa mãn, cá nhân mới giữ được trạng thái thăng bằng. Nếu Libido bị ngăn trở, cá nhân bị ẩn ức. Ẩn ức là trạng thái các khuynh hướng bị ngăn trở, không thực hiện được, trở thành một thứ xung động nội tâm, được gọi là refoulement. Hãy hình dung ẩn ức như một quả bong bóng bơm căng, không có chỗ để thoát hơi ra, tức là không có chỗ để thỏa mãn được theo sự đòi hỏi của tự nhiên của năng lực tình dục. Trong trường hợp này, cá nhân tự đi tìm một trong hai cách thế để phát tiết. Một - Libido bị sa đọa, cá nhân trở thành đồng tính luyến ái, ghê sợ tình dục, điên loạn, tâm thần phân

liệt, trầm cảm… Hai - Libido được thăng hoa trở thành những tình cảm, khát vọng cao thượng: say mê tôn giáo, khoa học, đam mê sáng tạo văn học, nghệ thuật, âm nhạc… Hiểu theo quan điểm của tâm phân học thì những người trong các nhà thương tâm thần là những người bị sa đọa Libido; thành quả âm nhạc rực rỡ của Beethoven, Mozart, Tchaikovsky là sự thăng hoa của Libido.

Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung đã chứng minh được một số trường hợp năng lực Libido sa đọa. Tiếu ngạo giang hồ xây dựng nhân vật Đông Phương Bất Bại của Triêu Dương thần giáo ham luyện Quỳ hoa bảo điển, đã tự "phăng teo" cái "xíu xiu" nam giới của mình, trở thành kẻ đồng tính luyến ái. Ấy, bởi vì câu mở đầu của Quỳ hoa bảo điển ghi: "Võ lâm xưng hùng, dẫn đao tự cung"‘ (Muốn xưng hùng võ lâm, phải dùng dao tự thiến). "Tự cung" tức là triệt tiêu hẳn năng lực tình dục. Hắn đâm ra mê lú, "yêu" tên đệ tử to con tốt tướng Dương Liên Đình, đánh nhau với người khác bằng một mũi kim thêu và với tư chức mỹ lệ của một phụ nữ! Tiếu ngạo giang hồ cũng xây dựng 2 trường hợp "tự cung" khác- Nhạc Bất Quần và Lâm Bình Chi. Cả hai đều mất giới tính và sau đó, mất cả nhân tính. Nhạc Bất Quần bức tử vợ là Ninh Trung Tắc; Lâm Bình Chi giết vợ là Nhạc Linh San. Đau đớn thay, khi Nhạc Linh San chết đi, cô hãy còn là trinh nữ.

Hiệp khách hành xây dựng một trường hợp Libido sa đọa khác. Đó là nàng Mai Phương Cô yêu Thạch Thanh mà không được chung sống cùng chàng. Mai Phương Cô đã bắt cóc đứa con nhỏ của vợ chồng Thạch Thanh – Mẫn Nhu đưa về hoang sơn nuôi, gọi tên thằng bé là Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống). Nói theo Alfred Adler, Mai Phương Cô đã làm 1 động tác bù trừ: trả thù tình nhân, tình địch không được, Mai Phương Cô thóa mạ con của tình nhân, tình địch cho bõ ghét. Người phụ nữ ấy sống trong trạng thái trầm cảm, tự rạch bộ mặt mỹ miều của mình cho xấu xí và suốt đời không xuất hiện trước một ai. Khi Thạch Thanh lên núi tìm ra tông tích con trai, Mai Phương Cô tự vẫn.

Trong Thiên Long bát bộ, Mộ Dung Phục là hậu duệ của dòng giống Tiên Ty nước Đại Yên, suốt đời đam mê khát vọng phục quốc. Từ chối mối tình đằm thắm của nàng thiếu nữ xinh đẹp Vương Ngữ Yên, Mộ Dung Phục sang Tây Hạ hy vọng được tuyển làm chồng của công chúa Ngân Xuyên, trở thành phò mã Tây Hạ, đem quân Tây Hạ về đánh Trung Quốc để phục hưng Đại Yên. Nỗi đam mê ấy biến Mộ Dung Phục trở thành kẻ bạc nghĩa, vô tình, giết luôn đám thủ hạ thân tín của mình, sẵn sàng làm con nuôi Đoàn Diên Khánh, nghĩa là từ chối họ Mộ Dung. Cuối cùng Mộ Dung Phục đã phát điên, ngồi trên gò mả, đội mũ lá làm vua, gọi các trẻ em chăn bò đến làm quan và đem kẹo phân phát cho chúng.

Ở trạng thái thứ 2, năng lực Libido được thăng hoa trở thành những khát

vọng, tình cảm cao thượng. Kim Dung cũng đã khắc họa cho người đọc một số hình ảnh cụ thể. Đó là Nhất Đăng đại sư, vốn là vua nước Đại Lý, được thuật trong Xạ điêu anh hùng truyện. Nhà vua đặc biệt sủng ái nàng thứ phi Anh Cô. Thế nhưng, Châu Bá Thông của phái Toàn Chân đến chơi Đại Lý, quan hệ tình dục với nàng Anh Cô khiến nàng sinh ra một đứa con không được thừa nhận. Hiểu ra điều ấy, nhà vua đau đớn bỏ hoàng gia đi tu, trở thành một nhà sư Phật lực cao cường, từ bi đạo hạnh. Và trong Thần điêu hiệp lữ thuật lại, đôi bạn Vương Trùng Dương và Lâm Triều Anh yêu thương nhau. Đáng lẽ, họ đã sống đời sống lứa đôi, nhưng tình yêu lại trắc trở. Vương Trùng Dương suốt đời sống trong Trùng Dương cung; Lâm Triều Anh suốt đời sống trong ngôi cổ mộ dưới núi Chung Nam, tự xem mình là một người Sống-đã-chết (Hoạt tử nhân).

Chung Nam sơn hạ
Hữu Hoạt tử nhân
(Dưới Chân núi Chung Nam
Có người sống đã chết).

Họ thăng hoa mối tình tuyệt vọng kia thành niềm say mê sáng tạo và nghiên cứu võ học. Vương Trùng Dương lập nên Toàn Chân phái; Lâm Triều Anh lập ra Cổ Mộ phái, trong đó có môn võ danh tiếng Ngọc Nữ kiếm pháp (kiếm pháp của gái đồng trinh). Khát vọng thăng hoa của Cổ Mộ phái truyền qua những đời sau trở thành một thứ quy luật: chỉ thu nhận gái đồng trinh và chỉ có gái đồng trinh mới làm được chưởng môn Cổ Mộ phái. Làm thế nào xác định được 1 cô gái đồng trinh? Một cách lãng mạn, Kim Dung đã đặt vào trong cánh tay của các nữ nhân vật của mình một dấu đỏ được cấy bằng chu sa, gọi là Thủ cung sa. Khi cô gái mất trinh, dấu Thủ cung sa ấy sẽ biến mất và những đồng môn sẽ xác định được dấu hiệu phạm tội. Những nhân vật kế tục Lâm Triều Anh như Lý Mạc Sầu, Hồng Lăng Ba đều giữ được dấu Thủ cung sa ấy. Họ tự ép mình phải xa lánh tình dục như sư tổ nên tính tình biến đổi, trở thành những kẻ khắc bạc, độc ác. Riêng Tiểu Long Nữ, cô gái trong sáng, dịu dàng nhất của phái Cổ Mộ lại yêu thương người học trò Dương Qua (còn đọc là Quá – lỗi lầm). Thế nhưng, cô không giữ được sự trinh trắng vì bị một đệ tử phái Toàn Chân hiếp dâm. Vết Thủ cung sa mất đi, Dương Qua đau đớn bỏ ra đi, Tiểu Long Nữ cũng một đời đi tìm Dương Qua…

Đạo gia Trung Quốc quan niệm có ba yếu tố cấu tạo thành hồn sống của một đời người: Tinh, Khí, Thần. Khí (hơi thở) có biểu hiện trong hơi nói (trung khí). Thần (sắc diện) có thể biểu hiện nơi khuôn mặt, ánh mắt, các động tác của chân tay. Còn Tinh (trong khái niệm tinh dịch, tinh khí) là cái gì quý giá nhất, tiềm ẩn bên trong con người. Đạo gia đưa ra chủ trương "bế tinh" (không cho xuất tinh) để con người có thể sống thọ. Mà "bế tinh" có nghĩa là

kìm hãm sự hoạt động thực tế của năng lực Libido. Người đà ông nào giữ được năng lực tình dục, không giao cấu với phụ nữ được gọi là Thuần dương… Ỷ thiên Đồ long ký, Trương Tam Phong, tổ sư sang lập phái Võ Đang, sống trên trăm tuổi, vẫn chưa gần nữ sắc, có môn Thuần dương vô cực công rất vi diệu. Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, chàng Vô Kỵ tuổi ngoài 20, có 4 cô bạn gái xinh đẹp nhưng vẫn không gần gũi nữ sắc, vẫn giữ được chất thuần dương. Chất thuần dương ấy là 1 trong nhiều điều kiện đưa Vô Kỵ trở thành người anh hùng vô địch của võ lâm Trung Quốc. Nói cách khác theo Kim Dung, phải kìm hãm năng lực Libido để hướng nó tới mục tiêu đạt tuyệt đỉnh tối cao trong võ học.
Lộc Đỉnh ký xây dựng nhân vật giáo chủ Hồng An Thông. Hồng giáo chủ của Thần Long giáo này có tham vọng "thiên thu trường trị, nhất thống giang hồ", có 1 cô vợ trẻ măng là Tô Thuyên nhưng không bao giờ chung chăn gối. Lý do: nếu mất tinh khí thì võ công cái thế của Hồng giáo chủ sẽ trôi theo mây nước. Vì vậy Vi Tiểu Bảo đã "cuỗm" Tô Thuyên của Hồng giáo chủ làm người vợ lớn tuổi nhất của hắn. Cuối cùng những tham vọng của Hồng giáo chủ cũng tan thành mây khói, lão bị thuộc hạ giết chết.
Cá biệt có những nhân vật giải phóng hết năng lực tình dục của họ, trở thành những tên giặc dâm chuyên cưỡng gian phụ nữ. Kim dung gọi họ là "Thái hoa dâm tặc". Thí dụ như Điền Bá Quang trong Tiếu ngạo giang hồ, Âu Dương công tử trong Xạ điêu anh hùng truyện. Những người này hoạt động tình dục đến nỗi khô kiệt cả tinh khí. Kim Dung bàn đế một thủ pháp gọi là Thái âm bổ dương (lấy cái tinh túynhất của phụ nữ để bồi bổ cho người đàn ông). Trong các loại tình dục kinh của Trung quốc cũng có nhắc đến thuật này, tỷ như Tố nữ kinh hay Phòng trung thuật. Cái tinh túy nhất của phụ nữ là gì nếu không là tinh? Còn biện pháp "Thái âm" ấy thế nào thì quả là 1 điều nhiêu khê rắc rối. Nói cách khác, Kim Dung vẫn đồng ý với Đạo gia rằng có thể phục hồi năng lực Libido trong trường hợp năng lực ấy bị sử dụng đến mức gần như cạn kiệt. Việc phục hồi ấy như thế nào không được tác giả bàn tới. Dẫu sao, truyện võ hiệp không phải là sách thuốc mà Kim Dung cũng không phải là nhà nghiên cứu về nghệ thuật phòng the…

Nghệ thuật tiểu thuyết của Kim Dung

Mỗi một nhà văn viết tiểu thuyết đều có một nghệ thuật riêng. Nghệ thuật tiểu thuyết của Kim Dung là nghệ thuật tiểu thuyết võ hiệp, viết về bọn hào sĩ giang hồ chuyên sống trên đường đao, mũi kiếm. Nghệ thuật ấy vừa kế thừa thủ pháp truyền thống của các nhà văn tiền bối, vừa cách tân theo phong cách hiện đại. Bàn về tiểu thuyết võ hiệp của ông là bàn về sự kế thừa và sự cách tân.

Trước hết, tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung là tiểu thuyết chương hồi, kế thừa thủ pháp căn bản, truyền thống của tiểu thuyết Minh - Thanh. Ta lấy ví dụ bộ Tiếu ngạo giang hồ dày 1692 trang (chân thư do Minh Hà xã, Hongkong xuất bản lần thứ 18 với chữ dấu mộc thự tên tác giả) gồm 40 chương. Trước mỗi chương hồi có một bức vẽ minh hoạ, lấy ý chính của chương hồi làm chú thích.

Trong văn xuôi của tiểu thuyết, tác giả Kim Dung thường đưa vào những đoạn trích dẫn thi ca, từ phú và đôi khi là các văn kiện lịch sử mà ông sưu tầm được. Thơ ca trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung có thể là thơ ca do chính ông sáng tác. Bản thân Kim Dung là một nhà thơ và cái ý vị Đường thi trong thơ mới của ông đậm đà, lãng mạn một cách bát ngát. Thí dụ bàn về hoa trà trong Thiên Long bát bộ, tác giả viết:

Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt hoa trà mãn lộ khai
(Quần xanh mặt ngọc từng quen biết
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)

Hoặc:

Thanh câu thủy động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Dòng xanh nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây vươn trái vải hồng).

Đó cũng có thể là thơ của những nhà thơ tiền bối được Kim Dung trĩch dẫn để làm rõ ý trong những văn cảnh, những tình huống cụ thể. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Tổ Thiên Thi giảng giải cho Lệnh Hồ Xung nghe loại rượu nào phải uống với loại chén nào. Nói tới rượu Bồ đào phải uống với chén Dạ quang, Tổ Thiên Thu đọc hai câu trong bài Lương Châu từ của Vương Hàn:

Bồ đào mỹ tửu Dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi

(Bồ đào rót chén Dạ quang
Muốn say, trên ngựa tiếng đàn giục đi)
Trong cung cách này, toàn bộ nội dung bộ Hiệp khách hành đều trích dẫn từ 54 câu thơ bài Hiệp khách hành của Lý Bạch; toàn bộ nội dung của bộ Tố tâm kiếm (Liên thành quyết) đều trích dẫn thơ của hàng trăm nhà thơ trong Đường thi tuyển tập.
Đưa thi ca, từ phú vào văn xuôi là chuyện không lạ. Đọc Tam quốc diễn nghĩa, Tây du ký, Hồng lâu mộng, Thủy hử, ta bắt gặp hàng trăm bài thơ. Nhưng thơ trong những tác phẩm ấy đơn thuần chỉ là thơ chứng minh, thơ ca nghĩ ngợi, thơ bày tỏ niềm thán phục của người đời sau. Thơ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung vượt xa hơn, mang một ý nghĩa, một mục tiêu khác. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung nhắc đến một chiêu kiếm của phái Hoa Sơn tên là Vô biên lạc mộc. Bốn từ này lấy từ ý bài thơ Đăng cao của Đỗ Phủ:
Vô biên lạc mộc tiêu tiêu há
Bất tận trường giang cổn cổn lai
Nhà nghiên cứu Trần Trọng Kim dịch:
Miên man lá rụng điêu linh
Nước sông cuồn cuộn mông mênh chảy dào
Ngoài trích dẫn thơ, tác giả còn trích dẫn các văn kiện lịch sử, tư liệu lịch sử có thật trong sử Trung Quốc. Trong Thiên Long bát bộ, khi ca ngợi bà thái hậu sáng suốt của triều Tống (bà nội Tống Triết tôn), tác giả đưa luôn nhận xét trong bản tấu chương của nội viện nước Khất Đan khen ngợi tài đức của bà này và lời bàn rằng bà đang buông rèm nhiếp chính, chớ động binh gây hấn với triều Tống. Đoạn tư liệu này chép trong Tống sử.
Viết Lộc Đỉnh ký, khi bàn về quan hệ Trung - Nga, tác giả đưa luôn một đoạn trong bức thư của Sa hoàng gởi cho vua Khang Hy. Những hàng binh Nga trong cuộc chiến trang biên giới được đưa về Bắc Kinh. Vua Khang Hy trọng dụng họ, phiên chế thành một lực lượng quân sự đặc biệt trong Thanh binh, gọi là Nga La Tư tá lĩnh. Khi viết về đoạn này, Kim Dung theo sát tư liệu trong Thanh sử cảo của Lang Viên.
Nhà nghiên cứu Nghiêm Gia Viêm của Đại học Bắc Kinh ca ngợi văn phong của Kim Dung, cho rằng Kim Dung đã nâng văn chương thông tục lên thành thứ văn chương thanh nhã. Tại sao vậy? Kim Dung viết về bọn hào sĩ giang hồ, về những người bình thường Trung Quốc cho nên văn chương luôn luôn có tiếng chửi. Những tiếng "tổ mẹ nó, quân rùa đen đê tiện, phường cho đẻ, con bà ngươi..." luôn luôn hiện diện trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp nhưng không làm cho văn chương dơ đi vì nó được đặt vào rất đúng văn cảnh. Văn chương của ông cũng phong phú các thành ngữ, tục ngữ Trung Quốc: "Lá rụng về cội", "Hạ đao đồ tể xuống là thành Phật", "Biển khổ không bờ, quay

đầu thấy bến", "Non xanh còn đó, nước biếc vẫn đây, hẹn ngày gặp gỡ"... Những thành ngữ, tục ngữ thông dụng ấy được đặt vào đúng văn cảnh, vào từng tình huống một, tạo ra một giá trị nghệ thuật vừa rộng lại vừa sâu. Người học ít đọc Kim Dung cũng thấy thích mà người học cao đọc Kim Dung cũng thấy thích. Tác phẩm của ông vừa mang tính quần chúng rộng rãi vừa mang tính bác học cao nhã.

Nhưng thủ pháp cao cường nhất của Kim Dung vẫn là kĩ thuật xây dựng cốt truyện. Những bộ tiểu thuyết của ông thường liên quan tới các vấn đề lịch sử, các quốc gia (cũ) trong cộng đồng Trung Quốc, nghĩa là rất rộng lớn nên việc xử lý, kết cấu các tình huống tiểu thuyết phải làm sao cho hợp lý để cuốn hút người đọc ngay từ ban đầu. Ông đã tạo trong tác phẩm những mâu thuẫn chiều dọc giữa nhân vật này và nhân vật khác, giữa tình huống này và tình huống khác. Ông đã tạo trong tác phẩm những mâu thuẫn chiều ngang, hiểu như là sự diễn biến tâm lý phức tạp trong nội tâm từng nhân vật. Ông đã xây dựng những tình huống lạ lùng, tưởng đâu không thể có trong đời, mà rất thật. Tôi xin giới thiệu mấy tình huống để bạn đọc tham cứu.

Một đoạn trong Thiên Long bát bộ gồm các tình huống thế này: Kiều Phong cùng A Châu đến thăm Ôn Khang, được Ôn Khang tiết lộ rằng nhân vật thủ lĩnh đại ca đã đưa người ra Nhạn Môn Quan giết cha mẹ Kiều Phong là Đoàn Chính Thuần. Cả hai quay về vùng Thái Hồ, Giang Nam tìm Đoàn Chính Thuần rửa hận. Khi đến nơi, Kiều Phong chứng kiến cảnh Đoàn Chính Thuần lâm nguy; ông ra tay cứu giúp và ước hẹn cùng Đoàn Chính Thuần canh ba đêm ấy ra chỗ cầu đá để bàn chuyện Nhạn Môn Quan. Đêm ấy, Kiều Phong ngồi cạnh A Châu, hẹn ngày mai trả xong mối thù sẽ cùng nhau về bên kia biên giới, qua thảo nguyên săn chồn đuổi thỏ. Ông ẵm A Châu vào phòng nghỉ trước rồi toạ công và đúng canh ba, ra đi gặp Đoàn Chính Thuần.

Đến nơi hẹn, ông đánh Đoàn Chính Thuần một chưởng và Đoàn Chính Thuần ngã quỵ. Ông lấy làm lạ, nắm Đoàn Chính Thuần đưa lên thì thấy người y nhẹ hều. Hoá ra, đó không phải là Đoàn Chính Thuần; đó chính là A Châu, tình yêu của ông, trái tim của ông. A Châu thuật lại cho ông biết khi mới về Thái Hồ, cô tình cờ hiểu ra Đoàn Chính Thuần là cha ruột của cô nhờ nhìn thấy miếng ngọc bội đeo trên cổ cô em gái là A Tử giống như miếng ngọc bội cô đang có. Nhưng khát vọng trả thù của Kiều Phong cao quá, cô không thể ngăn cản, cũng không thể nói ra sự thật rằng mình là con của Đoàn Chính Thuần. Đêm ấy, cô giả bộ ngủ sớm rồi lén ra đi, gặp Đoàn Chính Thuần huỷ lời ước hẹn. Rồi cô hoá trang - mà kĩ thuật hoá trang của cô rất cao cường - làm Đoàn Chính Thuần, đến cầu đá để chịu một chưởng của Kiều Phong.

Kiều Phong nghe người yêu thuật lại chuyện, đứt từng khúc ruột. Ông bế

xác của A Châu kên chạy loạn cả vùng Thái Hồ. Chôn cất A Châu xong, Kiều Phong định tự tử vì không còn muốn sống trên đời nữa. Nhưng chợt nhìn lên bài từ của Đoàn Chính Thuần đề trên lụa treo trên vách, Kiều Phong chợt nhận ra nét chữ của Đoàn Chính Thuần khác hẳn nét chữ của thủ lĩnh đại ca mà ông đã được nhìn thấy. Nghĩa là Đoàn Chính Thuần không phải là thủ lĩnh đại ca. Hoá ra Ôn Khang đã đánh lừa ông; ông đã giết oan A Châu. Nghĩ đến đó, Kiều Phong lại chợt ham sống, sống để tìm ra sự thật, sống để tạ tội giết oan người tình mà ông trọn đời yêu dấu.

Đây là khúc bi ca kinh hoàng nhất, đau thương nhất của Thiên Long bát bộ. Đọc đoạn tiểu thuyết này, người ta có thể đổ nước mắt vì mối thâm tình của A Châu đối với Kiều Phong, vì niềm đau đớn của Kiều Phong không có gì có thể so sánh nổi. Có thể coi Thiên Long bát bộ là một bộ tiểu thuyết tiêu biểu cho phong cách kết cấu câu chuyện của Kim Dung. Những tình huống đan xen, những ngã rẽ bất ngờ dẫn câu chuyện đến những chân trời mới lạ. Đọc hồi này, người ta khó có thể đoán được hồi sau và các hồi kế tiếp. Kim Dung có khả năng hư cấu tuyệt vời, đẩy những mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm khiến người đọc có cảm giác nhân vật khó thoát khỏi tình huống bi kịch nhất. Nhưng rồi ông giải quyết vẫn đề một cách hết sức khoa học, gọn nhẹ, hợp lý. Tình huống kết thúc một cách tốt đẹp, vượt qua khỏi sự tưởng tượng của bao nhiêu bạn đọc. Ta hãy lấy một ví dụ trong Thiên Long bát bộ. Trên bước đường giang hồ, Đoàn Dự đã gặp và yêu thương Chung Linh là con của A Bảo, Mộc Uyển Thanh là con của Tần Hồng Miên, Vương Ngữ Yên là con của Vương phu nhân. Mà những nhân vật A Bảo, Tần Hồng Miên, Vương phu nhân đều là người tình của Đoàn Chính Thuần (cha Đoàn Dự). Nói cách khác, các cô gái mà Đoàn Dự đem lòng thương yêu đều là em cùng cha khác mẹ của Đoàn Dự; những mối tình của Đoàn Dự với các cô gái là mối tình loạn luân. Làm sao giải quyết được những mâu thuẫn kinh khủng đó để cứu những mối tình trong trắng?

Kim Dung giải quyết khá tài tình. Trong phút cuối của đời mình, khi Đao Bạch Phụng, mẹ của Đoàn Dự sắp qua đời, bà mới tiết lộ một điều kinh khủng: Đoàn Dự không phải là con của Đoàn Chính Thuần mà là con của gã ăn mày Đoàn Diên Khánh. Bởi căm giận thói trăng hoa lơi lả của Đoàn Chính Thuần, Đao Bạch Phụng đã đem tấm thân vương phi cao quý của mình cho gã ăn mày Đoàn Diên Khánh giao hoan. Cuộc giao hợp chớp nhoáng kì lạ đó đã đẻ ra chàng trai Đoàn Dự. Đoàn Chính Thuần không có cái gien sinh con trai; con tư sinh của Đoàn Chính Thuần toàn là con gái. Và chỉ là đồng tông (cùng họ) nên theo luật hôn nhân của nước Đại Lý, Đoàn Dự có thể lấy tất cả các cô Chung Linh, Mộc Uyển Thanh, Vương Ngữ Yên... mà không cần phải thắc mắc về quan hệ huyết thống, dòng tộc, luân lý đạo đức.

Bản chất của tiểu thuyết là hư cấu. Kim Dung dựa trên nền tảng những sự kiện lịch sử có thật của đất nước Trung Hoa, đẩy khả năng hư cấu bay bổng tuyệt vời. Thí dụ trong Ỷ thiên Đồ long ký, ông cắt nghĩa sự ra đời của nhà Minh là cuộc kháng chiến do quần hùng Minh giáo Trung Hoa thực hiện. Thí dụ trong Thiên Long bát bộ, ông giới thiệu sự tương tranh, tương giao của các thế hệ quân chủ nhà Tống, nhà Liêu, nước Đại Lý, nước Thổ Phồn, nước Tây Hạ và tộc Nữ Chân. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung có một trình độ hư cấu rất cao cường, nối kết hàng trăm nhân vật lại với nhau trong mối tương giao thật lạ lùng nhưng cũng thật hợp logic.

Kế thừa thủ pháp của các bậc tiền bối, tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung vẫn đưa ra những chi tiết có vẻ hoang đường nhưng tính hoang đường ấy được đặt trên nền tảng cái có thật. Ta lấy thí dụ nội công là khả năng có thật của người học võ. Nội công ấy được rèn luyện nhiều năm, trở thành công lực riêng của từng người. Trên cơ sở đó, Kim Dung hư cấu ra tình huống người này có thể dốc hết công lực để dồn vào cho công lực của người khác; người khác có thể sư dụng môn hấp công để thu hút hết công lực của địch thủ... Nếu các nhân vật Tây du ký đánh bằng phép thì nhân vật của Kim Dung đánh bằng công lực. Một phát chưởng đánh ra giữa không gian, phát thành chưởng phong bao lấy địch thủ, khiến địch thủ phải ngã quỵ, phải chịu thua. Đó là khả năng hư cấu trong kiếm hiệp Kim Dung.

Nếu phương Tây lãng mạn trong hành động thì phương Đông lãng mạn trong tư duy. Tư duy trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung quả thật lãng mạn bay bổng: hái một chiếc lá, ném một cành hoa cũng có thể giết chết địch thủ; phóng một ngón tay ra không trung (cách không chỉ pháp) cũng có thể phong toả đúng huyệt đạo của người cần phong toả.

Như tôi đã giới thiệu, tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung được gọi là truyện, ký hoặc lục (Xạ điêu anh hùng truyện, Ỷ thiên Đồ long ký, Thư kiếm ân cừu lục). Văn thể cơ bản của tiểu thuyết Kim Dung là kể chuyện. Thế nhưng, cách kể chuyện của ông cũng rất lạ, rất hấp dẫn bởi trong diễn biến của một câu chuyện đang được ông kể, ông đưa vào đó một nhân vật mới và nhân vật này đã kể lại một câu chuyện đã xảy ra. Câu chuyện ấy áo giá trị như một đoạn phục hiện trong điện ảnh (hay trong kịch nói), nghĩa là nó đi ngược thời gian và thay đổi không gian, hấp dẫn người đọc bước vào một thế giới khác với những tình huống khác mới lạ hơn, lý thú hơn. Thí dụ trong Tiếu ngạo giang hồ, bọn hào sĩ đang bàn về sự giao du giữa Lệnh Hồ Xung đệ tử Hoa Sơn và tên thái hoa dâm tặc Điền Ba Quang. Ai nấy đang tức giận, nguyền rủa hai gã này thì ni cô Nghi Lâm của phái Hằng Sơn xuất hiện. Cô kể lại câu chuyện mình bị Điền Bá Quang bắt cóc định làm nhục, được Lệnh Hồ Xung ra tay cứu viện thế nào; La Nhân Kiệt của phái Thanh Thành nhân cơ hội Lệnh Hồ Xung bị thương nặng đã giết chàng thế nào. Chuyện kể của

Nghi Lâm hấp dẫn đến nỗi dù các nhân vật không xuất hiện, người đọc vẫn thấy được đặc điểm, cá tính của từng nhân vật, nhận ra ai là anh hùng, ai là tiểu nhân. Đọc Kim Dung, người ta sảng khoái vì lối hành văn lạ lùng ấy. Điều lạ là khi cầm đến một tác phẩm của Kim Dung; đọc chương đầu ta không thể bỏ được chương hai, đọc chương hai ta không thể bỏ được chương ba. những tình huống tiểu thuyết của ông uyển chuyển, phản trác, những loại nhân vật của ông không sống theo công thức bình thường của đời người. Tiếu ngạo giang hồ là một tác phẩm tiêu biểu cho nhận định này. Đọc chương một, chương hai, chương ba của tác phẩm này, ta thương cảm chàng thiếu niên Lâm Bình Chi của Phước Oai tiêu cục lâm vào cảnh nhà tan, cửa nát, cha mẹ bị bắt; phải tìm lên Hành Sơn để cứu song thân, cứu không được cha mẹ, chàng trở thành đệ tử phái Hoa Sơn. Hết quyển thứ nhất, ta vẫn tưởng Lâm Bình Chi là nhân vật trung tâm. Nhưng rồi Lệnh Hồ Xung dần dần hiện ta như một tên lãng tử vô hạnh, một người có tấm lòng nghĩa hiệp cao cả. và người đọc bắt đầu có cảm tình, bắt đầu yêu mến chàng trai đó. Hoá ra đó mới là nhân vật trung tâm của tác phẩm, còn gã Lâm Bình Chi chỉ là một thứ nguỵ quân tử, một anh lại cái. Có thể coi đó là hai khuôn mặt đại biểu cho cách xây dựng nhân vật của Kim Dung.

Trong lối văn chương kể chuyện, thi thoảng Kim Dung cũgn dừng lại tả cảnh, tả tình. Cách tả tình của ông đặc biệt cô đọng, chủ yếu là đưa ra những nét chấm phá để người đọc tự suy luận. Khi yêu Lệnh Hồ Xung, ngày nào Nhạc Linh San cũng giành đem cơm lên núi sám hối cho chàng. Nhưng khi gần gũi Lâm Bình Chi, Nhạc Linh San quên mất đại sư ca, say mê thằng mặt trắng này. Nhạc Linh San là người phương Bắc, Lâm Bình Chi là người phương Nam. Lâm Bình Chi đã dạy cho Nhạc Linh San hát khúc sơn ca Phúc Kiến. Mô tả tâm tình của Lệnh Hồ Xung, Kim Dung viết: "Nhạc Linh San quay mình đi xuống núi, không nói một lời. Bỗng nhiên, giọng sơn ca Phúc Kiến "chị em lên núi hái chè" vang lên. Lệnh Hồ Xung nghe khúc sơn ca mà nát ngọc tan hồn, tưởng bị ai đánh mạnh một chuỳ vào ngực". Tác giả dừng lại ở đó để bạn đọc hiểu thế nào thì hiểu.

Cũng như tả tình, Kim Dung tả cảnh với những nét chấm phá. Thí dụ mùa xuân: "Làn gió mát ru êm cành liễu. Hương hoa thơm say đắm lòng người. Trời đang vào mùa xuân, ánh dương quang chói lọi khắp miền Nam". Đây là cảnh xuân ở thành Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến trong Tiếu ngạo giang hồ. Còn đây là cảnh Cung kiếm hồ ở núi Vô Lượng, Vân Nam: "Bên trái sườn núi là giải thác lớn trắng phau trông như một con rồng treo lơ lửng trên không cuồn cuộn đổ xuống một cái hồ trong vắt, rộng mênh mông không thấy bờ bên kia... Trên mặt hồ, chỉ có chỗ thác đổ vào là nước chảy quanh co, sóng vỗ bì bõm, càn xa hơn từ mười trượng trở đi lại phẳng phiu giống như một tầm gương khổng lồ".

Đọc Kim Dung, ta thấy phong cảnh thiên nhiên, bao la, hùng vĩ, lãng mạn, tươi đẹp hiện ra bốn mùa: tuyết trắng phủ Thiên Sơn, đàn hồng nhạn bay qua Nhạn Môn Quan, sông Tiền Đường sóng vỗ ầm ỳ, chùa Thiếu Lâm ngàn năm nấp sau rừng tung cách sum sê, hoa hồng lăng nở rộ mặt Thái Hồ mùa thu nước biếc... Có lẽ ông đi nhiều, thấy nhiều, biết nhiều nên kiến thức về địa lý học, hoa học, phong tục học rất uyên bác. Ông viết về một thứ văn chương giàu tính nghệ thuật, lôi cuốn, hấp dân khiến người ta đọc mà không thế chán. Các học giả Trung Quốc đã tặng cho Kim Dung một huy chương tinh thần về cách sử dụng kim văn để viết tiểu thuyết.

Sự thành công của Kim Dung chính là sự thành công của văn học Trung Quốc hiện đại.Ông được xếp vào một trong 10 nhà văn lớn của dân tộc Trung Hoa và hai tác phẩm của ông được chọn là hai tác phẩm để đời cho văn học Trung Quốc.

Phải nhìn nhận một điều: tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là một loại hình tiểu thuyết khác hẳn với những tiểu thuyết viết về anh hùng hào kiệt thời Minh - Thanh, khác hẳn với các loại tiểu thuyết võ hiệp của các tác giả khá cùng thời, lại khác xa với Les trois mousquetaires (Ba chàng Ngự lâm pháo thủ) của Alexandre Dumas (cha); càng khác xa với những kịch bản phim cao bồi của Viễn Tây Hoa Kỳ. Nó là tiểu thuyết võ hiệp kim văn mới lạ. làm say mê hàng tỷ độc giả trên thế giới, trong đó có độc giả Việt Nam. Sự đóng góp của Kim Dung cho văn học Trung Quốc và thế giới như vậy là khá lớn lao. Ông xứng đáng là minh chủ của nền văn học võ hiệp.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kim Dung đặt lại mấy vấn đề lịch sử

Một tác phẩm văn học không bao giờ là một tác phẩm sử học. Tác phẩm văn học được viết bởi nhà văn; tác phẩm sử học được viết bởi những sử quan mà đời Hán gọi là Thái sử lệnh. Tác phẩm văn học được xây dựng từ những khả năng hư cấu lãng mạn; tác phẩm sử học dựa trên những sự kiện lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, nếu biết vận dụng khéo léo, đưa những yếu tố lích sử vào tác phẩm văn học thì tác phẩm văn học hấp dẫn hơn, haòng tráng hơn và hiện thực hơn. Đó là đặc điểm của một số bộ tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Ông đã đưa yếu tố lịch sử vào văn học và vượt xa hơn, ông dùng tác phẩm văn học để đặt lại một số vấn đề lịch sử.

Ai cũng hết lời ca ngợi Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương, tức Minh Thái tổ, làm vua Trung Hoa từ năm 1368 đến năm 1398, được coi là người anh hùng của phong trào kháng Nguyên, người có công bậc nhất thiên hạ giành lại đất nước Trung Hoa từ tay Di Dịch. Thế nhưng, qua Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã buộc người đọc phải nhìn lại đúng bản chất của Chu Nguyên Chương. Xuất thân từ nông dân, Chu Nguyên Chương đã nhân lúc An Huy đói kém, nổi lên làm giặc cướp rồi đi tu ở chùa Hoàng Giác. Ăn cướp một con bò của một nhà giàu làm thịt nấu ăn, bị người nhà giàu sai hai gia nhân đi bắt, Chu Nguyên Chương đã dùng vũ lực bóp miệng hai gia nhân buộc họ phải ăn lông bò. Thủ đoạn vu oan giá hoạ như vậy không phải ai cũng có thể làm được. Chu Nguyên Chương gia nhập Minh giáo (Manichéisme) Trung Hoa, lãnh đạo đội quân Hoài Tứ. Trước khi cuộc khởi nghĩa Minh giáo thành công, Chu Nguyên Chương giết thủ lĩnh của mình là Hàn Sơn Đồng, trấn nước con trai là Hàn Lâm Nhi để nắm quyền lãnh tụ. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã mô tả đoạn nghĩa quân Minh giáo đón Trương Vô Kỵ giáo chủ, đoạn Chu Nguyên Chương tạ ơn giáo chủ đã khen ngợi mình. Thế nhưng, chính thuộc hạ Chu Nguyên Chương đã bỏ thuốc độc vào bình rượu cho Vô Kỵ và Triệu Mẫn uống rồi xiềng khoá hai người, giam vào đại lao. May còn được thanh Ỷ thiên gãy, Vô Kỵ đã chặt xiềng, dẫn Triệu Mẫn lặng lẽ ra đi... Con người thủ đoạn, phản bạn, bất trung với cấp trên như vậy đã lên làm vua khai sáng triều Minh ở Trung Hoa. Về sau, để bảo vệ cho quyền lực họ Chu, Nguyên Chương đã tận sát hết các chiến hữu từng cùng ông ta vào sinh ra tử. Ông ghét văn chương đến nỗi chỉ cần đọc một chữ nghi ngờ có ý giễu mình là ông giết ngay người viết.

Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung lại cho ta thấy được tư cách của một ông vua Trung Hoa khác - Tống Triết tôn Triệu Hú. Để làm nổi bật tính cách lấc cấc, huyênh hoang của Triệu Hú, Kim Dung đã xây dựng một nhân vật Hoàn Nhan A Cốt Đả, thủ lĩnh kiêu dũng của bộ lạc Nữ Chân ở miền Đông Bắc; một Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ thâm trầm, sắc sảo bên kia Nhạn Môn quan, một nước Tây Hạ thịnh vượng ở phía Tây, một nước Đại Lý quân thần như huynh đệ ở phía Nam. Triệu Hú lên ngôi năm 8 tuổi, được bà thái hậu họ Cao nhiếp chính. Vào khoảng năm 1090 đến năm 1093, những biến pháp của Vương An Thạch (phe Tân đảng) đã gần như phá sản, Cao Thái hậu áp dụng tư tưởng cai trị mềm dẻo của phe Cựu đảng gồm Tư Mã Quang, Tô Thức, Tô Triệt. Cách trị nước của Cao Thái hậu vững vàng, ôn hoà khiến quân Liêu không dám đưa binh qua biên giới gây hấn với nhà Tống. Tể tướng nước Liêu dâng sớ lên Gia Luật Hồng Cơ, ca ngợi: "Từ khi thái hậu Đại Tống buông rèm nghe chính sự, chiêu nạp trung thần, bài trừ chính trị hà khắc, trong chín năm trời thiên hạ yên vui, triều đình hưng thịnh". Trong khi đó, Triệu Hú chỉ muốn áp dụng biện pháp của phe Tân đảng Vương An Thạch để gây chiến tranh với nước Liêu. Kim Dung thuật lại đoạn thái hậu bệnh nặng, nằm trong điện Sùng Khánh thành Biện Lương, kêu Tống Triết Tôn Triệu Hú đến dặn dò. Gã vua con nít này chỉ muốn kích động cho bà nội chết sớm; hắn bảo sẽ đem quân Bắc phạt, sẽ trừng trị bon "hủ nho" Tư Mã Quang, Tô Thức, Tô Triệt. Hắn rút kiếm chém chiếc ghế đứt làm hai đoạn trước mắt bà nội. Khi bà già tắt thở, hắn reo lên: "Ta đã được làm vua rồi". Theo chính sử Trung Hoa thì đó là năm 1093, khi Triệu Hú 18 tuổi. Quả nhiên, Triệu Hú giáng Tô Thức từ Lễ bộ thượng thư xuống làm tri phủ Định Châu, giáng Tể tướng Tô Triệt xuống làm tri phủ Nhữ Châu; mắng Hàn lâm học sĩ Phạm Tô Vũ khi người này dâng bản tấu can gián.

Một thứ hôn quân như Tống Triết Tôn mà có thể cai trị được đất nước Trung Hoa quả là một chuyện lạ. Triệu Hú chết năm 1099, em ruột lên ngôi xưng là Huy Tôn. Cái lẽ bại vong của nhà Tống không phải đợi đến sau này mà nó nằm ngay trong đời Triệu Hú, trong Thiên Long bát bộ của Kim Dung. Đoạn văn Triệu Hú chọc cho bà nội chết sớm thật lâm li biến ảo, không thể tìm thấy trong Tống sử hay lịch sử Trung Hoa. Kim Dung không bình luận, nhưng bản chất Tống Triết Tôn Triệu Hú như thế nào thì mọi người đọc văn ông đều rõ.

Kim Dung viết Lộc Đỉnh ký là một cách đối chiếu lịch sử, giúp cho hàng tỷ đồng bào của ông có cơ hội nhìn lại các ông vua của triều Minh - dòng dõi Hán tộc và các ông vua triều Thanh - dòng dõi Di Địch trong bốn rợ (Tứ di). Hình ảnh của vua Minh Sùng Trinh không hiện ra; hình ảnh của những ông vua hậu duệ nhà Minh như Phúc vương, Quế vương, Đường vương, Lỗ

vương cũng không hiện ra. Nhưng cảm giác mà Kim Dung tạo ra được cho người đọc là sự nhận chân ra bản chất triều Minh: những ông vua u tối, nhu nhược, không được người Trung Hoa ủng hộ. Đúng ra, có một số ít người theo họ nhân danh chữ trung của nhà nho. Nhưng bản thân chữ trung đó cũng ngu xuẩn nốt: phe thì ủng hộ Đường, phe thì ủng hộ Quế, phe nào cũng chỉ nhận mình mới là chính thống. Điều đó nói lên được thực chất của các phong trào phản Thanh phục Minh cuối thế kỉ 17 ở Trung Hoa: những lực lượng ô hợp, không nêu lên được một khẩu hiệu rõ ràng, một ngọn cờ chính thống. Đối lập với họ là một ông vua con Khang Hy thông minh, tài trí, đức độ. Con người xuất thân từ dòng dõi Di Địch đó đã biết chia rẽ các lực lượng chống đối, áp dụng thủ pháp có nhu có cương để cai trị thiên hạ, thể hiện lòng nhân từ và tư tưởng đại đoàn kết để thu phục nhân tâm. Nhà vua thiếu niên đọc thật kĩ sử sách Trung Hoa, rút ra những bài học lâm sàng từ những ông vua hôn ám để tránh, đi theo cái vương đạo mà bậc đại học đã đi. Đối với quân Mông Cổ, Tây Tạng, Nga La Tư, nhà vua có đối sách ngoại giao rõ ràng. Chính vì vậy khi Ngô Tam Quế dựng lên chiêu bài "hưng Minh thảo Lỗ" ở Vân Nam, phát hịch kể tội nhà Thanh và Khang Hy thì không có lực lượng nào của người Trung Quốc ủng hộ Ngô Tam Quế cả.

Kim Dung là một nhà văn chứ không phải là một nhà sử học. Cách đặt lại vấn đề lịch sử trong tác phẩm của ông cũng rất văn học: không cay cú kết án, không hồ hởi ca ngợi. Ông chỉ nhẹ nhàng trình bày sự kiện người đọc nhân ra quan điểm cá nhân của ông. Nhiều khi, tôi kinh ngạc khi đọc đến những kiến giải uyên bác của Kim Dung về sử học. Thí dụ như đoạn lung trong Lộc Đỉnh ký, khi Kim Dung mượn lời của Lữ Lưu Lương giải thích cho con trai nghe về hai từ "trục lộc" (đuổi hươu). Con hươu ví với thiên hạ, gồm có đất đai và dân chúng. Khương Thái Công tâu với Văn Vương: "Lấy thiên hạ như đuổi bắt con hươu làm thịt chia nhau mà ăn. Có khi nhiều người cùng ăn, có khi một người ăn hết". Ông dẫn lời trong Hán thư: "Nhà Tần để sổng con hươu, thiên hạ tranh nhau bắt". Từ khái niệm "hươu" (lộc), Kim Dung đưa ta qua khái niệm "vạc" (đỉnh). Đỉnh là cái vạc cao, có ba chân, dùng để nấu thịt (hươu) mà ăn. Sau đó, người ta dùng đỉnh để làm một hình cụ. Lịch Sinh bị Tề vương Điền Quảng bỏ vào vạc dầu luộc chín khi Hàn Tín đánh vào Lâm Tri. Nối "lộc" và "đỉnh" lại có khái niệm lộc đỉnh. Trong địa danh Trung Quốc, có núi Lộc Đỉnh ở miền bắc sông Hắc Long, đọc theo âm Mãn Châu là Hô Mã Nhĩ Oa Tập Sơn. Kim Dung đã nắm tay độc giả dẫn vào thế giới Lộc Đỉnh ký, bộ tiểu thuyết ông viết ra trong khoảng 1969 - 1972 tự nhiên như thế. Cách dẫn nhập từ khái niệm lịch sử vào thế giới tiểu thuyết của Kim Dung không phải ai cũng làm được!

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kim Dung và ngôn ngữ xã hội hóa

Người nhạc sĩ viết một ca khúc; ba bốn chục năm sau, một người thưởng thức nào đó còn nhớ được một vài ca từ, nghêu ngao hát lên là số phận ca khúc đó sống được trong lòng người. Một nhà thơ in cả trăm bài, chỉ cần có người yêu thơ thuộc được một đoạn hay vài câu là thơ đã sống được. Văn học, nghệ thuật là những sản phẩm tinh thần dành cho đám đông. Trong quá trình giao thoa giữa tác giả và người thưởng thức, một số câu, chữ, từ ngữ đặc biệt của tác phẩm đi luôn vào lòng người. Tác phẩm như vậy đã là thành công rồi. Còn ngôn ngữ văn chương tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung đối với người Sài Gòn, người miền Nam thì sao?

Khi tác phẩm Ỷ thiên Đồ long ký được Tiền Phong Từ Khánh Phụng dịch với tựa đề Cô gái Đồ long, Nhà xuất bản Trung Thành in và phát hành năm 1966 thì bốn chữ "Cô gái Đồ long" đã trở thành một câu hát:

Có cô gái Đồ long lắc bầu cua
Lắc một cái ra hai con gà mái…

Trẻ con khắp hang cùng ngõ hẻm hát, người lớn cũng hát trong những dịp Tết chơi lắc bầu cua. Ngôn ngữ văn học tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đã được xã hội hóa một cách rộng rãi đến bất ngờ. Tôi rất hiểu có nhiều người không biết "Đồ long" là gì nhưng họ vẫn hát: "Có cô gái Đồ long lắc bầu cua…". Mà cần gì phải biết, hễ cao hứng thì cứ hát.

Gần như từ giai đoạn đó trở đi, một số từ ngữ trong văn chương của Kim Dung ngày càng được xã hội hóa tại Sài Gòn và miền Nam theo sự xuất hiện của các bản dịch tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trên báo chí.

Khái niệm "Tẩu hỏa nhập ma" được Kim Dung nhắc đến trong nhiều tác phẩm để chỉ một trạng thái nguy kịch có thể dẫn đến cái chết, sự điên loạn hoặc sự tê liệt hoàn toàn của một người luyện nội công sai đường. Như trong Hiệp khách hành, Cẩu Tạp Chủng (Thạch Phá Thiên) vừa có nội công Hàn ý miên chưởng (công phu chí âm của bà mẹ nuôi Mai Phương Cô truyền cho) vừa luyện Viêm viêm công (công phu chí dương của Tạ Yên Khách chỉ điểm). Đến lúc tối hậu, hai luồng chân khí âm dương đối địch nhau, mặt chàng lúc đỏ như say rượu, lúc xanh như xác chết trôi. Chàng ngã lăn trên phiến đá, giãy đành đạch mấy cái rồi nằm im, hơi thở mỏng như tơ… Đó là trạng thái tẩu hỏa nậhp ma. Giới trí thức và giới sinh viên thời ấy dùng phổ biến cụm từ này. Thí dụ "Thằng ấy đang tẩu hỏa nhập ma" có nhĩa là thằng ấy đang… khùng.

Những tiếng chửi tục của bọn hào sĩ giang hồ trong Tiếu ngạo giang hồ được dân sinh viên thời ấy "mượn" tối đa. Tác phẩm có thuật chuyện bọn môn đệ Tung Sơn bị Lệnh Hồ Xung đâm mù mắt đã dụ quần hùng lọt vào hậu động Hoa Sơn, bít cửa động lại rồi giết họ. Bọn chúng có câu ám ngữ "Cút con bà mày đi" để nhận ra nhau là đồng bọn. Lệnh Hồ Xung cũng học được câu chửi ấy nên mới tự giữ mình được. Dân sinh viên dùng câu ám ngữ này như một… lời chào. Hai anh bạn gặp nhau, vừa mời nhau điếu thuốc, vừa "Cút con bà mày đi".

Báo là nơi in tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trước tiên cho nên giới nhà báo cũng là những người được đọc Kim Dung kỹ và đầy đủ hơn mọi người. Từ say mê feuilleton, họ say mê luôn các nhân vật và dùng luôn tên các nhân vật làm bút danh cho mình. Ông Lê Tất Điều ký bút danh Kiều Phong, ông Nguyên Sa ký bút danh Hư Trúc, ông Chu Tử ký bút danh Kha Trấn Ác. Những bút danh Tiểu Siêu, Du Thản Chi… lần lượt xuất hiện trên báo chí. Một số những nhân vật khác của Kim Dung cũng được "mượn" họ tên để biểu hiện cho tính cách con người. Kẻ đạo đức giả, có thủ đoạn lừa mị thì bị gọi là "Nhạc Bất Quần". Kẻ hay ton hót, nịnh nọt thì bị gọi là "Vi Tiểu Bảo". Những danh từ riêng ấy qua tác động xã hội hoá, trở thành danh từ chung ám chỉ mộmt loại người. Điều ngộ nghĩnh là các ông nghị, bà nghị trong lưỡng viện Sai Gòn trước đây cũng hay sử dụng các "thuật ngữ" này để thoá mạ nhau khi đấu khẩu trước diễn đàn hay phát biểu trước công luận.

Nhiều từ ngữ khác trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung thâm nhập đời sống một cách tự nhiên. Những người ăn xin thì được gọi là "Cái bang", nhà giáo đánh học sinh một cái bạt tay được gọi là đánh một "chưởng". Khái niệm "chưởng" được mở rộng ra để chỉ tất cả các loại phim quyền cước do Hongkong, Đài Loan sản xuất: Phim chưởng. Chữ "chiêu" được sử dụng rộng rãi nhất: "ra phố dạo mấy chiêu", "cầm cơ bi da đánh một chiêu", "anh đừng giở cái chiêu ấy ra với tôi"… Ngữ nghĩa chữ "chiêu" càng ngày càng được mở rộng đến nỗi nó… vượt xa tầm tay của Kim Dung. Người nhỏ tuổi gọi người lớn tuổi là "Sư phụ", sếp cơ quan được nhân viên gọi là "Trưởng lão", từ chối một chức vụ hay xin hưu thì gọi là "rửa tay gác kiếm", cầm bút viết lại thì gọi là "tái xuất giang hồ".

Nhưng chưa có chữ nào được xã hội hoá rộng nhất như chữ "Ma giáo". Trong tiểu thuyết của mình, Kim Dung hay nhắc đến Ma giáo, phát xuất từ chữ Manichéisme (Bái hỏa giáo, Minh giáo). Người Trung Hoa phiên âm là Ma Ni giáo, gọi mãi, người ta lượt bỏ chữ Ni để chỉ còn Ma giáo. Đi vào xã hội Việt Nam, chữ "ma giáo" (không viết hoa) dùng để chỉ đặc điểm của một người có hành vi lật lọng, phản bội, xấu xa: "Anh đừng có chơi ma giáo với tôi", "ông ấy làm ăn rất ma giáo", "con người ma giáo ấy chẳng được ai ưa".

Có thể người ta quên mất nhiều câu chuyện được kể trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Có thể người ta quên sạch các chương hồi, các tình huống, các nhân vật. Thế nhưng, một số từ ngữ đặc biệt trong văn chương tiểu thuyết võ hiệp của ông được xã hội hóa, đi vào cuộc sống thì vẫn còn mãi trong văn nói của người Sài Gòn, người miền Nam. Tuỳ theo từng cách dùng, tuỳ theo từng thời điểm, ngữ nghĩa của các từ, ngữ ấy có thể chuyển đổi một ít hoặc toàn bộ.

Truyện Kiều của Nguyễn Du để lại cho ngôn ngữ văn chương Việt Nam ta những tên Sở Khanh, mụ Tú bà, máu Hoạn Thư… Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng đem lại cho ngôn ngữ nói của chúng ta một số từ, ngữ mới; làm phong phú thêm ngôn ngữ nói và mở rộng thêm được một số khai niệm cần diễn đạt. Ở một chừng mực nào đó, ta có thể nói tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông đã giao thoa đúng tần số với một bộ phận bạn đọc Việt Nam. Đó cũng là một thành công lớn của người cầm bút về phương diện ngôn ngữ, diễn đạt.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kim Dung - Hồn tính lãng mạn phương Đông

Trong văn học Tây Phương, chủ nghĩa lạng mạn (Le romantisme) được hiểu nhưng một trào lưu đến sau chủ nghĩa cổ điển (Le classisme). Nếu chủ nghĩa cổ điển mang theo những quy ước có tính bó buộc thì chủ nghĩa lãng mạn được hiểu như là một thái độ vượt qua các quy ước, phá vỡ sự bó buộc để vươn tới sáng tạo. Lãng mạn, đúng như tên gọi của nó, là những cơn sóng vỗ tràn bờ - những bến bờ cổ điển gò bó, chật hẹp.
Phương Đông không có chủ nghĩa lãng mạn nhưng từ nghìn xưa, hồn tính lạng mạn đã là bản chất của tình yêu, của sự sáng tạo triết học, văn học, nghệ thuật Phương Đông. Nếu phương Tây lãng mạn trong hành động thì phương Đông lãng mạn trong tư duy. Biểu hiện của hồn tính lãng mạn có khác nhau, tạo ra phong cách khác nhau trong sáng tạo văn học. Ta thử đi tìm hồn tính lãng mạn ấy trong tác phẩm văn học của Kim Dung.
Tác phẩm của Kim Dung là tác phẩm của tình yêu, của những bài tình ca nồng thắm. Những lứa đôi trong tình yêu rất trẻ, thường là trên dưới đôi mươi, như Trương Thuý Sơn với Hân Tố Tố; như Vô Kỵ với Triệu Minh (Ỷ thiên Đồ long ký); như Hồ Phỉ với Miêu Nhược Lan (Tuyết Sơn Phi Hồ); như Lệnh Hồ Xung với Nhậm Doanh Doanh (Tiếu ngạo giang hồ). Gần như những nhân vật nữ của ông yêu nhân vật nam ngay từ cái nhìn đầu tiên, từ lần gặp gỡ đầu tiên. Kim Dung không hề nhắc đến tiếng sét ái tình (coup de foudre). Nếu quan điểm tâm phân học của Sigmund Freud cắt nghĩa tiếng sét ái tình không phải là một cảm xúc tình yêu đến bất chợt mà là đã kinh qua một quá trình chiêm nghiệm, dung nạp và hồi ức những hình ảnh tương tự thì có lẽ Kim Dung cũng để cho những nhân vật của mình kinh qua quá trình tương tự như vậy. Hân Tố Tố yêu Trương Thuý Sơn ngay từ đầu vì cô từng nghe Trương Thuý Sơn có ngoại hiệu là Ngân câu thiết hoạch, một nhà thư pháp chính cống, mà cô lại yêu thư pháp. Doanh Doanh yêu Lệnh Hồ Xung ngay sai khi nghe chàng trai thổ lộ nỗi đau tình trước sự phụ bạc của Nhạc Linh San vì cô tin rằng kẻ nào không chung thủy với quá khứ thì không chung thủy với hiện tại và tương lai. Những trải nghiệm tương tự như vậy trở thành một thứ vô thức tập thể lắng đọng ngàn đời trong tâm hồn nhân loại và các nhân vật của Kim Dung cũng không thể vượt qua ngoài vô thức tập thể đó. Bởi vì họ là một nhân loại thu gọn.
Vâng, những người tình trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung là những con người lãng mạn. Họ lãng mạn đến nỗi họ vững tin rằng tình quân sẽ

vượt ngàn dặm quay về với họ như lời hứa trước khi ra đi. Thủy Sinh trong Tố tâm kiếm, A Châu trong Thiên Long bát bộ phận gái dặm trường, bỏ Trung Nguyên ra vũng băng tuyết Quan Ngoại hay Nhạn Môn quan để chờ người yêu trở lại. Và những người anh hùng Địch Vân, Kiều Phong cũng là những người tình lãng mạn. Quả nhiên họ tìm về nơi cũ, quả nhiên họ nhìn thấy người tình đứng trong tuyết trắng chờ họ về. Hồn tính lãng mạn miên man tình ý nhưng hành động lãng mạn chấm dứt ở đó. Không ai ôm nhau, hôn nhau, quấn quít lấy nhau. Đi tới một bước nữa, dù chỉ một bước ngắn, cũng rất phàm tục. Mà tình yêu trong tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung thì không phàm tục chút nào.

Ta hãy nói về một phạm vi khác, phạm vi võ thuật. Trên đỉnh Quang Minh giữa núi Thiên Sơn, Trương Vô Kỵ dùng một cành mai xuân đấu với đao kiếm của Chính - Phản Lưỡng nghi đao pháp, kiếm pháp. Giữa rừng đao núi kiếm tràn đầy sát khí hào quang, cành mai chính là biểu tượng của sự sống, của cái đẹp, của lòng nhân ái. Đấu với đao kiếm là mai không rụng một bông, cái hồn tính lãng mạn quả đã được Kim Dung chắp cho đôi cánh bay bổng tuyệt vời. Ta hãy nói đến đường Độc cô cửu kiếm của Lệnh Hồ Xung. Nguyên tắc cao nhất của võ thuật là tiên phát chế nhân (phóng chiêu ra trước thì kiềm chế được người). Cả một đường Độc cô cửu kiếm chỉ có công mà không có thủ, bởi vì người kiếm sĩ không sử chiêu thức mà sử kiếm ý; ý muốn phóng kiếm đến đâu, kiếm theo đến đó, ung dung nhẹ nhàng như nước chảy mây trôi. Đường kiếm đó chính là hồn tính lãng mạn trong triết học của Trang Tử; nó phảng phất, mênh mông và bất khả tư nghị.

Những hào sĩ giang hồ của Kim Dung vốn là bọn ham vui. Họ sống thành băng, nhóm, đảng, động; khi họ họp với nhau, Kim Dung gọi họ là quần hào, quần hùng. Thế nhưng trong đám đông đảo đó, thỉnh thoảng vẫn có những người tự tách mình ra sống ẩn dật như một nhà hiền triết. Phong Thanh Dương sống một mình trong hậu động Hoa Sơn, Hoàng Dược Sư sống một mình trên đảo Đào Hoa, Trương Vô Kỵ sống một mình trong hang núi, Tiểu Long Nữ sống một mình trong Cổ Mộ đài… là nhưng nhà hiền triết như vậy. Họ chọn một thái độ sống rất lãng mạn: quay về với thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên, hái hoa quả trên rừng, bắt ếch cá bên suối làm thức ăn. Hoàng Dung săn bắn nuôi Quách Tỉnh, Doanh Doanh bắt ếch nướng cho Lệnh Hồ Xung ăn… đơn giản là thái độ trở về với thiên nhiên. Cái mà họ muốn vượt qua là lễ giáo thế tục; cái mà họ muốn đạt được là tinh thần tự do tuyệt đối. Giữa rừng xanh, họ đánh đàn, đánh cờ, nghe thác chảy, nhìn mây trôi, xa lánh chốn giang hồ hiểm ác man trá. Còn lối sống nào hiền triết hơn và minh triết hơn?

Lục hợp chi nội, thánh nhân tồn nhi bất luận,
Lục hợp chi ngoại, thánh nhân tồn nhi bất nghị.

Tiên vương chi chí, Xuân Thu kinh tế, thánh nhân tồn nhi bất biện.
(Việc trong trời đất, thánh nhân biết rồi nhưng không bàn đến,
Việc ngoài trời đất, thánh nhân biết rồi nhưng không nghĩ đến.
Chí của các bậc tiên vương, cách kinh bang tế thế thời Xuân Thu, bậc thánh nhân biết rồi nhưng không giải thích).

Những nhân vật minh triết của Kim Dung quả rất gần gũi với khái niệm "thánh nhân" mà Khổng Tử ca ngợi.

Nhân vật của Kim Dung luôn hướng về tự do. Lệnh Hồ Xung học kiếm pháp Hoa Sơn với Nhạc Bất Quần, một cái nhấc chân hay một cái cất tay đều đúng bộ vị, thước tấc. Cho đến khi nhân vật này được học kiếm pháp với Phong Thanh Dương, lãnh hội ý nghĩa sâu sắc trong lời dạy của lão: "Người sử kiếm chứ không phải kiếm sử người, cứ như nước chảy mây trôi mà sử kiếm" thì hắn mừng như điên. Ấy bởi vì Lệnh Hồ Xung biết mình đang tiếp cận với tự do, cái tự do mà một tên lãng tử vô hạnh như hắn cần phải có. Khi hắn yêu Nhạc Linh San thì tình yêu đó nhắc hắn nghĩ tới công danh, địa vị sau này. Nhạc Linh San là con một, Nhạc Bất Quần không có con trai; sau này khi lão trăm tuổi, ngôi vị chưởng môn chắc chắn sẽ được trao lại cho Lệnh Hồ Xung. Nhưng làm chưởng môn pháo Hoa Sơn hay tự do ngao du, tiếu ngạo giang hồ là khoái hoạt hơn? Lệnh Hồ Xung chọn cái thứ hai. Đến khi gặp Nhậm Doanh Doanh, nhân ra ở cô gái này tinh thần yêu tự do tuyệt đối thì hắn mới thật sự tìm ra nguồn hạnh phúc cho đời sống. Khúc Tiếu ngạo giang hồ là một khúc hoà tấu tự do, trong tay Khúc Dương và Lưu Chính Phong nghe ra vẫn còn chất binh đao sát phạt, buồn lo uất hận nhưng trong tay Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung thì ấm áp xuân tình, hoà bình trung chính. Chính trạng thái tự do hay mất tự do của tinh thần đã quyết định bản chất của điệu thức, của âm thanh.

Kim Dung nói về tự do một cách say mê, đặc biệt là phần hậu ký của bộ Tiếu ngạo giang hồ do Minh Hà xã, Hongkong in tháng 9 năm 1997. Ông dành hậu ký này bàn về nhân tính, bàn về tự do. Cái tự do của ông quan niệm rất gần gũi với cái tự do của TrangTử trong Nam hoa kinh, lãng mạn và tuyệt đối. Cuối bộ Tiếu ngạo giang hồ, ông để cho Lệnh Hồ Xung từ chức chưởng môn phái Hằng Sơn; Doanh Doanh không làm giáo chủ Triêu Dương thần giáo; hai người dắt tay nhau tiếu ngạo giang hồ. Cuộc sống tự do hấp dẫn họ hơn mọi quyền lực. Đúng ra, đứng trên đỉnh cao quyền lực, họ cũng được tự do hành động nhưng bản chất hành động ấy luôn hướng về một mục đích, nghĩa là họ không còn được hành động một cách tự do nữa. Tự do chính là tâm thức lãng mạn cao nhất trong tư tưởng phương Đông. Đạo Không đưa con người đi đến chỗ hiền triết thánh nhân, đạo Phật đưa con người đi đến chỗ giải thoát, Lão-Trang đưa con người đến chỗ vô vi. Hiền triết thánh nhân, giải thoát, vô vi là những khát vọng lãng mạn và độc

đáo, Chính những khát vọng ấy làm nên hồn tính lãng mạn trong tác phẩm Kim Dung. Điều này rất rõ là khi cầm một tác phẩm Kim Dung lên, đọc mấy chương đầu, ta bỗng nghe lòng thư thái, nhẹ tênh, không còn những vương vất ưu tư từ cuộc sống tác động vào. Đó là gì? Đó chính là sự giải thoát, là tâm trạng cảm thấy mình đang được tiếp cận với tự do dù trong giây phút ngắn ngủi của đời người!

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kim Dung và những ông thần si tình

Tâm lý học hiện đại định nghĩa: "Đam mê là một tình cảm mãnh liệt, hướng chủ thể tới một đối tượng duy nhất và làm khô héo những tình cảm khác". Chắc hẳn Kim Dung đã nghiên cứu, thẩm thấu, nhập tâm định nghĩa này. Và rõ ràng, trong tác phẩm văn học của ông, tính cách đặc thù của những nhân vật đam mê tình yêu hiện ra lồ lộ. Tôi gọi những nhân vật ấy là những ông thần si tình. Họ là những "ông thần" bởi cách thể hiện trạng thái si tình của họ vượt xa các trạng thái si tình của người thường, vượt xa những nhân vật trong tiểu thuyết tình cảm kim cổ. Đối với họ, si tình trở thành một tôn giáo và đối tượng trở thành giáo chủ.

Có thể đề cập đến Đoàn Dự (Thiên Long bát bộ), vương tử nước Đại Lý, thấm nhuần Nho học và Phật học, như là biểu tượng thượng thừa si tình. Rời Vân Nam, chàng trai này phiêu bạt đến Cung Kiếm hồ, núi Vô Lượng. Tại đây, chàng gặp hoạn nạn, phải trốn xuống hồ, lại bị thác nước cuốn vào trong một thạch thất (nhà đá). Nhìn thất một pho tượng tạc hình một thiếu nữ, Đoàn Dự đã há miệng, líu lưỡi, say mê ngay. Lạ lùng là những rung động đầu đời, tiếng sét ái tình đầu đời của Đoàn Dự không dành cho một thiếu nữ bằng xương bằng thịt mà lại dành cho một pho tượng. Đoàn Dự đã gọi pho tượng ngọc bằng "Thần tiên nương tử" (cô gái thần tiên) và đối với pho tượng, anh chàng si tình này ngàn lần lễ phép, kính ngưỡng. Chẳng vậy mà dù trong thạch thất có hàng chữ "giải y nãi kiến" (cứ cởi áo ra là thấy ngay), Đoàn Dự vẫn không dám cởi chiếc áo gấm của pho tượng.

Chàng trai chăm chỉ cúi đầu lạy pho tượng ngọc và càng lạy thì chiếc chiếu dưới chân càng chuyển động, để lộ ra một "cơ quan": 3 mũi tên đồng xanh. Ý nghĩa của 3 mũi tên này là nếu ai bộp chộp, sàm sỡ cởi áo pho tượng ngọc thì sẽ đạp trúng cơ quan, 3 mũi tên đồng sẽ giết chết người ấy ngay trước khi người ấy kịp hiểu ra những võ công bí ẩn trong thạch thất. Đoàn Dự không tiết mạn pho tượng, không ham võ công, chỉ say mê nhan sắc của pho tượng nên đã vượt qua được cái bẫy chết người ấy. Chàng trai chỉ học trong thạch thất một môn công phu để…chạy trốn kẻ địch. Đó là môn Lăng Ba vi bộ, mô phỏng bước chân nhẹ nhàng, thanh thoát của nàng tiên Lăng Ba trong thần thoại Trung Quốc. Quả nhiên về sau, nhờ có Lăng Ba vi bộ, Đoàn Dự thoát được nhiều tình huống nguy hiểm đến tính mạng. Cho hay, si tình cũng được việc.

Về sau này, Đoàn Dự say mê Vương Ngữ Yên vì tìm thấy ở Vương Ngữ

Yên những đường nét dịu dàng của "Thần tiên nương tử". Tất nhiên Vương Ngữ Yên đánh giá Đoàn Dự như một anh chàng si ngốc; cô chỉ yêu biểu ca Mộ Dung Phục của cô. Nhưng cô đi đến đâu, Đoàn Dự vẫn lẽo đẽo đi theo. Thậm chí giữa rừng đao núi kiếm của quân Tây Hạ, Đoàn Dự cũng mò đến để dặn cô: "Vương cô nương, nếu có việc nguy nan, xin cho tiểu sinh cõng cô nương chạy trốn nhé". Ấy là Đoàn Dự cậy vào môn công phu Lăng Ba vi bộ ảo diệu của mình.

Rồi cuối cùng tình cảm chân thành của ông thần si tình Đoàn Dự cũng được Vương Ngữ Yên đến đáp. Chẳng những lấy được Vương Ngữ Yên, Đoàn Dự còn lấy Mộc Uyển Thanh, Chung Linh. Ấy bởi vì Đoàn Dự lên ngôi hoàng đế nước Đại Lý, mà hoàng đế thì có quyền có đến… tam cung lục viện!

Thiên Long bát bộ cũng có một nhân vật si tình thượng thừa là Du Thản Chi. Du Thản Chi là con trai của Du Ký, cháu của Du Câu ở Tụ Hiền trang, Giang Nam. Sau khi cha và bác bị giết, Du Thản Chi phiêu bạt giang hồ, bị quân Khiết Đan bắt được đưa qua biên giới làm "chiến lợi phẩm". Du Thản Chi căm thù Kiều Phong đến tận xương tuỷ vì Kiều Phong giết cha và bác của hắn nhưng hắn lại say mê A Tử, em vợ Kiều Phong ngay từ cái nhìn đầu tiên. Tâm trạng của Du Thản Chi khi gặp A Tử được miêu tả là "tim đập, chân run, nói không ra lời".

A Tử, cô gái mới 16 tuổi, đối xử với tù binh là Du Thản Chi 17 tuổi bằng những thủ đoạn cực kỳ tàn độc. Ngay ngày đầu tiên mang Du Thản Chi về, cô đã cho gã đi "diều giấy": sai quân Khiết Đan cưỡi ngựa ném gã lên không gian rồi cứ vậy mà "phóng" gã, không cho gã rơi xuống đất để làm vui cho cô. Cô lại cho quân dong gã vào dây rồi phóng ngựa chạy cho thân thể gã bầm dập đau đớn như ngàn côn đánh đập, như muôn trượng lửa hồng. Ấy vậy mà khi tỉnh lại, gã vẫn quỳ xuống hôn bàn chân của cô, liếm láp từng ngón chân cô để bày tỏ lòng tôn kính. Nhìn một cách nào đó thì Du Thản Chi là một biểu tượng của trạng thái khổ dâm.

Du Thản Chi không chết. Một ông thần si tình thì làm sao chết được? Kim Dung quả thật bất công khi kéo dài những đau đớn trong đời Du Thản Chi. A Tử sai thợ rèn khéo tay làm một mặt nạ sắt, nướng đỏ ráp lên đầu Du Thản Chi biến gã thành tên Thiết Sửu (thằng hề bằng sắt). Để thử nghiệm "công trình" của mình, cô buộc gã phải đút đầu vào miệng sư tử cho sư tử cắn xem chơi. Cũng nhờ cái mặt nạ sắt ấy mà Tiêu Phong không nhìn ra được Du Thản Chi, còn Du Thản Chi thì thoải mái nhìn Tiêu Phong với ánh mắt rực lửa căm hờn bởi Tiêu Phong đã từng là kẻ thù giết cha, giết bác của gã và gã biết A Tử rất mê Tiêu Phong.

Du Thản Chi si tình A Tử đến nỗi gã sẵn sàng chết vì A Tử. Gã tình nguyện cho con Hàn tầm trên núi Tuyết Sơn hút máu để A Tử luyện công. Gã xông

pha cứu A Tử, chống lại thầy mình là Đinh Xuân Thu để chịu làm kẻ bất trung, bất nghĩa. Khi A Tử đui hai mắt, gã mượn được lưỡi thủy thủ chém sắt như chém bùn để tự tháo cái lồng sắt trên đầu mình ra, trở thành một người mặt quỷ, xưng là Trang Tụ Hiền, đi theo bao bọc A Tử. Gã tình nguyện hiến đôi mắt của mình cho "thầy thuốc" Hư Trúc đem ráp vào hố mắt A Tử để A Tử sáng trở lại còn gã cam chịu phận đui mù. Gã say mê A Tử chỉ để mà si mê, không vì một lý do nào khác, kể cả lý do tình dục. Cuối cùng, khi Tiêu Phong chết, A Tử móc đôi mắt trả lại cho Du Thản Chi rồi bồng Tiêu Phong rớt xuống thung lũng sâu ngoài Nhạn Môn Quan. Và gã cũng đi theo…

Cách si tình của Du Thản Chi ngu hơn Đoàn Dự rất nhiều. Chính Đoàn Dự cũng kính "bậc thầy" Du Thản Chi khi Đinh Xuân Thu bắt được A Tử, buộc gã phải quay lại khiêu chiến với quần hùng tụ tập trên núi Tung Sơn phái Thiếu Lâm thì lão mới tha chết cho A Tử. Gã sẵn sàng làm mọi thứ: lừa thầy, phản bạn, giết bất cứ người nào. Làm bất cứ việc gì thương luân bại lý vì A Tử. Cho nên nếu goi Đoàn Dự là phó tiến sĩ si tình thì phải phong cho Du Thản Chi là tiến sĩ si tình mặc dù không có một đại học nào cấp bằng cho các tay si tình dại gái.

Tôi có thể kể ra hai viên cử nhân si tình khác trong Lộc Đỉnh ký. Nhân vật đầu tiên là Vi Tiểu Bảo, khi mới gặp A Kha, hắn đã thề một câu rất kì quái rằng nếu hắn không chiếm được cô thì mười tám đời tổ tiên nhà hắn là quân rùa đen hết ráo. Chẳng những hắn si tình cô con gái mà hắn si tình luôn…bà mẹ vợ, danh kỹ Trần Viên Viên, trên 40 tuổi, đã đi tu. Vi Tiểu Bảo được cái nói thẳng nói thật, dẫu lời nói có sống sượng, thô lỗ, tục tằn. Ấy vậy mà đàn bà con gái Trung Quốc (trong Lộc Đỉnh ký thôi nhé) mê hắn muốn chết. Thái độ si tình của hắn khá thực tế: mê ai là để ngủ cho được với người ấy, không ngủ được thì dù là Tây Thi tái thế, Bao Tự hồi sinh hắn cũng không thèm.

Lại có một viên cử nhân si tình khác là Mỹ đao vương Hồ Dật Chi. Lão này 60 tuổi, tướng mạo cực đẹp, si tình Trần Viên Viên, vứt cây đao đi để tự nguyện làm đầy tớ bửa củi, xách nước phục vụ cho Trần Viên Viên khi cô này đi tu. Lão rình nghe Viên Viên hát Viên Viên khúc, mấy chục năm chỉ lọt tai được tám chín câu. Chỉ như vậy, lão đã cho mình là người đại hạnh phúc.

Khi kết bạn với Vi Tiểu Bảo, nghe họ Vi nói chuyện si tình thực dụng, lão phê phán ngay. Chủ nghĩa si tình của lão là chủ nghĩa si tình thánh hoá, lý tưởng hoá; si tình ai là phải mong người đó được hạnh phúc, vui vẻ, kể cả giúp cho người mình si tình đi lấy chồng (không phải là mình). Chính vì quan điểm si tình khác nhau mà một già một trẻ cãi nhau ỏm tỏi, càng cãi càng đi vào chỗ mơ hồ, sai lạc.

Nghe đồn Kim Dung cũng là một ông trùm si tình trong cuộc sống và hình bóng ông tôn thờ là cô đào Hạ Mộng. Hạ Mộng còn sống đến bây giờ e đã bảy mươi tuổi có dư. Nhưng tuổi tác có ra quái gì so với tiến sĩ si tình Kim Dung. Có lẽ vì vậy mà ông đã xây dựng nên các "bậc thầy" Đoàn Dự, Du Thản Chi, Vi Tiểu Bảo, Hồ Dật Chi. Những đau đớn của họ, nếu có cũng chỉ là đau đớn tình thần nhiều hơn là thể xác. Và có lẽ Kim Dung thể hiện sự đau đớn ấy trong văn chương cũng là cách tự giải toả cho mình. Nếu không giải toả được, không chừng sẽ phát khùng phát điên lên mất.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kim Dung và "Thiên ngoại hữu thiên"

"Thiên ngoại hữu thiên" (ngoài trời này có bầu trời khác) đơn giản chỉ là một tư tưởng của Lão Tử trong Đạo Đức kinh. Câu nói này thể hiện vũ trụ quan của Lão Tử, một vũ trụ quan cách chúng ta trên 2.500 năm, khi mà những tiến bộ khoa học chưa ra đời và Lão Tử, như những nhà hiền triết phương Đông khác, đã cố gắng cắt nghĩa vũ trụ thông qua những nhận thức thuần nghiêm. Khi phát biểu "thiên ngoại hữu thiên", Lão Tử cho rằng ngoài thế giới hiện thực mà chúng ta đang sống còn có một (hoặc nhiều) thế giới khác mà ông chưa biết đến. Nói cách khác, vũ trụ bao la còn chưa đựng nhiều cuộc sống khác mà loài người đang cố gắng khám phá, tìm hiểu, cắt nghĩa...

Trong "thiên ngoại hữu thiên" thì chữ "thiên" sau của Lão Tử vừa mang tính cách hiện thực vừa mang tính cách siêu thực. Ở chừng mực nào đó, tư tưởng này thể hiện một cái nhìn của siêu hình học cổ điển Trung Quốc. Thế nhưng những nhà văn Trung Quốc, trên cơ sở phát biểu của Lảo Tử, đã muốn biến tư tưởng này thành một hiện thực văn chương sinh động. Ví dụ Ngô Thừa Ân với tác phẩm Tây du ký đã xây dựng một bầu trời khác; bầu trời của Phật, thần, ma quỷ; bầu trời của Tây phương cực lạc. Hai ngàn năm trăm năm sau, một nhà văn khác của Trung Quốc đã chứng minh mệnh đề "thiên ngoại hữu thiên". Đó là Kim Dung với những tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của ông.

Võ hiệp tiểu thuyết hư cấu ra một bầu trời, một xã hội, một cuộc sống hoàn toàn khác hẳn với hiện thực. Đó là bầu trời, xã hội, cuộc sống của bọn hào sĩ giang hồ chuyên sống trên lưỡi đao mũi kiếm, đường quyền ngọn cước. Trên nền tảng của các sinh hoạt tôn giáo, môn phái, bang hội có thật ở Trung Quốc ngày xưa, Kim Dung xây dựng thành một thế giới võ hiệp; thoạt đọc qua cứ tưởng là có thực nhưng đọc kỹ mới thấy đó là sản phẩm thuần tuý của sự tưởng tượng, của khả năng hư cấu văn học.

Về mặt thủ pháp, Kim Dung áp dụng thủ pháp sáng tác khá thú vị; ông gắn liền những tác phẩm của mình với hoàn cảnh, giai đoạn lịch sử có thật của Trung Quốc. Thần điêu hiệp lữ, Xạ điêu anh hùng truyện, Ỷ thiên Đồ long ký gắn liền với lịch sử xâm lược của quân Kim đối với nhà Bắc Tống, sự hình thành của triều Nguyên trên đất Trung Quốc, những cuộc khởi nghĩa chống quân Nguyên để khai sinh triều Minh. Thiên Long bát bộ gắn liền với lịch sử Nam Tống khi nước Khất Đan chiếm được Yên Kinh (Bắc Kinh ngày

nay) và 18 châu Yên Vân ở bờ Bắc sông Hoàng Hà; gắn liền với sự tương tranh, tương giao, tương đấu, tương hỗ của 6 thế lực quân chủ Nam Tống, Khất Đan, Kim, Đại Lý, Thổ Lỗ Phồn, Tây Hạ. Lộc Đỉnh ký gắn liền với lịch sử triều Khang Hy nhà Thanh, khi Khang Hy mới lên làm vua đất Trung Quốc, khi những lực lượng phản Thanh phục Minh chưa bị dẹp tan, các lực lượng chư hầu (Tây Tạng, Mông Cổ) chưa bình định. Tuyết Sơn phi hồ, Phi hồ ngoại truyện gắn liền với lịch sử triều Càn Long, trong đó có những đoạn phục hiện, hồi ức về cuộc khởi nghĩa của Sấm vương Lý Tự Thành.
Những hoàn cảnh lịch sử, giai đoạn lịch sử có thật như vậy lại được gắn liền với những thế lực thật sự có thật của các bang hội, môn phái, tôn giáo. Về bang hội có Cái bang, Hải Sa bang, Thần Điểu bang, Cự Kình bang, Thiên Địa hội, Hồng Hoa hội..... Về môn phái, tôn giáo chính thống (huyền môn) có Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga My, Bái hoả giáo (Minh giáo), Côn Lôn, Tuyết Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn... Về môn phái, tôn giáo nhiều màu sắc tà đạo có Bạch Liên giáo, Tây Ba giáo, Ngũ Độc giáo, Bạch Mi giáo..... những thế lực có thật của các bang hội môn phái, tôn giáo này được trí tưởng tượng của tác giả nâng lên thành những thế lực chính trị, lực lượng quân sự, căn cứ một vùng hoặc có ảnh hưởng bao trùm ở nhiều khu vực rộng lớn.
Trên nền tảng cái có thực, Kim Dung phóng bút đưa vào những hoàn cảnh hư cấu, con người hư cấu cảu mình. Khả năng hư cấu của ông rộng lớn tuyệt vời, cuốn hút người đọc đi vào tác phẩm thuần tuý tưởng tượng mà cứ ngỡ đang đi vào đời sống thật.
Về hình nhi hạ kinh tế, những nhân vật trong võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung ít ai có nghề ngỗng rõ rệt. Trong mấy ngàn nhân vật của các bộ tiểu thuyết của ông, hoạ hoằn lắm như trong Tiếu ngạo giang hồ Kim Dung mới cho người ta thấy được Lưu Chính Phong, Vương Nguyên Bá là hai nhà giàu nức tiếng, Hà Tam Thất bán hoành thánh, Du Tấn bán tin tức, Lâm Chấn Nam có hãng bảo tiêu. Cơ bản bọn hào sĩ giang hồ trong tác phẩm của ông là đám vô công rỗi nghề nhưng vàng bạc lúc nào cũng rủng rỉnh, chẳng những ăn xài thoải mái mà còn sẵn sàng tặng người khác làm lộ phí. Ít khi họ ăn cơm nhà; ta chỉ thấy họ vào tửu lâu uống những bát rượu ngon, ăn những miếng nhắm tốt rồi đem vàng bạc ra trả. Họ đi đến đâu có lời chào mời, thiết đãi. Điều này thật lý tưởng khác xa với hiện thực xã hội Trung Quốc quân chủ trong đó đám bình dân nghèo xơ xác, gặp năm thiên tai, mất mùa, chiến chinh, có người chết đói, có người phải ăn cả thịt người.
Về hình nhi thượng võ công, những nhân vật trong các bộ võ hiệp Kim Dung là những con người tuyệt vời, đạt đến mức lý tưởng nhất. Kim Dung gọi các nhân vật trung tâm của mình là con thần long, con phượng hoàng trong loài người. Chỉ với trọng lượng cơ thể trên dưới một trăm cân (khoảng

60kg), Trương Thuý Sơn đã có thể dùng Thái Cực quyền đỡ hai tảng đá nặng ba, bốn ngàn cân (Ỷ thiên Đồ long ký). Những loại võ công họ đắc thủ mạnh và tinh vi đến độ trí óc của con người không thể tưởng tượng nổi: Kiều Phong trong Thiên Long bát bộ có nội lực sung mãn như dời non lấp biển, Lệnh Hồ Xung trong Tiếu ngạo giang hồ có đường Độc Cô cửu kiếm thắng tất cả các loại võ công trên đời, Quách Tĩnh trong Xạ điêu anh hùng truyện có Hàng long thập bát chưởng mạnh đến tan bia vỡ đá. Loại nhân vật trung tâm trong tác phẩm của ông chỉ cần xuất một chiêu quyền, cước, chưởng, chỉ, cầm, nã, đao, kiếm, côn, bổng là địch thủ phải chào thua, thậm chí phải táng mạng.

Ấy vậy mà họ sống đẹp hết sức. Trai trung hậu, chất phác; gái thông minh, tiết liệt. Họ sẵn sàng xả thân, hy sinh tính mạng vì người khác. Họ yêu thương đằm thắm, chân thành, thủy chung. Trong mấy ngàn nhân vật, ta chỉ có thể tìm thấy một nhân vật vì tham vọng mà phản bội trong Thiên Long bát bộ (Mộ Dung Phục). Họ hành hiệp cứu đời, tế khốn phò nguy, sống trên và ngoài vòng ảnh hưởng của cái gọi là vương pháp. Họ sống có thứ luật giang hồ riêng, chẳng hề liên quan gì đến các thứ hình luật của các chế độ quân chủ. Cơ sở giải quyết, hành xử mọi vấn đề của họ đặt rtên đao kiếm, quyền cước và tất nhiên, có sự can thiệp tích cực của lý trí và tình cảm của con người.

Trong Nam hoa kinh, Trang Tử đã từng mơ ước một con chim hồng "bay cao chín ngàn dặm, nương mây cỡi gió mà đi". Tư tưởng của Lão Tử Trang Tử hình thành học thuyết Lão Trang nến tản tư duy của đạo gia. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung xây dựng nên những môn phái tu theo đạo gia, lấy tư tưởng Lão Trang làm nền tảng cho võ thuật. Đọc Kim Dung, ta thường gặp các đạo sĩ phái Võ Đang, Thanh Thành, Tiêu Dao, Bồng Lai. Nơi họ tu học là các đạo quan (quán); võ công mà họ đắc thủ là võ công âm nhu, nhẹ nhàng thanh thoát như hoa bay, gió thoảng nhưng kình lực mạnh đến ta bia vỡ đá, dời non dốc biển.

Nhân vật tiêu biểu cho Đạo gia mà Kim Dung ca ngợi hết lời là một nhân vật có thực: Trương Tam Phong (Trương Quân Bảo), đạo gia khai sáng phái Võ Đang, người sáng tác ra bộ môn Thái Cực quyền pháp chậm rãi, nhẹ nhàng mà ngày nay còn truyền lại trong y thuật dưỡng sinh. Kim Dung mô tả Thái Cực quyền pháp: dang đôi tay nhẹ nhàng ôm lại như ôm cả vũ trụ vào lòng. Và chỉ với một thế Lãm tước vĩ (ôm đuôi chim), đạo gia đã có thể xoay địch thủ của mình như xoay con vụ, dù địch mạnh đến đâu, nặng đến đâu. Lãng mạn hơn, ông còn cho phép bốn lạng có thể chống lại được ngàn cân (tứ lạng bát thiên cân) và có thể mượn (lợi dụng) chính sức của địch thủ để đánh lại địch thủ (tá lực đả lực)

Nếu lịch sử - hiểu như một khoa học - có một các cắt nghĩa nhằm đạt đến

tích khách quan, tính hiện thực thì Kim Dung, trên nền tảng lịch sử đó, thêu dệt thành những đoạn huyền sử, thoại lạ lùng. Đây cũng chính là thủ pháp sáng tác chung của nhiều nhà văn học Minh-Thanh nhưng bậc hậu bối Kim Dung lại phát huy thủ pháp đến mức lâm li tận chí, vượt xa các bậc tiền bối. Ông đã thêu dệt cho ta nmột huyền thoại Sấm vương Lý Tự Thành trong Tuyết Sơn phi hồ, Phi hồ ngoại truyện và Lộc Đỉnh ký. Ông đã thêu dệt một huyền thoại Nhạn Môn Quan bi tráng, đầy rẫy tình yêu, nỗi đau, chiến tranh và hoà bình trong Thiên Long bát bộ. Ông đã dựng nên một nhà vua Khang Hy sáng suốt, dũng cảm, cơ trí, đại hiếu, có tầm cỡ của một bậc minh quân bậc nhất nhì Trung Quốc. Và các kho báu lớn, nỗi ước mơ ngàn đời của dân tộc Trug Quốc quân chủ nghèo nàn và lạc hậu xuất hiện trong tác phẩm của ông khá nhiều. Có điều lạ là kho báu ở Quan Ngoại (Tuyết Sơn phi hồ), kho báu ở chùa Thiên Ninh phủ Giang Lăng (Tố tâm kiếm) đều tẩm thuốc độc. Bọn giang hồ hào sĩ, bọn quan lại tham tàn đã tìm được các kho báu đó. Tay họ đã chạm, túi họ đã đựng đầy những vàng bạc, kim cương mã não nhưng họ đã trúng độc, chết ngay tại chỗ trước khi trở thành những siêu tỷ phú. Nó là nguồn hạnh phúc thuần tuý mang tính ẩn dụ đối với người Trung Quốc chăng?

Tiểu thuyết, võ hiệp Kim Dung thường nhắc đến con rồng. Ta có thể dễ dàng bắt gặp Hàng long thập bát chưởng với Hiện long tại điền, Tiềm long thăng thiên, Giao long xuất hải, Thần long bái vĩ, Phi long tại thiên, Kháng long hữu hối..... đây là tên các thế võ phỏng theo tên gọi các quẻ trong Kinh Dịch. Ngay móng vuốt của rồng cũng hình thành môn võ công: Long trảo công, Long tượng chưởng, Cầm long công.... mà rồng là con vật chỉ có trong linh thoại, dứng đầu tứ linh: long, lân, quy, phụng. Đưa con rồng vào trong tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã đưa người đọc trở về với thế giới linh thoại, một thế giới vượt xa thế giới hiện thực, ở ngoài thế giới hiện thực.

Ai cũng tự yêu mình, quý tính mạng của mình. Khuynh hướng ái ngã gần như là một kinh nghiệm phổ quát và tuyệt đối của loài người từ Đông sang Tây. Trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, những nhân vật trung tâm lại xả thân hành hiệp cứu đời, cứu người; sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình cho người khác được sống. Lệnh Hồ Xung chiến đấu đến sức cùng lực kiết với Điền Bá Quang để giải cứu cô nữ ni xinh đẹp và trong trắng Nghi Lâm; Trương Vô Kỵ hiến thân để cứu quần hùng Minh giáo; Địch Vân liều mình cứu Thủy Sinh; Kiều Phong dấn thân vào đầm rồng hang cọp để chạy chữa cho A Châu; Hồ Phỉ nghe nơi đâu có cường hào ác bá bức hại dân đen là tìm đến để lập lại công đạo.... Đó là những tấm gương lớn xuất phát từ khái niệm hành hiệp độ thế. Những nhân vật của Kim Dung trở thành những người hùng lý tưởng.

Từ người hùng lý tưởng trong cuộc sống, họ trở thành người tình lý tưởng

trong tình yêu. Họ thương yêu say đắm, thủy chung trong khuôn khổ cho phép của lễ giáo Trung Quốc.
Tình yêu đối với họ gần như tự nhiên, hoàn toàn không hàm ý lợi dụng, cơ hội, cưỡng cầu. Gần như tình yêu trong võ hiệp Kim Dung là kết quả của những cơ duyên hợp lý. Cơ duyên không hề mang tính chát tiền định như cơ duyên trong tư tưởng phật giáo, nó chính là kết quả của những mối quan hệ xã hội trong sáng và võ hiệp. Tình yêu trong truyện võ hiệp hình thành một thế giới riêng của anh hùng và giai nhân.
Cái thế giới giang hồ tên đường đao mũi kiếm, cái thế giới của thoại sử, cái thế giới của võ cộng siêu việt, cái thế giới cảu luật giang hồ, cái thế giới của những anh húng lý tưởng, những mối tình tuyệt vời - tất cả kết hợp thành một bầu trời riêng, khác hẳn bầu trời hiện thực mà người Trung Quốc đã sống. Đó là bầu trời ngoài một bầu trời - một "thiên ngoại hữu thiên". Ai đau xót vì cuộc sống, mệt mỏi vì những oán thù, đau đớn vì phải là người trong cuộc sống hiện thực hãy tìm đến "bầu trời" trong tiểu thuyết võ hiệp.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kim Dung và Vạn sự giai không

"Vạn sự giai không" là một trong những quan điểm lớn lao của đạo Phật. Hiểu một cách chân phương, "Vạn sự giai không" là mọi thứ trên đời đều là tạm bợ, hư ảo không có thật. "Vạn sự giai không" thể hiện nhân sinh quan, vũ trụ quan căn bản nhất của tư tưởng đạo Phật: anh không có, tôi cũng không có; nhan sắc cũng không, tình yêu cũng không; cả thế giới này là một chữ KHÔNG to tướng. Kinh Bát nhã ba la mật chép: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc" (Sắc chính là không, không chính là sắc). Than ôi, đến cái đẹp của phụ nữ - nguồn cảm hứng vô tận trong văn học nghệ thuật nhân loại – cũng không có nữa thì thế giới này quả thật đáng buồn.

Kim Dung có lẽ là một đệ tử thuần thành của nhà Phật, thấm nhuần tư tưởng Phật giáo sâu sắc. Tuư tưởng ấy hiện ra trong các tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của ông một cách có hệ thống, trở thành nguồn tư tưởng phương Đông chủ đạo, bao trùm khắp tác phẩm.

Trong những bộ tiểu thuyết của mình, Kim Dung thường nhắc đến sự tích Đức Bồ Đề Đạt Ma từ Thiên Trúc qua Trung Quốc, diện bích trong 9 năm, hình thành hệ tư tưởng Thiền tông Trung Hoa. Từ đó mới có chùa Thiền tông Thiếu Lâm ra đời, mới có các kinh văn Phạn ngữ du nhập Trung Quốc được dịch ra Trung Văn và mới có các thứ võ công danh tiếng mang dáng dấp Thiền tông: Niêm hoa chỉ, Bát Nhã chưởng, Thiếu Lâm trường quyền, Dịch cân kinh, Thiên thủ Như Lai chưởng, Kim Cương chỉ, Đạt Ma kiếm pháp… Một số vũ khí cổ điển mà các nhà sư Thiếu Lâm sử dụng cũa mang dáng dấp Thiền tông: thiền trượng, phương tiện sản…

Trong cách đặt tên nhân vật cho các nhà sư Thiếu Lâm, Kim Dung cũng cố gắng thể hiện chữ Không trong "Vạn sự giai không": Vô Tướng, Vô Sắc, Huyền Khổ, Huyền Nạn, Huyền Từ, Huyền Thống, Độ Ách, Độ Nạn, Độ Kiếp, Hư Trúc, Không Kiến, Không Văn, Không Trí, Không Tín… Các nhà sư Thiếu Lâm xuất hiện trrong tác phẩm Kim Dung rất gọn nhẹ, bên mình không mang theo một thứ vật dụng, quần áo gì. Thỉnh thoảng có người cầm theo cây gậy, đoản côn, sợi dây (khuyên) để làm vũ khí. Ra đi chiến đấu với địch thủ, họ thường sử dụng đôi bàn tay thịt. Ở một góc độ nào đó, họ là những người "vô sản" - một biểu hiện khá triệt để của chữ "không".

Trong Thiên Long bát bộ, Kiều Phong đau xót tìm nguồn gốc của mình là người Hán hay người Khất Đan. Hơn đâu hết, ở Trung Hoa ngày xưa, mặc cảm dân tộc và sắc tộc rất lớn: người Hán mới là người; các dân tộc và sắc

tộc khác chỉ là Tứ di (bốn rợ). Kiều Phong là bậc anh hùng đạt đạo những vẫn không thoát ra được tư tưởng dân tộc hẹp hòi, chỉ sợ bản thân mình thuộc dòng giống Khất Đan mọi rợ. Ông tìm lên chùa Chỉ Quán, núi Thiên Thai xin gặp nhà sư Trí Quan để hỏi cho ra nguồn gốc đó. Trí Quan chỉ đọc một bài kệ lửng lơ:

Khất Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần.

Cả bài kệ là một chữ "không", kết thúc mọi vấn đề dân tộc, ân oán, vinh nhục trên đời. Tất cà chỉ là bụi trần, hỏi mà làm chi, biết mà làm gì. Sức học của Kiều Phong không cho phép ông hiểu ra ý nghĩa của bài kệ đó ngay thời điểm Trí Quan đọc. Nhưng khi ông nhìn nụ cười hiền từ nở ra trên đôi môi nhà sư và cái chết đầy tính giải thoát của nhà sư khi đọc xong bài kệ, có lẽ ông nhận ra chữ "không" trong tư tưởng của Trí Quan, của nhà Phật.

Kim Dung đã thật sự thhành công khi tạo cho độc giả nhận thức coi cái chết như một sự giải thoát, sự trở về. Trong Tiếu ngạo giang hồ, nhà sư Phương Sinh đứng trước xác bốn đệ tử bị Doanh Doanh giết chỉ đọc một bài kinh văn siêu độ. Ông không trả thù Doanh Doanh, cũng không chôn cất các đệ tử bởi ông coi các xác chết cũng như bốn cái túi da, chôn cũng vậy mà không chôn cũng vậy. Tất cả đều trở về với cát bụi. Trong Thiên Long bát bộ, nhà sư Huyền Thống đang hăng hái đánh nhau với bọn Hàm Cốc bát hữu, chỉ cần nghe nho sinh đọc câu: "Khổ hải vô biên hồi đầu thị ngạn" (bể khổ mênh mông, quay đầu là bờ) đã chợt ngộ ra chữ "không", đứng tim mà chết, trên môi nở nụ cười mãn nguyện. Cũng trong tác phẩm này, một nhà sư già trong Tàng kinh các chùa Thiếu Lâm đã hóa giải mối thù sâu như biển giữa Tiêu Viễn Sơn (người Khất Đan) và Mộ Dung Bác (người Tiên Ty). Bốn tay họ giao nhau, hai lòng cùng giác ngộ; họ chợt nhận ra những âm mưu, thủ đoạn, khát vọng trả thù chỉ là hư ảo. Và nhà sư Ba La Tinh (người Thiên Trúc) cũng nhận ra cái hư ảo trong giấc mộng ăn cắp kinh văn đem về Thiên Trúc của mình. Ông chợt nhận ra Thiên Trúc hau Trung Hoa đều là thế gian, cũng "không" tuốt, và việc trở về Thiên Trúc là không cần thiết nữa.

Chữ "không" can thiệp vào tình yêu một cách tích cực. Ai yêu nhà sư Huyền Từ bằng Diệp Nhị Nương. Người phụ nữ này đã hiến thân cho Huyền Từ, sinh ra chàng Hư Trúc. Nhưng Huyền Từ là Phương trượng của chùa Thiếu Lâm; Diệp Nhị Nương cam chịu sống lẻ loi, không dám nhìn mặt người tình trong suốt 20 năm cũng chỉ là để cho Huyền Từ khỏi bị tai tiếng vì chữ "dâm" trong Ngũ giới cấm của nhà Phật. Đến phút cuối, trước quần hùng tại isân chùa Thiếu Lâm; Huyền Từ, Diệp Nhị Nương và Hư Trúc mới đoàn tụ. Cha, mẹ và đứa con lưu lạc cùng gặp lại nhau, có hạnh phúc nào lớn hơn

điều ấy? Thế nhưng, ở đây chữ "không" lại xuất hiện, can thiệp, biến tất cả niềm hạnh phúc thành khúc bi ca. Huyền Từ tự vẫn để tạ tội với chư tăng chùa Thiếu Lâm; Diệp Nhị Nương tự vẫn theo người tình cho có đôi có bạn. Tình yêu của họ cũng chỉ là hư không; chăn gối ngày xưa cũng chỉ là hư không.

Trên cơ sở chữ "không", Kim Dung xây dựng những nhân vật rất lạ. Như Định Nhàn sư thái, chưởng môn phái Hằng Sơn (Tiếu ngạo giang hồ); sau một trận chiến đấu hung hiểm đầy máu và lửa, bà xuất hiện với chiếc áo không lấm một vết than tro, khuôn mặt bình thản, tay lần chuỗi tràng hạt như không có chuyện gì xảy ra. Vị nữ ni này đúng với ba chữ "vô ưu", "vô uý", "vô trần" của đạo Phật. Mà "vô" cũng chính là "không". Trước khi chết trên chùa Thiếu Lâm, vị nự ni này truyền chức chưởng môn lại cho Lệnh Hồ Xung mà vẫn không chịu nói ra ai đã giết mình. Ấy bởi vì kẻ giết bà chính là Nhạc Bất Quần , sư phụ của Lệnh Hồ Xung! Chữ "không" đã giúp bà quên đi mối thù. Bà chết nhưng chữ "không" ấy vẫn long lanh trong sáng.

Tôi đã nói "không" cũng là "vô". Kim Dung triệt để bàn đến chữ "không" của đạo Phật qua tiểu thuyết của mình nhưng xin bạn đọc chớ ngại ông biến cả thế giới tiểu thuyết thành ra hư ảo hết. "Không" cũng là "vô" nhưng đồng thời ông lại đưa ra biện chứng "Vô trung sinh hữu" (trong cái "không" sinh cái "có"). Và đó là vấn đề mà tôi sẽ bàn đến, nếu tôi còn sống, chưa trở về với chữ "không".

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kim Dung và chữ Xuân

Trong Trung văn, chữ Xuân (春, mùa xuân) được viết với 9 nét. Ở một nghĩa rất tượng trưng, chữ Xuân được ví với bộ phận sinh dục nữ qua phép tượng hình các nét viết của chữ này. Nếu người phụ nữ nằm, thì đó là chữ xuân; nếu người phụ nữ ngồi thì có một kẽ hở, tạo ra một chữ 10 nét, gọi là Thung (舂). Nhà nho có câu ví von:

Ngọa tắc Xuân mà toạ tắc Thung
(Nằm thì Xuân mà ngồi thì Thung)

Kim Dung viết tiểu thuyết võ hiệp bằng Trung văn. Chữ Xuân trong tác phẩm của ông khá phong phú, biến ảo lạ lùng.

Chữ Xuân nằm trong ngoại hiệu của đạo gia. Xạ điêu anh hùng truyện có 7 đạo gia gọi là Toàn Chân thất tử, trong đó có Trường Xuân tử Khưu Xử Cơ. Tính cách nhân vật này nóng nảy, nhưng là một hán tử yêu nước. Là đạo gia, nhân vật này cũng tu học theo phong cách đạo gia, nghĩa là cũng học cách bế khí để hưởng nhàn, hành lạc dài dài. Chẳng vậy mà ngoại hiệu của lão là Trường Xuân tử? Trường Xuân tử có nghĩa là ông… ham vui hoài hoài. Còn ổng vui được tới đâu thì thây kệ ổng.

Chữ Xuân còn nằm trong ngoại hiệu của thầy thuốc. Trong Hiệp khách hành có một nhân vật gọi là Trước thủ thành xuân Bối Hải Thạch. Bối Hải Thạch võ công cao cường nhưng suốt đời ốm yếu, ho hen hoài. Lão tự tìm thuốc men chữa bệnh cho mình, chữa riết nên trình độ y lý cũng cao cường như một thầy thuốc (đại phu). Vì vậy, lão lên làm trưởng lão bang Trường Lạc tại Giang Nam, được mọi người tôn xưng là Bối đại phu. Bạn có để ý hai chữ Trường Lạc không? Hai chữ này có nghĩa là vui hoài, vui miết.

Người thầy thuốc luôn được Kim Dung ca ngợi là Diệu thủ hồi xuân. Tất nhiên, làm thuốc là trị bách bệnh; trong đó có bệnh… lạc mất mùa xuân. Hồi xuân là mục tiêu giúp con người tìm lại chất trẻ trung, tìm lại cảm hứng tình dục. Trong phương thuốc hồi xuân luôn luôn có các vị Nhân sâm, Hà thủ ô, Sinh địa, Linh Chi, Tuyết liên tử… Uống các món này, con người khỏe mạnh, trẻ trung trở lại. Còn sau đó thì… hổng biết.

Chữ Xuân còn để chỉ chỗ ăn chơi sa đọa. Người Trung Hoa có câu "Hạ giới hữu Tô Hàng nhị châu". Hàng Châu và Tô Châu là hai chỗ ăn chơi đàng điếm nhất của miền Giang Nam. Xem như vậy thì người trung Quốc coi trọng sự ăn chơi. Lộc Đỉnh ký, thông qua cái miệng của Vi Tiểu Bảo, không ngớt ca ngợi thành Dương Châu nhà hắn. Hắn xuất thân từ Lệ Xuân viện, nơi mẹ hắn làm Kỹ nữ và sinh ra hắn. Hắn tự hào về Lệ Xuân viện, về bà mẹ làm kỹ nữ. Hắn đã từng có mong ước kiếm được thật nhiều tiền để về Dương Châu mua đứt lại Lệ Xuân viện; lập thêm ba toà Lệ Hạ viện, Lệ Thu viện và Lệ Đông viện cho đủ 4 mùa, đặng quần hùng và trọc phú bốn phương đến đó ăn chơi cho phỉ chí.

Vi Tiểu Bảo cũng là tay khoái món văn hóa đồi truỵ. Rõ ràng là hắn có mấy bức thêu gọi là Xuân cung đồ (bức hoạ về bộ phận sinh dục nữ). Hắn đã đem mấy bức thêu này "thuốc" Đa Long khi tên này được vua Khang Hy giao nhiệm vụ chém Mao Thập Bát, khiến Đa Long mê mẩn, mất cảnh giác. Vi Tiểu Bảo đã cứu mạng được Mao Thập Bát nhờ truyền bá văn hóa đồi truỵ!

Chữ Xuân đồng nghĩa với khái niệm bổ thận, cường dương. Những món thuốc giúp đàn ông bổ thận, cường dương để chứng mình là nam nhi chính hiệu trong phòng the được gọi là xuân dược. Mô phỏng xuân dược đó, Lệ Xuân viện thành Dương Châu có bán loại xuân tửu. Thế nhưng, Vi Tiểu Bảo thì chỉ muốn những kẻ uống loại rượu này vào phải ngủ li bì, ngủ mê mệt để hắn ra tay khống chế. Cho nên, hắn đã đổ thêm thuốc mê vào rượu; khiến xuân tửu hoá thành mê xuân tửu. Tang Kết lạt ma, Cát Nhĩ Đan vương tử, Trịnh Khắc Sản… cho đến các quý phu nhân, quý tiểu thư Tô Thuyên, A Kha, Phương Di… uống loại rượu này, lòng xuân thì phơi phới nhưng trí tuệ lại hồ đồ. Vi Tiểu Bảo tha hồ tác oai, tác quái. Không hiểu hắn có uống xuân tửu không nhưng hôm ấy hắn giao cấu với 7 người phụ nữ. Tất nhiên, tác giả có nói dóc nhưng nói dóc như vậy nghe cũng thú vị.

Việc nam nữ giao cấu với nhau được Kim Dung gọi là xuân sự hay hảo sự. Đó là quan điểm của một dân tộc quý chuộng sức lao động bởi xã hội Trung Quốc ngày xưa là xã hội nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Phải sinh con đẻ cái để có người lao động, để nối dõi tông đường. Cho nên người ta coi đêm tân hôn là một đêm thiêng liêng của đôi đôi lòng thanh xuân phơi phới. Hiệp khách hành có mô tả đoạn Thạch Phá Thiên và Đinh Đang mới định động phòng thì bọn hảo hán bang Trường Lạc đổ ra đi tìm Thạch Phá Thiên, đứng ngoài sân kêu la ơi ới. Đinh Bất Tứ phải ngồi trên nóc nhà gác cho cháu mình hoàn thành xuân sự. Lão tuôn ra một hơi vừa có vẻ văn hóa, vừa

có vẻ tục tĩu, nào là "đêm xuân một khắc ngàn vàng", nào là "thời xuân qua rất mau"… Nhưng Thạch Phá Thiên đã bỏ cô dâu, chạy mất.

Những nhân vật nữ trung tâm của Kim Dung được gọi là băng thanh ngọc khiết, là hoàng hoa khuê nữ hoặc xuân nữ. Họ là những cô gái trong trắng, lãng mạn mười phần nhưng không liều mạng chút nào. Họ đi đến đâu thì không khí đương xuân có ở đó, rực rỡ, náo nhiệt. Có đôi khi họ buồn, họ khóc. Kim Dung mô tả những giọt nước mắt đọng trên gò má xuân thì lóng lánh chẳng khác gì giọt sương trên đóa mai côi (hoa hồng). Mùa xuân, bóng liễu xanh tươi. Kim Dung mô tả đôi mày các cô đẹp như cặp lá liễu. Và khi cô nào… nổi nóng, đôi mày liễu khẽ nhướng lên hay khẽ cau lại, thể hiện một tâm trạng bất bình thì khách mày râu hãy coi chừng. Một chiêu Xuân phong dương liễu phóng ra, mùa xuân mất biến, chỉ còn cơn lôi đình sục sôi như nắng hạ.

Kiếm luận

Trong chiến tranh cổ điển, kiếm (gươm) là một vũ khí tiện lợi nhất. Tuy không cùng học một loại binh thư nhưng các dân tộc đã biết chung một kinh nghiệm chiến tranh: dùng kiếm để đánh gần và dùng cung để bắn xa. Lịch sử chiến tranh của nhân loại cho biết kiếm được rèn ở thành Baghdad (lúc bấy giờ thuộc Ba Tư - Perse) là loại kiếm danh tiếng nhất, có kỹ thuật rèn cao cường nhất. Và đây là những lưỡi đà kiếm, có hình cong hình lưỡi liềm. Kiếm trong truyện võ hiệp Kim Dung cũng không đi ra khỏi kinh nghiệm ấy. Kiếm quan trọng đến nỗi nhiều khi, những tác phẩm võ hiệp của ông được người đời gọi là truyện kiếm hiệp - truyện về những người hành hiệp cứu đời bằng lưỡi kiếm.

Có những tác phẩm của ông đã khắc hoạ vai trò cao cả của lưỡi kiếm. Đó là trường hợp bộ Ỷ thiên Đồ long ký. Trong 5 chữ, thì đã có hai chữ Ỷ thiên là tên gọi của một thanh kiếm báu mà theo tác giả, được đúc bằng thép nguyên chất pha lẫn platin và trong thân kiếm có cất dấu một pho bảo lục: bộ Cửu âm chân kinh. Tiếu ngạo giang hồ cũng là một tác phẩm đồ sộ nói về cây kiếm với những phái sử dụng kiếm gọi là Ngũ nhạc kiếm phái: Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn, Tung Sơn, Hằng Sơn. Bộ Liên thành quyết là một bộ tiểu thuyết viết về một pho kiếm pháp mà bài kiếm quyết là một bài thơ; thầy đã cố dạy sai cho học trò để che dấu lời hướng dẫn đi tìm một kho báu lớn có giá trị liên thành. Ngoài ra, trong 12 bộ tiểu thuyết, luôn luôn xuất hiện người sử kiếm (kiếm sĩ) và kiếm sĩ luôn luôn nhiều hơn những bọn hào sĩ giang hồ sử dụng những loại vũ khí khác.

Về mặt chất liệu làm kiếm, Kim Dung nói đến loại kiếm sắt, kiếm gỗ, kiếm vàng và kiếm pha hợp kim. Kiếm thông thường là kiếm sắt nhưng Kim Dung lại thường đề cập đến một loại sắt thép đặc biệt rất bén, chém sắt như chém bùn. Trương Tam Phong, tức Trương Quân Bảo, dùng một cây kiếm gỗ hành hiệp gọi là Chân võ, thành danh và trở thành tổ sư phái Võ Đang. Bọn thầy thuốc như Hồ Thanh Ngưu, Bình Nhứt Chỉ có cây đoản kiếm bằng vàng, chắc là để dùng trong khi mổ xẻ. Đặc biệt, kiếm Ỷ thiên như đã nói là một hợp kim gồm thép và platin và phải dùng đến đao Đồ long chém thì cả đao với kiếm mới cùng gẫy. Bọn đệ tử Minh giáo kiếm được thanh kiếm Ỷ thiên gãy, đã dùng kỹ thuật luyện kim đặc biệt của Ba Tư để ráp kiếm lại và trong động tác ráp nối quyết định, còn thêm cả máu người vào. Chi tiết này thật hoang đường nhưng cực kỳ thú vị, không khỏi khiến bạn đọc nghĩ đến

huyền thoại hai thanh kiếm thời Chiến quốc: Can tương và Mạc gia (còn gọi là Mạc tà).
Về tính chất, truyện võ hiệp Kim Dung đề cập đến hai loại kiếm: cương kiếm (kiếm rắn) và nhu kiếm (kiếm mềm). Trong Tiếu ngạo giang hồ, Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn Hành Sơn, có cây kiếm mỏng như lá lúa, rút ra cầm tay thì mềm oặt nhưng khi vận công vào thì lưỡi kiếm giương thẳng ra và khi chiến đấu thì kiếm khí phát ra đầu mũi kiếm. Về hình thể, Kim Dung phân ra trường kiếm (kiếm dài) và đoản kiếm (kiếm ngắn). Những nhân vật sử dụng đoản kiếm trong tác phẩm của ông thường là những người có gia số võ công đặc biệt, chuyên đánh cận chiến; chân tay rất linh hoạt. Kiếm bình thường thì thân thẳng. Cá biệt, trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung mô tả nhân vật Tái Bắc minh đà Mộc Cao Phong, một người gù như lạc đà (minh đà) vì có bướu trên lưng; y sử một cây đà kiếm cong cong hình lưỡi liềm. Đúng là đà nhân đà kiếm! Thanh kiếm đặc biệt của Mộc Cao Phong nhắc chúng ta nhớ lại hình ảnh những lưỡi kiếm cong của các đội quân Ả Rập trên sa mạc trong những phim nói về khu vực châu Phi.
Kiếm là một loại vũ khí cá nhân nên thường thường bọn hào sĩ sử đơn kiếm. Tuy nhiên cũng có những người chuyên đánh song kiếm. Lại có những cặp anh em, vợ chồng, bạn bè đồng môn sử đơn kiếm nhưng chuyên đánh đôi thành song kiếm hợp bích. Có lối đánh tập thể kết làm kiếm trận. Triết học Đông phương đã đi vào bài bản kiếm pháp với Lưỡng nghi kiếm pháp, trong đó hai người cùng đánh: một người theo chính Lưỡng nghi, một người theo phản Lưỡng nghi. Có chính có phản mới thành hợp bích chẳng khác nào có thèse, có antithèse mới ra được synthèse trong triết học Hy Lạp.
Về nguyên tắc sử kiếm, Kim Dung đưa ra Kiếm tông và Khí tông. Kiếm tông chú trọng kiếm chiêu, ra đòn liên miên bất tuyệt để thủ thắng. Khí tông chú trọng nội công, cho rằng nội công cao cường là chỉ đánh một vài chiêu là có thể triệt hạ địch thủ. Đây chính là sự mâu thuẫn trong nội bộ phái Hoa Sơn, khiến phái này tương tranh đến nỗi gần tuyệt diệt.
Để có thể sử kiếm, người ta phải học kiếm pháp. Kiếm pháp được hiểu là nguyên tắc hướng dẫn sử một đường kiếm chuyên môn của một phái hay một nhà (gia). Kiếm pháp được cụ thể hoá thành một bài ca và người kiếm sĩ phải học thuộc lòng từng câu, từng chữ. Những câu ca ấy được chép lại trên lụa, trên vải, trên giấy, trên da dê thì được gọi là kiếm phổ. Kiếm phổ chia ra từng chiêu, từng thức; mỗi chiêu thức có nhiều cách biến hoá linh động. Kim Dung đã thực sự đưa người đọc đi vào một thế giới mộng mơ thú vị khi ông đề cập đến những Thái Sơn thập bát bàn, Hành Sơn thập tam thức và lý giải Lưỡng nghi kiếm pháp có 64 thế.
Tại sao lại là 64 thế? Ấy là vì Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái (quẻ); trong mỗi quái có 8 lần biến hoá, 8

lần 8 thành 64 thế. Đó là chính Lưỡng. Thế còn phản Lưỡng nghi? Phản Lưỡng nghi là đánh ngược lại những quy tắc của chính Lưỡng nghi, tạo ra một âm một dương, một trên một dưới, một trái một phải, một trước một sau... Thử tưởng tượng một đối thủ phải đấu với một cặp song kiếm Lưỡng nghi! Kim Dung chỉ đặt vấn đề và chúng ta tưởng tượng.
Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung nói đến một thứ kiếm pháp lãng mạn hơn: Độc Cô cửu kiếm do Phong Thanh Dương truyền lại cho Lệnh Hồ Xung. Đây vốn là kiếm pháp của Độc Cô Cầu Bại, chỉ gồm có 9 thức: Tổng quyết thức, Phá kiếm thức, Phá khí thức, Phá thương thức, Phá chưởng thức, Phá tiên thức, Phá đao thức, Phá tiễn thức và Phá côn thức. Với 9 thức đó, Độc Cô Cầu Bại đánh thắng tất cả các địch thủ khiến cho không ai còn dám đến đánh kiếm với ông. Ông rơi vào cô đơn (Độc Cô), chỉ mong được thua một lần (Cầu Bại) mà không ai có thể khiến ông thua được, cuối cùng chết đi trong lặng lẽ!
Phong Thanh Dương cắt nghĩa: Độc Cô cửu kiếm đánh theo kiếm ý, nghĩ đến đâu là đánh đến đó, muốn đánh thế nào cũng được, chỉ có công chứ không bao giờ quay về thủ. Hễ địch đánh 100 chiêu, ta đánh 101 chiêu; địch đánh 1000 chiêu, ta đánh 1001 chiêu; liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi. Lệnh Hồ Xung nghe được thứ kiếm pháp như vậy, anh ta mừng như điên vì tâm tính anh ta vốn lãng mạn. Và trận ra oai đầu tiên của Độc Cô cửu kiếm vừa khiến Lệnh Hồ Xung, vừa khiến chúng ta kinh hãi: Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, chỉ sử một chiêu Phá khí thức, đã đâm mù mắt 15 tên ác đồ của phái Tung Sơn!
Kiếm nằm trong vỏ là biểu hiện của hoà bình; kiếm rút ra khỏi vỏ là biểu hiện của đấu tranh. Thậm chí với Diệt Tuyệt sư thái, chưởng môn phái Nga Mi trong Ỷ thiên Đồ long ký, mỗi khi rút kiếm Ỷ thiên ra, kiếm không dính máu là chưa đút vào vỏ. Rút kiếm ra khỏi vỏ, người ta thường bắt kiếm quyết: mũi kiếm hướng lên trời, mũi kiếm chỉ xuống đất, mũi kiếm chỉ ra phía trước, thân kiếm hoành ngang người... Chiêu đầu tiên của những người nhỏ tuổi khi đấu với người trưởng thượng phải là chiêu thi lễ: hai tay đưa thẳng kiếm lên khỏi đầu là Vạn nhạc triều tôn; hai tay nắm lấy đốc kiếm, cả người và kiếm cùng cúi tới trước là Đồng tử bái Quan Âm.
Sử kiếm là cả một nghệ thuật. Dương Qua và Tiểu Long Nữ trong Xạ điêu anh hùng truyện sử Ngọc nữ kiếm pháp một cách uyển chuyển mỹ lệ như một cặp múa đôi. Tả Tử Mục, chưởng môn phái Vô Lượng trong Thiên Long bát bộ sử kiếm chém con rắn đang cuốn lấy người học trò, rắn đứt đôi mà da học trò vẫn không xây xát. Ninh Trung Tắc của phái Hoa Sơn sử thế kiếm quyết định đâm vào người học trò là Lệnh Hồ Xung, kiếm vừa chạm đến da, đã chuyển kình lực đâm thẳng thành kình lực bẻ ngang, khiến thanh kiếm gẫy làm nhiều mảnh rơi xuống choang choảng.

Trong đường kiếm còn có cả tình yêu đôi lứa. Nhạc Linh San cùng Lệnh Hồ Xung thầm yêu nhau, đã lén cha mẹ luyện môn Xung - Linh kiếm pháp, khi múa lên đôi mắt mơ màng, đôi lòng ấm áp. Vì họ còn rất trẻ nên nghịch ngợm, nghĩ ra ra chiêu Nhĩ tử ngã hoạt (người chết ta sống), tính toán kỹ luồng lực đạo, bộ vị, phương hướng sao cho đâm một lần hai đầu mũi kiếm phải dính vào nhau, hai thân kiếm nối thành một đường thẳng.
Những kiếm chiêu trong truyện võ hiệp Kim Dung được ông đặt tên rất hay: Thuận thủy thôi chu (theo nước đẩy thuyền), Lãng tử hồi đầu (người trai ra đi đã quay đầu lại), Thương tùng nghênh khách (tùng xanh đón khách), Trường Giang tam điệp lãng (ba đợt sóng trên sông Trường Giang)... Đôi khi, có những chiêu kiếm phát quá nhanh, máu không kịp chảy. Trong Lộc Đỉnh ký có nhân vật Phùng Tích Phạm mang ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết (một đường kiếm không chảy máu). Nói thì vậy nhưng khi Phùng Tích Phạm đánh Song Nhi, người hầu của Vi Tiểu Bảo, đâm cô một kiếm, máu vẫn chảy ra như thường. Cho nên Vi Tiểu Bảo gọi giễu Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết (nửa chiêu kiếm đã có máu). Có những chiêu phi kiếm, phóng kiếm bay trong không gian để giết địch thủ. Có những chiêu hoán thủ kiếm: kiếm đang cầm tay phải, đột ngột đổi qua cầm tay trái.
Người ỷ có kiếm trong tay chưa chắc đã thủ thắng. Tiểu anh hùng Hồ Phỉ trong Phi hồ ngoại truyện học được phép Không thủ đoạt bạch nhận, chuyên dùng tay không đoạt kiếm kẻ khác. Lệnh Hồ Xung có chiêu dùng ngón tay búng vào sống kiếm đối phương cho kiếm văng đi. Nhậm Ngã Hành phát Phách không chưởng, chưởng lực đủ sức đánh oằn thanh kiếm của địch thủ. Những kiểu mô tả vừa có cơ sở thực tế, vừa không tưởng khiến chúng ta cảm thấy thú vị.
Nhưng thú vị nhất có lẽ vẫn là những trận đấu kiếm mà không có kiếm, không dùng kiếm. Vương tử Đại Lý Đoàn Dự đã học được Lục mạch thần kiếm của chùa Thiên Long, nước Đại Lý, dùng kình lực của nội công phát ra 6 ngón tay theo 6 đường Thiếu dương, Thiếu âm, Thiếu xung, Trung xung, Thiếu trạch. Kiếm khí của anh ta đánh cho Mộ Dung Phục tơi tả, hoảng hốt trước hàng vạn đôi mắt quần hùng tụ tập tại chùa Thiếu Lâm. Hai trận đấu kiếm kỳ lạ nhất là hai trận đấu giữa Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đạo trưởng, chưởng môn phái Võ Đang. Lần thứ nhất, dưới chân núi Võ Đang, Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đứng cách nhau cả chục bước, chỉ lấy mắt mà nhìn huyệt đạo của nhau. Ấy vậy mà Xung Hư chịu thua. Lần thứ hai, trong chùa Thiếu Lâm, Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đã rút kiếm ra nhưng Xung Hư chỉ đứng xa Lệnh Hồ Xung và nghĩ ngợi, cuối cùng chịu thua. Ấy là vì cả hai chỉ đấu kiếm ý chứ không đấu kiếm chiêu.
Kiếm là vũ khí nhưng những kiếm sĩ không lạm dụng kiếm chiêu để giết người. Đọc văn Kim Dung, ta thường thấy những cụm từ "điểm tới là thôi",

"đủ phân thắng bại", “kiếm hạ lưu tình”. Người ta dùng kiếm để họp bạn và những lần gặp gỡ như vậy được gọi là "luận kiếm". Người ta lỡ tay dùng kiếm giết người không khỏi có điều hối hận, đau khổ. Cho nên, đã có những kiếm sĩ của Kim Dung bẻ kiếm bên trời (thiên nhai triết kiếm), đã có những người "rửa tay gác kiếm". Lại có những người treo kiếm lên không dùng tới, dấu kiếm trong cây đàn, để kiếm hoài trong vỏ không rút ra được nữa.

Hà Túc Đạo trong Ỷ thiên Đồ long ký được xưng tụng là tam thánh: Cầm thánh, Kỳ thánh, Kiếm thánh nhưng cuối cuộc đời, anh ta quay về đỉnh Kinh Thần Phong ngoài núi Côn Lôn xa xôi vạn dặm, treo cây kiếm lên và lặng lẽ nhớ đến cô bé Quách Tương 19 tuổi. Đã có một lần, Hà Túc Đạo vừa đấu kiếm chống 3 kẻ địch, vừa phóng chỉ vào cây đàn để dưới đất, đàn cho Quách Tương nghe một cầm tấu khúc mới nhất. Quách Tương nghe tiếng đàn và đỏ mặt lên, biết Hà Túc Đạo viết khúc cầm phổ này để tặng cho mình. Họ chỉ gặp nhau một lần ngắn ngủi trong rừng chùa Thiếu Lâm và xa nhau một đời. Làm sao mà cuộc đấu kiếm hung hiểm lại có thể cùng diễn ra một lúc với cung đàn thanh thoát, trữ tình? Mặc kệ, Kim Dung cứ viết. Ông đúng là nhà văn lãng mạn, lãng mạn ngay trong đường đao mũi kiếm. Và vì vậy trong tác phẩm võ hiệp của ông, ngay những loại kiếm pháp, kiếm trận hung hãn nhất vẫn luôn luôn lấp lánh những khúc tình ca.

Đao luận

Cũng như kiếm, đao là vũ khí chiến tranh cổ điển. Tuy nhiên, đao đứng đầu trong 4 thứ vũ khí: đao, thương, kiếm, kích.
Có trường hợp, đao hình thành nên tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Trong ký ức của tôi, vẫn còn in đậm nét người thiếu niên tiểu anh hùng Hồ Phỉ, cưỡi con ngựa trắng, cầm cây đơn đao với sở học bài Hồ gia đao pháp từ đất Sơn Đông đi về Trung Nguyên tìm cho ra kẻ thù đã giết cha mình. Đó là nội dung bộ Lãnh nguyệt bảo đao, còn gọi là Thần đao Hồ đại đởm. Câu truyện về Hồ Phỉ như một huyền thoại thật đẹp: tìm thấy kẻ thù rồi, Hồ Phỉ vẫn giơ cao lưỡi bảo đao lóng lánh dưới bóng trăng lạnh, không nỡ chém xuống. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình là một người chính nhân quân tử - Đả biến thiên hạ vô địch thủ kim diện Phật Miêu Nhân Phượng. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình không cố tình giết cha mình ngày trước. Lãnh nguyệt bảo đao kết thúc một cách đột ngột, lơ lửng; mênh mang tình nhân ái, đức bao dung; trở thành bài ca thật đẹp của chủ nghĩa nhân đạo phương Đông.
Trong bộ Ỷ thiên Đồ long ký, hai chữ Đồ long là tên gọi của lưỡi bảo đao mà mọi bang hội, võ phái giang hồ đời Nguyên thèm khát. Tại sao thế? Ngoài khả năng chém sắt như chém bùn, bảo đao Đồ long còn mang trong thân nó một pho binh thư tương truyền là của Nhạc Phi - danh tướng chống quân Kim đời Tống - để lại. Đó là bộ Vũ Mục di thư. Chính quần hùng Minh giáo đã tìm thấy pho di thư này, và với những bài bản chiến tranh của Nhạc Vũ Mục, họ đã tìm được lối thoát khi quần hùng Trung Nguyên bị quân Mông Cổ vây hãm, tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc Trung Hoa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của nhà Nguyên. Đồ long (giết rồng) thực sự không nói về tính năng của lưỡi đao. Rồng đây chính là Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Người làm ra cây đao Đồ long có khát vọng cao xa: mong người yêu nước đời sau lấy được binh thư, đẩy được quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi, giết được vua nhà Nguyên để trả hờn cho trăm họ Hán tộc. lưỡi đao Đồ long chính là biểu tượng của bài ca yêu nước mà mọi dân tộc bị áp bức, bóc lột đều mong có được.
Lưỡi đao còn khá phổ biến trong 9 bộ tiểu thuyết võ hiệp khác của Kim Dung. Có 3 cách đánh đao: đơn đao, song đao và phi đao. Đơn đao là phép đánh đao của một người. Song đao hay song đao hợp bích là phép đánh đao của hai người cùng học một thầy, một sách liên kết để chống địch thủ. Phi

đao là loại đao cực ngắn, không dùng để đánh mà để phóng vào địch thủ. Để phóng được phi đao, khách giang hồ phải đeo bao tay bằng sắt, gọi là thiết sam hay thiết bố sam. Những nhân vật sử đao trong tác phẩm Kim Dung thường là nhân vật tay chân linh hoạt, cơ trí hơn người. Tiếu ngạo giang hồ xây dựng nhân vật Điền Bá Quang, tay cầm ngọn đơn đao, ngày chân đi ngàn dặm, nổi danh vạn lý độc hành với 13 đường khoái đao linh hoạt như gió táp, mưa sa. Chính Lệnh Hồ Xung đã có dịp đánh và nhớ lại phương pháp khoái đao của Điền Bá Quang. Chỉ trong một hơi thở, hắn đã đánh ra 13 thế khoái đao gồm đông, tây, nam, bắc, tiền, hậu, tung, hoành rồi đà đao dừng lại, vững như núi Thái Sơn. Hắn đánh nhanh đến nỗi Lệnh Hồ Xung nín thở và khi sư nương của Lệnh Hồ Xung là Ninh Trung Tắc cố gắng biểu hiện lại đường khoái đao đó, Lệnh Hồ Xung chỉ lắc đầu. Bà dùng kiếm, kiếm nhẹ hơn đao, đáng lẽ là đánh nhanh hơn đao. Nhưng đường kiếm mô phỏng phép khoái đao của bà còn chậm nhiều so với đao pháp của Điền Bá Quang.

Về sau này, Lệnh Hồ Xung luyện được phép Độc Cô cửu kiếm do Phong Thanh Dương truyền cho. Anh đem kiếm pháp này dùng vào phép đánh đao; cây đao của anh là vũ khí đoạt được từ tay cẩu quan Ngô Thiên Đức. Anh đã cứu phái Hằng Sơn bằng cây đao đánh theo kiếm pháp, nội công mạnh đến nỗi chưa kịp rút vỏ đao ra khỏi lưỡi, phóng đao tới, đao khí đủ giết chết kẻ thù. Cây đao của Ngô Thiên Đức là một cây đao cán dài (vì tướng quân thì phải đi ngựa). Lệnh Hồ Xung kẹp đao trong nách, chìa cán ra phía sau, lấy cán đao làm vũ khí điểm huyệt. Trận chiến cứu phái Hằng Sơn trong hang Long Tuyền chú kiếm cốc là trận chiến mà thắng lợi thuộc về lưỡi đao rỉ sét của tham tướng Ngô Thiên Đức.

Cũng trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung giới thiệu cho độc giả một lưỡi đao rởm đời. Đó là Kim đao Vương Nguyên Bá, ông ngoại của Lâm Bình Chi, một nhà giàu bậc nhất thành Lạc Dương, lấy biểu trưng là lưỡi đao bằng vàng. Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, theo chân phái Hoa Sơn đến nhà này ăn báo cô mấy bữa. Các con của Vương Nguyên Bá vu cáo Lệnh Hồ Xung ăn cắp Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm, dùng cầm nã thủ bẻ trật hai khớp tay của Lệnh Hồ Xung, lục trong người anh lấy ra bản cầm phổ Tiếu ngạo giang hồ mà chúng cho là kiếm pháp. Trước nỗi oan của học trò, bà Ninh Trung Tắc đã đề nghị nhà họ Vương cùng đi đến ngõ Lục Trúc, thành Lạc Dương nhờ Lục Trúc Ông xem thử đây là cầm phổ hay kiếm phổ. Và cơ duyên này đã run rủi Lệnh Hồ Xung gặp được Thánh cô Nhậm Doanh Doanh. Chính hôm tiễn Lệnh Hồ Xung ra đi, Lục Trúc Ông cũng ra một chiêu cầm nã thủ bẻ trật 4 khớp xương tay của hai người con Kim đao Vương Nguyên bá, trừng trị tội hỗn láo với Lệnh Hồ Xung ngày trước. Trong Hiệp khách hành, lưỡi đao lại nhuốm một màu hài hước thú vị và màu

hài hước đó được Kim Dung diễn đạt một cách điềm tĩnh lạ lùng. Đó là lưỡi đao của Thạch Phá Thiên. Sử bà bà giận chồng là Bạch Tự Tại, chưởng môn phái Tuyết Sơn, và cậu con trai Bạch Vạn Kiếm. Bà bỏ nhà ra đi, dẫn theo cô cháu nội A Tú mới 14 tuổi. A Tú gặp Thạch Phá Thiên, cả hai kết làm đôi bạn nhỏ. Để trừng trị chồng, Sử bà bà lập ra một phái - phái Kim Ô; sáng tạo ra đường đao pháp mới: Kim Ô đao pháp. Thử hỏi, phái Tuyết Sơn (núi tuyết) mà gặp phải Kim Ô (mặt trời) thì số phận Tuyết Sơn sẽ ra sao? Trong khi con ruột của bà tên là Bạch Vạn Kiếm (đánh ra 10.000 thế kiếm) thì bà nhận Thạch Phá Thiên làm đệ tử truyền nhân, đặt tên là Sử Ức Đao (đánh ra 100.000 thế đao) và dạy cho Thạch Phá Thiên những chiêu thức đao pháp hoàn toàn là khắc tinh của Tuyết Sơn kiếm pháp. Chàng thiếu niên 15 tuổi chăm chỉ học hành, càng học càng giỏi nhưng chẳng hề hiểu rõ ý đồ của sư phụ. Riêng Bạch A Tú thì hiểu tất cả. Cô biết bà nội mình đang muốn triệt hạ ông nội và cha của mình. Thử hỏi, 10.000 thế kiếm mà phải chống đỡ với 100.000 thế đao thì số phận Bạch Vạn Kiếm sẽ ra sao? Cho nên, A Tú đã quỳ xuống trước mặt Thạch Phá Thiên, xin chàng thiếu niên ngày sau nhiêu dung cho ông nội và cha. Giữa cô bé và Thạch Phá Thiên đã có một chút tình cảm nhẹ nhàng vượt qua tình bạn đơn thuần. Thạch Phá Thiên quí người bạn nhỏ, hứa với cô sẽ không bao giờ sử ức đao của Kim Ô đao pháp để phá bạch vạn kiếm của Tuyết Sơn kiếm pháp; rằng anh sẽ không bao giờ làm hại ông nội và ba cô. Và về sau, anh đã nối kết được những tâm hồn lạc lõng của phái Tuyết Sơn, đem hạnh phúc đoàn tụ về cho họ. Lưỡi đao của anh chẳng giết ai cả, chỉ nhằm cứu người, giúp đời.

Đao gắn liền với triết lý phương Đông. Trong võ hiệp Kim Dung, có Lưỡng nghi đao pháp, Lục hợp đao pháp, Ngũ hổ đoạn môn đao, Ngũ hành bát quái đao, Âm dương đao... những khái niệm triết học gắn liền với đường đao cụ thể, buộc con người sử đao ít nhất cũng phải có một vũ trụ quan, một nhân sinh quan để hiểu mình đang làm gì, phục vụ lợi ích nào.

Đao gắn liền với tình yêu đôi lứa. Hồ Phỉ cầm đơn đao đi từ đất Sơn Đông sang Trung Nguyên, gặp gỡ Viên Tử Y. Cả hai đang tuổi vào đời, tình bạn cực kỳ thắm thiết, tình yêu chỉ mới chớm nụ. Họ cùng đi, cùng ăn, cùng ở gần nhau trong ngôi cổ miếu, trong quán lương đình nhưng vẫn giữ lòng trong sạch, không gợn chút bùn nhơ. Trong Lộc Đỉnh ký, Mỹ đao vương Hồ Dật Chi là một nhân vật nức tiếng giang hồ, đao pháp tinh kỳ, khuôn mặt đàn ông đẹp như ngọc. Hồ Dật Chi say mê một người phụ nữ: Trần Viên Viên. Trần Viên Viên là hoa hậu trong làng kỹ nữ, từng là thứ thiếp của vua Sùng Trinh cuối đời Minh mạt. Lý Sấm nổi loạn đánh Sùng Trinh, cướp được Trần Viên Viên. Ngô Tam Quế phản Sùng Trinh, ép Sùng Trinh tự tử, đánh đuổi được Lý Sấm, Trần Viên Viên thành vợ hờ của Ngô Tam Quế. Khi sang Vân Nam nhậm chức Bình Tây vương của Khang Hy ban tặng,

Ngô Tam Quế đã đưa Trần Viên Viên đi theo, cho Viên Viên ở và tu hành trong một ngôi chùa nhỏ ngoại ô thành Côn Minh. Viên Viên dốc hết cả lòng, hát Viên Viên khúc giãi bày tâm trạng hồng nhan trôi nổi của mình. Mỹ đao vương Hồ Dật Chi say mê nhan sắc đó, tình nguyện bỏ lưỡi đao giang hồ, trở về nơi Trần Viên Viên tu hành, làm một người quét rác trồng hoa để được nghe Viên Viên hát. Trọn cuộc đời phục thị cho người đẹp, Mỹ đao vương nghe được chừng ba bốn chục câu. Lòng say đắm nhan sắc cỡ Hồ Dật Chi đã mấy ai trên đời có được.

Lưỡi đao gắn liền với tấm lòng nhân ái, tha thứ cho con người. Thiên Long bát bộ thuật chuyện bang chúng Cái bang tụ tập chống lại bang chúa Kiều Phong, phạm tội khi sư diệt tổ, phải lấy pháp đao ra hành hình. Nhưng bang qui của Cái bang cũng có điều luật quy định bang chúa có quyền tự đổ máu mình để chuộc tội cho thuộc hạ. Kiều Phong đã làm việc đó vì ông vốn thương yêu thuộc hạ. Ông tự lấy dao đâm vào da thịt mình, xoá hết tội lỗi cho những kẻ đã mưu phản ông. Câu chuyện làm ta nhớ đến tích Phật tổ tự cắt thịt mình cho chim ó ăn để cứu lấy con thỏ vô tội.

Đao gắn liền với những cuộc chiến tranh giữ nước. Lộc Đỉnh ký thuật lại chuyện quân dân đảo Đài Loan tiến hành cuộc chiến tranh chống sự xâm lược của liên quân Hà Lan và Bồ Đào Nha - tiếng Trung Quốc gọi chung là Hồng mao quỷ. Trước hoả khí cực kỳ lợi hại của người Tây dương, người Trung Quốc đã tổ chức những đội Đằng bài quân: toán trước dùng ván gỗ dầu quấn rơm che khít để chắn súng đạn, toán sau chuyên sử đoản đao và đánh theo Địa đường đao pháp, chém vào hạ bàn (chân cẳng) của địch. Kết quả là người Đài Loan đã đẩy lui được những đợt tấn công của liên quân Tây dương. Học được kinh nghiệm đó, khi sang biên giới Trung - Nga đánh nhau với quân Nga - mà người Trung Quốc gọi là quân La Sát - tư lệnh Vi Tiểu Bảo đã tổ chức những toán Thanh binh chuyên đánh Địa đường đao, tấn công chém chân ngựa của kỵ binh Kha Tát Khắc (Cosaque). Vi Tiểu Bảo báo cáo:"chém được mấy ngàn cặp chân lông lá" để ai hiểu sao thì hiểu vì chân ngựa có lông mà chân của chiến sĩ kỵ binh Cosaque cũng có lông!

Đao là vũ khí để đấu tranh, để giết người. Nhưng trong truyện võ hiệp Kim Dung, ít có ai bị giết, bị thương bằng đao. Kim Dung nhiều lần nhắc lại câu trong kinh Phật: "Buông lưỡi đao đồ tể xuống sẽ thành Phật". Nhiều nhân vật đã ngộ ra câu nói ấy, trong đó có cả Kim mao sư vương Tạ Tốn, một nhân vật tàn độc trong bộ Ỷ thiên Đồ long ký.

Trong tâm hồn tôi vẫn lấp lánh lưỡi đao nhân ái của tiểu anh hùng Hồ Phỉ. Anh không nỡ chém lưỡi đao của mình xuống thân thể kẻ thù Miêu Nhân Phượng. Dưới bóng trăng lạnh, lưỡi đao lấp lánh và dừng lại ở khoảng không. Người đọc thở phào nhẹ nhõm, nhận ra được sự thắng lợi của lòng nhân ái, của đức bao dung. Lãnh nguyệt bảo đao đúng là một tác phẩm tiểu

thuyết lạ lùng, khắc hoạ hình tượng lưỡi đao vừa đẹp, vừa thơ mộng. Hồ Phỉ - con trai của Hồ Nhất Đao - đã làm một việc mà cha mình chưa làm được: tha thứ cho kẻ thù và biểu dương chính nghĩa của đường đao hành hiệp, cứu người

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Cành mai trên Thiên Sơn

Thiên Sơn là tên một rặng núi hiểm trở thuộc khu vực ngoại Tân Cương, phía Tây – Tây Bắc Trung Hoa, là biên giới thiên nhiên giữa Trung Hoa và Kirghizitan. Không hiểu từ giấc mơ lãng mạn nào, nhà văn Kim Dung đã để cho chàng thiếu niên Trương Vô Kỵ mới 15 tuổi dắt tay cô bé gái Dương Bất Hối 11 tuổi đi từ An Huy, vượt qua khoảng 18.000 dặm lên tới đỉnh Côn Lôn trong rặng Thiên Sơn, giúp Bất Hối tìm được người cha Dương Tiêu. Cơ duyên đã đưa đẩy cậu bé gày gò Trương Vô Kỵ bò lọt qua một hang đá nhỏ, tìm ra một thung lũng đẹp, học được thần công trong Cửu Dương kinh. Cơ duyên đã khiến cậu bé ở đó năm làm bạn với cỏ cây, với khỉ vượn, rồi lên tới Quang Minh đỉnh (đỉnh Pobedy cao nhất của Thiên Sơn – 7439 mét) nơi đặt tổng đàn của Bái hỏa giáo (Minh Giáo) Trung Hoa, học được thần công Càn khôn đại nã di của Bái hỏa giáo. Lại cũng chính cơ duyên đã đưa Trương Vô Kỵ – bấy giờ đã là chàng thanh niên 20 tuổi – phải đối đầu với sáu đại môn phái Trung Hoa khi họ muốn tuyệt diệt Bái hỏa giáo. Kinh qua những đoạn đời đau khổ, chàng thanh niên đôi mươi đó đã đủ chín chắn để biết tự dặn mình không được giết người, không được gây thù nhưng phải bảo vệ được những tinh hoa của Bái hoả giáo bởi vì họ là những người yêu nước, kháng Nguyên.

Mùa xuân là mùa hoa mai nở. Hoa mai trên Thiên Sơn thích nghi với khí hậu giá lạnh quanh năm, đến tháng 3, tháng 4 Dương lịch vẫn còn mãn khai. Trong tư duy lãng mạn đậm màu sắc phương đông, tác giả Kim Dung đã để cho nhân vật của mình bẻ một cành mai trên núi Thiên Sơn làm vũ khí chống lại song đao, song kiếm. Vợ chồng Hà Thái Xung – Ban Thục Nhàn của phái Côn Lôn sử Chính Lưỡng nghi kiếm pháp. Hai trưởng lão của phái Hoa Sơn sử Phản Lưỡng nghi đao pháp. Chính và phản là hai mặt đối lập triệt để nhưng khi đã hợp bích thì oai lực mạnh vô song, bởi nguyên tắc âm Dương tương điều, thủy hoả tương chế. Chính biến của kiếm pháp có 64 thế, kỳ biến của đao pháp có 64 thế; 64 nhân cho 64 thành ra 4096 thế liên miên bất tuyệt. Bốn địch thủ của Trương Vô Kỵ cụ thể hoá triết học phương Đông thành bài bản chiến đấu: phía Nam quẻ Càn, phía Bắc quẻ Khôn, phía Đông quẻ Ly, phía Tây quẻ Khảm. Ngoài bốn chính phương còn bốn bàng phương: Đông Bắc quẻ Chấn, Đông Nam quẻ Đoài, Tây Nam quẻ Tốn, Tây Bắc quẻ Cấn. Chính lưỡng nghi kiếm pháp của phái Côn Lôn đi từ Chấn vị tới Càn vị; phản Lưỡng nghi đao pháp của phái Hoa Sơn đi từ Tốn vị tới

Khôn vị. Chính đi thuận, phản đi nghịch; ai rơi vào thế liên thủ giáp công của họ thì khó tránh được cái vòng biến ảo huyền diệu của nguyên lý Âm Dương.
Vô Kỵ biết rằng mình không đơn giản chỉ đấu với chính – phản Lưỡng nghi mà đang đấu với một triết lý thực chứng của Đông phương. Anh đã nhớ lại những lời đã học trong Cửu dương kinh: "Gió thổi qua mỏn núi mặc cho nó ngang tàng, ánh trăng vẫn chiếu trên sông lớn" và "Quý hồ ta vẫn giữ được một hơi chân khí sung mãn". Đó chính là nguyên lý "Dĩ bất biến ứng vạn biến" trong tư duy Đông phương. Anh cũng nhận ra rằng chính – phản Lưỡng nghi thể hiện được là do gốc ở bộ pháp. Bước chân của bốn đại cao thủ sẽ đi từ Qui Muội qua Vô Vọng, Vô Vọng qua Đồng Nhân, Đồng Nhân qua Đại Hữu… Anh khéo léo sử phương pháp bốn lạng chống ngàn cân, lấy cái nhẹ nhàng bay bướm để hoá giải cái cường mạnh, lấy chậm để chế nhanh, lấy cái vụng về chế cái tinh xảo, lấy chiêu thức của người đẩy về phá người. Trương Vô Kỵ sử dụng một cành mai tươi đẹp dịu dàng bay nhảy trong rừng đao kiếm. Ấy thế mà cành mai không rụng lấy một bông!
Vận dụng tư duy Đông phương và tiểu thuyết một cách lãng mạn đến thế là cùng. Trong văn chương và triết học Trung Hoa, mai được nâng lên bạn hữu của con người, đứng đầu mai, lan, cúc, trúc. Chưa thấy tác phẩm nào nói chuyện con người sử cành mai làm vũ khí để chiến đấu và chiến thắng, trừ bộ Ỷ thiên Đồ long ký của Kim Dung. Tôi nghĩ tới một ý đồ khác của nhà văn. Ông cho cái đẹp chiến thắng cái thô bạo; cái nhân tính tiềm ẩn trong cành mai chiến thắng cái tàn bạo tiềm ẩn trong đao, kiếm; cái hồn hậu của tự nhiên chiến thắng cái cơ tâm của con người!
Quả thật lãng mạn khi nhà văn cho phép cành mai đấu với đao kiếm. Tôi cho rằng tư duy lãng mạn đó chỉ có thể có trong tiểu thuyết phương Đông, trong triết học phương Đông. Cả ba thứ cành mai, chính Lưỡng nghi kiếm pháp, phản Lưỡng nghi đao pháp là những hình tượng mang nặng tính ẩn dụ. Văn chương cho phép người ta bay bổng tuyệt vời mặc dù cả tác giả và độc giả đều sống trên mặt đất. Tôi đọc hai thiên Tiêu dao du và Tề vật luận trong Nam hoa kinh của Trang Tử rồi so sánh với cành mai dịu dàng thanh thoát trong Ỷ thiên Đồ long ký và cảm thấy hạnh phúc vì cái đẹp còn tồn tại mãi bên đời chúng ta.

Thư pháp và Võ công

Hiểu một cách đơn giản, thư pháp là cách viết chữ của người Trung Quốc. Hiểu một cách sâu hơn, thư pháp là những phép viết chữ để đạt đến 1 trình độ mỹ thuật riêng của người Trung Quốc. Không sử dụng tự dạng Latin, Hán tự của người TrungQuốc có một lối cấu tạo chữ viết đặc thù mà bản thân mỗi chữ có thể xem là một bức đồ họa riêng biệt bởi các đường nét, độ đậm nhạt và phương pháp phóng bút của nó. Chính vì thế về tự dạng đã là động lực cơ bản đưa những danh gia đến tham vọng hình thành một thư pháp cho mình.
Theo sự phát triển của chữ viết Trung Quốc, thư pháp có 5 loại: Triện thư, Lệ thư, Khải thư, Hành thư và Thảo thư. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung thường nhắc đến thư pháp của bốn nhà Tô, Huỳnh, Mễ, Xái. Nhưng điểm đặc biệt trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là tác giả luôn luôn kết hợp với thư pháp với võ công và chính sự kết hợp đó đã tạo ra một chiều sâu trí tuệ cho những tác phẩm, đem lại sự thích thú cho người đọc. Một trong những vũ khí chuyên sử dụng để điểm huyệt được nhắc đến thường xuyên trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là cây Phán quan bút (cây bút của viên quan chấp pháp, xử kiện). Phán quan bút cũng có hình dạng như cây bút lông nhưng đầu của nó bằng kim loại, nhọn, nhắm đánh vào các huyệt đạo trên người địch thủ. Lãng mạn hơn, Kim Dung cho những nhân vật của mìnhsử dụng phán quang bút đánh theo từng nét trong từng chữ của những bài thơ, bài từ trong khi lâm địch như một đường kiếm pháp hay đao pháp. Thư pháp gắn liền với võ côngđến ỗi chúng tạo cho ta cái cảm giác không thể phân biệt đâu là thư pháp, đâu là võ công.
Trong Ỷ thiên Đồ long ký, chưởng môn phái Võ Đang Trương Tam Phong có kỹ thuật sử dụng ngón tay (chỉ) viết chữ vào khoảng không. Trương Tam Phong mô phỏng thư pháp của Vương Hy Chi đời Đông Tấn để viết Tán Loạn thiếp để giải toả toàn bộ mối lo lắng của mình khi một người học trò cưng bị kẻ địch đánh gãy hết các khớp xương. Trương Tam Phong viết vào khoảng không 24 chữ của bài ca Ỷ Thiên Đồ Long:
Võ lâm chí tôn
Bảo Đao Đồ Long
Hiệu lệnh thiên hạ
Mạc cảm bất tòng
Ỷ thiên bất xuất

Thuỳ dữ tranh phong
Người đệ tử thứ năm là Trương Thuý Sơn cố gắng học và ghi nhớ thư pháp Tán loạn của thầy. Anh biết trong ngón tay biến hoá kỳ ảo đó ẩn tàng một môn võ công vi diệu. Và anh gọi tên nó là Đồ Long công. Về sau khi xuống núi Trương Thuý Sơn sử dụng Đồ Long công chuyển thành quyền pháp đánh nhau với các vị sư chùa Thiếu Lâm tại phủ Lâm An, Giang Nam và đã chiến thắng.
Trương Thuý Sơn là một hào kiệt nho nhã, say mê thư pháp. Bên sông trong cơn mưa, Trương Thuý Sơn đã gặp được Hân Tố Tố, con gái của giáo chủ Bạch Mi giáo, được Tố Tố cho mượn chiếc dù che mưa. Trên chiếc dù ấy, Tố Tố đã viết 7 chữ "Tà phong tế vũ bất tu quy" (gió nghiêng mưa nhẹ chẳng nên về) và Tố Tố đề nghị Thuý Sơn nhận xét cho chữ "bất" vì theo cô chỉ có chữ này là cô viết tệ nhất. Thuý Sơn khen chữ "Bất" ấy là dư vận bất tận, càng xem càng quên cả mỏi mệt. Chính nhận xét ấy lại rất hợp ý Hân Tố Tố. Và họ thương yêu nhau, đơn giản qua nét bút của thư pháp viết trên chiếc dù.
Trên Vương Bàn Sơn sông Tiền Đường. Trương Thuý Sơn phải đối đầu với một địch thủ hùng mạnh là Tạ Tốn. Để tự cứu mình, Trương Thuý Sơn đề nghị Tạ Tốn thi... viết chữ. Dùng phán quan bút, Thúy Sơn đã viết lên đá 24 chữ của Đồ Long công theo bút pháp Tán loạn đã học được của thầy. Hai mươi bốn chữ ấy là một môn võ công bao gồm âm dương, cương nhu, tinh thần, khí thế; hùng biện, sắc bén như dao như kiếm. Thấy chàng thư sinh biểu diễn thư pháp Tán loạn, Tạ Tốn phải gật đầu công nhận mình thua.
Tiếu ngạo giang hồ ký thuật lại câu chuyện thú vị của Hướng Vân Thiên, Quang Minh tả sứ của Triêu Dương thần giáo, dẫn Lệnh Hồ Xung đến Cô Mai sơn trang khiêu khích bọn Giang Nam tứ hữu. Hướng Vân Thiên đã khoe bức tranh "Bắc Tống Phạm Trung Lập khê sơn hành lữ đồ" trong đó vẽ toà núi cao ngất trời, thanh thế mười phần hiểm tuân; một bức thảo thư mà mỗi chữ nột nét như rồng bay phượng múa. Ở đây Phạm Trung Lập đã mô phỏngbút pháp của Trương Húc đời Đường. Bức thảo thư có khí tượng của một môn khinh công của một võ lâm cao thủ.
Trong Giang Nam tứ hữu có nhân vật Ngốc Bút Ông là một danh gia sử phán quan bút. Khác với những người sử phán quan bút bình thường, Ngốc Bút Ông dùng đầu bút là loại lông dê mềm, tự hoà một loại mực rất lạ, hễ thấm vào da thịt ai là ăn luôn, không tẩy rửa được. Công lực của lão thượng thừa nên khi lão phóng bút viết vào khoảng không, kình lực tuôn ra đầu ngòi bút veo véo. Đấu với Độc cô cửu kiếm của Lệnh Hồ Xung, Ngốc Bút Ông viết bài " Bùi tướng quân thi " theo thư pháp Nhan Châu Khanh:
Đại quân chế lực hợp
Mãnh tướng thanh cửu cai

Chiến mã như long hổ
Đằng lăng hà tráng tai
Lệnh Hồ Xung sử Độc Cô cửu kiếm, kiếm ý đi trước bút pháp của Ngốc Bút Ông, phong toả toàn bộ bút pháp đắc ý của lão khiến lão đâm ra bực bội. Mà đại phàm, khi cầm bút viết chữ mà lòng bực bội thì chữ nghĩa chẳng ra làm sao cả. Ngốc Bút Ông chuyển sang thư pháp Đại Thảo, một dạng thư pháp đặc biệt của Trương Phi (Trương Dực Đức) đại tướng của Tây Thục. Lão viết liền 4 chữ Bát mông sơn minh, khí thế Đại thảo liên hoàn như tuốt kiếm giương cung. Rồi lão lại chuyển sang Đại thảo theo phong cách của Hoài Tố viết tự sự thiếp, bút pháp cực kỳ phức tạp. Mặc cho lão biến đổi bút pháp, Lệnh Hồ Xung cứ lựa chỗ sơ hở của lão mà phát chiêu, kiếm thế nhẹ nhàng nhưng cực kỳ thần tốc. Ngốc Bút Ông bị phá sản bút pháp, sinh ra uất hận. Lão đổ 1 hũ rượu Bồ đào xuống đất, chấm rượu viết lên tấm vách 23 chữ của bài Bùi Tướng Quân thi (trong đó có 3 chữ tên tác giả). Kim Dung mô tả 23 chữ ấy đẹpvà dũng mãnh như muốn xé tấm vách mà bay đi.
Nét chữ thể hiện tính cách riêng của từng con người, trở thành vốn liếng riêng, đặc điểm riêng giúp ta xác định được chính người này chứ không phải người kia viết. Từ sự xác định ấy, người ta khám phá ra những bí mật đằng sau cuộc sống, đặc biệt là cuộc sống tâm linh. Đã có 2 trường hợp như vậyđược Kim Dung xây dựng trong tác phẩm của mình.
Trong Tiếu ngạo giang hồ ký, khi Nhạc Linh San đã chết, Lệnh Hồ Xung trở lại Hoa Sơn, tìm vào thăm căn phòng xưa của Nhạc Linh San. Anh chợt nhìn bức thiếp thư do chính Nhạc Linh San viết, nội dung là bài thơ của Lý Thương Ẩn:
...Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan
Và Lệnh Hồ Xung chợt hiểu ra rằng sau đám cưới với Lâm Bình Chi, Nhạc Linh San vẫn yêu mình. "Hàn công tử" đây chính là Lệnh Hồ Xung! Và từ đó, Lệnh Hồ Xung càng cảm thấy thương yêu người sư muội bạc phận hơn. Thư pháp đã thể hiện tâm tình, trở thành một thứ giác thư của tình yêu đôi lứa mà người nào không có tâm tình thì vĩnh viễn không nhận ra được.
Trường hợp thứ 2 được thuật lại trong Thiên Long bát bộ, khi Tiêu Phong về ngồi trong căn phòng riêng của Nguyễn Tinh Trúc (mẹ của người tình A Châu) ở Tiểu Kính hồ, Giang Nam. Ông đọc bức thiếp thư trên vách và khám phá ra thủ bút mềm mại, uyển chuyển của Đoàn Chính Thuần, khác hẳn nét chữ của "thủ lĩnh đại ca" viết thư gửi cho Uông Kiếm Thông bàn chuyện về cái chết của cha mẹ Tiêu Phong và số phận Tiêu Phong. Lập tức Tiêu Phong hiểu ra mình bị Ôn Khang lừa, Đoàn Chính Thuần không phải là "thủ lĩnh đại ca"; Tiêu Phong đã giết oan người tình Đoàn A Châu rồi. Chính từ sự tỉnh ngộ này mà Tiêu Phong bỏ ý định tự vẫn, quyết sống để tìm ra gã

“thủ lĩnh đại ca” giấu mặt ấy, trả hờn cho cha mẹ và cho cả A Châu. Bức thiếp thư trở thành một bằng chứng giúp Tiêu Phong phá án. Và ông đã tìm ra kẻ đại cừu của mình

Cũng trên cơ sở thư pháp, Kim Dung đã xây dựng 2 nhân vật dốt nát chơi thư pháp. Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký đã đọc văn bia viết bằng Giáp cốt văn, thứ văn tự tối cổ của Trung Quốc để đánh lừa Lục Cao Hiên và Ủy tôn giả, và qua 2 nhân vật này lừa luôn giáo chủ Thần long giáo Hồng An Thông. Thật ra đến Khải thư, tức chữ chân phương, Vi Tiểu Bảo còn đọc không ra, huống chi nói đến Giáp cốt văn, Khoa đẩu văn tối cổ. Chẳng qua là khi bị bắt, Vi Tiểu Bảo phải dùng đến thói lưu manh để đánh lừa Thần long giáo và những trò bịp bợm đó đã được những kẻ nịnh bợ giáo chủ biết nhưng lỡ nịnh bợ rồi cứ phải gọi đó là chuyện có thật. Đó là một thứ “thắng lợi tinh thần” hiện đại; phải lừa nhau như thế mới giữ được ngôi vị, giữ được cái đầu trên cổ. Thạch Phá Thiên trong Hiệp khách hành là 1 chàng trai thất học, không biết 1 chữ nào. Ấy thế mà trên đảo Long Mộc, chàng trai phải đối diện với Khoa đẩu văn. Không cần biết hàng chữ Khoa đẩu văn ấy viết nội dung gì, chàng trai chỉ quan tâm đến tự dạng. Khoa đẩu văn tức chữ con nòng nọc, rất gần gũi với tuổi thơ của Thạch Phá Thiên ở vùng hoang sơn dã lĩnh. Cứ xem tới nét nào thì huyệt đạo của Thạch Phá Thiên tự vận động tới đó và chỉ cần làm như thế, chàng trai dốt nát đã khám phá ra được toàn bộ bí quyết của võ công Hiệp khách hành. Nếu Lý Bạch sống lại được, chắc hẳn ông phải khen hậu bối Kim Dung lỗi lạc hơn ông rất nhiều: chẳng cần biết Hiệp khách hành viết cái gì, chỉ cần biết Hiệp khách hành viết như thế nào, nghĩa là chỉ dừng lại ở ngoại quan thư pháp mà không cần đi vào nội hàm tư tưởng, là đủ.

Nhân loại đã khổ quá nhiều vì những cái lưỡi dối trá, những suy diễn dài dòng văn tự. Thế mạnh của văn tự Trung Quốc là đã hình thànhđược những trường phái thư pháp đặc dị, mở ra 1 khuynh hướng mỹ thuật lạ lùng. Kim Dung đã lợi dụng thế mạnh ấy và lãng mạn hơn, đem thế mạnh ấy kết hợp với võ công. Hai phạm trù, một võ, một văn, tưởng như mâu thuẫn nhau tột cùng, lại được kết hợp một cách hài hoà, tài hoa. Văn chương của các bậc tiền bối Trung Quốc chưa làm được điều ấy; chỉ đến Kim Dung mới có thể làm được. Đó chính là sự sáng tạo độc đáo trong văn chương tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Suy niệm ký tiểu hữu

Tôi đang ngồi trên bãi biển Nha Trang. Mùa xuân, trời thật đẹp nhưng biển chiều vẫn mang theo cái vẻ u uất, trầm tư ngàn đời của nó. Bỗng dưng, tôi chợt nhớ đến đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ trên biển, đoạn văn mà tôi cho là đẹp nhất, xúc động nhất trong Ỷ thiên Đồ long ký. Mối tình thơ ngây ấy của Tiểu Siêu đã bị ngăn trở bởi hàng rào tôn giáo, cô phải hy sinh để cứu mạng sống và chuộc lại lỗi lầm cho mẹ mình. Ngôi vị dành cho cô tạ Ba Tư là giáo chủ Bái hỏa giáo, biểu tượng của một thứ quyền lực và vinh quang tột đỉnh mà mọi cô gái đồng trinh đều mơ ước. Nhưng thực chất, làm giáo chủ Bái hỏa giáo Ba Tư hạnh phúc hơn hay làm người tình nhỏ của Trương Vô Kỵ ở Trung Hoa để suốt đời được cùng nhau phiêu bạt giang hồ là hạnh phúc hơn? Tiểu Siệu thích cái thứ hai nhưng bắt buộc phải chọn cái thứ nhất. Sự mâu thuẫn giữa tình yêu và tôn giáo, giữa tình yêu và bổn phận làm con đã được đẩy lên đến đỉnh điểm. Điều đau sót nhất trong mối tình đầu đã có thể làm Tiểu Siêu nổ tung ra được, chết đi tức khắc được. Có hiểu được cái uyên nguyên sâu xa ấy chăng, hỡi biển của đời tôi?

Có một lần, tôi lên Gia Lai, dừng chân lại trên đỉnh đèo Krong Buk giữa biển sương khói mênh mông, lạnh buốt của một sáng cuối đông. Tôi đứng dưới những cụm sơn tùng và chợt nhớ đến nỗi cô đơn của Hà Túc Đạo, được Kim Dung viết trong đoạn lung của Ỷ thiên Đồ long ký. Từ đỉnh Kinh Thần Phong trên Thiên Sơn, Hà Túc Đạo với một cây đàn, một thanh kiếm lãng du về Trung Nguyên. Dừng chân giữa rừng bách ở ngoại vi chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam, Hà đánh đàn một mình cho chim nghe, chống kiếm than thở một mình về tình yêu, về cuộc sống. "Hỡi ơi, nước xanh, đá trắng sao rời rạc nhau đến như vậy" – đó không chỉ là tiếu kêu thương cô đơn của riêng Hà Túc Đạo, của riêng Kim Dung mà là của tất cả mọi con người cô độc trên thế gian. Nước xanh chảy mãi, ra đi; đá cuội trắng vẫn còn ở lại. Tình yêu là như thế, chỉ đơn giản là nguồn suối đem lại cho đời nỗi ngậm ngùi vì rời rạc nhau. Hà Túc Đạo đánh cờ một mình, bán cầu não bên trái đánh với bán cầu não bên phải. Cho đến khi thế cờ ở vào chỗ bế tắc, tiến thoái lưỡng nan, Hà như rơi vào một mê hồn trận. Mê hồn trận ấy chính là nghiệp chướng do Hà Túc Đạo tạo ra và bước vào. Để cứu người anh hùng đơn độc, Quách Tương đã mách nước: "Sao tiên sinh không bỏ Trung Nguyên mà quay về Tây Vực?". Một lời chỉ điểm đơn giản đã giúp Hà Túc Đạo nhận ra biện pháp giải tỏa bế tắc trong đại cục của đời mình, của tư tưởng mình. Chàng trung

niên khen hay và cám ơn người bạn mới nhỏ tuổi. Năm ấy, Quách Tương mới 16 và Hà đã gần 40. Phiêu bạt một đời mới tìm ra bạn ngọc, anh chàng sáng tác một bản đàn để đàn cho Quách Tương nghe lòng thương nhớ cảm phục của mình. Bản đàn ấy vang lên trong một trận đấu tranh dữ dội; Quách Tương nghe và đỏ mặt lên vì nhận ra tiếng nỉ non của tình yêu. Hà Túc Đạo nhớ thương cô nhưng cô chỉ nhớ thương Dương Qua. Cuộc gặp gỡ giữa cô và Hà chỉ là cái duyên không hẹn trước, chỉ như là nước xanh và đá trắng rời rạc nhau. Cô bỏ đi tu, còn Hà quay về đỉnh Kinh Thần Phong, bỏ Trung Nguyên về Tây Vực đúng như thế cờ dang dở.

Đêm ngồi ở Rạch Giá, Kiên Giang, trông ngàn sao lấp lánh trên biển, tôi chợt nhớ đến Nghi Lâm cởi rồi thắt lại giải áo để cầu nguyện cho mình được sống bên cạnh Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ). Nghi Lâm, cô sư nữ lỡ vướng vào ma chướng của tình yêu nhưng vẫn một lòng thủy chung cùng Bồ Tát. Mâu thuẫn tình yêu và tôn giáo đã xé nát lòng cô sư nữ ấy. Cho nên mới có một sự dung hoà hi hữu trên đời: tiếng kinh tụng niệm Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn lại mang theo âm hưởng dịu dàng, trữ tình, say đắm của tình yêu. Có một cái gì đó đã không thể gặp gỡ và Nghi Lâm cố gắng biến nó thành ra cái có thể gặp gỡ được. Nội dung lời kinh là tôn giáo mà âm hưởng tụng niệm, diễn đạt lại là tình ca.

Tôi yêu hệ thống tư tưởng của đạo Phật. Một lần lên Thiền Lâm, tôi ngồi với vị sư già, ngỏ ý xin ngài chỉ cho tôi một con đường đi để được xa cuộc sống mà vẫn rất gần với cuộc sống. Tôi nhớ đoạn Kiều Phong lên núi Thiên Thai, tìm nhà sư Trí Quan để xin cho ông biết chân diện mục của mình. Trí Quan cho Kiều Phong biết Kiều Phong là người Khất Đan, không phải họ Kiều mà là họ Tiêu – Tiêu Phong. Nhà sư đọc:

Khất Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần

Rồi nhắm mắt nhập định và viên tịch.

Tôi chọn hai câu thơ sau trong bài thơ này để làm hướng xuất xử cho cuộc đời. Thượng toạ dạy tôi: "Nghiệp duyên của đạo hữu với cuộc đời còn nặng lắm. Đaạ hữu cứ sống an nhiên, là, hết các công việc của mình, đem hết trí tuệ tuôn ra ngòi bút để phục vụ cho cuộc sống. Đạo Phật chủ trương "Duy tuệ thị nghiệp". Phật tính nằm ngay trong công việc, trong glối sống chứ không hẳn là nằm trong Thiền viện, trong cuộc thanh tu. Còn khi nào tâm hồn xót xa, trí lực mệt mỏi, đạo hữu hãy tìm đến với thầy". Khi tôi bạch Thượng toạ xin phép ra về, ngài còn dặn: "Ai cũng có thể nói tu là cõi phúc, tình là dây oan. Nhưng tu sẽ không phải là cõi phúc nếu người ta còn sân si trong đường tu, tình sẽ không là dây oan nếu người ta không tạo ra những

oan trái. Cả tu với tình đều có thể là cõi phúc, đều có thể là dây oan. Thầy đã đọc gần như đầy đủ cả ngàn bài viết của đạo hữu và nhận ra chất nhân hậu trong từng bài, từng câu. Hãy phát triển hơn nữa cái tâm từ bi trong ngòi bút". Lời dạy của vị Thượng toạ 87 tuổi quả thật là dòng nước cam lồ tưới mát lòng tôi.

Một đêm tháng 7, tôi lên rừng Phước Sơn (Lâm Hà, Đà Lạt), đúng 12 giờ khuya. Đêm nằm trong lán tranh nghe mưa rơi tầm tã ngoài trời, lạnh quá không ngủ được, tôi chong đèn và đọc Kim Dung. Lần này tôi mang theo Liên thành quyết, giở ra đúng đoạn Thủy Sinh một mình ra Quan ngoại, sống trong sơn cốc bốn bề mênh mông tuyết phủ, chở Địch Vân trở lại. Những nhân vật nữ của Kim Dung thật thông minh và cũng thật lãng mạn. Họ sẵn sàng đi mấy ngàn dặm ra ngoài quan ải – bây giờ thuộc Đông bắc Trung Quốc, sống một mình trong hang đá lạnh lẽo đời tình quân về từ sự suy đoán riêng của họ, Thủy Sinh trong Liên thành quyết, A Châu trong Thiên Long bát bộ suy đoán thế nào chàng Địch Vân, chàng Kiều Phong cũng sẽ trở lại. Và cám ơn trời, cái hạhnh phúc ấy đã thực sự xảy ra. Hay nói ngược lại, nếu Thủy Sinh, A Châu đi mấy ngàn dặm ra Quan ngoại chờ mà tình quân không trở lại, chắc họ sẽ đau đớn, sẽ ngậm ngùi mà chết đi trong nỗi tuyệt vọng. Tác giả đã để cho Địch Vân, Kiều Phong trở lại. Giữa tuyết trắng mênh mông lạnh buốt của thảo nguyên, bóng người về trở thành ngọn lửa sưởi ấm trái tim những người khao khát tình yêu. Người về Quan ngoại chính là bản tình ca, là chủ nghĩa nhân đạo phương Đông. Có lứa đôi đoàn viên hạnh phúc như Thủy Sinh - Địch Vân. Có lứa đôi tan nát, bất hạnh như Kiều Phong – A Châu. Nhưng bản tình ca nào cũng sáng lên rực rỡ cái đẹp phẩm giá con người, của sự thủy chung, của lòng chân thật. Đên Đà Lạt lạnh buốt mà lòng tôi vẫn cảm thấy ấm áp khi Thủy Sinh choàng tay ôm lấy Địch Vân.

"Huyền tẫn" là một khái niệm sâu xa trong triết lý của Lão giáo. "Huyền tẫn" có nghĩa là nguyên lý mẹ, nguyên lý tìm về giống cái, cội nguồn của sự sinh nở, của đời sống. Hãy nhìn lại mà xem, các dân tộc phương Đông tôn thờ và kính trọng các nữ thần biết bao nhiêu: Tây Vương Mẫu, Nữ Oa ở Trung Hoa; Thái Dương thần nữ ở Nhật Bản; Shiva ở Ấn Độ; mẹ Âu Cơ ở Việt Nam. Bởi vì họ là Me của muôn loài, là chất ngọc của giống cái, là biểu trưng của văn minh phồn thực. Yoni – hình ảnh bộ phận sinh dục nữ, đã được tạc thành totem để thờ phượng, kính ngưỡng. Thông qua các nhân vật nữ xinh đẹp, tài hoa và lãng mạn của Kim Dung, thông qua những hình bóng phụ nữ cụ thể trên đời, tôi cũng cất công đi tìm chất ngọc, đi tìm "Huyền tẫn" của chính mình. Mười hai năm trước, mẹ tôi qua đời, tôi cảm thấy bơ vơ như đứa trẻ lên ba dù tuổi tôi đã 40. Cái quyết định tâm linh một người đàn ông chính là người phụ nữ mà người đàn ông ấy tôn thờ, thương yêu,

kính trọng nhất. Mẹ tôi chính là người phụ nữ như thế. Và tôi đọc Kim Dung, bàn về những khía cạnh khác nhau trong tiểu thuyết của nhà văn phương Đông tầm cỡ này cũng là đi tìm "Huyền tẫn" của mình.
Trương Vô Kỵ và Triệu Mẫn cùng vào một tiệm cơm nhỏ, lựa một chiếc bàn khiêm tốn và gọi mấy món thức ăn với một bình rượu đối ẩm. Sau đó, Trương Vô Kỵ đưa quần hùng Minh giáo đến tấn công chùa Vạn Pháp do Triệu Mẫn chỉ huy để cứu các hào kiệt Trung Nguyên đang bị Triệu Mẫn giam giữ. Cuộc chiến đấu thành công, Triệu Mẫn phải gánh chịu sự thảm bại lớn nhất trong đời cô. Đêm ấy, Triệu Mẫn tìm vào quán cơm xưa, chọn đúng chiếc bàn cũ, cũng kêu đúng các món ăn cũ, bình rượu, hai cái cốc, hai cái chén và hai đôi đũa. Cô rót rượu ra hai cốc thì bỗng dưng… Trương Vô Kỵ xuất hiện. Họ lặng lẽ đối ẩm như ngày nào mà không hề nói đến cuộc chiến một mất một còn ở chùa Vạn Pháp. Tôi cũng mong những lứa đôi trên đời này có được những bữa ăn ấm cúng tình yêu như vậy.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Tiếu ngạo giang hồ

Cách đây trên 30 năm, Tiếu ngạo giang hồ đã đến với bạn đọc miền Nam (1967). Nhưng đó là một Kim Dung feuilleton, một Kim Dung tác chiến mỗi ngày khoảng 1.500 chữ để đăng trên Minh báo, mộ Kim Dung đi máy bay từ Hongkong qua Việt Nam mỗi ngày, được dịch ra Việt ngữ đăng đại trà trên những nhật báo Sài Gòn. Luật sư Nguyễn Văn Tầm, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, nhớ lại: ngày ấy, ông còn học ở đại học Luật khoa và chính ông là thư ký giúp dịch giả Hàn Giang Nhạn dịch những tác phẩm của Kim Dung. Trong căn gác nghèo trên đường Vườn Chuối, dịch giả Hàn Giang Nhạn đọc tờ báo đến đâu, dịch ra đến đó. Chàng sinh viên Nguyễn Văn Tầm lót 10 tờ pelure và 9 tờ giấy than, viết lời dịch của Hàn tiên sinh bằng một cây bút bic. Ở phía dưới căn gác, hàng chục ông tuỳ phái của hàng chục tờ báo ngồi đợi… Tiếu ngạo giang hồ. Viết xong bản dịch, chàng sinh viên Nguyễn Văn Tầm đem xuống phân phát cho từng người. Ai may mắn lấy được những bản phía trên còn đọc ra chữ, ai lãnh những bản phía sau chỉ còn cách xem chữ đoán ý. Trên cơ sở tập đại thành những hồi, những đoạn đã được đăng báo, Tiếu ngạo giang hồ được in lại thành sách - một Kim Dung feuilleton.
Nguyên tác Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung do Minh Hà xã in năm 1997 hoàn toàn mới lạ, khác hẳn Tiếu ngạo giang hồ đã từng có trên báo chí Sài Gòn trước đây. Kim Dung đã mạnh dạn cắt bỏ một số đoạn mà ông xét thấy là không cần thiết. Thí dụ như ông đã cắt bỏ khoảng 3.000 từ ngày trong hồi đầu có nội dung giới thiệu về quan hệ gia tộc, võ công, sự nghiệp kinh doanh và oai lực của Phước Oai tiêu cục thành Phúc Châu. Ông cũng bỏ hẳn đoạn Nhạc Linh San trong vai cô gái bán rượu xấu xí cứu Lâm Bình Chi bằng cách cho chàng uống rượu pha thuốc có dược tính thật mạnh mà thay vào bằng một đoạn mới với những tình tiết hợp lý hơn, hấp dẫn hơn. Ngày trước, ông đã để cho Đại tung dương thủ Phí Bân phái Tung Sơn chết đi rồi sống lại, bây giờ tình huống đáng tiếc đó không còn nữa. Ông thận trọng ra từ câu, chỉnh từng ý, xem lại từng tình huống tiểu thuyết. Cho nên, bản dịch mới trên nền tảng bản chỉnh lý năm 1997 là một bản dịch mới lạ. Chúng tôi xin dịch lại Tiếu ngạo giang hồ với tham vọng giới thiệu cùng bạn đọc Việt Nam yêu tài năng Kim Dung, một Kim Dung văn học. Khái niệm văn học ở đây gói gọn trong ngữ nghĩa văn học tiểu thuyết võ hiệp.
Trong sự nghiệp trước tác đồ sộ của Kim Dung, chúng tôi gọi Tiếu ngạo giang hồ là một siêu phẩm. Toàn bộ tác phẩm gồm 40 chương hồi. Tuy

nhiên, tác phẩm lớn không phải ở chỗ dài hơi đó. Nó lớn vì chiều sâu kiến thức hàm chứa ngay trong tác phẩm.

Hai trong ba nguồn tư tưởng lớn của triết học phương Đông - Phật giáo và Lão giáo – đã được Kim Dung hình tượng hoá và cụ thể hoá qua những hình tượng văn học. Phương Chứng đại sư chùa Thiếu Lâm là con người tiêu biểu của tư duy Thiền tông Phật giáo. Với một căn bản võ công trác tuyệt, một tâm địa từ bi, nhà sư gần như đã góp phần hoá giải những hận thù, chia rẻ, sân si. Định Nhàn, Định Dật phái Hằng Sơn là một dạng Phật giáo khác, một Phật giáo nhập thể và nhập thế. Họ hàng phục yêu ma bằng chính cáo tâm hoà bình trung chính của người đi tu. Họ áp dụng nguyên tắc Miên lý tàng châm (Trong cái gối bông mềm có chứa cây kim). Họ không đánh ai nhưng ai đánh họ thì bị kim đâm, càng đánh mạnh thì vết thương càng nặng. Họ lập ra kiếm trận là để tự giữ mình, chống cự ngoại địch chứ chẳng để bao vây ai, tiêu diệt ai.

Nhưng điểm đặc sắc nhất vẫn là tư duy Lão – Trang qua đường Độc Cô cửu kiếm. Phong Thanh Dương đã dạy Lệnh Hồ Xung "Dĩ vô chiêu thắng hữu chiêu". Trong thế kiếm hữu chiêu, vì có chiêu thức cho nên để phát ra được chiêu thức ấy, con người phải có bộ vị, có ni tấc. Và quan điểm của Phong Thanh Dương là nên đánh ngay vào thời điểm chuẩn bị bộ vị, ni tấc đó. Kiếm phải phát theo ý và kiếm sĩ phát triển kiếm ý chứ không sử dụng kiếm chiêu. Nói cách khác, người sử kiếm chứ không phải kiếm sử người và cần đến một phong thái ung dung, liên tục như nước chảy mây trôi trong khi giao đấu với địch thủ. Cách dạy của Phong Thanh Dương lại vô cùng phù hợp với tâm tính lãng mạn của Lệnh Hồ Xung. Điều này làm ta nhớ đến chương "Thuyết kiếm" của Trang Tử. Lão – Trang chủ trương Vô vi (không làm). Không làm nhưng không có gì là không làm (Vô vi nhi vô bất vi). Chính trên nền tảng đó, đạo trưởng Xung Hư, chưởng môn phái Võ Đang, nhân vật đại biểu của tư tưởng Lão – Trang, đã gắn bó cuộc đời mình với sự thịnh suy, hưng vong của võ lâm Trung Hoa. Cũng chính trên nền tảng đó đã có một cuộc đấu kiếm kỳ lạ xảy ra: Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đấu kiếm mà không dùng đến kiếm, chỉ lấy mắt ngó nhau, cuối cùng, Xung Hư đành nhượng bộ.

Tiếu ngạo giang hồ lặng lẽ đưa người đọc đi vào cuộc hành trình tìm về những suối nguồn tư tưởng phương Đông, một phương Đông lãng mạn bay bổng "khi lên cao chính ngàn dăm, nương mây cưỡi gió mà bay" nhưng Trang Tử đã viết trong Nam hoa kinh. Tiếu ngạo giang hồ có cái u uẩn trầm mặc đầy suy niệm của những ngôi chùa, những đạo quan, những rừng tùng bách, bóng trăng sáng trên Trường Giang, cơn mưa tuyết mùa đông trên Ngọc Nữ phong. Xuyên suốt tác phẩm là tiếng đàn, tiếng sao của khúc Tiếu ngạo giang hồ, tiếng ca buồn của Mạc Đại tiên sinh trong khúc Tiêu Tương

dạ vũ. Tác phẩm còn là sự tập hợp của nhiều kiến thức về y học, dược học, địa lý học, tửu học, giải phẫu học, võ học, xã hội học… Chính nhờ tác phẩm này, tôi mới biết người Tứ Xuyên luôn luôn bịt khắn trắng trên đầu - tục lệ có từ 2.000 năm trước khi để tang con người huyền thoại Khổng Minh.
Trong kỹ thuật kết cấu tiểu thuyết, có thể coi Tiếu ngạo giang hồ như một kịch bản phim với những đoạn chuyển cảnh rất nhanh và rất hợp lý. Những mâu thuẫn chiều sâu trong nội tâm của các nhân vật kết hợp với những mâu thuẫn chiều dài trong sự đấu tranh, trong âm mưu, trong thủ đoạn của các môn phái tạo cho cốt truyện những tình huống nghẹt thở, khiến cho người đọc càng đọc càng cảm thấy cuốn hút, say sưa. Kim Dung đã giải quyết hợp ký các mâu thuẫn đó khiến cho người đọc thở phào, nhẹ nhõm và cảm thấy hạnh phúc.
Có những điều mà ta nghĩ rằng không bao giờ có thật trên đời lại xảy ra trong tác phẩm của Kim Dung một cách hợp lý và tràn đầy đạo lý. Cơ duyên nào đã đưa một cô nữ ni thánh thiện, trong như ngọc mới 16 tuổi, dấn thân vào nơi ô uế, phức tạp nhất là động điếm Quần Ngọc dưới chân núi Hằng Sơn để cứu mạng Lệnh Hồ Xung? Cô đã bồng chàng lãng tử thanh danh tàn tạ ấy ra vùng hoang sơn dã lĩnh, chấp nhân phạm giới cấm khi ăn trộm dưa hầu có thức ăn cho chàng, tụng kinh Cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát cầu xin cho chàng tai qua nạn khỏi. Lạ thay, lời kinh trang nghiêm của Phật giáo lại được đọc với hơi thở từ một trái tim tràn đầy tình yêu và đức hy sinh. Cơ duyên nào đã đưa đẩy một nàng Nhạc Linh Sanh mới 16 tuổi, say mê cái mã đẹp trai của Lâm Bình Chi và dễ dàng phụ rẫy mối thâm tình ban đầu mà cô đã dành cho Lệnh Hồ Xung? Cho đến khi lấy Lâm Bình Chi, nhận ra bản chất tàn bạo của gã, cô mới hối hận vì đã đánh mất một báu vật trên đời: "Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử. Xương trắng thành tro hận chửa tan.". Cơ duyên nào đã đến với thánh cô Nhậm Doanh Doanh, ở ẩn trong ngũ Lục Trúc thành Lạc Dương mà "nhặt" được một chàng Lệnh Hồ Xung ốm o bệnh hoạn và khám phá ra được đó là người đàn ông anh hùng, trung thực, có bản sắc nhất giữa cuộc đời này? Từ bỏ ngôi vị cao quý, cô gái tươi đẹp, thông minh 17 tuổi ấy đi theo chàng trai, bắt ếch nuôi chàng, đánh đàn ru cho chàng ngủ và khi chàng kiệt sức thì cõng chàng lên chùa Thiếu Lâm, chấp nhận cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sự sống cho người yêu dấu.
Đó là 3 dạng tình yêu trên đời: một tình yêu không nói thành lới do sự mâu thuẫn giữa tôn giáo và thế tục, một tình yêu thực dụng vì say mê hào nhoáng bên ngoài mà không thấy được rõ phẩm chất bên trong, một tình yêu chân chính vì khám phá được chất ngọc bên trong mà không cần chú ý đến vẻ bên ngoài của một con người ốm o tàn tạ. Kim Dung không lên gân bình luận, phê phán; ông chỉ tường thuật và chúng ta hiểu. Thế thôi!

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Những suy niệm siêu hình học

Lai như lưu thủy hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung
Từ khi con người xuất hiện trên trái đất, đã có những suy niệm về số phận con người. Lịch sử triết học, văn chương quan nhiều thời đại đã trăn trở đi tìm lời giải cho những vấn nạn: con người là ai, con người từ đâu đến và con người sẽ về đâu. Một tác phẩm văn chương, triết học nhằm cắt nghĩa một trong các vấn nạn ấy được gọi là tác phẩm có giá trị nhân bản, nhân văn.
Ba mươi mấy năm đọc tác phẩm Kim Dung, càng lúc tôi càng nhận ra sự trăn trở của ông trong quá trình tìm cách cắt nghĩa số phận con người. Thời còn đi học, tôi đọc Kim Dung như một cách giải trí, một cách lãng quên cuộc sống thực tại để đi tìm một cuộc sống viễn mộng lí tưởng. Đến tuổi chững chạc, tôi đọc Kim Dung như một cách học tập: học cách viết văn, học phương pháp tiểu thuyết, học những kiến thức Trung Quốc học, học làm người. Thuở đó, tính tôi rất nóng nảy, tâm hồn đầy sự hoài nghi, trí óc đầy niềm căm giận. Gần như, tôi nghi ngờ tất cả mội giá trị trên đời, tôi sẵn sàng căm hận những ngaỳ tháng cũ đau thương và những ngày đang sống đầy trắc trở. Ai gây cho tôi một sự đau khổ, nói với tôi một lời thiếu thiện cảm, thể hiện trước tôi một hành động xúc phạm; tôi đã nghĩ đến chuyện mắt đổi mắt, răng đổi răng. May mắn thay, đọc Kim Dung và các loại sách kinh điển của Nho,Phật, Lão; tôi biết đến sự kìm giữ trái tim và khối óc của mình, tôi biết đến sự tha thứ, vì rằng tha thứ cho người khác chính là tha thứ cho mình, tôi biết quên những đau thương của chính mình để có thế làm một điều có lợi cho người khác hoặc không làm một điều có thể tổn thương cho người khác. Còn bây giờ, hoàng hôn của thế kỉ 20, mùa thu bắt đầu về trên đời, tôi đọc Kim Dung như một cách chiêm nghiệm, suy tưởng.
Lai như lưu thủy hề...
(Chợt đến như dòng nước chảy)
Phải đợi đến tuổi 50, câu hát Tiểu Siêu thường hát cho Vô Kỵ nghe rút từ kinh điển Bái hoả giáo mới cho tôi nhận ra được là câu hát góp phần cắt nghĩa nguồn gốc con người! Darwin nói con người đã đi qua một quá trình tiến hoá, phát triển từ khỉ vượn thành người. Thánh Kinh Thiên chúa giáo nói con người là do Thượng đế sinh ra. Nhà Nho điềm nhiên phát biểu mà như không hề phát biểu điều gì: *"Chuyện ngoài trời đất, bực thánh nhân biết đấy nhưng không nghĩ đến" (Lục hợp chi ngoại, thánh nhân tồn nhi bất*

nghị). Lão - Trang hiền triết một cách khôn khéo: *"Trong cái không đẻ ra cái có" (Vô trung sinh hữu)*. Chỉ có Tiểu Siêu hát: *"Chợt đến như dòng nước chảy" (Lai như lưu thủy...)*

Lai như lưu thủy hề... không trực tiếp trả lời cho hai câu hỏi con người là ai và con người là từ đâu đến. Đúng hơn, nó trực tiếp trả lời cách thế có mặt của con người trước cuộc sống: "Chợt đến như dòng nước chảy". Dòng nước luôn luôn có một khởi nguyên ban sơ, thí dụ như một cơn mưa, một núi băng tan, một hồ chứa, một đập tràn. "Chợt đến như dòng nước chảy" không cắt nghĩa cái khởi nguyên ban sơ đó; nó chỉ nói đến cách thế có mặt; "chợt đến" không cắt nghĩa khởi nguyên, cũng không phủ nhận khởi nguyên. Nguồn gốc và đời sống con người đơn giản chỉ là sự chợt đến; có nguồn có cội đấy nhưng nguồn cội là gì, ở đâu thì đó là chuyện để mỗi con người tự chiêm nghiệm. Bản thân "chợt đến" đã có một quá trình chuẩn bị, không hề tình cờ, không hề tự nhiên mà có.

Thệ như phong

(Và tàn như gió qua mau)

Con người sống ở trên đời bao nhiêu năm? Không ai trả lời được câu hỏi đó. Phương Đông thường đưa ra khái niệm "trăm năm": *"Trăm năm nào có gì đâu, chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì"*. Bản thân chữ "Trăm năm" đó hoàn toàn mang tính chất tượng trưng, để chỉ số nhiều. Anh may mắn sinh ra trong một gia đình giàu sang, lớn lên khoẻ mạnh, nhiều hạnh phúc... có thể sống được 98 tuổi. Cô gái nghèo kia bỏ ruộng đồng đi bán bia ôm, đem tấm thân trinh trằng cho đám đàn ông thành phố bỡn cợt, đêm trở về căn phòng trọ bị cướp của, hãm hiếp rồi bị giết, chỉ hưởng dương được 23 tuổi. Tôi một đời ưu tư sầu khổ, năm mươi năm chưa thực sự có được một ngày là hạnh phúc, những nếp gấp trên vừng trán càng lúc càng đậm, giọt lệ vĩnh viễn ở cuối mi mắt trái không bao giờ tan được trong cuộc đời làm sao sống được 60 tuổi?

Nhưng dù có sống được bao lâu, 23 hay 60, 98 hay 100 tuổi thì thời gian ấy có là gì so với thời gian miên viễn là trường tồn hằng nhiên? Tất cả chỉ là một cái chớp mắt của tạo hoá. Tôi không ngờ từ một thằng bé nghèo sinh ra trong bom đạn chiến tranh giữa núi rừng Quảng Nam đã trở thành một anh trung niên đang lắng nghe mùa thu về, trí tuệ luôn luôn bị cưỡng bách, không một đêm nào ngủ được quá bảy tiếng, thân xác đau rã rời bởi chứng thoát vị đĩa đệm cột sống và đầu óc luôn bị choáng váng với chứng thiểu năng tuần hoàn não. Ai nói sống trên đời là hạnh phúc? Tôi sống trên năm mươi năm, mong được hưởng một ngày gọi là hạnh phúc để nếm xem mùi vị hạnh phúc là thế nào nhưng vẫn chưa có hân hạnh được nếm thử. Thì thôi, thà mua một đôi giày chật mang dính vào chân suốt ngày, buổi chiều cởi được nó ra lắng nghe hai bàn chân không còn cảm giác đau đớn để cứ gọi đó

là hạnh phúc. Vâng, hạnh phúc là sự cởi bỏ được đôi giày quá chật ra khỏi hai bàn chân của bạn.

Thệ như phong

Cuộc sống con người ngắn ngủi lắm, tàn mau như gió. Nào có ai thấy được gió, chỉ thấy lá cây rung động, cỏ dợn thành sóng, ta mới biết có gió thổi qua. Gió thổi qua là có thật đấy, ta biết nhưng không thể biết được nó đến khi nào và đi khi nào. Rồi tàn như gió qua mau - danh sĩ hay kẻ ngu đần, mỹ nhân hay ác quỷ, cao quý hay đê hèn, hiền thục hay điêu ngoa - tất cả đều tàn như gió qua mau. Đây không phải đường về của chủ nghĩa hư vô. Ở cuối đời sống chúng ta là cái chết, là sự suy tàn lụn bại tất yếu của cuộc sống. Sống một ngày là gần gũi với cái chết một ngày, bên nhau một ngày là gần gũi với lâm biệt một ngày - quy luật ấy nhân loại đều đã ý thức rõ rệt. Có hiểu chăng, hỡi bạn đời của tôi?

Bất tri hà xứ lai hề

(Chẳng biết từ đâu mà tới)

Bây giờ câu hát mới đi thẳng vào vấn nạn từ đâu tới. Ta biết ta có nguồn gốc nhưng nguồn gốc đó ở đâu thì đó là cái mà ta không thể biết được. Ta biết con chim thì nó bay, con cá thì nó lội, nhưng khởi nguyên của khả năng bay, của khả năng lội thì đó là cái mà ta không thể biết được. Ngay cả đến lý do tại sao không biết ta cũng đã không biết rồi. Ta chỉ biết rằng ta không biết và tại sao ta không biết thì đó là điều ta không biết vậy. Giữa cái biết và cái không biết có một biên giới tuyệt đối về mặt ý thức. Biết là ban ngày, không biết là ban đêm; biết là ý thức, không biết là chiều sâu trong vô thức. Phương Đông nói một cách triết lý:

Tri chi vi tri chi
Bất tri vi bất tri
Thị tri giả
(Biết cái gì thì làm cái đó
Không biết thì làm cái không biết
Ấy là biết vậy)

Ta biết cái ta không biết - khởi nguyên của loài người - đó là biết vậy chăng? Ngay khi cả ta biết rằng ta không hề biết gì cả cũng là biết vậy chăng? Triết học quả là rất nhân hậu và nhân bản, sẵn sàng tha thứ cho thái độ ngu muội của con người, vẫn cho đó là một thái độ hiểu biết.

Hà sở chung

(Và chẳng biết về nơi đâu)

Cái gì cũng có một chung cuộc. Nhưng chung cuộc của con người ở đâu thì con người không biết được. Đạo Thiên Chúa nói con người công chính được về với cõi vĩnh hằng, về với nước Chúa, với Thiên đàng, Đạo Phật nghĩ đến một quá trình luôn hồi, trong đó sự đầu thai là một quy luật sẽ diễn ra ở kiếp

sau. Đạo Phật dẫn những con gnười đạo hạnh từ bi đi về miền Cực lạc. Cực lạc ở đâu? - Cõi Tây Phương. Tây phương là Tây phương nào? - Không biết. Hà sở chung - nước chảy về đâu, gió tàn về đâu? Cuộc sống hữu hạn ngắn ngủi của con người như nước chảy, như gió thổi. Nước chảy về đâu là chung cuộc, gió thổi về đâu là chung cuộc - đó là điều ta không biết.

Lai như lưu thủy hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung.

Câu hát nói về số phận con người sao mà buồn lắm vậy. Trong số phận của con người, có số phận tình yêu. Tình yêu của con người sao mà buồn lắm vậy. Đạo Phật tôn trọng chữ duyên, mọi việc diễn ra hôm nay đều bắt nguồn từ cơ duyên đã được định trước của ngày hôm qua. Nhưng tìm đâu cho ra cơ duyên ấy thì đó là điều mà ta không thể biết được. Thế giới có đến sáu tỉ người, tại sao em chỉ yêu mình ta?

Đã bao lần qua núi đồi thanh xuân, cúi xuống, kính cẩn hôn ngọn Ngọc Nữ phong bát ngát tình yêu và hạnh phúc, uống dòng nứớc ngọt ngào từ nguyên khê đổ lại. Ta như không còn có mặt trên đời, ta tan biến vào người, người tan biến vào ta. Bản ngã (Moi) không còn nữa, chỉ còn Đại ngã (Grand Moi). Khi ta cao tới mây xanh, vươn tay ra là chạm tới hạnh phúc, Đại Ngã không còn nữa; ta đang vươn tới Siêu ngã (Sur-Moi). Nhưng siêu ngã chỉ là giây phút thoáng qua. Rồi ta trở lại cuộc đời trần tục, xót xa, đau đớn nhìn nước trôi, ngậm ngùi nghe gió tàn.

Lai như lưu thủy hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung.

Một thoáng hạnh phúc chợt đến rồi chợt tan biến khỏi đời sống con người. Và chỉ còn ta ở lại, đối diện với hư vô.

Sự suy tàn của chủ nghĩa bạo lực

Bao giờ cũng như bao giờ, bạo lực luôn luôn có giữa cuộc sống loài người. Có thứ bạo lực chân chính nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ công lý, bảo vệ mạng sống và quyền lợi chính đáng của những con người lương thiện. Có thứ bạo lực phản động nhằm làm náo loạn cuộc sống, gây cảnh can qua cho trăm họ lầm than để thừa cơ hưởng lợi hoặc để cai trị, nô dịch người khác. Loại bạo lực phản động ấy không thiếu trong tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết Kim Dung. Khi xử lý tác phẩm, tác giả thường để cho chủ nghĩa bạo lực tự nó suy tàn đúng như định đề "Gieo nhân nào, hưởng quả ấy" của phương Đông hay "Ai gieo gió phải gặt bão" của phương Tây.

Đoạn lung mở đầu cho Lộc Đỉnh ký có lẽ là đoạn triết luận hay nhất, tài hoa nhất trong sự nghiệp trước tác của Kim Dung. Ông luận về chủ nghĩa duy bạo lực của các thế lực quân chủ mấy ngàn năm ở Trung Quốc qua hai từ "Trục lộc" (đuổi hươu). Mượn lời nhà văn Lữ Lưu Lương dạy con trai, Kim Dung nhắc lại câu nói của Khương Thái Công với Chu Văn Vương: "Lấy thiên hạ như đuổi bắt con hươu để làm thịt chia nhau mà ăn. Con hươu dù có trốn chui trốn nhủi nhưng rốt cuộc vẫn bị bắt. Có khi nó bị nhiều người ăn thịt, có khi một người giành ăn hết". Con hươu (lộc) ở đây có nghĩa là thiên hạ, mà thiên hạ có nghĩa là đất Trung Hoa. Hán thư có câu: "Nhà Tần để sổng con hươu, thiên hạ tranh nhau đuổi bắt". Hán vương Lưu Bang và Tây Sở Bá vương Hạng Võ cùng đánh nhà Tần, sau cùng Hán vương diệt được Tây Sở Bá vương, chiếm được thiên hạ, bắt được cả con hươu béo mập.

Để có thể nấu thịt hươu lên ăn, người ta phải dùng đến cái vạc to, có ba chân, đốt lửa ở dưới. Cái vạc ấy đồng thời cũng là hình cụ tàn khốc để đốt, để nấu những người phạm trọng tội. Chữ "đỉnh" trong Hán văn tức là cái vạc lớn. Lộc đỉnh có nghĩa là cái vạc lớn để nấu thịt hươu. Tranh nhau "lộc đỉnh" có nghĩa là tranh nhau giành lấy thiên hạ. Các thế lực quân chủ là dao là thớt, muôn triêuh dân lành trở thành cá thành thịt. Để có thể giành lấy thiên hạ, đạt được quyền lực, người ta phải dùng đến bạo lực phi nhân tính nhất. Các thế lực quân chủ dùng bạo lực phi nhân để trục lợi còn các thế lực giang hồ trong các tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung cũng dùng bạo lực phi nhân để đô hộ, chế ngự, nô dịch người khác. Trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, chủ nghĩa duy bạo lực luôn luôn gắn liền với các bọn tac đạo muôi tham vọng thống nhất giang hồ, đè đầu cưỡi cổ thiên hạ.

Trong Lộc Đỉnh ký, tà đạo Thần Long giáo ở biển Liêu Đông do Hồng An

Thông làm giáo chủ nuôi một thứ tham vọng như vậy. Tà giáo này chủ trương xây dựng các hầm rắn để trừng trị những kẻ không trung thành, buộc bọn thuộc hạ uống loại độc dược Độc long dịch cân hoàn để họ phải trung thành với giáo chủ. Họ gọi con rắn (xà) là thần long. Họ cũng có một thứ "kinh điển" nhằm đầu độc trí óc bọn giáo chúng thanh niên, sùng bái cá nhân giáo chủ:

Hồng giáo chủ ra oai sấm sét
Chúng đồ nhi sức mạnh phi thường...
...Hồng giáo chủ thần kinh như điện
Chiếu nhãn quan ra khắp muôn phương...

Tà giáo này có tham vọng tranh đoạt tấm bản đồ chỉ dẫn đi tìm kho báu được giấu trong bộ Tứ thập nhị chương kinh của nhà Thanh. Họ cấy người vào nội cung triều Khang Hy nằm vùng, khuynh loát chính trị và dọ dẫm tìm bảo vật. Thực hiện không được âm mưu ấy, họ định liên minh với các thế lực biên phòng của Sa hoang Nga La Tư để chống lại Trung Quốc. Điều buồn cười là giáo chủ Hồng An Thông tuy danh vọng to lớn, võ công cao cường nhưng chỉ là một lão liệt dương. Khang Hy đã ra lệnh cho hải quân nhà Thanh bắn phá tan tành đảo Thần Long, cuối cùng bọn thuộc hạ quần công Hồng An Thông, giết giáo chủ. Thần Long giáo tự diệt, đơn giản chỉ vì nó là một tà đạo duy bạo lực.

Trong Thiên Long bát bộ lại có một tà phái khác là phái Tinh Tú, do Tinh Tú hải lão ma Đinh Xuân Thu làm chưởng môn. Đinh Xuân Thu là kẻ lừa thầy phản bạn, từng đánh lại thầy mình là Vô Nhai Tử rồi tự mình tách ra khỏi phái Tiêu Dao để lập thành phái Tinh Tú. Vì đã từng lừa thầy nên bản tâm vẫn sợ bọn đồ đệ đánh nổi lên làm loạn chống mình, Đinh Xuân Thu chủ trương dùng thuốc độc và đạn lân tinh để trừng phạt đệ tử. Lão cho phép các đệ tử đánh nhau thoải mái để giành chức đại đệ tử. Lão chiêu nạp một đám bàng môn tả đạo làm đệ tử và đặt ra những ca quyết để đệ tử tâng bốc mình:

Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thổ
Đức sánh cửu thiên
Đánh đâu thắng đó

Ngày Đinh Xuân Thu trở lại Trung Nguyên, gần như lão khống chế được toàn bộ phái Tiêu Dao. Thế nhưng, như một kịch bản hoàn hảo nhất của công lý trên đời, Đinh Xuân Thu đã bị Hư Trúc, Cung chủ cung Linh Thứu, trừng phạt. Bằng nội công Bắc minh chân khí chính tông, mượn giọt rượu của đệ tử tung lên không gian, Hư Trúc biến các giọt rượu trở thành băng và cấy vào trong các huyệt đạo trọng yếu của Đinh Xuân Thu. Miếng băng lạnh tiếp xúc với da thịt nóng, tan ngay vào các huyệt đạo, hoá thành một thứ bùa

gọi là Sinh tử phù. Sinh tử phù chạy vào người Đinh Xuân Thu, trở thành một chất kháng nguyên, khiến lão có cảm giác ngứa ngáy như bị hàng vạn con kiến đốt. Đinh Xuân Thu phải chịu thua, đầu hàng, bị phái Thiếu Lâm nhốt lại. Toàn bộ phái Tinh Tú bị giải tán, bạo lực của Tinh Tú hải lão ma tự diệt vong.

Chủ nghĩa duy bạo lực nhìn vấn đề dưới một nhãn quan đơn giản: có sức mạnh là có thể cai trị, khống chế được người khác. Và để có một sức mạnh thì phải leo lên được đỉnh cao của quyền lực, phải nắm quyền lực trong tay. Khát vọng quyền lực khiến các loại nhân vật giang hồ rình mò nhau, ngấm ngầm hại nhau. Điều đáng xấu hổ là những âm mưu đó lại được nấp sau bộ mặt của người quân tử, kẻ chính nhân - tất nhiên là quân tử, chính nhân giả hiệu. Tiếu ngạo giang hồ xây dựng một bộ ba chưởng môn khả kính: Dư Thương Hải - chưởng môn phái Thanh Thành; Tả Lãnh Thiền - chưởng môn phái Tung Sơn; Nhạc Bất Quần - chưởng môn phái Hoa Sơn. Dư Thương Hải đánh Phước Oai tiêu cục để tìm lấy kiếm pháp Tịch tà; Tả Lãnh Thiền định triệt hạ bốn phái để leo lên chức chưởng môn Ngũ Nhạc Phái; Nhạc Bất Quần vừa rình mò Dư Thương Hải để chiếm kiếm pháp Tịch tà, vừa tháu cáy Tả Lãnh Thiền để tranh đoạt chức chưởng môn Ngũ Nhạc phái. Họ là những người quân tử chính nhân giả hiện, mở miệng ra là nói đạo đức, lòng nhân, sự khiêm ái... Cuối cùng Dư Thương Hải bị giết; Tả Lãnh Thiền bị đui mắt; Nhạc Bất Quần cũng bi giết. Quy luật tự nhiên thật công bằng: những kẻ gian ác, nguỵ quân tử, duy bạo lực bị đền tội bởi chính những mưu đồ và hành vi độc ác của họ đã gây ra. Sự trừng phạt của cuộc sống khá nghiêm minh: gieo nhân nào hưởng quả ấy, mức độ trừng phạt tương ứng với mức độ nguy hiểm của hành vi.

Tất nhiên, để có thể tiêu diệt chủ nghĩa duy bạo lực này, phải có một thứ bạo lực chính nghĩa đi tiên phong. Đó là bạo lực của những người anh hùng chân chính, trung thực. Tác phẩm của Kim Dung cũng đi theo con đường "có hậu" của nhiều tác phẩm văn học trên thế giới đã đi: chính nghĩa thắng gian tà. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Xạ điêu anh hùng truyện, Thần điêu hiệp lữ, bạo lực phi nghĩa của người Trung Quốc yêu nước đã chiến thắng bạo lực phi nhân nghĩa của các thứ giặc xâm lược Kim Quốc và Mông Cổ. Chủ nghĩa yêu nước lấp lánh phía sau những tình huống tiểu thuyết vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính thoại sử đem lại cho ngươi đọc sự thú vị tuyệt vời.

Bạo lực phi nghĩa nào cũng có ngày tàn lụi; nếu người ta không sử dụng bạo lực chính nghĩa để tiêu diệt nó thì tự nó cũng có ngày tàn lụi. Đưa ra cái trắng, cái đen, cái thiện và cái ác, cái đúng là cái sai, cái tốt và cái xấu là Kim Dung đã khẳng định quy luật trên. Cho nên, đọc tiểu thuyết của ông, người ta có cảm giác thoả mãn khi thấy công lí thắng lợi, cái ác bị trừng phạt

nặng nề. Điều này cũng chính là khát vọng ngàn đời của loài người!
Ngay đến những âm mưu sử dụng bạo lực để khuấy đảo thiên hạ, âm mưu "Toạ sơn quan hổ đấu" cũng tàn lụi từ trong trứng nước. Trong Thiên Long bát bộ, cha con Mộ Dung Bác - Mộ Dung Phục âm mưu phục hồi đế hiệu nước Đại Yên. Để có thể làm việc đó, Mộ Dung Bác phao ngôn rằng quân Khiết Đan sắp tấn công qua Nhạn Môn Quan. Bọn quần hùng Trung Quốc nóng lòng bảo vệ đất nước, ra ải Nhạn Môn Quan đánh giết lầm gia đình Tiêu Viễn Sơn. Không khuấy đảo được cho hai nước Tông - Liêu đánh nhau, Mộ Dung Bác khích cho quốc sư Cưu Ma Trí nước Thổ Phồn nhập Trung Nguyên - Trung Quốc. Làm xong mấy việc đó, Mộ Dung Bác giả chết, vào nằm cùng trong Tàng kinh các chùa Thiếu Lâm, học lén võ công Thiếu Lâm mơ làm anh hùng thiên hạ. Mộ Dung Phục lại là một tay cơ hội chủ nghĩa ghê gớm. Tưởng cha chết thật, Mộ Dung Phục vẫn âm thầm nuôi giấc mộng Đại Yên. Gã hoá thân thành một cao thủ nước Tây Hạ có cái tên lạ hoắc là Lý Diên Tông, đầu quân vào dưới trướng Hách Liên Thiết Thụ sang đánh Trung Quốc. Việc đánh đấm không thành sự, gã phụ rẫy mối tình của biểu muội Vương Ngữ Yên, sang Tây Hạ dự lễ tuyển phu với một hy vọng hết sức bệnh hoạn: được cưới công chúa Tây Hạ làm vợ, trở thành phò mã Tây Hạ, đem binh lực Tây Hạ về đánh Trung Quốc. Việc lại không thành, gã trở về Trung Quốc, lạy tôn thế tử Đoàn Diên Khánh của nước Đại Lý để hoàng gia nước Đại Lý không còn ai, Đoàn Diên Khánh sẽ lên ngôi, gã là Thái tử. Rồi gã sẽ phế người cha nuôi để lên làm vua nước Đại Lý, đem quân về đánh Trung Quốc.
Cha con Mộ Dung Bác - Mộ Dung Phục, mỗi người một âm mưu, muốn quay cho Trung Quốc đại loạn để phục hưng nước Đại Yên. Mộ Dung Bác còn khích Kiều Phong - Nam viện đại vương nắm giữ binh quyền nước Khiết Đan - rằng lão sẵn sàng tự tử để tạ tội phao ngôn, chỉ mong Kiều Phong đưa quân Khiết Đan qua Nhạn Môn Quan đánh Tống triều! Hai cha con này ăn chén cơm Trung Quốc mà kịch liệt chống đối lại trăm họ Trung Quốc.
Kim Dung giải quyết khá công bằng: ông để cho Mộ Dung Bác tự ngộ ra rằng âm mưu phục hồi nước Đại Yên chỉ là mây trắng, rằng không thể lấy thiên hạ để phục hồi đế vị cho một dòng tộc. Mộ Dung Bác xin ở lại chùa Thiếu Lâm đi tu. Mộ Dung Phục giết hết những bằng hữu trung thành của mình, bị Lục mạch thần kiếm của Đoàn Dự đánh cho tơi tả. Gã phát bệnh tâm thần, đi chằm mũ lá đội, mua kẹo bánh bỏ sẵn trong túi để ...làm vua với các trẻ em chăn trâu. Giấc mơ bạo lực tự nó suy tàn mà không cần đến một tác động ngoại lai.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Thanh kiếm và Cây đàn

Thanh kiếm và cây đàn là hai hình ảnh mà ta thường gặp trong thế giới tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Từ Ỷ thiên Đồ long ký, Thiên Long bát bộ đến Tiếu ngạo giang hồ. Trong những giai đoạn lịch sử mà các chế độ phong kiến cầm quyền nhân danh một thứ "vương pháp" tràn đầy bất công và bạo lực áp dụng để cai trị hàng triệu triệu con người, những kẻ có tiền, có quyền, có thế lực ra sức hà hiếp, hãm hại dân đen thì thanh kiếm của người hiệp sĩ trở thành biểu tượng của công lý, một thứ công lý của nhân dân. Thanh kiếm là một vũ khí trừ gian, diệt bạo, tế khổn, phò nguy. Ngược lại cây đàn là một dụng cụ nhằm thể hiện tình cảm, cảm xúc, thể hiện những khát vọng hoà bình, trung chính trước cuộc sống… Nhìn một cách nào đó thì thanh kiếm và cây đàn khó có thể gặp gỡ nhau, khó có thể dung hoà với nhau. Nhưng trong các tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đã tạo ra sự gặp gỡ dung hoà và tương tác giữa hai hình ảnh đó một cách kỳ thú lạ lùng.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Côn Lôn Tam Thánh Hà Túc Đạo từ dãy Thiên Sơn đi về tỉnh Hồ Nam, đem theo một cây thất huyền cầm và một thanh trường kiếm. "Hỡi ơi, nước xanh và đá trắng sao rời rạc nhau đến như vậy" - lời than thở của Hà Túc Đạo giữa rừng sâu là lời than chưa tìm được một người tri kỷ hồng nhan, như nước xanh cứ mãi trôi mà đá trắng vẫn trơ vơ đứng lại bên đời. Cho đến khi gặp được cô gái Quách Tương, Hà Túc Đạo đã cảm hứng sáng tác ra được một nhạc khúc để chờ có dịp là đàn cho cô nghe. Và trong một trận chiến với 3 cao thủ Thiếu Lâm Tây Vực, Hà Túc Đạo đã ngồi tại chỗ, sử dụng một tay kiếm đánh với đối thủ, tay kia vẫn tiếp tục đánh đàn. Nghe tiếng đàn phơi phới xuân tình, tràn đầy niềm nhớ thương u ẩn, Quách Tương đỏ mặt lên, biết Hà Túc Đạo muốn tỏ tình với mình. Năm ấy cô mới 16 tuổi. Tiếc thay tuy thắng trong trận này nhưng sau đó Hà Túc Đạo đánh thua sư Giác Viễn và Trương Quân Bảo (chính là Trương Tam Phong sau này) ở chùa Thiếu Lâm nên lặng lẽ bỏ Trung Nguyên trở về Thiên Sơn, khiến khát vọng phối hợp thanh kiếm và cây đàn của chàng không thực hiện được.

Kim Dung đã để cho Cầm điên Khang Quảng Lăng, nhân vật trong Thiên Long bát bộ thực hiện khát vọng ấy. Khang Quảng Lăng có ngoại hiệu là Cầm điên, một nhân vật chơi hồ cầm rất tài hoa. Lão dùng tiếng đàn làm vũ khí, đấu nhau với kiếm kích đao thương của người khác. Nghe tiếng đàn của lão, trái tim người ta dội ngược, kinh mạch loạn lên, người không có nội

công thâm hậu khó chống chọi được điệu đàn của lão, tiếng đàn thoạt đông thoạt tây, thoạt trên thoạt dưới, thoạt gần thoạt xa. Khang Quảng Lăng thuộc phái Tiêu Dao tức là tu theo Lão - Trang. Thế nhưng lão vẫn chưa thoát tục được, giai điệu vẫn chưa đạt đến mức thượng thừa của âm nhạc hoà bình trung chính.

Có lẽ điều chưa đạt được đó đã được tác giả Kim Dung thử nghiệm lại trong Tiếu ngạo giang hồ.Trong tác phẩm này, tác giả xây dựng một nhân vật cổ quái là Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn. Mạc Đại tiên sinh cất một thanh kiếm ngắn, lưỡi mềm và mỏng như lá lúa trong đáy cây hồ cầm. Tiên sinh được ca ngợi với 8 chữ "cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm âm" (trong đàn giấu kiếm, kiếm phát tiếng đàn). Kiếm pháp "Bách biến thiên ảo, Hành Sơn vân vụ thập tam thức " của lão nhằm cứu người trong cơn hoạn nạn, tế khốn phò nguy. Nhưng tiếng hồ cầm của lão chưa thoát tục, cứ đi mãi trên con đường bi ai sầu thảm; lại thêm lời ca của bài Tiêu Tương dạ vũ (mưa đêm trên sông Tiêu Tương) nghe ra đau xót như những giọt mưa rơi xuống lá cây. Mạc Đại tiên sinh là hình ảnh của một trích tiên bị đoạ.

Một nhân vật khác của Tiếu ngạo giang hồ là Khúc Dương đã nhận ra chỗ thiếu sót đó của Mạc Đại. Khúc Dương là trưởng lão của Triêu Dương thần giáo (Ma giáo). Khúc Dương là 1 nhạc sĩ tài ba, do không phục một câu nói của Kê Khang, 1 nhạc sĩ đời Tây Tấn đã đàn khúc Quảng lăng tán trước khi bị Tư Mã Chiêu giết, rằng: "ta chết đi từ nay trên đời không còn khúc Quảng lăng tán nữa". Khúc Dương đã bỏ công ra đi đào 29 ngôi mộ của các vua chúa và đại thần thời Đông Hán và Tây Hán và đến ngôi mộ thứ 29 ở đất Thái Ung thì lão tìm ra khúc phổ Quảng lăng tán, Khúc Dương đã cải biên thành nhạc khúc dành cho đàn thất huyền cầm và gọi tên khúc đó là Tiếu ngạo giang hồ. Lão chơi thân với Lưu Chính Phong, nhạc sĩ thổi sáo của phái Hành Sơn. Lưu Chính Phong dựa vào cung đàn của Khúc Dương để viết 1 phần tiêu phổ cho ống sáo. Cầm tiêu song tấu, họ có được nhạc khúc Tiếu ngạo giang hồ hoà bình, trung chính; thể hiện được khát vọng được sống tự tại tiêu dao của một kiếp người.

Nhưng cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương đều bị lên án bởi phái Tung Sơn. Với tham vọng lên ngôi minh chủ Ngũ Nhạc kiếm phái, chưởng môn phái Tung Sơn là Tả Lãnh Thiền đã sai thủ hạ sát hại Lưu Chính Phong, định tiêu diệt phái Hành Sơn trước. Thế nhưng trên cả âm mưu của phái Tung Sơn, Nhạc Bất Quần, chưởng môn đã nuôi mộng lên ngôi Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm) bằng chính một đường kiếm tàn ác - Tịch tà kiếm pháp - mà lão ăn cắp được. Cũng với thanh kiếm, Lệnh Hồ Xung đã học được Độc Cô cửu kiếm để trị Tịch tà. Tác giả Kim Dung đã để cho Độc Cô thắng Tịch tà, lấy cái ngay thẳng để chế ngự cái tà ma, lấy cái chính nhân để trị cái nguỵ

quân tử. Và khi thanh kiếm chính nghĩa đã toàn thắng thì khúc hợp tấu cầm tiêu Tiếu ngạo giang hồ lại ung dung trỗi lên, hoà bình trung chính làm say đắm lòng người nghe.

Lưỡi kiếm là bạo lực, có cái bạo lực phản động, có cái bạo lực để chống bạo lực phản động. Tiếng đàn là tiếng lòng, là âm điệu của hoà bình nhân ái. Lưỡi kiếm ngay thẳng chống bạo lực phản động, lập lại công lý cho cuộc sống để tiếng đàn hoà bình, nhân ái được cất lên. Toàn bộ khát vọng của Kim Dung được thể hiện qua Ỷ thiên Đồ long ký, Thiên Long bát bộ giữa sự giao thoa của kiếm và đàn chưa hoàn thành. Và ông viết tiếp Tiếu ngạo giang hồ để hoàn thành ước mơ đó. Chàng kiếm sĩ Lệnh Hồ Xung với đường Độc Cô cửu kiếm cuối cùng cũng buông lưỡi kiếm xuống, cầm lấy cây đàn cùng người yêu thổi tiêu hợp tấu Tiếu ngạo giang hồ. Vì vậy mà trên cuộc sống này vẫn tồn tại câu nói "Hoà bình là hiệu quả của chân lý". Ở một chừng mực nào đó Kim Dung đã thể hiện tư tưởng có trước đây hơn 2000 năm của Socrate "Hoà bình chỉ thực sự có khi công lý được xác lập".

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Huyền thoại Thủ cung sa

Thủ cung sa (守宮沙) có lẽ là một khái niệm khá mới trong hệ thống từ Hán - Việt của ngôn ngữ Việt Nam. Tôi đã tra 6 cuốn từ điển Hán - Việt hoặc Việt – Hán mà không tìm ra được từ ghép này, có lẽ vì nó cổ quá và có lẽ đến bây giờ, người phụ nữ Trung Quốc không cần đến nó nữa. Cuộc sống văn minh với làn sóng "cách mạng tình dục", tư tưởng tự do luyến ái và một chút thực dụng của chủ nghĩa hiện sinh Tây phương đã ảnh hưởng đến phương Đông. Người phương Đông, kể cả người phương Đông Trung Quốc, vốn là con cháu Đức Khổng Phu tử, đã có một quan điểm rất thoáng về chữ trinh nơi người phụ nữ. Tôi nhấn mạnh chữ Trinh (貞) chứ không phải chữ Tiết (節). Trinh là một cái gì đó hoàn toàn nguyên vẹn, ban sơ mà đạo Khổng vốn coi là biểu tượng của sự trong trắng, đạo đức, của tất cả các hành vi giữ mình như ngọc của một cô gái mới lớn lên. Trong y học, trinh mang ý nghĩa cụ thể hơn: đó là một cái màng mỏng nằm trong nội cung người phụ nữ. Ai còn trinh thì được gọi là xử nữ. Và do vậy, màng trinh được gọi là xử nữ mạc.

Thủ cung sa là một dấu vết nhỏ có màu đỏ sậm của thần sa, được điểm lên cánh tay của một cô gái mới lớn (thường là cánh tay trái, cách vai khoảng một tấc, ngang với chỗ mà ngày nay người ta chủng ngừa đậu mùa) để chứng minh cô gái ấy còn trinh bạch. Các thầy thuốc ngày xưa khó lòng quan sát xử nữ mạc, mà dẫu muốn quan sát cũng chưa chắc được ai cho! Cho nên, người Trung Quốc cổ mới nghĩ đến một tiêu ký nhằm hình tượng hoá chữ trinh ra ngoài cấm địa của người phụ nữ - ấy là vết thủ cung sa trên cánh tay. Muốn biết cô gái nào còn là xử nữ hay không, chỉ chỉ cần vén tay áo lên xem xét thủ cung sa còn hay mất. Nếu thủ cung sa mất đi thì ô hô, ai tai; dẫu có mười miệng cũng không biện giải, cãi chày cãi cối nữa với mọi người vốn thuộc lòng câu "Nam nữ thọ thọ bất thân".

Làm sao lưu được tiêu ký của thủ cung sa? Hán thư, cách chúng ta trên 2.000 năm, ghi chú rõ: bắt một con tắc kè con, nuôi nó cho thật tử tế, cho nó ăn hết bảy cân thần sa. Đập nát con tắc kè, vắt xác của nó lấy một loại nước có màu đỏ sậm. Đem nước ấy chấm lên cơ bắp cánh tay trái của cô gái mới lớn. Dấu chấm ngoài da sẽ ăn sâu vào lớp ngoại biểu bì, để lại một vết tròn màu đỏ sậm trên làn da trắng nõn. Vết tròn màu đỏ sậm ấy chính là biểu tượng uy nghi, hùng hồn nhất của sự trinh bạch. Nếu cô gái tự mình gần gũi với người đàn ông hoặc bị cưỡng hiếp, vết thủ cung sa sẽ mất đi ngay.

Lý luận thì chặt chẽ như vậy nhưng Hán thư của học giả Ban Cố vẫn không cắt nghĩa được mối tương quan hữu cơ giữa thủ cung sa trên cánh tay và xử nữ mạc trong nội cung của người phụ nữ. Nói cách khác, lời bí chú của Hán thư không giải thích được tại sao khi xử nữ mạc bị rách thì vế thủ cung sa lại biến mất đi và giả thiết một cô gái bị mất thủ cung sa rồi thì họ có thể… làm lại cái mới không. Và bởi thủ cung sa có được từ nước cốt của con tắc kè ăn đủ 7 cân thần sa, nghĩa là chuyện mà tất cả mọi nhà ở Trung Quốc đời Hán đều làm được, và bởi thịt da ai cũng như ai nên tôi đồ chừng tất cả mọi phụ nữ Trung Quốc (thời Hán thôi nhé) từ cô gái 16 tuổi thơm như đóa ngọc lạn đến người thiếu phụ 50 tuổi có mấy mặt con, tả tơi như tàu lá chuối sau trận bão, đều có thể tự làm tiêu ký thủ cung sa được. Đến lúc đó, dẫu sư phụ của các danh y Hoa Đà, Biển Thước nhìn được vết thủ cung sa cũng khó lòng nhận ra chân giả, thực hư. Không chừng rút kinh nghiệm đó mà ngày nay, các tú bà thường cho bác sĩ "tân trang" xử nữ mạc các cô để gạt mấy tay Hongkong, Taiwan giàu sụ.

Đó là chuyện 2.000 năm trước. Hai ngàn năm sau, nhà văn Kim Dung đã đưa huyền thoại thủ cung sa của dân tộc mình vào trong các tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông, vẫn với mục đích chứng minh cho sự trinh bạch của người phụ nữ mới lớn. Các nhân vật nữ của ông nhưng Chu Chỉ Nhược (Ỷ thiên Đồ long ký), Lý Mạc Sầu (Thần điêu hiệp lữ), Mai Phương Cô (Hiệp khách hành) đều giữ được những vết đỏ thắm của thủ cung sa trên cánh tay trắng nõn nà. Nghĩa là họ không hề mất trinh, chưa từng chăn gối với đàn ông, chưa thất thân vì người khác giới như họ tự nhận hoặc do người khác vu vạ.

Lứa đôi Chu Chỉ Nhược và Trương Vô Kỵ thương yêu nhau. Diệt Tuyệt sư thái, chưởng môn phái Nga My lại buộc học trò Chu Chỉ Nhược của mình phải thề độc, không được thương yêu Trương Vô Kỵ. Chu Chỉ Nhược phải dựng lên câu chuyện Tống Thanh Thư là chồng của cô để đánh lừa mọi người, chủ yếu là đánh lừa chàng Trương. Khi Tống Thanh Thư bị đánh trọng thương, mọi người vẫn đinh ninh rằng Chu Chỉ Nhược đã là đàn bà. Đến lúc đó, Chu Chỉ Nhược mới vén cánh tay áo lên cho mọi người biết cô vẫn còn vết thủ cung sa tươi thắm. Vết thủ cung sa đó đủ sức cải chính tất cả mọi lời đồn đại, mọi điều mà cô đã tự nhận về mình.

Mai Phương Cô thương yêu Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh đã có vợ, có hai con trai. Trong một cơn ghen tuông làm mất lý trí, cô đã bắt một đứa con mới 3 tháng tuổi của Thạch Thanh đem đi, nuôi nấng hài nhi thành người, đặt tên là Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống). Đứa bé lớn lên, vẫn đinh ninh Mai Phương Cô là mẹ ruột của mình. Cho đến một ngày vợ chồng Thạch Thanh lên núi Hùng Nhĩ tìm Mai Phương Cô, có cả cậu trai Cẩu Tạp Chủng đi theo, Mai Phương Cô vẫn vì cơn ghen, không tiết lộ thân thế Cẩu Tạp

Chủng. Ai cũng yên chí Phương Cô chửa hoang, sinh ra thằng bé không cha, riêng vợ Thạch Thanh thì cho rằng chồng mình đã chăn gối với Mai Phương Cô sinh ra cậu Cẩu Tạp Chủng. Kim Dung đã xử lý tình huống tiểu thuyết hết sức bi kịch nhưng cũng hết sức cao thượng: ông để cho Mai Phương Cô tự vận, một bên áo rách hiện rõ vết thủ cung sa trên làn da trắng. Nghĩa là Mai Phương Cô vẫn còn trinh bạch. Còn Cẩu Tạp Chủng là ai, tại sao khuôn mặt chàng giống hệt Thạch Thanh, tại sao chàng gọi Mai Phương Cô là má má thì tự độc giả tìm hiểu.

Trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, huyền thoại thủ cung sa được nâng lên thành hiện thực mang dấu ấn của triết lý, dấu ấn của tư tưởng nhân văn và nhân đạo. Nếu cứ lý luận theo kiểu nhà nho thì ai còn trinh mới là đạo đức; ai mất trinh là kẻ hư thân. Nhưng Kim Dung không nhìn người phụ nữ Trung Quốc theo nhãn quan đó. Trong Thần điêu hiệp lữ, ông xây dựng nhân vật Tiểu Long Nữ, chưởng môn phái Cổ Mộ Đài. Tiểu Long Nữ mới 18 tuổi, thương yêu người học trò nhỏ hơn cô 2 tuổi là Dương Qua. Một hôm, khi cô đang thoát y để luyện Ngọc nữ tâm kinh trong bụi rậm thì bị một tên đệ tử phái Toàn Chân là Doãn Chí Bình điểm huyệt, che mặt rồi đưa vào chỗ kín đáo cưỡng hiếp. Cô gái đau khổ khi mất đi vết thủ cung sa và cảm thấy không còn xứng đáng với chàng học trò nhỏ Dương Qua nữa.

Cô đau xót bỏ Dương Qua ra đi. Nhưng trong con mắt Dương Qua, một Tiểu Long Nữ mất trinh còn hơn hàng vạn cô gái trinh bạch khác trên đời. Dương Qua ra đi tìm cô khắp bốn phương trời. Không có nàh văn nào can đảm như Kim Dung khi đưa ra một người thầy mất trinh, một mối tình thầy tro trong một bối cảnh xã hội mà Khổng giáo vẫn chiếm tư thế độc tôn như xã hội Trung Quốc thế kỷ XI. Ở đây, ông muốn chứng minh một điều: chữ trinh qua dấu vết thủ cung sa không là cái gì cả. Một tai nạn thông thường hoặc nghiêm trọng có thể làm mất đi sự trinh bạch của người phụ nữ nhưng phẩm giá và tình yêu của người phụ nữ đó vẫn còn nguyên vẹn. Chất nhân bản, nhân văn đó dễ có mấy ai đã thể hiện được trong tiểu thuyết. Một Lý Mạc Sầu trinh bạch nhưng tàn ác vẫn thua xa một Tiểu Long Nữ bị mất trinh nhưng tấm lòng quảng đại bao dung. Nếu với đàn ông, Kim Dung thường đưa câu "Đừng đem thành bại luận anh hùng" thì với phụ nữ, chúng ta cũng có thể nghĩ đến câu "Chớ đem trinh tiết khoe thục nữ".

Thủ cung sa, rốt cuộc lại, chỉ là quan điểm của Kim Dung về chữ trinh, một quan điểm mới mẻ, vượt xa công thứ sơ lược của cổ nhân. Trước Kim Dung trong hơn 200 tác phẩm tiểu thuyết Minh – Thanh, chữ trinh đã từng là vấn đề trong Tây sương ký, Liêu trai chí dị, Tam quốc chí, Hồng lâu mộng. Thế nhưng, chữ trinh đó đôi khi rất cực đoan, đôi khi lại bị xem quá nhẹ. Chữ trinh trong tác phẩm tiểu thuyết Kim Dung không nhẹ, cũng chẳng cực đoan. Nó phụ thuộc vào hoàn cảnh, thời điểm, số phận của từng nhân vật cụ thể.

Kim Dung không lấy chữ trinh làm thước đo phẩm giá người phụ nữ. Những nhân vật nữ thất trinh của ông như Tiểu Long Nữ, Kỷ Hiểu Phù… khiến người đọc thông cảm, xót xa, kính trọng. Văn chương của Kim Dung đúng là một thứ văn chương nhân bản, nhân văn.

Bọn hào sĩ giang hồ ăn Tết

Khái niệm "hào sĩ giang hồ" là một khái niệm khá đặc biệt mà người ta chỉ tìm thấy trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Hán - Việt từ điển của Đào Duy Anh định nghĩa hào sĩ là "những người có thế mạnh hơn người". Trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, từ "giang hồ" (sông hồ) mang một ý nghĩa hết sức tượng trưng để chỉ những cuộc đời lênh đênh, trôi giạt; những con người chuyên sống bằng đường đao mũi kiếm, đứng trên và đứng ngoài những quy định vương pháp của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Họ hình thành một giới: giới võ lâm.
Tính theo âm lịch, người Trung Quốc ăn 12 cái tết (tiết) trong năm: Nguyên đán (1 tháng giêng), Khai hạ (7 tháng giêng), Nguyên tiêu (15 tháng giêng), Hàn thực (3 tháng ba), Thanh minh (tháng ba), Đoan ngũ (5 tháng năm), Trung nguyên (15 tháng bảy), Trung thu (15 tháng tám), Trùng cửu (Trùng dương - 9 tháng chín), Trùng thập (10 tháng mười), Hạ nguyên (15 tháng mười), Táo quân (23 tháng chạp). Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những hán tử thô hào, bồng bột, lãng mạn - nói theo ngôn ngữ Kim Dung, cũng "ăn tết" quanh năm.
"Gió xuân đầm ấm
Ngàn liễu xang tươi
Hoa phô sắc thắm
Hương nức lòng người"
"Tiết trời vào buổi dương xuân, ánh dương quang sáng lạn khắp miền nam".
Đoạn văn ngắn trên đây của Kim Dung, mở đầu cho tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ với những nét phác rất đơn giản, giới thiệu cho chúng ta thấy khung cảnh mùa xuân ở Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, miền nam Trung Quốc. Trong khung cảnh đó, chàng trai Lâm Bình Chi của Phước Oai tiêu cục cao hứng dẫn bọn tiêu sư đi săn rồi vào quán bên đường uống rượu, gây ra cuộc ẩu đả với bọn phái Thanh Thành để rồi vướng vào những cuộc đấu tranh đẫm máu trong suốt chiều dài cuốn truyện.
Ăn tết không gì vui bằng rượu. Rượu của Trung Quốc vốn rất phong phú về nguyên liệu, về cách chưng và về tên gọi: Thiệu Hưng trạng nguyên hồng, Thiệu Hưng nữ nhi hồng, Trúc diệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo mĩ tửu, Hầu nhi tửu, Bồ Đào tửu, Cao lương tửu, Ngũ tiên tửu, Phần Dương tửu... kể cả Phục đặc gia tửu (rượu Vodka). Bọn hào sĩ giang hồ cứ thế mà uống, uống xong rồi tuốt kiếm giương đao nói chuyện phải quấy với nhau.

Lệnh Hồ Xung và Điền Bá Quang trong Tiếu ngạo giang hồ đấu với nhau trí mạng trên Tuý tiên lâu ngoại thành Hành Sơn để rồi trở thành bạn của nhau cũng qua chén rượu. Biết Lệnh Hồ Xung quý rượu hơn tính mạng, bọn hào sĩ giang hồ các bang, các đảo, các động tổ chức cuộc họp mặt ăn tết trên gò Ngũ Bá Cương để lấy lòng chàng và lấy lòng Nhậm Doanh Doanh, ý trung nhân của chàng. Ngũ Bá Cương thuộc về hạ lưu sông Hoàng Hà, giáp giới Hạ Trạch, Định Đào, phía Tây địa giới tỉnh Hà Nam, là nơi thuận tiện cho quần hùng bốn châu Tề, Lễ, Dự, Ngạc tụ hội. Bọn hào sĩ giang hồ bốn châu đã ăn cắp thuốc và bắt thầy thuốc về chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung; mang theo những bò khô, bò quay (?), đùi gà và cả chục loại rượu đủ cho 3000 người ăn để tiếp đãi chàng. Tất cả chỉ vì một mục đích: được bái yết tôn dung Lệnh Hồ Xung. Họ "ăn mặc kỳ dị, mặt mày dữ tợn", chuyên ăn những miếng thịt to, uống những bát rượu lớn, tưởng đâu chẳng biết sợ trời sợ đất là gì. Thế nhưng, nghe tiếng đàn tình tang của thánh cô Nhậm Doanh Doanh nổi lên, cả 3000 con người vứt chen bỏ tô hè nhau trốn sạch!

Gần như cuộc sống của giới võ lâm trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung chẳng thấy ai làm nghề nghiệp gì, nhưng họ lại có vàng, có bạc, quanh năm ăn uống no say. Khi Doanh Doanh ban lệnh buộc bọn hào sĩ giang hồ phải tìm cách giết Lệnh Hồ Xung thì bọn Lão Đầu Tử, Tổ Thiên Thu và Kế Vô Khả Thi vẫn tuân lệnh. Nhưng vốn đấu kiếm không lại Lệnh Hồ Xung, cả bọn 40 người nguyện dùng rượu ngon đổ cho Lệnh Hồ Xung say đến chết! Họ lý luận: "Cái đó kêu bằng dúng sức không được thì dùng trí" (?). Rồi từ 40 người, họ về kết bè phái lên tới 2000 người, bầu Lệnh Hồ Xung làm minh chủ, trống rong cờ mở tiến lên chùa Thiếu Lâm vào rằm tháng chạp để giải cứu Nhậm Doanh Doanh. Đi đến bất kì nơi đâu, bọn hào sĩ giang hồ cũng "ăn tết" thủng nồi trôi rế tới đó.

Có lẽ căn bệnh ăn nhiều uống lắm là căn bệnh phổ quát của con người. Biết làm sao được? Cuộc sống ngắn ngủi có 100 năm, lại sẵn rượu ngon nhắm tốt, không uống không ăn hoá ra cô phụ tấm lòng của cuộc đời dành cho mình lắm sao? Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung lại là những nhân vật tự nhiên chủ nghĩa, hễ có là ăn uống ì xèo như ngày tết, không cần biết thức đó do ai làm và làm cho ai.

Trong Thiên Long bát bộ, có một đoạn tao ngộ khá vui: bọn Tần gia trại ở Hà Sóc vô tình chạm mặt bọn phái Thanh Thành ở Tứ Xuyên trong Tính hương tịnh xá của Đoàn A Châu tại Giang Nam. Mục đích chung của họ là tìm Mộ Dung Phục để trả thù. Trong khi bọn đệ tử Thanh Thành ăn chay, ngồi trơ như gỗ đá thì bọn Tần gia trại lại nhậu nhẹt tưng bừng. Chúng lấy hết những rượu hoa nhài, Mai Quế lộ, Mai hoa lộ do A Châu chưng cất ra uống, lại buộc lão Cố - đầu bếp của A Châu, phải xào nấu thức nhắm cho chúng thưởng thức. Để trả thù, lão Cố vừa nấu nướng vừa xỉ mũi, khạc nhổ

đờm rãi vào thức ăn, "phục vụ" cho chúng anh hùng Tần gia trại!
Nếu hình thái ăn tết tập thể có vẻ lúi xùi, lộn xộn thì hình thái ăn tết cá nhân lại có vẻ đàng hoàng, trật tự hơn. Chúng ta có thể tìm gặp trong Thiên Long bát bộ hình ảnh của một người ngồi nhậu trên Tùng hạc lâu, thành Vô Tích, đất Giang Nam: "Một đại hán ngồi đầu mé tây, hai mắt sáng như điện, thân thể cao lớn, trạc ngoài 30 tuổi, phục sức có vẻ sơ sài mộc mạc, mặt vuông chữ điền, tướng mạo không tuấn tú nhưng oai phong lẫm liệt". Đó là Kiều Phong, bang chủ Cái bang Trung Quốc. Anh ta mời Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý đối ẩm với một mân thịt bò chín, một bát canh lớn và ba hồ rượu to, mỗi tô mười cân, mỗi cân tương đương 600 gram, vị chi khoảng 18 lít. Cả hai cưa đôi số rượu đó, tính ra mỗi người uống được 40 bát, tương đương chín lít. Chắc chắn là tác giả có thổi phồng con số này để khắc hoạ đậm nét thêm hai hình tượng anh hùng của giới võ lâm thời nhà Tống.
Ở chừng mực nào đó, việc đối ẩm của giới võ lâm thể hiện những nét văn hoá nhất định, không phi văn hoá và tự nhiên chủ nghĩa như việc loạn ẩm của quần hào. Ta có thể tìm ra được những biểu hiện văn hoá như vậy trong cuộc gặp gỡ giữa Kiều Phong và Công Dã Can, trang chủ Huyền Sương trang trên Vọng giang lâu ở thành Giang Âm, thượng lưu sông Trường Giang. Kiều Phong và Công Dã Can, mỗi người bưng một bát rượu đầy, thách đấu với nhau ba chưởng. Qua hai chưởng đầu, Công Dã Can còn giữ được bát rượu trong tay. Qua chưởng thứ ba, anh ta không chịu nổi được sức mạnh của Kiều Phong, Công Dã Can chỉ than: "Tiếc quá, thực uống bát rượu ngon". Qua cấu nói đó, Kiều Phong đánh giá Công Dã Can là một anh hùng chân chính, một hảo hán tử.
Trong năm cách uống rượu (ẩm): độc ẩm, đối ẩm, cộng ẩm, quần ẩm và loạn ẩm thì cách loạn ẩm là lộn xộn nhất, lăng nhăng nhất. Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những người ít học, lại văn vô đệ nhất, võ vô đệ nhị, ai cũng tự cảm thấy mình là bậc anh hùng, là con người siêu việt. Khi cả bọn họp mặt nhau lại, khó khăn lắm mới bâu ra được người thống lĩnh. Khổ thay, người thống lĩnh đó tài trí và võ công chưa chắc đà hơnai, lại không qua một trường huấn luyện chỉ huy nào nên đội ngũ được thống lĩnh vốn đã ô hợp lại càng thêm xộc xệch. Trường hợp của Ô Lão Đại thống lĩnh bọn quần tiên 36 động, 72 đảo gồm mấy ngàn người, tấn công lên núi Phiêu Miễu, cung Linh Thứu chống Thiến Sơn Đồng Mỗ trong Thiên Long bát bộ là như vậy. Bọn hào sĩ giang hồ này tự xưng là "tiên" nhưng thực ra chỉ là một đám ăn hại, võ nghệ tào lao mà đầu óc lại nông choèn. "Quần tiên" lên được tới cung Linh Thứu không thu được thắng lợi gì ngoài việc ăn uống thả dàn và phóng uế bừa bãi. Vụ "ăn tết" đó khiến cho cung Linh Thứu xú khí ngất trời xanh.
Gần như ai cũng công nhận rằng người Trung Quốc có kĩ thuật chế biến món ăn tinh vi, khoa học, xảo diệu và cầu kì nhất. Đọc Lộc Đỉnh ký, chúng ta biết

được có trên 100 món hạt dưa, trên 100 món bánh mứt ăn chơi và cả ngàn món thức ăn mặn. Nhân vật được quyền ăn ngon nhất trong Lộc Đỉnh ký là nhà vua Khang Hy. Tuy nhiên, đúng như định đề Kim Dung đã rút ra: "Ở trên đời, hoàng cung và kĩ viện là hai nơi trá nguỵ nhất" cho nên trong cái ăn vẫn có những điều trá nguỵ buồn cười.
Trên nguyên tắc, đồ ăn thức uống nào ngon nhất, bổ nhất thì được dâng lên vua. Bọn trù phòng (đầu bếp) và bọn thái giám thường hợp đồng mua thực phẩm từ nhà thầu bên ngoài đưa vaò hoàng cung để chế biến. Tuy nhiên, cũng như muôn đời, cuộc sống vốn tồn tại cái gọi là tham nhũng mà trong kĩ thuật tham nhũng, bọn thái giám chính là tổ sư bồ đề. Cho nên, bất kì món thực phẩm nào đưa vào hoàng cung dẫu có ươn thúi đi nữa mà kèm theo được chút tiền lót tay thì món ấy mới xứng để dâng lên nhà vua và các hậu phi; món nào dù có tươi ngon đến mấy mà thiếu tiền lót tay cũng trở thành ươn thối.
Con heo được nuôi bằng những vật trân quý như Đậu hoàng Nhân sâm, Hoa điêu, Phục linh, có tên là Đậu hoàng nhân sâm trư, Hoa điêu phục linh trư được bọn quần hùng Thiên Địa hội làm sẵn, nhét người vào trong đó để đưa đến tổng quản thái giám Vi Tiểu Bảo (người của Thiên Địa hội làm nội tuyến trong hoàng cung). Bọn chúng giả vờ quên đưa tiền lót tay để Vi Tiểu Bảo chửi toáng lên, buộc đưa heo về phòng mình khám nghiệm và cứu người ra. Những món thịt heo trân quý như vậy ít khi đến miệng vua Khang Hy. Nó dùng làm thức đưa cay cho quí vị thái giám trù phòng và thị vệ dưới quyền Vi Tiểu Bảo. Ngay cả quần hùng Thiên Địa hội cũng được "ăn theo" nhiều món khoái khẩu mà chỉ có trong hoàng cung mới nấu nướng được. Cho nên, quanh năm suốt tháng, những ai đi theo Vi Tiểu Bảo đều được ăn tết. Họ "ăn tết" từ hoàng cung ra đến quanh thành Bắc Kinh, từ Bắc Kinh đến Vân Nam, từ Vân Nam đến Dương Châu, từ Dương Châu đến biên giới Trung - Nga ở vùng Hắc Long Giang. Kiến thức về văn hoá thì Vi Tiểu Bảo khống có lấy một xu nhưng kiến thức về đánh bạc bịp, làm tiền và nhất là ăn uống thì Vi Tiểu Bảo là nhân vật siêu hạng.
Trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành nhiều trang nói về các đồ ăn thức uống, cách chế biến, cách dùng. Có lẽ chủ nghĩa dân tộc cũng hằn sâu vào những trang sách này của ông: ông không che giấu được niềm tự hào khi nói về nghệ thuật ăn uống của người Trung Quốc, và đối với những đồ ăn thức uống của dân tộc khác, ông thường chê là hủ lậu. Và cũng có lẽ do âm vang lịch sử về nỗi thống khổ của dân tộc trong những năm Bát quốc liên quân tấn công triều Thanh, cuộc xâm lược của phát xít Nhật vào vùng Đông Bắc, những tao loạn trong quá trình đấu tranh Quốc - Cộng đã khiến cho hàng triệu người Trung Quốc đói rét lầm than nên Kim Dung đã hào phóng để cho bọn hào sĩ giang hồ trong tác phẩm võ hiệp của

mình ăn tết thoải mái, không nhằm ngày tết cũng tiểu yến, đại yến như thường. Họ đi đến đâu là được ăn nhậu no say đến đấy mặc dầu thấy họ hiếm có nghề nghiệp, tiền bạc. Bọn hào sĩ giang hồ chỉ có được cái miệng rộng và cái dạ dày to. Hoặc giả đó cũng có thể là một mơ ước nhân bản của Kim Dung: mơ ước về một nền văn minh phồn thực tự nhiên. Ông mong đồng bào mình suốt đời được ăn ngon, mặc đẹp. Mà suy cho cùng, nếu được thảnh thơi ăn tết quanh năm thì loài người quả thật hạnh phúc.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Bọn hào sĩ giang hồ tiếp thị

Tiếp thị là một khái niệm hoàn toàn mới mẻ trong thời đại chúng ta. Cổ văn Trung Quốc không có hai từ tiếp thị. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là những hành động tiếp thị quảng cáo hoàn toàn không có trong các xã hội cổ đại Trung Quốc.

Bọn hào sĩ giang hồ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là những nhân vật được hư cấu từ thế kỉ thứ 10 (nhà Nam Tống) đến thế kỉ thứ 18 (triều Càn Long, nhà Thanh) ở Trung Quốc. Hoạt động chủ yếu của họ là sống trên đường đao mũi kiếm, hành hiệp cứu đời. Thế nhưng, điều đặc biệt là họ cũng biết "tiếp thị", hiểu theo cái nghĩa là biết giới thiệu mặt hàng đến người mua và mua bán khá sòng phẳng.

Mở đầu bộ Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung để cho nhị đệ tử phái Hoa Sơn là Lao Đức Nặc dẫn con gái của sư phụ là Nhạc Linh San hoá trang và mạo danh là ông cháu, tìm xuống ngoại thành Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến sang lại tiệm bán rượu để theo dõi hành tung bọn phái Thanh Thành tiến đánh Phước Oai tiêu cục. Họ treo biển mới, gọi quán rượu của mình là Đại Bảo; Lao Đức Nặc xưng là lão Tát; Nhạc Linh San xưng là Uyển Nhi. Chính Lâm Bình Chi, người của Phước Oai tiêu cục, sau khi đi săn đã ghé quán Đại Bảo uống rượu sinh sự và giết con trai của chưởng môn phái Thanh Thành Dư Thương Hải tên là Dư Nhân Ngạn. Tiệm của Lão Tát luôn luôn có loại rượu Trúc diệp thanh danh tiếng. Thực ra, mua bán là chuyện phụ, chuyện chính của hai sư huynh muội là dòm ngó bộ kiếm phổ của nhà Lâm Bình Chi có bị phái ThanhThành đoạt mất hay không.

Tiếu ngạo giang hồ cũng có một đoạn tiếp thị khá tức cười. Lão ăn xin thành Hành Dương quảng cáo với Lệnh Hồ Xung rằng lão có loại rượu tên gọi Hầu nhi tửu do "Khỉ ở trong rừng Tương Tây biết hái trái cây làm rượu". Vì khỉ hái quả rất tươi, rất ngọt nên chúng nấu rượu cực ngon. Lão ăn xin thừa lúc khỉ đi vắng, lén vào động khỉ ăn cắp ba hũ Hầu nhi tửu, lại bắt thêm một con khỉ nhỏ để về… nấu rượu. Lệnh Hồ Xung nghe lão quảng cáo, trả lão ba lạng bạc để xin một hớp Hầu nhi tửu. Nhưng hắn vận Hỗn nguyên khí công, một hớp của hắn uống cạn sạch nửa bầu Hầu nhi tửu của lão ăn xin khiến lão lăn ra kêu khóc, bắt đền.

Thỉnh thoảng, bọn hào sĩ giang hồ cũng có nghề nghiệp rõ rệt. Hà Tam Thất, cao thủ núi Nhạn Đãng tỉnh Triết Giang, chuyên nghề bán hoành thánh. Kim Dung giới thiệu: "Khắp hang cùng ngõ hẻm có hàng vạn người bán hoành

thánh nhưng bán hoành thánh mà thân ở trong võ lâm giang hồ chủ có một mình Hà Tam Thất". Lên Hành Sơn dự lễ rửa tay gác kiếm của Lưu Chính Phong với tư cách một thượng khách, Hà Tam Thất vẫn gánh gánh hoành thánh theo. Đệ tử phái Hoa Sơn ăn của lão bảy bát, phải trả cho lão bảy mươi quan tiền. Định Dật sư thái của phái Hằng Sơn nổi nóng đập bể của lão hai cái bát, hai chiếc muỗng phải đền cho lão mười bốn quan tiền. Hà Tam Thất đến nơi nào là nơi đó có tiếng gõ lốc cốc của hai thanh tre.

Tiếu ngạo giang hồ còn một nhân vật tiếp thị khá đặc biệt: Hoạt bất lưu thủ Du Tấn, chuyên bán nguồn tin. Lão này võ công cao cường, tướng tá phì my, chuyên đi nghe lén nguồn tin mật trong giang hồ rồi bán cho người khác để kiếm tiền. Lão ăn nói rất khiêm tốn: "Một sợi lông của các vị còn lớn hơn bắp đùi của tiểu đệ". Nguồn tin mà ai nấy đền quan tâm là bộ Tịch tà kiếm phổ của Lâm Bình Cho lọt vào tay ai. Du Tấn đòi tám người mua trả giá nguồn tin này tám trăm lạng bạc nhưng chỉ có một người chịu đưa cho gã một trăm lạng. Cầm tiền xong, lão giả bộ ngó ra đường, la lớn: "Chao ôi, Đông Phương giáo chủ bao giờ người mới đến". Ai nấy tranh nhau nhìn ra đường thì Du Tấn vận khinh công tột đỉnh, chạy trốn biệt. Hoá ra, lão là kẻ lừa đảo. Cho nên bọn hào sĩ giang hồ gọi lão là Du tẩm nê thu (con lươn tẩm trong dầu). Con lươn đã trơn, lại tẩm dầu còn trơn tuột hơn nữa; thật khó mà bắt được Du Tấn để lấy lại tiền. Mà có lấy được tiền thì đồng tiền ấy cũng sứt mẻ, trăm lạng chưa chắc còn được vài lạng bởi ngoại hiệu của lão là Hoạt bất lưu thủ (tiền không còn dính lại trong tay).

Cá biệt, hào sĩ giang hồ tiếp thị để tránh cho mình một nguy cơ, che giấu một bí mật. Hiệp khách hành có nhân vật Ngô Đạo Nhất võ công cao cường, sau khi ăn cắp được Huyền thiết lệnh, đã trốn về Hầu Giám tập tại phủ Khai Phong giả làm một bà già lưng gù bán bánh tiêu. Bọn Kim Đao trại nắm được tin ấy, đưa đầu lãnh Chu Mục xuống đánh Ngô Đạo Nhất. Trong lúc nguy cấp, Ngô Đạo Nhất nhét Huyền thiết lệnh vào trong chiếc bánh tiêu nóng hổi, mời kẻ đến đánh mình: "Đại gia ăn bánh ư? Một đồng một cái". Gã hán tử giang hồ hất tay, chiếc bánh văng ra rảnh nước và được một chú bé ăn xin nhặt được. Bộ Hiệp Khách hành mở đầu với một màn tiếp thị oái oăm và bất ngờ như vậy.

Hoạt động tiếp thị được bọn hào sĩ giang hồ thực hiện đôi khi còn nhằm mục đích tìm ra kẻ thù để báo thù. Đó là chuyện được Kim Dung thuật lại trong Tố tâm kiếm tức Liên thành quyết. Địch Vân muốn tìm ra Vạn Khuê, kẻ đã giết sư muội của mình. Chàng quay về Giang Lăng, thấy bọn hào sĩ giang hồ đổ xô vào các hiệu sách tìm mua Đường thu tuyển tập đến nỗi không còn một bộ Đường thi tuyển tập nào. Biết họ mua tuyển tập này đề tìm ra câu mật ngữ chỉ đường đi tìm kho báu giá trị Liên thành và Vạn Khuê giết vợ cũng chỉ vì người vợ không chịu tiết lộ cho Vạn Khuê câu mật ngữ đó. Địch

Vân nghĩ đến chuyện tiết lộ câu mật ngữ để tìm Vạn Khuê. Chàng mua vải trắng, mực tàu viết một đoạn mật ngữ: "Giang Lăng thành Nam, Tây Thiên Ninh tự, hoàng kim Phật tượng, hướng cho mô bái kiến thành chúc cáo…" (Phía Nam thành Giang Lăng, hướng Tây chùa Thiên Ninh, có pho tượng phật bằng vàng, hướng về phía đó mà thành tâm vái lạy và cúc cáo…). Rồi chàng đem tấm vải đó treo ở cổng chính chợ Giang Lăng (như ta căng biểu ngữ quảng cáo bây giờ vậy). Quả nhiên, bọn hào sĩ giang hồ hay tin, tìm đến ghi lại dòng chữ đó. Vạn Khuê cũng đến, cải trang thành một gã nông dân nhưng Địch Vân vẫn nhận ra hắn. Kiểu "tiếp thị" như vậy thật mới mẻ; rất gần với hiện tượng "báo chữ to" trong lịch sử Trung Quốc hiệnđại. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung kể chuyện đệ tử thứ ba của phái Võ Đang là Dư Đại Nham theo dõi bọn diêm tiêu (bán muối) của Hải Sa bang. Mỗi gã diêm tiêu gánh một đôi thùng đựng muối trắng xoá và qua chiếc đòn gánh bằng sắt, Dư Đại Nham mới biết được bọn này có võ công cao cường. Họ gánh muối đi từ Phúc Kiến qua Triết Giang, không hề bán cho ai. Nên nhớ vào thời Nam Tống, hạt muối rất quý với người Trung Quốc và thuế muối là một trong những loại thuế cao nhất. Ban đầu, Dư Đại Nham cho rằng đây là một tập đoàn buôn muối lậu nhưng khi họ bao vây một toà miếu cũ, hốt muối ném khắp sân và ném vào toà miếu thù Dư Đại Nham hiểu rằng loại muối của họ là muối độc. Và từ màn "tiếp thị biếu không" muối độc đó, Dư Đại Nham khám phá ra bí mật Hải Sa bang đang theo dõi để đánh lấy bảo đao Đồ long.

Nhiều nhân vật của Kim Dung đã "tiếp thị" cuộc đời mình trước đường đao mũi kiếm, coi cái chết nhẹ tợ lông hồng. Họ xả thân hành hiệp cứu đời, giúp người yếu đuối, trị kẻ gian tham, lập lại "công đạo". Cái sinh tử, tồn vong với họ chỉ là một món đồ chơi trong cuộc chơi lớn. Kiều Phong, Lệnh Hồ Xung, Hư Trúc, Hồ Phỉ, Thạch Phá Thiên, Trương Thuý Sơn, Trương Vô Kỵ, Địch Vân, Quách Tĩnh, Dương Qua… là những con người như vậy. Và họ đã nhận lại được những "món lợi" lớn lao: danh dự và phẩm giá của người anh hùng phương Đông chân chính.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Hàng giả tống Vân Nam

Nhìn trên bản đồ Trung Hoa ngày nay, Vân Nam là một tỉnh phía Tây Trung Quốc, Nam giáp Việt Nam và Lào, Tây giáp Miến Điện (Myanmar). Dưới triều vua Khang Hy nhà Thanh, nhân vật đứng đầu cai trị vùng đất Vân Nam

- Tứ Xuyên là Ngô Tam Quế, tước hiệu Bình Tây vương. Nguyên khi mới chiếm được đất nước Trung Quốc rộng lớn, người Mãn Châu gồm tám bộ tộc, mỗi bộ tộc có một màu cờ gọi là Bát kỳ, thống nhất tôn tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) làm lãnh tụ. Miền đất khởi nghiệp của họ chỉ gồm ba tỉnh Cát Lâm, Cáp Nhĩ Tân, Liêu Ninh (gọi là Đông tam tỉnh) với vài triệu người thì làm sao có thể cai trị được đất nước Trung Hoa với hàng trăm triệu người Hán tộc. Chính vì vậy mà thời Thuận Trị và sau này là thời Khang Hy, các hoàng đế Mãn Châu tích cực sử dụng những Hán gian, những tay sai đắc lực đã giúp người Mãn Châu tiến công vào Trung Quốc, bổ dụng họ thành những phiên vương (vua nước phên giậu) giúp nhà vua cai trị các vùng đất xa xôi (so với kinh đô Bắc Kinh). Thời Khang Hy có tam phiên: Bình Tây vương Ngô Tam Quế cai trị Vân Nam - Tứ Xuyên; Bình Nam vương Thượng Khả Hỷ cai trị Phúc Kiến; Tĩnh Nam vương Cảnh Tinh Trung cai trị Quảng Đông. Ngô Tam Quế là phiên vương lớn nhất, binh lực gần bằng binh lực hoàng đế. Vua Khang Hy sinh năm 1654, lên ngôi năm 1662 (8 tuổi), thực sự cai trị năm 1667 (13 tuổi). Ông vua con này thực sự là một minh quân, biết nhìn xa trông rộng. Học theo phong cách cai trị của nhà Minh, Khang Hy muốn thực hiện một chế độ quân chủ trung ương tập quyền và muốn như thế thì truyện đầu tiên là phải triệt hạ tam phiên. Trong tam phiên, Khang Hy chỉ e dè có Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Đó là những nét cơ bản trong canh bạc chính trị đầu đời Mãn Thanh trên đất Trung Quốc. Lộc Đỉnh ký của nhà văn Kim Dung được xây dựng trên bối cảnh lịch sử thực tế đó. Khi nhà vua mới 15 tuổi, có một viên thái giám giả mạo đã lọt được vào hoàng cung ở Bắc Kinh, trở thành bạn nhỏ của nhà vua. Anh ta là Vi Tiểu Bảo, 13 tuổi, con một kỹ nữ thành Dương Châu. Vua Khang Hy có một cô em gái (trong truyện xây dựng là kết quả của mối tình thầm lén giữa một thứ phi của Thuận Trị hoàng đế với một nhân vật trong đạo Thần long ở Liêu Đông) tên là Kiến Ninh công chúa. Năm 15 tuổi, Vi Tiểu Bảo biết công chúa Kiến Ninh, bị cô tra tấn, đánh đập, hành hạ rất khổ sở. Kiến Ninh chỉ thua Vi Tiểu Bảo một tuổi nhưng cô rất hung ác, bạo ngược. Để tự cứu mình, Vi Tiểu Bảo đã bẻ trật khớp tay, đánh đập, thậm chí lấy đèn đốt cháy da ngực công chúa. Kim Dung xây dựng nhân vật Kiến Ninh là một người mắc chứng khổ dâm (Masochisme-perversion dans laquelle le sujet recherche le plaisir sexuel dans la douleur: trạng thái bệnh lý mà trong đó chủ thể chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục trong sự đau đớn thân xác). Cho nên khi Vi Tiểu Bảo đốt cháy ngực Kiến Ninh, lấy roi đánh cô thì cô lại: "miệng cười chúm chím" lại còn động viên: "Xin tướng công đánh mạnh vào" miễn là đừng gây thương tích trên mặt cho cô. Và đôi thiếu niên đó đã sớm quan hệ tình dục với nhau ngay trong hoàng cung có tiếng là thâm sâu nghiêm cẩn nhất của các triều đại quân chủ Trung Quốc!

Cô công chúa 14 tuổi sống cạnh gã thái giám giả, không còn là một cô gái trong trắng nữa. Tất nhiên vua Khang Hy không biết được điều đó. Tham vọng của nhà vua là làm sao triệt hạ được tam phiên và đặc biệt đối với Ngô Tam Quế - đại phiên vương, phải được thực hiện cho được một giải pháp chính trị an toàn. Nhà vua đánh một nước cờ theo cách các vua Trung Quốc ngày xưa: dùng nữ sắc. Khang Hy tuyên bố gả ngự muội là Kiến Ninh công chúa cho Ngô Ứng Hùng, con trai của BÌnh Tây vương Ngô Tam Quế để đôi bên kết thông gia cùng chia nhau hưởng phú quý. Nước cờ đó của vua Khang Hy thật cao cường: vừa loại được cô em gái bạo ngược ra khỏi hoàng cung, xoá lấp được điều xấu xa khỏi dư luận cung cấm; vừa đánh lạc hướng Ngô Tam Quế để củng cố binh lực Thanh triều, đủ sức đối phó nếu Ngô Tam Quế làm phản. Vi Tiểu Bảo được nhà vua tin yêu, phong làm Tứ hôn sứ, có nhiệm vụ đưa Kiến Ninh công chúa vượt mấy chục ngàn dặm từ bắc Kinh đến Vân Nam để gả cho Ngô Ứng Hùng.

Theo pháp luật và đạo đức các triều đại quân chủ ở Trung Hoa, trinh tiết của người phụ nữ được coi là tiêu chuẩn hàng đầu, tiêu chuẩn quyết định đời sống lứa đôi. Một cô gái bình thường thất trinh đã là một trọng tội huống chi một cô công chúa vị thành niên là ngọc cành vàng, lại là dâu tương lai của một phiên vương đứng đầu các phiên vương? Vua Khang Hy, Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng và nhân dân Trung Hoa thời ấy đâu biết được truyện động trời ấy của Kiến Ninh công chúa. Chỉ có Vi Tiểu Bảo và Kiến Ninh công chúa biết chuyện. Vậy là món hàng giả Kiến Ninh công chúa, cô gái lá ngọc cành vàng được hoàng thượng và thái hậu rất cưng chiều, được tống tiễn về Vân Nam. Đoàn người đưa công chúa đi đều cho Vi Tiểu Bảo là thái giám thứ thiệt. Thế nhưng hắn chưa bao giờ "tĩnh thân" thì làm sao gọi là thái giám. Vi Tiểu Bảo là một thứ thái giám giả mạo. Cả hai thứ hàng giả mạo gặp nhau, cùng đi hết tháng này qua tháng nọ, biến hành cung của công chúa điện hạ thành chỗ ái ân đầm đìa ngay trước mũi của thiên hạ. Nghệ thuật hài hước của Kim Dung trong văn chương đã được phát triển đến tột độ, khó tìm thấy được trong bất kỳ một tác phẩm văn học hài hước nào từ trước đến nay! Tác giả cũng chua chát nhận xét: "Con người thiếu niên vừa biết mùi nam nữ chung chạ mà nàng công chúa kiều mỵ kia lại dùng thiên binh vạn trạng để quấn quít lấy gã thì còn dứt tình sao được". Cho nên, quân sĩ tiền hô hậu ủng đi về Vân Nam thì cứ đi, riêng Đô thống, Tứ hôn sứ suốt ngày cứ nằm lì trong phòng công chúa.

Làm sao để giải quyết hậu quả không lường khi Ngô Tam Quế phát hiện ra sự thật kinh thiên động địa là Kiến Ninh công chúa không còn gái trinh? Phản ứng của chàng phò mã Ngô Ứng Hùng sẽ như thế nào nếu biết được thái giám giả Vi Tiểu Bảo đã biến vợ mình thành hàng giả? Người Trung Quốc đã có những thứ mà Nguyễn Du từng đề cập trong Truyện Kiều:

"Nước vỏ lựu, máu mào gà" nhưng cả Vi Tiểu Bảo và Kiến Ninh đều còn trẻ con, không thể biết được hai món chết người đó. Tác giả Kim Dung giải quyết một cách khác, kinh khủng hơn.
Đưa Kiến Ninh tới Vân Nam, Vi Tiểu Bảo bàn với Bình Tây vương Ngô Tam Quế coi ngày tốt, giờ tốt để tổ chức lễ cưới cho vừa long trọng, vừa rạng danh Bình Tây vương lại vừa đẹp lòng Khang Hy, vừa vinh dự cho Ngô Ứng Hùng lại vừa xứng đáng với địa vị cao cả của Kiến Ninh. Vi Tiểu Bảo cứ kéo dài thời giờ ra để còn tiếp tục đêm đêm còn vào phòng Kiến Ninh nữa chứ. Bản thân Kiến Ninh thì chỉ muốn sống với Vi Tiểu Bảo và ra lệnh cho Vi Tiểu Bảo tìm mọi cách để hạ sát gã tiểu tử Ngô Ứng Hùng. Nếu Ngô Ứng Hùng mà cưới cô, cô sẽ khai ra với nhà vua huỵch toẹt mọi chuyện! Mâu thuẫn được đẩy lên đến đỉnh điểm, có nguy cơ làm bùng nổ sớm cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế. Thế nhưng... Vi Tiểu Bảo đến thăm Ngô Tam Quế, được họ Ngô tặng cho hai khẩu súng lục của người Nga (Kim Dung gọi là La Sát Hoả khí; người Hán thời ấy gọi là Tây dương hoả khí). Vi Tiểu Bảo đưa tặng Kiến Ninh một cây, dạy cô cách dùng súng. Trong một đêm Ngô Ứng Hùng tuần phòng chữa cháy, Kiến Ninh đã cho gọi Ứng Hùng vào phòng riêng, dùng súng uy hiếp hắn phải đứng yên rồi bắn vào bộ phận sinh dục của hắn. Cô tự xé áo mình để vu cáo cho Ngô Ứng Hùng đã muốn cưỡng bức tình dục đối với cô. Sự kiện động trời đó xảy ra khiến Ngô Tam Quế sợ vỡ mật, vừa đau đớn vì con, vừa sợ mang tiếng với dư luận hai tỉnh Vân Nam - Tứ Xuyên. Lão phải đem bạc đút lót cho bọn thân binh từ Bắc Kinh đưa công chúa tới để mọi người khỏi tâu lên Khang Hy hành vi càn rỡ, đại nghịch khi quân của Ngô Ứng Hùng. Và lão tổ chức gấp đám cưới; pháo nổ khét lẹt cả thành Côn Minh để dàn cảnh cho cuộc "trăm năm hạnh phúc" của lứa đôi Kiến Ninh - Ứng Hùng. Hơn ai hết; Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng, Kiến Ninh, Vi Tiểu Bảo đều biết đám cưới kia là hàng giả.
Luật của Trung Quốc buộc cưới xong, đôi vợ chồng mới phải hoàn hôn. Ngô Ứng Hùng và Kiến Ninh phải quay về Bắc Kinh để lạy tạ vua Khang Hy và thái hậu. Đây là một nước cờ khác của Khang Hy nhưng nhà vua không bàn cho Vi Tiểu Bảo biết; ông muốn bắt giữ Ngô Ứng Hùng làm con tin để đủ thời giờ nhờ các tu sĩ dòng Tên phương Tây chế tạo súng đại bác, đối phó với cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế. Ngô Ứng Hùng về Bắc Kinh được phong phò mã, được cấp phủ đệ xinh đẹp. Hắn có tất cả, trừ một thứ: được chung chăn gối với Kiến Ninh. Khổ thay, chuyện ấy đã có bá tước Vi Tiểu Bảo làm thay.
Viết bộ Lộc Đỉnh ký, Kim Dung muốn viết về những món hàng giả của Trung Quốc: những con người giả mạo. Vi Tiểu Bảo là thái giám giả, công chúa Kiến Ninh là cô gái lá ngọc cành vàng giả, Ngô Ứng Hùng là phò mã

giả mà Ngô Tam Quế cũng là bậc "trung thần" giả. Bản thân hoàng đế Khang Hy cũng là một vị vua nhân từ giả mạo. Mạt cưa, mướp đắng gặp nhau: Lộc Đỉnh ký quả là một siêu phẩm về sự giả mạo. Nhưng nó có một chất rất thật, rất đời mà không một tác phẩm nào có được, kể cả những tác phẩm khác của Kim Dung: mặt sau của tấm huy chương đạo đức Trung Hoa trong thế kỷ 17.
Lịch sử Thanh triều ghi rõ: năm 1677, Ngô Tam Quế nổi loạn ở khu vực Động Đình hồ, chiếm Tứ Xuyên và Vân Nam, xưng là Ngô quốc công. Tay đại Hán gian này dựng cờ, truyền hịch "Hưng Minh thảo Lỗ" (khôi phục lại nhà Minh và bài trừ rợ Mãn Châu). Nhưng chính sách cai trị nhân từ, sáng suốt của Khang Hy đã thu phục được lòng dân Trung Quốc; không có ai ủng hộ Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế lên làm vua ba tháng thì mất; Khang Hy chặt đầu Ứng Hùng, bình định được miền Tứ Xuyên - Vân Nam.Triều Khang Hy được coi là triều đại cực thịnh của nhà Thanh trên đất Trung Quốc.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Bức giác thư giã từ thế kỷ

Cuộc tình anh với em
Chỉ còn giây phút thôi
Thì tình xin sáng tươi
Tựa ngàn tia nắng rọi
(Lời một bài hát)
Lần đầu tiên, lần thứ hai, lần thứ ba… tôi cứ ngỡ đọc tác phẩm của Kim Dung là đi tìm một thế giới khác ngoài thế giới thực tại – một "thiên ngoại hữu thiên", - để trốn vào trong đó. Tôi cứ cho rằng thế giới của tiểu thuyết võ hiệp là một thế giới viễn mộng và nó trở thành tháp ngà cho chính mình, giúp mình lãng quên thực tại. Trong tâm phân học, Sigmund Freud đã nói cảm xúc (émotion) như một trò ảo thuật nhằm hư vô hoá hoàn cảnh, giúp cá nhân từ chối hoàn cảnh. Thí dụ như trước một con cọp dữ, tôi không làm gì được nó, vậy tôi ngất xỉu để quên nó đi, để coi nó như không có trên đời. Tôi cũng đã một thời coi chuyện đọc tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là một màn ảo thuật giúp tôi hư vô hoá hoàn cảnh, giúp tôi lãng quên đời.
Thế nhưng, đến tuổi tri thiên mệnh, tôi mới nhận ra được rằng ý nghĩ đó là sai lầm. Phải, Kim Dung sáng tạo ra một thế giới mới - thế giới võ hiệp – nhưng phiêu lưu vào thế giới đó, tôi hoàn toàn không hề lãng quên đời mà ngược lại, tôi càng thấy cuộc đời hiện thực gần gũi hơn, thân thiết hơn. Đọc những tác phẩm tiểu thuyết hiện thực ngày nay, tôi bỗng cảm thấy cuộc đời xa cách quá. Ngược lại đọc tiểu thuyết của Kim Dung, tôi thấy võ lâm sao mà quen thuộc quá, quen thuộc như chính tôi đang sống, đang góp mặt trong đó. Hoá ra, có hai thứ hiện thực; một hiện thực được hư cấu bay bổng tuyệt vời rất gần gũi với từng số phận con người; một hiện thực bị bóp méo qua cái nhìn hạn hẹp và sự gia công chưa tới của nhà văn khiến nó trở thành ốc đảo, lẻ loi, hoàn toàn xa lạ với đám đông, trong đó có tôi.
Võ lâm là gì? Đó là một xõ hội có những von người công chính, ngau thẳng, khao khát lập lại sự công bằng, trừ khử cái ác, kêu gọi lòng thương yêu quý trọng phẩm giá con người, làm sáng lên phẩm giá con người. Đó cũng là một xã hội mà cái ác, cái xấu còn đang ngự trị; những nguỵ quân tử đang đóng vai những người quân tử để lừa bịp thiên hạ mưu cầu hạnh phúc và quyền lực cho bản thân. Đó là một xã hội mà sự đấu tranh giữa cái thiện và cái ác khá rõ, nhưng đôi khi do định kiến sai lầm, người ta lẫn lộn cái thiện là cái ác, cái ác là cái thiện,làm nảy sinh sự mâu thuẫn trong chính nhận thức của

từng người qua từng thời điểm khác nhau. Tất nhiên cái thiện sẽ thắng cái ác, cuộc sống sẽ vươn tới cái tốt đẹp nhưng để có được tương lai đó, người ta phải trải qua thiên ma bách chiết, trong đó có sự tự chiến thắng chính cái xấu của mình. Võ lâm là gì? Đó là một xã hội sống để yêu thương nhau, để bày tỏ tấm lòng với nhau, để cho nhau, riêng cho nhau một đời một kiếp. Đó là một xã hội mà càng thâm nhập ta càng cảm thấy gần gũi hơn.

Có một lần, tôi đứng trước hiên nhà và quan sát đoá phù dung. Buổi bình minh hoa trắng mịn màng như làn da của một em bé đẹp. Buổi trưa hoa chuyển màu hồng. Buổi chiều hoa có màu tím bầm rồi sau đó hoa tàn đi. Ai cũng bảo đời hoa phù dung ngắn ngủi, bất hạnh. Nhưng hãy nói ngược lại, bản thân đời sống ngắn ngủi bất hạnh đó vẫn đem lại cho cuộc sống một vẻ đẹp độc đáo mà ngàn hoa khác không thể mang lại được. Đặng Thế Phong chỉ sống có ngoài ba mươi tuổi, để lại cho đời ít nhất hai ca khúc bất hủ. Có người sống năm sáu chục năm tuổi, viết hàng trăm ca khúc mà vẫn nhàn nhạt lửng lơ. Có người sống đến bách niên mà chẳng để gì lại cho đời ngoài hai từ trường thọ. Ta chọn ai, người làm đẹp cho cuộc đời mà yểu mệnh hay người chẳng làm cho đời đẹp mà sống lâu? Ta chọn hai ca khúc bất hủ hay một trăm ca khúc nhàn nhạt?

Chưa bao giờ tôi nghĩ người cầm bút viết văn là người giáo dục cho đời. Hễ khi người ta dùng văn chương lên gân dạy đời thì người ta chẳng dạy được ai cả (và cũng chẳng ai muốn đọc cả). Văn chương chỉ đơn giản là một thứ trò chơi, trò vui. Ông Hàn Dũ nói "Văn dùng để chở đạo" (Văn dĩ tải đạo) là một cách nhắc nhở cho người cầm bút phải viết văn đứng đắn, có ích cho đời chứ không phải dạy đời. Văn chương đơn giản chỉ là thứ bông hoa chưng cho đẹp. Trong quan niệm đó, tôi chỉ viết văn để cho đời giải trí, kể cả toàn bộ tập Kim Dung giữa đời tôi cũng chỉ để cho bạn đọc giải trí. Thảng hoặc, trong hàng ngàn trang sách kia, bạn bắt gặp được đôi ba cụm từ đắc ý hoặc may mắn tìm thấy vài kiến thức nho nhỏ thì tôi cũng đã lấy làm hạnh phúc lắm rồi. Tôi chỏ mong đem lại những giây phút giải trí cho bạn đọc. Một ngày đầy những lo âu, căng thẳng, buồn bã; cầm quyển sách lên đọc trăm trang, liên tưởng đến một thế giới khác, sống với một tâm trạng khác, như vậy quyển sách đã có ích cho đời.

Tôi vẫn sợ mình sông thừa sống uổng. Ngay trong những giây phút đau đớn nhất của đời mình, tôi vẫn muốn làm thêm một cái gì cho đời, cho người. Cái lưng đau kinh khủng, phải trích Dectancyl vào tuỷ sống; các bác sĩ dặn bớt ngồi, phải nằm nghỉ nhiều. Nhưng tôi nằm nghỉ sao được. Tôi đóng chặt cửa phòng bệnh, viết một ngày mười hai tiếng đồng hồ. Viết cái gì? Viết Kim Dung giữa đời tôi.

Điều đáng sợ nhất đối với con người là sự cô đơn. Một số nhân vật của Kim Dung tàn tạ, chìm khuất trong nỗi cô đơn. Đó là Hà Túc Đạo, Tiểu Long Nữ,

Dương Qua, Lâm Triều Anh, Vương Trùng Dương, Kiều Phong, Đinh Điển… Vốn xưa họ có một tình yêu, một người yêu nhưng rồi cuộc sống chia xa đôi lứa. Và rồi, họ mất đi một nửa của chính mình, cô đơn suốt quãng đời còn lại. Thật hạnh phúc cho những lứa đôi được sống bên nhau: Hư Trúc và Ngân Xuyên, Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh, Địch Vân và Thủy Sinh, Hồ Phỉ và Miêu Nhược Lan… Thật hạnh phúc cho những lứa đôi được chết bên nhau: Thuý Sơn và Hân Tố Tố. Tình yêu cứu vãn thế giới chứ không phải là một thứ gì khác.

Có bao giờ người nhìn thấy chân mây trắng vương vấn trên đỉnh núi kia? Nó có đấy nhưng cũng không có đấy. Nó vương trên đỉnh núi rồi sẽ bay đi, sẽ tan đi nếu có một tác động ngoại lai của gió của nắng. Người có bao giờ soi bóng trên nguồn suối giữa rừng đại ngàn? Nó có đấy, cái bóng dáng tươi đẹp kia mà cũng chẳng có đấy. Cuộc sống của con người cũng vậy, có đấy mà cũng chẳng có đấy. Nó ngắn ngủi vô cùng, hữu hạn vô cùng. Tại sao không nhìn nhau bằng một ánh mắt dịu dàng, không nói với nhau một lời đằm thắm. Ngày mai, khi giã từ cuộc sống nào ai có mang được gì theo đâu.

Triệu Mẫn thương yêu Trương Vô Kỵ. Cô đã đột ngột cầm tay Trương Vô Kỵ cắn một cái, hy vọng dấu răng sẽ gây thành vết thương, vết thương sẽ mãi mãi còn trên da thịt để một ngày mai, lỡ có xa nhau, Vô Kỵ nhìn thấy dấu vết trên tay mình là vẫn nhớ đến Triệu Mẫn. Sự tỏ tình của cô gái Mông Cổ quả thật độc đáo, đầy sáng tạo, rất phàm tục nhưng cũng rất thi vị. Từ đó suy ra, ai gây cho ta một chân thương tâm hồn hay thể xác, ta sẽ nhớ mãi người ấy suốt đời. Vâng suốt đời, hỡi cỏ thơm của đời tôi.

Bồng Sơn là một thị trấn nhỏ của tỉnh Bình Định, nằm trên Quốc lộ 1A. Từ đây, nhìn về phía Tây là núi An Lão, chìm trong mây mù, sương phủ. Tôi qua Bồng Sơn một chiều mùa đông lặnh căm căm, trong căn phòng trọ uống ly rượu chát đỏ và nghĩ đến đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ. Và tôi làm thơ:

Gần cuối năm 49

Rằng: Nguyên tiêu, trăng đã sáng trên đồi
Chờ với nhé, người ơi chờ ta nhé
Như thuở ấy đôi lòng còn rất trẻ
Nhìn hoàng hôn mà cứ ngỡ bình minh
Khi heo may phong kín cuộc hanh trình
Ta ghé lại bên đời phơi chiếc áo
Và chợt thấy một ngàn hoa thạch thảo
Mở một lần để tàn lụi một ngày
Biển ở bên kia, sóng vỗ bên này
Bởi trái đất vẫn xoay cơn mộng mị
Ta gọi lại cuối nóc lòng thế kỉ

Mà trọn đời không thấy một âm vang
Con ngựa già lên đỉnh dốc lầm than
Gặm cọng cỏ thơm mùa xuân bát ngát
Để đủ sức mà cất cao tiếng hát
Rằng: chờ ta về hỡi Nguyên tiêu
Trời xa xanh lồng lộng bóng mây chiều
Ai bay được như ánh hồng Trang Tử
Sau bài thơ là những chuỗi ngày tháng u buồn. Trong nỗi cô đơn tuyệt vời, tôi tìm đến với tác phẩm Kim Dung nhiều hơn, chia sẻ với các nhân vật, các số phận trong tác phẩm của ông sâu sắc hơn.
Rồi sẽ có một ngày, tôi như cánh chim bay khỏi bầu trời này. Thế kỉ đang ở trong chiều tàn, trong hoàng hôn, trong chạng vạng tối. Người ta cho rằng nói đến cái chết là bi quan, tiêu cực. Không phải vậy đâu. Tôi nghĩ rằng ai dám nhìn vào số phận con người, số phận của chính mình, làm hết trách nhiệm của một con người với cuộc sống rồi thu xếp hành trang, chờ đến lúc cánh cửa hư vô mở ra, lên đường trở về với hư vô là người can đảm. Trương Thuý Sơn, Hân Tố Tố, Huyền Nhạn, Huyền Khổ, Kiều Phong, A Tử đã lên đường. họ ung dung ra đi như đã tình cờ đến với cuộc đời này, mến trải đủ bao nhiêu buồn vui sướng khổ. Sinh, Lão, Bệnh, Tử là một vòng tuần hoàn đương nhiên mà loài người phải kinh qua, nào có chi để đáng ta phê phán tích cực hay tiêu cực, bi quan hay lạc quan.
Thế kỉ này đang tung nắng ban chiều
Cho lòng người bâng khuâng nhớ nhau
Trước cửa trăm năm rất mơ hồ
Còn một ngày vui bao nỗi vui.
Có một chiều, tôi trở về căn nhà lạnh giá, bên ngoài mưa rơi. Loài người đâu rồi? Sao tôi ở lại một mình giữa gối chăn lạc lõng? Tôi đi tìm sự cứu rỗi, sao chỉ gặp nỗi cô đơn?
Cuộc tình anh với em
Chỉ còn giây phút thôi
Thì tình xin sáng tươi
Tựa ngàn tia nắng rọi.
Tôi không không có ngàn tia nắng. Tôi chỉ mong có một tia nắng rọi. Cuối thế kỉ rồi, đêm tối đang đến để ngày mai có một bình minh khác lên. Tôi mơ một tiếng hát, một cung đàn hoà bình trung chính như khúc Tiếu ngạo giang hồ vang lên trong cuộc sống.
Ngày mai, thế kỉ 21 sẽ tới, thiên niên kỉ thứ ba của loài người sẽ tới. Tôi đứng ở chiều vàng cuối thế kỉ, nhìn lên đỉnh thiên thu và tự hỏi tôi là ai, từ đâu tới, ngày mai sẽ về nơi đâu.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Hành trình qua thống khổ

Mỗi người đều có một đời sống riêng, đi trên một con đường. Nếu đời sống là một cuộc hành trình thì mỗi cuộc hành trình đều có bản sắc của nó, không ai giống ai, không kinh nghiệm nào trùng lắp kinh nghiệm nào. Khi xây dựng những nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết của mình, Kim Dung đã khắc hoạ cuộc hành trình riêng của từng nhân vật. Hồ Phỉ (Tuyết Sơn phi hồ), Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ), Dương Qua (Thần điêu hiệp lữ) Trương Vô Kỵ (Ỷ thiên Đồ long ký), Kiều Phong (Thiên Long bát bộ), Thạch Phá Thiên (Hiệp khách hành)… không nhân vật nào giống nhân vật nào. Thế nhưng, qua những kiếp người đặc thù ấy, người đọc lại nhận ra một mẫu số chung: mỗi nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết Kim Dung đều có chỗ giống nhau bởi họ đã hành trình qua thống khổ, đã từng đi qua những con đường đau khổ.

Hồ Phỉ mới được sinh ra 3 ngày thì cha mẹ chết hết, may mắn nhờ một gã tiểu nhị trong quán cơm bồng chạy trốn kẻ muốn giết hại. Chàng trai côi cút lớn lên, học được đường Hồ gia đao pháp của cha truyền lại, cưỡi con ngựa đi từ Sơn Đông vào Trung Nguyên tìm kẻ thù giết cha. Oái oăm làm sao, khi tìm ra kẻ cần tìm thì Hồ Phỉ mới hiểu được người ấy không phải là kẻ đã giết cha mình. Lưỡi đao đưa lên, lấp lánh dưới bóng trăng lạnh nhưng Hồ Phỉ không nỡ xuống tay. Tư tưởng của Hồ Phỉ có sự đấu tranh mãnh liệt; lưỡi đao cứ lơ lửng như vậy. Vì vậy, tác phẩm còn có một cái tên rất ấn tượng: Lãnh nguyệt bảo đao.

Lệnh Hồ Xung lại là một trường hợp khác. Hắn là một cô nhi, được đưa về Hoa Sơn, trở thành đại đệ tử của Nhạc Bất Quần. Hắn tôn Nhạc Bất Quần như cha, Ninh Trung Tắc như mẹ và coi Nhạc Linh San như cô em gái thân yêu. Lớn lên, hắn yêu Nhạc Linh San và càng thêm kính trọng sư phụ, sư mẫu. Thế nhưng, Nhạc Linh San đã phụ tình hắn, chạy theo gã tốt mã nhà giàu Lâm Bình Chi; sư phụ hắn lại vu cáo hắn ăn cáp Tịch tà kiếm phổ của họ Lâm, đuổi hắn ra khỏi sư môn, lại rao khắp võ lâm nhờ mọi người tru diệt hắn. Trời đất bao la mà hắn không tìm ra một chỗ để nương thân. Nỗi đau thương trong suốt cuộc hành trình làm người của hắn đạt đến độ cùng cực của kiếp người. Nếu không có tình yêu vĩ đại của thánh cô Nhậm Doanh Doanh, chắc hắn đã chết đi tầm thường và bình thường như cây như cỏ. Cuối cùng, hắn rủ bỏ tất cả để được cùng Doanh Doanh song tấu khúc Tiếu ngạo giang hồ, sống ung dung tự tại để được làm con người tự do.

Trương Vô Kỵ lại đi qua một con đường thống khổ khác. Mới 10 tuổi, hắn đã phải chứng kiến một cảnh cực kỳ đau đớn: cả cha mẹ đều tự tử trên núi Võ Đang. Bản thân hắn bị trúng một chưởng âm hàn, tưởng đã chết nếu không được thần y Hồ Thanh Ngưu chữa trị. Rồi hắn làm một cuộc phiêu lưu vạn dặm lên tận Quang Minh Đính trên dãy Thiên Sơn, trở thành giáo chủ Minh giáo Trung Quốc. Lòng hắn trong sáng như gương; hành vi hắn anh hùng hơn bất cứ một anh hùng nào nhưng hắn vẫn bị đời nguyền rủa là dâm tặc, ác nhân, tà ma ngoại đạo. Hắn dành cả đời mình cho sự nghiệp chống quân Mông Cổ xâm lăng, giành lại đất nước cho Hán tộc. Nhưng rồi hắn đau đớn khám phá ra sự bất trung, bất nghĩa của Chu Nguyên Chương, một thuộc hạ cùng hắn mưu đồ sự nghiệp lớn. Hắn lặng lẽrời hàng ngũ khởi nghĩa, dắt tay Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, cô quận chúa Mông Cổ xinh đẹp, ra đi. Cuối cùng, hắn làm một công việc thú vị và rất đàn ông: kẻ lông mày cho người tình Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ.

Nhưng bi kịch nhất trong những số phận bi kịch phải nói đến Kiều Phong (Thiên Long bát bộ). Kiều Phong tên thật là Tiêu Phong, người Khất Đan; cha mẹ bị người Hán giết hại ngoài Nhạn Môn Quan. Ấy vậy mà Kiều Phong được người Hán đưa về nuôi dưỡng, Hán hoá, đổi lại họ Kiều, đưa lên làm Bang chủ Cái bang Trung Quốc, nhận sứ mệnh chiến đấu chống lại người Khất Đan. Niềm đau đờn của Kiều Phong là khi ông bị thuộc hạ tố cáo là quân Khất Đan mọi rợ và nhận ra mình chính là người Khất Đan. Hoá ra, ông đã từng đánh giết và chủ trường đánh giết những người cùng dân tộc với mình. Niềm mđau thứ hai là ông đã xuống tay giết lầm người tình Đoàn A Châu, người đã nguyện cùng công về bên kia Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ.

Cơ duyên lạ lùng đã đưa ông về Khất Đan (Liêu quốc), được phong làm Nam viện đại vương, thống lĩnh binh quyền nước Liêu, đóng tại Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay). Vua Liêu ra lệnh cho ông đánh Trung Quốc; nghĩ đến trăm họ lầm than, triệu dân đau khổ, Tiêu Phong (tức Kiều Phong) đã chống lệnh hành quân. Vua Liêu xem ông là kẻ phản nghịch. Ở Trung Quốc, ông là tên chó Liêu mọi rợ. Về nước Liêu, ông là kẻ phản vua, phạm thượng. Hành trình thống khổ của Tiêu Phong đã đạt đến đỉnh điểm, cần đến sự giải thoát phi tự nhiên. Ông phải sử dụng đến cái tự do cuối cùng của kiếp người để tự xử lấy mình trước Nhạn Môn Quan.

Kim Dung đã để cho những nhân vật trung tâm của mình kinh qua những đau đớn về thể chất và tinh thần của kiếp người. Gần như ông muốn chứng minh một định đề cơ bản của Phật giáo: đời là bể khổ. Có những nhân vật kết thúc hành trình thống khổ bằng cách tự xử lấy cuộc đời mình như Kiều Phong, Trương Thúy Sơn. Kim Dung viết đến những đoạn mà các nhân vật của ông tự chọn lấy cái chết khiến người đọc đau đớn, bùi ngùi, khóc ngay

trên trang tiểu thuyết.
Tôi cho rằng một thứ văn chương như vậy là sòng phẳng và công bằng. Tiểu thuyết của Kim Dung nói đến cuộc sống, tình yêu, sự thống khổ và cái chết đều đáng để người ta quan tâm đọc và suy ngẫm. Kim Dung đã vượt qua chủ nghĩa công thức sơ lược khi xử lý kết thúc tác phẩm mà hàng trăm nhà văn Minh – Thanh đã thực hiện. Tôi nhận ra ở tiểu thuyết Kim Dung tính chất nhân bản, nhân văn rất gần gũi với cuộc sống của mỗi kiếp người.
Một điều cần nhớ là Kim Dung xuất thân từ một gia đình quan lại ở Hải Ninh, Triết Giang. Tổ phụ ông từng làm quan triều Thanh; họ Tra của ông có nhiều nhân vật được ghi tên trong lịch sử Trung Quốc. Thế nhưng, văn chương của ông dành rất nhiều tình thương cho người nghèo, người cùng khổ; các nhân vật trung tâm thường là trẻ mồ côi, bơ vơ lưu lạc, có kẻ đi ăn xin. Cái đó là gì nếu không phải là tình thương yêu, quý trọng phẩm giá con người? Tôi nói văn chương Kim Dung là thứ văn chương đáng để chúng ta đọc và suy ngẫm là vậy.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Đêm phương Nam đọc lại Ỷ thiên Đồ long ký

Tôi đang ở trong phòng 301, nhà khách Đoàn T.30 của Quân khu 9. Tháng 11, đêm Cần Thơ mưa nặng hạt. Qua cửa kính, tôi có thể nhìn thấy màn mưa trắng xóa trên rạch Cái Khế, những ánh điện vàng vọt hắt xuống từ những khung cửa của các ngôi nhà ven bờ rạch bên kia. Mưa rơi thường gọi nhớ cho lòng người. Đây là một đêm phương Nam như bao đêm phương Nam khác, nhưng trời mưa khiến lòng thao thức, không ngủ được. Không ngủ được vốn là thuộc tính của tôi. Lòng tôi như một sợi dây đàn, chỉ cần một cơn gió nhẹ thổi qua là có thể rung lên thành tiếng; huống chi cuộc sống đầy những ba động, sướng khổ, vui buồn.

Bức thư kêu oan của một bà mẹ trong một xã vùng sâu huyện Châu Thành A, kể chuyện cô con gái 16 tuổi của mình bị hiếp dâm mà vụ án vẫn không bị khởi tố, bị can vẫn không bị truy cứu trách nhiệm hình sự làm lòng tôi đau nhói. Cô gái đã kể lại cho tôi nghe những giây phút kinh hoàng, đau đớn nhất đời cô. Kẻ gây án là một người có chức quyền, thuộc một tập thể sắp được lãnh huân chương. Trorng trường hợp này, danh dự của tập thể quan trọng hơn phẩm giá một người phụ nữ. Người ta đã mời cô đến, đưa một triệu đồng hỗ trợ, đưa cho mẹ cô ba triệu đồng gọi là giúp vốn về quê làm ăn. Khi cô đi khỏi miền đất tai họa của đời mình, có kẻ tự xưng là "nhà báo" viết một bài khá dài, ca ngợi kẻ hiếp dâm cô là một cán bộ năng nổ đầy tinh thần trách nhiệm; lên án cô là một thứ gái chuyên trộm cắp, đã được cho tiên2 mà còn lật lọng tố cáo vu vơ. Lẽ phải đã bị xâm phạm thô bạo, sự thật đã bị bẻ cong. Tôi có đủ cơ sở để chứng minh cô gái bị hiếp dâm và chứng minh kẻ có chức quyền kia đã phạm tội hiếp dâm. Nhưng tôi viết lên thì ai sẽ nghe tôi và liệu tiếng nói của tôi có đủ sức lay động tấm lòng của những người là công tác tố tụng để bắt giữ, điều tra, truy tố và xét xử kẻ phạm tội ấy?

Tôi cảm thấy nhục nhã vì chưa làm hết chức năng của một nhà báo đối với bạn đọc, với một bà mẹ nghèo và một cô gái bất hạnh đã tin tưởng gởi đơn kêu cứu đến cho tôi. Tôi cảm thấy nhục nhã bởi giữa cuộc sống mình bạch mà còn có "nhà báo" vô lương tâm, tự nguyện làm một thứ bồi bút cho đồng tiền để quay lại phóng uế vào sự thật. Tôi cảm thấy nhục nhã khi nhiều bạn đồng nghiệp ngay thẳng của tôi và cả tôi cùng đánh đồng với một thứ "nhà báo" như vậy. Thôi thì tôi trở lại với tư thế của nhà văn, đọc một cái gì đó mà mình yêu thích và viết một cái gì đó mà mình cần viết.

Có lẽ trong suốt bộ tiểu thuyết Ỷ thiên Đồ long ký, không có âm thanh nào ám ảnh tôi như tiếng gầm rú của Tạn Tốn. Kim Dung gọi đó là thần công Sư tử hống - tiếng gầm của sư tử. Tiếng gầm ấy là một vũ khí lợi hại; nó vang rền, kéo dài đập vào mang nhĩ của người nghe. Kẻ nào công lực yếu sẽ bị tiếng gầm làm cho hôn mê và chết luôn; kẻ có công lực khá hơn thì không chết nhưng mất hết trí nhớ, trở thành cuồng loạn. Trong toàn bộ tác phẩm, Tạ Tốn chỉ gầm lên một lần trên đảo Vương Bàn Sơn. Tiếng gầm của lão đã giết chết quần hùng; chỉ còn hai người sống sót nhưng cuồng loạn là Tưởng Đào và Cao Tắc Thành phái Côn Lôn; hai người sống sót trọn vẹn nhưng bị lão bắt đi làm "tù binh" là Trương Thuý Sơn phái Võ Đang và Hân Tố Tố của Bạch mi giáo. Tại sao Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố sống? Ấy là vì tác giả không muốn một thư sinh tài hoa, có nghệ thuật thư pháp tuyệt vời và một cô gái trong trắng, tươi đẹp, thông minh phải chết. Cái tài hoa, cái đẹp của họ là vốn quý của cuộc sống. Nhưng vốn quý ấy đồng thời cũng là mầm của tai họa, của đau đớn, của lầm than. Kim Dung gọi họ là một đôi người ngọc (ngọc nhân). Đôi người ngọc ấy phải sống, phải lưu lạc lên Băng Hỏa đảo, phải kết đôi với nhau, rồi phải trở lại Trung Nguyên để gánh chịu sự đau đớn của cái nhìn phân biệt chính tà, phải chết đi trên núi Võ Đang để giữ bí mật cho bảo đao Đồ long. Nghĩa là họ phải trả giá cho chính tài hoa và nhan sắc mà trời ban cho họ.

Tiếng rú của Tạ Tốn bao hàn đủ cả đau thương, uất hận. Một con người văn nhã, có kiến thức văn học uyên bác, có tài biện luận trôi chảy mà vợ con lại bị chính gã "sư phụ" mất dạy là Thành Khôn giết chết. Tạ Tốn coi người thầy của mình là cừu nhân, mà oái oăm thay, gã cừu nhân ấy lại có vai trò lớn hơn cả người cha (trong chế độ quân chủ theo Nho giáo). Tạ Tốn đi tìm cừu nhân, lại đánh chết một vị thần tăng mà lão thường kính trọng. Cũng như Chí Phèo của Nam Cao, Tạ Tốn của Kim Dung mong muốn được làm một con người lương thiện nhưng con đường trở về với bến lương thiện của lão đã bị chặt đứt bởi sự phân biệt ân oán, chính tà, thiện ác. Tôi cho rằng Tạ Tốn cất tiếng rú là một cách phát tiết tâm tình. Tạ Tốn rú cũng như Bạch Cư Dị làm thơ, cũng như cô kỹ nữ trên bến Tầm Dương cất tiếng hát. Tất cả chỉ là sự phát tiết.

Hân Ly, em cô cậu của Trương Vộ Kỵ, lại thương yêu Trương Vô Kỵ. Trong quan điểm của hôn nhân gia đình Trung Hoa ngày xưa, anh chị em cô cậu ruột, anh chị em bạn dì ruột được phép lấy nhau. Ở đây, người ta bỏ qua mối dây quan hệ huyết thống, chỉ chú trọng đến yếu tố bàng hệ. Vâng, Hân Ly thương yêu Trương Vô Kỵ. Nhưng khác với những thiếu nữ xuân thì, cô không muốn giữ lại tấm nhan sắc xinh đẹp của mình. Cô luyện một môn võ công độc ác với ước mong môn này sẽ giúp cô trả thù lớn cho mẹ mình. Cô dùng đôi tay hút hết chất độc của những con nhện độc vào thân thể mình và

cô biết khi luyện đến một ngàn con nhện độc, chất độc sẽ tích tụ trong cơ thể, dung mạo biến đổi trở nên xấu xí vô cùng. Môn võ công của cô được gọi là Thiên châu vạn độc thủ. Châu đây là con nhện. Đời cô chuyên chơi với những con nhện nên Kim Dung còn gọi cô là Châu Nhi (bé Nhện). Chất độc của nhện đã làm cho khuôn mặt cô ngày càng xấu đi; chỉ còn nụ cười với hàm răng trắng là vẫn rực rỡ. Về sau, cô bị rạch bốn nhát kiếm vào mặt; chất độc chảy ra khiến da thịt trắng trẻo lại. Nhưng một thiếu nữ bị bốn vết kiếm trên mặt thì dù trắng trẻo đến đâu cũng không thể gọi là cô gái đẹp được. Cái hạnh phúc muốn được làm duyên làm dáng trước tình quân muôn đời cô không thực hiện được.

Ỷ thiên Đồ long ký có một cái bóng thấp thoáng rất lạ. Đó là Thành Khôn, gã sư phụ mất dạy của Tạ Tốn. Gần như Thành Khôn gây nên các oán thù, xung đột trong tác phẩm nhưng người đọc không thấy rõ ràng chân tướng lão qua tác phẩm đồ sộ này. Đầu tiên, khi Trương Vô Kỵ cứu các cao thủ Minh giáo trong Tổng đàn trên Quang Minh Đính, đã giao đấu với lão, biết lão chính là kẻ cừu nhân của nghĩa phụ Tạ Tốn, đã trốn vào phái Thiếu Lâm dưới pháp danh Viên Chân nhưng chàng chỉ nghe được tiếng nói và tiếp xúc với hai bàn tay lão xuyên qua cái bao vải. Mọi người tưởng lão chết trong đám loạn quân nhưng khi kiểm tra lại các xác chết thì lão đã trốn mất. Rồi khi Trương Vô Kỵ cùng Tiểu Siêu đi vào đường hầm bí mật dưới Quang Minh Đính, bị Thành Khôn lấp tảng đá để bít kín miệng hầm, Vô Kỵ vẫn không thấy được mặt lão. Lần cuối cùng, khi âm mưu bại lộ, lão mới xuất hiện và giao đấu với Tạ Tốn tại hậu sơn chùa Thiếu Lâm. Tạ Tốn bị mù, bị lão đánh cho tả tơi. Thế nhưng, Tạ Tốn đã cố ôm lão cùng rơi xuống hầm giam tối đen. Ở đấy, người mắt sáng cũng như kẻ đui mù. Tạ Tốn cuối cùng cũng trả được mối đại thù: đam mù hai mắt Thành Khôn, phế hết võ công của lão. Kẻ cả lần cuối cùng này, Thành Khôn cũng xuất hiện dưới lớp hóa trang làm cho cả quần hùng không ai nhận ra. Chỉ có Tạ Tốn, nhờ bị mù mà nhận được tiếng nói. Rốt cuộc, chẳng ai thấy rõ Thành Khôn ra làm sao.

Có lẽ bạn đọc ngạc nhiên, tự hỏi tại sao tôi đọc lại Ỷ thiên Đồ long ký mà chỉ điểm có ba nhân vật Tạ Tốn, Hân Ly, Thành Khôn; ba nhân vật phụ. Vâng, giữa đêm Cần Thơ mưa rơi tầm tã, đêm phương Nam lặng lẽ, tôi cứ suy nghĩ mải về Tốn, Ly và Khôn. Bạn để ý ba cái tên ấy chứ? Đó là ba quẻ trong tám quẻ của kinh Dịch: Càn Khảm, Chấn, Tốn, Cấn, Ly, Khôn, Đoài. Vâng, Ỷ thiên Đồ long ký lấy ba quẻ đặt tên nhân vật. Ở một tác phẩm khác, Kim Dung lại sử dụng hai quẻ Càn và Cấn để đặt tên cho hai nhân vật phụ là Công Dã Càn và Hoa Hách Cấn. Kim Dung có ngụ ý gì khi đưa các quả của kinh Dịch đặt tên cho nhân vật mình? Tôi cứ suy nghĩ mãi điều đó nhưng chưa tìm ra được chìa khóa giải mã. Cho nên, giữa đêm mưa phương Nam,

tôi cứ đọc lại Ỷ thiên Đồ long ký và đi tìm. Còn các bạn, các bạn đã tìm ra chưa?

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Sử kiếm ý, bất sử kiếm chiêu

Hôm nay là mồng Một tết Nhâm Ngọ (2002), rơi đúng vào ngày sinh của tôi. Nhà nho nói: "Đa thọ đa nhục". Tôi đã "thọ" thêm được một tuổi nữa, lòng thực sự không cảm thấy hạnh phúc chút nào. Ấy bởi vì trong cuộc sống và sáng tạo của một người cầm bút, tuổi già thường được đồng hóa với sự trì trệ, sự mệt mỏi, sự thiếu lửa. Mà đã trì trệ, mệt mỏi, thiếu lửa thì e rằng cái mà ta viết ra được sẽ không còn cuốn hút bạn đọc như xưa. Văn chương, âm nhạc tối kỵ nhất là lối mòn, là rơi vào chủ nghĩa công thức. Có người nghĩ mình là tài hoa, viết ra những câu lạ, sử dụng một tập hợp những ngôn ngữ khó hiểu để lừa mị quần chúng, mong tự chứng tỏ tác phẩm mình mang trí tuệ. Không đâu! Đó là sự trí trá của hoa giả, loại hoa làm bằng nhựa hoặc giấy. Thoạt nhìn, ta nghĩ đó là hoa, thậm chí còn là hoa đẹp nữa bởi màu sắc rực rỡ, tươi tốt quanh năm. Nhưng không, nó chỉ là hoa giả, còn thua xa cả một bông hoa dại mọc lẻ loi ở bên đường. Văn chương cũng vậy, âm nhạc cũng vậy, phụ nữ cũng vậy luôn.

Mười hai giờ kém hai mươi đêm mùng một, có chàng thanh niên lang thang chết bên vệ đường, trước cư xá tôi ở. Đến nghe tiếng tụng kinh phát ra từ băng cassette, trông bóng đèn sáng một góc hè phố, tôi biết anh đã chết. Xác anh được đặt trên chiếc ghế bố, một tấm chăn mỏng trùm từ đầu đến chân. Ngày tết, chẳng có ai bán buôn, không tìm ra đượi nải chuối giằng bụng; một ai đó đã nảy ra sáng kiến giằng bụng bằng một con dao nhỏ. Phía trên đầu anh, có một chén cơm trắng, một chiếc hột vịt luộc. Nghĩa tử là nghĩa tận, chết là hết, không ai trách được anh điều gì nữa. Hàng xóm nói anh nghiện ma tuý, đã đau phổi lại thêm chứng đau gan. Chiều 30, trong khi mọi người tất bật chuẩn bị mua sắm, trang trí nhà cửa để đón tết thì một mình anh vật vã với cơn đau trên cái nền xi măng lề đường. Anh đã sinh ra, đã lớn lên, đã từng mơ ước và chắc chắn đã từng yêu. Nhưng rồi, một cú sốc nào đó trong đời đã đưa anh tìm đến với ma tuý và trượt dài trên con đường sầu thảm ấy. Cuối cùng, anh ra đi

Người đi trên dương gian
Thở hơi ấm (ư) từ ngàn năm

Đó là ca từ trong một bài hát mà tôi đã thuộc từ mấy mươi năm trước. Bây giờ thì hơi ấm từ ngàn năm đã thoát khỏi cái thân xác gầy guộc kia. Tôi cứ nhìn mãi hai ngón chân cái nhô lên sau làn chăn mỏng, hai ngón chân tiêu biểu của hai bàn chân, cứ muốn bước tới, bước tới. Cầu cho anh được tha

thứ mọi lỗi lầm, được sống bình an trong cõi phúc. Tôi cho rằng anh cũng như bao nhiêu con người khác qua đời đều xứng đáng để được cầu chúc như vậy. Anh đã từng bị dè bỉu, khinh miệt, xa lánh. Nay anh qua đời, đúng là một sự giải thoát, một hạnh phúc cuối cùng. Cuộc sống buồn và đau quá. Ra đi là hơn, ra đi là hơn.

Đệ tử lâu đời lâu kiếp
Nghiệp chướng nặng nề
Tham giận kiêu căng
Si mê lầm lạc
Ngày nay nhờ Phật
Biết sự lỗi lầm
Thành tâm sám hối…

Tiếng kinh cầu dịu dàng, tiếng chuông, tiếng mõ đưa hồn anh đi.

Biên giới giữa sự sống và cái chết là hết sức mong manh, mong manh như sợi tơ nhện, mong manh như làn khói. Những nhân vật trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung đã chứng minh cho chúng ta thấy điều đó một cách cụ thể y như rằng họ đang sống và đã chết giữa cuộc đời chúng ta vậy. Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố (Ỷ thiên Đồ long ký) được gọi là một đôi ngọc nhân. Họ thương yêu nhau, sống thành lứa đôi ở Băng Hoả đảo mà không hề bị ràng buộc bởi các giáo điều của hệ tư tưởng phong kiến. Họ tươi đẹp, thông mình, tài hoa, trinh bạch; hai con người như vậy quả là thế gian hãn hữu. Họ có một người con trai, mới mười tuổi cũng đã rất thông mình, tài hoa. Phía sau lưng Trương Thúy Sơn là phái Võ Đang; phía sau Hân Tố Tố là Bạch Mi giáo. Đó là hai thế lực cực thịnh trong võ lâm Trung Quốc thời Nguyên mạt. Một lứa đôi như vậy đáng lẽ phải được hưởng hạnh phúc lâu dài đến đầu bạc răng long. Ấy vậy mà khi trở về núi Trung Nguyên, sum họp gia đình chưa được một ngày, họ đã phải đối phó với những kẻ thù. Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố đã tự chọn cái chết, tự xử lấy mình như một thứ tự do cuối cùng mà con người có thể làm được.

Trong tác phẩm Hiện sinh là một thuyết nhân bản (L'Existentianisme est un humanisme), tác giả Jean Paul Sartre đã từng đề cập tới một điều mà ông gọi là trò ma thuật thể hiện ý chí, khát vọng về tự do cuối cùng của con người. Ông định nghĩa trò ma thuật ấy là một giải pháp giúp con người hư vô hoá hoàn cảnh khi con người không còn cách để chống chọi hoặc thoát ra khoải hoàn cảnh ấy. Thí dụ khí đứng trước một con cọp, người ta không thể đánh thắng con cọp hoặc bỏ chạy khỏi móng vuốt của nó thì tốt hơn hết người ta nên ngất xỉu. Trò ma thuật ngất xỉu giúp người ta quên đi hoàn cảnh đang đối mặt với con cọp. Ông gọi đó là tự do cuối cùng của con người. Chúng ta đều hiểu trang thái ngất xỉu có thể hư vô hoá được hoàn cảnh đang đối mặt với con cọp nhưhng hoàn toàn không giúp gì được cho con người giải quyết

được hoàn cảnh ấy. Nhưng dầu sao, ngất xỉu vẫn là một giải pháp, giải pháp tình thế. Có còn hơn không!
Trở lại với Hân Tố Tố. Khi thấy chồng đã tự sát, Hân Tố Tố vẫn rất bình tĩnh, nắm tay con trai Trương Vô Kỵ, chỉ vào đám quần hùng ngồi quanh đó và dặn dò con: "Hài tử, ngươi hãy nhớ rằng tất cả những kẻ có mặt ở đây là kẻ thù của người". Đôi mắt trẻ thơ của Trương Vô Kỵ long lên, đầy vẻ oán độc. Dặn con xong, Tố Tố mới tự sát, chết theo chồng. Có điều Tố Tố không ngờ là 10 năm sau, Vô Kỵ lớn lên, chẳng những không trả thù như lời mẹ dặn mà còn rộng lòng tha thứ cho tất cả những kẻ bức tử cha mẹ mình. Tự do cuối cùng của Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố là tự sát; tự do cuối cùng cùng của Trương Vô Kỵ là tha thứ.
Biên giới giữa sự sống và cái chết quả thật mong manh. Biên giới giữa quyền lực và sự sụp đổ cũng mong manh không kém. Trong Tiếu ngạo giang hồ, thật khó có một nhân vật thứ hai mà quyền lực có thể vượt qua nhân vật Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần là chưởng môn phái Hoa Sơn, một trong Ngũ Nhạc kiếm phái. Bản thân nhân vật này đã tinh thông kiếm pháp phái Hoa Sơn; lại hoạc được kiếm pháp của 4 phái còn lại là Hằng Sơn, Hành Sơn, Thái Sơn và Tung Sơn; đoạt luôn cả Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm ở Phúc Châu và luyện thành thứ kiếm pháp quỷ mị này. Lão vươn lên làm chưởng môn của Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm), võ công kiêm toàn cả chính lẫn tà, có tham vọng cùng hai phái Thiếu Lâm và Võ Đang chia ba chân vạc. Quyền lực của lão cao đến vậy là cùng.
Để an tâm khẳng định quyền lực, lão phải tìm cách giết cho được đại đệ tử của mình là Lệnh Hồ Xung và người tình của chàng trai này là Nhậm Doanh Doanh. Lão chụp được cả đôi tìnhh nhân vào trong lưới cá và chuẩn bị thực hiện động tác sau cùng: rút kiếm ra, phóng vào mỗi người một kiếm là xong. Đúng lúc đó thì tiểu ni cô Nghi Lâm phái Hằng Sơn xuất hiện. Cô gái này có tâm địa từ bi, suốt đời chưa biết làm đau một cành cây, một cọng cỏ. Đối với cô, Lệnh Hồ Xung là bảo vật trên đời, bởi chàng trai này đã xả thân cứu cô, bảo vệ sự trong trắng của cô. Cho nên, hễ ai đụng đến Lệnh Hồ Xung là cô xả thân để cứu chàng. Như một quán tính, khi thấy Nhạc Bất Quần phóng kiếm vào Lệnh Hồ Xung, tiểu ni cô từ bi Nghi Lâm cũng phóng kiếm vào người Nhạc Bất Quần. Cô đã cứu được Lệnh Hồ Xung và Doanh Doanh. Nhạc Bất Quần chết, giấc mộng quyền lực mà lão đeo đuổi trên 50 năm cũng sụp đổ hoàn toàn.
Từ nhỏ tới lớn, tôi chỉ bị mẹ tôi đánh có một lần. Đó là lần tôi không bảo vệ được em tôi, để em tôi bị một kẻ lớn hơn tát vào má một cái. Nhìn thấy dấu tay trên má của em tôi, mẹ giận tôi quá, sẵn cái sàng gạo trên tay, mẹ cạch xuống đầu tôi. Tôi bị đòn, khóc không phải vì đau mà vì xấu hổ đã không đủ sức để bảo vệ em ruột của mình. Chuyện ấy xảy ra cách đây đã 38 năm

nhưng mỗi khi nghĩ lại, tôi vẫn cảm thấy có tội với mẹ tôi, có lỗi với em trai tôi. Sau này, đi làm báo, tôi lại gặp thêm nhiều lần sống trong trạng thái đau đớn, xấu hổ nữa. Bạn đọc ở xa, đọc trên mặt báo hoặc sách, thấy tôi viết được một số bài đấu tranh cho công bằng xã hội, dám đụng đến một số người có quyền lực, dám bảo vệ cho người nghèo, đã viết thư, gọi điện khen tôi là người dũng cảm. Một số anh em trong giới cầm bút biết tôi đang dạy môn công tác phóng viên ở một trường chính quy tại thành phố và một số khoá giảng ngắn ngày tại các tỉnh miền Tây, đã có nhã ý xem tôi như là nhà báo có kinh nghiệm. Đông đảo bạn đọc yêu nhạc trên cả nước thấy tôi xuất hiện trên đài VTV (Hà Nội), HTV (TP.HCM), CTTV (Cần Thơ), BLTV (Bạc Liêu)… và các đài khác trên cả nước qua những chương trình riêng cứ nghĩ rằng tôi là hạnh phúc lắm.

Không phải vậy đâu! Tôi phải thường xuyên đối mặt với những đau đớn, xấu hổ. Bạn không thể hình dung được tôi đã cảm thấy xấu hổ cực kỳ khi hứa với lòng mình về chuyện một cháu gái mới 16 tuổi ở miền Tây rằng sẽ đưa vụ án cháu bị hiếp dâm ra ánh sáng, rằng sẽ tố cáo đích danh kẻ đã hiếp cháu và những kẻ bao che, ém nhẹm việc này nhưng cuối cùng đã không làm được. Bạn không thể hình dung được đã nhiều lần tôi ngồi trước những viên chức từng ăn tiền để làm án oan cho những người vô tội lương thiện, nói một cách hết sức nhã nhặn với họ để kiếm một số thông tin mà tôi biết chắc rằng một nửa thông tin là điều dối trá. Bạn không hình dung được rằng một thời tôi đã đứng lớp dạy văn, biết rằng tác phẩm đang dạy dở ẹc mà miệng vẫn cứ phải bô bô khen hay. Những điều tôi không viết ra được cũng nhiền như số tóc có trên đầu tôi. Mà một người cầm bút đang biết mình đúng, mình trúng nhưng không viết ra được thì có gì đau đớn, xấu hổ bằng.

Bạn thân mến! Xin bạn chớ nản lòng khi tôi đưa bạn đi từ cái chết của một thanh niên lang thang đến số phận của Trương Thuý Sơn, Hân Tố Tố, Nhạc Bất Quần rồi nói đến tâm trạng xấu hổ của mình khi chưa làm tròn chức năng của một nhà báo trước bạn đọc. Bình chuyện nhân vật Kim Dung cái gì mà lạ vậy? Tôi mong được nhắc lại câu chuyện Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung học kiếm (Tiếu ngạo giang hồ): "Người đời thường sử dụng kiếm chiêu tức là thường quan tâm đến thước tấc, bộ vị, tư thế khi phóng kiếm. Mà hễ có kiếm chiêu, tất có chỗ sơ hở, tức là có chỗ để cho người khác phá chiêu. Như vật, để có thể khắc địch chế thắng, người sử kiếm không sử kiếm chiêu mà chỉ nên sử dụng kiếm ý". Lệnh Hồ Xung đã học kiếm pháp các phái Hoa Sơn, Hằng Sơn, Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn; lại nhập tâm đao pháp của Điền Bá Quang và các thủ pháp phá giải kiếm pháp Ngũ Nhạc kiếm phái của Ma giáo. Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung đem tất cả các thứ chiêu thức tạp nhạp đó nối liền thành một dây, chỗ nào miễn cưỡng quá không nối được thì vứt bỏ. Sau khi nối thànhh một dây,

Lệnh Hồ Xung phải quên sạch mọi thứ đã học. Đến bấy giờ mới sử kiếm ý, ý niệm đi tới đâu, thế kiếm đi tới đó, liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi. Đó là một thứ kiếm pháp hoàn toàn đi ngược lại kiếm lý phổ thông: có khi phóng vào khoảng không, có khi mềm oặt như mất hết khí lực, có khi hung hiểm như con trường xà đột ngột chờ sẵn… Lệnh Hồ Xung sử kiếm ý đó mà lòng sung sướng như điên. Hai chữ phá chiêu trở thành vô nghĩa. Tôi cũng học cách của Lệnh Hồ Xung, ý nghĩ đi tới đâu, phóng ngòi bút tới đó. Vâng, tôi đang sử bút ý.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Kiều Phong - Khát vọng của tự do

Trong 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, tôi yêu nhất bộ Thiên Long bát bộ. Trong những nhân vật của Thiên Long bát bộ, tôi yêu nhất nhân vật Tiêu Phong (tức Kiều Phong), người anh hùng Khất Đan. Và trong cả chục ngàn nhân vật do Kim Dung dựng lên, tôi chọn Kiều Phong như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng.

Văn chương tiểu thuyết không phải là văn chương báo chí. Một tác phẩm tiểu thuyết ra đời là nhằm gởi đến người đọc một thông điệp. Các thông điệp ấy đôi khi ẩn tàng đâu đó trong tác phẩm đến nỗi một người đọc với thái độ lơ là của khách qua đường không thể nhận ra nó. "Ý tại ngôn ngoại" luôn luôn là một thực tế trong sáng tạo văn học. Tôi yêu tác phẩm Kim Dung vì yếu tố "ý tại ngôn ngoại" phong phú. Tất cả tư duy của những nhân vật lớn trong tác phẩm Kim Dung đều tập trung vào 3 định đề: cuộc sống, tình yêu và cái chết. Kiều Phong là một nhân vật lớn như vậy.

Tác giả Kim Dung không vội vàng đẩy Kiều Phong ra đầu truyện. Không. Trong 13 chương đầu của Thiên Long bát bộ, ta chỉ gặp hình ảnh của một anh nho sinh trẻ Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý, một tay dại gái si tình bị bắt cóc đưa từ Đại Lý xuống Giang Nam. Phải đợi đến khi theo gót chân du tử của Đoàn Dự, ta mới bắt gặp một "Hán tử thô hào, mặt vuông tai lớn", tuổi trạc 30, đôi mắt sắc như dao, ngồi uống rượu chịu trên tửu lâu bên thành Vô Tích. Thoáng nhìn nhân vật đó, Đoàn Dự đã nhận định: "Hán tử này nhất định là tráng sĩ của đất Yên, Triệu. Miệt Giang Nam quyết không thể có được nhân vật như thế này". Nhận định ban đầu của nho sinh trẻ thật chuẩn xác. Con người thô hào ấy chính là Kiều Phong, bang chúa Cái bang.

Kiều Phong đang độ tuổi 30, cái tuổi phát triển rực rỡ nhất của đời người; lại làm Bang chúa cái bang, một bang hội lớn nhất võ lâm Trung Quốc. Với cương vị đó, gã hán tử mặt vuông tai lớn phải hành động rất cẩn trọng, rất chín chắn vì một quyết định, nhận định vội vàng của ông sẽ dẫn đến sai lầm, liên hệ đến mối nguy vong của hàng triệu hào khách võ lâm Trung Nguyên. Ngay đến khi ra đòn đánh nhau với kẻ địch, Kiều Phong cũng tính toán sao cho chỉ đánh một đòn mà khống chế được ngay đối thủ. Phía trong con người thô hào ấy ẩn tàng một bộ óc thông minh và những tính toán chuẩn

xác.

Người anh hùng Kiều Phong luôn luôn tự hào mình thuộc dòng dõi Hán tộc. Làm bang chúa Cái bang, ông chỉ có một mơ ước: tiêu diệt quan xâm lăng Khất Đan mà ông thường gọi bằng cái tên khinh bỉ "bọn Liêu cẩu", chống lại quân Tây Hạ, giữ gìn hào bình cho người Hán, bảo vệ sự trọn vẹn của võ lâm Trung Hoa. Và chính niềm mơ ước đó đã trở thành bi kịch trong đời Kiều Phong.

Một nhóm đệ tử Cái bang, dưới sự chỉ huy của Thập phương tú tài Toàn Quan Thanh và Ôn thị, vợ của phó bang chúa Mã Đại Nguyên (đã chết), nổi lên chống lại Kiều Phong. Toàn Quan Thanh chống Kiều Phong chỉ để leo lên cái ghế quyền lực. Ôn thị lại chống Kiều Phong chỉ để trả thù. Vốn mụ là phụ nữ lẳng lơ, lại bị chứng bạo dâm. Mụ đã có chồng nhưng vẫn quan hệ tình dục với Đoàn Chính Thuần, em ruột vua Đại Lý rồi với Bạch Thế Kính, Chấp pháp trưởng lão Cái bang. Trong một lần đi dự Bách hoa đại hội, ai cũng dòm ngó đến tấm nhan sắc tương đẹp của Ôn thị. Duy chỉ có Kiều Phong nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, phải giữ lễ nghi. Ông chỉ ngó sơ Ôn thị một cái rồi thôi. Thái độ hững hờ đó làm cho Ôn thị nổi giận và thề sẽ trả thù. Mụ mượn tay tình nhân Bạch Thế Kính xuống tay giết chồng mình, vu cáo Kiều Phong giết Mã Đại Nguyên vì Mã Đại Nguyên biết rõ Kiều Phong không thuộc Hán tộc mà chính là người Khất Đan.

Sự thật, Kiều Phong đúng là người Khất Đan, nhưng câu chuyện ấy đã trôi qua 30 năm, chẳng ai muốn nhắc đến nữa, bởi Kiều Phong đã được Hán hoá từ thể chất đến tinh thần. Ban đầu thì Kiều Phong cho rằng đó chỉ là lời vu cáo thiếu bằng chứng. Nhưng khi nhân chứng chính, nhà sư Trí Quan, xuất hiện và xác nhận, ông đành phải rời bỏ chức vụ Bang chúa Cái bang ra đi và cảm thấy nhục nhã vì mình mang dòng máu Khất Đan.

Cuộc sống đưa đẩy khiến ông làm quen và kết bạn với A Châu, một cô gái Hán nhân dịu dàng. A Châu trở thành tình yêu, lẽ sống, người bạn tri âm của Kiều Phong. Khi ra Nhạn Môn Quan xác định lại lai lịch của mình, Kiều Phong mới biết được mình vốn họ Tiêu – Tiêu Phong, rằng mình đã từng chống lại tổ tiên, dân tộc mình. Tuy nhiên, cái mặc cảm dòng máu Khất Đan thấp hèn và gian ác chưa phai trong con người ông. A Châu đã khuyên ông: "Làm người Khất Đan thì có gì là xấu xa? Làm người Hán thì có gì là cao quý? Người Khất Đan hay người Hán thì vẫn có kẻ tốt, người xấu, đại gia buồn phiền làm chi". Chính lời nói đó đã giúp Tiêu Phong nhận ra quan điểm dân tộc hẹp hòi của mình bấy lâu nay. Và sự tiến bộ trong quan điểm

dân tộc của Tiêu Phong chính là sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung.

Như ta biết, người Trung Hoa xưa vốn coi các dân tộc khác là bốn rợ (tứ di). Cái nhìn của họ đối với các dân tộc Mông, Tạng, Hồi, Khất Đan, Tây Hạ... rất khinh bỉ. Ngay chính trong Liên thành quyết, Kim Dung cũng không giấu được cái nhìn khinh bỉ đó. Chỉ đến Thiên Long bát bộ, ông mới xác nhận rằng người Khất Đan, Nữ Chân, Tây Hạ là những giống loài bình đẳng như bao giống loài khác.

Khát vọng tự do của Kiều Phong thể hiện rất rõ khi ông bàn với A Châu rằng làm xong vài việc ở Trung Quốc, ông sẽ đưa nàng về Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ, sống đời ung dung khoái hoạt. Thế nhưng, một bi kịch khác xảy ra với đời ông làm tiêu tan khát vọng ấy: ông lỡ xuống tay đánh chết A Châu, đánh chết tình yêu và nguồn sống của chính mình.

A Châu có một cô em cực kỳ gian ngoan ác độc là A Tử, đệ tử Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu. Trước khi nhắm mắt, A Châu đã nhờ ông chăm sóc, bảo vệ cho A Tử. Thế là từ đó bên cạnh một Tiêu Phong thẳng thắn, anh hùng lại có thêm một A Tử lưu manh, giảo hoạt; cả hai đi kèm nhau như bóng với hình. Cuộc đời thật lắm nỗi hoạt kê!

Đúng là Kiều Phong đã đưa A Tử về bên kia Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ và chữa bệnh cho cô. Ông kết bạn với Hoàn Nhan A Cốt Đả (sau này trở thành Hoàng đế Đại Kim), trở thành người bạn của bộ lạc người Nữ Chân. Nhờ vào một sự tình cờ, ông cứu được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế Đại Liêu. Hồng Cơ thật sự hạnh phúc khi khám phá được con người Khất Đan anh hùng lẫm liệt như Tiêu Phong. Ông nhận Tiêu Phong làm em kết nghĩa và phong cho Tiêu Phong làm Nam viện đại vương, cai quản toàn bộ binh lực Đại Liêu. Thế là từ một Hán tử thô hào, một tên Liêu cẩu man rợ, Tiêu Phong thoắt trở thành nguyên soái, nắm trong tay sức mạnh quân sự của một vương quốc khả dĩ đối địch với triều Tống.

Hơn ai hết, A Tử là người đầu tiên khuyên Tiêu Phong đưa quân qua Nhạn Môn Quan, làm cỏ hết bọn Cái bang cùng bọn quần hào Trung Quốc. Tiêu Phong đã cảnh cáo A Tử về ý nghĩ tàn bạo đó. Ông vẫn nhớ ơn người Trung Quốc, nơi ông đã lớn lên, được học hành, trở thành con người. Và ông chủ trương không gây hấn với Trung Quốc, sống hoà bình cho trăm họ an cư lạc nghiệp. Ông nghiêm cấm thuộc hạ không được cướp bóc tài vật, bắt người từ đất Trung Quốc đưa về.

Nhưng Gia Luật Hồng Cơ thì không nghĩ vậy. Gia Luật Hồng Cơ tin rằng binh lực nước Liêu đủ sức vượt qua Nhạn Môn Quan, đánh vào Lạc Dương để bắt sống tên hôn quân Triệu Hú (Tống Triết Tông). Với ý nghĩ đó, Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Tiêu Phong tiến đánh Trung Quốc.

Nhận lệnh hành quân, Tiêu Phong quyết đoán thật nhanh: không thể lấy nỗi đau của hai nước Tống – Liêu, không thể lấy sinh mạng của hàng triệu quân sĩ để làm nấc thang hạnh phúc cho mình và thỏa mãn khát vọng trả thù của Gia Luật Hồng Cơ. Vả chăng, ông là người khát vọng tự do, không hề thiết tha tới quyền lực. Cách từ chối hay nhất là của Kiều Phong là treo ấn trả lại cho Đại Liêu hoàng đế và cùng A Tử trốn đi. Mưu kế ấy bị Hồng Cơ khám phá được và gài bẫy để bắt giam giữ Tiêu Phong.

Nguồn tin Tiêu Phong bị bắt giữ vì chống lệnh hành quân, mưu cầu hoà bình cho trăm họ khiến quần hùng Trung Quốc nhận ra được bản chất thật thà, trung hậu, tốt đẹp của Tiêu Phong. Họ huy động lực lượng Cái bang, cung Linh Thứu và nước Đại Lý vượt qua Nhạn Môn Quan để giải thoát cho Tiêu Phong. Họ đưa ông về đến Nhạn Môn Quan thì cửa thành không mở vì truy binh Khất Đan đã áp sát chân thành. Hư Trúc và Đoàn Dự bắt sống Gia Luật Hồng Cơ trước trận và buộc Hồng Cơ chuộc mạng bằng một lời hứa vĩnh viễn không bao giờ đưa quân Liêu xâm lăng Trung Quốc. Hồng Cơ đã long trọng hứa lời hứa danh dự và nhận được lời hứa đó, Kiều Phong coi là một hạnh phúc. Ông sử dụng quyền tự do cuối cùng của mình: tự tử trước Nhạn Môn Quan để tạ tội với Gia Luật Hồng Cơ.

Bầu trời bao la, đất đai vạn dặm nhưng Tiêu Phong không tìm ra được chỗ để quay về. Về với Trung Quốc ư? Ông chỉ là một tên chó Liêu mọi rợ. Về với Liêu Quốc ư? Ông chỉ là bề tôi bất trung, đã chống lệnh vua lại làm cho nhà vua mất mặt trước ba quân. Về mặt tinh thần, A Châu chết rồi, tâm hồn ông không còn nơi nương tựa nữa. Đoàn Dự có thể yêu một lúc năm, sáu người thiếu nữ nhưng Kiều Phong chỉ yêu có mỗi một A Châu. Còn quyền lực, chức vụ, danh vọng không phải là nơi nương tựa. Kiều Phong đi tìm tự do. Ông đành chọn giải pháp cuối cùng - tự tử - để hoàn thành khát vọng tự do của chính mình. Ở chừng mực nào đó, cái chết của Kiều Phong là biểu hiện chủ nghĩa hư vô cực đoan nhưng nếu ta đi cùng với ông trong suốt Thiên Long bát bộ của Kim Dung thì ta mới thấy được giải pháp đó là con đường tất yếu.

A Tử đui mù đã giành bồng lấy Kiều Phong và cùng với ông rớt xuống vực

sâu muôn trượng. Mấy mươi năm trước, cha ông đã bồng mẹ ông nhảy xuống nơi ấy. Mấy mươi năm sau, một cô bé gọi ông là tỷ phu (anh rể) bồng ông nhảy xuống. Sự trùng hợp của lịch sử sao mà bi thương đến vậy!

Tiêu Phong tức Kiều Phong là một nhân vật sống nhất trong những nhân vật sống, là một nhân vật có vấn đề nhất trong những nhân vật có vấn đề của Kim Dung. Có thể nói Kim Dung rất thành công khi xây dựng nhân vật Tiêu Phong - người anh hùng Khất Đan trong sáng, tiêu biểu cho những cái đẹp của con người. Và rõ ràng, Kim Dung nói với chúng ta rằng cái đẹp nhất khó có thể tồn tại giữa đời lăng xăng bát nháo này. Cái đẹp nhất phải chết. Chỉ còn lại trên đời cái tầm thường vớ vẩn, những loài cỏ đuôi chó, những điều không đẹp mấy.

Hoặc giả, giải quyết cho cái đẹp nhất chết đi cũng là một cách hướng con người luôn nuôi khát vọng đi tìm cái đẹp?

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Khóc lên hỡi Nghi Lâm!

Nghi Lâm là pháp danh một nhân vật nữ, một nữ ni cô nhỏ tuổi thuộc phái Hằng Sơn trong tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung. Nhân vật ấy là biểu tượng của những bi kịch cuộc đời và bởi vì cô quá trẻ, quá trong sáng cho nên bi kịch ngày càng tăng thêm chất ngậm ngùi, đau đớn.
Cho đến năm 18 tuổi, Nghi Lâm trở thành một nữ ni xinh đẹp nhất của phái Hằng Sơn. Trong lớp áp nâu sồng của đời nữ ni, cô vẫn có một khuôn mặt trái xoan sáng như trăng rằm, một đôi mắt xanh như nước hồ thu. Nghi Lâm chỉ biết cha mình là một hoà thượng - Bất Giới đại sư; còn mẹ mình là ai thì điều đó cô không hề biết. Thật sự, mẹ cô vẫn hằng ngày sống bên cạnh cô. Giận cha cô khen một người khác xinh đẹp, mẹ cô lặng lẽ bỏ đi, vào chùa Hằng Sơn làm một Á bà bà (bà già câm điếc), chuyên lau tượng quét chùa. Bà vẫn theo dõi những bước tiến của Nghi Lâm trên con đường phật học cũng như đời sống nhưng bà không hề mở miệng nói với Nghi Lâm một lời. Nghi Lâm lớn lên trong chùa Hằng Sơn, thuộc làu kinh điển, học được một chút kiếm pháp. Trong lòng cô chỉ biết có Đức Bồ Tát và các thanh quy giới luật nhà Phật. Lớn lên đến 18 tuổi, cô chưa hề gặp một người đàn ông ngoài cha cô; chưa biết mùi phấn son, chưa nhìn thấy màu áo đẹp; chưa có một nụ cười...
Cả tai hoạ và hạnh phúc đến với cô nữ ni xinh đẹp ấy trong một lần cô xuống núi Hằng Sơn, cùng sư phụ và các bạn đồng môn đi dự lễ rửa tay gác kiếm của Lưu Chính Phong phái Hành Sơn. Sau một lần trượt chân vì đường trơn, Nghi Lâm dừng lại bên suối rửa tay. Cô đã bị tên dâm tặc Điền Bá Quang bắt giữ và đưa vào hang động định giở trò cưỡng bức. Không nỡ để cho một nữ ni trong sáng như ngọc bị phá hoại danh tiết, tác giả Kim Dung đã để cho Lệnh Hồ Xung, đại sư huynh của phái Hoa Sơn, xuất hiện cứu Nghi Lâm. Kiếm pháp của Lệnh Hồ Xung hoàn toàn không địch nổi phép khoái đao của Điền Bá Quang. Lệnh Hồ Xung bị đâm cả một chục vết thương, người không còn một chút huyết sắc. Nhưng vốn là người mau chân lẹ miệng, hắn đã đánh võ miệng với Điền Bá Quang và cuối cùng đạt được chiến thắng, buộc Điền Bá Quang nhục nhã bỏ đi; Lệnh Hồ Xung bị bọn La Nhân Kiệt phái Thanh Thành đâm một nhát kiếm chí mạng. Nghi Lâm lạc mất Lệnh Hồ Xung từ đó.
Để cứu Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã đặt chuyện nói những điều vu khoát: gặp ni cô là xúi quẩy, đánh bạc tất phải thua, uống rượu cũng chẳng thú vị

gì. Cô bé nhẹ dạ vốn tin những điều vớ vẩn đó nhưng tự thâm tâm, cô đã mơ hồ nhận ra một điều: trên đời này người mà cô mong gặp nhất vẫn là gã lãng tử Lệnh Hồ Xung của phái Hoa Sơn. Cô mắc nợ anh một món ơn cứu tử và giá như cô có thể chết đi để Lệnh Hồ Xung sống sót trở về, cô cũng sẵn sàng xả thân. Cho nên khi Khúc Phi Yên báo tin Lệnh Hồ Xung còn sống và đưa Nghi Lâm vào động điếm dưới núi Hành Sơn thì cô nữ ni trong như ngọc đã sẵn sàng vứt bỏ mọi thứ môn quy, cùng đi với Khúc Phi Yên.
Cuộc sống oái oăm đã đưa cô nữ ni dấn thân vào động điếm, nằm trên chiếc giường xa hoa tráng lệ mà khách làng chơi vẫn hay đến nằm với các cô kỹ nữ. Nhưng cũng chính vì vậy mà Nghi Lâm đã cứu được ân nhân Lệnh Hồ Xung, cõng anh ra giữa vùng hoang sơn dã lĩnh không có một vết chân người, chăm sóc cho anh chữa lành vết thương. Qua câu chuyện Lệnh Hồ Xung, Nghi Lâm biết rằng anh đang quyến luyến cô tiểu sư muội Nhạc Linh San. Thế nhưng, trong tâm hồn cô nữ ni 18 tuổi này đã nảy sinh một rình cảm mới lạ, vừa có vẻ tội lỗi với Đức Bồ Tát, lại vừa gây cho cô những xúc cảm dịu dàng. Nghi Lâm hoảng sợ trước tình cảm mới lạ ấy. Trong đêm sao sáng, nhìn những ánh sao băng, cô cởi dải áo ra và cột lại dải áo để mong hoàn thành ước nguyện để rồi sợ hãi ngay chính lời ước nguyện của mình. Trọn đời Nghi Lâm chưa hề ăn cắp của ai một vật gì. Thế nhưng, vì tính mạng của Lệnh Hồ Xung, cô đã hai lần đi ăn cắp dưa và mỗi lần như vậy, trong cô lại nổi lên trận bão lòng dữ dội. Cô biết rằng vì Lệnh Hồ Xung, cô có thể làm tất cả mọi sự trên đời. Vâng, cô đã yêu chàng Lệnh Hồ Xung, một tình yêu ban đầu nồng nàn đau đớn, một tình yêu không nói được lên lời vì lời khấn trọn đời hiến dâng cho đường tu, một tình yêu vô vọng vì Lệnh Hồ Xung đã có Nhạc Linh San.
Họ đã xa nhau từ đó, Nghi Lâm trở về Hằng Sơn, ngày đêm tụng kinh niệm Phật, mong sao Phật pháp có thể hoá giải được ma chướng trong lòng mình. Nhưng càng tu niệm, thể xác cô càng võ vàng. Bất Giới hoà thượng nhận ra tấm lòng đau khổ của con gái. Ông buộc Điền Bá Quang bằng mọi cách phải lên núi Hoa Sơn bắt cho được Lệnh Hồ Xung về thành hôn với Nghi Lâm. Điền Bá Quang không làm được điều ấy, ông đích thân ra đi, cũng không được nốt.
Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Linh San phụ bạc, bỏ đi lưu lạc giang hồ. Trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, anh tình cờ kể cho Nhậm Doanh Doanh nghe về mối tình si của mình và những đau thương oan ức mà anh phải gánh chịu vì những hẹp hòi, ích kỉ. Nhậm Doanh Doanh chính là Thánh cô của Triêu dương thần giáo. Cô nhận ra nới chàng trai một tình yêu mãnh liệt. Và cô si tình chàng trai Lệnh Hồ Xung dưới mắt cô, một chàng trai không chung tình với quá khứ thì cũng chẳng có thể chung tình với tương lai. Họ trở thành đôi bạn bôn tẩu giang hồ, thương yêu say đắm và trao cho nhau những lời hẹn

thề kết tóc se tơ. Ở một nơi lặng lẽ trong chùa Hằng Sơn, Nghi Lâm nhận được những thông tin đó. Nàng thường dắt tay Á bà bà dẫn ra chỗ kín đáo của Hằng Sơn biệt viện tâm sự; và, mỗi lần như thế, nàng thường gọi khẽ tên Lệnh Hồ Xung. Nàng chẳng hay đâu Á bà bà là mẹ ruột của mình.
Lệnh Hồ Xung trở về Hằng Sơn và nhận trách nhiệm làm chưởng môn phái Hằng Sơn. Nghi Lâm trở thành đệ tử của anh. Anh lấy làm lạ vì cô thường ít nhìn mặt anh, thường tỏ ra lạnh nhạt khi anh hỏi han đến. Anh có biết đâu trong cái vỏ lạnh lùng kia là cả một trời yêu say đắm; mà tiếng kinh cầu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn cho anh ngày xưa do Nghi Lâm niệm lên cầu nguyện cho anh thoát qua những cơn nguy hiểm chính là biểu hiện của tình yêu ấy. Anh nhận ra vẻ tiều tuỵ võ vàng của tiểu sư muội Nghi Lâm. Nhưng trước Nghi Lâm anh có Nhạc Linh San; sau Nhạc Linh San anh có Nhậm Doanh Doanh. Anh chỉ xem Nghi Lâm như người bạn, người em nhỏ bé mà anh phải có bổn phận bảo vệ, che chở, dạy dỗ.
Nhưng chẳng có nghĩa gì khi tình yêu không nói được thành lời. Tác giả Kim Dung đã tạo cơ hội cho Lệnh Hồ Xung nghe được tiếng lòng trung thực của Nghi Lâm. Một lần, anh hoá trang thành Á bà bà và Nghi Lâm đến nắm tay anh, kéo anh đi lên Hằng Sơn biệt viện. Nơi đây, cô ngắc lại những hình bóng cũ, những kỉ niệm xưa giữa cô và Lệnh Hồ Xung cho "Á bà bà" nghe và cuối cùng, cô gọi khẽ tên anh. Mối tình câm của cô tiểu sư muội khiến Lệnh Hồ Xung choáng váng, vừa thương cảm, vừa hổ thẹn. Trong đêm thanh vắng, anh nhận ra tất cả sự thật; lòng đau thương vì thấy Nghi Lâm võ vàng, tiều tuỵ trong mối tình si hoàn toàn không có đoạn kết.
Nghi Lâm đi đâu, về đâu? Trong khúc cuối của Tiếu ngạo giang hồ, chính tác giả Kim Dung cũng chẳng dám nói đến kết thúc của mối tình si ấy. Ông bỏ lửng số phận của Nghi Lâm, giả vờ như không biết đến nữa khi để cho Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh cưới nhau, cùng hợp tấu cầm - tiêu khúc nhạc Tiếu ngạo giang hồ. Tiểu sư muội Nghi Lâm với mối tình đơn phương rạt rào như sóng Trường Giang chẳng được ai nhắc đến nữa. Nhưng tôi biết những giọt nước mắt lặng lẽ ấy của người ni cô thánh thiện đêm đêm vẫn rơi trên gối trong căn phòng nhỏ của chùa Hằng Sơn.
Ôi, giá như Nghi Lâm bé bỏng được nắm tay Lệnh Hồ Xung một lần để bày tỏ tình yêu của mình vì lòng kính sợ Đức Bồ Tát đã không cho phép cô được nói gì với anh; giá như cô được nói với anh một lời chia tay, một câu chúc hạnh phúc thì tâm hồn cô đã khá hơn một chút. Đằng này, suột đời cô mang nặng mối tình câm và tàn úa dung nhan xuân thì lặng lẽ trong chùa Hằng Sơn!
Khi xây dựng nhân vật Nghi Lâm, Kim Dung đã xây dựng một nhân vật bi kịch ấy nằm ngay trong tuổi trẻ, tuổi mới biết yêu. Ông có bất công khi đem toàn bộ bi kịch trút lên đôi vai bé nhỏ và tâm hồn trong sáng của Nghi Lâm

tiểu sư muội? Có đấy. Có người cho Nghi Lâm là vang bóng của Hạ Mộng, một mối tình u uẩn trong đời Kim Dung. Điều đó chỉ đơn giản là một suy luận. Tôi chỉ mong một điều: nếu có những Nghi Lâm đích thực trên đời thì hãy để cho họ được khóc lên, khóc to một lần. Hạnh phúc ở một chừng mực nào đó, nằm trong tiếng khóc, trong giọt nước mắt tuôn rơi.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Vi Tiểu Bảo ở đâu?

"**C**ắn nhầm lưỡi" là chuyên mục tương đối mới trên tờ Tuổi trẻ Cười. Mấy anh nghịch ngợm trong toà soạn thấy tôi ham giỡn, giao chuyên mục này cho tôi, rồi buộc tôi "cắn" lung tung mặc dù tôi chưa hề được cắn lưỡi ai. Cái đó kêu rằng vì nhân dân mà cắn (?). Nay tôi xin "cắn" anh chàng Vi Tiểu Bảo, một nhân vật hài hước, ngộ nghĩnh, dễ thương trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung. Cái này kêu rằng "cắn" đỡ buồn, mua vui cho bạn đọc, như mình cắn hạt dưa vậy

Vi Tiểu Bảo sinh ra trong viện Lệ Xuân, một động điếm ở thành Dương Châu, Trung Hoa, vào cuối đời Thuận Trị, đầu đời Khang Hy nhà Thanh. Mẹ của Vi Tiểu Bảo – Bà Vi Xuân Phương – bang giao rộng rãi trên mức tình cảm với anh em Hán, Mông, Mãn, Tạng, Hồi; chẳng thèm nhớ rõ bố thằng bé là ai, đành lấy họ mẹ làm họ cho con. Vi Tiểu Bảo không học nên không biết chữ. Khả năng văn hoá của ngài là nhận ra chữ nhất (一, 1 nét), chữ nhị (二, 2 nét), chữ tam (三, 3 nét), chữ tứ (四) và chữ thập (十, 1 nét ngang, 1 nét sổ). Ngài có các sở trường: Chửi tục lưu loát, hát thuộc lòng bài Thập bát mô "Một ta sờ… Hai ta sờ … Ba ta sờ … Sờ đúng cái đùi của nàng" và nhớ được một mớ tuồng tích, cố sự trong Anh liệt truyện.

Cuộc sống chộn rộn, ngài theo tráng sĩ Mao Thập Bát trốn lên Bắc Kinh, lọt được vào cung nhà Thanh. Nơi đây, ngài giết thái giám Tiểu Quế Tử, hoá thành tên thái giám giả hiệu. Ngài trốn vào trù phòng ăn vụng, tình cờ làm quen và kết bạn với Khang Hy (hơn ngài 2 tuổi). Lúc lên 15 tuổi, ngài tằng tịu với em gái nhà vua là công chúa Kiến Ninh, dám chửi nàng là "con đượi non", chửi thái hậu (giả) là "mụ điếm già". Trên cơ sở những kiến thức lưu manh đắc thủ tại thành Dương Châu cộng với những kiến thức tu nghiệp được về ngành trá học trong hoàng cung, ngài xứng đáng là nhân vật đệ nhất trá nguỵ. Nhờ ném tàn hương, giết được quyền thần Ngao Bái, Ngài được nhà vua phong phó đô thống hoàng kỳ, tước hiệu Ba Đồ Lỗ (Baturu, Dũng sĩ!). Cơ duyên đưa đẩy, ngài may mắn gặp tổng đà chủ Thiên Địa hội Trần Cận Nam, được ông thu nhận làm đệ tử và phong chức hương chủ Thanh Mộc Đường. Đây là một tổ chức chống nhà Thanh, khôi phục nhà Minh. Vi Tiểu Bảo trở thành gián điệp hai mang hết sức suất sắc, phục vụ cho cả Thanh triều và Thiên Địa hội.

Vua Khang Hy đã nhìn thấy chiều sâu văn hoá của Vi Tiểu Bảo: không bao giờ nói đúng bốn chữ Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang; không bao giờ nhớ được

câu thành ngữ "thủ khẩu như bình". Tuy nhiên, vừa ghét bọn quan lại cầu an xôi thịt, vừa mến thằng bé ngộ nghĩnh, miệng trơn như bôi mỡ; nhà vua lần lượt phong cho ngài các chức chánh đô thống hoàng kỳ, tổng quản thái giám, Khâm sai đại thần công cán Vân Nam, Tứ hôn sứ, Phó trụ trì chùa Thiếu Lâm (tỉnh Hồ Nam), Chánh trụ trì chùa Thanh Lương (Ngũ Đài Sơn), Khâm sai xây dựng Trung liệt từ Dương Châu, Tư lệnh mặt trận thủy chiến đánh Thần Long giáo, Lộc Đỉnh công, Tư lệnh mặt trận đánh quân La Sát (người Nga) ở biên giới Trung – Nga, Đại sứ đặc nhiệm toàn quyền đàm phán Trung – Nga. Đảm nhiệm những chức vụ cao cả đó, ngài hoàn thành một số công việc, có khi nghiêm chỉnh, có khi tào lao: ép buộc Ngô Tam Quế tạo phản, cứu mạng được nhiều anh hùng Thiên Địa hội, bắt phò mã Ngô Ứng Hùng, gia nhập Thần Long giáo, ngủ được với bảy phụ nữ Trung Hoa và một phụ nữ Nga, bảo vệ sinh mạng cựu hoàng Thuận Trị, khám phá âm mưu nằm vùng của thái hậu giả thuộc Thần Long giáo, bình trị những âm mưu tạo phản của Mông Cổ và Tây Tạng, bắt được cẩu quan Ngô Chi Vinh, hoà giải mối xung đột Trung – Nga, đánh Trịnh Khắc Sảng – lãnh đạo của thầy mình… Công lao của Vi Tiểu Bảo lớn hơn công lao của bất cứ vị cố mệnh đại thần Mãn Châu.

Nghệ thuật làm quan của Vi Tiểu Bảo rất đơn giản: chửi tục luôn mồm, dùng tiền mua chuộc lòng trung thành của kẻ dưới, tặng quà hậu hỹ cho đồng liêu và sẵn sàng đòi kẻ khác đưa tiền. Qua thăm Ngô Tam Quế, ngài nói một câu kiếm được ba trăm lạng vàng. Trịnh Khắc Sảng dám yêu A Kha của ngài; ngài bắt đánh cho một trận, bắt lấy máu viết lên vải văn tự thiếu một trăm vạn lạng vàng. Ngài là nhân vật đầu tiên dùng nữ vệ sĩ; là nhà sư (giả) làm phó trụ trì một chùa danh tiếng mà dám đánh bạc, chọc gái; là viên tướng duy nhất đi tiểu và bảo quân thụt nước đó vào thành trì của người Nga.

Tuy ngài không biết chữ nhưng vẫn nói khoác đọc được văn tự cổ nòng nọc, ấm ớ một vài từ tiếng Nga như "Tử man cơ" là giết chết đi, "Phục đặc gia tửu" là rượu Vodka, "Hà thư nhi khắc" là món thịt nướng, nhưng vẫn tự hào là mình tinh thông tiếng Nga (?). Khi đại sứ Nga sang Bắc Kinh trình quốc thư, ngài nhận nhiệm vụ phiên dịch. Đại sứ đọc, ngài dịch lưu loát: "Văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thương sinh trạch bị, thọ dữ thiên tề…". Hoá ra đó là những câu nịnh bợ của Thần Long giáo mà ngài lỡ thuộc, không dính dáng gì tới quốc thư của Sa Hoàng. Thế nhưng vua Khang Hy vẫn mặt rồng hớn hở, cười nói mê ly! Bọn quan lại triều Thanh bái phục Vi đại soái không biết đâu mà kể!

Cuối cùng, dù có đùa giỡn đến mấy, Kim Dung cũng phải cho nhân vật Vi Tiểu Bảo của mình trốn ra đi cùng bảy mụ vợ hương trời sắc nước Tô Thuyên, A Kha, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tăng Nhu, Song Nhi và Kiến Ninh công chúa. Trước đây, họ đã về Dương Châu, bà Vi Xuân Phương nhìn

đàn dâu tươi tốt, thầm khen con tinh đời; nếu gã lập nên một viện thì toàn thể các viện ở Dương Châu sẽ sụp tiệm. Nay, chắc Vi Tiểu Bảo không dám về Dương Châu vì sợ vua Khang Hy truy nã. Ngay đến trùm cười Kim Dung cũng chẳng biết nhân vật của mình trốn đi đâu. Viết truyện cười như vậy quả thế gian đệ nhất, bọn hậu sinh ở Tuổi trẻ Cười xin ngả nón kính chào cụ. Ba trăm năm đã trôi qua, tất nhiên cũng chẳng nắm rõ hậu duệ của Vi Tiểu Bảo. Thế nhưng, ở đâu có bia ôm, động điếm; ở đâu có tham nhũng, có dùng tiền để mua chuộc kẻ dưới; ở đâu có chửi tục "con mẹ nó, tổ bà mười tám đời quân rùa đen, phường chó đẻ"; ở đâu có nịnh bợ; ở đâu có kẻ thú nhận "chữ nghĩa biết ta nhưng ta chẳng biết nó" thì ở đó có tinh thần Vi Tiểu Bảo được lưu truyền.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Con trâu thông thái

Con trâu thông thái mà tôi đề cập tới đây là Hồ Thanh Ngưu, một nhân vật thầy thuốc được xây dựng trong tác phẩm võ hiệp Ỷ thiên Đồ long ký của Kim Dung. Hồ Thanh Ngưu là giáo đồ của Minh giáo, cư ngụ trong Hồ Điệp cốc, một thung lũng cạnh hồ Nữ Sơn thuộc tỉnh An Huy. Y thuật của Hồ Thanh Ngưu thông thần nên được xưng tụng là y tiên. Kết hợp cả ngoại hiệu và tên họ, Kim Dung gọi nhân vật của mình là Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu.

Hồ Thanh Ngưu có cái phong cách của một đạo gia Lão Trang. Chẳng thế mà nhân vật này chọn chỗ ẩn thân trong một vùng hang động có nhiều bướm (điệp cốc). Ngoại hiệu của tiên sinh khiến người đọc nhớ tới hai câu thơ danh tiếng của nhà thơ Lý Thương Ẩn trong bài Cầm sắt:

Trang Chu hiểu mộng mê hồ điệp
Thục đế xuân tâm thác đỗ quyên.
(Mộng sớm, Trang Chu thành bướm lượn
Lòng xuân, Thục đế gởi hồn quyên)

Kim Dung mô tả Hồ Thanh Ngưu là một người trung niên mặt mũi thanh tú. Về trình độ y thuật, nhân vật này thông thái đến mức khi mới xem mạch cho Thường Ngộ Xuân, một đệ tử Minh giáo có thật trong lịch sử Trung Quốc, viên thầy thuốc đã biết ngay giáo hữu của mình bị Triệt tâm chưởng của Phiên tăng đánh và bị điểm huyệt theo phương pháp phái Võ Đang, trong khoảng giữa giờ Tý và giờ Sửu. Mới cầm đến mạch Trương Vô Kỵ , viên thầy thuốc này đã biết ngay bệnh nhân của mình trúng Huyền Minh thần chưởng, tràn đầy khí âm hàn trong tạng phủ, khiến nội thương sang tim! Tuy nhiên tiên sinh là một nhân vật kì quái, đã lập lời thề: Chỉ chữa thương cho người Minh giáo và từ chối chữa thương cho những người thuộc bang phái, môn phái khác. Thế nhưng Thường Ngộ Xuân mang nợ của phái Võ Đang, đặt điều kiện nhờ Hồ Thanh Ngưu cứu Vô Kỵ mà khỏi phải cứu mình. Hồ Thanh Ngưu chữa cho Trương Vô Kỵ nhưng trong thâm tâm, tiên sinh chỉ định chữa cho Vô Kỵ lành mạnh để khỏi làm mất uy tín 2 chữ "y tiên" của mình rồi sau đó, sẽ giết đi.

Hồ Thanh Ngưu là một nhà y học có hai công trình nghiên cứu có giá trị: bộ Đới mạch luận và Tý Ngọ châm cứu kinh. Trong thời gian được Hồ Thanh Ngưu chữa trị, chàng Vô Kỵ 15 tuổi cực kì thông minh đã học cách châm cứu, cách ra toa thuốc, học thuộc lòng hai bộ sách của Hồ Thanh Ngưu trước tác và khám phá ra phương pháp trị Triệt tâm chưởng. Thế là cậu bé vót tăm tre làm kim châm, kê toa hốt thuốc, sắc thuốc cho Thường Ngộ Xuân. Hồ Thanh Ngưu nhìn toa thuốc Vô Kỵ ra, cực kì kinh ngạc về sự thông minh của cậu bé nhưng cũng mỉm cười vì phân lạng của toa thuốc quá cao so với sức chịu đựng của Thường Ngộ Xuân. Đoán ra nụ cười ruồi đó, Vô Kỵ đã giảm tối đa phân lạng. Khi Vô Kỵ bưng bát thuốc đã sắc đến cho Thường Ngộ Xuân uống xong, Hồ Thang Ngưu mới cho biết rằng toa thuốc ấy đã làm giảm thọ bệnh nhân 40 năm!

Hồ Thanh Ngưu bị kẻ thù tìm đến tận nơi ẩn cư của mình. Biết mình trốn tránh không được, y tiên bèn ra cho Vô Kỵ một toa thuốc sau cùng: Đương qui, Viễn chí, Sinh địa, Đốc hoạt, Phòng phong, dùng Xuyên sơn giác để dẫn và phải uống cho đúng vào canh ba. Đọc toa thuốc, Vô Kỵ hiểu ra ngay được tấm lòng của y tiên: phải quay về (Đương qui), chạy cho xa (Viễn chí), sống một mình (Độc hoạt), phải biết đề phòng (Phòng phong) và nhớ canh ba đi xuyên qua núi để thoát hiểm (Xuyên sơn giác).

Cuối cùng Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu uống độc dược quyên sinh. Vô Kỵ học được y thuật của ông rồi về sau, đắc thủ võ công trong Cửu dương kinh, y thuật càng thêm thâm hậu. Anh đã ra tay cứu nhiều người thoát qua khỏi căn bệnh hoặc vết thương hiểm nghèo, trở thành một bậc danh y mà chuyên môn còn hơn cả Hồ Thanh Ngưu.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Thiên hạ đệ nhất đại mỹ nhân

Đọc qua 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của nhà văn Kim Dung, tôi chọn Trần Viên Viên trong Lộc Đỉnh ký và bầu nhân vật này là đệ nhất đại mỹ nhân. Trần Viên Viên là một nhân vật có thật trong lịch sử Minh mạt - Thanh sơ. Cuộc đời gian nan chìm nổi và nhan sắc tuyệt thế của nhân vật này trước những biến động của lịch sử trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo cho một nhà thơ đương đại là Ngô Mai Thôn viết thành Viên Viên khúc, một bài thơ dài được phổ nhạc truyền tụng trong suốt lịch sử của triều Thanh (1642 - 1911). Đi vào trong tiểu thuyết của Kim Dung, Trần Viên Viên trở thành nhân vật tiểu thuyết trong ba chương, 48 trang nhưng đã để lại một ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

Đời vua Minh Sùng Trinh (1628 - 1643), lầu hồng kỹ viện mọc lên ở khắp nơi, đặc biệt là ở Tô Châu và Dương Châu. Trần Viên Viên là danh kỹ dệ nhất thành Tô Châu. Cuộc đời của nhân vật này quan hệ một cách đặc biệt tới Sùng Trinh hoàng đế, Lý Tự Thành hoàng đế và Bình Tây Vương Ngô Tam Quế - ba thế lực phong kiến biểu trưng của thời Minh mạt - Thanh sơ.

Trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung, nhân vật Vi Tiểu Bảo 16 tuổi, làm Tứ hôn sứ cho vua Khang Hy, đi công cán tại Vân Nam và gặp Trần Viên Viên trong một ngôi chùa nhỏ ở ngoại thành Côn Minh. Khi ấy, Trần Viên Viên 40 tuổi, đã đi tu, lấy pháp danh là Tịch Tĩnh. Thế nhưng, "giọng nói ôn hoà trong trẻo" đúng khẩu âm Tô Châu, "cặp lông mày xinh như vẽ, nét mặt thanh tú không bút mực nào tả xiết"và "màu da trắng hồng khác nào bạch ngọc điểm phấn son" của người phụ nữ ấy đã làm cho gã thiếu niên 16 tuổi phải sững sờ đến nỗi "tay cầm chung trà, miệng há hốc ra không ngậm lại được, chân tay bủn rủn". Kim Dung gọi đó là "tấm dung quang tuyệt thế". Ấy là Trần Viên Viên năm 40 tuổi trong lớp áo đạo cô. Nếu là một Trần Viên Viên 20 tuổi với xiêm áo và phấn son của kỹ nữ thì sắc đẹp kia đã được nâng lên mấy bậc nữa. Bạn đọc và khán giả đã xem Lộc Đỉnh ký hẳn nhớ rằng Vi Tiểu Bảo đang say mê A Kha, con gái của Trần Viên Viên, một người mà dẫu đánh đổi cả ngôi hoàng đế gã cũng chẳng thèm đổi. Ấy vậy mà Vi Tiểu Bảo phải công nhận A Kha chưa đẹp bằng một nửa Trần Viên Viên!

Người tài năng đàn giỏi, múa đẹp, hát hay, Trần Viên Viên càng là người phụ nữ có văn hoá. Những lời tự nhận định của nhân vật này thể hiện một chiều sâu về trí tuệ, khác hẳn những đại mỹ nhân có thật trong lịch sử Trung Hoa: "Mỹ sắc làm hư việc nước, xưa đã thế mà nay cũng thế. Con người bất tường được trời ban cho tấm dung nhan khuynh quốc khuynh thành chỉ làm đau khổ lê dân trong thiên hạ. Tiện thiếp dù khua chuông gõ mõ, niệm nát chân kinh cũng không đủ đền tội trong muôn một". Tư duy ấy quả là tư duy của một tri thức, một nhà tu đắc đạo, không thể nào là tư duy của một kỹ nữ về hưu!

Nguyên khi còn là kỹ nữ tại Tô Châu, không biết bao nhiêu tài tử thời Sùng Trinh đã hâm mộ tài năng và nhan sắc của Trần Viên Viên. Vua Sùng Trinh sủng ái Điền Quý phi; Chu hoàng hậu bèn nổi lòng ghen tức. Cha ruột của Chu hoàng hậu đến kĩ viện bỏ tiền mua Trần Viên Viên, đưa vào cung phục vụ vua Sùng Trinh. Gặp Viên Viên, Sùng Trinh như bị hớp hồn, ở luôn ba ngày trong cung không thiết triều, còn hứa phong cho Viên Viên làm quý phi. Cũng trong ba ngày ấy, một tay đại khấu là Lý Tự Thành tức Lý Sấm đánh lấy ba thành trì lớn của Sùng Trinh. Các quan đưa lời can gián, Sùng Trinh bừng tỉnh giấc mộng nịch ái nữ nhân, bèn gửi Viên Viên ra ở trong phủ Chu Quốc trượng.

Trong một bữa tiệc của các quan lại, Chu quốc trượng cho Trần Viên Viên ra múa hát. Nhan sắc Trần Viên Viên lọt vào mắt xanh của một viên tướng võ biền Ngô Tam Quế. Vua Sùng Trinh xuống lệnh bổ nhiệm Ngô Tam Quế ra trấn thủ Sơn Hải Quan để ngăn chặn quân Mãn Châu và ban Trần Viên Viên cho Ngô Tam Quế. Trần Viên Viên trở thành vợ hờ của viên tướng này, vẫn ở lại Bắc Kinh trong phủ Chu Quốc trượng.

Tại Sơn Hải Quan, Ngô Tam Quế đầu hàng lực lượng của Lý Tự Thành. Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh; Sùng Trinh bỏ chạy rồi tự vận ở Môi Sơn. Bộ thuộc của Lý Tự Thành bắt được Trần Viên Viên, đem nạp cho Lý Tự Thành. Thế là đêm đêm sau những cơn chém giết đẫm máu, Lý Tự Thành lại quay trở về cung, ăn ở với Trần Viên Viên. Lý Tự Thành lên ngôi, xưng là Đại Thuận hoàng đế.

Được tin Lý Tự Thành chiếm đoạt Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế làm cuộc binh biến, mở cửa Sơn Hải Quan đầu hàng quân Mãn Châu rồi trở thành mũi tiên phong của quân Mãn Châu kéo vào Bắc Kinh. Lý Tự Thành phải bỏ chạy vào Vân Nam. Hậu duệ của Sùng Trinh lên ngôi, xưng là Minh Vĩnh Lịch, đóng tại Côn Minh, Vân Nam. Thuận Trị hoàng đế lên ngôi tại Bắc

Kinh, mở ra nhà Thanh, ra lệnh cho Ngô Tam Quế tiến đánh Vĩnh Lịch. Ngô Tam Quế đuổi Vĩnh Lịch chạy đến biên giới nước Miến Điện, giết Vĩnh Lịch, được nhà Thanh phong tước Bình Tây Vương, trấn thủ Vân Nam và Quý Châu. Trần Viên Viên trở thành vợ của Ngô Tam Quế. Nhưng khi nghe tin sắp được phong vương, Ngô Tam Quế không dám dưa tên Trần Viên Viên ra trình Thuận Trị hoàng đế và nguồn gốc xuất thân của nàng rất ty tiện và làm như vậy là tiết mạn hoàng đế. Y phải cưới vợ khác và bố trí Viên Viên ra đi tu tại một ngôi chùa nhỏ ở ngoại ô thành Côn Minh. Ngô Tam Quế yên chí đứa con giá lớn của Trần Viên Viên tên A Kha là con mình. Sự thật, đó chính là đứa con của Sấm vương Lý Tự Thành.

Cuộc đời của Trần Viên Viên đúng là bi kịch của nhan sắc: hết làm trò chơi cho các danh sĩ và nhà hào phú đất Tô Châu; nàng lần lượt trở thành trò chơi cho Sùng Trinh hoàng đế, Sấm vương Lý Tự Thành rồi Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Cuộc chiến giữa Ngô Tam Quế và Lý Tự Thành tại Nhất Phiến Thạch làm chết cả vạn người, bị dư luận lịch sử Trung Quốc trút lên đầu của Trần Viên Viên. Chỉ có một người thông cảm với kiếp hồng nhan, đã làm một bài thơ để giãi bày hộ Trần Viên Viên. Đó là danh sĩ Ngô Mai Thôn với Viên Viên khúc. Chúng ta biết rằng cuối triều Đường Minh Hoàng, chính sự đổ nát; lịch sử cũng từng kết tội đại mỹ nhân Dương Ngọc Hoàn (Dương Quý Phi). Nhà thơ Bạch Cư Dị đã viết Trường Hận Ca thanh minh cho Dương Ngọc Hoàn và bài thơ đã được coi là danh tác trong thi ca đời Đường. Ngô Mai Thôn thời Thanh sơ cũng làm cái công việc mà bậc tiền bối Bạch Cư Dị đã làm. Cả hai bài thơ đều có mẫu số chung là bày tỏ niềm thương hương tiếc ngọc của danh sĩ đối với giai nhân. Kim Dung đã trích một số đoạn trong Viên Viên khúc và mượn tiếng đàn của chính Trần Viên Viên cất lên hoà trong tiếng tỳ bà cho Vi Tiểu Bảo nghe.

Trong thời gian vua Thuận Trị, các hậu duệ nhà Minh nổi lên dưới chiêu bài "phản Thanh phục Minh", tự xưng là Đường Vương, Quế Vương, Phúc Vương, Lỗ Vương. Nhưng rồi họ cũng bị nhà Thanh tiêu diệt. Cho đến khi Khang Hy lên ngôi và ở ngôi đúng 60 năm, mở ra một triều đại cực kì thái bình thịnh trị cho lịch sử Trung Hoa (1662 - 1722) thì không còn ai có thể hoài nghi về hùng tâm tráng chí của nhân vật này nữa. Chính vì vậy, khi Ngô Tam Quế nổi loạn ở Vân Nam, lên ngôi hoàng đế đã không được người Trung Quốc ủng hộ. Vua Khang Hy bình định được cuộc nổi dậy của Ngô Tam Quế; không còn ai nghe nhắc tới Trần Viên Viên.

Với 48 trang giấy đầy ấn tượng Kim Dung đã nêu ra trong tiểu thuyết của mình một phản đề: sự sụp đổ của các triều đại phong kiến Trung Hoa không

phải do nhan sắc phụ nữ làm ra như dư luận lịch sử đã kết án. Bản thân nhan sắc không có tội. Cái tội đó là tội của những hôn quân vô đạo nịch ái nữ sắc, lãng quên số phận của trăm họ. Qua Lộc Đỉnh ký, Kim Dung cũng đã công nhận một ông Khang Hy người Mãn Châu làm vua còn tốt đẹp hơn một ông vua Sùng Trinh người Hán gấp ngàn lần. Vậy thì đừng nên đem những cái thất bại lịch sử của đàn ông để trút lên đôi vai của những người phụ nữ. Với một bút pháp kể chuyện có xen mô tả khá tinh tế, Kim Dung đã xây dựng một Trần Viên Viên trở thành đệ nhất đại mỹ nhân trong hàng ngàn nhân vật nữ trong tiểu thuyết của mình. Những Tiểu Long Nữ, Nhậm Doanh Doanh, Triệu Mẫn, Tiểu Siêu, Hân Tố Tố, Viên Tử Y, Vương Ngữ Yên ... cũng là những đại mỹ nhân nhưng là đại mỹ nhân ở tuổi 18-20. Họ không thể sánh bằng Trần Viên Viên ở tuổi 40 tươi đẹp, chân tình, trí tuệ, tài hoa và đau khổ!

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Thử bình bầu Thập đại mỹ nhân

Mỹ nhân thì bao giờ chẳng có. Ngay trong cuộc sống của chúng ta, hàng năm vẫn có những cuộc thi bình chọn hoa hậu, người đẹp thời trang, diễn viên điện ảnh...; đã có những ban giám khảo nghiêm túc và nghiêm khắc nhất thay mặt cuộc đời phán xét, cân đong đo đếm các thứ kích cỡ cà trao vương miện cho các mỹ nhân, đâu chờ đến thứ như tôi bình bầu. Cũng có những ý kiến nghi ngờ các mỹ nhân sống giữa cuộc sống chúng ta: kiến thức nghèo nàn lạc hậu khiến các bạn có những câu trả lời vớ vẩn; cái đẹp nội tâm không đạt; tư duy sống không đẹp đưa đến tình trạng kinh doanh nhan sắc, dùng nhan sắc như một thứ mồi câu phú quí. Đại để, các hoa hậu và á hậu đã để lại một cái hậu không lấy chi làm ngọt ngào cho cuộc sống khiến đời buồn vô hậu. Tôi không dám bàn về những mỹ nhân đó chứ đừng nói đến bình bầu. Cho nên trong phạm vi chương này, tôi chỉ dám bình bầu Thập đại Mỹ nhân trong... truyện võ hiệp Kim Dung; những người chưa hề dự thi một cuộc thi hoa hậu, người mẫu, diễn viên nào; những người chưa từng tuyên bố huyênh hoang rồi sau đó đi lấy người... ngoại quốc. Thế giới các mỹ nhân mà tôi đề cập đến thế giới của truyện võ hiệp và sự "bình bầu" này đương nhiên là cách đánh giá rất chủ quan căn cứ vào ba tiêu chuẩn nhan sắc, tài năng, tâm hồn. Tôi chỉ dám chọn 10 người bởi vì đưa ra nhiều quá, e rằng có lỗi với cái đẹp, một vốn trời ban cho con người muôn nơi, muôn thủa. Danh sách tôi "bình bầu" như sau:

1. Triệu Mẫn

Đây nguyên là Hán danh của một cô gái Mông Cổ. Tên thật của cô là Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, con gái của Nhữ Nam vương, người chỉ đứng sau vua nhà Nguyên, nắm hết quyền bính chính trị và quân sự cai trị toàn Trung Quốc. Cô là nhân vật nữ chính trong Ỷ thiên Đồ long ký, một cô gái đẹp như hoa nở, không một cô gái Trung Hoa nào có thể sánh kịp. Tham vọng của Triệu Mẫn rất lớn: muốn tụ họp bọn giang hồ, đặc biệt là phiên tăng Tây Vực, triệt hạ sáu đại môn phái của Trung Hoa đang nuôi mộng chống đối nhà Nguyên là Thiếu Lâm, Võ Đang, Cái bang, Hoa Sơn, Không Động và Côn Lôn.

Lần đầu tiên cô đã bao vây được các thủ lĩnh của Minh giáo và đã nhốt được

Trương Vô Kỵ dưới hầm sâu. Nhưng Vô Kỵ vốn là thầy thuốc, võ công lại cao cường, đã khống chế cô và "tra tấn" cô bằng cách dồn Cửu Dương công vào gan bàn chân khiến cô ngứa ngáy, khó chịu phải đầu hàng, thả chàng ra. Chính việc "cù chân" đó đã làm nảy sinh trong lòng cô mối tình ôn nhu với chàng Trương Vô Kỵ. Cô đã đem Hắc ngọc đoạn tục cao tặng cho chàng để chàng chữa trị vết thương cho tam sư bá, chuộc lại lỗi lầm cho cha mẹ mình ngày xưa. Thông minh, lém lỉnh, chân tình, Triệu Mẫn trước sau vẫn giữ cốt cách của một phụ nữ giàu tình cảm hơn là một quận chúa Mông Cổ. Cô đánh nhau với Trương Vô Kỵ để rồi đêm đêm, lại ra quán rượu ngồi đợi chàng trai, mong cùng đối ẩm với nhau mấy chung và quên hết những chuyện đốt chùa, giết người Mông Cổ, cứu quần hùng Trung Hoa của tập thể Minh giáo.

Cuộc đời của cô là một chuỗi tháng ngày rong ruổi theo tình yêu. Vô Kỵ đi đâu, cô mong được đi theo anh đến nơi đó, dù chân trời hay góc bể. Cách tỏ tình của cô cũng rất rõ ràng, giản dị không e dè khép nép như những cô gái Trung Hoa. Cô đã cầm Ỷ thiên kiếm, lăn xả vào đám sứ giả Ba Tư và đánh những chiêu cận chiến có thể khiến mình và kẻ thù cùng chết để cứu chàng Trương Vô Kỵ. Khi Vô Kỵ hỏi tại sao cô liều mạng như vậy, cô đã trả lời thẳng thắn: vì Trương Vô Kỵ ôm lấy Hân Ly trước mặt cô. Thời thơ ấu, Vô Kỵ đã cắn vào bàn tay Hân Ly một cái đến chảy cả máu, khiến Hân Ly nhớ hoài hình bóng Trương Vô Kỵ. Triệu Mẫn cũng làm như thế: cô cắn vào tay Trương Vô Kỵ một nhát để Trương Vô Kỵ nhớ cô trọn đời. Thực ra cô không làm như vậy thì cũng đủ để chàng Vô Kỵ chọn cô làm người bạn gái tâm đầu ý hợp. Thậm chí khi Vô Kỵ đã bị vây, sắp bị quân Nguyên bắt, cô đã nói dối cha và anh rằng nếu họ giết Vô Kỵ thì cô cũng tự tử theo chàng cho trọn mối tình. Đoạn tiểu thuyết thuật lại chuyện Triệu Mẫn xin cha và anh tha cho Trương Vô Kỵ thật đầy kịch tính. Tôi kính phục người phụ nữ có một tình yêu tha thiết và trái tim dũng cảm như Triệu Mẫn. Tình yêu bao la đó đã được chàng Trương Vô Kỵ đền đáp một cách xứng đáng: anh đã nhường ngôi giáo chủ Minh giáo lại cho Dương Tiêu, cùng Triệu Mẫn dắt tay rong chơi bốn biển năm hồ. Và mỗi khi lông mày Triệu Mẫn đã nhạt thì theo ba điều ước hẹn với cô, anh lại làm công việc hợp với lương tâm, không đi ngược lại với quyền lợi võ lâm Trung Hoa và cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc chống quân Nguyên giành lại đất Trung Quốc cho người Hán tộc: cầm cây bút và vẽ lại lông mày cho Triệu Mẫn.

Tôi chọn Triệu Mẫn vào ngôi vị đệ nhất đại mỹ nhân, một cô gái Mông Cổ vượt xa ngàn hoa Hán tộc hẳn là điều dễ khiến chúng ta nghi ngờ. Nhưng rõ ràng tác giả Kim Dung muốn vậy. Và có lẽ điều này phản ánh chủ nghĩa dân tộc tiến bộ của chính ông. Hoá ra người Mông Cổ - dân tộc sống trên đất

nước phiên bang, dân tộc mà người Hán thường khinh bỉ xếp vào loại Di Địch vẫn sáng lung linh một đoá hoa hương sắc, tài năng, thông minh, chung tình: Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ.

2. Tiểu Siêu

Người thứ hai tôi chọn làm đệ nhị mỹ nhân là cô gái chỉ có một nửa huyết thống Hán tộc; nửa còn lại thuộc huyết thống Ba Tư, nghĩa là cũng thuộc loại Di Địch dưới mắt nhìn của Hán tộc. Cha cô là Hàn Thiên Diệp, người Hán; mẹ cô là Đại Ỷ Ty, thánh sứ nữ của Bái hoả giáo Ba Tư. Tiểu Siêu thâm nhập Trung Hoa qua con đường tơ lụa lúc cô mới 15 tuổi. Mẹ cô nguyên là thánh sứ nữ, dáng lẽ phải giữ mình trong trắng để về Ba Tư lên ngôi giáo chủ. Nhưng bà đã yêu chàng trai Hàn Thiên Diệp, phản lại giáo quy của Bái hoả giáo, đáng lẽ phải lên giàn hoả thiêu. Bà hoá trang thành một người đàn bà xấu xí tên là Kim Hoa bà bà. Tiểu Siêu phải làm một việc khó khăn để chuộc lỗi cho mẹ: tìm mọi cách thâm nhập Quang Minh Đính của Bái hoả giáo Trung Hoa và lấy cho được bộ Đại nã di tâm pháp của Bái hoả giáo - nhiệm vụ mà mẹ cô không hoàn thành.

Giống lai bao giờ cũng được thừa hưởng những nét ưu tú rực rỡ của cả cha và mẹ, nên Tiểu Siêu đẹp cái đẹp rực rỡ ngay từ khi 15 tuổi. Nhưng Dương Tiêu, Tả sứ của Minh giáo Trung Hoa, là một tay cơ trí, khó mà qua mắt đươc y. Cho nên, để đóng trọn vai trò con hầu của Dương Bất Hối, con gái Dương Tiêu, Tiểu Siêu đã phải làm một việc rất khó khăn: giả vờ méo miệng trong suốt thời gian ở cạnh Bất Hối. Cô học thuộc hết lý thuyết về âm dương, bát quái trận đồ, biết nhiều võ công nhưng chẳng bao giờ hé lộ. Cha con Dương Tiêu nghi ngờ cô, đã đem dây xiềng quấn chân cô; cô đi đâu tiếng dây xiềng leng keng đến đó. Điệp vụ của Tiểu Siêu là một điệp vụ cực kì gian nan và cô đã tìm ra được đường hầm trên Quang Minh Đính.

Khi Vô Kỵ lên làm giáo chủ Minh giáo, việc đầu tiên của anh là hứa sẽ tháo xiềng khoá cho Tiểu Siêu. Nhờ Tiểu Siêu chỉ dẫn, Trương Vô Kỵ tìm ra đường hầm, tìm được Càn khôn đại nã di tâm pháp và đại triển thần lực đẩy được hai cánh cửa đá để bảo toàn lực lượng Minh giáo của Trung Hoa. Tiểu Siêu trở thành con hầu của Trương Vô Kỵ, lặng lẽ thương yêu Trương Vô Kỵ. Cũng như Triệu Mẫn, Vô Kỵ đi đến đâu, Tiểu Siêu đi đến đó, và cô đã chứng tỏ được bản lĩnh của mình: cầm cờ Minh giáo để chỉ huy năm đội Ngũ hành kỳ chống đỡ không cho quân Nguyên xông vào bắt giết những thủ lĩnh của Minh giáo. Tiểu Siêu sẽ không bao giờ nói rõ thân phận của mình cho Vô Kỵ biết nếu không có ngày tình cờ gặp lại mẹ mình đang bị đưa lên

giàn hoả thiêu của Bái hoả giáo Ba Tư. Để cứu mẹ, cô phải nói rõ với các Bảo thụ vương Ba Tư rằng cô là trinh nữ, sẵn sàng thay mẹ về Ba Tư lên ngôi giáo chủ Bái hoả giáo. Cô nói tiếng Ba Tư lưu loát cho đến khi những người Ba Tư quỳ xuống tung hô thì Vô Kỵ mới biết rằng con hầu của mình chính là thánh sứ nữ của Bái hoả giáo Ba Tư.

Lần cuối cùng được phục vụ thay áo, dóc tóc cho Trương Vô Kỵ, Tiểu Siêu mới nói thật tình yêu của mình dành cho Vô Kỵ và điệp vụ của mình trên Quang Minh Đỉnh. Họ ôm nhau, hôn nhau, nước mắt chảy dài ướt đẫm vạt áo chàng Trương. Năm đó, có lẽ Tiểu Siêu 18 và Vô Kỵ mới 22. Tôi chưa bao giờ đọc một đoạn văn nào tràn đầy xúc động như đoạn văn Tiểu Siêu chia tay với Trương Vô Kỵ trên biển. Tình yêu của hai người sao mà đẹp đến thế; đẹp đến nỗi Vô Kỵ không cần lau nước mắt trước mặt Triệu Mẫn, người tình của mình đang đứng đấy. Tiểu Siêu về Ba Tư, đi theo con đường tơ lụa. Trương Vô Kỵ chỉ còn biết trông theo, tưởng như tiếng khóc của cô còn vọng đâu đây trong tiếng gió, tiếng sóng.

Trong văn chương Trung Hoa, tiếng "tướng công" được hiểu theo hai nghĩa: (1) Tiếng của người hầu gọi ông chủ và (2) Tiếng của người vợ gọi chồng. Tôi nghĩ Kim Dung dùng chữ tướng công cho Tiểu Siêu gọi Vô Kỵ với cả hai nghĩa trên. Cái đẹp của mối tình Tiểu Siêu - Vô Kỵ là họ gần nhau suốt mấy năm vẫn giữ được sự trong trắng. Tiểu Siêu nhờ vẫn còn là trinh nữ nên mới cứu được mẹ khỏi tội hoả thiêu. Chữ tình, chữ hiếu ở cô gái lai này rất rõ ràng, khiến tôi càng kính phục cô hơn và bình bầu cô làm đệ nhị đại mỹ nhân.

3. Hân Tố Tố

Hân Tố Tố là con gái của Hân Thiên Chính, giáo chủ Bạch mi giáo, một tà giáo hoạt động trên sông Trường Giang. Bản thân cô cũng là một đường chủ - Tử vi đường đường chủ. Hân Tố Tố là một cô gái giết người không gớm tay: chính cô đã giết chết 72 người trong Long Môn tiêu cục, bởi tiêu cục này không hoàn thành hợp đồng đưa Dư Đại Nham (đang bị thương) về trao trả cho phái Võ Đang. Nữ ma đầu này có nụ cười rất lãng mạn, say đắm lòng người. Kim Dung không trực tiếp mô tả nhan sắc của cô, mà chỉ thuật rằng khi mới gặp cô, hai kiếm khách của phái Côn Lôn là Tương Đào và Cao Tắc Thành đã gần như đứng tim, líu lưỡi. Rồi họ sinh ra đánh nhau, đâm chém thật tình như hai kẻ thù không đội trời chung.

Hân Tố Tố và Trương Thuý Sơn, đệ tử thứ năm của phái Võ Đang, gặp nhau

trong tình huống khá lạ lùng: Trương Thuý Sơn vâng lệnh thầy xuống bảo vệ cho gia đình của Đỗ Đại Cẩm, tổng tiêu đầu của Long Môn tiêu cục trong khi Hân Tố Tố lại hoá trang như Trương Thuý Sơn để giết chết 72 mạng của tiêu cục này và một số đệ tử khác phái Thiếu Lâm. Cho nên món nợ của vụ huyết án đó đều trút lên đầu của Trương Thuý Sơn. Trương Thuý Sơn gặp cô lần đầu tiên dưới tháp Lục Hoà, bên sông Tiền Đường. Lối bày tỏ tình yêu của Hân Tố Tố rất lạ: cô đập mạnh cho ba nũi Mai hoa châm đâm sâu vào cánh tay trắng như tuyết của mình để được Trương Thuý Sơn dùng nội công tâm pháp của phái Võ Đang chữa trị. Trương Thuý Sơn là đệ tử danh môn chính phái, rất căm thù Bạch mi giáo nên không muốn gần gũi Hân Tố Tố. Nhưng hoàn cảnh đã nối kết họ lại với nhau: hai người đi Vương Bàn Sơn để dự lễ dương đao Đồ Long lập oai của Bạch mi giáo; Tạ Tốn đã đến cướp đao và thấy họ là một đôi nam thanh nữ tú không nỡ giết đi nên đã bắt cóc họ, buộc họ đến Băng Hoả đảo với lão đểgiữ bí mật về Đồ Long đao. Chính Hân Tố Tố vì cứu Trương Thuý Sơn nên đã dùng kim châm bắn mù đôi mắt của Tạ Tốn. Họ trốn lên Băng Hoả đảo, ăn ở với nhau và sinh ra chàng Trương Vô Kỵ.

Hân Tố Tố là một nữ ma đầu cực kì thông minh, thuộc hết sách của Trang Tử. Trang Tử là một triết gia mà tất cả các đạo gia Trung Hoa như phái Võ Đang đều tu dưỡng và học tập theo. Cô đọc cho Trương Thuý Sơn bài Thu thủy của Trang Tử: "Nước của thiên hạ không đâu lớn bằng biển, muôn vạn sông ngòi đều đổ về biển, không biết bao giờ nước những sông ngòi đó mới ngừng chảy và biển mới không đầy như thế này". Khi nghe Thuý Sơn trả lời: "Dù ngàn dặm xa xôi cũng không thể sánh với sự rộng lớn của biển cả, dù nghìn trượng sâu cũng không đo được độ sâu của lòng biển", Hân Tố Tố biết ngay Trương Thuý Sơn đang nhớ tới sư phụ của mình là Trương Tam Phong. Cô dẫn đoạn thầy Nhan Hồi ca ngợi Khổng Tử trong cuốn Trang Tử ra: "Tiên sinh bước ta cũng bước, tiên sinh đi ta cũng đi, tiên sinh chạy ta cũng chạy. Nhưng tiên sinh giở hết lực ra chạy như bay, ta mới hay còn kém tiên sinh rất nhiều". Chính câu nói đó đã hình tượng hoá được tài đức và võ công của Trương Tam Phong trong lòng Trương Thuý Sơn nên Trương Thuý Sơn càng yêu thương, mến mộ Hân Tố Tố hơn.

Khi họ sống thành lứa đôi, Hân Tố Tố đã tỏ ra là một hiền phụ biết vâng lời dạy bảo của chồng, bỏ hết những ác nghiệp ngày trước. Lòng hy sinh của cô thật vô hạn, chưa có một nhân vật nào của Kim Dung sánh kịp. Cho nên, khi sáu đại môn phái lên núi Võ Đang ép buộc vợ chồng cô phải nói ra chỗ ẩn nấp của Tạ Tốn để bọn họ đi tìm đao Đồ Long; Trương Thuý Sơn đã tự tử và Hân Tố Tố cũng chết theo chồng. Đoạn văn mô tả cái chết của vợ chồng

Trương Thuý Sơn - Hân Tố Tố là một khúc ca bi tráng, thể hiện một cách tuyệt vời với tài năng hư cấu của tiểu thuyết Kim Dung. Năm ấy, Hân Tố Tố mới ngoài 30; con trai của cô -Trương Vô Kỵ - mới lên 10.

Hân Tố Tố xứng đáng được chọn làm đệ tam đại mỹ nhân. Cái chết của cô mở ra một thế giới mới: thế giới của tình yêu Trương Vô Kỵ - Triệu Mẫn.

4. Nhậm Doanh Doanh

Ngôi vị đệ tứ đại mỹ nhân tôi xin dành cho Nhậm Doanh Doanh, cô gái 17 tuổi đẹp như ngọc, con gái của giáo chủ Triêu Dương thần giáo Nhậm Ngã Hành, một thứ tà ma ngoại đạo trong Tiếu ngạo giang hồ.

Có lẽ Kim Dung đã đem hết tâm lực của mình ra để xây dựng nhân vật Nhậm Doanh Doanh: một nhân vật nữ tươi đẹp trong sang, giỏi âm nhạc, võ công cao cường, mưu trí sâu sắc, cai trị bọn bàng môn tả đạo bằng trái tim thép nhưng rất mẫn cảm với tình yêu và sống với tình yêu bằng trái tim dịu dàng vô kể. Cô gặp Lệnh Hồ Xung trong khi chàng trai lãng mạn này mất hết công lực, bị sư phụ và các đông môn đạp xuống hố sâu của của sự nghi ngờ khinh bỉ. Trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, cô tiếp Lệnh Hồ Xung qua tấm rèm không cho chàng thấy mặt; nhận tặng vật của chàng trai là bộ nhạc phổ Tiếu ngạo giang hồ và lắng nghe chàng trai kể lại nỗi đau tình khi bị Nhạc Linh San phụ bạc đi theo "gã mặt trắng" Lâm Bình Chi. Vì không thấy mặt cô nên Lệnh Hồ Xung cứ gọi cô là "bà bà".

Doanh Doanh có một nhận định khá lạ lùng về tình yêu: hễ ai không chung tình với quá khứ thì sẽ không chung tình với hiện tại và tương lai. Cho nên, cô gái 17 tuổi này đã rời bỏ ngõ Lục Trúc, ra đi để bảo vệ Lệnh Hồ Xung, đàn khúc Thanh tâm phổ thiện trú để xoa dịu những vết thương về thể xác và tâm hồn của chàng trai mà cô mới gặp đã cảm thấy yêu mến. Giữa vùng hoang sơn dã lĩnh, cô bắt ếch nướng cho Lệnh Hồ Xung ăn. Cho đến khi Lệnh Hồ Xung kiệt sức, cô đành cõng chàng lên chùa Thiếu Lâm nhờ Phương Chứng đại sư chữa trị và tự đem thân mình cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sinh mạng của Lệnh Hồ Xung. Khi lành bệnh, hiếu ra được lòng thương yêu và đức hy sinh vô hạn ấy của Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung đã thống lĩnh hết bọn hào sĩ bàng môn tả đạo, trống rong cờ mở, lên chùa Thiếu Lâm đòi thả Doang Doanh ra. Chính hành động vô pháp vô thiên ấy của Lệnh Hồ Xung khiến Doanh Doanh cảm thấy được an ủi rất nhiều và thấy được sự hy sinh của mình là không uổng phí. Họ yêu nhau nhưng trong lòng Nhậm Doanh Doanh biết chàng trai chưa phai mờ hình ảnh của Nhạc

Linh San. Cô không hề ghen tức, ngược lại đối xử với Nhạc Linh San như người bạn tốt. Chính cô đã cứu Nhạc Linh San, chính cô đã động viên Lệnh Hồ Xung nghe tâm trạng sư muội trước khi chết. Trong con người Doanh Doanh nhỏ bé có trái tim nhân hậu vĩ đại của một phụ nữ công bằng.

Nhậm Doanh Doanh thật thông minh, bén nhạy. Nghe Lệnh Hồ Xung kể chuyện, cô biết ngay là chàng không phải là thủ phạm giết bạn đồng môn của mình, biết ngay là chàng bị sư phụ lừa dối. Chính cô đã khám phá ra chiêu số võ công của Nhạc Bất Quần giống như chiêu số võ công của gã lại cái Đông Phương Bất Bại; từ đó phán đoán ra Tịch Tà kiếm phổ còn có nghĩa là Quỳ hoa bảo điển, và biết Nhạc Bất Quần đã "Dẫn đao tự cung" (tự thiến bộ phận sinh dục). Cũng chính cô chứ không ai khác đã nhắc bảo cho Lệnh Hồ Xung biết rằng Nhạc Bật Quần là một gã nguỵ quân tử. Và cũng chỉ có cô mới kiềm chế nổi Nhạc Bất Quần, bảo vệ mạng sống cho mình và tình lang: bóp mũi Nhạc Bất Quần cho lão uống Tam thi não thần đan, một loại độc dược mà ngoài cô ra, không ai ở trên đời có thuốc giải được.

Kết thúc Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung để cho Doanh Doanh nhường ngôi giáo chủ lại cho Hướng Vân Thiên, làm đám cưới với Lệnh Hồ Xung và hai vợ chồng song tấu khúc Tiếu ngạo giang hồ. Họ đã hoàn thành tâm nguyện mà Lưu Chính Phong và Khúc Dương ngày xưa chưa làm được: hắc đạo và bạch đạo vẫn có thể sống với nhau trong một không khí hoà bình hạnh phúc thật sự, xoá đi biên giới của hận thù và nghi kị. Tiếu ngạo giang hồ chính là khát vọng của tác giả Kim Dung đối với đất nước và đồng bào Trung Hoa của ông. Và Doanh Doanh chình là biểu tượng của cái đẹp Trung Hoa, một cái đẹp đi vào phạm trù tinh thần chứ không còn ở phạm trù vật chất nữa.

Doanh Doanh hoàn mỹ quá khiến tôi đâm ra nghi ngờ, không hiểu khi xây dựng nhân vật này, Kim Dung có đặt cái mà tôi gọi là “chủ nghĩa Đại Hán” của ông vào chăng? Tôi định chọn Nhậm Doanh Doanh ở ngôi vị số một, trên cả Triệu Mẫn, nhưng vì sự nghi ngờ đó đã khiến tôi xếp cô vào vị trí số bốn. Đã bảo tôi là một người đầy cảm tính, không thể có sự khách quan, trung thực và khoa học của các vị giám khảo chấm thi hoa hậu nghiêm khắc và đầy kinh nghiệm ngày nay cơ mà. Cho nên tôi cứ liều mạng đưa cô gái Mông Cổ lên ngôi vị số một và đặt cô Doanh Doanh Hán tộc xuống vị trí số bốn. Mà số bốn thì cũng cực kì quan trọng rồi.

5. A Châu

Có lẽ số phận đau thương nhất, bi kịch nhất trong hàng trăm nhân vật nữ của

tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung chỉ dành cho một nhân vật A Châu. Tên thật của cô là Đoàn A Châu, con của Trấn Nam Vương Đoàn Chính Thuần nước Đại Lý và bà Nguyễn Tinh Trúc, người nước Tống. Mối tình ngoại hôn giữa hai người đã sinh ra hai cô gái xinh đẹp: Đoàn A Châu và Đoàn A Tử.

Cũng có lẽ trong thế giới tiểu thuyết võ hiệp, ta chưa bắt gặp nhân vật đàn ông, một người cha nào vô trách nhiệm như Đoàn Chính Thuần. Ngay đến hai đứa con gái của mình, ông cũng chẳng biết chúng được đặt tên gì. Nguyễn Tinh Trúc thấy đứa lớn thích mặc áo dỏ, đặt tên là A Châu; thấy con gái nhỏ thích mặc áo tía, đặt tên là A Tử. Cùng sinh ra một gốc nhưng A Châu và A Tử là hai tính cách khác biệt: A Châu dịu dàng, nhân hậu, chung tình bao nhiêu thì A Tử lại tàn bạo, ngang ngược, thủ đoạn bấy nhiêu. Do phải tránh né sự truy bức, Nguyễn Tinh Trúc phải đưa hai đứa con gái ra Nhạn Môn Quan tị nạn. Cho nên ba chữ "Nhạn Môn Quan" trở thành nỗi đau, sự lỗi lầm lớn trong tâm hồn Đoàn Chính Thuần, khiến Đoàn Chính Thuần phải chịu sự oan khuất lớn sau này dẫn đến cái chết của A Châu.

A Châu gặp Kiều Phong tức Tiêu Phong, người nước Khất Đan, nguyên bang chúa Cái bang Trung Hoa, trong một hoàn cảnh khá đặc biệt trên chùa Thiếu Lâm. Kiều Phong lên chùa Thiếu Lâm thăm lại người thầy yêu của mình là Huyền Khổ đại sư, để xác nhận lại quá khứ của mình; A Châu lên chùa Thiếu Lâm là để đánh cắp bộ Dịch Cân kinh về tặng cho chủ nhân của cô là Cô Tô Mộ Dung Phục. A Châu có thuật cải trang thần tình, đã cải trang thành nhà sư Trí Thanh, lấy được bộ Dịch Cân kinh nhưng lại bị trúng một chưởng của các nhà sư Thiếu Lâm. Một chưởng đó có thể làm tan bia vỡ đá huống chi một thân thể mảnh khảnh của một cô gái mới 18 tuổi cỡ A Châu. Kiều Phong đã nhanh trí ném ra một tấm gương đồng làm tấm đệm cản bớt kình lực của phát chưởng nhưng A Chấu vẫn bị thương nặng. Ông cứu A Châu, rời khỏi chùa Thiếu Lâm. Năm ấy ông 30 và A Châu chỉ mới 18.

Không gặp nhau thì thôi, gặp nhau là đã có duyên phận; Kiều Phong nhất quyết phải cứu A Châu. Nhưng sức ông có hạn, lại không hiểu y lí, ông đành đưa A Châu về Tụ Hiền trang, nơi mà quần hùng Trung Nguyên đang hội họp bàn kế hoạch giết ông, một tên Khất Đan mọi rợ, để cầu cứu Thần y Tiết Mộ Hoa chữa thương cho A Châu. Khi hiểu được tấm lòng Kiều Phong không nại sinh tử, đưa mình vào đầm rồng hang hổ để cầu mong cái sống cho cô, A Châu mới nhận ra được rằng trên đời này chưa có người đàn ông nào nặng tình nặng nghĩa như vậy. Sau khi gửi gắm A Châu, Kiều Phong cùng quần hùng Trung Nguyên ác đấu một trận. Ông bị thương và may mắn được một người bịt mặt cứu ra khỏi Tụ Hiền Trang, đưa về một sơn cốc...

A Châu được Tiết thần y chữa lành vết thương. Cô bé mảnh khảnh vượt mấy ngàn dặm tìm về Nhạn Môn Quan giữa mùa tuyết phủ, chờ gặp Kiều Phong. Cô biết thế nào Kiều Phong cũng trở lại, đến bên phiến đá xưa nơi cha ông Tiêu Viễn Sơn trước khi chết đã dùng chỉ công ghi lại văn tự trên đó. Quả nhiên, Kiều Phong trở lại Nhạn Môn Quan đúng như trong một kịch bản đầy khát vọng mà mọi độc giả của Thiên Long bát bộ đều mong ước được nhìn thấy. A Châu nhào vào lòng Kiều Phong và khóc rưng rức vì hạnh phúc, vì hổ thẹn, vì tủi thân. Nhưng cho đến lúc ấy, Kiều Phong vẫn chưa biết được đó là sự biểu lộ tình yêu đầu đời thầm kín. Trọn cuộc đời ông ngoài chuyện chiến đấu, ông chỉ biết có bát rượu, không hề ngĩ đến nữ sắc. Ông lại mang mặc cảm mình là người Khất Đan - dân tộc hạ đẳng, trong khi Đoàn A Châu lại là người Trung Hoa - dân tộc thượng đẳng, nên ông không hề để ý đến tấm chân tình của A Châu. Tuy nhiên, giữa trời đất Nhạn Môn Quan đầy tuyết phủ, được làm bạn với một cô gái xinh đẹp dịu dàng và nhất là được nghe cô thỏ thẻ: "Sẽ cùng đại gia qua bên kia Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ" thì ông mới hiểu rằng A Châu thương mình. Họ yêu nhau nhưng miệng chưa bao giờ nói ra chữ "yêu", vượt qua mấy ngàn dặm trở lại thành Biện Lương, trai vẫn giữ được lễ, gái vẫn giữ được băng thanh ngọc khiết.

Do một lời vu cáo để trả thù riêng của Ôn Khang, Kiều Phong và Đoàn A Châu nhận lầm rằng Đoàn Chính Thuần chính là người chỉ huy đánh giết Tiêu Viễn Sơn - cha của Kiều Phong ngày trước tại Nhạn Môn Quan. Họ trở lại rừng Phương Trúc giữa lòng Thái Hồ, Giang Nam để Kiều Phong ước hẹn cuộc chiến đấu rửa thù với Đoàn Chính Thuần. Cả Kiều Phong và A Châu đều nguyện rằng sau cuộc trả thù này, họ sẽ sang bên kia Nhạn Môn Quan sống với nhau cuộc đời bình yên trên thảo nguyên Khất Đan, không chen chân vào cõi giang hồ nữa. Cho đến khi nhìn thấy A Tử có một miếng ngọc bội giống như miếng ngọc bội của chính cô, cô mới đau xót nhận ra rằng Đoàn Chính Thuần là cha; Nguyễn Tinh Trúc là mẹ và A Tử là em ruột cô.

Nhưng khát vọng trả thù của người tình Kiều Phong thì nặng như núi Thái Sơn, cô biết xử lí làm sao giữa hiếu và tình. Kim Dung đẩy nhân vật đáng thương của ông vào bi kịch: cho A Châu hoá trang thành Đoàn Chính Thuần, đến bên cầu giữa đêm mưa gió, chấp nhận cuộc chiến đấu rửa hờn của Kiều Phong. Kiều Phong chỉ đánh một chưởng và ông khám phá ngay ra điều khác lạ. Ông ôm địch thủ lên, gỡ bỏ hết những vật hoá trang và dưới ánh chớp của sét, ông nhận ra đó là A Châu, tình yêu của ông, cứu cánh hạnh phúc của ông. Cô thỏ thẻ tóm tắt lại cho ông hiểu mọi sự. Lần đầu tiên

trong, Kim Dung mới để cho Kiều Phong khóc. Nước mắt ông hoà lẫn nước mưa, đẫm ướt người A Châu. Ông như điên như khùng, bồng cô gái thân yêu chạy suốt rừng Phương Trúc, gọi tên từng người, gọi Đoàn Chính Thuần ra giết mình để trả thù cho con gái. Nhưng chẳng ai đáp lại lời ông.

Chương Kim Dung viết về chuyện đánh lầm vào A Châu giữa đêm mưa tầm tã và sấm chớp liên hồi có cái mức độ đau thương của lớp cuối cùng khi nhân vật Phượng và Xung vướng phải dây điện, cùng chết bên nhau trong hồi cuối vở kịch Lôi vũ của Tào Ngu. Tác giả Kim Dung đẩy Kiều Phong đến độ chót của bi kịch, tước mất của ông nguồn sống, tình yêu và khát vọng về một đời du mục tầm thường trên thảo nguyên Khất Đan.

A Châu không đẹp rực rỡ, võ công cao cường, mưu trí chẳng bằng ai, lại chỉ là một con hầu trong nhà Mộ Dung Phục. Nhưng cái đạo hiếu của cô, mối tình trong sáng của cô dành cho Kiều Phong, tâm hồn ôn nhu phương đông của cô thì không người phụ nữ nào sánh kịp. Để làm nổi bật A Châu, Kim Dung xây dựng nhân vật A Tử điêu ngoa, xảo quyệt, tàn bạo; chẳng khác nào trong kĩ thuất chụp ảnh ta chú trọng đến chất contrast (tương phản). Chính vì thế mà A Châu rực rỡ; Kiều Phong một đời chỉ có A Châu, chỉ yêu A Châu và không thể yêu bất kì cô gái thứ hai nào trên thế gian, không muốn ôm bất cứ một người phụ nữ nào trên thế giới.

Xưa nay, bi kịch tình - hiếu vẫn là một chủ đề thường gặp trong tiểu thuyết Việt Nam và Trung Hoa. Thuý Kiều yêu Kim Trọng nhưng phải bán mình 300 lạng để chuộc tội cho cha, để rồi phải sống 15 năm trong lầu xanh. Nhưng Thuý Kiều còn có Thuý Vân để thay thế đền đáp cho Kim Trọng, còn A Châu thì chẳng có ai. A Tử không có cái nhu mì của Thuý Vân và Kiều Phong cũng chẳng có cái tình cảm văn nhân ấm ớ của Kim Trọng. Bi kịch tình hiếu A Châu - Kiều Phong trong Thiên Long bát bộ là vô điều kiện và tuyệt đối. A Châu trở thành nhân vật mẫu mực,tượng trưng cho lòng hy sinh cao cả của người phụ nữ phương Đông. Chính vì cái vẻ đẹp nhân bản đó trong tâm hồn cô gái 18 tuổi này mà tôi mạnh dạn bầu cô làm đệ ngũ đại mỹ nhân.

6. Tiểu Long Nữ

Không một ai, kể cả tác giả Kim Dung, hiểu rõ được họ tên cô gái này. Tác giả chỉ cho ta được biết rằng, ngay từ thủa nhỏ, Tiểu Long Nữ đã được nuôi nấng, học võ công và trưởng thành trong ngôi cổ mộ của phái Cổ Mộ sau núi Chung Nam, kế tục sự nghiệp của Lâm Triều Anh để trở thành một trong

những nhân vật nữ chính của Thần điêu hiệp lữ.

Những người sống trong ngôi cổ mộ thường vẫn mang theo một huyền thoại, một vẻ thần bí ly kỳ: họ sống cũng như chết, rất xa cách với thế giới bên ngoài. Kim Dung tự giới thiệu Tiểu Long Nữ hay Long cô nương của mình cũng tương tự như thế:

Chung Nam sơn hậu
Hữu hoạt tử nhân
(Sau núi Chung Nam
Có người sống chết)

Tiểu Long Nữ là một cô gái trong sáng từ thân xác đến tâm hồn; đối với cô hoàn toàn không có biên giới giữa sự việc nên làm và không nên làm, nên tránh và không nên tránh. Đắc thủ toàn bộ võ công của phái Cổ Mộ được ghi lại trong Ngọc Nữ tâm kinh, Tiểu Long Nữ trưởng thành hồn nhiên như một viên ngọc không tỳ vết. Cô trở thành người hàng xóm vừa dịu dàng vừa khó chịu của phái Toàn Chân (cũng ở núi Chung Nam). Cô thương yêu một người đồ đệ kém mình hai tuổi và trọn đời chỉ có mối tình ấy, không có một mối tình, một hình bóng nào khác.

Đối với xã hội phong kiến Trung Hoa, mối tình ấy là cả một sự thách thức, thậm chí là sự phỉ báng các nguyên tắc của đạo đức luân lý. Mọi người đều cho phép mình khinh bỉ, lên án cặp thầy trò Tiểu Long Nữ - Dương Qua, kể cả Quách Tĩnh và Hoàng Dung là hai người chịu ơn cặp thầy trò này. Người ta lấy cái đạo đức luân lý cứng nhắc ngàn năm để đo một mối tính trong sáng của đôi trai gái trong sáng, cho rằng mối tình đó đã xâm phạm nền đạo đức Trung Hoa, tư dy đạo đức Trung Hoa. Người ta đã làm mọi chuyện, kể cả vu cáo và bôi nhọ, cho lứa đôi phải xa nhau, phải rời bỏ nhau.

Kim Dung, trong Thần điêu hiệp lữ, đã nhấn thêm một bước nữa: ông cho cô gái trong trắng như ngọc của mình thất trinh. Tiểu Long Nữ luyện Ngọc nữ tâm kinh và gã đồ đệ phái Toàn Chân tình cờ đi ngang qua đó, đã bế cô đưa vào bụi rậm... Chỉ tội nghiệp cho Tiểu Long Nữ: cô cứ nghĩ người đó là Dương Qua, trong sự bẽ bàng đau đớn còn có niềm hạnh phúc được dâng hiến. Cũng tội nghiệp cho Dương Qua: anh phải chịu một cái án oan, một vụ án tình dục mà anh không phải là thủ phạm. Cho đến khi Tiểu Long Nữ biết được rằng kẻ phá hoại đời mình là Doãn Chí Bình, rằng Dương Qua đồ đệ của mình vẫn trước sau là một người trong sáng, thì cô thật sự tuyệt vọng. Cô lẳng lặng từ bỏ mối tính lớn trong đời, ra đi ... Dương Qua cũng từ bỏ tất

cả ra đi để tìm sư phụ. Cuộc rượt đuổi đi tìm hạnh phúc, tình yêu đó thật não nùng. Luân lý, đạo đức Trung Hoa đã không cấm cản được trái tim họ, tình yêu của họ. Chỉ có niềm đau khổ của tuổi đầu đời đã chia sẻ họ.

Tiểu Long Nữ chuyên mặc một màu áo trắng, ăn nói đơn giản, cốt cách như thần tiên. Cô gái ấy say mê học trò, vi phạm đạo đức, lại bị cưỡng hiếp, không còn là người trinh bạch nữa. Thế nhưng dưới mắt bạn đọc Thần điêu hiệp lữ, Tiểu Long Nữ vẫn là một con rồng nhỏ, trong sáng như gương, dịu dàng như ngọc. Tôi bầu cô làm đại mỹ nhân thứ sáu và vẫn mạnh dạn coi cô là con người trinh bạch. Đúng ra cô trinh bạch rất nhiều so với hàng triệu con người trinh bạch (hoặc tự coi mình là trinh bạch) hiện nay.

7. Song Nhi

Song Nhi chỉ là con hầu của người vợ thứ ba của Trang Kiến Long, một nhà nho Trung Hoa đã có công tụ họp người trí thức triều Khang Hy soạn bộ Minh thư tập lược, bị Ngao Bái nhà Thanh giết. Song Nhi người gốc Hàng Châu, ngay từ thơ ấu, đã chịu chung cái số phận đau thương của bà chủ mình: bị đày lên khu vực ngoại thành Bắc Kinh. Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung để cho Vi Tiểu Bảo 16 tuổi, gặp Song Nhi và nhận cô làm người hầu lúc cô 14 tuổi. Quan hệ giữa hai người vừa là chủ tớ, vừa là bạn bè. Song Nhi mở miệng ra gọi luôn Vi Tiểu Bảo là "tướng công"; Vi Tiểu Bảo mở miệng ra gọi Song Nhi luôn luôn là "Hảo Song Nhi". Cô gái nhỏ này võ công cao cường, nhân phẩm đoan chính, có học vấn và có tấm lòng trung thành vô hạn đối với chủ, nên xin đề nghị xép cô vào hàng đại mỹ nhân thứ bảy dù nhan sắc hãy còn thua xa Phương Di, người mà Vi Tiểu Bảo nhận làm vợ lớn.

Gần như Song Nhi là cái bóng của Vi Tiểu Bảo. Vi Tiểu Bảo đi đên đâu, cô đi theo anh chàng này đến đó, phục vụ cơm nước, áo quần, bàn chuyện tính mưu định kế. Cô đã đánh cho bọn Lạt Ma Tây Tạng chổng càng chổng gọng để cứu Vi Tiểu Bảo, cùng Vi Tiểu Bảo tham gia cứu mạng Thuận Trị hoàng đế, ra trận đánh bọn Hoả thương thủ và các tay hảo thủ khác của quân Sa hoàng Nga, hoá trang khi làm sư, khi làm ngự lâm quân Thanh triều để bảo vệ Vi Tiểu Bảo. Gần như Song Nhi không biết sợ một ai, kể cả danh thủ kiếm pháp Phùng Tích Phạm của đảo Đài Loan. Hắn có ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết, ấy vậy mà khi hắn muốn giết Vi Tiểu Bảo; Song Nhi đứng ra liều mình cứu chủ; mũi kiếm của hắn không giết nổi Song Nhi, chỉ làm cô bị thương, chảy máu chút đỉnh. Từ chiến công của Song Nhi, bọn giang hồ gọi giễu Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết (nửa chiêu kiếm đã có máu đổ

ra rồi).

Song Nhi đi theo Vi Tiểu Bảo ăn tuyết nằm sương nhưng không bán mình cho họ Vi. Cô bỏ công ra cả tháng, thức đêm để khâu lại những mảnh nhỏ lấy được trong tám bộ Tứ Thập nhị chương kinh thành một bản đồ lớn mô tả kho báu ở Lộc Đỉnh Sơn mà không hé miệng than thở một lời. Vi Tiểu Bảo hay chớt nhả, luôn miệng nói với cô câu: "Đại công cáo thành, phải hôn một cái" nhưng thực sự hắn chưa bao giờ ôm hôn được cô, vì cô cũng chẳng bao giờ dễ dãi để hắn ôm hôn. Ngay đến khi cô ngủ gục vì mệt mỏi, Vi Tiểu Bảo bồng cô vào giường cũng chẳng dám hé môi hôn cô một cái, vì hắn biết làm như vậy là tiết mạn phẩm giá con hầu của mình. Trong khi đó, với Kiến Ninh công chúa, em vua Khang Hy; với A Kha, con gái của Trần Viên Viên; với Phương Di, tiểu thư của một dòng tộc danh giá ở Vân Nam; với công chúa Sophia của nước Nga, Vi Tiểu Bảo muốn hôn là hôn, muốn sờ ngực là sờ ngực, thậm chí muốn chăn gối là chăn gối.

Điều gì đã khiến nhà văn Kim Dung tôn trọng nhân phẩm của một con hầu, nâng cô lên trên cả hai vị công chúa, hai vị tiểu thư thiên kim? Đó chính là cái nhìn của ông về bản chất của cái gọi là tầng lớp quý tộc trong chế độ quân chủ Trung Hoa. Những huyền thoại cao quí về tầng lớp đó đã băng hoại, còn lại những sự thật phũ phàng: Kiến Ninh công chúa chỉ mong được ngủ với Vi Tiểu Bảo; Phương Di danh giá lại có những hành động lừa dối; A Kha cao quí ngu muội đi theo hào quang của gã bạch vệ Trịnh Khắc Sảng, trở thành cô gái bất trinh; thậm chí hiền lành ngây thơ như Mộc Kiếm Bình, tiểu thư của Mộc vương phủ Vân Nam, cũng bị tác giả cho vẽ lên má một con rùa. Qua nhân vật Song Nhi, tôi thấy tác giả Kim Dung có một tình cảm sâu nặng đối với những người bình dân Trung Quốc, đặc biệt là đối với những phụ nữ suốt đời chỉ biết làm con hầu, kẻ ở. Vi Tiểu Bảo có thể mở miệng chửi tất cả những phụ nữ cao quí là con điếm, con đượi non, mụ điếm nhưng không bao giờ trong lòng hắn dám gợi lên một tư tưởng bất kính với con hầu Song Nhi.

Song Nhi trở thành một trong bảy người vợ của Vi Tiểu Bảo nhưng cô vẫn giữ được phẩm giá chân chính của một người phụ nữ: không hề cạnh tranh, so bì, tỵ nạnh. Các đứa con khác của Tiểu Bảo do Tô Thuyên, A Kha, Kiến Ninh công chúa sinh ra đều được cô nuôi nấng, chăm sóc dịu dàng như con của chính mình. Thậm chí, cô cảm thấy hạnh phúc khi có một đức trẻ được đặt tên là Song Song bởi vì trong cái tên này, có chữ Song trong tên của cô. Chính từ cái đẹp nội tâm trong cô gái bé nhỏ này, tôi mạnh dạn bầu cô làm đệ thất đại mỹ nhân mà tôi mạo muội bình chọn.

8. Vương Ngữ Yên

Là một cô gái đẹp tuyệt trần, nhân vật mà Kim Dung thường gọi là "thần tiên nương tử", hình ảnh hoá thân của pho tượng ngọc dưới đáy Cung Kiếm hồ mà Đoàn Dự đã từng gặp. Vương Ngữ Yên là con gái ngoại hôn của Đoàn Chính Thuần, người nước Đại Lý, với Vương phu nhân, người Tiên Ty.

Vương Ngữ Yên là cô gái thông minh, đọc thuộc lầu những quyển kinh võ học trong thiên hạ, đến nỗi ai đánh một chiêu một thức cô đều gọi đúng tên chiêu thức đó, đồng thời biết luôn cả cách phá giải. Cô trở thành quyển từ điển sống võ học, và do cô không hề biết võ công, nên nhiều thế lực thèm khát bắt cóc được cô để làm áp lực với họ Mộ Dung, và để cô dạy cho mình những đòn thế võ công thất truyền.

Một đời Vương Ngữ Yên chỉ biết say mê Mộ Dung Phục, người anh em cô cậu của mình (người Trung Hoa cho phép anh chị em con cô con cậu, anh chị em bạn dì lấy nhau). Thế nhưng Mộ Dung Phục là một gã huênh hoang, khoác lác, hắn chỉ say sưa giấc mộng phục hồi nước Đại Yên, sẵn sàng đạp đổ tất cả tình yêu, tình bạn bè, tôn kẻ thù làm cha, miễn là có thể lợi dụng được những hoàn cảnh để phục hưng Đại Yên. Ngược lại với Mộ Dung Phục, Đoàn Dự nước Đại Lý sẵn sàng đánh đổi tất cả các thứ trên đời, kể cả ngôi vị hoàng đế Đại Lý, để được kề cận bên Vương Ngữ Yên. Tình yêu xảy ra giữa ba nhân vật này là một quá trình rượt đuổi buồn cười.

Khi Mộ Dung Phục sang nước Tây Hạ để sự lễ tuyển phu của Ngân Xuyên công chúa nước này, Vương Ngữ Yên chỉ sợ võ công của biểu ca mình cao cường, có thể làm rể Tây Hạ và phụ rẫy mối tình của mình. Cô đã nhờ Đoàn Dự ra tay viện trợ: dùng Lục mạch thần kiếm danh tiếng của họ Đoàn đánh thắng Mộ Dung Phục, phá vỡ âm mưu làm rể Tây Hạ của Mộ Dung Phục. Nhưng rồi Mộ Dung Phục đánh cho Đoàn Dự lọt xuống đáy giếng và nói rõ tham vọng chủa mình cho Vương Ngữ Yên nghe rằng hắn chưa bao giờ thương yêu Vương Ngữ Yên cả. Cô gái tuyệt vọng, gieo mình xuống đáy giếng sâu. Và lạ thay, ở trên mặt đất thơm tho, dưới ánh sáng chói chang của mặt trời bao nhiêu năm mà Vương Ngữ Yên không nhìn ra tấm chân tình của chàng Đoàn Dự, thì chỉ trong chốc lát dưới đáy giếng sau hôi hám tối tăm, Vương Ngữ Yên đã chấp nhận mối tình ấy. Và họ nguyện sống đời lứa đôi bên nhau.

Nhưng ta đã biết, Đoàn Chính Thuần là cha của Đoàn Dự. Lẽ nào ông anh Đoàn Dự có thể cưới hỏi cô em cùng cha khác mẹ là Vương Ngữ Yên? Cái mâu thuẫn ấy đã được đẩy lên đỉnh điểm của của Thiên Long bát bộ khi độc giả kinh hoàng nhận ra mối quan hệ huyết thống giữa hai nhân vật trai gái trung tâm này. Ta có thể tưởng tượng ra cái thảm kịch để giúp họ hoá giải mối tình loạn luân, cũng như Romeo và Juliette trong bi kịch của Shakespeare tìm cái chết để họ chuộc lỗi với đời và để cho đôi lứa có thể chia lìa nhau vĩnh viễn. Nhưng Kim Dung đã có một lối giải quyết khá thần kì, xứng đáng là bậc thầy trong nghệ thuật hư cấu tiểu thuyết: ông lật ngược lại dĩ vãng của Đoàn Chính Thuần và Đao Bạch Phụng. Giận Đoàn Chính Thuần say mê nhan sắc của người phụ nữ khác, Đao Bạch Phụng đã làm một hành động cực kỳ thương luân bại lý: đem tấm thân cao quý của mình hiến dâng cho một gã ăn mày hôi hám, trôi sông dạt chợ. Gã ăn mày đó chính là Đoàn Diên Khánh, người trong hoàng tộc nước Đại Lý, kẻ xứng đáng lên ngôi vua Đại Lý nhất nhưng không được lên ngôi. Đoàn Dự chính là con của Đao Bạch Phụng và Đoàn Diên Khánh; Đoàn Chính Thuần chỉ là ông cha hờ. Mà trong qui định hôn nhân của nước Đại Lý, anh em cùng tông tộc có thể cưới hỏi lẫn nhau (chính nhà Trần ở Việt Nam cũng áp dụng qui định này để ngai vàng khó lọt vào tay kẻ khác). Cho nên Đoàn Dự vẫn có quyền cưới hỏi và ăn ở với Vương Ngữ Yên, và chẳng riêng gì Vương Ngữ Yên, cả đến Mộc Uyển Thanh (con gái Tần Hồng Miên), Chung Linh (con gái Cam Ngọc Bảo) đều là con ngoại hôn của Đoàn Chính Thuần; Đoàn Dự say mê ai có quyền cưới người ấy. Câu chuyện của Đoàn Dự có đến năm người biết: mẹ Đoàn Dự, Đoàn Dự, Đoàn Diên Khánh, Đoàn Chính Minh (vua nước Đại Lý) và... chúng ta, những người đọc Kim Dung. Đoàn Dự lên ngôi hoàng đế nước Đại Lý; Vương Ngữ Yên trở thành chánh cung hoàng hậu. Đáng lẽ với tài sắc ấy, tôi định bầu cô vào ngôi vị đệ nhất, đệ nhị đại mỹ nhân, nhưng vì cô quá say mê "thằng mặt trắng" Mộ Dung Phục cho nên "trong lý lịch có vấn đề", tôi chỉ dám xếp cô vào hàng thứ tám.

9. Viên Tử Y

Viên Tử Y là cô bạn nhỏ mới 16 tuổi của tiểu anh hùng Hồ Phỉ (Lãnh nguyệt bảo đao). Cô gái này có lý lịch rất hồ đồ, luôn luôn hiện diện cạnh Hồ Phỉ trong suốt con đường hai người hành hiệp cứu đời, thông minh và giàu tri thức. Ngay cái tên của cô cũng rất mơ hồ: cô xưng họ Viên, chuyên mặc áo tía nên tác giả gọi luôn tên cô là Viên Tử Y.

Thực sự, Viên Tử Y là cô gái bất hạnh. Mẹ cô là người phụ nữ trong trắng, đã bị một gã đạo đức giả trong giới giang hồ cưỡng hiếp rồi bỏ trốn. Gã

giang hồ đó đã khéo léo che dấu lý lịch, trở thành con người khả kính, một biểu tượng của đạo đức võ lâm Trung Hoa. Hồ Phỉ và Viên Tử Y cung chung mục đích: muốn lột mặt nạ con người đạo đức giả ấy. Hồ Phỉ muốn giết hắn nhưng Viên Tử Y lại cứu hắn. Chẳng lẽ cô lại dễ dàng cháp nhận cho bạn mình giết cha mình mặc dầu người ấy chẳng ra gì?

Bi kịch trong đời Viên Tử Y vẫn là bi kịch tình- hiếu nhưng xét ra một góc độ cấu trúc tiểu thuyết, bi kịch này được xây dựng khác hẳn với những tình huống của Triệu Mẫn và Tiểu Siêu với chàng Trương Vô Kỵ. Cuối tác phẩm Lãnh nguyệt bảo đao, Viên Tử Y chia tay Hồ Phỉ ra đi. Tôi bầu cô làm đại mỹ nhân thứ chín nhưng chẳng biết cô đi về đâu giữa mênh mông năm tỷ con người.

10. Bạch A Tú

Tôi dành ngôi vị đệ thập đại mỹ nhân cho cô gái mới 15 tuổi này, một cô gái chẳng lấy gì làm xinh đẹp cũng chưa biết nói một lời yêu thương nào đối với anh chàng bạn trai thân yêu Thạch Phá Thiên. Người đời có thể cho tôi là dốt nát, đắc biệt đối với các vị giám khảo giàu kinh nghiệm có thể gọi tôi là đồ đui, là không hiểu gì hết về số đo ba vòng của các hoa hậu, để nhắm mắt bầu một cô bé mông lép, ngực lép vào hàng ngũ các Top Model, tôi cũng vẫn cứ bảo lưu ý kiến của mình.

Bạch A Tú là con gái của Bạch Vạn Kiếm, cháu nội của Bạch Tự Tại, chưởng môn phái Tuyết Sơn. Năm 12 tuổi, cô bị một thằng mặt trắng là Thạch Trung Ngọc cởi hết áo quần, cột tay chân toan dở trò đồi bại nhưng rồi được tác giả Kim Dung cứu vớt, cho người đuổi đánh kẻ đồi bại chạy trốn. Ấy thế mà A Tú giàu lòng tự trọng đã gieo mình xuống vực sâu của núi Tuyết Sơn để rửa nhục cho mình. Nội một hành động đó cũng đủ chứng tỏ cô cương liệt và vượt xa những người phụ nữ khác.

Khi mọi người bắt được Thạch Phá Thiên mà cứ yên chí đấy là tên phản đồ, tên dâm tặc Thạch Trung Ngọc thì chỉ có đôi mắt thơ ngây của Bạch A Tú mới nhìn ra được: "Vị đại ca này không phải là tên dâm tặc ấy". A Tú đã có cái nhìn thơ ngây, đạt đến tận cùng bản chất của sự vật, cái trực giác tuyệt đối đúng mà những người lớn, đến cả Mẫn Nhu - mẹ đẻ Thạch Phá Thiên - cũng không có được.

Tuy chỉ 15, 16 tuổi nhưng cô đã tự khẳng định mình là một nhân vật trí tuệ tuyệt vời, biết nhìn xa trông rộng.Thấy bà nội mình dạy cho Sử Ức Đao (tên

mới đặt của Thạch Phá Thiên) học Kim Ô đao pháp, Bạch A Tú đã trầm ngâm suy nghĩ. Thử hỏi cha cô là Bạch Vạn Kiếm (đánh ra chục ngàn thế kiếm) làm sao chống chọi nổi với anh bạn Sử Ức Đao (sử dụng một trăm nghìn thế đao). Phái của nhà cô là phái Tuyết Sơn (núi tuyết) mà đánh nhau với phái Kim Ô (mặt trời) thì chỉ có tan tành vì mặt trời lên toả sức nóng thì núi tuyết phải chảy tan thành nước. Hơn nữa, đao pháp của anh bạn nhỏ Thạch Phá Thiên toàn là những chiêu thức khắc tinh của kiếm pháp phái Tuyết Sơn của cha và ông cô. Chính vì nhìn ra những điều ấy mà Bạch A Tú đã xin anh bạn nhỏ ngày sau dung tha cho ông nội và cha của mình và dạy cho anh bạn nhỏ chiêu Bàng xao trắc kích: chém bên trái một đao, bên phải một đao, trên một đao, dưới một đao rồi ghìm đao đứng lại khen ngợi địch thủ một câu rồi đề nghị địch thủ bãi chiến để bảo toàn danh dự cho địch thủ. Thạch Phá Thiên làm đúng như "giáo khoa" của cô bạn gái; anh thắng tất cả mọi người nhưng những địch thủ của anh vẫn mang ơn anh về thái độ rộng lượng, tâm hồn nhân ái.

Mười sáu tuổi, A Tú tiễn Thạch Phá Thiên và ông mình ra biển để nghiên cứu pho võ công Hiệp khách hành. Cô ước hẹn với chàng trai: nếu anh không trở lại, cô sẽ gieo mình xuống biển sâu. Và như trong một kịch bản hoàn chỉnh nhất của tiểu thuyết phương Đông, Thạch Phá Thiên đã trở lại, kịp thời cứu cô bạn của mình từ trên cao rơi xuống lòng biển cả. Tình yêu của họ đi về đâu tác giả không nói đến nữa. Ông để cho chúng ta tưởng tượng...Tôi tưởng tượng ra chuyện họ cưới nhau; Kim Ô cùng Tuyết Sơn vẫn tồn tại, chẳng ai phải sử ức đao và cũng chẳng ai phải bạch vạn kiếm. Chính A Tú là biểu tượng của khát vọng hoá giải hận thù, nghi kị, phân biệt. Cô xứng đáng được ngồi và hàng ghế danh dự của đệ thập đại mỹ nhân.

Bạn đọc có thể bất bình với tôi, có thể nghi ngờ tôi ăn hối lộ của mười nhân vật trên đây, gạt những cô gái thông minh lanh lẹn sắc nước hương trời khác như Hoàng Dung, Mục Niệm Từ (Xạ điêu anh hùng truyện); Mộc Uyển Thanh (Thiên Long bát bộ); ĐInh Đang (Hiệp khách hành); Chu Chỉ Nhược (Ỷ thiên Đồ long ký) hoặc Nhạc Linh San (Tiếu ngạo giang hồ) ra khỏi danh sách Top Ten võ hiệp Kim Dung. Tôi xin nói rõ: tôi rất ghét sự ma lanh, ghét cái cơ tâm, ghết sự thay đổi và ghét những ai thiếu niềm tin, dù họ thông minh, tài giỏi, tươi đẹp.

Trong mười đại mỹ nhân của tôi bình bầu, có một trường hợp bị cưỡng hiếp đến nỗi mất trinh, một người bị cưỡng hiếp không thành có thể khiến cho các nhà đạo đức chau mày khi nghĩ đến câu: "Trinh tiết là tiêu chuẩn đầu tiên của cái đẹp". Tám người còn lại, ai cũng từng bị thương chút ít, thân thể

có chỗ tì vết, thậm chí có người bị sẹo to, da dẻ không được mịn màng như các đại mỹ nhân ngày nay. Họ cũng chẳng phải là những người ngực cao, mông tròn, biết dùng son phấn, nước hoa để làm siêu lòng khách mày râu ham của lạ. Trong mười đại mỹ nhân, tôi chưa được nắm tay, ôm eo cô nào theo cái kiểu mà ban giám khảo ngày nay vẫn làm. Nói chung, tôi bình bầu khá mạnh dạn, khách quan, không ăn hối lộ để đưa ai lên, đẩy ai xuống. Có hai trường hợp là Di Địch: một chánh cống Mông Cổ; một lai Ba Tư. Có một trường hợp là Tiên Ty, nhưng xét ra Tiên Ty cũng thuộc giống nòi Trung Hoa nên tôi xếp vào vùng sâu, vùng xa để gọi là chiếu cố. Họ là những Top Ten sống giữa một đời bình dị, không bao giờ biết đến chuyện kinh doanh nhan sắc. Ấy những mỹ nhân đích thực trên đời như thế đó.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Chân dung Nhạc Bất Quần

Nhạc Bất Quần là một nhân vật lớn trong bộ tiểu thuyết Tiếu ngạo giang hồ của nhà văn Kim Dung. Nguyên Trung Hoa có năm ngọn núi (ngũ nhạc) nổi tiếng: Tung Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn và Hoa Sơn, mỗi ngọn núi có một kiếm phái. Nhạc Bất Quần là chưởng môn nhân phái Hoa Sơn, có ngoại hiệu là Quân tử kiếm.
Về ngoại hình, Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần là một "thư sinh có năm chòm râu dài, mặt đẹp như mặt ngọc, chính khí hiên ngang khiến người phải đem lòng ngưỡng mộ". Con người ấy đã trên sáu mươi tuổi nhưng nhờ tu luyện nội công nên nhìn qua, chỉ mới như cỡ bốn mươi. Ngoại hiệu của y là Quân tử kiếm cho nên không bao giờ đánh lén, đánh sau lưng người khác, ăn nói mực thước, không bao giờ lên tiếng tranh biện với ai. Ngược với cái tên Nhạc Bất Quần (không chơi với ai), y kết giao với rất nhiều bạn hào sĩ giang hồ chính phái.

Về tài năng, con người ấy là sư tôn một danh môn, có môn Tử hà công thâm hậu, sáng lập ra một Hoa Sơn kiếm pháp lấy nội công làm căn cơ, học và thấm nhuần những tư tưởng của người quân tử trong triết học đạo Nho, trở thành biểu tượng đẹp đẽ của chính phái, ghét tà phái và bọn tàn ác như kẻ cừu thù. Mỗi khi Nhạc Bất Quần xuất hiện trong phần đầu của Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung thường dùng hai chữ "tiên sinh" để ca ngợi Nhạc Bất Quần.

Thế nhưng, toàn bộ những hào quang trên đây chỉ là những điều trá nguỵ, giả tạo. Từng bước, từng bước một, Kim Dung đã lột mặt nạ của Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, chỉ ra cho chúng ta thấy tính cách tàn bạo, thủ đoạn độc ác, âm mưu thâm hiểm của nhân vật này. Kim Dung xây dựng y như một hình mẫu "nguỵ quân tử", loại người nguy hiểm và khó đối phó hơn cả "chân tiểu nhân". Tôi đã đọc 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung và thật sự kinh sợ nhân vậy nguỵ - Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần. Những âm mưu, thủ đoạn của Nhạc Bất Quần vượt xa những tư duy thông minh của những cái đầu thông tuệ nhất.

Nắm được nguồn tin phái Thanh Thành của Dư Thương Hải sắp tấn công Phước Oai tiêu cục ở Phúc Châu, Nhạc Bất Quần lẳng lặng cho nhị đệ tử Lao Đức Nặc dẫn con gái mình là Nhạc Linh San xuống Phúc Châu mở một quán rượu để theo dõi tình hình. Biết nhị đệ tử Lao Đức Nặc là đệ tử của Tả Lãnh Thiền chưởng môn phái Tung Sơn, vào "nằm vùng" trong nội bộ phái Hoa Sơn của mình, Nhạc Bất Quần vẫn làm ngơ như chẳng biết, lại còn giả vờ tin tưởng Lao Đức Nặc, giao cho hắn những nhiệm vụ khác. Đợi cho phái Thanh Thành tàn sát hết Phước Oai tiêu cục, bắt ông bà Lâm Chấn Nam đưa về núi Hành Sơn để tra hỏi cho ra bộ Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm, Nhạc Bất Quần âm thầm theo dõi. Nguyên Nhạc Bất Quần có một đại đệ tử tính tình rất phóng khoáng tên là Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung vì cứu nàng Nghi Lâm - một nữ ni cô thuộc phái Hằng Sơn nên phải kết giao với một tay thanh danh tàn tạ là Điền Bá Quang. Trong một dịp tình cờ, Lệnh Hồ Xung được nghe hai vị Lưu Chính Phong của phái Hành Sơn (chính phái) tấu nhạc cùng một người bạn là Khúc Dương trưởng lão của Ma giáo. Trước khi họ chết, họ đã tặng cho Lệnh Hồ Xung bộ cầm phổ và tiêu phổ Tiếu ngạo giang hồ. Lệnh Hồ Xung lại gặp và nhận lời di chúc của ông bà Lâm Chấn Nam trước khi chết: "Xin Lệnh Hồ Xung hiền điệt báo cho con ta hay dưới hầm một căn nhà cũ trong ngõ Hướng Dương có vật gì thì đó là vật tổ truyền của nhà họ Lâm, cần phải giữ gìn cho cẩn thận. Tằng tổ y là Viễn Đồ Công có để lại lời giáo huấn hết thảy con cháu bất luận là ai cũng không được mở coi mà sinh tai hoạ ghê gớm". Vật đó chính là Tịch tà kiếm phổ, một kiếm phổ ác độc của dòng họ Lâm!

Lâm Bình Chi, con trai của ông bà Lâm Chấn Nam, đi từ Phúc Châu lên Hành Sơn tìm kiếm cha mẹ. Đợi cho Lâm Bình Chi lâm nguy, Nhạc Bất Quần mới ra tay giải cứu, và nhận gã làm đệ tử của phái Hoa Sơn. Nhân danh luật lệ của phái Hoa Sơn, Nhạc Bất Quần còn ra lệnh biệt giam đại để tử Lệnh Hồ Xung trên ngọn Ngọc Nữ phong. Ở đó, Lệnh Hồ Xung học được Hoa Sơn kiếm pháp với thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương và học được đường Độc Cô cửu kiếm oai trấn giang hồ. Loại kiếm pháp này đi ngược lại kiếm pháp của Nhạc Bất Quần: lấy kiếm thế như nước chảy mây trôi làm căn cơ (kiếm tông) trong khi Nhạc Bất Quần lấy nội công làm căn cơ (khí tông).

Biết được điều ấy, Nhạc Bất Quần vu cáo Lệnh Hồ Xung đã lấy được Tịch tà kiếm phổ, sai Lao Đức Nặc giám sát gã và sau đó ra thông báo đuổi gã ra khỏi phái Hoa Sơn vì tội "kết giao với Ma giáo" (Điền Bá Quang). Sự thật là Nhạc Bất Quần đã cướp đoạt tấm cà sa có chép Tịch tà kiếm phổ của họ Lâm. Lão nuôi tham vọng lên ngôi Minh chủ Ngũ Nhạc kiếm phái để từ đó

lập ra Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm) và sử dụng Lệnh Hồ Xung như một con cờ thí để đánh lạc hướng của các địch thủ khác. Biết Tả Lãnh Thiền, chưởng môn phái Tung Sơn, cũng có tham vọng như mình, đưa Lao Đức Nặc vào nằm vùng trong phái Hoa Sơn, nên lão đã chép bản kiếm phổ giả, tạo điều kiện cho Lao Đức Nặc đánh cắp về cho Tả Lãnh Thiền luyện chơi.

Kiếm phổ giả và kiếm phổ thật khác nhau ở chỗ nào? Đó là một câu ghi trên kiếm phổ: "Võ lâm xưng hùng. Dẫn đao tự cung" (Muốn xưng hùng võ lâm, phải biết lấy đao tự thiến). Đúng như lời Lâm Chấn Nam di chúc: "Bất luận là ai cũng không được cởi mở ra coi mà sinh tai hoạ ghê gớm". Lâm Viễn Đồ (tức Viễn Đồ Công) ông nội của Lâm Chấn Nam, có con rồi mới luyện Tịch tà kiếm phổ. Khi dặn Lệnh Hồ Xung nói lại với Lâm Bình Chi câu ấy, ông Lâm Chấn Nam chỉ lo con trai mình nóng lòng trả thù cho cha mẹ, phải "dẫn đao tự cung" thì dòng họ Lâm phải tuyệt tự. Nhạc Bất Quần chép "tặng" Tả Lãnh Thiền cả bộ kiếm phổ, chỉ không chép câu "Dẫn đao tự cung" cho nên kiếm phổ của Tả Lãnh Thiền luyện là giả! Riêng Nhạc Bất Quần có kiếm phổ là lão "dẫn dao tự cung" mặc dù lão chỉ có Nhạc Linh San là con gái duy nhất. Mà với nhà nho ngày trước "Bất hiếu hữu tam,vô hậu vi đại" (bất hiếu có ba điều, trong đó không có con trai nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất). Biết là như thế nhưng tham vọng của Nhạc Bất Quần lớn quá, lão quyết tự làm cho mình tuyệt tự.

Lệnh Hồ Xung lưu lạc giang hồ, kết bạn với một cô gái cực kỳ xinh đẹp. Cô gái ấy là Nhậm Doanh Doanh, con gái của Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Triêu dương thần giáo (tức Ma giáo). Anh bị trọng thương mất hết công lực; Doanh Doanh phải cõng anh lên chùa Thiếu Lâm chịu để cho các nhà sư cầm tù mình để các nhà sư cứu mạng Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung được khỏi bệnh. Khi hiểu ra mối thâm tình của Doanh Doanh, anh quyết cùng bọn hào sĩ giang hồ tiến lên chùa Thiếu Lâm đòi thả Doanh Doanh ra.

Trong buổi gặp gỡ tại chùa Thiếu Lâm, lần đầu tiên trong đời, Lệnh Hồ Xung rút kiếm ra đấu với sư phụ. Độc Cô cửu kiếm của anh hơn hẳn Hoa Sơn kiếm pháp của Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần sử đi sử lại ba chiêu Lãng tử hồi đầu (chàng lãng tử quay đầu lại), Thương tùng nghênh khách (những cây tùng xanh đón khách) và Tiêu Sử thừa long (Tiêu Sử cưỡi rồng mà bay). Ý của Nhạc Bất Quần đã rõ: lão khuyên Lệnh Hồ Xung nên trở về phái Hoa Sơn và lão sẽ gả Nhạc Linh San cho Lệnh Hồ Xung để Lệnh Hồ Xung có thể ung dung khoái hoạt như Tiêu Sử cưỡi rồng mà bay. Lệnh Hồ Xung nào không hiểu ý sư phụ. Nhưng anh dứt khoát phải cứu mạng Nhậm Doanh Doanh. Và đây cũng là lần đầu tiên trong đời, kiếm pháp do Phong

Thanh Dương phe Kiếm tông truyền thụ thắng lợi trước kiếm pháp phe Khí tông của Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần giận lắm, lão đá Lệnh Hồ Xung một cước và cái đá khiến lão gãy xương cẳng chân.

Thực ra, chuyện gãy chân chỉ là một màn kịch tuyệt khéo mà chỉ có Nhạc Bất Quần mới nghĩ ra được. Lúc bấy giờ, lão đang đấu trước mặt Tả Lãnh Thiền, kẻ thù chính sau này của lão. Lão chưa tiện giở Tịch tà kiếm pháp ăn cắp của họ Lâm ra mà chỉ dùng Hoa Sơn kiếm pháp. Khi Hoa Sơn kiếm pháp bị Lệnh Hồ Xung đánh bại, lão nổi nóng đá Lệnh Hồ Xung nhưng công lực của Lệnh Hồ Xung chưa đủ để khiến chân lão phải gãy. Chuyện gãy chân đó là do lão tự vận công mà làm gãy để cho Tả Lãnh Thiền phải mất cảnh giác, cho rằng công lực của lão không đáng kể. Quả nhiên, Tả Lãnh Thiền đã rơi vào bẫy khổ nhục kế của Nhạc Bất Quần.

Vâng, mọi âm mưu thủ đoạn của Nhạc Bất Quần đều được tiến hành rất khéo, dưới một bộ mặt nhân danh người quân tử, khiến mọi người hiểu lầm. Nhưng duy nhất có một người hiểu rõ mưu đồ của lão. Người đó là bà Ninh Trung Tắc, vợ của Nhạc Bất Quần. Hơn ai hết, bà biết chồng đã "dẫn đao tự cung" để luyện Tịch tà kiếm phổ vì từ khi luyện kiếm phổ, lão không hề chăn gối với bà! Nguy hiểm hơn, bà khám phá ra tâm tình lão đang biến đổi, trở thành người ái nam ái nữ, độc ác, thủ đoạn. Sáng nào, khi rũ chăn, bà cũng thấy những sợi râu của chồng rụng, và tiếng nói của lão ngày càng trở nên eo éo, do sự biến đổi phái tính. Bà khuyên lão đừng vu cáo Lệnh Hồ Xung nữa, từ bỏ giấc mộng làm minh chủ Ngũ nhạc phái và vứt bỏ tấm áo cà sa có chép Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm. Giả vờ nghe lời vợ, Nhạc Bất Quần vứt tấm áo cà sa xuống thung lũng núi Hoa Sơn.

Nhưng tấm áo cà sa đó đã không mất. Có một người đã nhặt được tấm áo đó sau nhiều năm rình rập ở căn phòng của Nhạc Bất Quần. Người đó là Lâm Bình Chi, con của ông bà Lâm Chấn Nam. Bình Chi đã nghi sư phụ đoạt được tấm áo cà sa của nhà mình và đã luyện được Tịch tà kiếm pháp của nhà mình. Hắn âm thầm theo dõi thầy và chụp được tấm áo cà sa bị vứt bỏ. Thế là quên mất lời dặn dò của cha, hắn vội vã "dẫn đao tự cung" ngay khi mới mười chín tuổi để luyện Tịch tà kiếm phổ!

Một ngày nhìn ra hẻm núi, Nhạc Bất Quần không còn thấy tấm áo cà sa nữa. Lão biết có một ai đó đã lấy được kiếm phổ và "ai đó" chính là Lâm Bình Chi. Lão đánh tiếp một bước cờ thật cao: gả Nhạc Linh San, con gái yêu của lão cho Lâm Bình Chi. Vài đêm sau, lão dò hỏi Nhạc Linh San, hỏi con gái có "hạnh phúc" không. Nhạc Linh San nói dối lão rằng cô rất hạnh phúc.

Thực ra từ khi "dẫn đao tự cung", Lâm Bình Chi đã trở thành một tay thái giám thì còn làm ăn gì được. Đêm nào hắn cũng ngủ riêng và thù ghét Nhạc Linh San ra mặt.Chính câu nói dối của Nhạc Linh San đã cứu mạng gã Lâm Bình Chi. Nếu cô nói rằng sau sau ngày cưới, Lâm Bình Chi chưa hề làm chồng cô đêm nào thì Nhạc Bất Quần sẽ biết ngay là Lâm Bình Chi đã luyện Tịch tà kiếm phổ và đã giết Lâm Bình Chi rồi.

Bộ mặt thật của Nhạc Bất Quần chỉ hiện ra trong lần đại hội Ngũ nhạc kiếm phái trên ngọn Tung Sơn. Lão đã sử dụng Tịch tà kiếm pháp thứ thiệt đánh với Tịch tà kiếm pháp giả mạo của Tả Lãnh Thiền, đâm mù được đôi mắt Tả Lãnh Thiền bằng những ngón tay dịu dàng như thủ pháp một cô gái đang dùng kim thêu. Lão lên ngôi minh chủ Ngũ nhạc phái, đúng như dự kiến ban đầu. Bấy giờ, Lệnh Hồ Xung đã trở thành chưởng môn phái Hằng Sơn; lại được lão o bế, vỗ về khác xa với ngày đuổi Lệnh Hồ Xung ra khỏi môn phái. Bằng cái nhãn giới của người nhạy cảm, Doanh Doanh đã nói nhỏ vào tai tình lang Lệnh Hồ Xung ba tiếng nhận xét về Nhạc Bất Quần: "Nguỵ quân tử". Và chỉ đến lúc ấy Lệnh Hồ Xung mới cảm thấy cụm từ trên thật phù hợp với con người mà anh đã từng yêu mến, kính ngưỡng bấy lâu nay.

Mọi chuyện về cuộc đời Nhạc Bất Quần kết thúc đúng như tinh thần chung của tiểu thuyết phương Đông: kẻ gieo gió phải gặt bão. Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần trở thành một kẻ mất hết nhân tính, bỏ vợ, bỏ con, xa lánh học trò, rượt đuổi theo giấc mơ trở thành minh chủ võ lâm Trung Hoa. Nhưng than ôi, Tịch tà kiếm pháp của hắn không thể thắng được Độc Cô cửu kiếm mà Phong Thanh Dương đã truyền thụ cho Lệnh Hồ Xung. Để trừ hậu hoạ cho tình lang, Nhậm Doanh Doanh bóp mũi Nhạc Bất Quần, buộc lão phải há miệng uống một viên Tam thi não thần đan, thứ thuốc độc dùng để khống chế kẻ khác của Triêu Dương thần giáo. Cuối cùng lão bị tiểu ni cô Nghi Lâm đâm một kiếm qua đời. Còn Lâm Bình Chi, một kẻ tiểu nguỵ quân tử, phong cách ung dung nho nhã đúng y khuôn Nhạc Bất Quần sư phụ? Hắn cũng nổi điên, giết vợ là Nhạc Linh San. Đôi mắt bị đui mù, hắn theo Lao Đức Nặc về với Tả Lãnh Thiền. Giấc mơ Tịch tà kiếm phổ tàn lụi và thay vào đó là tiếng đàn sáo hài hoà trung chính của bộ cầm phổ-tiêu phổ Tiếu nhạo giang hồ trỗi lên.

Năm 1996, trả lời câu hỏi của nhà báo Lê Văn Nghĩa trên tạp chí Kiến thức ngày nay, nhà báo Trần Bạch Đằng phát biểu, đại ý: nếu trên một hòn đảo cô độc, ông sẽ đem theo bộ Tiếu ngạo giang hồ để làm bạn vì ông rất ghét Nhạc Bất Quần và yêu Lệnh Hồ Xung. Suy nghĩ của ông Trần Bạch Đằng cũng là suy nghĩ của thế hệ độc giả đọc Tiếu ngạo giang hồ. Nhưng than ôi, giữa

cuộc sống của chúng ta, những tay "Quân tử kiếm" cỡ Nhạc Bất Quần còn khá bộn!

Lam Phượng Hoàng

Lam Phượng Hoàng là một "nữ bác sĩ" được xây dựng trong Tiếu ngạo giang hồ của nhà văn Kim Dung. Cô vốn là người thuộc dân tộc vùng Miêu Cương, vùng Vân Nam lãnh thổ Trung Quốc, giáo chủ của Ngũ độc giáo. Nghe tiếng chàng trai Lệnh Hồ Xung đã trở thành tình nhân của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, Lam Phượng Hoàng dẫn một bọn nữ đệ tử, vượt dòng Hoàng Hà tìm Lệnh Hồ Xung.

Gặp nhau trên Hoàng Hà, Lam Phượng Hoàng chẩn bệnh cho Hồ Xung ngay và biết chàng này mất rất nhiều máu, lại bị mất hết công lực do bị nội thương trầm trọng. Viên "nữ bác sĩ" hoang dã này đã thực hiện phép truyền máu cho Lệnh Hồ Xung: kêu bọn nữ đệ tử đến, vén váy đặt đỉa vào cho đỉa hút máu rồi lấy dụng cụ gắp từng con đỉa ấy vào tĩnh mạch Lệnh Hồ Xung, thoa một chút thuốc vàng vàng vào thân đỉa để đỉa nhả máu ra. Quả nhiên sau khi được tiếp máu, sắc mặt Lệnh Hồ Xung hồng hào hẳn lên.

Tác giả Kim Dung đã mô tả hình dạng viên "nữ bác sĩ" này khá đẹp, mặc chiếc áo màu lam có in hoa hồng trắng sắc sỡ, nụ cười quyến rũ và tiếng nói thanh thót khiến ai nghe qua cũng phải rung động. Cô gọi Lệnh Hồ Xung mà những nam đệ tử khác của phái Hoa Sơn cứ ngỡ cô gọi mình; tim họ đập thình thịch trong lồng ngực! Cho đến khi nhìn thấy mấy cặp đùi trắng đẹp của bầy tiên nữ Ngũ độc giáo thì cả bọn hả họng, líu lưỡi.

Tác giả cũng nhấn mạnh người Miêu Cương không như Trung Nguyên, muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói, không phải e dè, che dấu. Sau khi truyền máu, Lam Phượng Hoàng mời Lệnh Hồ Xung uống rượu Ngũ tiên đại bổ. Ngũ tiên là năm loài trùng độc. Tất cả đều tự tay Lam Phượng Hoàng ngâm rượu, lại ướp bỏ vào đấy nhiều loại dược thảo nên rượu khá thơm tho. Lam Phượng Hoàng đem Ngũ tiên đại bổ mời Lệnh Hồ Xung uống trong khi cả phái Hoa Sơn đều từ chối. Và do vậy, dưới con mắt của Lam Phượng Hoàng, chỉ có chàng trai Lệnh Hồ Xung mới đáng là nam tử hán, là người bạn tốt.

Tuy không nói rõ ý định, nhưng tự thâm tâm, Lam Phượng Hoàng chỉ mong Lệnh Hồ Xung gọi mình là "hảo muội tử". Lệnh Hồ Xung đã đọc trong đôi

mắt cô niềm ao ước đó. Anh cất tiếng gọi cô là "hảo muội tử" làm cô sướng mê đi bởi với người Trung Nguyên, "hảo muội tử" chỉ là em gái, nhưng đối với người Miêu Cương thì đó là tiếng gọi tình nhân!

Lam Phượng Hoàng ra đi, cả phái Hoa Sơn nôn mửa thốc tháo, trừ chàng Lệnh Hồ Xung. Lênh Hồ Xung đã uống Ngũ tiên đại bổ của cô, không trúng độc, còn những người không uống thì bị trúng độc. Chẳng hiểu cô đã phóng độc trong trường hợp nào. Thật chẳng hổ danh Ngũ độc giáo!

Sau này khi lên gò Ngũ Bá Cương bắt mạch cho Lệnh Hồ Xung, đại phu Bình Nhứt Chỉ khám phá ra trong người của chàng lại dư khí âm hàn do được truyền máu và uống rượu của Ngũ độc giáo. Bình Nhứt Chỉ đã mạt sát Lam Phượng Hoàng, gọi Lam Phượng Hoàng là lang băm và cho rằng trên đời này, người ta chết vì lang băm nhiều hơn là chết vì bệng tật. Quan điểm của Bình Nhứt Chỉ thật ra cũng chính là quan điểm của tác giả Kim Dung. Ông quan niệm y học, y thuật và y đạo là những cái mà không phi ai cũng làm được Những người coi thường tính mạng con người chữa bệnh theo kiểu thầy bói mù sờ voi thì chỉ có thể là những kẻ hại người, không thể khoác tấm áo cao quý của người thầy thuốc chân chính. Lời cảnh giác đó rất cần thiết cho mọi xã hội, mọi thời đại, kể cả xã hội và thời đại chúng ta đang sống.

"Nữ bác sĩ" Lam Phượng Hoàng thật ra chỉ chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung theo phương pháp ngẫu hứng. Trong lòng cô mong được giáp mặt chàng trai đa tình ấy, được chàng gọi ba tiếng "hảo muội tử", được hôn chàng một lần trước mặt Nhạc Bất Quần và bọn đệ tử phái Hoa Sơn trên con thuyền giữa Hoàng Hà đã đủ để nổi tiếng với đời. Cô vốn là cô gái Miêu Cương tò mò. Thế thôi. Cô biết Lệnh Hồ Xung đâu đến được với cô, bởi chàng là người tình của Doanh Doanh, mà Doanh Doanh lại là Thánh cô của cô. Trong cách dùng thuốc của Lam Phượng Hoàng lấp lánh một chút tình yêu đầu đời lãng mạn. Tiếp theo, rượu bổ chỉ là cái cớ. Cái chính là được gặp, được nhìn, được nói chuyện, được hôn Lệnh Hồ Xung. Ai nói thầy thuốc trên đời này không biết yêu và không biết vượt qua ngàn trùng đến hội ngộ với người mình thầm yêu trộm nhớ? Lam Phượng Hoàng là một "nữ bác sĩ" sống rất tình người, rất chân thật, xứng đáng là một thầy thuốc có được hai trái tim(?)

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Đại phu Bình Nhứt Chỉ

Bình Nhứt Chỉ là một nhân vật quái dị, xuất hiện ba lần, cộng khoảng 15 trang trong bộ Tiếu ngạo giang hồ của nhà văn Kim Dung, nhưng người thầy thuốc này lại để lại trong tôi những ấn tượng sâu đậm.

Kim Dung ca ngợi nhân vật của mình là Đại phu – tước hiệu một chức quan có từ thời Xuân thu – Chiến quốc. Tên của nhân vật này là Bình Nhứt Chỉ, ngoại hiệu của nhân vật là Sát nhân danh y. Tuy gọi là Nhứt Chỉ (1 ngón tay) nhưng sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ vẫn đầy đủ cả mười ngón tay. Cả cái tên và ngoại hiệu có ý phô trương tài nghệ của nhân vật: Bình Nhứt Chỉ cứu người hay giết người chỉ cần dùng đến một ngón tay là đủ. Nói cách khác, võ công và y thuật của người này đã đạt tới trình độ thông thần.

Bình Nhứt Chỉ là người thuộc phủ Khai Phong, lưu vực sông Hoàng Hà. Tướng mạo vị danh y thật cổ quái: "Người lùn mập cao không tới bốn thước mà lưng lại rộng tới gần bốn thước. Cái đầu cực lớn, dưới hàm lại có túm râu như râu chuột". Ngược lại với Bình Nhứt Chỉ, vợ của nhà danh y lại cao lêu ngêu, mặt dài như tấm thớt và trắng bệch, lông mày thưa rỉnh. Vợ của nhà danh y chính là y tá chuyên bưng mâm đựng dụng cụ mổ phục vụ cho nhà danh trong các ca đại phẫu.

Đúng như ngoại hiệu của mình, Bình Nhứt Chỉ cứu một người nào thì ông đồng thời ra lệnh cho người đó giết một người khác. Bình Nhứt Chỉ quan niệm rằng Diêm vương là một nhân vật sáng suốt, nếu cứ cứu cho người sống hết mà không để cho ai chết đi thì Diêm vương ắt phải rất bực mình vì không đủ "chỉ tiêu". Cho nên Bình Nhứt Chỉ ra lệnh cho bệnh nhân của mình đi giết một người khác – thường là kẻ tàn ác – là một cách đảm bảo túc số cho Diêm vương. Nói như vậy nhưng trong suốt tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ, Bình Nhứt Chỉ vẫn là một ông thầy thuốc hiền lành, chẳng ra lệnh cho ai giết ai cả.

Ca phẫu thuật mà ta bắt gặp trong tác phẩm là ca Bình Nhứt Chỉ mổ và nối lại tâm mạch cho Đào Thực Tiên trong nhóm Đào Cốc lục tiên. Đào Thực tiên bị Ninh Trung Tắc, vợ Nhạc Bất Quần, đâm cho một kiếm trí mạng, đứt cả tam âm lục mạch. Bình Nhứt Chỉ đã mổ ruột Đào Thực tiên, nối lại tâm

mạch, chẳng những làm cho y khoẻ lại hoàn toàn mà còn đảm bảo cho y vẫn giữ được võ công và nội công như lúc chưa bị thương. Với sự trợ giúp của bà vợ, viên thầy thuốc có những ngón tay to như trái chuối này khâu vết thương cho bệnh nhân thuần thục như một cô gái sử kim thêu. Y thuật của Bình Nhứt Chỉ cao cường đến nỗi khâu xong vết thương, bệnh nhân đã có thể ngoác mồm ra mà cãi lộn được rồi.

Thế nhưng có một ca mà Bình Nhứt Chỉ không thể chữa được. Đó là ca bệnh của Lệnh Hồ Xung. Biết Lệnh Hồ Xung là người tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, bọn hào sĩ hắc đạo hiếu sự mời Bình Nhứt Chỉ đến thăm mạch cho chàng. Trên con thuyền đậu ở bến Khai Phong, Bình Nhứt Chỉ dùng đủ mười ngón tay để thăm mạch cho Lệnh Hồ Xung, nói trúng phóc trong con người chàng có bảy luồng chân khí dị chủng đang tranh đấu nhau và tâm hồn thì rất bạc nhược vì thất tình. Bình Nhứt Chỉ khuyên bệnh nhân mình cữ bốn món: không nghĩ đến gái, không đánh lộn, không cãi vã, không uống rượu. Theo Bình Nhứt Chỉ, đàn bà là một thứ gì đó vô vị nhất trên đời! Có lẽ khi lão phát biểu điều ấy, lão nghĩ đến vợ mình!

Bình Nhứt Chỉ tạm xa Lệnh Hồ Xung để mời bảy tay đại cao thủ tham gia hoá giải bảy luồng chân khí, kết hợp với y thuật của Bình Nhứt Chỉ, khả dĩ làm Lệnh Hồ Xung lành mạnh như xưa. Thế nhưng Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Linh San phụ bạc, hàng ngày phải chứng kiến cái cảnh Nhạc Linh San âu yếm với Lâm Bình Chi; lại bị Tổ Thiên Thu dẫn dụ uống tám viên Tục mệnh bát hoàn gồm những dược liệu linh chi, nhân sâm, hà thủ ô… chỉ dành cho con gái uống; lại được Lam Phượng Hoàng mời uống rượu Ngũ tiên đại bổ của Ngũ độc giáo Vân Nam…

Gặp nhau lần thứ hai trên gò Ngũ Bá Cương, Bình Nhứt Chỉ đã phóng cước đá bay những tên lang băm được mời về thăm bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Bắt mạch Lệnh Hồ Xung, Bình Nhứt Chỉ khám phá ra tâm thần bệnh nhân hoàn toàn bạc nhược, lại dư khí âm hàn do uống lộn thuốc của phụ nữ, chẳng khác nào sông Dương Tử, sông Hoàng Hà đã đầy nước, lại khơi thêm cho nước hồ Động Đình, hồ Bàn Dương chảy vào để biến thành ngập lụt. Bình Nhứt Chỉ cũng báo tin cho Giang Phi Hồng, một cao thủ được mời chữa bệnh nội thương cho Lệnh Hồ Xung đã vung kiếm tự tử vì nghe tin Lam Phượng Hoàng – người mà y theo đuổi bấy lâu nay - đã mời rượu và ôm hôn Lệnh Hồ Xung. Viên thầy thuốc này thú nhận là không thể chữa trị cho Lênh Hồ Xung được nữa. Ứng dụng nguyên tắc cứu một người thì phải giết một người, nay cứu Lệnh Hồ Xung không được, Bình Nhứt Chỉ phải tự giết mình. Viên thầy thuốc này đã vận đứt kinh mạch mà chết.

Bình Nhứt Chỉ là con người huyền thoại trong những con người huyền thoại được xây dựng trong truyện võ hiệp của Kim Dung. Tác giả làm cho ta ngạc nhiên về y thuật, y đạo và lương tâm thầy thuốc của nhân vật này. Chỉ trong một khắc suy nghĩ về bệnh tình của Lệnh Hồ Xung mà mái tóc của Đại phu đã bạc màu, da mặt nhăn nheo như già đi mấy chục tuổi. Cái chết của Bình Nhứt Chỉ thật sự là một cách nhận lấy trách nhiệm của người thầy thuốc có tấm lòng đối với cuộc sống, thể hiện phong cách của nhà nho, của kẻ sĩ trong triết lý Trung Hoa.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Từ AQ tới Vi Tiểu Bảo

AQ xuất hiện tháng 12.1921 trong truyện ngắn AQ chính truyện của Lỗ Tấn. Tác giả Lỗ Tấn không nói rõ AQ sinh ngày nào nhưng dường như khi chết đi, AQ đã là một người thành niên ở độ tuổi trên 30. Hoạ sĩ Nhật Bản Khuất Vĩ Vi vẽ lại di tượng AQ, minh hoạ cho tác phẩm của Lỗ Tấn, rất ngộ ngĩnh: trán hói, đầu lơ thơ mấy sợi tóc, miệng rộng, khuôn mặt hơi xương xương, mặc chiếc áo có hai mảnh và vụng về, ngang bụng thắt một sợi dây lưng lớn.

Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung sinh ra dưới triều vua Thuận Trị, nhà Thanh. Khi vua Khang Hy khoảng 14, 15 tuổi thì Vi Tiểu Bảo khoảng 12, 13. Như vậy có khả năng là Vi Tiểu Bảo sinh khoảng năm 1655, 1656 gì đó tại thành Dương Châu, dù tác giả Kim Dung, vốn cũng như nhà văn tiền bối Lỗ Tấn, không muốn nói rõ "hành trạng" nhân vật của mình. Cả hai có một lí lịch lờ mờ, không rõ ràng lắm.

Về mặt chủng tộc, AQ dứt khoát là người Trung Quốc. Cái tên của AQ viết ấm ớ vì hắn cũng không rõ hắn tên gì. Nếu hắn có được một người em hay một người anh thì hắn đã có thể là A Quý, nếu hắn sinh vào tháng 8 âm lịch thì có thể hắn là A Quế (cành quế trên cung trăng). Nhưng hắn không có em, chẳng có anh, không biết sinh vào ngày tháng năm nào cho nên Lỗ Tấn thận trọng không dùng tên A Quý hay A Quế, hoặc mô phỏng theo kiểu viết tiếng Anh, phiên âm thành A Quei đặt cho nhân vật mình mà chỉ gọi ấm ớ là AQ. Chữ A "phi thường" đứng trước tên hắn xác định hắn là người Trung Quốc thứ thiệt vì tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều không dùng chữ A đứng trước tên người đàn ông phổ biến như ở Trung Quốc. Ngược lại, ta khó mà xác định nguồn gốc chủng tộc của Vi Tiểu Bảo. Bà Vi Xuân Phương, mẹ của Vi Tiểu Bảo, là gái làng chơi ở Dương Châu, năm 20 tuổi, tiếp khách đủ cả Hán, Mãn, Mông, Tạng, Hồi. Thuật chuyện cho con nghe, bà Vi Xuân Phương cũng không biết được cha thằng bé là ai, chỉ nhớ có một Đạt Ma Tây Tạng rất say mê bà, thường đến ăn nằm với bà. Bà cho rằng Vi Tiểu Bảo là một tác phẩm phối hợp của cả năm chủng tộc. Cái tên của Vi Tiểu Bảo cũng rất hay. Vi là cực nhỏ; Tiểu là nhỏ; Bảo là cái tốt đẹp. Cả họ và tên của Vi Tiểu Bảo có thể hiểu là cái tốt đẹp nhỏ xíu xìu xiu... Tiểu Bảo hơn AQ ở chỗ có một bà mẹ; ngoài ra cả hai chẳng có anh em, không bà con thân thích. Thôi thì dẫu là gốc Tây Tạng, Vi Tiểu Bảo cũng thuộc cộng đồng

Trung Hoa, Cả AQ và Vi Tiểu Bảo là hai nhân vật ưu tú Trung Hoa trong văn học Trung Hoa vậy.

Điều ngộ nghĩnh nhất của hai nhân vật này là họ không biết chữ. Họ không được học hành bởi học trở thành một món xa xỉ phẩm đối với họ. Khá hơn AQ, Vi Tiểu Bảo nhận biết được chữ Tiểu trong tên của mình vì nó chỉ có ba nét nhưng bảo Vi Tiểu Bảo viết ra chữ ấy thì hắn chịu thua. Hắn cũng có thiện chí muốn học mấy chục chữ để làm quan nhưng nhìn đến chữ là đầu nhức mắt hoa, tinh thần lôn xộn. Khi ký vào bản cung nhận tội, AQ chỉ có thể khoanh một khoanh tròn và dù hắn có đem hết tâm lực ra, cái khoanh hắn vẽ vẫn méo xẹo. Lộc Đỉnh công Vi Tiểu Bảo ký hoà ước Hắc Long Giang với người Nga cũng thế. Hắn đã ráng hết sức để vẽ một cộng ở giữa, hai chấm tròn hai bên để gọi là chữ Tiểu nhưng chữ Tiểu ấy xem ra lại giống bộ phận sinh dục của đàn ông làm các quan nhà Thanh cười ồ, cho là chữ ký cổ quái. AQ thất học, mấy ngàn năm sống trong sự tăm tối, mê muội; Vi Tiểu Bảo thất học nhưng may mắn hơn, hắn đắc thủ được hai kinh nghiệm bằng vàng là thói lưu manh và tinh thần bợ đít từ kỹ viện và hoàng cung. Kết luận của nhà văn Kim Dung làm cho người đọc kinh ngạc: chỗ cao quý nhất là hoàng cung và chỗ đồi bại nhất là kỹ viện đều là hai nơi trá nguỵ bậc nhất, hai nơi đào tạo ra những nhà lưu manh học và "bợ đít đại vương" hạng siêu phàm. Khi viết ra được diều này, Kim Dung xứng đáng được phong danh hiệu trào phúng thượng hạng.

Cả AQ của Lỗ Tấn và Vi Tiểu Bảo của Kim Dung đều có chung một phép thắng lợi tinh thần vĩ đại. AQ từng quắc mắt mắng đối thủ: "Ông cha nhà tao bề thế hơn nhà mầy nhiều. Mày thì ra cái đồ gì". AQ cười, chê cả xóm Vị Trang đều là thứ ngu vì chẳng ai được lên tỉnh như hắn dù lên tỉnh chỉ để trộm cắp. Có khi hắn tự tát mình để được nghĩ rằng mình đang tát một người khác. Có khi hắn tự phong mình là bố của kẻ khác và kẻ đánh hắn là đồ ngu, đồ tồi vì là con đánh bố. Về hình thức, hắn đánh lộn luôn luôn thua người ta, bị nắm đuôi sam, bị đập đầu xưng trán nhưng về tinh thần thì hắn thắng lợi to vì là con đánh bố. Hắn tự nhận mình là sâu, là giun gián để kẻ đánh hắn chỉ đánh được con sâu, con giun. Hắn tự hào vì mình là kẻ biết khinh mình hạng nhất mà "hạng nhất" là đã hơn người rồi. Vi Tiểu Bảo cũng thế. Hắn cho trên đời này nghề làm điếm như má hắn ở thành Dương Châu là một nghề lương thiện. Hắn muốn điếm hoá luôn những người hắn gặp: "Ta là tổ tiên nhà ngươi". Trên đời này, hắn là người duy nhất dám chửi Ngọc Lâm đại sư (nhà chân tu ở chùa Thanh Lương), Hối Thông phương trượng (trụ trì chùa Thiếu Lâm), Thuận Trị hoàng đế, thái hậu, công chúa. Hắn là người duy nhất dám đánh lộn với nhà vua, công chúa. Cao hứng, hắn nặn ra một lý

lịch rất trâm anh thế phiệt: "Tổ phụ làm quan, bị quân Thanh kéo qua tàn sát, gia mẫu được một nhà quan ở Dương Châu nuôi dưỡng; hắn thuộc dòng dõi danh gia vọng tộc ở Dương Châu". Mười hai tuổi, hắn đã tự xưng là "lão gia", một từ mà người già đứng đắn nhất cũng chẳng dám tự xưng. Ai mạnh hắn sợ vãi … ra quần, ai yếu hắn khinh, đánh ai không lại hắn đem tiền nhờ kẻ khác đánh, ai mất cảnh giác hắn lợi dụng, hành hạ được ai đến nhà tan người chết hắn mới khoan khoái. Chủ nghĩa thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo hơn AQ một bực, rộng hơn của AQ về phương pháp lập ngôn.

AQ và Vi Tiểu Bảo cùng có thói ham đánh bạc. AQ càng đánh càng thua, thậm chí có khi hắn thắng lớn nhưng bị trấn lột, mất cả vốn lẫn lời. Vi Tiểu Bảo ngược lại, đánh bạc là phải thắng vì hắn có nghề chơi...bạc lận. Thủ kình của hắn vi diệu đến nỗi muốn gieo con xúc xắc ngửa mặt nào là có ngay mặt đấy, tất nhiên với điều kiện con xúc xắc phải được đổ thủy ngân hay đổ chì. Cũng nhờ đánh bạc gài anh em thái giám Ôn Hữu Phương, Ôn Hữu Đạo mà hắn được gặp mặt vua Khang Hy, đâm giết được Ngao Bái để trở thành bậc "thiếu niên anh hùng" vang danh Trung Quốc! Mà hắn cho tất cả cuộc đời đều là canh bạc: từ sinh mạng của các dũng sĩ núi Vương Ốc đến chuyện đặt tên con là Hổ Đầu, Song Song; tất thảy đều được giải quyết với con xúc xắc.

AQ có một bài hát ruột: Tiểu cô nương thượng phần (Người thiếu nữ trẻ đi thăm mộ). Ngoài ra, hắn chỉ biết được vài câu hát vặt từ tuồng hát: "Tay ta cầm con roi sắt, ta đánh nhà ngươi" với một mong ước rất lãng mạn, rất mơ hồ là được "làm giặc". Vi Tiểu Bảo cũng chỉ có một bài hát ruột - bài Thập bát mô, một bài hát dâm đãng ở miệt Dương Châu diễn tả 18 chỗ lồi lõm của thân thể người phụ nữ. Hắn thuộc Thập bát mô từ nhỏ, đến năm 17 tuổi trở lại kĩ viện Dương Châu, hắn tóm được bảy người phụ nữ lên một cái giường rộng, buông mùng xuống và hát thoải mái: "Một ta sờ, hai ta sờ, ba ta sờ, sờ trúng cái đùi của thư thư"...Tất nhiên, về văn hoá, hắn cao hơn AQ rất nhiều: biết nghe kể chuyện sách trong Anh liệt truyện, thích coi hát các tuồng vui nhộn, thích nghe các thiên cố sự. Nhưng tựu trung, tuồng tích hay đờn ca, chuyện kể hay cố sự, cái gì có tính chất tục tĩu hắn mới khoan khoái.

Về tình yêu và tình dục, AQ của Lỗ Tấn cực kì nghèo nàn, lạc hậu. Có hai lần trong đời, AQ tiếp xúc với da thịt phụ nữ: một lần coi hát, hắn véo đùi được một người đàn bà, một lần bẹo má sư cô am Tĩnh Tu. Lần sau đem lại cho AQ một cảm giác nôn nao khó chịu đến nỗi tâm trí hắn vốn trong sáng như nước hồ thu, giờ cũng rôn rã hai tiếng "đàn bà", đưa hắn đến hành vi quỳ xuống trước mặt vú Ngô và nói: "Tôi muốn ngủ với mình". Chỉ một câu

nói như thế mà hắn bị lão Triệu Bạch Nhãn cho gia đinh dần một trận, lại còn bị phạt vạ đến mấy trăm quan. Lỗ Tấn khám phá ra nụ cười mà rằng đàn ông Trung Quốc vốn là ông thánh ông hiền nhưng họ bị đàn bà làm cho hư việc hết ráo. Khác với AQ, Vi Tiểu Bảo "yêu" sớm, quyết liệt và lai láng. Mười ba tuổi, hắn đã nắm bóp thân thể quận chúa Mộc Kiếm Bình, 15 tuổi, hắn đã ăn trái cấm với công chúa Kiến Ninh. Hắn chẳng biết tình yêu là gì; hắn chỉ có tình dục: có đến bảy bà vợ từ trinh nữ tới gái nạ dòng và một cô bồ người Nga, công chúa Tô Phi Á (Sophia). Hắn "làm việc" khá đến nỗi hai hoả thương thủ người Nga báo cáo lại là công chúa Tô Phi Á ngày đêm chỉ mong nhớ "Trung Quốc tiểu hài đại nhân" mà lãnh đạm với tất cả các vương tôn, công tử ở Mạc Tư Khoa. Có thể ở Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã thể hiện phép "thắng lợi tinh thần" của Hán tộc trên mặt trận tình dục. Vốn xưa, đời nhà Tần đã có một chàng Lao Ái, thái giám giả hiệu vang danh đến nỗi được Thái hậu Triệu Cơ cưng chiều thì nay Vi Tiểu Bảo - cũng là một thái giám giả hiệu được Tô Phi Á nhớ nhung, không chừng cũng là chuyện có thật.

Chủ nghĩa khinh khi phụ nữ mới chỉ thấp thoáng trong tư tưởng của AQ thì thật sự bộc phát trong con người Vi Tiểu Bảo. Từ quận chúa đến công chúa, hắn muốn đánh thì đánh, muốn mắng thì mắng. AQ chỉ mới dám khinh khi vợ của Tây giả cầy chứ Vi Tiểu Bảo đã từng thoá mạ công chúa là "con đượi non", từng lột trần truồng công chúa ra đánh đập nhừ tử rồi mới bảo: "Thế này thì lão gia muốn... bắt người làm vợ". Với Vi Tiểu Bảo, bất cứ một phụ nữ nào cũng chỉ ngang hàng với gái làng chơi trong Lệ Xuân viện thành Dương Châu.

Cả hai con người ấy đều là hai kẻ trộm cắp. AQ làm lụng không đủ ăn, phải bỏ xóm Vị Trang lên tỉnh tham gia một đường dây ăn trộm. Vi Tiểu Bảo thì trộm cắp, thậm chí là cướp giật ngay giữa ban ngày ban mặt. Hắn học được một bài giáo khoa về nghệ thuật làm quan do Sách Ngạch Đồ dạy: "Đừng nói nặng lắm, cũng đừng nói nhẹ lắm". Hắn đem bài giáo khoa ấy áp dụng với Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng, Thi Lang và kiếm được mấy trăm vạn lạng. Hắn được chia của khi kiểm kê tài sản trời cho khiến cho kếch xù ấy vãi ra tứ phương, mỗi người một ít, khiến ai cũng ca ngợi hắn là bậc hào phóng đệ nhất triều Thanh!

AQ xuất hiện ở đầu thế kỷ 20 trong tác phẩm của Lỗ Tấn nhưng lại là hình ảnh cực kỳ cổ điển của người Trung Quốc qua mấy ngàn năm. AQ là biểu tượng sinh động của một chủ nghĩa Hán tộc đầy bi kịch trước thảm hoạ ngoại xâm do Bát quốc liên quân gây nên. Cái buổi tranh tối tranh sáng giữa quân chủ và cộng hoà đã biến một AQ trở nên lạc lõng, xa lạ, đơn độc ngay

chính trên quê hương của mình. Vi Tiểu Bảo tuy là công tước của triều Thanh nhưng lại là con người cực kì hiện đại. Hắn chính là hình ảnh biểu tượng của một con người Trung Quốc bá nạp các khuynh hướng hiện đại: vừa trung thành với triều Thanh, vừa phản triều Thanh, khi gia nhập Thiên Địa Hội, vừa làm trụ trì chùa Thanh Lương, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm, vừa đĩ bợm, cờ gian bạc lận; vừa làm tôi triều Thanh vừa gia nhập Thần long giáo chống triều Thanh, vừa cao quý vừa đồi bại.

Đọc AQ chính truyện, người ta cười ruồi rồi sau đó, người ta xót thương cho số phận con người Trung Quốc. Lỗ Tấn mổ xẻ thật mạnh, mũi đao của ông chọc vào các vết thương Trung Quốc mưng mủ không thương tiếc. AQ chết trên pháp trường một cách hồ đồ. Đọc Lộc Đỉnh ký, người ta cười ha hả. Kim Dung mổ xẻ cuộc phẫu thuật của ông dài hơi và thật ly kì. Vi Tiểu Bảo sống nhăn răng với bảy mụ vợ xinh đẹp và một gia tài kếch xù. Thế nhưng, người ta không biết hắn ở đâu trên đất nước Trung Hoa ta lớn bậc nhất nhì trên thế giới; không tìm ra được hành tung của hắn dù nơi đâu hắn cũng có mặt.

Kim Dung đã nối tiếp công việc của Lỗ Tấn khi xây dựng một kiểu mẫu người Trung Quốc trong văn học hài hước. Lạ một điều là văn chương hài hước của Kim Dung lại là tiểu thuyết võ hiệp, lôi cuốn, hấp dẫn người đọc từ trang đầu tới trang cuối. Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo là một bước tiến lớn trong cái nhìn của hai thế hệ nhà văn Trung Quốc về hình tượng con người Trung Quốc, là một bước tiến lớn trong kỹ thuật tiểu thuyết và nghệ thuật hài hước Trung Quốc. Kim Dung và Lỗ Tấn quả xứng đáng được xếp vào đội ngũ 10 nhà văn kỳ tài của văn học Trung Quốc.

Vi Tiểu Bảo và phép thắng lợi tinh thần

Khi xây dựng nhân vật AQ (AQ chính truyện), Lỗ Tấn đã khai sinh ra một khái niệm có thể nâng lên thành hàng triết thuyết: thắng lợi tinh thần. Theo Lỗ Tấn, về mặt thể chất, anh có thể bị người ta đánh cho u đầu tét trán, bị người ta đè ra lột sạch tiền bạc. Về tinh thần, người ta có thể coi anh là một thức người không ra người, khinh miệt anh. Nhưng anh vẫn cúi đầu cam chịu và tự cho mình uống một liều nước đường; tự dối lòng mìn rằng anh là cha của những kẻ đã đánh anh, đã làm nhục anh. Anh coi những kẻ đó ngu hơn anh.

AQ khi bị đánh thường tụ an ủi: "Cái đời thật lạ lùng, con mà lại dám đánh bố". Bị đánh đau hơn, bị đè đầu xuống đất, AQ lại la lên: "Tao là con trùn, được chưa nào?". Rồi AQ mắng thầm kẻ đè đầu mình: "Đồ ngu, ngươi đánh con trùn mà cứ tưởng đánh được ta." Thậm chí khi ở một mình, nghĩ đến trận đòn vừa qua, AQ lại tự đưa tay lên vả vào má mình và tưởng tượng ra mình đang vả vào má một ai đó! AQ áp dụng tư duy phân thân, cho rằng mình không phải là mình nữa, mình đang thắng lợi vì được vả vào má một thằng tên là AQ nào đó.

AQ của Lỗ Tấn ra đời năm 1927. Vi Tiểu Bảo của Kim Dung ra đời năm 1968. AQ là con người của bối cảnh xã hội sau Cách mạng Tân Hợi 1911 nhưng là nhân vật đại biểu của dân tộc Trung Hoa suốt mấy ngàn năm. Đây là con người cổ điển. Vi Tiểu Bảo là con người trong bối cảnh xã hội sau biến cố lịch sử Mãn Thanh xâm lược và chiến được Trung QUốc năm 1643 nhưng lại là con người rất hiện đại. Cả hai anh cổ điển và hiện đại đó đều cùng có chung một tư duy lớn: phép thắng lợi tinh thần.

Vi Tiểu Bảo ở trong Lệ Xuân viện, thành Dương Châu chỉ là một thứ tiểu lưu manh. Nghề nghiệp của Bảo là đi mua quà vặt cho các kỹ nữ và làm chuyện lặt vặt theo sự sai khiến của khách làng chơi.

Bảo thường bị người ta mắng nhiếc là quân chó đẻ, đồ súc sinh. Tất nhiên, Bảo không dám mở miệng mắng lại, vì mắng lại là bị đòn ngay. Nhưng hễ không mắng ra miện được thì Bảo lại mắng thầm: "Ngươi mới là quân chó đẻ, ngươi mới là đồ súc sinh". Sau mỗi câu mắng thầm, Bảo cảm thấy khoan

khoái như được mắng thật. Phép thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo cao cường hơn người đồng quốc AQ mấy bực. Điều khoan khoái nhất của Vi Tiểu Bảo là năm 13 tuổi được đi đến chỗ bọn Thiên Địa hội đang hoạt động phản Thanh phục Minh ở bắc Kinh. Lần đầu tiên Bảo được gọi là "Vi gia". Vi gia tức là ngài họ Vi. Vi Tiểu Bảo tưởng tai mình nghe lầm. Cái mặc cảm mười mấy năm bị gọi là quân chó đẻ, đồ súc sinh từng khiến Bảo cảm thấy mình thuộc lớp hạ tiện nhất thiên hạ đột nhiên biến mất bởi hai chữ "Vi gia".

Từ thời điểm đó, Vi gia của chúng ta tự cho phép được mắng thầm tất cả mọi người, kể cả những nhân vật thượng đẳng mà chế độ quân chủ Trung Hoa từng kính trọng. Thái hậu, tức mẹ của nhà vua, bị mắng là "mụ điếm già". Công chúa, em gái vua, bị mắng là "con đượi non". Thượng thiện thái giám, người coi sóc tất cả các đầu bếp chuyên nấu ăn cho hoàng gia, bị gọi là "lão con rùa". Hoàng cung, nơi đẹp nhất kinh thành Bắc Kinh và đẹp nhất nước Trung Quốc, bị coi là nơi trá nguỵ nhất thiên hạ, giá trị chỉ ngang với kỹ viện. Kim Dung viết ra một câu khiến người đọc kinh hãi: "Hoàng cung và kỹ viện là hai nơi trá nguỵ nhất thiên hạ". Tư duy đó có thể có nhà văn chưa nghĩ đến, cũng có thể có nhà văn đã nghĩ đến nhưng chưa viết ra được. Chỉ có Kim Dung là viết ra và được phát biểu qua cái loa phóng thanh Vi Tiểu Bảo của mình.

Khái niệm kỹ viện trở thành tiêu chuẩn, thước đo mọi giá trị trên đời của Vi Tiểu Bảo. Nhìn cách thiết trí một căn phòng trong hoàng cung hay trong một nhà đại phú, Bảo lập tức so sánh ngay với cách thiết trí một căn phòng trong Lệ Xuân viện. Nhìn cách ứng xử của thái hậu, Bảo so sánh ngay với má má của mình, một kỹ nữ về già ở thành Dương Châu. Gặp mặt Kiến Ninh công chúa, Mộc Kiếm Bình quận chúa và Phương Di tiểu thư thuộc lực lượng Mộc vương phủ ở Vân Nam, Vi Tiểu Bảo cũng đem ba cô gái nhỏ tuổi này so sánh với các kỹ nữ trẻ ở Lệ Xuân viện. Dưới mắt Vi Tiểu Bảo, phụ nữ là người tầm bậy nhất thiên hạ. Khái niệm đẳng cấp xã hội ở đây không còn nữa, cái còn lại là tố chất con người, hễ ngươi là con người thì dù mang danh cao quý cũng chẳng hơn gì, thậm chí còn thua xa nhữhng kỹ nữ thành Dương Châu. Ở chừng mực nào đó, phép thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo là có cơ sở để tin cậy chứ không lạc quan quá đánh như phép thắng lợi tinh thần của AQ.

Phép thắng lợi tinh thần tạo cho Vi Tiểu Bảo một niềm tin mãnh liệt: tin rằng mình hơn người, hơn đời, tinh rằng mình cao quý hơn thiên hạ và tin rằng mình sẽ thắng. Về võ công, Vi Tiểu Bảo chỉ học lóm, học mót; kết hợp một cách lộn xộn võ công của nhiều phái, nhiều người, bá đạo cũng có mà

vương đạo cũng có. Về kiến thức văn hóa, Bảo dốt đặc, được Khang Hy khái quát trong phạm vi 5 chữ: "gã bất học vô thuật". Về đẳng cấp xuất thân, Bảo thuộc loại hạ tiện nhất của Trug Quốc, còn thua xa cả AQ. Chỗ tựa duy nhất giúp Vi Tiểu Bảo tiến tới là phép thắng lợi tinh thần. Cứ coi thiên hạ không ra cái giống gì, cứ coi đối phương là đồ ngu dốt, cứ tự cảm thấy mình là cao quý thì sẽ thắng lợi. Và trong những tình húông cụ thể, dùng phép tiểu xảo lưu manh biến thua thành thắng. Câu nói thời danh của Bảo nghe ra vừa có vẻ huênh hoang khoác lác vừa có cơ sở để tinh cậy là câu: "Binh đến thì tướng ngăn, nước tràn thì đất lấp".

Đánh nhau với người La Sát ở biên giới Trung-Nga, gặp tiết trọng đông, tuyết rơi ngập trắng xóa. Người La Sát đã xây dựng thành trì kiên cố, ở trong nhà có lò sưởi, chỉ đợi quân Thanh đến là giã trọng pháo xuống thì mười Vi Tiểu Bảo cũng toi mạng. Thế nhưng trong một lần trễ quần xuống đi tiểu, Vi Tiểu Bảo chợt nhận ra nước tiểu đóng ngay thành băng. Từ thực tế đó, Bảo ra lệnh cho quân làm ống thụt, đem chảo lớn nấu băng tuyết thành nước sôi, hút vào trong súng và bắn lên thành trì người La Sát. Nước bắn ra nửa chừng hoá băng lạnh, tạo htành một trận mưa băng trút xuống thành trì người La Sát, vô hiệu hóa mọi hoạt động của họ.

Cuối cùng, quân Thanh hạ được thành, bắt được tướng chỉ huy. Một chương "Vi Tiểu Bảo niệu xạ Lộc Đỉnh sơn" vừa hài hước, vừa thú vị trong Lộc Đỉnh ký tưởng đã quá đủ để nói lên phép thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bào; chỉ một chút nước tiểu quý giá của Vi Nguyên soái cũng đủ làm cho thành Lộc Đỉnh đầu hàng.

Khác với Lỗ Tấn, Kim Dung đã đề xuất ra được một phép thắng lợi tinh thần tích cực. AQ khom người xuống, cam chịu, để tự huyễn hoặc mình là thứ cao quý; Vi Tiểu Bảo rướn người lên dùng tiểu xảo đạt thắng lợi cũng để tự huyễn hoặc mình là thứ cao quý. Ở mỗi thời điểm lịch sử khác nhau, mỗi thời đại khác nhau, phép thắng lợi tinh thần được thể hiện và lý giải một cách khác nhau nhưng tựu trung vẫn là thắng lợi tinh thần. Phép thắng lợi tinh thần của Kim Dung đi vào bề rộng, phép thắng lợi tinh thần của Lỗ Tấn đi vào chiều sâu. Chung cục, AQ bị giết bởi một bản án oan nhưng Vi Tiểu Bảo thì vẫn sống nhởn nhơ với một gia đình bảy bà vợ và một gia tài kếch xù bậc nhất trong các nhà hào phú Trung Quốc. Ấy bởi vì Vi Tiểu Bảo là một con người rất hiện đại.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Vi Tiểu Bảo và nghệ thuật làm quan

Khi "lỡ" đưa Vi Tiểu Bảo từ Dương Châu lên Bắc Kinh rồi lọt vào hoàng cung nhà Thanh, Kim Dung cũng đồng thời hư cấu ra một… nghệ thuật làm quan để giúp cho nhân vật ấy trở thành một con người quyền uy tột đỉnh dưới triều Khang Hy, khiến hàng vạn viên quan trong Bát kỳ Mãn Châu phải kính nể. Vậy đâu là nghệ thuật làm quan của Vi Tiểu Bảo?

Kim Dung tỏ ra khá cà rỡn khi đặt tên cho nhân vật của mình: Vi là cái gì nhỏ xíu, Tiểu là cái gì nho nhỏ, Bảo là cái gì quý báu. Kết hợp ba ngữ nghĩa đó, Vi Tiểu Bảo có nghĩa là cái gì quý giá mà nhỏ xíu xìu xiu. Vậy trong cơ thể một người đàn ông Trung Quốc ở một xã hội nông nghiệp lạc hậu thời Khang Hy, khi chế độ đa thê được mặc nhiên công nhận thì cái gì nhỏ xíu xìu xiu được xem là cái quý nhất? Có thể hiểu "quý danh" Vi Tiểu Bảo có nghĩa là "thằng… cu" theo cách gọi nôm na của người Việt Nam. Đưa một nhân vật như vậy để phong quan tới đệ nhất đẳng công tước, Kim Dung quả là một ông trùm hài hước.

Tuy vậy, quan lại dưới triều Khang Hy nhà Thanh có 2 loại: loại được tin cẩn là các quan lại xuất thân từ Bát kỳ thuộc dân tộc Mãn Châu; loại ít được tin cẩn là quan lại gốc Hán, cho dù học có trình độ học vấn, khả năng trị dân và kìng trung đối với nhà Thành. Cứ đem tiêu chí đó mà xét thì Vi Tiểu Bảo trong tác phẩm Lộc Đỉnh ký hoàn toàn không xứng đáng để trở thành một viên quan có chức vụ nhỏ xíu như hạt đậu dưới triều Khang Hy chút nào.

Vì vậy, như cách Lỗ Tấn xây dựng nhân vật AQ, Kim Dung cũng tạo cho nhân vật một lý lịch hết sức mù mờ. Họ Vi của y là lấy theo họ mẹ, bà Vi Xuân Phương. Ngay tác giả Kim Dung cũng không xác định được dân tộc của Vi Tiểu Bảo là Hán, Mãn, Mông, Tạng hay Hồi.

Để che đậy cái gốc xuất thân thấp hèn của mình mà làm quan, Vi Tiểu Bảo phải tự nặn ra một lý lịch hết sức hàm hồ. Đại để, Bảo khoe với người khác rằng mình xuất thân trong một gia đình danh giá, có người chú ruột (?) rất phong lưu là Vi Đại Bảo. Khi Bảo về công cán tại Dương Châu để xây dựng toà Trung Liệt từ, các quan lại địa phương đón tiếp Bảo rất long trọng. Hỏi đến dòng dõi, Bảo nói ấm ớ rằng tổ phụ họ Vi. Tuần phủ Dương Châu nổi

tiếng là tay học cao hiểu rộng cho rằng Bảo thuộc hậu duệ của bậc trung thần Vi Niết, làm quan nổi tiếng thanh liêm. Tất nhiên là Vi Tiểu Bảo không phản đối. Bảo cứ để mặc xác các quan tán tụng, không công nhận cũng như không phủ nhận.

Nên nhớ trước đó, Khang Hy đã phong cho Vi Tiểu Bảo làm Chánh đô thống Hoàng kỳ, tước phong Ba Đồ Lỗ, đi công cán được khoác áo choàng màu vàng. Mà hoàng kỳ (đạo cờ vàng) là một trong Bát kỳ đã có công vượt quan ải tiến vào Trung Hoa tiêu diệt nhà Minh năm 1643. Thấy Vi Tiểu Bảo mặc áo khoác vàng, thiên hạ cứ ngỡ Bảo thuộc dân tộc Mãn Châu chính cống. Bảo tự đặt cho mình cái tên nửa Hán nửa Mãn cũng rất mơ hồ: Hoa Sai Hoa Sai Tiểu Bảo. Cái họ Hoa Sai Hoa Sai đọc như thế nào thì ngay cả người Mãn Châu nghĩ đến bể óc cũng không hiểu ra được.

Ban đầu, Vi Tiểu Bảo chưa biết tham ô, chỉ biết ăn chặn lặt vặt. Hán chỉ thực sự hiểu rằng làm quan là phải biết tham ô, phải biết nhận hối lộ từ khi được vua Khang Hy phái đi giám sát đoàn kiểm kê tài sản tại nhà tên phản thần Ngao Bái.

Nguyên trưởng đoàn kiểm kê là Lại bộ Thị lang Sách Ngạch Đồ. Khang Hy không tin lão cáo già này lắm nên sai Vi Tiểu Bảo đi theo để giám sát công việc kiểm kê. Trong nhà Ngao Bái có sẵn bàn thờ Phật, Sách Ngạch Đồ nảy ra ý tưởng muốn được kết nghĩa làm anh em với Vi Tiểu Bảo. Năm ấy, Sách Ngạch Đồ 65 tuổi, Vi Tiểu Bảo mới 13 tuổi. Họ lạy nhau tám lạy xưng là huynh đệ. Mà hễ kết nghĩa với nhau thì có phúc cùng hưởng, có họa cùng chịu, Sách Ngạch Đồ xúi Vi Tiểu Bảo: "Hiền đệ muốn lấy vật gì thì cứ lấy". Lão cầm hai xâu châu báu, một chuỗi ngọc phỉ thuý, một lưỡi truỷ thủ, một bảo y bằng tơ tằm đưa cho Vi Tiểu Bảo. Lão lại dạy cho Vi Tiểu Bảo một câu thiệu rất gọn: "Ngàn dặm làm quan chỉ vì tiền". Biên bản kiểm kê thể hiện rõ gia tài của Ngao Bái trị giá 2.353.148 lạng bạc (tức là hai trăm ba mươi lăm vạn ba ngàn một trăm bốn mươi tám lạng). Sau khi kiểm kê xong, Sách Ngạch Đồ đề nghị Vi Tiểu Bảo xóa bớt một nét của chữ Nhị (hai) để chỉ còn chữ Nhất (một). Biên bản kiểm kê còn lại con số 1.353.148 lạng. Vậy là Sách Ngạch Đồ cùng Vi Tiểu Bảo đã nuốt mất 100 vạn lạng bạc (tức 1 triệu lạng). Sách Ngạch Đồ chi đôi số tiền đó, để cho quan giám sát Vi Tiểu Bảo ăn trọn 50 vạn lạng; phần lão 50 vạn lạng. Lão tự trích phần của mình ra 5 vạn lạng làm quà cho bọn cung phi, thái giám và các thành viên trong đoàn kiểm kê tài sản. Mới ngay một cuộc giám sát đầu tiên, Vi Tiểu Bảo đã trở thành một nhà đại phú hào nhỏ tuổi nhất tại thành Bắc Kinh.

Nhận của hối lộ là một cái gì rất xa lạ với Vi Tiểu Bảo. Nhưng đại ca Sách Ngạch Đồ đã dạy thằng tiểu đệ rất nhiều bài căn bản nên trình độ ăn hối lộ của Vi Tiểu Bảo được nâng cao và không ngừng phát triển. Con Trai của Ngô Tam Quế là Ngô Ứng Hùng từ Vân Nam lên thành Bắc Kinh chầu vua Khang Hy. Biết rằng thế nào Ngô Ứng Hùng cũng đem lễ vật để lo lót cho các quan, Sách Ngạch Đồ dạy Vi Tiểu Bảo trước: "Chút nữa đây, bất luận Ngô Ứng Hu(ng đưa lễ vật cho hiền đệ trọng hậu thế nào, hiền đệ cũng đừng tỏ ra vui mừng. Hiền đệ chỉ nên những hờ nói: "Thế tử đến Bắc Kinh đường xa vất vả quá". Nếu gã thấy hiền đệ tỏ ra vui mừng thì cho à mọi việc đã xong, sau này không đưa thêm món nào khác. Hiền đệ lộ vẻ lãnh đạm là gã nhất định tưởng hiền đệ chê lễ vật tầm thường và hôm sau tất đem đến một phần trọn ghậu nữa". Vi Tiểu Bảo sướng quá, gọi phương pháp của Sách Ngạch Đồ là "gõ cần bẫy".

Quả nhiên, Bào áp dụng đúng "bài bản", khiến Ngô Ứng Hùng phải đem tiền quà tặng Bảo liên tục. Từ đó, Vi Tiểu Bảo trở thành "tiến sĩ ngành hối lộ học". Hắn ăn hối lộ càng ngày càng dạn tay, càng ngày mặt càng tỉnh bơ. Đưa Kiến Ninh công chúa qua Vân Nam theo lệnh vua gả cho Ngô Ứng Hùng, hắn moi được của Ngô Tam Quế mấy trăm vạn lạng bạc. Về Dương Châu đi công cán, hắn cũng ăn được của các quan lớn nhỏ ở Dương Châu một mớ. Ra Đài Loan thăm nhân dân miền đất mới tiếp quản, hắn lại bợ được mấy trăm vạn lạng nữa. Gia tài của hắn ngày càng nặng nề hơn. Hắn đổi hết ra ngân phiếu do các tiệm vàng danh tiếng ở Bắc Kinh phát hành để bọc theo cho gọn. Càng có tiền, hắn càng chi sộp cho bọn thái giám, thị vệ và các quan lại thất cơ lỡ vận. Hắn lại đem một số lớn tiền tặng các anh em Thiên Địa hội xài giùm. Hắn rút ra được một bài học rất kỳ dị: Muốn ăn được của hối lộ lâu dài, phải biết làm công tác… "từ thiện xã hội". Để làm quan lâu dài hưởng được nhiều bổn glộc trời cho thì trước hết phải biết tặng quà cáp cho bọn đồng liêu và thi ân bố đức cho bọn thuộc hạ. Thế nhưng lần chi tiền đau nhất trong đời hắn là khi cứu trợ nạn nhân bão lụt tại Đài Loan. Khang Hy ra lệnh trong cung tiết giảm các khoản chi phí được đâu chừng 5 vạn lạng. Nhà vua động viên hắn tham gia cứu trợ, hắn dại dột móc ra hơn 200 vạn lạng khiến nhà vua phải kinh hãi. Cứu trong xong, hắn tự mắng mình ngu!

Dù nịnh chẳng phải chuyện dễ với mọi người, Vi Tiểu Bảo vẫn có khả năng nâng nịnh lên thành một nghệ thuật kinh điển, có bài bản rõ ràng. Phải nịnh sao cho người nghe nịnh suống tai mà không có cảm giác mình bị nịnh, tưởng rằng đối tượng ăn nói chân tình mới là ảo diệu. Vi Tiểu Bảo đã từng ca ngợi Khang Hy là "Điểu, Sâng, Uỷ, Sang" (Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang).

Cao hơn một chút, hắn ca ngợi Khang Hy là một bậc thánh minh, "ngồi trong cái gì mà quyết đoán ra được cái gì" (hắn không thuộc nổi câu "Ngồi trong trướng mà quyết đoàn ra được ngàn dặm"). Cách nịnh không nhất của hắn là kể những chuyện tào lao, thuộc lòng một số từ ngữ nhưng vẫn giả bộ quên hoặc không biết. Khang Hy không biết hắn giả bộ bèn nhắc đúng từ ngữ đó; lúc bấy giờ hắn mới giả bộ kinh dị hỏi lại: "Ủa, thánh thượng cũng biết cái đó ư?", hoạc "Ủa, thánh thượng cũng có mặt ở đó ư?". Nhà vua không biết hắn giả nai, cứ tưởng hắn chân tình nên mặt rồng hớn hở.

Trong nghệ thuật làm quan, bao gồm che đậy lý lịch, tham ô và ăn của hối lộ, chia tiền tham ô cho kẻ dưới, Vi Tiểu Bảo là nhân vật hạng nhất. Riêng trong nghệ thuật nịnh, hắn đành rớt xuống hạng nhì. Kim Dung kể rằng có một lần Khang Hy thiết triều hỏi ý bọn quần thần về việc triệt hạ phiên vương Ngô Tam Quế. Các quan bàn tới bàn lui, chẳng ai đưa ra được ý kiến nên hay không nên. Nhà vua lại hỏi đến Binh bộ Thượng thư Minh Châu. Minh Châu tâu: "Bệ hạ nhìn xa trông rộng, tuy là đưa chuyện ra để hỏi bọn tiểu thần nhưng chủ kiến thì đã có rồi. Bọn tiểu thần cứ nhắm mắt làm theo lời dạy của bệ hạ thì muôn việc đều thành sự". Nghe Minh Châu nịnh, Vi Tiểu Bảo phải công nhận là lão nịnh hay, xứng đáng đạt học vị "tiến sĩ nịnh". Tự xét mình, Vi Tiểu Bảo biết mình nịnh giỏi lắm thì cũng chỉ cấp"cử nhân". Và Vi Tiểu Bảo đành đau thương tôn vinh Minh Châu là… "bợ đít đại vương".

Vi Tiểu Bảo và kỹ thuật xuyên tạc thông tin

Vi Tiểu Bảo tuy xuất thân từ động điếm Lệ Xuân viện thành Dương Châu, không được học hành nhưng lại "lỡ" bị Kim Dung đưa lên làm quan lớn dưới triều Khang Hy. Dưới triều Khang Hy, nên báo chí của Trung QUốc chưa ra đời, chưa có nhà nho nào được gọi là… nhà báo. Vi Tiểu Bảo không phải là nhà nho và tất nhiên cáng không phải là nhà báo. Ấy vậy mà kỹ thuật xuyên tạc thông tin, kỹ thuật bôi đen hoặc tô hồng thượng thừa của nhân vật nàt xứng đáng liệt vào bậc nhất thiên hạ.

Có tay Nhất kiếm vô huyết Phùng Tích Phạm đánh kiếm nhanh vô địch. Phạm đâm cô hầu bé bỏng Song Nhi của Vi Tiểu Bảo nhưng cô đỡ được, vết thương rịn ra một chút máu. Thế là Vi Tiểu Bảo liền xuyên tạc ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết (đánh một chiêu kiếm không thấy máu đổ) của Phạm thành Bán kiếm hữu huyết (đánh gãy nửa cây kiếm mới chảy máu). Từ cái "loa phóng thanh" Vi Tiểu Bảo, người trên giang hồ từ đó đều gọi Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết.

Tiếng Nga vốn là một trong số ngôn ngữ khó học bậc nhất thì hỏi là sao một gã bất học vô thuật như Vi Tiểu Bảo đọc cho đúng âm? Cho nên, khi lưu lạc sang Nga hay về sau khi đi công cán đàng hoàng, Bảo vẫn cứ thoải mái xuyên tạc tên người nước ngoài mà chẳng một ai cản miệng gã nổi. Có hai tay thân binh của công chúa Tô Phi Á (Sophia, người tình La Sát của Vi Tiểu Bảo) thường lui tới đem thư tín, quà cáp cho gã; một tay tên là Denilov, đọc âm Trung Quốc là Tề Nặc Lạp Phu; tay kia tên Vabasky, đọc ra là Hoa Bá Tư Cơ. Vi Tiểu Bảo có một cách riêng để gọi tên hai người này là Vương Bát Tử Kê (con gà chết không nạn) và Trư La Nọa Phu (con heo dơ bẩn thối tha). Đời nào hắn có thể đọc cho đúng!. Tới nước Thuỵ Điển mà Bảo còn đọc là "nước Thụy cái gì đó" thì làm sao bắt gã phát âm đúng hai tên Denilov và Vabasky cho chuẩn được.

Nhưng tôi vẫn tin rằng kỹ thuật xuyên tạc thông tin cao cường nhất của Vi Tiểu Bảo vẫn là cách "Di hoa tiếp mộc" (Dời hoa nối cây). Dựa vào lời nói của người khác, Vi Tiểu Bảo đưa đẩy, thêm thắt thông tin vào, tạo ra một lượng thông tin nửa thật nửa giả, gieo vào lòng người sự hoang mang, dao động. Kỹ thuật xuyên tạc này gần giống cách làm… báo lá cải, sử dụng

thông tin của người khác để chống lại chính họ. Tôi đồ chừng nếu Vi Tiểu Bảo sống lại, được giao làm… tổng biên tập một tờ báo thì tờ báo ấy lá cải phải biết. Đọc Lộc Đỉnh ký, tôi nhớ có một đoạn giả thái hậu biết được chuyện Vi Tiểu Bảo sắp lên Ngũ Đài Sơn. Mụ này cho người tra tấn Vi Tiểu Bảo, buộc gã phải khai ra mật khẩu để liên lạc với Thụy Đống (thực sự là Thuỵ Đống đã bị gã giết chết). Thực sự thì Bảo có biết mật khẩu với đường khẩu gì đâu, chẳng qua là bị đánh đau quá, hắn phải buột miệng nói bậy. Bảo liền nhớ ra mật khẩu của Thiên Địa hội mà hắn đang tham gia, đại ý câu mật khẩu là thuốc cao (thuốc dán) giá bao nhiêu, dán vào có sáng mắt ra hay không… Bảo bèn dựa vào câu đó nhưng thay thuốc cao bằng… đường phèn: Đường phèn bán bao nhiêu, ăn vào có ngọt không… Cách xuyên tạc thông tin của Bảo gây ra một hậu quả cực kỳ tai hại. Giả thái hậu tưởng gã khai thật, bèn ra lệnh cấm quân bắt hết ráo bọn bán đường phèn ở thành Bắc Kinh. Từ một thông tin tào lao của Bảo, mấy ngàn sinh mạng người buôn gánh bán bưng bị tiêu diệt!

Kỹ thuật xuyên tạc thông tin của Vi Tiểu Bảo khiến các vị đại thần triều Khang Hy đều sợ hãi. Thế mạnh của Vi Tiểu Bảo là luôn kề cận nhà vua, được nhà vua đặc biệt tin dùng. Ai cũng sợ Vi Tiểu Bảo ghét mình, đến bên nhà vua ton hót đưa đẩy cho mấy câu, nhẹ thì mất chức, nặng thì mất đầu. Vi Tiểu Bảo biết được thế mạnh đó nên luôn luôn lấy "con cọp" Khang Hy để doạ nạt các đại thần. Lộc Đỉnh ký có mấy chương thuật chuyện Bảo đưa công chúa Kiến Ninh qua Vân Nam gả làm dâu nhà Bình Tây vương Ngô Tam Quế nhưng thực chất là dọ thám xem Ngô Tam Quế có ý tạo phản hay không. Bảo đến Vân Nam thấy binh lính của Quế tinh nhuệ, thành Côn Minh to lớn, dinh cơ của Quế đồ sộ bèn nảy ra ý định làm tiền. Đầu tiên, Bảo nắn gân bằng cách nói huỵch toẹt rằng Bảo theo lệnh vua qua Vân Nam xem Quế có ý định tạo phản hay không. Câu nói này làm Ngô Tam Quế và bá quan ở Vân Nam sợ đến xanh mặt. Tiếp theo, Bảo khen Quế hơn cả nhà vua, dinh của Quế còn lớn hơn cả hoàng cung ở Bắc Kinh. Ngô Tam Quế nghe hắn khen tới đó đã muốn "bậy" ra quần. Cuối cùng, Bảo kết luận Quế đã quá vinh hoa, quá phú quý, sướng hơn cả vua Khang Hy vậy thì còn muốnt ạo phản chống Khang Hy làm gì nữa. Bảo hứa sẽ về tâu lại với nhà vua là Quế không bao giờ tạo phản (vì ngu sao tạo phản?). Ngô Tam Quế vừa sợ vừa tức nhưng phải luôn miệng vâng dạ cho xuôi, lại thề suốt đời trung thành với Khang Hy. Lão phải nhả ra cho Vi Tiểu Bảo 300 vạn lạng bạc, chưa kể đến các món quà biếu lặt vặt.

Nên nhớ Vi Tiểu Bảo không bao giờ nhận mình sai lầm, kể cả khi hắn biết rõ mình sai lầm 100%. Kỹ thuật xuyên tạc thông tin cứ vậy mà phát triển,

đặc biệt là trong trường hợp hắn muốn vu hãm địch thủ của mình vào đất chết. Có một lần Bảo sang nhà tịnh địch cũ là Trịnh Khắc Sảng để đòi nợ. Sảng vét hết tiền bạc, tư trang của vợ con, trong đó có một cành phụng thoa, món trang sức cài trên mái tóc rất phổ biến của các phụ nữ nhà quan trung Quốc. Bảo cầm cành phụng thoa lên. bắt đầu xuyên tạc. Theo Bảo, phục là hình ảnh tượng trưng cho hoàng hậu; vợ Trịnh Khắc Sảng dung cạnh phụng thoa thì có nghĩa là muốn làm hoàng hậu, còn bản thân của Trịnh Khắc Sảng thì đã có ý muốn làm hoàng đế. Trịnh Khắc Sảnh nghe hắn vu hãm, quỳ mọp xuống lạy muốn gần chết. Nhưng thầy của Sảng là Phùng Tíhc Phạm biết rõ đạo lý ở đời, nói thẳng cho Bảo hay là tất cả các tiểu thư con nhà quan ở thành Bắc Kinh đều dùng phụng thoa, bảo đừng có hòng vu khống Trịnh Khắc Sảng. Nắm được câu nói đó, Bảo xoay lại Phùng Tích Phạm: "Hoá ra Phùng đại nhân đã nhìn thấy hết các vị tiểu thư con nhà quan ở thành Bắc Kinh rồi. Thật là lợi hại! Chẳng hay nhan sắc của tiểu thư con của thượng thư bộ binh ra thế nào?". Thượng thư bộ binh triều Khang Hy là Minh Châu, Bảo xuyên tạc kiểu này chẳng khác nào bảo Phùng Tích Phạm là một thứ dâm tặc, chuyên đi dòm dỏ con gái nhà quan, kể cả con gái của Minh Châu. Nghĩa là cỡ nào Vi Tiểu Bảo cũng vu hãm được đối thủ.

Kỹ thuật xuyên tạc thông tin đã có từ lâu, ít nhất là dưới triều Khang Hy du thời đó nghề báo chưa xuất hiện. Kỹ thuật ấy còn rơi rớt lại ngày nay, hình thành những trang báo lá cải và những nhà báo chuyên xuyên tạc thông tin. Hễ ai cho họ xơ múi được thì họ viết bào bốc thơm hoặc viết bài giải vây cho người đó. Hễ ai không chịu cho họ xơ múi thì họ tìm cách đánh, hết số này kéo rê đến số kia, bôi nhọ không thương tiếc. Hễ ai có ý kiến phản hồi thì họ dùng thông tin phản hồi đó để tiếp tục đánh lại người phản hồi. Nhưng trang báo thuộc loại "di hoa tiếp mộc" xuất hiện khá nhiều trên các mặt báo ấy, tung hỏa mù vào dư luận xã hội khiến bạn đọc đâm ra hoài nghi, không biết được ai nói đúng, ai nói sai, chuyện nào phải, chuyện nào quấy.

Vi Tiểu Bảo đã chết cách đây ít nhất 230 năm nhưng kỹ thuật xuyên tạc thông tin kiểu của Bảo vẫn còn tồn tại trong hoạt động báo chí hiện đại. Có người nói Vi Tiểu Bảo đã sống lại và đi làm báo; rằng các bài báo của Bảo không ra chi nhưng giúp Bảo giàu lên rất nhanh, có cả xe hơi nhà lầu, đất đai rộng lớn. Ban đầu, tôi không tin. Nhưng từ khi đọc được nguồn tin từ các cơ quan pháp luật đã tịch thu các tài sản bất chính gần 3 tỷ đồng của một nhà báo nọ vì người này đã có công dùng báo chí yểm trợ cho một đại gia đục khoét tiền nhà nước thì tôi tin rằng Vi Tiểu Bảo đã sống lại và kỹ thuật xuyên tạc thông tin vẫn còn đó.

Lý Tự Thành - Chính sử và tiểu thuyết

Trong bộ tiểu thuyết võ hiệp Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã dành ít nhất ba chương nói về nhân vật Lý Tự Thành. Trong chính sử Trung Quốc, Lý Tự Thành là một nhân vật có thực, đã từng làm triều Minh sụp đổ. Xung quanh nhân vật này, có khá nhiều huyền thoại ly kì...

Lý Tự Thành, người huyện Mễ Chi, tỉnh Thiểm Tây. Ông sinh năm 1606, dưới triều Minh, còn có tên là Lý Sấm. Đời vua cuối cùng của triều Minh, Sùng Trinh hoàng đế, là một hôn quân nhu nhược, đắm say sắc dục. Ở miền Đông Bắc Trung Quốc, dân tộc Mãn Châu dựng lên triều Thanh, có tham vọng vượt Sơn Hải quan tiến đánh Trung Quốc. Loạn lạc nổi lên khắp nơi, Lý Tự Thành cũng dựng cờ khởi nghĩa tại Thiểm Tây. Đây là cuộc khởi nghĩa nông dân có quy mô tầm cỡ nhất dưới thời Sùng Trinh hoàng đế.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung mô tả Lý Tự Thành là "một vị lão tăng thân hình cao lớn...tay cầm thiền trượng... Vị lão tăng này mặt vuông, dưới cằm có hàm râu xanh, mục quang loang loáng như điện, lộ vẻ uy mãnh phi thường... Lão đứng trước cửa đồ sộ như một trái núi nhỏ, tướng mạo như hùm beo sư tử, khí thế đủ làm cho người ta phát sợ...". Kim Dung cũng cho biết con người của Lý Tự Thành rất nhiều lông lá, tiếng nói rổn rảng, khi ngủ ngáy rất dữ dội. Nhưng văn chương tiểu thuyết thì bao giờ cũng là văn chương tiểu thuyết. Minh sử cho biết Lý Tự Thành bị mù một mắt. Con mắt ấy bị mù là do mũi tên của tướng Minh - Trần Vĩnh Phúc bắn vào khi Lý Tự Thành đánh vào Biện Lương (phủ Khai Phong).

Lý Tự Thành khởi nghĩa năm 1637, tự xưng là Phụng Thiên Xướng Nghĩa Đại nguyên soái. Cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Thành gắn liền với huyền thoại về một đại mỹ nhân thời Minh mạt. Tên người phụ nữ ấy là Trần Viên Viên.

Trần Viên Viên là một danh kỹ đất Tô Châu, hát hay đàn giỏi, nhan sắc cực kì diễm lệ, được bọn quan lại và phú hào Tô Châu phong làm đệ nhất đại mỹ nhân. Năm 1640, Sùng Trinh hoàng đế say mê quý phi họ Điền mà xao nhãng hoàng hậu họ Chu. Cuộc chiến tranh lạnh xảy ra giữa Chu hoàng hậu và Điền quý phi. Chu quốc trượng về Tô Châu mua Trần Viên Viên, tiến vào cung hầu hạ Sùng Trinh hoàng đế để nhà vua quên bớt Điền quý phi. Sùng

Tỉnh gần gũi với Viên Viên một thời gian rồi cho bà trở lại tư dinh Chu quốc trượng. Viên đại tướng quân Ngô Tam Quế gặp Trần Viên Viên thì say đắm ngay. Lúc bấy giờ, quân Thanh đang áp sát biên giới Sơn Hải quan. Sùng Trinh ban Trần Viên Viên cho Ngô Tam Quế và ra lệnh cho Quế về trấn giữ Sơn Hải quan. Quế gởi Viên Viên ở lại Bắc Kinh và ra đi.

Năm 1643, Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh bức tử Sùng Trinh hoàng đế ở núi Môi Sơn, chiếm đoạt toàn bộ kho báu nhà Minh. Vật quý giá nhất trong kho báu ấy là nàng Trần Viên Viên tài hoa và xinh đẹp. Lý Tự Thành lên ngôi vua, tự xưng là Đại Thuận hoàng đế, Phụng Thiên vương. Đêm đêm, sau những trận đánh đẫm máu, vị hoàng đế thô hào lỗ mãng ấy lại quay về cung cấm với chiến lợi phẩm biết nói. Được tin Lý Tự Thành đã chiếm được Bắc Kinh đoạt người đẹp Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế mở cửa đầu hàng Mãn Châu. Nhà Thanh phong ngay cho Ngô Tam Quế làm Bình Tây vương, đưa quân về Bắc Kinh. Ngô Tam Quế đánh đuổi vừa quân lính nhà Minh, vừa quân lính của Đại Thuận hoàng đế Lý Tự Thành; thế mạnh như chẻ tre. Lý Tự Thành chạy về hướng núi Cửu Cung. Thuận Trị lên ngôi vua tại Bắc kinh cùng năm 1643, mở ra Thanh triều trên đất Trung Quốc. Số phận Lý Tự Thành ra sao?

Sách sử Trung Quốc cận đại cho rằng Lý Tự Thành chết vào năm Thuận Trị thứ ba (1645). Minh sử viết: "Lý Tự Thành bị bọn dân quê vây, không thoát được nên thắt cổ tự tử". Sách Minh quý bắc lược lại đưa ra một cách lý giải khác: "Lý Tự Thành bị bệnh, chết trong núi La Công". Phải nói rằng Thuận Trị hoàng đế của nhà Thanh rất ngại Lý Tự Thành. Nhà vua sai các tướng lĩnh truy kích Lý Tự Thành phải tìm cho ra những bằng chứng về cái chết của nhân vật thủ lĩnh phong trào nông dân này. Tướng Hà Đằng Giao (người Hán) gởi bản tâu về Bắc Kinh, có đoạn: "Không có chứng cứ gì về cái chết của Sấm, thủ cấp của Sấm cũng không thấy". Tướng A Tế Cách (Mãn Châu) cũng có bản tấu về, có đoạn: "Có tên hàng binh ra trình rằng Lý Tự Thành chạy vào núi Cửu Cung, bị dân quê vây, tự thắt cổ mà chết". Nói chung, chẳng có ai có được bằng chứng đích xác khẳng định Lý Tự Thành đã chết và chết như thế nào. Tất cả đều chỉ là tin đồn, lời khai...

Trong khi đó, có hai tư liệu lịch sử khác lại cho rằng Lý Tự Thành vẫn còn sống. Sách Phong Châu kí viết: "Lý Tự Thành chạy trốn đến Giáp Sơn, xuất gia đi tu, bảy mươi tuổi mới chết ở tư thế ngồi...". Giang Dục Chí lại viết Lý Tự Thành mộ chí, có đoạn: "Lý Tự Thành quả thực chạy về Phong Châu... cưỡi ngựa mà đi, đến Giáp Sơn đi tu, chết mộ vẫn còn". Theo Giang Dục Chí, tháp xây trên mộ Lý Tự Thành có hàng chữ "Phụng Thiên Ngọc hoà

thượng". Giang Dục Chí cũng khẳng định rằng Lý Tự Thành đi tu năm Thuận Trị thứ nhất và "thắng làm vua, bại làm sư là cách sống của người Trung Quốc".

Kim Dung viết Lộc Đỉnh ký xây dựng nhân vật Lý Tự Thành trên cơ sở tham khảo các tài liệu từ Phong Châu kí và Lý Tự Thành mộ chí. Trong Lộc Đỉnh ký, Lý Tự Thành sống đến sau năm Khang Hy thứ 10 (1672), khi Vi Tiểu Bảo làm Tứ hôn sứ gả công chúa Kiến Ninh qua Vân Nam làm vợ Ngô Ứng Hùng, con trai Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Rõ ràng Kim Dung gọi Lý Tự Thành là một lão tăng. Vị "lão tăng" này cũng rất lợi hại: tìm đến ngoại thành Côn Minh, biết người tình cũ Trần Viên Viên đang đi tu, không sống chung với Ngô Tam Quế nữa, bèn nối lại cung đàn xưa. Mối quan hệ vụng trộm ấy đã đơm hoa kết quả: cô gái xinh đẹp A Kha ra đời. Người ngoài cứ ngỡ A Kha là con của Ngô Tam Quế; chỉ có Lý Tự Thành và Trần Viên Viên mới biết rõ. A Kha là con riêng của họ, đứa con của mối tình bà vãi-ông sư!

Tất nhiên, tiểu thuyết vẫn là tiểu thuyết, tác phẩm tiểu thuyết không thể thay thế cho ác phẩm lịch sử. Nhưng ngay những sách sử thời Minh mạt - Thanh sơ vẫn không xác định được cái chết, cái sống của Lý Tự Thành thì bảo sao Kim Dung không lãng mạn phóng bút cho nhân vật Lý Tự Thành của mình ở tuổi 70 vẫn sinh ra cô con gái xinh đẹp tuyệt vời, vẫn cầm cây thiền trượng đánh nhau với Hán gian Ngô Tam Quế trước mặt người tình Trần Viên Viên. Ai cấm được nhà văn hư cấu trên thực tế của lịch sử. Như vậy, đối với sử sách Trung Quốc, cái chết của Lý Tự Thành, người "anh hùng nông dân" vẫn còn là một nghi án. Để hoá giải những thắc mắc từ nghi án ấy, người ta đọc Lộc Đỉnh ký của Kim Dung.

Chú thích:
Danh xưng của Lý Tự Thành là Phụng Thiên vương. Chữ Vương (王) thêm một dấu chấm thành ra chữ Ngọc (玉). Phụng Thiên Ngọc hoà thượng chính là như vậy.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Đau thương A Tử

Trong năm 1997, cuốn phim Video nhiều tập Thiên Long bát bộ do Hong

Kong sản xuất được Fafilm Việt Nam cho phép phát hành đã trở thành một hiện tượng phim video nổi bật, hấp dẫn nhiều người, nhiều giới thưởng ngoạn. Cuốn phim được xây dựng dựa theo tác phẩm nổi tiếng cùng tên Thiên Long bát bộ của nhà văn Kim Dung; bộ tiểu thuyết này còn có tên là Thiên Long bát bộ. Thực ra, trong bộ tiểu thuyết đồ sộ này, tác giả dành riêng bốn cuốn để viết về mối quan hệ Tiêu Phong và A Tử, tách ra thành một phần Tiêu Phong - A Tử truyện. Trong phim, Tiêu Phong, người anh hùng Khất Đan khôi vĩ được giao cho Huỳnh Nhật Hoa; A Tử, cô gái nhỏ bé xinh đẹp nhưng cực kì độc ác người Hán tộc được giao cho nữ diễn viên Lưu Ngọc Thuý.

A Tử tên đầy đủ là Đoàn A Tử, con của Đoàn Chính Thuần hoàng thái đệ của Đoàn Chính Minh (vua nước Đại Lý) và bà Nguyễn Tinh Trúc, một tình nhân của Đoàn Chính Thuần. Đó là một mối tình ngoại hôn, họ sinh được hai cô con gái: cô lớn chuyên mặc áo hồng được đặt tên là A Châu, cô bé chuyên mặc áo tía được đặt tên là A Tử. Thuở nhỏ, A Tử lạc mất cha mẹ, quy đầu làm môn hạ phái Tinh Tú của Đinh Xuân Thu. Cho đến năm 16 tuổi, cô đã học được tất cả các tính cách tàn bạo, tráo trở, độc ác của phái này, tìm lại được cha mẹ ruột và chị ruột rồi gặp gỡ Tiêu Phong.

Lúc bấy giờ, Tiêu Phong đã thương yêu A Châu. Ông 30, A Châu mới 18. Họ đã hứa hẹn sau sẽ về bên kia Nhạn Môn quan, về trên thảo nguyên mênh mông bát ngát của đế quốc Khất Đan (bờ bắc sông Hoàng Hà triều Bắc Tống) để cùng nhau săn chồn đuổi thỏ. Thế nhưng, trước khi ra đi, họ còn phải làm một việc cuối cùng ở Trung Quốc: phải giết cho được kẻ đại cừu đã phục kích và ám hại cha mẹ của Tiêu Phong. Có người vu cáo kẻ đại cừu ấy là Đoàn Chính Thuần. Khi A Châu khám phá Đoàn Chính Thuần chính là cha ruột của mình, cô đã hoá trang làm Đoàn Chính Thuần để chịu nhận một chưởng trả thù của người tình Tiêu Phong. Đánh lầm vào A Châu, đánh lầm vào tình yêu và hạnh phúc của chính mình, Tiêu Phong đã ôm cô trong đêm mưa gió sấm chớp mịt trời; khóc lên như điên dại. Chính từ bi kịch ấy, A Tử - cô gái 16 tuổi - mới hiểu ra được phía trong con người lỗ mãng, thô hào Tiêu Phong ẩn chưa một trái tim chung tình, một tâm hồn tha thiết với tình yêu. Điều ấy là cô xúc động, khiến cô tìm mọi cách để đi theo ông, gọi ông là tỷ phu (chồng của chị, tức anh rể).

Định mệnh khắc nghiệt đã trói buộc người anh hùng thẳng thắn Khất Đan với cô bé Hán nhân ranh ma A Tử. Ông chỉ mong được xa lánh cô, nhưng cô lại cứ muốn bám theo ông suốt đời. Ở đây không chỉ có lý do duy nhất vì tình mà A Tử mới theo Tiêp Phong. Ở đây, còn có một lý do ẩn tế khác: A

Tử là một tội đồ của phái Tinh Tú và chỉ có oai lực của tỉ phu Tiêu Phong, cô mới thoát được bàn tay tàn bạo của Đinh Xuân Thu, thầy mình.

Bám theo không được, cô gái nhỏ tuổi đã nảy sinh một ý nghĩ ngu ngốc: phải dùng kim độc để bắn ông. Trên vùng Tuyết Bắc mênh mông, cô đã làm hành động ngu ngốc ấy. Để tự cứu mình, Tiêu Phong phát ra một chưởng. A Tử bị thương nặng. Và từ đó cuộc đời Tiêu Phong mới thật sự gắn liền với A Tử: ông bồng A Tử, dùng công lực thượng thừa truyền vào người cô để duy trì mạng sống cho cô, đưa cô về núi Trường Bạch (biên giới nước Triều Tiên) đào nhân sâm, giết gấu lấy mật và hùng chưởng (tay gấu), giết cọp lấy xương nấu cao..., làm mọi cách cho A Tử được sống. Hai năm sống trong bộ lạc Nữ Chân, Tiêu Phong chăm sóc cho cô từ chuyện tắm rửa, thay áo quần đến chuyện ăn uống (tác giả Kim Dung dùng từ khởi cư). Tiêu Phong cho đó là chuyện bình thường của một người đàn ông lớn tuổi đối với một cô bé em vợ nhưng A Tử cho đó là biểu hiện của tình yêu. Đối với người phụ nữ Trung Quốc ngày xưa, ai nhìn thấy thân thể họ thì số phận họ coi như đã thuộc về người đàn ông ấy. A Tử cũng thế, cô cảm thấy hạnh phúc khi nghĩ đến ngày mai cô thuộc về Tiêu Phong; muôn đời cô là người của Tiêu Phong.

A Tử càng lớn lên càng xinh đẹp. Nhưng Tiêu Phong chẳng ngó ngàng gì tới cô. Từ khi A Châu chết, ông không còn có thể yêu bất kì người phụ nữ nào khác trên thế gian nữa. Khi lên làm Nam viện đại vương cho đế quốc Khất Đan, A Tử được phong làm Bình Nam công chúa. Khi Tiêu Phong chống lệnh hành quân của hoàng đế Khất Đan, cô chỉ sợ Tiêu Phong bỏ mình ra đi. Cô ghé qua gặp thứ phi của hoàng đế Khất Đan, hỏi xin thứ thuốc cho người đàn ông uống vào để chỉ chung tình với mình. Cô đã cho Tiêu Phong uống thứ thuốc đó với cả lòng âu yếm nhưng tiếc thay đó chỉ là rượu độc để hoàng đế Khất Đan bắt giữ Tiêu Phong.

Yêu A Tử không ai bằng Du Thản Chi. Có thể coi DuThản Chi là một giáo chỉ của đạo tình: bị A Tử tra tấn, hành hạ thừa chết thiếu sống; anh ta chỉ muốn được gần gũi để nhìn ngắm A Tử, bị A Tử sai chụp lồng sắt lên đầu, anh ta vẫn suốt đời đi theo A Tử; khi A Tử mù mắt, anh ta tình nguyện hiến đôi mắt cho A Tử được sáng mắt để mình chịu sống đui mù. Chính Tiêu Phong đã từng khuyên A Tử phải phục thị suốt đời tấm chân tình của Du Thản Chi. Nhưng trong tư duy tàn bạo của A Tử, Du Thản Chi chẳng khác gì một loài súc vật. Du Thản Chi lẽo đẽo theo cô, cô lẽo đẽo theo Tiêu Phong - cuộc rượt đuổi trong tình yêu thật buồn cười nhưng cũng thật chua sót.

Rồi cũng có một ngày, lương tâm con người trở lại với A Tử. Cô là người đầu tiên tìm cách liên hệ với giang hồ nhà Tống để cứu ông ra khỏi cảnh lao tù của hoàng đế Khất Đan. Tiêu Phong được đưa về Nhạn môn quan nhưng tại nơi đây, ông đã dùng mũi tên chó sói tự đâm vào trái tim mình, nhận lấy cái chết để hoá giải hận thù của hai nước Tống - Liêu và tạ tội với hoàng đế Khất Đan. Cũng tại nơi đây, A Tử móc đôi mắt trả lại cho Du Thản Chi rồi ôm lấy xác Tiêu Phong bước đi. Đây là lần đầu tiên, cô có được Tiêu Phong trong tay, cô được ôm lấy ông, ôm lấy tình yêu say đắm và tuyệt vọng của mình mà không còn sợ bị ông ruồng rẫy. Cha của Tiêu Phong 30 năm trước, đã bồng xác mẹ Tiêu Phong nhảy xuống hẻm núi sâu mịt mờ của Nhạn môn quan. Ba mươi năm sau, cô A Tử đui mù cũng bồng tỷ phu của mình và sa chân xuống hẻm núi sâu ngàn trượng đó.

Đem A Tử gán vào cho Tiêu Phong, cả tác phẩm tiểu thuyết và cả tác phẩm điện ảnh đã đem cái xấu xa nhất, cái tàn bạo nhất gắn liền vào với cái lương thiện nhất, cái chân chính nhất. Và giống như tinh thần nhân bản, tư duy nhân đạo phương Đông, cái thiện đã cảm hoá được cái ác, cái chính đã giành được thắng lợi trước cái tà. Nhưng số phận của Tiêu Phong và A Tử đau thương quá. Khác với truyện Kiều, Thuý Vân đã thay Thuý Kiều sống đời hạnh phúc lứa đôi với Kim Trọng. Còn Tiêu Phong? Ông chỉ có thể tìm được hạnh phúc với cô chị A Châu chứ không phải với cô em A Tử hay một người phụ nữ nào khác. Riêng A Tử, cô chỉ có trong tay một tỷ phu ngoan ngoãn, dịu dàng đã chết; một tình yêu tuyệt vọng. Trước tình cảm đó, nếu giải quyết cho A Tử còn sống với một đôi mắt còn nhìn thấy ánh sáng cuộc đời, tiếp tục tra tấn cô gái nhỏ tuổi đó trong nỗi tuyệt vọng khôn nguôi thì là một điều cực kì phi nhân bản. Cả tiểu thuyết và cả bộ phim Thiên Long bát bộ đều giải quyết cho cô chết theo Tiêu Phong. Cái chết trong một chừng mực nào đó, là vô hậu, vô nhân đạo nhưng trong trường hợp này là rất có hâu, rất nhân đạo. Đó chính là cái nhìn của chủ nghĩa nhân đạo phương Đông, tâm hồn phương Đông.

Phụ chú:

Năm 2004, các nhà làm phim Trung Quốc đã sản xuất hàng loạt phim dựa trên các tác phẩm của Kim Dung như Anh hùng xạ điêu, Tiếu ngạo giang hồ... và nhanh chóng thành công bởi sự hoành tráng. Trong đó, Thiên Long bát bộ được xem là một trong những bộ phim xuất sắc nhất.

"Bộ phim Thiên long bát bộ - do Truyền hình Trung Quốc vừa sản xuất - có

thể xếp vào loại top 10 phim nhiều tập của Trung Quốc. Với quá nhiều danh lam thắng cảnh ở Trung Quốc nên nhiều cảnh trong phim tuyệt đẹp. Ê-kíp làm phim rất thận trọng đối với từng chi tiết nhỏ. Lâm Chí Dĩnh nhập vai ông hoàng lãng mạn và vô tư lự rất tốt. Lưu Dịch Phi trẻ đẹp rất hợp với vẻ trong trắng ngây thơ của Vương Ngữ Yên. Các trận đánh nhau được biên đạo một cách xuất sắc. Điều quan trọng nhất là bộ phim bám rất sát với nội dung bộ tiểu thuyết này. Một phim truyền hình võ thuật tuyệt vời". (Theo Spcnet.tv)

Đạo diễn:

- Khúc Giác Lượng
- Châu Hiểu Văn
- Vũ Mẫn

Diễn viên: Hồ Quân (Kiều Phong hay Tiêu Phong), Lưu Đào (A Châu), Trần Hảo (A Tử), Lâm Chí Dĩnh (Đoàn Dự), Lưu Diệc Phi (Vương Ngữ Yên), Cao Hồ (Hư Trúc), Tư Khánh (Mộ Dung Phục), Thang Chấn Tông (Đoàn Chính Thuần), Tường Hân (Mộc Uyển Thanh)...

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Huyền thoại Nhạc Linh San

Đọc đi đọc lại Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung, tôi cứ thầm mong rằng cô Nhạc Linh San đơn giản chỉ là nhân vật trong tiểu thuyết, rằng cô không hề có thật ở trên đời. Tôi yêu quí nhân vật này biết bao nhiêu ở những chương hồi đầu của bộ tiểu thuyết rồi tôi lại ghét cô bấy nhiêu ở những chương hồi sau.

Nhạc Linh San là cô con gái độc nhất của chưởng môn phái Hoa Sơn Nhạc Bất Quần và bà Ninh Trung Tắc. Năm 16 tuổi, cô xuất hiện trong tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung với bộ mặt xinh đẹp và đôi mắt to , tròn của một cô gái trong sáng, trong trắng, nghịch ngợm và thông minh. Do yêu cầu theo dõi hành tung của phái Thanh Thành khi chúng tiến đánh Phước Oai tiêu cục để tìm kiếm bộ Tịch tà kiếm phổ, Nhạc Linh San đã được "đánh" xuống phủ Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, hoá trang thành cô gái bán rượu trong hiệu Đại Bảo mà chủ nhân của cửa hiệu là nhị sư ca của cô – Lao Đức Nặc.

Hãy trở lại một chút với ngày xưa. Mười hai năm trước, Nhạc Bất Quần nhận một chàng trai không cha, không mẹ là Lệnh Hồ Xung vào làm đại đệ tử của phái Hoa Sơn. Lệnh Hồ Xung xem Nhạc Bất Quần như cha, Ninh Trưng Tắc như mẹ, Nhạc Linh San như em gái. Vốn là người tứ cố vô thân, chàng trai này đã coi phái Hoa Sơn chính là mái ấm của đời mình. Thông minh, giàu nghị lực, Lệnh Hồ Xung gần như đã học hết được chân truyền của Hoa Sơn kiếm pháp và Hoa Sơn khí công. Khi Nhạc Linh San mới ba bốn tuổi, chàng trai đã bế bồng cô hái hoa bắt bướm, làm cho cô những đồ chơi. Lớn lên một chút Nhạc Linh San muốn hái sao trên trời. Cô may những chiếc túi nhỏ bằng vải sa để Lệnh Hồ Xung bắt đom đóm về bỏ vào túi; treo các túi chung quanh giường cô ngủ để khi nào chợt mở mắt ra, cô có thể thấy hàng trăm con đom đóm lấp lánh như ánh sao. Đến khi vào tuổi dậy thì, cô đề nghị Lệnh Hồ Xung cùng cô sáng tạo một kiếm pháp riêng. Họ rủ nhau xuống thác nước luyện kiếm, đặt tên cho đường kiếm là Xung – Linh kiếm pháp, một trò chơi của trẻ con. Oái ăm làm sao, trong Xung – Linh kiếm pháp này, Nhạc Linh San lại đề nghị đặt tên cho một chiêu thức nguy hiểm nhất là Nhĩ tử ngã hoạt (ngươi chết ta sống).

Chỗ mạnh của Lệnh Hồ Xung là lòng nghĩa hiệp, là tính trung hậu, là tâm

hồn nhân ái bao la. Chỗ yếu của Lệnh Hồ Xung là rượu. Chính vì chén rượu, Lệnh Hồ Xung bị gọi là gã lãng tử thanh danh tàn tạ, là con người không biết phân biệt trắng đen phải trái kết giao với bọn tà ma. Tất nhiên, đó chỉ là nhận xét của những người đứng ngoài cuộc; còn bản chất của sự việc không phải nhưu vậy. Mà Nhạc Linh San thì chưa bao giờ nhìn ra được bản chất ấy; cô chỉ hiểu con người qua tiếng đồn, qua sự suy đoán. Và đó là con đường đưa cô đến chỗ mất Lệnh Hồ Xung, mất đi món bảo vật là mối tình đầu thơ ngây tươi đẹp để về làm vợ một gã tiểu nguỵ quân tử.

Nhạc Linh San gặp Lâm Bình Chi tại Phúc Châu. Phía trên cô và Lao Đức Nặc có nguỵ quân tử Nhạc Bất Quần đứng ra thực hiện một âm mưu sâu sắc: rình rập để phỗng tay trên bộ Tịch tà kiếm phổ mà phái Thanh Thành đang nuôi tham vọng đánh cướp của nhà họ Lâm ở Phước Oai tiêu cục. Cuối cùng rồi âm mưu của Nhạc Bất Quần cũng thành công: lão thu nhận Lâm Bình Chi làm đệ tử, chiếm được bộ Tịch tà kiếm phổ và "dẫn đao tự cung" (tự thiến bộ phận sinh dục) để luyện đường kiếm này. Cha được kiếm phổ còn con gái được gì?

Nhạc Linh San lấy được Lâm Bình Chi, hưởng được toàn bộ vàng bạc châu báu của Lâm Bình Chi đem từ phân cục của Phước Oai tiêu cục tại Trường Sa về, trở thành cháu dâu của Vương Nguyên Bá, ông ngoại Lâm Bình Chi, một nhà giàu nứt tường đổ vách tại thành Lạc Dương. Tuy nhiên, làm vợ một gã đẹp trai mà cô gái này chưa hề được biết đến lạc thú của chuyện chăn gối. Vâng, vì nôn nóng trả thù phái Thanh Thành, Lâm cũng luyện Tịch tà kiếm phổ, cũng "tự cung" như ông cha vợ. Cưới nhau xong, hai người ngủ riêng hai giường, chuyện chăn gối đối với họ thuần tuý chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nói theo ngôn ngữ tâm phân học hiện đại của Sigmund Freud, Lâm Bình Chi đã tự triệt tiêu năng lực tình dục Libido của mình.

Nhưng đó là chuyện về sau, chuyện ở cuối bộ tiểu thuyết. Vấn đề ở đây chính là nhận thức về tình yêu của Nhạc Linh San. Cô gái ấy đã yêu đại sư ca Lệnh Hồ Xung của mình bằng một tình yêu nồng thắm. Gặp các bạn đồng môn, cô hỏi thăm cả mười tiếng đại sư ca đâu rồi. Thấy cha chiếu theo môn quy đánh đòn Lệnh Hồ Xung, cô khóc. Nghe chuyện Lệnh Hồ Xung bị người khác truy tìm, cô kinh hãi. Lệnh Hồ Xung bị phạt giam trên núi cao, cô giành phần đưa cơm, lại giấu cho chàng một hũ rượu ngon để uống giải sầu. Thậm chí khi cha mẹ đi vắng, cô đã dám tìm lên ngọn núi cáo, ngủ qua đêm với Lệnh Hồ Xung trong sơn động, tất nhiên là không có việc gì bê bối xảy ra vì Kim Dung ít khi cho trai gái quan hệ tình dục trước hôn nhân. Một cô gái có mối tình đẹp như thế lại không cưỡng lại được trước gã "mặt

trắng" Lâm Bình Chi. Vắng đại sư ca, cô dẫn Lâm Bình Chi đi luyện kiếm, hái nấm, dạo chơi trong núi Hoa Sơn rồi dạy Lâm học kiếm pháp. Tác giả không nói rõ trong tiểu thuyết nhưng ta vẫn biết rằng qua những ngày tháng gần gùi với Lâm BÌnh Chi, cô khám phá ra được Lâm là một tỷ phú. Ngoài trái tim chung tình ra, Lệnh Hồ Xung chẳng có gì hết. Lâm thì có nhiều thứ: cái mã đẹp trai quyến rũ phụ nữ, vàng bạc châu báu đầy bao, cháu ngoại của một hào phú giàu nhất thành Lạc Dương và khúc sơn ca Phúc Kiến lạ tai: "Chị em lên núi hái chè…". Cho đến khi Lệnh Hồ Xung nghe được câu ca rặt âm hườnng dân ca Phúc Kiến đó, chàng mới biết Nhhạc Linh Sa đã bỏ mình đi theo mối tình mới. Khúc sơn ca Phúc Kiến nát ngọc tan vàng đã cuốn toàn bộ kỷ niệm tình yêu đầu đời trôi theo dòng nước lũ. Lệnh Hồ Xung chỉ còn biết đem niềm đau của mình kể hết cho Nhậm Doanh Doanh, người con gái ẩn thân trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương nghe…

Nhưng tôi không hề phiền trách tư tưởng thực dụng trong cô gái mới 17, 18 tuổi này. Điều đáng phiền nhất là cô đã từng sống bên cạnh người đại sư ca trên mười mấy năm mà không hề hiểu được bản chất thật thà, trung hậu, ngay thẳng của Lệnh Hồ Xung. Cha cô đã vu cáo Lệnh Hồ Xung ăn cắp Tịch tà kiếm phổ nhà họ Lâm; theo gương cha, cô cũng cáo buộc Lệnh Hồ Xung đã giết bạn đồng môn, đã chém Lâm Bình Chi đến trọng thương và đã ăn cắp Tịch tà kiếm phổ của Lâm. Nói cách khác, cô hoàn toàn không hiểu được con người của Lệnh Hồ Xung. Có lẽ đó cũng là điều hết sức may mắn cho Lệnh Hồ Xung, bởi nếu chàng ta cưới một cô gái như vậy về làm vợ thì cuộc sống lứa đôi quả là sự trừng phạt không đáng có.

Toàn bộ những điều mà cô cáo buộc Lệnh Hồ Xung chỉ là những phỏng đoán. Thực sự, chính cha cô đã làm nên tất cả những màn kịch ấy. Nhưng nâng từ sự phỏng đoán trở thành niềm xác tín thì chỉ có Nhạc Linh San; cha cô không hề tham dự vào. Cho nên, khi đã thành vợ Lâm Bình Chi, hiểu được rằng chồng mình đã tự biến thành một gã tiểu thái giám, Nhạc Linh San mới rõ được tất cả. Lúc bấy giờ thì đã muộn, Lệnh Hồ Xung đã là người thuộc v6è Nhậm Doanh Doanh. Nhạc Linh San chỉ còn biết mượn bài thơ của Lý Thương Ẩn chép lên tầm lụa treo trên vách:

Phụng nữ ân cần biệt cố nhân
Tóc tơ vương vấn nợ hồng trần
Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan.

Cô đã bị chính chồng mình là Lâm Bình Chi giết. Hắn đã trở thành kẻ bất

nam bất nữ, đâu có thích phụ nữ. Khi chết đi, vị phu nhân này hãy còn là một trinh nữ…
Đọc đến đây, tôi cảm thấy xót thương cho Nhạc Linh San. Cô sống đã không có hạnh phúc, chết đi lại mang mối hận ngàn đời. Cuối cùng, con người thực dụng ấy lại quay về với bản chất làm người tốt đẹp nhất, lại biết quý chút kỷ niệm, chút tình đầu thơ ngây, trong sáng.

Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Ba người ngu nhất thiên hạ

Ngày 25-8-2001, NXB Văn Học và Công ty Phương Nam đã được phép chính thức phát hành bản dịch hai bộ Tiếu ngạo giang hồ và Xạ điêu anh hùng truyện của Kim Dung tại Việt Nam. Tôi xem đây là một sự kiện văn học có ý nghĩa bởi ước vọng giới thiệu tác phẩm Kim Dung đến với đông đảo bạn đọc Việt Nam của mình đã hoàn thành. Nhân đây, xin bàn về 3 nhân vật ngu nhất thiên hạ trong Tiếu ngạo giang hồ để giải khuây cho bạn đọc.

Sinh ra ở trên đời, người ta sợ nhất là sự khuyết tật bẩm sinh mà điều kiện y học cổ ngày xưa không sửa chữa được. Có những khuyết tật do điều kiện khách quan như bị vũ khí đâm, bị té ngã, bị bạo bệnh. Khuyết tật nào cũng khiến cho người ta lo sợ, sinh ra mặc cảm tự ti, đau khổ. Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, người mà tôi bình chọn là một trong mười mỹ nhân trong tác phẩm Kim Dung, bị Đông Phương Bất Bại dùng kim thêu đâm trúng một vết nhẹ trên má, chảy ra một chút máu là đã lo sợ nhan sắc suy bại không phải là không có cơ sở.

Với một thân thể khỏe mạnh và không bị khuyết tật, con người cảm thấy hạnh phúc. Cấu tạo thân thể con người không thể có cái gì là thừa, cũng chẳng có gì đáng gọi là thiếu. trong cơ thể, ấy bộ phận sinh dục là nơi quan trọng bợi các chức năng truyền giống, tiết niệu và chức năng xác định giới tính đặc thù của nó. Nó quan trọng đến nỗi đạo Bà La Môn nâng lên thành vật tổ, tạc tượng bộ Linga và Yoni thờ cúng trong các thánh địa. Ấy vậy mà trong Tiếu ngạo giang hồ lại có 3 nhân vật ngu nhất thiên hạ khi đã đưa dao tự cắt (dẫn đao tự cung) bộphận sinh dục của mình, trở thành kẻ ái nam ái nữ thứ thiệt chẳng ra cơm ra cháo gì cả. Ba người ngu đó là Nhạc Bất Quần, Lâm Bình Chi và Đông Phương Bất Bại.

Nhạc Bất Quần là chưởng môn phái Hoa Sơn trong Ngũ nhạc kiếm phái. Lão có khuôn mặt đẹp, trẻ mãi không già, lại có phong cách ung dung tiêu sái, có vẻ như một nhà túc nho. Ngoại hiệu của lão là Quân tử kiếm. Vợ của lão là Ninh Trung Tắc, một người nổi tiếng xinh xắn, giỏi giang, ngay thẳng, kiếm pháp cao cường. Thế nhưng lão chỉ sinh được một cô con gái duy nhất. Thân danh đã là đến chức chưởng môn một phái lớn; nhà nước phong kiến cũng không buộc các nhà nho phải… kế hoạch hoá gia đình, không sinh con

thứ hai; nhà nước phong kiến cũng không cấm nhà nho cưới thêm vợ để sinh ra một đứa con trai. Nói tóm lại là chẳng có ai cấm cản Nhạc có con trai để nối dõi.

Ấy vậy mà lão ngu xuẩn nuôi tham vọng luyện Tịch tà kiếm pháp để trở thành nhân vật đệ nhất, gồm thâu Ngũ nhạc kiếm phái thành một phái duy nhất, chia ba chân vạc với hai phái Thiếu Lâm và Võ Đang. Câu đầu tiên trong Tịch tà kiếm phổ mới thật là ác hại: "Dẫn đao tự cung dĩ đăng phong tháo cực" (Vung dao tự thiến mới đạt được trình độ đăng phong tháo cực). Và lão đã "vung" luôn để luyện. Hành vi ấy có thể lừa được người trong thiên hạ nhưng không thể lừa được bà Ninh Trung Tắc. Việc lão xao nhãng chuyện chăn gối với vợ, việc lão rụng râu trong chăn mỗi ngày và tiếng nói càng ngày càng eo éo khiến cho bà biết chồng mình đã trở thành người ái nam ái nữ. Và bà cũng là người đầu tiên hiểu ra lão đã ăn cắp bộ Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm, đã vu cáo cho học trò mình là Lệnh Hồ Xung ăn cắp để đánh lừa dư luận. Tôi gọi Nhạc Bất Quần là người ngu đệ nhất trong các nhân vật võ hiệp của Kim Dung.

Người ngu thứ nhì trong Tiếu ngạo giang hồ là gã Lâm Bình Chi, thiếu chủ Phước Oai tiêu cục thành húc Châu, tỉnh Phúc Kiến. Lâm Bình Chi là con của Lâm Chấn Nam, chắt nội của Lâm Viễn Đồ. Kim Dung mô tả tường mạo của gã rất đẹp, cũng có phong cách của một nhà nho nho nhã. Mà lạ là dòng dõi của Lâm Viễn Đồ chỉ có một cây sinh một trái; Lâm Bình Chi là con trai độc nhất của Lâm Chấn Nam.

Đúng là phái Thanh Thành xuống Phúc Kiến đánh Phước Oai tiêu cục tìm Tịch tà kiếm phổ, khiến vợ chồng Lâm Chấn Nam chết, cơ nghiệp tiêu cục tan tành. Khi Lâm Bình Chi lưu lạc, muốn học võ thành tài để trả thù cho cha mẹ, người đọc cho là có hiếu. Người đọc cũng cho khát vọng trả thù của Lâm là tự nhiên. Cho nên việc gã bái Nhạc Bất Quần làm sư phụ để trở thành môn hạ phái Hoa Sơn là chuyện bình thường.

Lên núi Hoa Sơn, Lâm Bình Chi "gù" được con gái của Nhạc Bất Quần. Hoa Sơn kiếm pháp dư sức thắng Thanh Thành kiếm pháp, việc trả thù cho cha mẹ gã có thể nói là ở trong tầm tay. Là rể của Nhạc Bất Quần, Lâm đương nhiên sẽ là chưởng môn phái Hoa Sơn sau này. Vả chăng, người Trung Quốc có câu: "Quân tử báo thù, mười năm chưa muộn". Lâm là người có học, lẽ nào không hiểu ra được điều ấy. Thế nhưng khi cướp lại được Tịch tà kiếm phổ do tăng tổ Lâm Viễn Đồ chép trong áo cà sa, Lâm cũng u mê "dẫn đao tự cung" để luyện. Cha của gã đã di ngôn: "Không được giở ra xem", gã

cũng vẫn giở xem, bất chấp lời cha. Khi Nhạc Bất Quần gả con gái cho gã, Lâm Bình Chi và Nhạc Linh San kết nghĩa vợ chồng là hữu danh vô thực. Than ôi, đang tuổi thanh xuân mà tự "dẫn" để trở thành kẻ ái nam ái nữ, không dám ngủ chung giường với cô vợ trẻ, cái ngu ấy tưởng trên đời không còn cái ngu nào lớn hơn.

Người ngu thứ ba trong Tiếu ngạo giang hồ là Đông Phương Bất Bại. Đúng như tên gọi, Đông Phương Bất Bại chưa bao giờ biết đến chữ thu. Võ công lão cao cường, lão lại là phó giáo chủ của Triêu Dương thần giáo; cái ngôi giáo chủ của lão chỉ là vấn đề ngày một ngày hai. Vậy mà…

Tiền nhiệm giáo chủ của Triêu Dương thần giáo là Nhậm Ngã Hành nhìn thấy được tham vọng của Đông Phương Bất Bại. Nhậm bèn "thuốc" lão: đưa Quỳ hoa bảo điển cho lão "ngâm cứu". Lão thấy "ngon ăn", giở ra thấy bốn chữ "Dẫn đao tự cung", bèn "vung" luôn để luyện. Kết quả: võ công lão đạt đến mức độ kinh người, còn bản thân thì trở thành ái nam ái nữ. Lão đâm ra sủng ái gã Dương Liên Đình, một tay bộ thuộc khỏe mạnh. Suốt ngày, lão nằm trong phòng kín thơm lựng mùi nước hoa để thêu thùa, giao công việc điều khiển giáo vụ cho Dương để kết cuộc lão bị Nhậm Ngã Hành giết chết, đoạt lại ngôi giáo chủ.

Tự thiến mình là hành vi tự huỷ hoại thân thể, đi ngược lại quy luật tự nhiên. Huỷ hoại bộ phận "ấy", cho dùng với mục đích nào, cũng là hành vi ngu xuẩn, bất bình thường. Có một chút như vậy để "giải trí lành mạnh" mà nỡ từ chối, tự làm cho mình nam không ra nam, nữ không ra nữ, thiệt là đại ngu. Chết sướng hơn!

Khang Hy

Khang Hy (1654-1722) lên ngôi năm 1662, ở ngôi 60 năm, thọ 68 tuổi, được lịch sử Trung Quốc coi là một vị minh quân dù nhà vua là người xuất thân từ chánh Hoàng kỳ, dân tộc Mãn Châu, bộ tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro). Đối với người Trung Quốc, ai không thuộc dòng Hán tộc thì bị coi là Di Địch. Khang Hy là Di Địch, trở thành đối tượng của muôn vạn người Trung Quốc là chuyện đương nhiên. Thế nhưng, 60 năm trị vì của ông là 60 năm thái bình, phát triển rực rỡ. Người Trung Quốc nhận ra được một vua Khang Hy Di Địch tốt hơn gấp bội lần những hôn quân vô đạo của Minh triều Hán tộc. Cái khái niệm trung quân hẹp hòi của các nhà nho, trong đó có sự can thiệp của chủ nghĩa dân tộc cực đoan bị lung lay đến tận gốc rễ. Chỉ có một số nhà nho cỡ Lữ Lưu Lương, Tra Y Hoàng, Trần Cận Nam và tổ chức Thiên Địa hội của Đài Loan mới coi Khang Hy là thù địch. Và họ đã gánh chịu thất bại cùng với phong trào "phản Thanh phục Minh" của họ.

Trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung, ta bắt gặp một ông vua Khang Hy thiếu niên đầy tính trẻ thơ. Cũng giống như bao trẻ thơ khác, nhà vua chán ngán những bữa ăn ngự thiện đầy nghi lễ, có kẻ hầu người hạ bốn bên, có bọn thái giám ân cần phục dịch. Nhà vua chỉ thích được ăn vụng ngay tại ngự trù phòng những món ăn mà mình khoái khẩu như bánh da lợn, bánh chiên… Cũng những thức ăn đó nhưng được bọn thái giám dọn lên, hầu hạ để ăn một mình trong cung điện đìu hiu của mình thì nhà vua lại cảm thấy chán ngán. Cũng chính nhờ chuyện thích ăn vụng mà nhà vua đã gặp được một anh bạn nhỏ giả thái giám là Vi Tiểu Bảo.

Cũng giống như bao trẻ thơ khác, nhà vua thiếu niên này rất dễ tiêm nhiễm thói… chửi tục. Khi chơi với Vi Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh chửi tục đã "có nghề" thành Dương Châu, nhà vua mới nhận ra các câu "khải bẩm thánh thượng", "chúc thượng anh minh" gì gì đó toàn là những câu sáo ngữ, tào lao. Ngược lại, hệ thống ngôn ngữ đầu đường xó chợ, du côn du kề cỡ như "quân rùa đen, phường chó đẻ, con mẹ nó, tổ bà nó…" nghe thật dễ nhớ, dễ hiểu, dễ chịu cái lỗ tai. Nhà vua cảm thấy cao hứng khi được chửi tục. Điều đáng tiếc là nhà vua chỉ được chửi tục, nó bậy trước mặt Vi Tiểu Bảo; còn khi lâm triều thì nhà vua lại phải ăn nói theo đúng khuôn phép của một hoàng đế. Mà ăn nói theo khuôn phép lại khiến nhà vua cảm thấy khó chịu,

đặc biệt là những câu nình nọt của bọn trọng thần. Thí dụ như câu "Thánh thượng vạn tuế" được bọn triều thần tung hô mỗi khi thiết triều chẳng những đã không làm cho Khang Hy vui sướng mà lại khiến cho nhà vua cảm thấy đó là lời tôn xưng láo toét: "Con mẹ nó, làm gì mà sống được đến muời ngàn tuổi (vạn tuế)". Khang Hy là một nhà vua khá thực tế, chỉ muốn nghe được những ý kiến giản dị, phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. tiếc thay, từ các cố mệnh đại thần cho đến thượng thư, từ các học sĩ đến thị lang đều ăn nói theo kiểu bợ đít. Cho nên hệ thống ngôn ngữ thô tục, dân dã, sặc mùi lưu manh của Vi Tiểu Bảo đã làm cho nhà vua dễ nghe và tiêm nhiễm.

Kim Dung xây dựng một Khang Hy sớm biểu lộ hùng tài đại lược khi còn tuổi vị thành niên. Lúc rảnh rỗi, nhà vua thường ngồi trong ngự thư phòng, đọc sách. Dù gã trọng thần Ngao Bái - đệ nhất dũng sĩ Mãn Châu - từng can ngăn nhà vua là sách sử do người Hán để lại toàn là nọc độc, nên đốt đi là hơn nhưng nhà vua vẫn đọc. Từ các sách sử đó, nhà vua tìm hiểu tâm hồn người Trung Quốc, nhân ra các sai lầm của các hôn quân bạo chúa Hán tộc, tìm ra những tư tưởng mới mẻ của các nhà nho Hán tộc yêu nước để định hình cho đường lối cai trị của Thanh triều.

Nên nhớ rằng Bát kỳ Mãn Châu tuy mạnh về quân sự nhưng lại kém về chính trị. Tám bộ tộc ô hợp chiếm được một đất nước trung Quốc với mấy trăm triệu người chỉ với trên dước 10 vạn quân. Vua Thuận Trị lên ngôi mở ra nhà Thanh trên đất Trung Quốc chỉ ở ngôi được 19 năm. Trong 19 năm đó, loạn lạc bốn phương, người Trung Quốc "phản Thanh phục Minh" khởi nghĩa khắp nơi, giương cao ngọn cờ chống Di Địch. Hậu duệ nhà Minh (tức họ Chu) lần lượt lập nên bốn ông vua Quế vương, Đường vương, Phúc vương, Lỗ vương để có người đứng ra hiệu triệu công cuộc phản Thanh. Bọn nhà nho có đầu óc bảo thủ họp nhau lại viết bộ Minh thư tập lược, một cuốn lịch sử của triều Minh, lấy toàn niên hiệu các vua triều Minh với ý đồ khơi dậy ý thức phục Minh. Bọn văn sĩ thì viết văn, làm thơ kể tội nhà Thanh rồii in lén hoặc truyền bá theo cách rỉ tai trong cách nhóm nhỏ. Trong các trà thất, bọn thầy đồ ngheo đem sách sử Trung Quốc (cũ) ra kể cho nhiều người nghe. Chuyện tuy thuật về chiến thắng thời Đường - Tống mà kỳ thực là để khơi dậy niềm tự hào dân tộc về các "tiền triều".

Khang Hy đã thực hiện chương trình nội trị khéo léo, kết hợp chính trị với quân sự. Trước hết, nhà vua thu phục lòng dân bằng cách xây dựng toà trung liệt từ ở Dương Châu, mở kho chẩn tế cho dân nghèo đảo Đài Loan sau cơn bão lụt. Nhà vua trị tội tên phản thần Ngao Bái, nhân vật mà Hán tộc căm ghét hạng nhất và tịch thu gia sản sung công quỹ. Nhà vua sớm nhận ra âm

mưu tạo phản của Bình Tây vương Ngô Tam Quế ở Vân Nam, nhân vật mà trăm vạn dân Hán tộc đều gọi là Hán gian. Chính Ngô Tam Quế đã mở cửa Sơn Hải quan rước quân Thanh vào, đầu hàng Thanh triều, trở thành tiên phong tiến đánh Bắc Kinh, truy đuổi Đường vương tới Miến Điện (Myanmar) và giết Đường vương ở đó. Được phong tước Bình Tây vương, Ngô Tam Quế củng cố binh lực ở Vân Nam, giương cờ chống là Khang Hy với chiêu bài "hưng Minh thảo Lỗ" nhưng không được trăm họ Hán tộc hưởng ứng. Khang Hy triệt các phiên vương Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung cho trăm họ vui lòng.

Đối với lực lượng đối kháng có tổ chức là Thiên Địa hội do Trần Cận Nam lãnh đạo, nhà vua có một đối sách khác. Về mặt danh nghĩa, Thiên Địa hội đặt dưới sự chỉ huy của Đài Loan vương Trịnh Thành Công nhưng về mặt tổ chức, Thiên Địa hội thực sự hoạt động ở nội địa, đặc biệt là các tỉnh Đông – Nam như Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây. Bởi họ dàn trải lực lượng trên 17 tỉnh, nên đội ngũ của họ ô hợp, trong quần hùng có nhiều nhân vật thuộc loại hữu dũng vô mưu. Khang Hy đã "đánh" người của mình vào trong tổ chức này, nắm vững tất cả các hoạt động chống đối của họ và cuối cùng quăng một mẻ lưới, tóm gọn tất cả. Trịnh Khắc Sản, con của Đài Loan vương Trịnh Thành Công, đầu hàng. Đảo Đài Loan trở về với lục địa Trung Quốc.

Kim Dung xây dựng một nhân vật Khang Hy khá độ lượng. Nhà vua đọc các lý luận, các sách sử của bọn nhà nho Hán tộc đương thời viết ra với sự cảm nhận thật khách quan. Đám quyền thần phía dưới thì cho rằng các loại sách ấy mang mầm mống phản nghịch, cứ đặt điều tâu rỗi với nhà vua. Nhưng Khang Hy trọng văn học, quý tài năng. Nhà vua hiểu rằng bọn Bát kỳ Mãn Châu không thể có những tư duy, những tài năng như vậy. Cái mà họ gọi là trung quân, xin nhà vua dẹp hết tư tưởng phản nghịch trong đám nho gia Hán tộc thực sự chỉ là mặc cảm tự ty của những người ít học, chỉ biết cai trị theo lối phân biệt chủng tộc và chỉ thấy được sức mạnh của lưỡi kiếm. Điều hiển nhiên là Bát kỳ Mãn Châu không thể cai trị được một Hán tộc mấy trăm triệu người nếu không có một đối sách nội trị nhân từ, khiêm ái. Khang Hy có được cái bén nhạy của một nhà chính trị kiệt xuất nên xã hội Trung Quốc dưới triều Khang Hy là xã hội thái bình, thịnh trị.

Sách lược đối ngoại của nhà vua cũng tuyệt diệu không kém. Khám phá được âm mưu liên kết của Mông Cổ, Tây Tạng, Nga La Tư (La Sát) và bọn Thần long giáo - một giáo phái phản động ở quần đảo Liêu Đông, Khang Hy đã tìm cách phá mối liên minh đó. Nhà vua đem chức chuẩn Cát Nhĩ Hãn

(vua dự bị) ra để dụ vương tử Cát Nhĩ Đan của Mông Cổ; tăng thêm một ngôi vị Tang Kết Hoạt Pậht bên cạnh Đạt Ma Hoạt Phật ở Tây Tạng. Đối với Thần long giáo và đoàn quân xâm phạm biên giới của Nga La Tư, nhà vua chủ trương nói chuyện bằng súng. Để chuẩn bị cho hai cuộc chiến tranh đó, Khang Hy đã mời 2 cố đạo Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng giám đốc công việc đúc súng đại bác. Người Trung Hoa là dân tộc đầu tiên trên thế giới chế ra thuốc pháo nên chuyện chế tạo hoả dược là ra đạn trọng pháo đối với họ là chuyện bình thường. Điều bất ngờ đối với quân Nga La Tư ở mặt trân biên giới là họ đã bị trọng pháo của nhà Thành bắn trúng thành luỹ. Trước nay, họ nghĩ quân Thanh chỉ biết đánh nhau bằng ngựa và gươm giáo.

Cuộc chiến tranh Trung – Nga diễn ra ở biên giới hai nước được Kim Dung diễn tả một cách khá hài hước với sự hiện diện của "bá tước" Vi Tiểu Bảo, tư lệnh các tập đoàn quân Thanh. Cái kiểu đánh nhau vừa bằng vũ khí vừa bằng tiểu xảo lưu manh, cái kiểu thương thuyết để ký hoà ước Hắc Long Giang vừa bằng phương pháp ngoại giao vừa bằng lý luận cù cưa cù nhầy kiểu đầu đường xó chợ đã nói lên tài "dùng người" của Khang Hy. Người Trung Quốc cho rằng người Nga La Tư (La Sát) là quân bá đạo, phải có một tay lưu manh cỡ Vi Tiểu Bảo, dùng bá đạo trị bá đạo thì mời gọi là xứng đôi vừa lứa! Và cuối cùng, tư lệnh Vi Tiểu Bảo của quân Thanh với tư lệnh Phí Diêu Đa La (Féodore) của quân Sa hoàng Nga đã ký với nhau hoà ước Hắc Long Giang năng 1864.

Trong chính sử Trung Quốc, Sách Ngạch Đồ thay mặt Khang Hy và Phí Diêu Đa La thay mặt Sa hoàng ký hoà ước này. Đây là một hoà ước thắng lợi hoàn toàn cho Thanh triều: 2 tỉnh Tân Hải và A Mộc Nhĩ của nước Nga thuộc về Trung Quốc; đất Trung Quốc rộng thêm 80 vạn dặm vuông Anh. Trong lịch sử Trung Quốc, chưa có thời nào đất Trung Quốc rộng như thời Khang Hy. Hoà ước đã giữ cho nhân dân 2 nước sống yên vui thanh bình trong suốt 150 năm. Chỉ tiếc rằng các vua sau này của nhà Thanh nhu nhược, suy bại; diện tích nước Trung Quốc bị thu hẹp lại, người Trung Quốc trở thành tôi mọi trước cuộc tiến công xâm lược của Bát quốc liên quân. Nhưng thôi, chuyện ấy không liên quan gì đến Khang Hy và Lộc Đỉnh ký.

Khang Hy là một ông vua sáng suốt nhất của 13 triều đại nhà Thanh trên đất Trung Quốc. Bởi vì nhà vua là người Mãn Châu nên Kim Dung phải đem gã hề Vi Tiểu Bảo "bổ sung" chất Hán tộc cho nhà vua. Khang Hy và Vi Tiểu Bảo như hình với bóng. Đem cái ngay thẳng, sáng suốt trộn với cái lưu manh, không vặt âu cũng là một công thức sống. Chẳng vậy mà khi Vi Tiểu

Bảo trốn đi, Khang Hy đã cho người đi tìm. Nên nhớ là rằng tên giả của Khang Hy là Tiểu Huyền Từ và tên giả của Vi Tiểu Bảo là Tiểu Quế Tử. Họ là 2 thằng nhỏ, một người làm vua, một người làm quan lớn. Bọn trẻ ba hoa khiến các ông già ngơ ngác. Tuy thời ấy, chưa ai nghe nói đến việc "trẻ hoá đội ngũ lãnh đạo" nhưng rõ ràng qua Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã cho người đọc biết thế nào là thành công của sự trẻ hoá. Tác phẩm đem lại nụ cười chứ không phải là tư tưởng chính trị bởi Lộc Đỉnh ký là tiểu thuyết chứ không phải là văn kiện báo cáo. Chuyện trẻ hóa chỉ là chuyện nói chơi.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Thử bình bầu chín vị anh hùng

Trở thành người anh hùng trong chế độ quân chủ luôn luôn là khát vọng của người đàn ông chân chính. Chính vì vậy mà tiểu thuyết cổ điển thường xây dựng hai loại hình nhân vật lý tưởng: anh hùng và giai nhân. Tôi đã bàn tới mười mỹ nhân trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung có đến 12 bộ, tôi xin góp ý lạm bàn để chọn chín vị anh hùng. Làm công việc này quả thật mạo muội vì nếu chỉ chọn chín người, tất phải bỏ đi bớt một số nhân vật trung tâm mà tác giả đã dày công xây dựng và ban đọc mến mộ. Cho nên tôi mới xin được phép dùng ba chữ thử bình bầu...

1. Kiều Phong

Người anh hùng thứ nhất tôi xin chọn là Kiều Phong (tức Tiêu Phong) trong Thiên Long bát bộ. Nhân vật này không thuộc nòi Đại Hán, lại là quân Liêu cẩu; mặt vuông tai lớn, tướng mạo đường đường. Kiều Phong bị kết tội khai man lý lịch nhằm leo lên cao thọc sâu, lên làm bang chủ Cái bang, Trung Quốc rồi sau đó sẽ bán đứng Trung Quốc cho rợ Khất Đan. Ba mươi tuổi, uống rượu như nước lã, võ công cao cường, ngôi vị tột đỉnh. Kiều Phong đúng là mẫu người của quyền lực cổ điển Trung Quốc. Ba mươi tuổi, ông không hề biết say mê nhan sắc, không thèm nhìn cô hoa khôi vợ của bạn một cái đến nỗi cô căm thù, tìm mọi cách để cô công bố cái lý lịch Khất Đan của ông.

Kiều Phong bỏ ngôi vị ra đi, cứu A Châu rồi yêu thương A Châu. Tình yêu đau đớn ấy đẩy lên tột đỉnh khi ông ngộ sát A Châu. Ông bỏ Trung Quốc về Khất Đan, trở thành nam Viện đại vương, nắm hết binh quyền nước này. Hoàng đế vừa ra lệnh cho ông tấn công đánh xuống triều Tống vừa để trả thù nhà, vừa để đền ơn nước. Nhưng ông yêu hoà bình nên không thể để cho trăm họ lầm than vì chiến tranh. Ông đã tự xử lấy mình để giải quyết toàn bộ nghịch lý, mâu thuẫn mà cuộc sống và lịch sử nghiệt ngã đã dành cho ông. Mũi tên chó sói, biểu tượng nguồn sống và đời sống của người Khất Đan, trở thành phương tiện giải thoát cho Kiều Phong.

Kiều Phong là người anh hùng của bi kịch, hoàn toàn không giống bất kỳ người anh hùng nào trong suốt chiều dài lịch sử Trung Quốc. Có lẽ khi xây dựng nhân vật này, Kim Dung đã đầu tư toàn bộ tài hoa và tâm tình của ông

vào cho nhân vật. Kiều Phong hay đến nỗi mới thoạt nhìn chỉ thấy mặt vuông tai lớn thô hào mộc mạc nhưng trí óc cực kì thông minh và trái tim cực kì mẫn cảm. Ngay đến khi đánh nhâu, ông cũng tính kĩ làm sao chỉ đánh một đòn mà kiềm chế ngay địch thủ, làm sao để kiềm chế địch thủ mà không gây thương tích để khỏi xao xuyến lòng người. Đối với ai,ông cũng khiêm ái, ôn hoà, trung trực; trong tình yêu ông còn trung thực hơn. Ông chỉ yêu A Châu, và ngoài A Châu ra, ông không còn yêu thương ai nữa.

Kiều Phong không theo Khổng, Phật, Lão; không rặt Trung Quốc cũng không rặt Khất Đan. Ông chỉ sống và làm một con người chân chính. Gần như ông chống lại kịch liệt kiểu mẫu người anh hùng truyền thống của Trung Quốc: không muốn làm quan, chống lại lệnh vua, không ham lạc thú tình dục. Một con người như vậy mà cuộc đời diễn ra đầy bi kịch trước Nhạn Môn Quan. Tôi ca ngợi Kim Dung khi ông rất công bằng: nhìn thấy phẩm chất Khất Đan cao hơn phẩm chất Hán tộc dù Kim Dung một trăm phần trăm Hán tộc. Và tôi gọi Kiều Phong là đệ nhất đại anh hùng.

2. Hư Trúc

Nhân vật anh hùng thứ hai tôi xin dành cho nhà sư Hư Trúc. Về mặt cái lý lịch, anh hùng này không có tên họ rõ ràng. Chữ Hư Trúc (cây trúc rỗng) chỉ là pháp danh chùa Thiếu Lâm đặt cho. Cha Hư Trúc là Huyền Từ, phương trượng chùa Thiếu Lâm; mẹ là Diệp Nhị Nương, một phụ nữ xinh xắn nhưng lãng mạn. Họ lặng lẽ thương yêu nhau rồi Diệp Nhị Nương có bầu sinh ra Hư Trúc. Bị kẻ thù bắt cóc khi mới ba tháng tuổi, Hư Trúc bị đem bỏ ở...chùa Thiếu Lâm, được phái này nuôi và trở thành một nhà sư cô nhi. Cuộc đời Hư Trúc cũng đầy bi kịch bởi Huyền Từ phương trượng không biết được đứa cô nhi ấy là con ruột mình. Văn hoá Hư Trúc tương đối kém, chỉ đủ để đọc kinh Phật và ngũ giới cấm.

Thế nhưng nhà sư trẻ này đạo hạnh tuyệt vời, Phật lực cao cường không chê vào đâu được. Bị chính... mẹ mình bắt làm tù binh đưa vào một chỗ các cao thủ đang đánh cờ, Hư Trúc đánh bậy một nước mà xở được thế cờ bí lối trăm năm của phái Tiêu Dao, trở thành người truyền nhân của phái này. Phái Tiêu Dao chuyên tuyển đàn ông cực đẹp, Hư Trúc lại xấu ma chê quỷ hờn. Việc tuyển hoà thượng Hư Trúc làm truyền nhân là một sự phá lệ của phái Tiêu Dao, xúc phạm trầm trọng đến tính thẩm mỹ.

Thấy một bé gái sắp bị giết, Hư Trúc ra tay cứu ngay. Hoá ra đó là Thiên Sơn Đồng Mỗ của cung Linh Thứu núi Phiêu Diễu. Đồng Mỗ bắt Hư Trúc đưa qua Tây Hạ giấu trong hầm nước đá, ép buộc Hư Trúc phải ăn mặn và...

ngủ với công chúa Tây Hạ. Nhà sư của chúng ta đau đớn nhận ra rằng cuộc sống của người phàm cực kì hấp dẫn hơn hẳn cuộc sống của nhà sư Thiếu Lâm. Đắc thủ võ công và nỗi lực của hai chị em Thiên Sơn Đồng Mỗ, Hư Trúc trở thành cung chủ cung Linh Thứu, cai trị dưới tay cả ba bốn ngàn mụ đàn bà và hàng vạn bàng môn tả đạo ba mươi sáu động bảy mươi hai đảo. Ấy vậy mà nhà sư vẫn đứng đắn, cứ kêu bọn đệ tử của mình là tỷ tỷ.

Võ công của Hư Trúc cực kì cao cường, đánh cho quốc sư Thổ Phồn Cưu Ma Trí te tua, trị Đinh Xuân Thu của phái Tinh Tú sát ván. Nhưng nhà sư của chúng ta vẫn rất khiêm tốn để cho phái Thiếu Lâm đánh 100 côn tội phạm Ngũ giới cấm. Lên Làm cung chủ, Hư Trúc vẫn chưa có tên họ, chỉ thêm một chữ Tử vào sau làm Hư Trúc Tử để có vẻ đạo sĩ một chút, dễ dàng phân biệt với các tăng nhân phái Thiếu Lâm. Lù khù có ông cù độ mạng, ham vui mà qua Tây Hạ chơi, Hư Trúc Tử lại tìm đúng ra nàng... công chúa đã ngủ với mình. Gã xú hoà thượng trở thành phò mã một đế quốc hùng mạnh.

Thủ pháp xây dựng nhân vật Hư Trúc của Kim Dung cực kì tài hoa. Cả cuộc đời chàng này gặp toàn cơ duyên tốt đẹp mặc dù anh chưa bao giờ tìm kiếm. ĐÚng ra anh chỉ mong được làm một tiểu tăng chùa Thiếu Lâm, ngày hai bữa chay, tối niệm kinh Phật nhưng Kim Dung đã đẩy anh lên làm một vị anh hùng sáng giá trong thiên hạ. Bản lĩnh cao cường, tài năng quán chúng, thật thà trung hậu, giàu lòng nhân ái, lại làm rể một ông vua, làm tổng tư lệnh một lực lượng giang hồ - cái đó không phải một người anh hùng là gì, hở trời?

3. Trương Vô Kỵ

Tôi chọn Trương Vô Kỵ, còn có tên giả là Tăng A Ngưu, con trai của Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố, nhân vật chính trong Ỷ thiên Đồ long ký, là nhân vật anh hùng thứ ba.Tấm lòng của Trương Vô Kỵ rất nhân hậu, mười lăm tuổi đã dám dắt em bé Bất Hối sáu bảy tuổi vượt qua hàng chục ngàn dặm lên Thiên Sơn tìm cha.

Con người trai trẻ ấy may mắn học được Cửu Dương thần công, học được Võ Đang quyền pháp, Càn khôn đại nã di tâm pháp; võ công đắc thủ hai thứ chính tà, lại học được nghề làm thuốc cứu người! Con người ấy mới hai mươi tuổi đã xả thân cứu quần hào Minh giáo, chịu đem tầm thân cho người ta đánh đập để hoá giải tất cả mọi hận thù. Và cũng chính con người ấy mới hai mươi tuổi đã làm giáo chủ một giáo phái yêu nước, lãnh đạo những người Trung Quốc yêu nước đứng lên khởi nghĩa chống quân Nguyên xâm

lược. Con người ấy biết đặt Tổ quốc Trung Hoa, dân tộc Trung Hoa trên hết, gạt bỏ những khát vọng quyền lực và tự ái cá nhân để cho cuộc kháng chiến thành công. Hãy đọc lại đoạn Chu Nguyên Chương phản Trương Vô Kỵ, đem Vô Kỵ và Triệu Mẫn giam vào đại lao. Với bản lĩnh thần thông ấy, Vô Kỵ giết Chu Nguyên Chương chỉ cần một ngón tay. Nhưng cuộc khởi nghĩa ở Hoài Tứ chỉ biết Chu Nguyên Chương là thủ lĩnh chứ không biết tới Trương Vô Kỵ. Vô Kỵ lặng lẽ mở xiềng khoá, dẫn người tình ra đi để Chu Nguyên Chương tiếp tục lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Tôi cho tầm nhận thức ấy là tầm nhận thức của bậc đại trí tuệ mà chỉ có người anh hùng sáng suốt nhất mới có thể tư duy và hành xử như vậy.

Trong tình yêu, Vô Kỵ cũng là bậc anh hùng. Vô Kỵ có bốn cô bạn gái xinh đẹp: Châu Nhi (em cô cậu), Triệu Mẫn (đại hoa hậu Mông Cổ, quận chúa), Chu Chỉ Nhược (chưởng môn phái Nga Mi) và Tiểu Siêu (thánh sứ nữ Bái hoả giáo Ba Tư). Châu Nhi luyện võ, nhan sắc xấu đi, lại bị chứng tâm thần phân liệt nhưng Vô Kỵ vẫn yêu cô và muốn cưới cô làm vợ. Châu Nhi chết, Vô Kỵ định cưới Chỉ Nhược nhưng Triệu Mẫn đến... phá đám. Vô Kỵ yêu Tiểu Siêu. Nhưng Tiểu Siêu phải về Ba Tư lên ngôi giáo chủ để cứu mạng cho mẹ già. Cuối cùng, Vô Kỵ yêu đỡ kẻ thù xinh đẹp và thông minh của mình:Triệu Mẫn.

Nhân loại có thể đánh nhâu đến chết về chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước. Thế nhưng không ai cấm được hai kẻ thù của hai dân tộc khác yêu nhau. Tình yêu của Vô Kỵ và Triệu Mẫn thật lý tưởng: họ đánh nhau đến đầu rời máu chảy, phóng hoả đốt nhà để rồi tối đến, họ lại gặp nhau trong quán rượu, ngồi đối ẩm nói chuyện tâm tình. Cuối cùng, Vô Kỵ làm một việc hết sức nghiêm túc: kẻ lông mày cho Triệu Mẫn. Chuyện ấy cũgn lớn lao như chuyện chống quân Nguyên cứu nước Trung Hoa. Chính vì vậy, tôi gọi Vô Kỵ là đại anh hùng.

4. Trương Thuý Sơn

Trương Thuý Sơn là cha Trương Vô Kỵ, chồng của Hân Tố Tố, đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong phái Võ Đang. Ỷ thiên Đồ long ký chỉ nói về Trương Thuý Sơn có 4 chương nhưng tôi vẫn bầu nhân vật này là người anh hùng thứ tư trong toàn bộ tác phẩm Kim Dung.

Trương Thuý Sơn học võ nhưng lại là một nhà thư pháp học. Trong cuộc chiến đấu không cân sức trước Tạ Tốn, Trương Thuý Sơn đã dùng cây bút sắt của mình viết lên tảng đá bài ca quyết truyền miệng:

Võ lâm chí tôn
Bảo đao Đồ long
Hiệu lệnh thiên hạ
Mạc cảm bất tòng
Ỷ Thiên bất xuất
Thuỳ dữ tranh phong.

Hai mươi bốn chữ viết với phong cách hình như phóng túng lưu loát, bao gồm tinh thần, ý chí, nội lực, thủ pháp khiến Tạ Tốn ngẩn ngơ, chịu thua.

Trương Thuý Sơn là ông trùm tán gái. Cách tán gái của ông là... không tán gì cả, mới là đáng sợ. Gặp Hân Tố Tố lần đầu ở phủ Lâm An, Hân Tố Tố hỏi ý của ông về chữ Bất do cô viết trong câu "Tà phong tế vũ bất tu quy" (gió xéo, mưa nghiêng đặng chẳng về). Cô sợ chữ ấy viết tệ, nhưng ông rất khôn, khen chữ ấy tự nhiên, dư vị vô tận. Sau đó, ông lại chữa các chỗ bị đinh độc trên tay cô. Ông nắm tay giỏi đến nỗi trái tim con người ta rung động.

Bị bắt cóc bất tử đưa về Băng hoả đảo, ông sống chung với Hân Tố Tố ngay. Cái hay của ông là không câu nệ chuyện chính - tà, không mặc cảm chuyện danh môn với tà đạo, cũng không cần đợi bẩm báo với sư phụ, sư huynh.. Tố Tố sinh ra Trương Vô Kỵ; họ lại trở về Trung Nguyên. Người ta đi tìm dấu vết Tạ Tốn, đi tìm bảo đao Đồ long, chỉ có vợ chồng ông và Vô Kỵ biết rõ.

Đoạn đau thương nhất là đoạn ông cùng Tố Tố tự tử trên núi Võ Đang để vừa tạ tội với sư môn, vừa để giấu kín thân thế Tạ Tốn, Chỉ có người anh hùng phương Đông mới sẵn sàng hy sinh như vậy. Tính ra các "anh hùng" viễn Tây Hoa Kỳ cỡ Ringo, Django chưa dám chơi cách ấy. Trương Thuý Sơn là nhân vật phụ nhưng bản sắc đúng là một anh hùng.

5. Thạch Phá Thiên

Người anh hùng thứ năm tôi bình chọn là Thạch Phá Thiên (Cẩu Tạp Chủng), chàng thanh niên không biết chữ nhưng cực kì thông minh trong Hiệp khách hành. Thạch Phá Thiên là con của Thạch Thanh và Mẫn Nhu ở Huyền Tố trang, Giang Nam. Bị một người phụ nữ bắt cóc từ lúc mới vừa ba tháng tuổi, chàng trai trở thành tên tiểu cái ăn xin, không được học hành. Ấy vậy mà cơ duyên đưa đẩy chàng tiểu cái thành một nhân vật có bản lĩnh võ công cao cường và tấm lòng nghĩa hiệp cao vời vợi.

Tội duy nhất của chàng trai này là giống như đúc người anh ruột độc ác của mình tên là Thạch Trung Ngọc. Hắn đã gây ra nhiều tội ác, trong đó có vụ

cưỡng dâm chưa thành một cô gái mới mười hai tuổi. Gây tội ác xong, hắn bỏ trốn, để cho bọn thuộc hạ mặc tình đem Thạch Phá Thiên ra làm con bù nhìn, thay hắn gánh vác tất cả hậu quả từ những hành vi vô đạo của mình.

Chính Thạch Phá Thiên đã cứu được Bạch A Tú, cô gái bị cưỡng dâm. Chính Thạch Phá Thiên đã hoá giải được những thù hận, đối địch trong nội bộ phái Tuyết Sơn. Chính Thạch Phá Thiên đã thay mặt bang Trường Lạc, nhận thẻ bài mời đi ăn cháo Lạp bát ngoài biển Đông dù biết rằng lắm người đi không có ngày về.

Con người ấy đơn chất, hồn hậu một cách lạ lùng. Con người ấy sẵn sàng nhận cái chết cho người khác được sống, nói năng với ai vẫn một mực ôn hoà, khiêm ái. Con người ấy hoàn toàn không biết một chữ nào vì không được học hành nhưng thông tuệ một cách lạ lùng nhờ có một trực giác cực kì nhạy bén.

Nghiên cứu năm mươi bốn câu thơ trong Hiệp Khách Hành của đại thi hào Lý Bạch, những con người tài hoa nhất sa vào chữ nghĩa, đi tìm võ công bằng sự suy luận duy lí. Thạch Phá Thiên không biết chữ nên không biết nghĩa, nghĩa là hoàn toàn không biết câu thơ nói gì, ý nghĩa ra sao. Chàng vượt qua tác động đi tìm ý nghĩa, chỉ quan tâm đến đường nét của từng chữ - tự dạng. Năm mươi bốn câu thơ, mỗi câu năm chữ, cho ra hai trăm bảy mươi chữ khác nhau, mỗi chữ có một cách viết. Thạch Phá Thiên đi theo từng nét chữ và đắc thủ một cách vẻ vang pho võ công Hiệp Khách Hành.

Kim Dung muốn đưa Thạch Phá Thiên ra làm trò cười nhạo thiên hạ chăng? Không, ông xây dựng nhan vật của mình một cách nghiêm túc, với cả lòng yêu thương và quý trọng phẩm giá con người. Ta đã đọc những công án Thiên tông, trong đó có sự lĩnh ngộ trực tiếp không thông qua biện luận được coi là phương pháp tối ưu. Ở chừng mực nào đó, sự lãnh ngộ pho võ công Hiệp Khách hành của Thạch Phá Thiên rất gần gũi với công án Thiền tông, trực giác đi ngay vào chân bản thể của sự vật.

Thạch Phá Thiên quay về với cô bạn nhỏ Bạch A Tú. Đây cũng là một dạng giấc mơ anh hùng và giai nhân, mặc dù anh hùng thất học đã từng đi xin ăn và giai nhân đã từng bị lột quần ao cưỡng dâm không thành. Hạt ngọc toàn mỹ nào mà không có vết? Cho tới năm ấy dường như là năm chàng hai mươi tuổi, chàng mới biết rằng người gọi mình là Cẩu Tạp Chủng, đã từng nuôi nấng và mắng mỏ minh dường như không phải là mẹ mình. Người anh hùng đứng lại bên núi cũ, bên căn nhà xưa và thẫn thờ suy nghĩ: Ta là ai?

6. Lệnh Hồ Xung

Có lẽ tên anh hùng này là cái tên hay nhất trong những nhân vật trung tâm của Kim Dung. Họ Lệnh Hồ tương đối hiếm, còn chữ Xung là chữ ghép từ bộ Nhị và âm Trung cho nên khi đến Tây Hồ (Giang Nam), Lệnh Hồ Xung còn có tên là Phong Nhị Trung. Tên này do Hướng Vấn Thiên đạt ra để loè bịp bọn Giang Nam tứ hữu ở Hàng Châu, Tây Hồ.

Lệnh Hồ Xung là con mồ côi không cha không mẹ, đầu quân làm môn đệ phái Hoa Sơn từ lúc mười hai, mười ba tuổi. Hắn tôn sư phụ Nhạc Bất Quần như cha, tôn sư nương Ninh Trung Tắc như mẹ, coi tiểu sư muội Nhạc Linh San như em gái. Bản tính hắn ngay thẳng, chân thực, không tham lam của ai, không nịnh bợ ai, sẵn sàng ra tay viện trợ người khác. Con người hắn rất lãng mạn, mê rượu, kết giao rộng rãi với mọi người nên được tác giả gọi là kẻ thanh danh tàn tạ.

Mọi việc sẽ không có gì đáng nói nếu nữ ni cô nhỏ tuổi Nghi Lâm của phái Hằng Sơn không bị Điền Bá Quang bắt cóc và Lệnh Hồ Xung không tìm cách giải cứu cô ra khỏi bàn tay dâm tặc này. Từ chỗ quen biết với Điền Bá Quang, hắn mang tiếng là kết giao với bàng môn tả đạo.

Bị tiểu sư muội Nhạc Linh San phụ rẫy mối tình dầu để đi theo Lâm Bình Chi, hắn còn phải mang tiếng xấu là ăn trộm Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm ở Phúc Châu. Nhưng hắn lọt vào mắt xanh một thánh nữ - Nhậm Doanh Doanh, tiểu thư của Triêu Dương thần giáo và từ đó, bọn bàng môn tả đạo côi hắn là đại anh hùng, đại hào kiệt trên đời. Hai lần được mời gia nhập thần giáo, hắn thẳng thừng từ chối vì muốn giữ lại bản sắc làm người của mình. Nhưng cuộc sống oái oăm, một con người thanh danh tàn tạ như hắn lại trở thành chưởng môn phái Hằng Sơn, cai trị một bầy ni cô và phụ nữ tục gia.

Người ta cười hắn chăng? Không, Doanh Doanh - người tình thông minh và đầy mưu lược của hắn đã cứu hắn trước mọi tình huống tưởng như nguy kịch nhất. Hắn thoát khỏi các loại cạm bẫy, trong đó cạm bẫy đáng sợ nhất là do sư phụ Nhạc Bất Quần của hắn giương ra, là cũng nhờ mưu lược của Doanh Doanh. Với đường Độc cô Cửu kiếm, hắn nhìn ra toàn bộ sơ hở trong kiếm pháp của thiên hạ. Hắn có thể giết được tất cả kẻ thù địch nhưng luôn luôn hắn hạ thủ lưu tình. Tâm tình hắn liên quan đến ba người phụ nữ. Hắn yêu tiểu sư muội Nhạc Linh San, bị cô phụ rẫy, hắn đau đớn vô kể. Sau đó, gặp gỡ và nhận được tấm chân tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, hắn

trở thành một thứ thần tiên trong cõi thế. Tiểu ni cô Nghi Lâm thầm yêu trộm nhớ hắn dến võ vàng thân xác, khiến hắn đau đớn đến tột cùng vì không biết làm thế nào để đáp ứng tấm chân tình của cô.

Người đọc đều biết đến hắn là chính nhân quân tử thứ thiệt; miệng hắn bẻo lẻo trơn như mỡ nhưng hành vi rất đoan chính, quang minh. Đọc Tiếu ngạo giang hồ, ai cũgn yêu mến hắn và căm giận sư phụ hắn là Nhạc Bất Quần. Thế nhưng, hắn là đại anh hùng không chỉ đơn giản là do hắn sống bằng phẩm chất của người chính nhân quân tử. Tôi cho rằng hắn là đai anh hùng ở chỗ khii công đã thành, danh đã toại, hắn cam lòng rũ bỏ tất cả, dẫn cô vợo thông minh xinh đẹp khắp Trung Quốc tấu lên nhạc khúc Tiếu ngạo giang hồ hoà bình, trung chính. Đó là khát vọng của một con người tự do, không chịu lệ thuộc vào công danh, quyền lực. Hắn có cái tác phong cảu mẫu người lý tưởng trong triết lý Lão - Trang. Tôi gọi hắn là người đại anh hùng trong Tiếu ngạo giang hồ.

7. Dương Qua

Dương Qua còn đọc là Dương Quá. Chữ Quá có nghĩa là lỗi lầm, thứ lỗi lầm không do chính chàng trai gây ra mà do cha mẹ chàng gây ra.

Chàng trai này thông minh vô hạn, can đảm tuyệt vừoi, trung thực mười phần, xứng đáng được xếp hạng trước ông bác của hắn là Quách Tĩnh. Dương Qua học được Đả cẩu bổng pháp của Cái bang, lại đắc thủ toàn bộ võ công của phái Cổ Mộ do Tiểu Long Nữ sư phụ truyền cho. Cái hơn đời nhất của Dương Qua so với các người anh hùng khác là anh đã dám yêu người sư phụ của mình trong một xã hội phong kiến mà người thầy được xếp cao hơn cả cha mẹ. Toàn bộ bọn hoà sĩ giang hồ biết chuyện đều nguyền rủa đôi tình nhân Dương Qua - Tiểu Long Nữ, cho rằng đó là mối tình loạn luân, phi đạo lý. Cái hơn đời nhất của Dương Qua là thẳng thắn thừa nhận tình yêu ấy, thừa nhận chỉ yêu có Tiểu Long Nữ và khi Tiểu Long Nữ ra đi thì Dương Qua cũng đi khắp chân trời góc biển tìm kiếm cô.

Cuộc kháng chiến chông quân Mông Cổ được thuật lại trong Thần điêu hiệp lữ có sự góp mặt của Dương Qua - chàng trai yêu nước. Ở một chừng mực nào đó, Kim Dung muốn xây dựng một mẫu anh hùng vệ quốc theo phong cách Trung Hoa. Nhưng tôi cho bản sắc anh hùng của Dương Qua là ở trong tình yêu. Biết Tiểu Long Nữ yêu thương mình chân thật; biết cô đau đớn vì bị Doãn Chí Bình hiếp dâm, không còn trong trắng để xứng đáng với mình nữa, Dương Qua vẫn đi tìm người tình Tiểu Long Nữ. Đất nước Trung Hoa thiếu gì phụ nữ nhưng Dương Qua chỉ yêu một sư phụ của mình. Cô không

còn trong trắng nhưng dưới mắt Dương Qua, cô vẫn là cô gái trinh tiết rực rỡ. Những quan điểm của Dương Qua đã chiến thắng trước những rào cản luân lý, đạo đức mang nặng màu sắc Nho giáo cứng nhắc và đôi khi phi nhân tính của xã hội Trung Quốc. Tôi cho đó mới là bản sắc anh hùng.

8. Hồ Phỉ

Hồ Phỉ là con trai của Hồ Nhất Đao, ngoại hiệu Tuyết Sơn Phi Hồ, anh hùng đất Sơn Đông. Hồ Nhất Đao đấu với Miêu Nhân Phượng và lưỡi đao của Miêu Nhân Phượng đã bị một ai đó tẩm thuốc độc vào; một hành vi mà người anh hùng lỗi lạc như Miêu Nhan Phượng không làm. Cái chết của Hồ Nhất Đao mãi mãi là một nghi án. Tiểu anh hùng Hồ Phỉ mười bảy tuổi, từ Sơn Đông mang theo cây Lãnh nguyệt bảo đao cùng với đường Hồ gia đao pháp danh tiếng của cha truyền lại, về Trung nguyên tìm kẻ thù.

Chàng trai này bản lĩnh cao cường, thông minh vô hạn. Kết bạn với cô gái họ Viên chuyên mặc áo tía Viên Tử Y, họ trở thành một đoi bạn trẻ hành hiệp giang hồ, trừ khử kẻ bạo ngược. Đời vua Càn Long triều Thanh dù được gọi là thái bình thạnh trị nhưng nạn tham quan ô lại, cường hào ác bá vẫn đầy rẫy trong xã hội Trung Quốc. Đọc những trang viết về Tiểu anh hùng Hồ Phỉ và Viên Tử Y hành hiệp cứu nhân độ thế, trừng trị tham quan ô lại và cường hào ác bá, chúng ta thấy được toàn cảnh xã hội nhiễu nhương của triều Càn Long.

Trong tiểu thuyết, Hồ Phỉ được Kim Dung tả như một chàng trai có vẻ bề ngoài man rợ với hàm râu quai nón và khuôn mặt vô cảm. Thế nhưng không phải như vậy. Gặp Miêu Nhược Lan, con gái của Miêu Nhân Phượng, chàng trai hai mươi bảy tuổi ấy say mê ngay từ cái nhìn đầu tiên. Miêu Nhược Lan cũng vậy. Tác giả để cho mối tình ấy lơ lửng không có đoạn kết thúc.

Trong Lãnh nguyệt bảo đao hay trong Tuyết Sơn phi hồ, Hồ Phỉ thay mặt người cha đã qua đời đấu với Miêu Nhân Phượng. Cả hai cuộc chiến đấu là hai cuộc chiến đấu của trí thông minh và lòng dũng cảm. Hồ Phỉ đã thắng nhưng không bao giờ hạ lưỡi đao ra chiêu cuối cùng. Ấy bởi vì anh biết rằng cha mình đã chết vì lưỡi đao của Miêu Nhân Phượng nhưng một người anh hùng như Miêu Nhân Phượng thì không thể bôi thuốc độc vào đao kiếm đê giết cha mình như vậy. Và do vậy, lưỡi đao của anh long lanh dưới bóng trăng lạnh, lóng lánh trên nền tuyết trắng nhưng không chém xuống Miêu Nhân Phượng.

Tôi gọi Hồ Phỉ là người anh hùng thứ tám trong sự nghiệp xây dựng nhân

vật của Kim Dung.

9. Địch Vân
Địch Vân là nhân vật trung tâm của bộ Liên Thành Quyết (Tố tâm kiếm). Chàng trai ấy không cha không mẹ, lớn lên dưới trướng của sư phụ Thích Trường Phát, thương yêu con gái của sư phụ là Thích Phương. Mối tình dân dã, hồn nhiên ấy sẽ không tan vỡ nếu tay sư phụ nguỵ quân tử kia không nuôi âm mưu dòm ngó bộ Liên thành kiếm pháp, đem con gái gả cho Vạn Khuê, con trai của vạn Chấn Sơn, sư huynh của lão.

Bị Huyết Đao lão tổ của Huyết Đao môn Tây Tạng bắt cóc, buộc làm đệ tử chân truyền, Địch Vân vẫn giữ được phẩm chất người anh hùng đơn chất, không hoà vào dòng hôi tanh của Huyết Đao môn. Anh cứu được Thủy Sinh, cô gái Trung Quốc bị bắt cóc ra khỏi bàn tay dâm ác của Huyết Đao lão tổ. Anh trở thành người anh em kết nghĩa Đinh Điển, một hào sĩ giang hồ thượng thặng và khám phá ra toàn bộ bí mật trong Liên Thành quyết - con đường dẫn đến một kho tàng có giá trị liên thành.

Ai cũng tham vàng bạc châu báu, kể cả sư phụ Thích Trường Phát của anh. Thế nhưng, anh không hề tham. Trước kho báu trong chùa Thiên Ninh thành Giang Lăng, anh không thò tay bốc vàng bạc, châu báu và do vậy anh đã không bị trúng độc, điên loạn. Anh chán ngán những âm mưu độc hiểm của giang hồ, chán ngán cuộc sống tàn bạo, lặng lẽ trở về quan ngoại. Như trong một kịch bản hoàn chính nhất của tinh thần nhân đạo phương Đông, cô gái Thủy Sinh trong trắng đang chờ anh giữa vùng trời tuyết trắng mênh mông.

Đich Vân có cái vẻ nhà quê chơn chất của nông dân, có tầm tư duy của một bậc trí thức giả, có lòng nhân của một nhà hiền triết, có trái ti của một đứa trẻ thơ, có võ công của một hảo hán hạng nhất. Tôi chọn con người này làm nhân vật anh hung thứ chín trong toàn bộ trước tác của Kim Dung.

Đến đây tôi xin khoá sổ, không đưa thêm một vị nữa vào danh sách những người anh hùng. Nến nhớ thành mẫu người của Kim Dung chọn là người chính nhân quân tử, hoàn toàn khác hẳn người quân tử trong triết học đạo Nho với biện chứng "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", lại hoàn toàn khác hẳn hình tượng người anh hùng quân chủ "kẻ sĩ" mà Nguyễn Công Trứ thương tôn thờ:

Sĩ làm sao cho bách thế lưu phương
Trước là sĩ, sau là khanh tướng

Những người anh hùng của Kim Dung không cần bách thế lưu danh, không cầnthành kẻ sĩ, cũng chưa bao giờ nuôi giấc mơ khanh tướng. Họ sống vì đời, việc xong rũ áo ra đi, giấu kín thân thế cùng tên tuổi như thơ Lý Bạch:

Sự liễu nhất y khứ
Thâm tàng thân dữ danh.

Chính vì vậy, tôi không đưa vào đay những nhân vật nổi tiếng khác: Đoàn Dự, hoàng đế Đại Lý, si tình hạng nhất, có Lục mạch thần kiếm vô địch, chưa phải là mẫu người anh hùng. Quách Tĩnh, người giữ thành Tương Dương chống Mông Cổ, có Hàng long thập bát chưởng danh tiếng, sẽ không làm nên cơm cháo gì nếu không có cô bạn (và sau đó là cô vợ) thông minh, ma mãnh, đày thủ đoạn. Trần Cận Nam (Trần Vĩnh Hoa), tổng đàn chủ của THiên Địa Hội, một đời nuôi mộng chống nhà Thanh khôi phục triều MInh, bản lãnh cao cường, con người khiêm tốn nhưng vẫn giữ mãi cái ngu trung của nhà Nho đối với Trịnh Thành Công để cuối cùng chết trong tay con cháu họ Trịnh cũng chưa phải là anh hùng. Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế Khất Đan, cũng chưa phải là anh hùng bởi bản tính của vị này nhiều thủ đoạn và tàn bạo.

Tôi đã chọn mười mỹ nhân mà chỉ chọn được chín anh hùng. Cho hay, nhan sắc trời cho dễ tìm hơn phẩm chất đạo đức, lý tưởng sống hình thành qua thiên nhai bách chiết của cuộc đời đầy khổ nhục. Mà điều này cũng dễ hiểu bởi anh hùng cũng khó tìm, khó gặp, khó thấy hơn mỹ nhân.

Một điều cũng cần nói ra là các vị anh hùng này là những người tình tuyệt vời trong tình yêu. Họ sống chung thủy, ngay thẳng, chân thật đối với người tình. Họ có thể đa tình nhưng không hề đa dục. Họ sáng lên giữa hàng ngàn nhân vật khác của Kim Dung và mỗi người có một bản sắc, một phong cách riêng không ai lẫn lộn vào ai. Nguồn gốc xuất sứ của họ là đám con em bình dn áo vải; giai cấp quý tộc quan lại không có, giai cấp phú hào địa chủ không có. Đa phần họ lý lịch không rõ ràng, có người không rõ cha mẹ, quê quán. Những anh hùng trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung như vậy, hoàn toàn không giống con người lý tưởng ở bất cứ một thời đại nào trong lịch sử văn học Trung Quốc.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Ỷ thiên Đồ long ký - Bài ca của chủ nghĩa yêu nước

Có được một tác phẩm tiểu thuyết hấp dẫn trong tủ sách gia đình để mọi thành viên mọi lứa tuổi cùng đọc, rồi khi rãnh rỗi lại đem những tình huống bất ngờ, những nhân vật mình yêu thích ra bàn bạc, tranh luận là một điều thú vị. Ỷ thiên Đồ long ký là một tác phẩm như vậy. Đây là một bộ tiểu thuyết tương đối đồ sộ trong sự nghiệp trước tác của Kim Dung.

Kim Dung sinh năm 1942 tại Hải Ninh, tỉnh Triết Giang, Trung Hoa. Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn học; ông nội ông làm quan dưới triều vua Quang Tự, là nhà thơ khá nổi tiếng với bộ Hải Ninh sát thị sao thi. Tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện Thượng Hải, năm 1948 ông rời lục địa sang Hongkong làm công tác toà soạn trong tờ Đại công báo. Sau đó ông sáng lập tờ Minh báo và làm báo cho đến tận bây giờ. Trên tờ Minh báo và tờ Nam Dương thương báo ở Singapore, tên tuổi Kim Dung được khẳng định như một nhà văn hiện đại có công khai sáng hệ tiểu thuyết võ hiệp và viết tiểu thuyết võ hiệp hay nhất Trung Hoa. Nhưng phải đợi đến năm 1995, khi ông được chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa mời về Đại học Bắc Kinh trao hàm giáo sư danh dự và nói chuyện với hàng chục ngàn nhà nghiên cứu, nhà sư phạm và sinh viên thì tên tuổi và tác phẩm của ông mới được mọi người ở lục địa biết tới và đón nhận.

Ỷ thiên Đồ long ký là bộ tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu nhưng đặc điểm của phương pháp hư cấu ở đây là tác giả lồng câu chuyện trong hoàn cảnh lịch sử Trung Hoa vào cuối Nguyên, đầu Minh. Những con người thật cùng đấu tranh bên cạnh những con người hư cấu; lịch sử được nhìn qua lăng kính văn học khiến tác phẩm vừa thực lại vừa hư, cuốn hút người đọc đi vào thế giới huyền thoại: thế giới của võ lâm Trung Hoa. Và người ta không thể ngừng lại không đọc tiếp nếu "lỡ" đã đọc một vài chương đầu.

Ỷ thiên là tên gọi của một thanh bảo kiếm, chém sắt như chém chuối, trong lòng nó chứa đựng một pho võ công rất bá đạo: bộ Cửu âm chân kinh. Đồ long là tên của thanh bảo đao cũng có tính năng chém sắt như chém chuối, trong lòng nó chứa đựng một bộ binh pháp kỳ diệu: bộ Võ Mục di thư của nhà yêu nước Nhạc Võ Mục (Nhạc Phi) đời Tống. Nhạc Võ Mục đã từng là danh tướng, có công chống quân Kim (Thát Đát - tiền thân của Mãn Châu).

Ông bị vua Tống giết hại bởi nghe lời súc siểm của gian thần Tần Cối. Binh pháp của ông còn lại trong Võ Mục di thư một thứ binh pháp thượng thặng nhằm chống xâm lăng cứu nước. Đồ long có nghĩa là giết rồng, mà rồng có nghĩa là vua nhà Nguyên đang cai trị đất nước Trung Hoa. Kèm theo thanh kiếm và lưỡi đao, còn có một bài thơ được truyền tụng:

Võ lâm chí tôn
Bảo đao đồ long
Hiệu lệnh thiên hạ
Mạc cảm bất tòng
Ỷ thiên bất xuất
Thuỳ dữ tranh phong

Do không hiểu chân nghĩa của bài thơ, đặc biệt là câu thứ ba, thứ tư, bọn hào sĩ giang hồ Trung Hoa cứ nghĩ là chiếm được bảo đao Đồ long là có thể trở thành chí tôn, có quyền ra lệnh cho mọi người mà chẳng ai dám không nghe theo. Lòng tin mù quáng đó đã xui khiến các bang hội, môn phái, thế lực chính trị lao vào cuộc chiến đấu giành giật đao Đồ long. Cuối cùng, quần hùng Minh giáo được lưỡi đao và bộ Võ Mục di thư . Trên chùa Thiếu Lâm, giáo chủ Minh giáo Trương Vô Kỵ đã học chương "Binh quần Ngưu Đầu Sơn" của Nhạc Võ Mục viết trong bộ binh pháp này và ứng dụng để giải vây cho hào sĩ giang hồ Trung Hoa, đánh tan quân Mông Cổ. Trương Vô Kỵ đã long trọng trao binh pháp lại cho thuộc hạ của mình là Từ Đạt - một nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa. Và họ đã làm cuộc khởi nghĩa Hoài Tứ kéo dài 15 năm của Chu Nguyên Chương, Thường Ngộ Xuân, Từ Đạt, Thang Hoà, Trương Sĩ Thành. Cuộc khởi nghĩa thành công, Chu Nguyên Chương được tôn làm vua, lấy đế hiệu Minh Thái Tổ, mở ra Minh triều, truyền được 13 đời, kéo đài 275 năm (1368 - 1643). Ỷ thiên Đồ long ký là bài ca đẹp về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm. Chính lòng yêu nước đã nối kết những lực lượng kháng Nguyên sẵn sàng nép mình dưới ngọn cờ Minh giáo, nghe theo sự điều động của chàng trai Trương Vô Kỵ, cứu trăm họ ra khỏi ách thống trị của người Mông Cổ. Chân nghĩa của bài thơ được truyền tụng là như thế.

Ỷ thiên Đồ long ký là một bài ca đẹp về tình yêu lứa đôi. Đó là tình yêu rực rỡ giữa Hân Tố Tố - con gái của giáo chủ Bạch mi giáo Hân Thiên Chính _với chàng Trương Thuý Sơn, đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong phái Võ Đang. Đó là tình yêu lặng lẽ của Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo Trung Hoa, với cô gái Ba Tư yêu kiều Tiểu Siêu, thánh sứ nữ Bái hoả giáo từ Ba Tư qua. Tiểu Siêu đã đi qua con đường tơ lụa và quay về Ba Tư cũng

trên con đường tơ lụa. Họ chia tay nhau, ngậm ngùi đau đớn. Cả tình yêu , cuộc sống và số phận con người được đúc kết trong câu hát:

Lai như lưu thủy hề thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung.

(Chợt đến như dòng nước chảy
Rồi tàn như gió qua mau
Chẳng biết từ nơi nào đến
Và chẳng biết về nơi đâu)

Đó đồng thời là tình yêu tươi đẹp giữa Trương Vô Kỵ, chàng trai Hán tộc, lãnh đạo lực lượng kháng Nguyên, với cô gái Triệu Mẫn - quận chúa của triều Nguyên. Tình yêu ấy vượt qua mọi ngăn trở biên giới của chủng tộc, giai cấp, đối kháng chính trị. Tác giả muốn chứng minh một định đề: cái đạo lý chình nhân quân tử có thể cảm hoá và cải tạo những con người tàn bạo. Hân Tố Tố bị gọi là nữ ma đầu; Triệu Mẫn bị gọi là yêu nữ. Thế nhưng trong tinh yêu và do tình yêu cảm hoá, họ trở thành những con người đích thực, biết hướng thiện sửa sai, trở thành những người phụ nữ nhu mì, giàu nữ tính, giàu đức hy sinh. Hân Tố Tố chết theo chồng là Trương Thuý Sơn để giữ vẹn lời nguyền không nói với ai chỗ ẩn cư của Tạ Tốn; Triệu Mẫn sẵn sàng bỏ tước hiệu quận chúa nương nương của Mông Cổ để đi theo chàng trai áo vải Trung Hoa Trương Vô Kỵ. Ngay trong những chương nói về tình yêu, Kim Dung đã chứng tỏ được sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của ông, so với những tác phẩm võ hiệp mà ông từng viết ra trước đó.

Ỷ thiên Đồ long ký là bài ca mênh mông về lòng nhân ái, sự bao dung giữa con người với con người. Lòng nhân ái, sự bao dung đó nằm trong ý nghĩa bài Hoả ca của giáo chúng Minh giáo:

Đốt tàn thân xác ta
Ngọn thánh hoả cháy lên đỏ rực...
Hỷ, Lạc, Sầu, Bi, đều trở về cát bụi
Chỉ thương con người hoạn nạn lắm khi.

Hiểu được lời ca ấy, Trương Vô Kỵ mới hiểu được Minh giáo và nguyện xả thân để cứu quần hùng Minh giáo, tha thứ cho những kẻ thù trong sáu đại môn phái đã bức tử cha mẹ mình, tha thứ cho những kẻ có hành động bức hại mình. Cũng thế, Tạ Tốn đã tha thứ cho Thành Khôn; các nhà sư Độ Ách, Độ Nạn, Độ Kiếp và quần hùng Trung Hoa đã tha thứ cho Tạ Tốn. Tính

nhân bản, nhân văn của tác phẩm hiện ra trong từng chương, từng hồi, từng trang sách. Còn bản thân những kẻ mê muội, không chịu cải hoá thì tự họ rước lấy những hậu quả từ những nguyên nhân mà họ gây ra. Trương Vô Kỵ khi bị thuộc hạ là Chu Nguyên Chương phản bội, anh có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với một ngón tay, nhưng đã không làm điều đó. Anh nghĩ đến trăm họ Hán tộc lầm than đang cần đến một người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, nghĩ đến vai trò của Chu Nguyên Chương đang rất cần thiết cho hàng vạn hàng triệu giáo chúng và quần hùng Trung Hoa. Và anh lặng lẽ ra đi, tha thứ cho Chu Nguyên Chương để Chu yên tâm lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hoài Tứ đi đến thắng lợi.

Ỷ thiên Đồ long ký là sự hiện thực hoá những nguồn tư duy, tư tưởng vốn mang tính trừu tượng của triết học Đông phương. Ta có thể tìm trong tác phẩm những tư tưởng của Bái hoả giáo (Minh giáo), Phật giáo, Lão Trang, Khổng giáo. Pho Thái cực quyền của Trương Tam Phong sáng tạo giơ hai tay nhẹ nhàng ôm lại như ôm vòng Thái cực, ung dung chậm rãi mà uy mãnh tuyệt luân. Trên Thiên Sơn, Trương Vô Kỵ bẻ một cành mai mùa xuân đầy hoa và nụ để đấu với Chính - Phản Lưỡng nghi kiếm pháp và đao pháp, mà cành mai không rụng một bông, một búp. Cái lặng lẽ của tư duy phương Đông đã được thể hiện ở chỗ vô cùng, vô hạn. Từ núi Côn Lôn trở về Trung Nguyên, Hà Túc Đạo mang hteo cây tiêu vĩ cầm và thanh kiếm. Chàng trung niên văn sĩ ấy đánh đàn kêu gọi bầy chim đến cho chim nghe và nhảy múa theo tiếng đàn, dùng kiếm vẽ bàn vi kỳ và đánh cờ một mình giữa rừng sâu trên đỉnh Thiếu Thất. Cái động và cái tĩnh, cái cơ tâm và cái phóng dật được dung hợp và thể hiện một cách tài tình khi Hà Túc Đạo vừa đấu kiếm vừa vận chỉ công để diễn tấu một đoạn nhạc tình mới sáng tác nhằm biểu lộ tình cảm và lòng mến mộ của mình cho cô bé Quách Tương. Triết học Đông phương, tư duy Đông phương cực kì lãng mạn đã đẩy đến bến bờ mênh mông nhất, chỉ cần cảm nhận mà không cần biện biệt.

Truyện võ hiệp không phải là truyện tình báo. Nhưng Ỷ thiên Đồ long ký bao gồm những chương những hồi mà nghệ thuật tình báo được thể hiện với một thủ pháp cao cường: kẻ độc ác Thành Khôn cạo đầu vào chùa Thiếu Lâm giả làm nhà tu với pháp danh Viên Chân âm mưu triệt hạ Minh giáo và hãm hại sáu đại môn phái để chiếm ngôi võ lâm chí tôn; cô gái lai Ba Tư Tiểu Siêu nằm vùng trong nội bộ Minh giáo Trung Hoa để tìm Càn khôn đại nã di tâm pháp; Chu Chỉ Nhược mưu sát Hân Ly và phóng trục Triệu Mẫn để độc chiếm kiếm Ỷ thiên và đao Đồ long... Đó là những chương hồi đặc sắc, bất ngờ, đưa ta vào một thế giới lạ lùng với những tình huống đột biến thú vị và thi vị.

Ỷ thiên Đồ long ký cũng là một tác phẩm tập trung giới thiệu nhiều kiến thức. Đó là kiến thức sử học với cuộc khởi nghĩa kháng Nguyên của người Trung Hoa ở Hoài Tứ, An Huy. Đó là kiến thức địa lý học với những địa danh mà các nhân vật đã đi qua, từ Đại Đô (Bắc Kinh) đến chùa Thiếu Lâm (Hồ Nam), từ biển Đông đến đỉnh Thiên Sơn ngoại Tân Cương, biên giới thiên nhiên giữa Trung Hoa và Kirghizitan. Đó là những kiến thức y học về phương pháp sử dụng thuốc chữa bệnh, phương pháp phóng độc và đầu độc, phương pháp giải phẫu và nối xương, chỉnh hình. Đó là kiến thức về kỹ thuật luyện kim, kỹ thuật sử dụng dầu đá (dầu thô), kỹ thuật sử dụng chất nổ do quần hùng Minh giáo thực hiện. Đó là các kiến thức về thư pháp học một thứ thư pháp được hình tượng hoá và cụ thể hoá bằng phán quan bút, chưởng pháp, chỉ pháp của võ thuật...

Xét về góc độ kỹ thuật tiểu thuyết, Ỷ thiên Đồ long ký gần như là bộ tiểu thuyết có kết cấu hoàn chỉnh nhất trong những bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Tác phẩm mở đầu với đoạn lung khởi khá hấp dẫn, kể chuyện Quách Tương lên chùa Thiếu Lâm, chuyện Hà Túc Đạo gặp Quách Tương, chuyện thầy trò nhà sư Giác Viễn đánh bại Hà Túc Đạo để dẫn tới quá trình hình thành các phái Võ Đang, Nga Mi, Côn Lôn. Thế giới thứ nhất khép lại để mở ra thế giới thứ hai của Trương Thuý Sơn, Hân Tố Tố, Tạ Tốn... Thế giới thứ hai khép lại với cái chết của vợ chồng Trương Thuý Sơn - Hân Tố Tốn để mở ra thế giới thứ ba của Trương Vô Ky, Chu Chỉ Nhược, Hân Ly, Triệu Mẫn... Những nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa và lịch sử Minh giáo Trung Hoa như Dương Tiêu, Chu Nguyên Chương, Thường Ngộ Xuân, Từ Đạt, Hàn Sơn Đồng... sống và hoạt động bên cạnh những nhân vật hư cấu như Trương Vô Ky, Triệu Mẫn, Tiểu Siêu, Hân Thiên Chính, Chu Chỉ Nhược, Phạm Dao... Tất cả những tố chất trên vừa lãng nạm, vủa hiện thực, nối kết những chương hồi với nhau thành chuỗi dài.

Kim Dung có tài năng đặc biệt khi nâng văn chương tiểu thuyết võ hiệp thông tục lên thành thứ văn chương cung đình sang trọng. Có những chương hồi của ông khiến người đọc cười ha hả như chương đối thoại của Ngũ Tản nhân, nhưng cũng có chương khiến người đọc rơi nước mắt như chương Tiểu Siêu chia tay Vô Ky trên biển. Một sợi chỉ nhỏ như tơ, khi ẩn khi hiện nhưng xuyên suốt tác phẩm là câu hát ngậm ngùi: "Lại như lưu thủy hề thệ như phong..."

Tôi đã đọc Ỷ thiên Đồ long ký trên 30 năm, mỗi lần đọc lại cảm thấy có cái gì đó rất mới mẻ, lạ lùng. Đọc đến trang cuối. tôi thở phào khi Trương Vô

Kỵ chặt đứt xiềng khoá cho Triệu Mẫn, dẫn cô vượt nhà lao ra đi mà không nghĩ cách trả thù Chu Nguyên Chương theo logic thông thường ở đời. Chàng Trương đi với cô Triệu và anh làm một công việc thú vị, chẳng liên hệ gì tới Ỷ thiên kiếm và Đồ long đao, cũng chẳng liên hệ gì tới võ lâm Trung Hoa: kẻ lông mày cho Triệu Mẫn. Trương Vô Kỵ sống theo cách của nhà thơ Lý Bạch viết trong Hiệp khách hành:

Sự khứ phất y liễu
Thâm tàng thân dữ danh

(Việc xong, rũ áo đi
Giấu ngay thân thế, tiếc gì tiếng tăm)

Ở đời có mấy ai đạt đạo được như vậy? Vô Kỵ - Triệu Mẫn đi về đâu? Tác giả không rõ mà cũng chẳng muốn rõ. Ở một chân trời góc biển nào đấy, khi Chu Nguyên Chương lên ngôi cửu ngũ thì Trương Vô Kỵ lại cầm cây bút của nhan sắc lên và kẻ lại lông mày cho nàng Triệu Mẫn.

Hiệp khách hành
Từ Hiệp khách hành của Lý Bạch đến Hiệp khách hành của Kim Dung

Đó không phải là một sự trùng ngộ tình cờ giữa hai thế hệ nhà văn Trung Quốc. Đó là sự cố ý của Kim Dung, nhà văn sống sau Lý Bạch 12 thế kỷ. Cả hai đều lấy Hiệp khách hành làm tựa; Lý Bạch làm tựa cho một bài thơ, còn Kim Dung thì làm tựa cho một bộ đoản thiên tiểu thuyết gồm bốn cuốn của mình.

Lý Bạch (701-762) là một nhà thơ lớn, tiêu biểu cho phong cách thi ca Thịnh Đường, Trung Quốc. Thi sĩ Hạ Tri Chương, ngày mới quen biết Lý bạch, đã gọi ông là Thiên thượng trích tiên nhân (người tiên bị đày xuống trần gian). Đời Tống, nhà phê bình Hoàng Đình Kiên ca ngợi Lý Bạch là con kỳ lân, con phượng hoàng giữa loài người.

Đường Huyền Tông rất quý trọng Lý Bạch, nhưng Lý Bạch không xu viêm phụ nhiệt, từ chối cuộc sống cao sang cạnh nhà vua, mong trở về núi ngâm vịnh với mây trời, ca hát cùng hoa cỏ. Sau loạn An Lộc Sơn, Lý Bạch bị bắt giam va lưu đầy sang Dạ Lang. Sau khi được thả ra, ông du sơn ngoạn Thủy, càng uống say thi ca càng bay bổng. Thơ Lý Bạch dễ có cả ngàn bài, mỗi bài một phong cách, phóng túng, đầy ngẫu hứng lãng mạn. Căn cứ vào nội dung, người đời sau phân thơ ông ra làm nhiều loại: Biên tái ca (viết về chinh chiến, quan ải),Tình ca (ca ngợi tình yêu), Diễm ca (ca ngợi nhan sắc), Biệt ca (viết về những lúc chia ly), Tuý ca (viết về những cơn say), Hành ca (ca ngợi những con người có hành động cứu người)... Hiệp khách hành là bài thơ thuộc thể loại Hành ca, ca ngợi hai chàng tráng sĩ thời Chiến quốc Chu Hợi và Hầu Doanh, bằng hữu của Tín Lăng quân (được nhắc đến rất rõ trong Sử ký của Tư mã Thiên).

Trước hết, tôi xin giới thiệu bài thơ Hiệp khách hành của Lý Bạch để các bạn nghiên cứu với bản dịch tiếng Việt của giáo sư Trần Trọng San, người thầy đã dạy tôi môn Lịch sử văn học Trung Quốc tại Đại học Sư phạm Sài Gòn (từ năm 1966 đến năm 1970) và bản dịch thơ tiếng Anh của ông Robert Payne, một nhà Trung Quốc học người Anh. Nguyên văn bài thơ thế này:

俠客行

李白

趙客縵胡纓
吳鉤霜雪明
銀鞍照白馬
颯沓如流星
十步殺一人
千里不留行
事了拂衣去
深藏身與名
閒過信陵飲
脫劍膝前橫
將炙啖朱亥
持觴勸侯嬴
三盃吐然諾
五嶽倒為輕
眼花耳熱後
意氣素霓生
救趙揮金槌
邯鄲先震驚
千秋二壯士
烜赫大梁城
縱使俠骨香
不慚世上英
誰能書閤下
白首太玄經

Phiên âm:

Hiệp khách hành
Triệu khách mạn hồ anh,
Ngô câu sương tuyết minh
Ngân yên chiếu bạch mã,
Táp nạp như lưu tinh.
Thập bộ sát nhất nhân,
Thiên lý bất lưu hành.
Sự liễu phất y khứ,
Thâm tàng thân dữ danh.
Nhàn quá Tín Lăng ẩm,
Thoát kiếm tất tiền hoành.
Tương chích đạm Châu Hợi,
Trì trường khuyến Hầu Doanh.
Tam bôi thổ nhiên nặc,
Ngũ Nhạc đảo vi khinh.
Nhãn hoa nhĩ thiệt hậu,
Ý khí tố nghê sinh.
Cứu Triệu huy kim chuỳ,
Hàm Đan tiên chấn kinh
Thiên thu nhị tráng sĩ,
Huyên hách Đại Lương thành.
Túng tử hiệp cốt hương,
Bất tàm thế thượng anh.
Thuỳ năng như các hạ,
Bách thủ Thái huyền kinh.

Dịch nghĩa:

Bài ca Hiệp khách

Khách nước Triệu đeo giải mũ thô sơ, có thanh gươm ngô câu sáng như sương tuyết. Yên bạc soi chiếu con ngựa trắng, lấp lánh như sao bay. Thanh gươm này có thể giết chết một người trong khoảng mười bước, cho nên không đi xa ngàn dặm. Sau khi làm xong việc, người hiệp sĩ rũ áo ra đi, giấu kín thân thế cùng tên tuổi.
Khi nhàn rỗi, qua nhà Tín Lăng quân uống rượu, tuốt gươm ra, đặt ngang trước đầu gối. Tín Lăng quân đem chả nướng ra mời Châu Hợi, và cầm chén rượu mời Hầu Doanh.
Hai người này uống cạn chén rượu, chân thành vâng lệnh; tấm thân nặng như năm núi lớn mà lại coi là nhẹ. Sau khi mắt đã hoa, tai nóng bừng, ý khí

toả ra thành cầu vồng trắng.
Vung cây chùy sắt cứu nước Triệu; thành Hàm Đan trước tiên rung động, kinh hoàng. Ngàn thu sau, tiếng tăm của hai tráng sĩ này lừng lẫy thành Đại Lương.
Dù có thác đi, xương hiệp khách vẫn còn thơm hương; không hổ thẹn với các bậc anh hùng trên đời. Còn ai kia viết sách dưới gác, bạc đầu với cuốn kinh Thái huyền?

Hiệp khách hành

Khách nước Triệu phất phơ dải mũ,
Gươm Ngô câu rực rỡ tuyết sương.
Long lanh yên bạc trên đường,
Chập chờn như thể muôn ngàn sao bay.
Trong mười bước giết người bén nhạy,
Nghìn dặm xa vẫy vùng mà chi.
Việc xong, rũ áo ra đi,
Xoá nhoà thân thế, kể gì tiếng tăm.
Rảnh rang tới Tín Lăng uống rượu,
Tuốt gươm ra, kề gối mà say.
Chả kia với chén rượu này,
Đưa cho Châu Hợi, chuốc mời Hầu Doanh.
Ba chén cạn, thân mình sá kể!
Năm núi cao, xen nhẹ tựa lông hồng.
Bừng tai hoa mắt chập chùng.
Mống tuôn hào khí mịt mùng trời mây.
Chuỳ cứu Triệu vung tay khẳng khái,
Thành Hàm Đang run rẩy, kinh hoàng.
Nghìn thu tráng sĩ hai chàng,
Tiếng tăm hiển hách, rỡ ràng Đại Lương.
Thân dù thác, thơm xương nghĩa hiệp;
Thẹn chi hào kiệt trên đời.
Hiệu thư dưới gác nào ai?
Thái huyền trắng xoá đầu người chép kinh.
(Trần Trọng San dịch)

The bravo of Chao

The bravo of Chao wears a with a Tartar cord.
His scimitar from Wu shines like the ice and snow

his silver saddle glitters on a pure white horse.
He comes like the wind or like the shooting star.
At every ten steps he kills a man,
And goes ten thousand li withoout stopping.
The deep done, he shakes his garment and departs.
Who knowws his mane or whither he goes?
If he has time, he goes to drink with Hsin-ling,
Unbuckles his sword and lays it across his knee
The prince does not disdain to share meat with Cou Hai.
Or to offer a gablet of wine to Hou Ying.
Three cups is a sign ofa bond unbroken.
His earth is heavier than the Five Mountains
When his ears are hot and his eyes burn,
His spirit ventures forth like a rainbow
Holding a hammer, he saved the kingdom of Chao
The mere sound of his name was likeshaking thunder
For a thousand autumns two strong men
Have live in the hearts of the people of Tai-liang.
Sweet-seented be the bones of these dead heroes;
May bent everhisbooks near the window
With white hair compiling Tai-hsuan Ching.
(Edited by Robert Payne)

Đi vào trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, bài Hiệp khách hành gồm 24 câu được khắc lên bức vách của 24 căn phòng khác nhau công với những hình ảnh minh hoạ nội dung và những lời chú giải mở rộng. ở đây có hai yếu tố: một là những hình ảnh trực quan đơn sơ giản dị và hai là những lời chú giải dẫn dắt người đọc đi đến một thế giới tư duy trừu tượng sau xa, bí ẩn. Một ai đó đã bỏ công ra xât dựng 24 gian thạch thất, trong mỗi gian có một đồ giải gắn với một câu thơ trong Hiệp khách hành để đánh đố người đời sau. Công trình ấy ở trên một hòn đảo hoang giữa biển gọi là đảo Long Mộc. Hàng năm, Long đảo chúa và Mộc đảo chúa phát thiếp mời những vị chưởng môn trong võ lâm Trung Nguyên lên đảo ăn món cháo gọi là Lạp bát cúc. Con nhà võ vốn mê võ thuật, gặp những đồ giải Hiệp khách hành bèn tình nguyện ở lại Long Mộc đảo luyện luôn, có những người ra đi vài chục năm mà chẳng chịu quay về. Do vậy, giới giang hồ Trung Nguyên cho rằng những người được mời ăn Lạp bát cúc hàng năm đi vào chỗ chết. Chàng trai Thạch Phá Thiên cũng được mời ăn Lạp bát cúc vì anh là bang chủ bang Trường lạc và anh có hai người anh em kết nghĩa là hai vị sứ giả Thưởng Thiện và Phát Ác trên Long Mộc đảo.

Trí óc tưởng tượng của Kim Dung thật tuyệt vời, khi ông gắn liền những câu thơ của Lý Bạch với những loại võ công khác nhau. Thí dụ câu số 5 Thập bộ sát nhất nhân, câu số 10 Thoát kiếm tất tiền hoành, câu số 17 Cứu Triệu huy kim chuỳ thì mỗi câu là một loại kiếm pháp. Thí dụ câu số 6 Thiên lý bất lưu hành, câu số 8 Thâm tàng thân dữ danh, câu số 14 Ngũ nhạc đảo vi khinh thì mỗi câu là một loại khinh công (tiếng Anh có khái niệm khinh công trong tiểu thuyết Kim Dung rất lạ: kungfu of flying). Thí dụ câu số 7 Sự liễu phất y khứ, câu thứ 9 Nhàn quá Tín Lăng ẩm, câu thứ 21 Túng tử hiệp cốt hương thì mỗi câu là một thứ chưởng pháp...

Vâng, mỗi câu thơ như vậy được khắc trong vách rõ ràng với hình ảnh minh hoạ và lời chú thích ra 24 pho đồ giải để cho mọi người ngiên cứu võ công. Thế nhưng, trên đời này vẫn còn tồn tại cái mà người gọi là cơ tâm, cái mà ta thường ca ngợi là dùng lý trí để nghiên cứu cho đến chỗ thâm sâu vi diệu để đi vào đúng bản chất của sự vật. Và do vậy, những người đến đây đều sa vào lý luận và càng lý luận, người ta càng xa rời chân lý, xa rời thực tế. Thí dụ để hiểu câu thứ nhất Triệu khách mạn hồ anh, trên vách có ghi lời chú giải: "trong thiên Thuyết kiếm của Trang tử có ghi: Thái tử nói nhà vua thấy các kiếm sĩ đều đầu bù tóc rối, đội mũ đính giải thô sơ, áo ngắn vạt sau. Họ Tư Mã chú thích: Mạn hồ anh là giải mũ trơn, mộc mạc, không rực rỡ màu sắc". Khi đọc lời chú giải này, người ta sẽ tranh luận: "Mạn hồ có nghĩa là thô lậu cục mịch. Mạn hồ anh có nghĩa là giải mũ không diêm dúa chứ không phải là đeo giải mũ như kiểu của người rợ Hồ bên Tây Vực". Chữ "Hồ anh" được Robert Payne dịch ra là Tartar cord, như vậy ông công nhận chữ Hồ là Thát Đát (Tartar). Người thứ nhì sẽ cãi lại: "Bài Tả tư nguỵ đô phú có câu: mạn hồ chi anh. Mạn hồ là tên gọi giải mũ của người võ sĩ thô lậu cũng được mà diêm dúa cũng được". Trong câu thứ hai Ngô câu sương tuyết minh, người ta cãi nhau vì chữ Ngô câu (lưỡi đoản đao, lưỡi đao cong cong kiểu hình vành trăng non) và do vậy, khi đánh ra một thế kiếm, người ta bị khái niệm "loan đao" ám ảnh, làm sao trong chỗ thẳng có chỗ cong, trong chỗ cong có chỗ thẳng mới đúng tinh thần của Ngô câu sương tuyết minh!

Vâng, đó là lối học võ của những bậc trí tuệ, những con người tự cho mình có đầu óc, có tư duy sâu sắc. Ngược lại, Thạch Phá Thiên hoàn toàn không có được những lý luận sau sắc như vậy bởi vì chàng trai này không biết chữ. Những chữ nghĩa xhú giải rút ra từ sách vở của Bách gia chư tử, tiên hiền liệt thánh không hề khuấy động được chàng trai. Và vì chàng không biết những chữ ấy nói lên điều gì cho nên chàng chỉ nhìn những hình ảnh được

minh hoạ. Kèm theo câu Ngô câu sương tuyết ninh người ta khắc hai chục hình thanh kiếm dài có, ngắn có, có thanh kiếm đưa mũi lên trên, có thanh chúc mũi xuống, có thanh xiêu vẹo như sắp rớt. Thạch Phá Thiên coi vị trí từng thanh kiếm, coi đến thanh thứ mười hai thì huyệt Cự cốt ở vai nóng ran, coi đến thanh thứ mười ba thì huyệt Ngũ lý lại chuyển động, coi đến thanh thứ mười bốn thì luồng nhiệt khí đi vào đến huyệt Khúc trì.

Vâng, chàng trai dốt nát của chúng ta học võ theo cách cảm quan các hình ảnh và anh khám phá ra mấu chốt của vấn đề, cứ coi hình, cóc cần biết chữ nghĩa nói gì. Và với một cái đầu bình thường, hoàn toàn mù chữ nhưng bén nhạy với những hình ảnh được khắc hoạ, Thạch Phá Thiên đã học xong 24 đồ giải của pho võ công Hiệp khách hành, một thành công mà các vị tiến sĩ chữ nghĩa đầy mình cũng chẳng bao giờ dám nghĩ tới. Đặc biệt ở gian thạch thất cuối cùng, câu Bạch thủ Thái huyền kinh lại được viết bằng lối Khoa đẩu văn, một loại văn tự tối cổ của Trung Hoa, có hình dạng như những con nòng nọc mà tuổi thơ của anh giữa vùng hoang sơn dã lính vốn đã quen thuộc. Và nhìn tới con nòng ncọ nào thì huyệt đạo trên kinh mạch của anh nhảy đến đó. Anh đắc thủ toàn bộ pho võ công hiệp khách hành mà không phải trải qua những giai đoạn tư duy trìu tượng, điều àm mọi người đã bỏ ra vài chục năm bạc đầu suy nghĩ, gân cổ lý luận nhưng vẫn chẳng hiểu được gì.

Hiệp khách hành của Kim Dung thể hiện sau sắc quan điểm của triết học Đông phương. Khi triết học Tây phươngđi sâu vào lý luận, phân biệt, xuất hiện với nhiều trường phái thì triết học Đông phương vẫn giữ được cái bản sắc dĩ tâm truyền tâm, dĩ ý truyền ý, bất khả tự nghị và thậm chí bất lập văn tự. Con đường đi đến chân bản thể của vạn vật đã hội nhập vào ta. Kim Dung gọi đó là lối trước ý. Nhân vật của ông đã bỏlý luận đi vào trực quan; bỏ cái thể đi tìm cái dụng. Kinh Phật từng thuật lại chuyện Đức Phật đưa bông hoa lên trước các đệ tử và chỉ có ngài Ma Ha Ca Diếp toét miệng cười. Đó là nụ cười của sự khai ngộ, lý hội trực tiếp mà không thông qua một trung gian nào, kể cả trung gian ngôn ngữ, lý luận. Chàng trai dốt nát mà hơn đời trong Hiệp khách hành thành công bởi vì trái tim anh trong sáng, chưa hề bị cái văn minh cơ tâm, cái hệ thống lý luận bát nháo nhồi nhét vào đầu óc. Chỉ có thế thôi!

Nhưng tại sao Kim Dung lại chọn Hiệp khách hành của Lý Bạch dù trong văn học Trung Quốc có hàng trăm bài hành? Bản thân văn chương của Hiệp khách hành có cái hào khí mà những bài hành ca khác không có được. Nội dung Hiệp khách hành ca ngợi hai chàng Hầu Doanh và Châu Hợi, hiệp

khách thời chiến quốc, giúp công tử Tín Lăng quân đánh lui quân Tần, giải cứu Hàm Đan. Sự hy sinh của Châu Hợi và Hầu Doanh là tuyệt đối, vô điều kiện. Kim Dung đời sau cũng mơ ước được như thế. Nhân vật của ông-Thạch Phá Thiên-bị thất học, bơ vơ từ lúc còn nhỏ, phải làm tên tiểu cái, xin để kiếm sống. Nhưng tiểu cái đã vươn lên, chiếmlĩnh được cái giá trị rực rõ nhất của con người: nhân phẩm trung hậu, nhân ái mênh mông. Anh trở thành biểu tượng của cái đẹp trong sáng của con người hiệp khách hiện đại mà không phải Huyên hách Đại Lương thành!

Vấn đề pháp luật

VẤN ĐỀ PHÁP LUẬT TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Trước khi cầm bút làm báo, Kim Dung đã từng tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện Thượng Hải. Văn bằng của ông là cử nhân luật khoa (pháp học) và việc gắn liên yếu tố pháp luật vào trong tác phẩm văn chương kiếm hiệp, đối với ông gần như là vấn đề tất yếu.

Một cách khái quát, Kim Dung thường đặt những tác phẩm của mình vào trong bối cảnh của các triều đại phong kiến Trung Quốc: Thiên Long bát bộ (thời Tống), Xạ điêu anh hùng truyện (Tống-Kim), Thần điêu hiệp lữ (Tống-Nguyên), Ỷ thiên Đồ long ký (Nguyên), Lộc Đỉnh ký (Thanh)… Những bối cảnh lịch sử đó có trước thời đại ông sống ít nhất 300 năm cho nên những vấn đề pháp luật được phản ánh trong tác phẩm đương nhiên là những vấn đề pháp luật của xã hội phong kiến Trung Quốc. Tuy nhiên, thông qua cái vang bóng xa xăm đó, ta lại tìm thấy những khát vọng rất hiện đại.

Với trí tưởng tượng được hư cấu tuyệt vời, Kim Dung đã xây dựng trong những tác phẩm của mình một loại người đặc biệt: bọn hào sĩ giang hồ, đứng trên và đứng ngoài hệ thống pháp luật phong kiến. Trong Tiếu ngạo giang hồ, nhân vật Lưu Chính Phong rửa tay gác kiếm để nhận một chức quan nhỏ của nhà Tống, bị bọn quần hào chê cười. Đối với bọn này, không có vương pháp mà cũng chẳng có vương quyền, bởi một điều đơn giản là hộ không tin vào hệ thống luật pháp của nhà nước phong kiến. Điền Bá Quang lấy được hai hũ rượu Thiệu Hưng nữ nhi hồng trong hầm rượu Tuý tiên lâu đã phóng cước đá bể hết mấy trăm hũ rượu còn lại cho vua quan và bọn nhà giàu không còn rượu ngon mà uống; Lệnh Hồ Xung bắt viên tham tướng Ngô Thiên Đức, đoạt lấy công văn bổ dụng, cây đạo, con ngựa và mấy chục lạng vàng để đi cứu nạn phái Hằng Sơn, đều nằm trong suy nghĩ ấy.

Tham quan, ô lại vốn là kẻ thù của bọn hào sĩ giang hồ. Chính vì vậy, tiểu anh hùng Hồ Phỉ (Phi hồ ngoại truyện) đi đến nơi đâu nghe có tham quan ô lại, cường hào ác bá ức hiệp dân lành là ra tay hành hiệp, tế khổn phò nguy. Kiều Phong làm đến Nam viện đại vương nước Liêu vẫn chống lệnh hành quân của Liêu đế bỏ chức ra đị (Thiên Long bát bộ). Quần hùng Minh giáo

và sáu đại môn phái (Thiếu Lâm, Nga Mi, Võ Đang, Không Động, Hoa Sơn, Côn Lôn) sẵn sàng theo lời hiệu triệu của Trương Vô Kỵ nổi lên chống lại triều đình nhà Nguyên, đốt chùa Vạn Pháp (Ỷ thiên Đồ long ký)…

Thế nhưng, nếu bọn hào sĩ giang hồ coi thường luật pháp, vương quyền của nhà nước phong kiến thì họ lại tỏ ra rất tôn trọng luật pháp riêng của môn phái, bang hội mà họ là thành viên. Mỗi môn phái, bang hội như Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga Mi, Cái bang, Côn Lôn, Không Động, Tiêu Dao, Bồng Lai… đều lập ra một hệ thống luật pháp thực chứng riêng mà họ thường gọi là thanh quy giới luật. Kèm theo thanh quy giới luật này, mỗi môn phái, bang hội còn lập riêng ra một cơ quan chấp pháp, được gọi với các tên giới luật đường, giới luật viên, hình đường. Với phái Thiếu Lâm, nhà sư đứng đầu cơ quan này gọi là thủ toà giới luật viên; với Cái bang, nhân vật đứng đầu là chấp pháp trưởng lão… Các cơ quan chấp pháp này làm luôn chức năng của lập pháp, hành pháp, tư pháp (kể cả công việc thi hành án).

Kim Dung cho những nhân vật của mình thi hành án một cách gọn nhẹ, nhanh chóng. Trong Thiên Long bát bộ, bọn đệ tử Cái bang phạm tội khi sư diệt tổ thì phải tự vận, nếu không đủ can đảm tự vận, phải nhờ người anh em trong bang giết mình thì bảo toàn được thanh danh. Trong trường hợp họ bị chấp pháp trưởng lão kêu án xử chết hoặc đuổi ira khỏi bang thì nỗi nhục vẫn còn mãi… Cũng trong truyện này, phái Thiếu Lâm thi hành án với các nhà sư phạm giới rất quyết liệt: Hu Trúc học võ công phái khác bị phạt 100 côn, Huyền Từ phương trượng phạm dâm giới bị phạt 200 côn…

Đối với các môn phái tà đạo, còn có một hình thức thi hành án riêng, rất bá đạo: cho uống thuốc độc để kềm chế bọn đệ tử, ai phản lại sẽ không cho thuốc giải độc. Bọn Thần long giáo phaả uống Độc long dịch cân hoàn (Lộc Đỉnh ký); bọn Triêu dương thần giáo phải uống Tam thi não thần đan (Tiếu ngạo giang hồ)… Chính vì dùng độc duợc kềm chế con người nên những mệnh lệnh của bọn tà giáo ban ra đều được thi hành triệt để: một đám hào sĩ lỡ nhìn thấy thánh cô Nhậm Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung ở chung với nhau một chỗ, nghe một câu nói của Doanh Doanh, đã tự đâm mù mắt và chạy ra hải đảo sinh sống, không dám trở về đất liền.

Kim Dung sinh năm 1924 tại Hải Ninh, Triết Giang. Ông nội của ông từng làm tri phủ Đơn Dương, là một người liêm chính, nổi tiếng với lời xưng tụng của người đương thời "Đơn Dương giáo án". Lớn lên trong cảnh tao loạn của xã hội Trung Quốc, nhìn thấy những đau thương, những hàm oan của đồng bào mình; ông đã đau niềm đau của Lỗ Tần trong AQ chính truyện. Lỗ

Tấn đã để cho AQ. chết một cách hồ đồ để xoá đi cái tư duy "thắng lợi tinh thần" hàng mấy ngàn năm làm mê muội tâm hồn người Trung Quốc. Kim Dung vươn tới những khát vọng xa hơn: ông muốn đạp đổ thứ vương pháp, vương quyền hình thành mấy ngàn năm trong xã hội Trung Quốc bởi các chế độ phong kiến thối nát; xây dựng một thứ pháp luật thực chứng nhanh, mạnh, chính xác, công bằng để bảo vệ phẩm giá những con người lương thiện. Bọn hào sĩ giang hồ của ông đôi khi làm việc rất vô chính phủ, vô tổ chức nhưng vẫn thể hiện được khát vọng trật tự, công bằng cho mọi người. Trên tất cả, họ tin có hai thứ thiên đạo và nhân luân; thiên đạo chế tài cái ác và nhân luân để giữ cho con người không làm ác, đi đúng cái lẽ thiện, một vốn quý của nền pháp luật lý tưởng.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Nhân vật Kim Dung đi tìm công lý

Thật không thể nói tới hai chữ công lý trong các chế độ quân chủ ở Trung Quốc. Cái đất nước ấy quá rộng lớn, quá nhiều sắc dân, chủng tộc, ngôn ngữ. Ngay trong các thời kỳ được xem là thái bình thịnh trị nhất cỡ như thời Hồng Vũ (Minh), Khang Hy (Thanh)các nhà vua vẫn không thể kiểm soát hết được các hoạt động của quan lại địa phương; một bộ phận dân chúng vẫn sống trong sự áp bức, bóc lột, bách hại của quan lại tham ô và ác bá thổ hào. Những câu mà người ta hay nhắc đến trong sách truyện như "thánh chúa trị vì, muôn dân hát khúc âu ca" gì gì đó toàn là những lời láo toét. Tiểu thuyết hai triều đại Minh – Thanh thường có những lời láo toét đó.

Kim Dung viết khác hơn các bậc tiền bối của ông. Điều may mắn của ông là sinh ra ở thế kỷ XX, khi chế độ quân chủ Trung Hoa đã cáo chung, không phải như các bậc tiền bối phải khép mình trong vương pháp. Điều may mắn thứ hai là ông khai sinh ra một bọn hào sĩ giang hồ ba trợn, đứng trên và đứng ngoài vương pháp. Tuy vương pháp các triều đại có đó, tuy các môn phái và các hào sĩ giang hồ vẫn đóng trên lãnh thổ Trung Quốc nhưng việc hành xử ân oán là quyền riêng của họ, không phải tuân thủ theo một quy phạm nào của pháp luật các triều đại. Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung đi tìm cho mình một thứ pháp luật riêng cho mình, một thứ công lý riêng cho mình.

Kiều Phong (tức Tiêu Phong), nhân vật lớn trong Thiên Long bát bộ, thuở còn là đứa bé lên mười, đã đột nhập nhà của một tên ác bá cướp đoạt hết số tiền của mẹ mình, giết lão ác bá ấy trong phòng ngủ. Về sau, khi biết mình là người Khất Đan, Kiều Phong đã kể chuyện ấy cho cô bạn gái A Châu nghe và hỏi cô hành vi giết người ấy có phải là tính cách tiêu biểu bẩm sinh của dòng máu Khất Đan tàn bạo hay không. Ở một chừng mực nào đó, đứa bé lên mười đã biết đòi công lý theo kiểu của nó: mẹ của nó thì nghèo, lao động vất vả để có một mớ rau, vài con gà đem bán thì gã ác bá không thể cưới hết số tiền nhỏ nhoi đầy mồ hôi, nước mắt của bà được. Công lý được thể hiện nhanh gọn, tàn bạo và lạnh lùng.

Về căn bản, công lý đối với các nhân vật trong tác phẩm Kim Dung chỉ đơn giản là sự trả thù. Bọn người Hán phục kích trên mõm đá ngoài Nhạn Môn

Quan chỉ giết được vợ của Tiêu Viễn Sơn (mẹ Tiêu Phong). Tiêu Viễn Sơn ẩn nhẫn sống, học võ công và giết chết Bạch Thế Kính, Huyền Khổ đại sư, Đàm công, Đàm bà, Triệu Tiền Tôn, gia đình Đơn Chính… Vốn là một xã hội hiếu võ, người Trung Quốc coi hành động báo thù huyết hận là sự thể hiện của bản chất anh hùng, hảo hán. Họ phải thực hiện hành động báo thù ấy bởi vương pháp không trả lại được cho họ sự công bằng mà họ hằng mong muốn. Bao Công của đời Tống chỉ là một nhân vật đột xuất. Vả chăng, phạm vi xét xử, điều tra của ông chỉ gói gọn trong khu vực kinh thành Biện Lương. Dẫu có tài giỏi đến đâu đi nữa, ông cũng không thể nghe hết được tiếng kêu trầm thống của những người bị áp bức, bóc lột, chà đạp trên lãnh thổ do Tống triều cai trị.

Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung coi vương pháp không ra gì, từ đó hình thành não trạng coi thường quan lại, coi thường chính quyền địa phương. Trong Tiếu ngạo giang hồ, có đoạn Lưu Chính Phong định rửa tay gác kiếm để làm một chức quan nhỏ của triều đình. một viên quan địa phương đến tuyên thánh chỉ trong lúc quần hùng tụ họp đông đủ ở Lưu phủ. Mọi người đều tỏ vẻ khinh khi viên quan, khinh khi luôn cả Lưu Chính Phong. Cũng vẫn với não trạng ấy, Lệnh Hồ Xung đã đánh đập, cướp hết tiền bạc, vũ khí, con ngựa và điệp văn bổ dụng của Ngô Thiên Đức, tham tướng phủ Thương Châu để tự mình mạo xưng là Ngô Thiên Đức. Lệnh Hồ Xung còn tổ chức cho bầy nữ ni của phái Hằng Sơn đánh bọn quan quân để cướp ngựa, đánh nhà một gã trọc phú chuyên cho vay nặng lãi để cướp bạc làm lộ phí. Chuyện nữ ni tổ chức ăn cướp có lẽ là chuyện thế gian hãn hữu. Ấy vậy mà các ni cô phái Hằng Sơn làm được và đạt kết quả mỹ mãn mới là hay!

Khi đất nước Trung Quốc bị xâm lược, bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung coi kẻ xâm lược và chính quyền quân chủ trung Quốc (còn trị vì ở một phần lãnh thổ) đều là kẻ thù. Quách Tĩnh đoạt binh phù viên tường cai trị thành Tương Dương, tổ chức nhân dân giữ thành trì, đánh quân Mông Cổ; Trương Vô Kỵ hiệu triệu quần hùng trên chùa Thiếu Lâm, tổ chức cho Minh giáo khởi nghĩa đoạt chính quyền để chống quân Mông Cổ xâm lăng tại Hoài Tứ là những cuộc bạo loạn lớn; được mô tả trong Thần điêu hiệp lữ và Ỷ thiên Đồ long ký. Cái khác biệt của hai cuộc khởi nghĩa này là họ không ủng hộ một ông vua trung Quốc nào cả. Chính quyền ở đây là một dạng chính quyền nhân dân, người chủ xướng là người có bản lĩnh võ công trác việt. Họ không hướng tới mục tiêu xương vương, xưng tướng. Họ chỉ vì dân mà giữ thành, đánh giặc xâm lăng. Vậy thôi! Nhìn dưới nhãn quan chính trị thì đây là những tổ chức ô hợp, vô chính phủ. Nhưng bởi quan quân nhà Tống bất lực nên họ phải nổi dậy cướp chính quyền. Cái cơ bản của họ là cứu dân kịp

thời; công hay tội cứ để người đời sau nhận định.

Ai cũng ca ngợi vua Càn Long nhà Thanh, gọi Càn Long là một vị minh quân thánh chúa. Thế nhưng, trong tác phẩm Phi hồ ngoại truyện, ta bắt gặp những thảm kịch của người nông dân bị bọn quan lại tham ô cấu kết với bọn địc chủ, bọn cường hào ác bá bóc lột, chèn ép, cưỡng đoạt tài sản, vu khống, giết hại… Tiểu anh hùng Hồ Phỉ và cô bạn gái là Viên Tử Y giữa đường gặp chuyện bất bằng đã ra tay trừng trị những kẻ ác, cứu người lương thiện. Pháp luật nhà Thanh không trả lại được cho nông dân sự công bằng thì Hồ Phỉ và Viên Tử Y trả lại. Họ đánh phá vào tận công đường, tận tư gia của quan lại và bọn cường hào, bắt chúng phải thú nhận tội lỗi công khai trước dân, lấy lại tài sản mà người dân đã mất trả lại cho dân. Kim Dung gọi hành động đó là duy trì công đạo - một hình thức đi tìm công lý không thông qua pháp luật mà chỉ sử dụng bạo lực và võ công. Cần lưu ý một điều là nếu không có võ công thì không thể hành hiệp cứu đời được. Võ công được coi là phương tiện cần và đủ để thực hiện công lý.

Đọc tác phẩm Kim Dung, người ta cũng có được cái sảng khoái, cái thỏa mãn như xem phim về các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của Bao Công. Điều khác biệt duy nhất là Bao Công dùng pháp luật để trừng trị kẻ gây ra tội ác thì bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung dùng võ công để trừng trị. Việc duy trì công đạo trong tác phẩm Kim Dung hoàn toàn cảm tính. Nó được đặt cơ sở trên lòng khao khát công bằng, tôn trọng sự thật; không liên hệ đến một điều, một khoản nào trong các bộ hình luật của các chế độ quân chủ Trung Quốc. Chính điều này làm cho tác phẩm Kim Dung có chiều sâu, có sức hút đối với bạn đọc. Tự thâm tâm, ai cũng mơ ước sự công bằng. Tự thâm tâm ai cũng căm ghét bọn tham quan, bọn cường hào ác bá. Cho nên, ai cũng cảm thấy vừa ý khi chúng bị trừng trị, và càng bị trừng trị mạnh, càng tốt.

Bởi chán ngán vương pháp nên Kim Dung để cho các nhân vật chủ đạo trong tác phẩm của mình tự do thực hiện quyền kêu đòi công lý, một thứ công lý báo thù. Hành vi báo thù ấy nhiều khi rất bất nhân, khiến người ta không khỏi căm giận. Nhưng biết sao được? Nó vốn là những hiện thực bình thường của xã hội quân chủ ở Trung Quốc ngày xưa. Cái đất nước ấy rất lạ lùng: một ông Lưu Bang được khen là chân mạng đế vương nhân đức dù đã ra lệnh cho thuộc hạ chôn sống hai chục vạn hàng binh nước Sở; một ông Hạng Võ bị coi là nguỵ tặc, tàn bạo nhưng vẫn đứng ra đề nghị kẻ thù tha chết cho mươi người dân Giang Đông còn lại đi theo mình rồi tự hiến đầu mình cho kẻ thù đem về lãnh thưởng. Cái đất nước ấy có một ông Tào Tháo

sẵn sàng giết người rồi lại ôm kẻ bị mình giết giết than khóc rùm trời, bày tỏ lòng thường tiếc. Chân và giả, đúng và sai là cái gì hết sức tương đối.

Những vụ án tình báo gián điệp

NHỮNG VỤ ÁN TÌNH BÁO GIÁN ĐIỆP TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Trước hết, khái niệm vụ án tình báo gián điệp là khái niệm mới mẻ của thời đại chúng ta. Tuy nhiên, như Kim Dung tiên sinh đã nói chuyện với báo giới Đài Loan ngày 18/4/1994 thì "Tiểu thuyết là viết cho người hiện đại đọc, kể cả tôi cũng hiện đại". Điều này có nghĩa là tất cả mọi khái niệm hiện đại đều có thể có trong tác phẩm võ hiệp của tiên sinh dù những tác phẩm ấy hư cấu về sinh hoạt của giới võ lâm, sống trước thời đại chúng ta trên 3 thế kỷ. Cho nên, chúng ta không ngại khi đề cập đến những vụ án tình báo – gián điệp trong tác phẩm của tiên sinh, và điều này hoàn toàn tự nhiên không thể coi là khiên cưỡng.

Vụ án đơn giản nhất nhưng cũng lạ lùng nhất là vụ án đầu độc trong Liên thành quyết. Đinh Điển là một hào khách võ lâm, thương yêu cô tiểu thư trong trắng, con gái một viên tri phủ. Viên tri phủ đầy tham vọng, muốn chiếm cho được bộ Liên thành quyết mô tả đường đi tìm một kho báu mà chưa ai khám phá nổi. Và hắn dùng con gái làm một miếng mồi, quyết "câu" cho được Đinh Điển. Đinh Điển nhớ người tình, đã tự đem thân mình là một tên trọng phạm trong nhà lao của viên tri phủ. Đêm đêm, với bản lĩnh kinh người, anh vượt lao lung đến thăm và nói chuyện với người yêu. Cô gái nhân hậu biết Đinh Điển yêu hoa nên đặt trước cửa phong mình một chậu hoa tươi để ngày ngày, Đinh Điển được nhìn thấy màu hoa. Thế rồi, một ngày kia Đinh Điển chợt khám phá ra chậu hoa đã tàn. Biết là có việc chẳng lành xảy ra với người yêu, anh phá lệ tìm đến dinh tri phủ. Hoá ra cô tiểu thư đã chết. Người anh hùng ôm lấy quan tài khóc sướt mướt thì bị trúng độc. Té ra, viên tri phủ gian ác đã bức tử cô con gái xinh đẹp của mình. hắn biết mình không địch lại Đinh Điển và thế nào Đinh Điển cũng đến ôm quan tài khóc nên đã bôi thuốc độc lên khắp quan tài, đầu độc và khống chế Đinh Điển. Vụ án khá đơn giản nhưng mưu mô quả rất thâm hậu, thể hiện bản lĩnh, trình độ xây dựng chất "hình sự gián điệp" trong tác phẩm Kim Dung.

Mỗi bộ tác phẩm của Kim Dung thường có nhiều vụ án và các vụ án ấy kết hợp với, ăn khớp với nhau một cách tài tình khiến người đọc không thể bỏ được tác phẩm, không thể bỏ được một chương hồi nào. Xây dựng tác phẩm

trên nền tảng những vụ án là một biệt tài của Kim Dung. Nhưng cái biệt tài cao nhất – theo tôi – là tiên sinh đã nắm tay người đọc đi từng bước vào trong những pho sách đồ sộ của mình một cách tự nhiên đến nỗi khi đọc xong tác phẩm, ta mới khám phá ra mình đã đọc tiểu thuyết hình sự - gián điệp.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng một nhân vật làm gián điệp rất tài tình. Đó là Lao Đức Nặc, đệ tử phái Tung Sơn được chưởng môn Tả Lãnh Thiền "cấy" vào nằm vùng trong nội bộ phái Hoa Sơn để do thám những âm mưu của chưởng môn Hoa Sơn Nhạc Bất Quần. Lao Đức Năn đã già nhưng vẫn gọi chàng thanh niên Lệnh Hồ Xung là Đại sư huynh. Nước cờ của Tả Lãnh Thiền đã cao nhưng đòn phản gián của Nhạc Bất Quần còn cao hơn. Nhạc Bất Quần nhận Lao Đức Nặc làm đệ tử và ra lệnh cho gã giám sát Lệnh hồ Xung để tìm ra bộ Tịch tà kiếm phổ. Thực sự bộ kiếm phổ ấy đã lọt vào tay Nhạc Bất Quần và Nhạc ung dung "dẫn đao tự cung" để luyện, mong chờ một ngày trấn áp quần hùng bốn phái Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hằng Sơn để lên ngôi chưởng môn Ngũ Nhạc kiếm phái. Nhạc còn chơi trò độc chiêu khác: sao ra một bản Tịch tà kiếm phổ giả, tạo điều kiện cho Lao Đức Nặc ăn cắp để đưa về cho Tả Lãnh Thihền. Tả Lãnh Thiền quả mắc mưu họ Nhạc, cũng ung dung luyện kiếm phổ giả, mơ một ngày trấn áp quần hùng. Cho đến khi Nhạc chắc chắn mình đã đủ bản lĩnh, trong đại hội Ngũ Nhạc kiếm phái, Nhạc Bất Quần đã đem kiếm pháp thật đấu với kiếm pháp giả của Tả Lãnh Thiền, đâm mù đôi mắt địch thủ, lên làm minh chủ Ngũ Nhạc!

Đòn phản gián của Nhạc Bất Quần cực kỳ tinh vi nhưng có một người khám phá ra được. Đó là Ninh Trung Tắc, vợ Nhạc Bất Quần. Bà ngủ bên cạnh chồng, cảm thấy lạ lùng vì chồng sao nhãng chuyện chăn gối (?), mỗi sáng lại thấy râu chồng rụng trong chăn, nghe tiếng nói của chồng đã đổi âm sắc trở thành eo éo. Đó là những biểu hiện của một người đàn ông bị biến đổi phái tính. Bà biết chồng đã tự thiến để luyện Tịch tà kiếm phổ nhà họ Lâm, đồn ghtời vu cáo cho Lệnh Hồ Xung ăn cắp bộ kiếm phổ này. Bà khuyên chồng nên vứt chiếc áo cà sa chép bộ kiếm phổ ấy xuống khe núi Hoa Sơn. Chiều ý vợ, Nhạc Bất Quần đã làm theo.

Đến đây thì nhân vật gián điệp thứ hai xuất hiện. Đó là tên tiểu tử Lâm bình Chi. Lâm nghi ngờ sư phụ đã ăn cắp được bộ kiếm phổ nhà mình và đêm nào, y cũng đến rình mò bên cạnh phòng ngủ của vợ chồng Nhạc bất Bất Quần. Khi Nhạc vứt chiếc áo cà sa đi, y đã nhanh chóng chộp lấy được và cũng "dẫn đao tự cung" để nhanh chóng luyện Tịch tà kiếm phổ. Một ngày

Nhạc Bất Quần kiểm tra khe núi, không thấy chiếc áo cà sa đâu, nghi ngờ chính Lâm đã lấy lại được kiếm phổ. Lão đi tiếp một nước cờ khác rất cao: gả Nhạc Linh San cho Lâm Bình Chi. Từ khi lấy vợ, Lâm vẫn ngủ riêng, Nhạc Linh San mang tiếng có chồng nhưng chưa hề biết đến chuyện mặn nồng chăn gối. Nhạc Bất Quần thường hỏi con gái chuyện sinh hoạt ăn ở với chồng ra sao, Nhạc Linh San đành nói dối với cha rằng cuộ sống lứa đôi của cô rất hạnh phúc. Chính lời nói dối ấy đã cứu được mạng của Lâm Bình Chi vì rằng nếu cô nói thật, Nhạc bất Quần sẽ khám phá ra được ngay chàng rể đã "dẫn đao tự cung" và sẽ giết Lâm trước khi Lâm có thể luyện thành công Tịch tà kiếm phổ.

Những mưu mô, diễn tiến của vụ án "Tịch tà kiếm phổ" được viết một cách hết sức tinh vi. Toàn bộ vụ án gián điệp - phản gián này chỉ có thể được kiểm chứng rõ ràng khi Lệnh Hồ Xung phất tay vào nơi hạ bộ của "sư phụ" xác nhận thực sự là Nhạc Bất Quần đã trở thành "thái giám". Đến khi đó thì Lệnh Hồ Xung mới nhận ra được con người mình kính áii nhất trên đời – sư phụ Nhạc bất Quần - chỉ là một nguỵ quân tử, một kẻ đầy tham vọng và thủ đoạn gian manh.

Một vụ án nữa với kịch bản thật tuyệt vời đưa độc giả đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác là vụ giải thoát Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Triêu Dương thần giáo, bị giam giữ dưới đáy Tây Hồ. Hướng Vân Thiên, Quang minh hữu sứ của Triêu Dương thần giáo, kết bạn với Lệnh Hồ Xung. Hắn đặt tên mới cho Lệnh Hồ Xung là Phong Nhị Trung. Hắn bọc trong người nào là Bút thiếp, tranh họa, kỳ phổ và rủ Phong Nhị Trung đi chơi ở Cô Mai sơn trang, Tây Hồ, nơi trú ngụ của Giang Nam tứ hữu. Đến nơi, hắn khoe bút thiếp, tranh hoạ, kỳ phổ và cả bản cầm phổ, tiêu phổ hợp tấu Tiếu ngạo giang hồ của "Phong Nhị Trung" ra rồi đánh cuộc trong sơn trang không ai có thể đánh lại kiếm pháp của Phong Nhị Trung, truyền nhân của Phong Thanh Dương, sư thúc tổ phái Hoa Sơn. Quả nhiên, cả Giang Nam tứ hữu không địch lại được Độc Cô cửu kiếm của Phong Nhị Trung. Và Hướng nhanh chóng ra bộ dẫn Phong Nhị Trung kiếu từ.

Tứ hữu vội vàng cản lại và cho biết có người có thể địch lại Phong Nhị Trung. Đến lúc đó, Hướng mới nhét vào tay Lệnh Hồ Xung một vật tròn tròn, cứng cứng và dặn đưa cho người đó. Lệnh Hồ Xung một mình được đưa xuống nhà lao dưới đáy Tây Hồ, đưa vật ấy cho người bị giam giữ và bị người ấy kéo vào trong nhà lao, dùng thần công làm cho bất tỉnh, hoá trang thành Lệnh Hồ Xung rồi ung dung thoát ra khỏi địa lao sau khi đã nhốt Lệnh Hồ Xung lại. Người đó chính là giáo chủ Nhậm Nhã Hành và cái vật kia

chính là một mũi cương ty nhằm cưa đứt xiềng khoá cho y. hướng Vân Thiên đã dàn một kịch bản hoàn chỉnh vô tiền khoáng hậu để cứu giáo chủ. Sau đó, y cùng giáo chủ trở lại để trừng trị bọn Giang Nam tứ hữu - phe phản đồ của Triêu Dương thần giáo – và giải cứu Lệnh Hồ Xung ra khỏi địa lao. Chất hình sự trong vụ án này thật đậm đặc nhưng rất hợp lý khiến ngay cả người đọc tinh tế nhất cũng không nhận ra được những âm mưu sâu sắc của Hướng Vân Thiên. Những chương này trong Tiếu ngạo giang hồ còn hay hơn những pha tấn công vào trai giam của bọn Mafia nhằm cứu các ông trùm ma tuý ở Italia hay Colombia trong thời đại chúng ta.

Tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung cũng xây dựng những nhân vật nữ gián điệp xuất sắc mà một nhân vật tiêu biểu là Tiểu Siêu (Ỷ thiên Đồ long ký). Tiểu Siêu nguyên là cô gái lai, cha là Hàn Thiên Diệp, người Hán, mẹ là Đại Ỷ Ty, lai Ba Tư. Mẹ cô là Thánh nữ Bái hỏa giáo Ba Tư nhận lệnh sang "nằm vùng" trong Minh giáo Trung Hoa để đánh cắp Càn khôn đại nã di tâm pháp. Thế nhưng, bà đã yêu Hàn Thiên Diệp và vi phạm lời khấn nguyện của một thánh nữ. Sợ bị bắt tội, bà tìm cách "cấy" con gái mình vào nội bộ Minh giáo còn bản thân thì thay hình đổi dạng, làm một người phụ nữ xấu xí tên là Kim Hoa bà bà.

Tiểu Siêu đã đóng vai gián điệp một cách xuất sắc. Quang minh tả sứ của Minh giáo là Dương Tiêu bắt gặp cô ngồi khóc trên sa mạc, thương tình đem về nuôi để hầu hạ cho con gái mình là Dương Bất Hối. Tiểu Siêu trong vai một nữ tỳ xấu xí đã khám phá ra con đường hầm dưới lòng Quang Minh Đính, thường ra vào để tìm bản di cảo Càn khôn đại nã di tâm pháp. Dương Tiêu là một nhân vật tinh tế. Y biết cô bé này có âm mư nhưng âm mưu ấy là gì thì y không rõ. Y đã dùng xích sắt xiềng chân Tiểu Siêu để mỗi khi cô đi đến đâu, tiếng leng keng vang lên đến đó. Vụ án gián điệp của Tiểu Siêu sẽ không lộ bí mật nếu không có một ngày cô phải chia tay với Trương Vô Kỵ. Cô đã thú nhận mục đích "nằm vùng" nhưng vì tình yêu, cô hứa sẽ không bao giờ đem nội dung tâm pháp ấy truyền lại trên đất Ba Tư. Xa Trương Vô Kỵ về Ba Tư làm giáo chủ Ba Tư, cô cảm thấy cuộc đời cực kỳ vô vị.

Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, còn có một vụ án gián điệp rất lớn mà người thực hiện là Thành Khôn, sư phụ Tạ Tốn. Ghen tức với Dương Đính Thiên, giáo chủ Minh giáo, đã lấy mất người sư muội yêu dấu, hắn thề sẽ phá nát Minh giáo để thỏa mãn mối hận tình. Hắn giả uống rượu say, làm nhục và giết cả nhà đồ đệ mình là Tạ Tốn, biến Tạ Tốn từ một kẻ có lương tri trở thành một tên cuồng sát. Rồi hắn trốn vào chùa Thiếu Lâm, giả dạng làm sư với pháp danh Viên Chân, kích động phái Thiếu Lâm cầm đầu các môn phái

bao vây và tấn công Quang Minh Đính để tiêu diệt Minh giáo - một lực lượng yêu nước kháng Nguyên. Hắn đã đặt sẵn thuốc nổ trên Quang Minh Đính để tiêu diệt luôn các môn phái. Có thể nói Thành Khôn (hay Viên Chân) là một gián điệp có nghiệp vụ số một trong những tay gián điệp mà Kim Dung xây dựng nên.

Tuỳ theo những thời gian khác nhau, căn cứ vào những sự kiện lịch sử có thật, Kim Dung xây dựng những vụ án trên cơ sở các cuộc đấu tranh, khuynh loát lẫn nhau giữa các thế lực thù địch, các quốc gia lân cận Trung Quốc. Những vụ án như vậy kéo dài qua 30, 40 năm, diễn biến theo suốt chiều dài cuốn truyện. Và chính ở đây, nổi bật lên tài năng gây xựng, bố trí nhân vật của Kim Dung.

Thiên Long bát bộ là một bộ truyện lấy bối cảnh lịch sử là triều Tống. Khởi đầu, người đọc bắt gặp hình ảnh của đại sư Thổ Phồn Cưu Ma Trí, có võ công tuyệt luân, đến Đại Lý gây hấn với các vị sư chùa Thiên Long. Đánh không lại Lục mạch thần kiếm của vương tử Đại Lý Đoàn Dự, Cưu Ma Trí đã bắt cóc Đoàn Dự đưa về Giang Nam, nói là để tế sống trước mộ người bạn thân là Mộ Dung Bác. Thế nhưng, Mộ Dung Bác là ai?

Mộ Dung Bác thuộc tộc Tiên Ty, nguyên là hậu duệ nước Đại Yên thời Thập lục quốc (trước đời Tống khoảng 600 năm!!!). Canh cánh bên lòng giấc mộng phụ hồi đế hiệu Đại Yên, Mộ Dung Bác giả chết nhưng thực ra lại lẻn vào chùa Thiếu Lâm học trộm 72 tuyệt kỹ Thiếu Lâm. Từ suy nghĩ phải làm cho thiên hạ đại loàn mới có thời cơ khôi phục nước Đại Yên, Mộ Dung Bác phao tin Khất Đan (Liêu) sắp đưa cao thủ tấn công qua Nhạn Môn Quan. Quần hùng yêu nước Trung Hoa phong thanh đã vội vàng cử Huyền Từ phương trượng Thiếu Lâm làm thủ lĩnh, ra Nhạn Môn Quan mai phục. Ở đây họ đã tàn sát nhầm gia đình Tiêu Viễn Sơn thuộc dòng hoàng tộc Khất Đan. trước khi nhày xuống vực sâu tự vận, Tiêu Viễn Sơn đã liệng đứa con trai mình lên cho những người Trung Nguyên vì không nỡ để con chết theo mình. Huyền Từ đưa đứa bé ấy gửi cho ông bà Kiều Tam Hòe nuôi dưỡng. Lớn lên, đứa bé ấy trở thành Kiều Phong, bang chùa Cái bang Trung Nguyên.

Thế rồi có âm mưu tố cáo Kiều Phong là người Khất Đan khiến ông phải bỏ ngôi vị bang chúa ra đi. Trở về bên kia ải Nhạn Môn Quan, Kiều Phogn trở thành Nam viện đại vương của Khất Đan, đóng tại Yên Kinh, bị hoàng đế Khất Đan buộc phải tấn công xuống phương Nam để tiêu diệt Đại Tống.

Thế nhưng, Tiêu Viễn Sơn không chết, ông ta cũng giả làm một nhà sư vào "nằm vùng" trong chùa Thiếu Lâm. Biết con mình đang lâm nguy, Tiêu Viễn Sơn ám trợ cho con. Ông ra tay giết Huyền Khổ đại sư (sư phụ Kiều Phong), giết vợ chồng Kiều Tam Hòe và một số nhân vật khác có lêin quan đến vụ án Nhạn môn Quan ngày trước. Khuôn mặt Kiều Phong giống hệt Tiêu Viễn Sơn nên những kẻ chứng kiến những vụ giết người đều cứ nghĩ chính Kiều Phong đã xuống tay để trả thù cho vụ mất ngôi bang chúa. Tiêu Viễn Sơn nằm vùng trong Thiếu Lâm phác giác được mối quan hệ tình ái giữa Huyền Từ và Diệp Nhị Nương. Ông bắt cóc đứa con của họ - Hư Trúc - rồi đem đứa bé ấy bỏ lên chùa Thiếu Lâm. Hư Trúc lớn lên, làm sư, lưu lạc lên Thiên Sơn trở thành cung chủ cung Linh Thứu, ăn ở với công chúa Tây Hạ và trở thành phò mã Tây Hạ.

Kiều Phong (hay Tiêu Phong), Hư Trúc, Đoàn Dự kết nghĩa anh em, trở thành cái trục chính nắm quyền bình ba nước Liêu, Tây Hạ, Đại Lý. Đến lúc đó, Tiêu Viễn Sơn và Mộ Dung bác mới xuất hiện, khoa trương thành tích "nằm vùng" trong chùa Thiếu Lâm. Tiêu Viễn Sơn đã hạ Huyền Từ không phải bằng võ công mà bằng chính câu chuyện Huyền Từ có con với Diệp Nhị Nương, phạm vào sắc giới. Huyền Từ và Diệp Nhị Nương phải tự sát trước mắt mọi người. Còn Mộ Dung Bác? Ông ta thực sự thất vọng về người con của mình – Cô Tô Mộ Dung Phục. Ông ta đã làm tất cả để phục hưng một nước Đại Yên, kể cả âm mưu ly gián Tống – Liêu, câu kết với Thổ Phồn... Nhưng cuối cùng, tất cả đã trở về con số 0. Nghe theo lời dạy của nhà sư già trong Tàng kinh các Thiếu Lâm, ông ta đã cùng Tiêu Viễn Sơn xuống tóc quy y, từ chối những tham vọng điên cuồng.

Giấc mơ của Cô Tô Mộ Dung Phục cũng tan thành mây khói. Anh Ta mất đi tình yêu của Vương Ngữ Yên, phụ rẫy những người đã đi theo mình để dựng lại nước Đại yên. Cuối cùng, anh ta phát điên và chỉ còn làm hoàng đế với lũ trẻ chăn trâu.

Nhưng không tác phẩm nào quan mặt được Lộc Đỉnh ký về tính chất tình báo – gián điệp. Câu chuyện khởi đầu của Lộc Đỉnh ký là vụ án văn tự ngục khi gã nho sĩ Ngô Chí Vinh tham danh hám lợi, đã làm tờ bẩm về triều đình Mãn Thanh – lúc bấy giờ do Ngao Bái nắm quyền bính - những âm mưu chống đối triều đình của các nhà nho chân chính như Trang Kiến Long, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng thể hiện trong bộ Minh sử. Thế là Ngao Bái đã bắt rất nhiều nhà văn đời Thanh hạ ngục, trong đó có toàn thể đàn ông nhà họ Trang bị giết. Ngô Chí Vinhlà kiểu mẫu của một thứ Hán gian, về sau được bổ làm quan tri phủ ở Dương Châu, đã bị Vi Tiểu Bảo cùng bọn nhà văn Cố

Viêm Võ, Tra Y Hoàng dựng văn tự giả, vu hãm vào tội quan hệ phản loạn với bọn Ngô Tam Quế tại Vân Nam để chống vua Khang Hy, bị đem về cho con cháu nhà họ Trang hành hình tế lễ.

Nhưng những âm mưu thủ đoạn gián điệp – tình báo rõ rệt nhất trong Lộc Đỉnh ký tập trung xung quanh bộ Tứ thập nhị chương kinh, một bộ kinh Phật bình thường gồm 42 chương, được người Trung Quốc dùng đọc hàng ngày. Khi Bát kỳ Mãn Châu tiến quân vào Bắc Kinh tiêu diệt nhà Minh, người Mãn Châu thu tóm toàn bộ của cải trân châu quý của Minh Triều đem giấu vào một nơi bí mật ở Lộc Đỉnh Sơn thuộc Đông Bắc Trung Quốc, cạnh dòng Hắc Long Giang (tiếng Mãn gọi là Oa Tập Sơn và A Mộc Nhĩ Hà). Tuy chiếm được Trung Hoa nhưng người Mãn Châu vẫn nghĩ rằng họ khó mà có thể cai trị được Trung Quốc. Vì thế Thuận Trị hoàng đế đã vẽ một bản đồ về nơi chôn giấu bảo vật, giảng giải rằng đó là đất phát tích long mạch của triều Thanh rồi cắt nhỏ bản đồ đó ra chia thành tám phần bỏ vào bìa của tám tập Tứ thập nhị chương kinh khác nhau, ở ngoài bọc tám màu trắng, xanh, đỏ, đen, vàng, tím, lam, hồng đúng với màu cờ của Bát kỳ và giao cho tám thủ lĩnh của Bát kỳ giữ gìn.

Thuận Trị xuất gia đi tu ở Ngũ Đài Sơn vì buồn chán nội tình trong cung cấm nhưng vẫn dặn dò Khang Hy hoàng đế rằng: "Nếu sau này không nắm giữ được thiên hạ thì ta ở đâu nên quay về nơi đó". Vua Khang Hy lên ngôi trong thuở thiếu niên nhưng ông là một vị vua thông minh sáng suốt, có hùng tài đại lược. Ông đã cai trị Trung Quốc với một trái tim nhân hậu và thực tâm muốn chuộc lại những lỗi lầm của người Mãn Châu khi tiến quân vào Trung Quốc. Chính vì vậy, vua Khang Hy là nhà vua dị tộc đầu tiên ở ngôi lâu nhất – 60 năm – trong lịch sử 37 thế kỷ phong kiến Trung Quốc (1662 – 1722) và sau đó là cháu ông – vua Càn Long – cũng ở ngôi được 60 năm (1736 – 1796).

Tất cả những**âm mưu chống triều Thanh đều tập trung vào việc tìm kiếm và chiếm đoạt tám pho Tứ thập nhị chương kinh. Đầu tiên là Thiên địa hội, một tổ chức yêu nước do Trần Cận Nam (tức Trần Vĩnh Hoa) làm Tổng đàn chủ, "cấy" Vi Tiểu Bảo vào hoạt động gián điệp cạnh Khang Hy. Tiếp theo là bọn Mộc Kiếm Anh, con cháu Mộc vương phủ ở Vân Nam; bọn Cửu Nạn sư thái (công chúa con gái vua Sùng Trinh triều Minh); bọn Thần long giáo, một giáo phái thân Nga Ta Lư ở quần đảo Liêu Đông, bọn Tang Kết lạt ma ở Tây Tạng; bọn Cát Nhĩ Đan vương tử ở Mông Cổ hoặc "cấy" người nằm vùng, hoặc thực hiện những âm mưu bắt cóc để tranh đoạt bộ kinh.

Thế nhưng, âm mưu thâm độc nhất vẫn là âm mưu của Tam phiên, gồm Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung muốn chia quyền lực với vua Khang Hy mà kẻ đứng đầu là Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế đã từng cầm quân thời Sùng Trinh trấn giữ Sơn Hải Quan chống lại người Mãn Châu, sau đó đầu hàng quân Mãn Châu, quay lại giúp người Mãn Châu chiếm đoạt Trung Quốc. Thanh triều phong Ngô Tam Quế làm Bình Tây Vương, trấn thủ Vân Nam nhưng trong thâm tâm, Khang Hy vẫn muốn triệt hạ Ngô Tam Quế vì biết trước sau gì, Ngô Tam Quế cũng tạo phản.

Chính trong những điều kiện lịch sử cụ thể như vậy, Kim Dung tiên sinh đã để cho nhà vua thiếu niên mạnh dạn sử dụng một gã tiểu lưu manh ở thành Dương Châu, lọtt vào cung làm thái giám giả với một sơ yếu lý lịch hết sức hồ đồ, trở thành một "điệp viên hai mang" nhằm chống lại những âm mưu thù địch. Trong Lộc Đỉnh ký, Vi Tiểu Bảo trở thành một điệp viên xuất sắc, tiến hành công tác do thám, tình báo khá chuẩn xác: bảo vệ được Thuận Trị hoàng đế, khám phá ra âm mưu liên kết giữa Ngô Tam Quế - Cát Nhĩ Đan – Tang Kết, khám phá ra sự thoả hiệp của Thần long giáo và Nga Ta Lư, thúc đẩy cho việc tạo phản của Ngô Tam Quế sớm hình thành, ăn cắp đủ tám bộ Tứ thập nhị chương kinh, vô hiệu hóa âm mưu của Thần long giáo trong nội cung...

Nhân vật Khang Hy được xây dựng thành một nhà phản gián xuất sắc: đưa Phong Tế Trung vào nằm vùng nội bộ Thiên địa hội theo dõi hoạt động của thầy trò Trần Cận Nam – Vi Tiể Bảo, phái Vi Tiểu Bảo đi công cán Ngũ Đài Sơn bảo vệ Thuận Trị hoàng đế, phái Vi Tiểu Bảo đi Vân Nam do thám Ngô Tam Quế. Trên mặt trận chính trị, Khang Hy tiến hành những đòn phép ngoại giao ngoạn mục: Gả Kiến Ninh công chúa làm vợ Ngô Ứng Hùng để giả vờ cầu thân với Ngô Tam Quế, hoà hoãn với lực lượng chống đối ở Đài Loan của con cháu Trịnh Thành Công, phong Tang Kết lạt ma ở Tây Tạng làm Tang Kết Hoạt Phật, phong Cát Nhĩ Đan ở Mông Cổ tước hiệu Chuẩn Cát Nhĩ Hãn. Công công tác nội trị, Khang Hy nghe theo lời vua cha dặn dò "vĩnh bất gia phú" (mãi không tăng thuế), cho xây dựng Trung liệt từ thờ những người Hán yêu nước tại Dương Châu, tha thuết cho dân Dương Châu 3 năm, chuẩn bị binhh lực đánh Ngô Tam Quế, thăm dò ý kiến bọn trọng thần trong triều đình để biết những ai dốc hạ trung trinh với mình. Khang Hy trở thành một nhà tình báo chiến lược dầy kinh nghiệm.

Ngay việc học tiếng Mông Cổ, tiếng Tây Tạng, sử dụng hai người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng vào việc chế tạo đại bác, sử dụng hàng tướng Thi Lang của Đài Loan vào chức vụ đô đốc hải quân đã

nói lên tầm nhìn cao thâm viễn lự của ông vua trẻ này.

Kết quả của công tác tình báo - phản gián đó là nhà vua đã dẹp yên được loạn Ngô Tam Quế, triệt tiêu được thế lực của Thượng Khả Hỷ và Cảnh Tinh Trung, bình định được đảo Đài Loan, phá hỏng âm mưu của Thiên Địa hội, đánh dẹp được bọn Thần long giáo, biến Tây Tạng, Mông Cổ thành chư hầu, thương thuyết với Nga Ta Lư qua hoà ước Hắc Long Giang, phân định ranh giới Trung – Nga.

Bên cạnh những vụ án lớn xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, Lộc Đỉnh ký còn có những vụ án tình báo – gián điệp khác khá thú vị. Thần long giáo "cấy" được Mao Đông Châu vào cung giả Thái hậu để đánh cắp Tứ thập nhị chương kinh. Thái giám Hải Đạ Phú biết được âm mưu đó, âm thầm theo dõi. Để thử xem phán đoán của mình có đúng hay không, lão đã dạy cho Vi Tiểu Bảo quyền thuật của phái Không Động để đấu với vua Khang Hy (dưới tên Tiểu Huyền Tử), nhử cho Mao Đông Châu (thái hậu giả) đem quyền thuật của Thần long đảo dạy cho Khang Hy. Hải Đại Phú cũng biết rõ Vi Tiểu Bảo không phải là Tiểu Quế Tử, thái giám đã hầu hạ mình nhưng lão vẫn giả vờ gọi hắn là Tiểu Quế Tử, dùng hắn vào mục tiêu do thám của lão. Tuy nhiên, áp dụng thủ pháp sát nhân diệt khẩu, lão cũng thận trong đầu độc cho Vi Tiểu Bảo chết dần chết mòn.

Nhân vật Hải Đại Phú đã được Kim Dung xây dựng một cách hoàn chỉnh, có phong cách của một nhà tình báo lớn dù bị mù hai mắt.

Vua Khang Hy cũng là một nhân vật tiến hành cách điệp vụ rất hay, đầy tính khoa học. Để người bảo vệ cho cha mình là Thuận Trị, hiện tu ở Ngũ Đài Sơn đủ sức chống lại bọ Tây Tạng và Mông Cổ, nhà vua đã sắc phong cho Vi Tiểu Bảo làm sư chùa Thiếu Lâm, trở thành sư đệ của Hối Thông. Rồi từ đó, nhà vua lại ra lệnh cho Hối Minh về làm trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn, lại đem theo bọn Thập bát La Hán chùa Thiếu Lâm làm tay chân cho Hối Minh đại sư (tức Vi Tiểu Bảo). Điệp vụ đó quả thật kín đáo và cao cường, khiến độc giả bất ngờ một cách thú vị!

Học theo cách của Khang Hy, Vi Tiểu Bảo cũng tiến hành một số điệp vụ nho nhỏ, thành công ngoài sức tưởng tượng của y. Đó là điệp vụ truy bắt Ngô Ứng Hùng; điệp vụ yểm trợ công chúa Tô Phi Á (Sophia) ly gián bọn Hoả thương thủ với bọn cố mệnh đại thần để giành lại chính quyền ở Nga Ta Lư; điệp vụ chống lại bọn Thần long giáo.

Trong suốt tác phẩm của Kim Dung cũng có những pha y hệt tình huống của đời tình báo – gián điệp: tự tử bằng độc dược để bảo vệ bí mật; cho thuộc hạ uống độc dược để khống chế bảo đảm lòng trung thành; giết người bịt miệng; thủ tiêu xác người để phi tang; dựng nên bằng chứng giả mạo để đánh lạc hướng điều tra hoặc vu hãm kẻ khác; dùng tiền bạc hoặc mỹ sắc để mua chuộc những kẻ hoạt động cho hàng ngũ địch, trừng phạt những kẻ không trung thành...

Những nhân vật hoạt động tình báo – gián điệp trong tác phẩm của Kim Dung cũng có những câu nói lóng, những động tác theo quy ước để giúp họ nhận ra nhau, ngăn ngừa những kẻ nội gián. Kim Dung vượt qua những tác giả võ hiệp đồng thời với ông, tạo ra trong tác phẩm của mình những tình huống bí mật, sự kiện bí mật, nhân vật bí mật. Kẻ thắng trong truyện võ hiệp của ông không chỉ là những người có võ công cao cường, nắm thiên binh vạn mã trong tay mà còn là những điệp viên biết đánh đòn cân não, biết lung lạc kẻ thù, biến thù thành bạn. Đó là trường hợp "điệp viên" Vi Tiểu Bảo thuyết công chúa Tô Phi Á giành lại chính quyền ở Nga, thuyết Tang Kết ở Tây Tạng và Cát Nhĩ Đan của Mông Cổ thuần phục triều Thanh.

Tất nhiên, những vụ án tình báo – gián điệp trong phạm vi tiểu thuyết là sản phẩm của sự hư cấu nhưng là hư cấu trên cơ sở thực tế của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Vì thế, một số vụ án tình báo – gián điệp trong tiểu thuyết là những sự kiện có thật. Khang Hy chuẩn bị binh lực chống cuộc bạo loạn của Bình Tây vương Ngô Tam Quế là có thật. Khang Hy sử dụng những hàng tướng của Đài Loan để đánh vào đảo Đài Loan là có thật. Tang Kết, Cát Nhĩ Đan là có thật. Còn "điệp viên" Vi Tiểu Bảo và những điệp vụ thần sầu quỷ khốc của y là sản phẩm của hư cấu, khó mà kiểm chứng được.

Người ta đã từng say mê nhưng Conan Doyle, những James Bond của Âu Mỹ. Người ta đã từng biết đến những điệp viên quốc tế như Mata Hari, Nikos Kazanski. Nay thì qua tác phẩm Kim Dung, người ta lại gặp những điệp viên siêu hạng cỡ Vi Tiểu Bảo, Phong Tế Trung, Lao Đức Nặc, Lâm Bình Chi, Tiểu Siêu, Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bác... Người ta cũng gặp các nhà tình báo - phản gián chiến lược cỡ Khang Hy, Hải Đại Phú, Nhạc Bất Quần. Âm mưu và thủ đoạn. Đối sách và chiến thuật. Liệu pháp và hành động. Tất cả đều nhằm tạo nên chất hấp dẫn cho câu chuyện, những câu chuyện rất đồ sộ nhưng cũng rất mạch lạc, hợp lý. Ở khía cạnh này, Kim Dung là bậc thầy trong loại truyện vụ án mặc dù những bộ sách của ông vẫn được gọi là võ hiệp tiểu thuyết.

Các tôn giáo, bang hội

CÁC TÔN GIÁO, BANG HỘI TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Đọc tác phẩm văn học Tây phương, ta cảm nhận được những tư tưởng của đạo Thiên chúa. Cá biệt, trong một vài tác phẩm (như Tiếng chim hót trong bụi mận gai của Colleen McCullough), những tư tưởng và sinh hoạt của đạo Thiên chúa trở thành độc tôn. Văn học phản ánh các hình thái gần gũi nhất của văn học chính là tôn giáo. Chính vì thế, khi Kim Dung chọn loại tác phẩm võ hiệp để sáng tác, ông tất yếu phải đưa vào tác phẩm của mình những sinh hoạt tôn giáo, bang hội. Dù không sống trong xã hội phong kiến nhưng những tác phẩm võ hiệp của ông đã phản ánh một cách khá sinh động xã hội phong kiến Trung Quốc, khi mà các thế lực phong kiến tập quyền chưa đủ mạnh để diệt hết các thứ bàng môn tả đạo, các đảng cướp cát cứ một phương, các thế lực tiến bộ đối kháng với các triều đại phong kiến. Vả chăng, khi mà khoa học chưa ra đời hì niềm tin của con người đặt vào thần quyền rất mạnh. Chính vì thế, tác phẩm võ hiệp Kim Dung luôn luôn gắn liền với sinh hoạt và tư tưởng các tôn giáo, bang hội.

Đối với các tôn giáo, Kim Dungđã tỏ ra hết sức ưu ái và kính trọng đạo Phật. Đạo Phật xuất hiện trong tác phẩm của ông với hình ảnh của các nhà sư chùa Thiếu Lâm và tư tưởng Phật giáo được ông mến mộ nhất là tư tưởng Thiền tông, một trong mười tông phái Phật giáo. Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung, người ta biết đến đạo Phật qua hình ảnh của ngôi chùa Thiếu Lâm đặt tại tỉnh Hồ Nam, Tung Sơn Thiếu Lâm Tự.

Dưới ngòi bút tài tình của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm chân chính là những hiệp sĩ chuyên hành hiệp cứu đời, giúp người, luôn xả thân vì đại nghĩa, chống lại các thế lực ngoại xâm của Khất Đan, Kim Quốc, Mông Cổ, Tây Hạ để bảo vệ dân tộc và bờ cõi Trung Hoa. Thông qua ngòi bút của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm đã được thần thánh hoá về cuộc đời và võ công, luôn luôn có mặt trong những tình huống nguy kịch nhất và trở thành biểu tượng tươi đẹp của võ lâm Trung Hoa. Ông thường dành cụm từ "Thái Sơn, Bắc Đẩu" khi nói về phái Thiếu Lâm. Những nhà sư trong tác phẩm Kim Dung có vai vế, thứ tự hẳn hòi, pháp danh được gọi theo từng đời, mỗi đời là một chữ riêng biệt: Vô – Vô Sắc, Vô Tướng; Độ - Độ Ách, Độ Nạn,

Độ Kiếp; Không – Không Kiến, Không Văn, Không Trí, Không Tín; Huyền - Huyền Từ, Huyền Thống, Huyền Nạn… Đó là những người đức cao vọng trọng, thấm nhuần Phật pháp và thanh quy giới luật của nhà chùa, say mê tu luyện võ công gồm 72 tuyệt kỹ được gọi là Thất thập nhị huyền công.

Hình bóng những chiếc tăng bào màu vàng, màu xám, màu nâu luôn xuất hiện trong tác phẩm của Kim Dung, từ Thiểm Tây tới Cam Túc, từ Vân Nam tới Triết Giang, từ Nhạn Môn Quan tới Sơn Hải Quan. Các nhà sư Thiếu Lâm không hiếu chiến, không đa sát, luôn luôn tôn trọng chữ Từ bi, mở đường phương tiện cho kẻ thù địch. Tất cả, từ Thiên Long bát bộ, Ỷ thiên Đồ long ký, hay Tiếu ngạo giang hồ…; giữa chốn đao thương hung hiểm, các nhà sư đắc đạo vẫn ung dung ngồi tọa thiền thuyết Pháp hoa kinh, Kim cang kinh, Niêm hoa kinh…

Trong tiểu thuyết của Kim Dung cũng có một hình thái Phật giáo khác được xem là bàng môn tả đạo. Đó là đạo Phật của các nhà sư Thiên Trúc, Thổ Phồn, Tây Tạng, Mông Cổ mang xuống Trung Nguyên. Đó là giáo chủ Huyết đao môn của Mật tông Tây Tạng (Liên thành quyết), Ba La Tinh, Triết La Tinh người Ấn Độ, Cưu Ma Trí người Thổ Phồn (Thiên Long bát bộ). Do hạn chế của quan điểm dân tộc, Kim Dung đã xây dựng những nhân vật nhà sư ngoại nhập này như những người tàn ác, cũng ăn cắp võ công bí lục, hãm hiếp gái tơ, phá hoại nền hoà bình của Trung Hoa. Phái sư áo đỏ của Mật tông Tây Tạng bị Kim Dung xem nhẹ nhất. Trong Lộc Đỉnh ký họ là những người âm mưu đánh vào Ngũ Đài Sơn để bắt vua Thuận Trị làm áp lực chính trị với vua Khang Hy. Những Lạt Ma cao cả của Tây Tạng như Đạt Lai Hoạt Phật, Ban Thiền Hoạt Phật và Tang Kết Hoạt Phật cũng bị Kim Dung xem như là không đứng đắn.

Phái Võ Đang do Trương Tam Phong (Trương Quân Bảo) sáng lập là một môn phái tiêu biểu cho tư tưởng Lão Trang tức Đạo gia. Căn cứ trên chủ trương "vô vi thanh tịnh" của Đạo gia, phái Võ Đang là một võ phái "vô vi nhi vô bất vi" (không làm nhưng không có gì là không làm). Trong Ỷ thiên Đồ long ký và Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung đã dành nhiều cảm tình đặc biệt cho các đạo gia của phái Võ Đang. Dưới ngòi bút của Kim Dung, những đạo sĩ hay những đệ tử tục gia của Võ Đang là những con người luôn luôn hành hiệp trượng nghĩa, tế khổn phò nguy, yêu nước nồng nàn. Một nhân vật tiêu biểu cho Đạo gia Võ Đang là Trương Tam Phong, được tác giả gọi một cách kính trọng là Chân nhân. Võ công Võ Đang đặt trên nền tảng của nguyên lý Âm Dương, là một dạng của võ công huyền môn chánh tông. Một số công phu của Võ Đang được lưu truyền đến bây giờ như Thái cực quyền,

Thái cực kiếm pháp, Thê vân túng công. Nếu võ công Thiếu Lâm chú trọng dương cương, nhanh mạnh thì võ công Võ Đang chú trọng âm nhu, uyển chuyển thư thái. "Nặng tợ Thái Sơn nhưng cũng nhẹ tợ lông hồng" – đó là nguyên tắc tập luyện cơ bản của đệ tử Võ Đang.

Phái Nga Mi – theo truyện là do Quách Tương, con gái Quách Tĩnh sáng lập – là một nhánh khác của Phật giáo Trung Quốc. Vì Quách Tương có ngoại hiệu là Tiểu Đông Tà nên dù lập ra môn phái chính đạo, cũng ăn chay niệm Phật, đệ tử chủ yếu là nữ ni xuất gia, phái Nga Mi vẫn mang trong mình một chút gì khốc liệt trong căn bản võ công. Ỷ thiên Đồ long ký đã xây dựng một hình ảnh chương môn Nga Mi Diệt Tuyệt sư thái và chỉ cái tên thôi, ta cũng hình dung ra được mức độ khốc liệt của vị chưởng môn này: diệt hết, không chừa một ai. Trong thực tế Nga Mi là tên một ngôi chùa danh tiếng của Trung Quốc, hình thành trên 1.000 năm, là nơi tu hhành của nhiều sư nữ đạo cao đức trọng.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng hình ảnh 5 môn phái chuyên sử kiếm, gọi là Ngũ Nhạc kiếm phái, lấy tên theo năm hòn núi: Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn và Hằng Sơn. Trong 5 phái, chỉ có Hằng Sơn là theo Phật giáo, do nữ ni cầm đầu, đệ tử gồm toàn nữ, cả xuất gia lẫn tục gia. Vì toàn là nữ cho nên kiếm pháp Hằng Sơn khác hẳn kiếm pháp 4 phái kia, chiêu thức uyển chuyển, tư thế mỹ lệ, ứng theo nguyên lý "Miên lý tàng châm" (trong bông có kim), hễ kẻ địch đánh càng mạnh thì càng gặp nhiều nguy hiểm.

Kim Dung xếp những môn phái trên vào "danh môn chính phái". Nói đến danh môn chính phái tất phải nói đến bàng môn tả đạo. Vậy bàng môn tả đạo trong tác phẩm của ông gồm những môn phái nào?

Trước hết, người ta bắt gặp khái niệm Ma giáo được nhắc đi nhắc lại trong nhiều tác phẩm. Trong Ythien, chữ Ma giáo được nhiều hào khách giang hồ gán cho Minh giáo Trung Quốc, một chi nhánh của Bái hỏa giáo Ba Tư. Nguyên Bái hoả giáo phát tích từ Ba Tư (Perse), thờ ngọn lửa thánh. Tên gọi của đạo này là Manichéisme, phiên âm ra Quan thoại là Ma Ni giáo, rồi người Trung Hoa gọi luôn thành Ma giáo.

Sử Trung Quốc chép vào thời Võ Hậu nhà Đường, người Ba Tư là Hốt Đa Đán đã cầm quyển Tam tôn kinh từ Ba Tư đi về Trung Quốc và đến triều kiến Võ Hậu. Trong tác phẩm Minh giáo lưu truyền Trung thổ ký của Dương Tiêu, một hộ pháp giáo vương của Minh giáo thì Minh giáo truyền vào

Trung Quốc được xác định là ngày 22 tháng 6 Đương Đại Lịch tam niên... Nhà Đường thấy Bái hỏa giáo là một tôn giáo đúng đắn, lại có kinh điển tư tưởng hẳn hoi nên cho phép Bái hỏa giáo lập chùa, quy tụ tín đồ. Kinh đô Lạc Dương có ngôi chùa Bái hỏa giáo đầu tiên, gọi là Đại Vân Quang Minh tự; sau đó chùa được xây dựng nhiều thêm ở Thái Nguyên, Hồng Châu, Kim Châu, Việt Châu. Năm thứ ba thời Hậu Xương, nghe lời sàm tấu của một số quan lại, nhà vua ra lệnh giết hại những tín đồ Minh giáo. Minh giáo phải rút vào bí mật.

Trong cuộc chiến đấu gian nan, người Minh giáo vẫn ăn chay, cữ rượu và một lòng thờ phượng thánh Minh Tôn. Từ đó, Minh giáo đứng hẳn về phía dân nghèo, khởi nghĩa chống những thế lực phong kiến. Thời vua Tuyên Hòa (Huy Tông, Bắc Tống), giáo chủ Phương Lạp khởi nghĩa chống bọn tham quan ở Việt Châu, tên tuổi đứng ngang hàng với Tống Giang. Thời vua Kiến Viêm (Khâm Tông) có Vương Tông Thạch khởi nghĩa ở Tín Châu; thời Thiệu Hưng (Cao Tông, Nam Tống) có Dư Ngũ Bà khởi nghĩa ở Từ Châu; thời Thiệu Định (Lý Tông) có Trương Tam Thương khởi nghĩa ở Quảng Đông. Khi quân Nguyên xâm lăng Trung Quốc, tín đồ Minh giáo tập trung lên Quang Minh Đính vùng sa mạc Gobi lập tổng đàn khởi nghĩa kháng Nguyên. Đệ tử Minh giáo là Chu Nguyên Chương thống lĩnh đại binh về Hồ Bắc, chiếm cứ một vùng rộng lớn, đánh ra Hoài Tứ, đuổi được quân Nguyên. Chu Nguyên Chương lên ngôi vua, nhớ mình là đệ tử Minh giáo nên đặt đến hiệu là Minh Thái Tổ. Từ đó, nhà Minh ra đời.

Như vậy, Minh giáo không phải là bàng môn tả đạo mà là mộ môn phái yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa. Những nhân vật Trương Vô Kỵ, Vi Nhất Tiếu, Hân Thiên Chính... là những nhân vật của tiểu thuyết. Nhưng Chu Nguyên Chương, Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân... là những anh hùng có thật trong lịch sử Trung Quốc. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, ta còn gặp một tà giáo khác là Bạch Mi giáo. Bạch Mi giáo hoạt động trên vùng sông Trường Giang, thủ đoạn rất tàn độc nhưng trong cuộc khởi nghĩa kháng Nguyên, giáo đồ Bạch Mi giáo đã về quy thuận dưới trướng Minh giáo, trở thành những anh hùng có công, xa hẳn những chủ trương tàn độc cũ.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Ma giáo được nhắc đến với tên gọi Triêu dương thần giáo. Đây là một giáo phái tưởng tượng do Kim Dung đặt ra, hành động rất tàn độc, có một lối nịnh bợ vô tiền khoáng hậu. Giáo chủ Triêu dương thần giáo được xưng tụng là "Thánh giáo chủ". Trong Lộc Đỉnh ký, cũng có một giáo phái tương tự là Thần long giáo. Giáo phái này thờ rắn (địa long) và từ địa long, người ta tôn xưng thành thần long. Thầhn long giáo kết hợp

với Nga La Tư, định dâng 3 tỉnh Đông bắc Trung Quốc cho Nga và để đổi lại, người Nga sẽ giúp họ đem binh chống lại triều đình nhà Thanh do Khang Hy lãnh đạo.

Nếu như trong các phái, Thiếu Lâm đứng đầu thì bên các bang hội, Cái bang là bang tiêu biểu. Trong truyện võ hiệp Kim Dung, hình ảnh quần hùng Cái bang luôn luôn hiện diện bên cạnh các nhà sư Thiếu Lâm. Trong 12 tác phẩm, Kim Dung đã dành nhiều chương hồi nói về Cái bang, bang quy tụ những người ăn mày nhưng giàu long yêu nước, chuyên hành hiệp trượng nghĩa, tế khổn phò nguy. Tác phẩm Kim Dung đã để lại cho đời sau những huyền thoại đẹp về các bang chúa Cái bang như Hồng Thất Công, Hoàng Dung, Kiều Phong. Bạn đọc tiểu thuyết võ hiệp có thể nhận ra được tấm lòng ưu ái của tác giả dành cho giới ăn mày khố rách áo ôn, đầu được xó chợ. Các nhân vật Cái bang ăn nói đơn giản, đi xin nhưng không bao giờ ăn cắp, hành động tinh tế và tư duy bén nhạy như bất kỳ con người có học nào. Cái bang xuất hiện trong tiểu thuyết Kim Dung với thứ bậc hẳn hòi: một túi là mới gia nhập, tám túi là lên trưởng lão, có bài hát Liên hoa lạc (hoa sen rụng) là dấu hiệu liên kết tấn công kẻ địch, có Đả cẩu trận vây hãm kẻ thù, có Đả cẩu bổng pháp làm bảo vật trấn bang. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung có đề cập đến 2 chi của Cái bang: Chi Ô y (áo dơ) và chi Thanh y (áo sạch). Những trưởng lão của Thanh y cũng đeo nhẫn vàng, ăn mặc xa hoa như phú thương, dùng tiền như nước. Thuyết này nghe rất mới lạ!

Trong tiểu thuyết Kim Dung, có một số bang khác cũng được nhắc đến như Thần Nông bang, Cự kình bang, Mao sơn bang, Hải sa bang… Đại để, đây là những bang nhỏ, cát cứ ở một vùng nhất định, có những hoạt động đi ra ngoài sự kiểm soát của chính quyền phong kiến địa phương và hành vi của họ thường là hành vi tàn ác. Trong Thiên Long bát bộ, Thần Nông bang là một bang chuyên dùng thuốc độc, cát cứ vùng núi Vô Lượng. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Cự kình bang, Hải sa bang, Mao sơn bang là bang bang hoạt động trên vùng sông biển, hành vi cơ bản là giết người cướp của. Cự kình bang cát cứ sông Trường Giang, Hải sa bang cát cứ vùng Quảng Tây, Mao sơn bang cát cứ vùng Thiểm Bắc. Tuy nhiên, những hành vi tàn độc của 3 bang này không qua mặt nổi bọn giáo đồ Bạch Mi giáo.

Đặc biệt, trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung chỉ đề cập đến một hội. Đó là Thiên Địa hội, một tổ chức chính trị - quân sự có tầm ảnh hưởng lớn, có tổ chức quy mô gồm toàn người Hán, hoạt động chống lại triều đình Khang Hy. Thiên Địa hội là một tổ chức có thật do Trần Cân Nam (Trần Vinh Hoa) làm Tổng đàn chủ, căn cứ tại Đài Loan, thế lực bành trước ra khắp 12 tỉnh

ven biển. Trần Cận Nam là nhân vật có thật, làm quân sư cho Trịnh Thành Công, người cầm đầu đảo Đài Loan, chống lại triều Thanh. Ông vốn là một nhà văn làm chính trị nhưng khi xây dựng thành một nhân vật tiểu thuyết, Kim Dung đã tạo nên một Trần Cận Nam văn võ toàn tài, đầy đủ bản lĩnh, điều hành một cách khoa học những hoạt động quân sự và tình báo gián điệp nhằm chống lại người Mãn Châu.
Hoạt động quân sự và tình báo của Thiên Địa hội trong lịch sử triều Thành là có thật. nhưng tài trí của Khang Hu và những tư duy chiến lược của ông vua Mãn Châu này đủ sức vô hiệu hóa các lực lượng thù địch, trong đó có lực lượng Thiên Địa hội. Trần Cận Nam bị con thứ của Đài Loan vương Trịnh Thành Công là Trịnh Khắc Sảng giết vì nghi kỵ ông có lòng phản nghịch. Tổ chức Thiên Địa hội tan rã, lớp bị triều đình Khang Hy bắt, lớp bỏ trốn tha phương mai danh ẩn tích. Tuy nhiên, Thiên Địa hội đã để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng người đọc Lộc Đỉnh ký bởi vì họ là tổ chức tiêu biểu cho lực lượng yêu nước phản Thanh phục Minh, giấc mơ lớn của mọi người yêu nước Trung Quốc trong thế kỷ XVII. Chính từ những hoạt động của Thiên Địa hội mà một số hội đoàn chính trị chống nhà Thanh sau này cũng mô phỏng cách hoạt động ấy. Một thí dụ cụ thể là Hồng hoa hội, hoạt động chống chính quyền triều vua Hàm Phong.

Một cách khái quát, khi xây dựng những tôn giáo, môn phái, bang hội trong truyện võ hiệp, Kim Dung đã hé mở cho ta thấy sự tông trọng quan điểm "tam giáo đồng nguyên" của ông. Phật giáo có Thiếu Lâm, Nga Mi, Hằng Sơn… Đạo giáo theo tư duy Lão Trang có Võ Đang, Tiêu Dao, Thiên Sơn… Nho giáo có Thiên Địa hội, một tổ chức nhập thể và nhập thế. Kim Dung cũng đồng thời tôn trọng những tư tưởng tôn giáo ngoại nhập. Ngoài tình cảm dành cho Bái hỏa giáo Ba Tư, ông còn nhắc tới Hồi giáo, Thiên chúa giáo (thông qua 2 nhân vật người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng) với những tình cảm chân thật, nhận định trung thực về bản chất lương thiện của các tôn giáo. Ông cũng tỏ ra tôn trọng những tình cảm khác của dân tộc Trung Hoa khi đưa ra một số bang phái khác dù hoạt động của họ khi tà khi chính. chẳng đứng hẳn về một hệ tư tưởng nào như các phái Lao Sơn, Không Động, Thanh Thành…

Tất cả các tôn giáo, bang hội được xây dựng trong tác phẩm Kim Dung đều có kẻ tà người chánh, người tốt kẻ xấu. Có người đưa ra luận điểm cho rằng: Kim Dung muốn dung hoà, trộn lẫn hai thái cực của chính và tà, thiện và ác. Tôi cho rằng đó là một nhận định mang tiếng võ đoán. Thực ra, Kim Dung đi tìm cái Thiện trong cái Ác, đi tìm người chính nhân quân tử trong cái dư luận về tiểu nhân đê tiện, đi tìm chất ngọc con người trong mới hỗn độn của

xã hội lẫn lộn trắng đen. Và ông đã tìm thấy, đã phân biệt cho chúng ta thấy. Những nhân vật đức cao vọng trọng như Nhạc Bất Quần, Thích Trường Phát, như Vạn Khuê… của cái gọi là chính phái là những kẻ thủ đoạn, lưu manh và tất yếu phải nhận sự trừng phạt. Những con người xuất thân từ bàng môn tả đạo, từ tà phái như Điền Bá Quang, Bất Giới, Tổ Thiên Thu, Lão Đầu Tử, Trương Tam, Lý Tứ… là những chính nhân quân tử, những con người trung thực. Hành động phân biệt chính tà không thể bị nhầm lẫn với hành động dung hoà chính tà. Tác giả muốn cho chúng ta hiểu rõ hơn về chính – tà và đừng nhận định chính tà, thiện ác theo những quan điểm đơn điệu, công thức.

Đọc Kim Dung, ta thấy được một hiện tượng sinh động của xã hội phong kiến Trung Quốc từ thế kỷ XVII trở về trước: sự cát cứ của các thế lực chính trị và quân sự giữa lòng xã hội phong kiến. Gần như bang phái nào cũng đứng ngoài vòng pháp luật, kể cả chùa Thiếu Lâm! Họ có cách thực hiện công lý riêng của họ: dùng võ công để tế khổn phò nguy, giải quyết việc đời, thực hiện công bằng xã hội trước làn đao mũi kiếm. Họ không hề tôn trọng chính quyền phong kiến. Trên cái nhìn này, ta có thể thấy được truyện Kim Dung như là một bản điều tra xã hội học về xã hội Trung Hoa cũ. Có thể nói chính những bất công của cuộc đời đã "đặt hàng" cho võ học phát triển, cho những bang phái ra đời để thực hiện một thứ luật khác: luật giang hồ.

Khi nghiên cứu về những tư tưởng triết học Đông phương, người ta mới chỉ ngừng lại ở phạm trù lý thuyết. Vả chăng tư tưởng triết học là cái gì hết sức trừu tượng. Nhưng khi đọc tác phẩm võ hiệp, thông qua các tôn giáo được đề cập đến, người ta rất dễ nhận ra các lý thuyết trừu tượng đó đã được cụ thể hóa qua phạm trù thực hành.

Nói chuyện Kim cương kinh chưa chắc người ta đã tâm đắc. Nhưng từ Kim cương kinh, các nhà sư Thiếu Lâm đã luyện thành Kim cương chỉ, có kình lực tan bia vỡ đá, có thể dùng ngón tay viết chữ và vẽ bàn cờ lên đá được thì người ta dễ lý hội khái niệm "kim cương" hơn. Cũng thế, thật khó hình dung ra khái niệm "tiêu dao du" trong tác phẩm "Nam hoa kinh", được Kim Dung hình tượng hoá thành nhân vật Vô Nhai Tử (Tiêu Dao Tử), chưởng môn phái Tiêu Dao, giỏi đánh cờ, đánh đàn, võ công, y thuật, địa lý, lại có thuật "trụ nhan" làm khuôn mặt tươi vua trẻ mãi không già, sống giữa đời hiện thực với một trái tim lãng mạn, lấy chuyện vui chơi năm hồ, bốn biển làm vui, không hệ luỵ đến cuộc đời (Thiên Long bát bộ). Nói cách khác, Kim Dung đã chuyển một hệ thống tư tưởng triết học lý thuyệtt sang hệ thống thực hành, một dạng triết học Đông phương gần gũi với mọi người, mọi

trình độ nhưng không hề dung tục và thô thiển thông qua việc xây dựng các võ phái trong tác phẩm của mình.

Yếu tố sau cùng cũng khá thú vị là thông qua một vài thế võ, cách vận công, cách tự vệ, các nhân vật của Kim Dung có thể bộc lộ ra môn phái, sư thừa của mình. Ngay đến trong cách khám nghiệm vết thương, người ta cũng nhận ra được vết thương đó do loại võ công, vũ khí nào gây nên và quy trách nhiệm. Dư Đại Nham bị đánh vỡ hết các khớp xương; võ công đó chỉ có thể là Kim cương chỉ của phái Thiếu Lâm. Gia đình Lâm BÌnh Chi bị giết oan hết, mặt người nào cũng hiện lên một nụ cười quái dị vì trái tim bị vỡ dù lồng ngực không có dấu hiệu chấn thương bên ngoài. Võ công đó chỉ có thể là Tồi tâm chưởng của phái Thanh Thành. Nói cách khác, thông qua võ công, thông qua vết thương, người ta có thể xác định được tôn giáo, bang phái nào đã ra tay hành động.

Chính trên những chi tiết thú vị như thế mà truyện kiếm hiệp của Kim Dung vượt xa các tác giả đương đại về mặt tri thức. Và cũng chính nhờ những chi tiết đó, người đọc kiếm hiệp có thể phân biệt được chính tác của Kim Dung với một nguỵ tác của một người nào đó, cũng ký tên là Kim Dung!

Bang giao Trung - Nga nhìn qua Lộc Đỉnh ký

Ở một chừng mực nào đó, ta có thể gọi Lộc Đỉnh ký của Kim Dung là một bộ tiểu thuyết lịch sử. Thật vậy, thông qua bộ tiểu thuyết cuốn này, Kim Dung đã cung cấp cho độc giả những sự kiện lịch sử có thật và khá quan trọng từng xảy ra dưới thời vua Khang Hy, triều Thanh. Một trong những sự kiện quan trọng ấy là mối bang giao Trung - Nga, dẫn đến việc ký kết hoà ước Hắc Long Giang năm 1684.

Ba tỉnh vùng Đông Bắc Trung Quốc ngày nay chính là vùng đất phát tích của bộ tộc Mãn Châu (Manchourie) mà người Trung Quốc ngày xưa từng gọi là dân Kim hay Thát Đát (Tartare). Mồ mả tổ tiên của vua Khang Hy thuộc bộ tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) được chôn ở vùng Bắc ngạn sông Amour (tiếng Mãn Châu: A Mộc Nhĩ Hà; tiếng Trung Quốc: Hắc Long Giang) dưới chân núi Lộc Đỉnh. Sông Amour phát xuất từ ngọn núi Tchita thuộc đài nguyên Oulan Oude (tiếng Trung Quốc: Ô Tư Ô Đức) cận hồ Baikal (tiếng Trung Quốc: Bối Gia Nhĩ) vòng lên hướng Bắc, đổ về phương Đông qua thành phố Khabarovsk rồi đổ xuống hướng Nam gặp cảng Vladivostok.

Từ ngàn xưa, các bộ tộc Mãn Châu thường sống du mục theo đôi bờ Hắc Long Giang, có khi vượt qua phía Tây đến biên giới Mông Cổ. Đây là vùng đất gần như băng giá quanh năm. Từ địa đầu biên giới Mông Cổ - Mãn Châu Lý kéo dài lên hướng Bắc hợp lưu với Hắc Long Giang, có thêm một dòng sông nữa, ấy là sông Ngạch Nhĩ Cổ Lạp. Vậy, hai dòng Ngạch Nhĩ Cổ Lạp với Hắc Long Giang tạo nên biên giới thiên nhiên giữa hai nước Trung - Nga bây giờ, một biên giới bền vững, rất dễ phân định. Vâng, đó là chuyện bây giờ, còn chuyện ngày xưa thì sao?

Ngày xa, người Trung Quốc gọi nước Nga là nước La Sát. Trong kinh Phật, La Sát là tên một loài quỷ dữ, nhưng khi gọi nước Nga là La Sát, thực sự người Trung Quốc không có hàm ý khinh thị nước Nga. Trong cuốn thứ 9 bộ Thanh sử cảo, Lang Viên giải thích: "Nga La Tư hay La Sát chỉ là cách đọc phiên âm chậm hay mau mà thôi. Đọc La Sát tương đối giống hơn" (với từ Russe, Русские).

Bát kỳ Mãn Châu tiến đánh nhà Minh năm 1643 và năm 1644 thì chiếm được Bắc Kinh. Vua Thuận Trị lập ra nhà Thanh trên đất Trung Quốc. Trăm họ người Trung Quốc vẫn tự coi mình là người Hán tộc, gọi nhà Thanh là bọn Di Địch. Thế nhưng bọn "Di Địch" đó đã làm nên một kỳ tích: sửa chữa những sai lầm của tổ tiên, duy trì đế chế phong kiến 268 năm, trong đó có ít nhất 2 đời vua được gọi là minh quân đem lại hoà bình, hạnh phúc cho Trung Quốc, vượt xa các ông vua triều Minh Hán tộc. Một biểu tượng của thái bình thạnh trị là triều Khang Hy (1662 - 1722), đấng minh quân mà cả Hán tộc và Mãn tộc đều tôn kính.

Lộc Đỉnh ký của Kim Dung lấy tên núi Lộc Đỉnh trên biên giới Trung - Nga làm tựa truyện nên đã dựng lại khá rành mạch những quan hệ Trung - Nga dưới triều Thanh, theo sát những diễn tiến lịch sử. Vào năm Thuận Trị thứ 6 (1650), nhà vua đã cho quân đồn trú ở mạn Đông Bắc để ngăn chặn quân của Sa hoàng Nga La Tư, không cho xâm phạm vùng Lộc Đỉnh Sơn và Hắc Long Giang. Năm Thuận Trị thứ 9 (1653), tướng Thanh là Hải Sắc đánh với quân Nga La Tư tại Hắc Long Giang; một tướng Thanh khác là Minh An Đại Lý đánh với quân Nga ở Tùng Hoa Giang (nằm sâu trong tỉnh Cát Lâm ngày nay). Năm Thuận Trị thứ 16 (1660), nhà vua sai hai tướng Nhĩ Hổ Đạt và Ba Hải đồn trú ở Ninh Cổ Tháp để ngăn chặn bước tiến của đoàn kỵ binh Nga La Tư danh tiếng Kha Tát Khắc (Cosaque).

Công chúa Sophia (Софья, tiếng Trung Quốc là Tô Phi Á) lên nắm quyền Nhiếp chính năm 1680. Lộc Đỉnh ký của Kim Dung hư cấu chuyện Vi Tiểu Bảo, bá tước của triều Khang Hy, đi đánh Thần Long giáo, lưu lạc qua Nga giúp công chúa Tô Phi Á kêu gọi binh lính Hoả thương thủ làm binh biến, đưa công chúa lên ngôi Nhiếp chính. Tính ra, đây là năm thứ 18 triều Khang Hy.

Thực ra, việc Vi Tiểu Bảo lưu lạc sang Nga là chuyện cá nhân của gã. Trước đó, vào năm Khang Hy thứ 15 (1677), đại sứ Nga là Tư Ba Tháp Lôi (Spatinary) đã sang Bắc Kinh, dẫn theo nhiều chuyên gia về bảo thạch và dược tài (làm thuốc súng) đến trình uỷ nhiệm thư lên Khang Hy, xin nhà vua trao đổi chuyên gia làm thạch kiều (cầu đá) về giúp Sa hoàng xây dựng Mạc Tư Khoa (Moscow, Москва) và Cơ Phụ (Kiev, Киев). Viên đại sứ này không chịu quỳ trước Khang Hy nên bị nhà vua đuổi về. Sau đó, Sa hoàng ra lệnh cho quân Cosaque đồn trú ở thành Irkoutsk (tiếng Trung Quốc: Ái Nhĩ Tư Khắc) và Novogorod (tiếng Trung Quốc: Ni Bố Sở Thành) để tuần tiễu mạn Bắc bờ sông Amour. Vua Khang Hy cho đây là sự xâm lấn lãnh thổ Đại Thanh nên đã đưa kỵ binh và pháo binh lên Hắc Long Giang đối phó.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung thuật chuyện Vi Tiểu Bảo được Khang Hy phong làm nguyên soái, đệ nhất Lộc Đỉnh công, thừa lệnh nhà vua đem hai vạn quân gồm bộ binh, kỵ binh, pháo binh đi đánh quân Nga. Vi Tiểu Bảo hạ luôn hai thành Ni Bố Sở và Nhã Tác Khắc khiến công tước Phí Diêu Đa La (Pheodor), một trọng thần của Nhiếp chính vương Tô Phi Á phải xin cầu hoà và đề nghị đàm phán ký hiệp ước phân chia cương giới. Bởi vì tước của Vi Tiểu Bảo là Lộc Đỉnh công, mà núi Lộc Đỉnh lại ở phía Bắc bờ Hắc Long Giang nên Vi Tiểu Bảo buộc Phí Diêu Đa La bằng mọi cách phải cắt phần đất đó vào lãnh thổ của Thanh triều. Phí Diêu Đa La không thuận; Vi Tiểu Bảo doạ sẽ liên kết với quân của nước Thuỵ gì đó (Thuỵ Điển nhưng gã nhớ không nổi) để dưới đánh lên, trên đánh xuống, chiếm Mạc Tư Khoa! Gã lại học sách Tam quốc, thực hiện kế "Chu Du hí Tưởng Cán", giả vờ phát lệnh tiễn cho tướng Thanh đi về phía Tây, đi dọc biên giới Mông Cổ tiến về Mạc Tư Khoa khiến Phí Diêu Đa La sợ vỡ mật, phải xin kiềm đính hoà ước!

Những thủ đoạn kỳ kèo trong quá trình đàm phán không phải là không có cơ sở lịch sử. Ta nhớ rằng Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt (cháu nội của Thành Cát Tư Hãn) lên ngôi ở Trung Hoa, mở ra nhà Nguyên, sau đó thân chinh đi đánh nước Nga. Chỉ với 2 vạn binh mã, Hốt Tất Liệt đã đánh cho 18 vạn quân Nga La Tư thua to. Mà trong thời Khang Hy, nước Mông Cổ lại thuộc Trung Hoa nên khi bọn Vi Tiểu Bảo, Sách Ngạch Đồ, Đổng Quốc Cường nói với Phí Diêu Đa La rằng Mạc Tư Khoa từng bị người Trung Hoa đến đánh thì cũng không phải là điều khiên cưỡng. Vả chăng, năm 1238, danh tướng triều Nguyên là Bạt Đô đã đánh chếm được Cơ Phụ và Mạc Tư Khoa, lại còn muốn đánh sang Ba Lan và Hung Gia Lợi (Hunggary), vượt dòng Đa Não Hà (Danube) để tấn công châu Âu! Năm 1240, nhà Nguyên dựng lên toà Kim trướng Hãn Quốc bên thành Tát Lai (Toula) ở cửa sông Phục Nhĩ Gia (Volga). Nhân vật đứng ra cai trị toàn Nga lúc đó được gọi là Khả Hãn. Sách Đại anh bách liệu toàn thư, mục Nga La Tư thuật lại rằng những vương công người Nga phải đến Kim trướng của Khả Hãn tại thành Tát Lai để được phong. Họ đã chịu nhiều điều khổ nhục. Người Mông Cổ đã thống trị đất Nga 240 năm (từ 1240 đến 1480), sau đó mới bị người Nga đánh đuổi.

Hoà ước Hắc Long Giang ký năm 1684 giữa Trung Hoa và Nga La Tư do Sách Ngạch Đồ của Thanh triều và Phí Diêu Đa La của Nga kiềm thự. Hoà ước được viết bằng 3 thứ tiếng Hán văn, Nga văn và Lạp Đinnh văn (Latin). Đây là bản hoà ước đầu tiên Trung Hoa ký với nước ngoài, mang lại cho nhà Thanh một thắng lợi ngoại giao rực rỡ. Trong 6 điều hoà ước, điều nào cũng có lợi cho Trung Hoa: cương giới được quy định tới núi Đại Hưng An phía

Bắc; hai tỉnh A Mộc Nhĩ và Tân Hải của Nga thuộc vào lãnh thổ Trung Hoa; phía Đông và Đông Nam kéo dài tới biển; nước Trung Hoa có thêm 80 vạn dặm vuông Anh. Hoà ước giúp Trung Hoa yên ổn đến 150 năm sau. Bia biên giới được viết bằng 5 thứ tiếng: Mãn Châu văn, Hán văn, Nga văn, Latinh văn và Mông Cổ văn. Những đời vua sau của nhà Thanh nhu nhược; địa đồ biên giới có nhiều thay đổi...

Tất nhiên, trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung để cho "nguyên soái" Vi Tiểu Bảo làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền ký hoà ước với Phí Diêu Đa La. Sách Ngạch Đồ chỉ là phó sứ! Vi Tiểu Bảo không biết chữ, nên chỉ ký được chữ Tiểu trong tên của mình. Chữ Tiểu của gã rất cổ quái: ở giữa có một cái gạch, hai bên có hai hột tròn tròn, giống như bộ phận sinh dục nam giới. Các quan coi tới, cười ồ, cho rằng cổ lai hy chưa có ai ký tên như vậy cả!

Trong cuộc chiến tranh ở biên giới Trung - Nga, các tướng lãnh của triều Thanh có đưa một số hàng binh Nga về Bắc Kinh cho vua Khang Hy hỏi chuyện để tìm hiểu lịch sử, địa lý, văn hoá của Nga La Tư. Tiêu Nhất Sơn trong Thanh đại thông sử ghi nhận: "Hàng binh đưa về kinh sư đều được tha hết, cho vào Tá lãnh. Đó là kỳ binh của Nga La Tư. Con cháu họ đến nay hãy còn". Trong sách Quý Ty loại cảo có chương Nga La Tư Tá lãnh khảo xác nhận đội lính Nga La Tư Tá lãnh có khoảng gần 200 người, mặc đồ Thanh binh rất kiêu dũng. Đây là một đòn phép ngoại giao hoà hoãn, khôn khéo của Khang Hy. Những người lính Nga được lấy vợ là người Trung Quốc; những kiến thức về hoả dược, vũ khí của họ giúp ích rất nhiều cho việc kiện toàn vũ khí cho người Trung Hoa.

Công chúa Tô Phi Á (Sophia) là một nhân vật có thật trong lịch sử nước Nga. Bà đã giết hoàng hậu chuyên quyền Na Đạt Lệ Á (Natalia), đưa em mình là Bỉ Đắc (Pierre) hãy còn nhỏ tuổi lên làm Sa hoàng; bà giữ quyền Nhiếp chính. Bà đã từng gửi thư bày tỏ tình hữu nghị với vua Khang Hy. Tô Phi Á và cả triều đình Sa hoàng không ai biết Hán văn. Vua Khang Hy có gửi cho bà một giác thư ngoại giao viết trên vàng lá. Bà trả lời: "Vừa qua, Hoàng đế bệ hạ có tặng cho chúng tôi một lá vàng nhưng chẳng ai biết dùng để làm gì". Trong Lộc Đỉnh ký, tác giả xây dựng nhân vật Tô Phi Á thành người tình của Trung Quốc tiểu hài đại nhân Vi Tiểu Bảo. Chữ Phi được ông viết với bộ thảo đầu, có nghĩa là phất phơ (phương thảo phi phi - cỏ thơm phất phơ). Cái nghĩa ấy không được chính đáng, nhất là đối với một nữ Nhiếp chính vương. Sau này, khi Vi Tiểu Bảo sai gia sư viết hộ bức thư gửi cho Tô Phi Á, thông qua hai thân binh Hoa Bá Tư Cơ (Vabovski) và Tề Nặc Lạp Phu (Denilov), tay gia sư tự động sửa tên nàng lại là Tô Phi Hà điện hạ.

béng vì hai gã đẻ sinh đôi và thời ấy cũng chẳng ai làm giấy khai sinh. Xét ở khía cạnh lý lịch bản thân thì đó là một việc khá hồ đồ nhưng vì Đào Chi Tiên cãi quá nên Đào Diệp Tiên chịu lép vế làm em thứ tư. Tướng mạo các vị này được Kim Dung mô tả là xấu như quỷ sứ: Đào Hoa Tiên có khuôn mặt đỏ hồng như màu hoa đào, Đào Thực Tiên lại có khuôn mặt dài như mặt ngựa. Vì Đào Cốc lục tiên ưa giỡn cợt, cãi chày cãi cối và ngoài 50 vẫn bị người đời chê bai là hạng non nớt, đơn bạc nên khi Lệnh Hồ Xung nịnh: "Tên các vị hay quá; giả tỷ tại hạ có được cái tên hay như vậy thì sướng chết đi được" thì sáu lão đều vui mừng, cho chàng Lệnh Hồ Xung là con người tốt nhất thiên hạ.

Thế nhưng, ta chớ có được phép coi thường sáu vị. Dù họ ham cãi chày cãi cối nhưng về mặt võ công, họ là những hảo thủ đứng hàng đệ nhất: nội công thâm hậu, khinh công cao cường, tâm ý tương thông. Họ có một chiêu thức độc đáo: túm lấy tứ chi của kẻ địch giơ lên... Trong thiên hạ, họ chỉ chịu thua có một người là Lệnh Hồ Xung. Lý do: họ túm được Lệnh Hồ Xung nhưng không giữ và xé được anh chàng này bởi Lệnh Hồ Xung sử dụng Hấp tinh đại pháp hút công lực của họ, khiến họ kinh hoàng phải bỏ ra! Sáu anh em đã tranh đua với bọn hào sĩ giang hồ hắc đạo đòi làm minh chủ tiến lên chùa Thiếu Lâm giải cứu Nhậm Doanh Doanh ra cho Lệnh Hồ Xung, họ đành chịu nhường cho chàng cái danh "minh chủ".

Từ ngàn xưa, người Trung Hoa đã ca ngợi môn thiệt chiến (đánh võ lưỡi) tức... cãi lộn. Tam quốc chí của nhà văn La Quán Trung có thuật đoạn Gia Cát Lượng thiệt chiến quần nho ở Đồng Ngô khiến các nhà nho Đông Ngô cứng họng. Tài thiệt chiến của Đào Cốc lục tiên còn xuất sắc hơn cả nhà nho Gia Cát Lượng của Tây Thục ngày trước, chỉ tiếc rằng nội dung thiệt chiến hơi... tào lao.Thí dụ khi Lệnh Hồ Xung bị thương nặng, Đào Thực Tiên và Đào Hoa Tiên cứ cãi nhặng xị lên. Đào Thực Tiên: "Rõ ràng gã sống mà sao ngươi cứ nói là đánh chết gã?" Đào Hoa Tiên: "Ta có bảo nhất định là hắn chết đâu, mà chỉ nói là gã có thể chết được". Đào Thực Tiên: "Gã đã sống lại thì không thể nói là gã có thể chết".

Vốn tính sáu vị hồ đồ nhưng lại rất hiếu sự, sợ Lệnh Hồ Xung chết đi thì sáu vị bị Nghi Lâm mắng cho sáu con mèo vô dụng cho nên họ tranh nhau dùng công lực thượng thừa chữa bệnh ngay cho Lệnh Hồ Xung. Gã này cho là Lệnh Hồ Xung bị thương Túc thiếu âm thận kinh, gã khác cãi lại là bị thương ở Thủ thái dương phế kinh; lại gã khác cãi là ở Dương minh đại trường kinh, lại gã khác cãi là Túc thái âm tỳ kinh... Cho nên Đào Cốc lục tiên phóng công lực chữa các huyệt Dương đao, Dương quang, Phong thị,

Hoàn khiêu của Lệnh Hồ Xung thì Đào Chi Tiên lại đưa chân khí vào Tam tiêu chữa tim; Đào Cán Tiên lại phóng chân khí vào các huyết Trung Phủ, Xích trạch, Khổng tố, Thái uyên...Âm dương lôn xộn như vậy nhưng Đào Hoa Tiên vẫn cố làm ra nhà bác học lí luận: "Âm sinh ra dương, đó là hai mặt của một vật. Họp lại thành một, phân là thành hai, khác nào Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi họp lại thành Thái cực. Thiếu dương và Thiếu âm nương tựa nhau như mặt trong mặt ngoài vậy." Họ vừa cãi vã vừa chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung đau đớn không chịu nổi, phải... chết giấc.

Tôi nghĩ rằng khi xây dựng nhóm nhân vật Đào Cốc lục tiên, Kim Dung đã cho thấy được một hội chứng thâm căn cố đế của người Trung Hoa: ưa cãi. Hội chứng đó có trong tư tưởng của AQ., nhân vật của Lỗ Tấn với phép "thắng lợi tinh thần". Mà AQ. là đại biểu lớn của con người qua 3.000 năm quân chủ Trung Hoa, không cãi lớn được thì cãi thầm, không chửi to được thì chửi nhỏ, thậm chí chỉ nghĩ ra lời chửi để một mình mình nghe cho hả dạ, coi như đã chửi được nó. Lý luận của anh em Đào Cốc lục tiên đứng giữa danh học và nguỵ biện nghe ra khá thú vị. Ta có thể nghe đoạn cãi vã của sáu vị khi đi viếng Dương tướng quân miếu ở trấn Chu Tiên, phủ Khai Phong. Gã này: "Ta bảo miếu Dương tướng quân nhất định thờ Dương Tái Hưng". Gã kia:"Trong thiên hạ có nhiều tướng quân họ Dương, sao lại cứ nhất định là Dương Tái Hưng?". Đào Diệp Tiên:"Có lẽ là Dương Tứ Lang". Đào Chi Tiên:"Dương Tứ lang đầu hàng phiên bang, không ai dựng miếu". Đào Diệp Tiên:"Ta đứng hàng thứ tư, ngươi nói chuyện đầu hàng phiên bang, chẳng lẽ muốn mạt sát ta?". Đào Hoa Tiên:"Ngươi thứ tư thì kệ ngươi, liên quan gì đến Dương Tứ Lang?" Đào Diệp Tiên:"Còn ngươi đứng hàng thứ năm. Dương Ngũ Lang xuất gia đi tu ở Ngũ Đài Sơn, sao ngươi chẳng làm hoà thượng?". Đào Hoa Tiên:"Hễ ta làm hoà thượng thì ngươi đầu hàng Phiên bang." Đại để, lý luận của họ lòng vòng như vậy, càng nghe càng cảm thấy hoạt kê, càng thấy câu chuyện xa lơ xa lắc.

Có một lần, cả "luật sư đoàn" Đào Cốc lục tiên cùng ra trước "toà án", cãi vã để bảo vệ cho quyền tồn tại của bốn kiếm phái trong Ngũ Nhạc kiếm phái. Nguyên đất nước Trung Hoa có năm ngọn núi danh tiếng: Hoa Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn và Tung Sơn; trong đó có ngọn núi Tung Sơn (thuộc tỉnh Hồ Nam) đứng ở trung tâm. Mỗi ngọn núi là một kiếm phái riêng và họ đứng cùng trong một tổ chức gọi là Ngũ Nhạc kiếm phái. Chưởng môn phái Tung Sơn Tả Lãnh Thiền nuôi tham vọng hợp nhất cả bốn phái kia để chỉ còn Ngũ Nhạc phái để lão lên ngôi minh chủ Ngũ Nhạc phái. Đào Cốc lục tiên kiên quyết phá hỏng âm mưu của Tả Lãnh Thiền.

Mỗi người trong bọn họ đều tự xưng mình là đại anh hùng, đại hào kiệt, xứng đáng là chưởng môn năm phái; người còn lại gọi là tổng chưởng môn. Rồi họ bàn chuyện dời năm trái núi đó lại gần nhau để anh em họ được ở gần nhau. Nhưng núi lại lớn quá, dời không xong, Đào Thực Tiên giả bộ khóc hu hu: "Từ ngày sinh ra, anh em chúng ta không rời nhau nửa bước. Nay chia lìa mỗi người mỗi nơi, tiểu đệ không chịu". Cả sáu anh em đều mồm năm miệng mười phản đối cuộc hợp nhất. Khi một lão ở phái Thái Sơn (đã ăn tiền của Tả Lãnh Thiền) đứng ra đề nghị chọn một người đạo cao đức trọng làm chưởng môn Ngũ Nhạc phái thì Đào Cốc lục tiên đưa ra đề nghị bầu Phương Chứng đại sư, trụ trì chùa Tiếu Lâm. Lý luận của họ không phải là cưỡng biện: chùa Thiếu Lâm ở trên ngọn Thiếu Thất; phái Tung Sơn nằm trên ngọn Thái Thất, cùng trong dãy Tung Sơn, tỉnh Hồ Nam. Mà xét giữa Phương Chứng và Tả Lãnh Thiền thì Phương Chứng mới xứng với bốn chữ "đạo cao đức trọng". Cái lí luận đó khiến Tả Lãnh Thiền căm hận bầm gan tím ruột, chỉ mong có một ngày bắt được sáu "của nợ" này băm vằm ra làm mắm mới hả giận. Cuối cùng, thấy không thể phá được Tả Lãnh Thiền, anh em Đào Cốc lục tiên bèn rủ đám ni cô phái Hằng Sơn xuống núi, không tham dự đại hội Ngũ Nhạc kiếm phái nữa. Tả Lãnh Thiền sợ quá, phải xuống nước năn nỉ. Lý do: âm mưu của lão là lên làm minh chủ Ngũ Nhạc phái. Nếu phái Hằng Sơn rút đi, thì dầu lão có được làm minh chủ cũng chỉ là minh chủ Tứ Nhạc phái. Mà có khái niệm Tứ Nhạc phái ra đời chỉ làm trò cười cho thiên hạ!

Người Trung Hoa đã phải trải qua 3.000 năm quân chủ, chịu áp bức bóc lột đã quen. Cho nên nụ cười, chuyện cười đối với họ là một phản ứng vừa để giải toả ấm ức, vừa thể hiện phép thắng lợi tinh thần chống áp bức bất công. Kim Dung xây dựng nhóm nhân vật Đào Cốc lục tiên hay cãi không đi ra ngoài mô thức đó. "Luật sư đoàn" ấy cãi suốt, cãi từ khi lên ba cho đến lúc già mà vẫn còn ham cãi. Những nội dung cãi cọ của họ làm vui cho tác phẩm tiểu thuyết, biến những chương căng thẳng nhất tràn đầy tiếng cười lạc quan. Đào Cốc lục tiên cũng là những người biết bảo vệ cái đúng, bảo vệ công lý. Bề ngoài của họ xấu xa nhưng tâm hồn bên trong lại thực sự trong sáng. Điều thực sự thú vị là họ chỉ mặc mỗi một màu áo đen, màu áo của luật sư khi ra trước toà ở toà án Hồng Kông. Những lý luận ngô nghê của họ chỉ có thể có được trong tâm trí của trẻ con, trong những trái tim con trẻ. Người Trung Hoa vẫn thường ví sự trong sáng ở trên đời bằng cụm từ "Xích tử chi tâm" (trong sáng như trái tim con trẻ mới sinh). Phải chăng Kim Dung muốn mọi đồng bào của ông được sống và đối xử với nhau nhân hậu, chân tình, trong sáng như những trái tim trẻ con chưa hề biết đến hận thù, chia rẽ, nghi kỵ?

Vụ án "di hoa tiếp mộc" trong Lộc Đỉnh ký

Di hoa tiếp mộc (dời hoa nối cây) nguyên là tên một trong 36 kế mà người Trung Quốc thường đề cập đến. Di hoa tiếp mộc là thủ đoạn vu oan giá hoạ, đẩy tội lỗi của người này sang cho người khác bằng cách dựng những chứng cớ giả tạo, đánh lừa cơ quan pháp luật. Trong thời phong kiến, kĩ thuật điều tra hình sự chưa tiến bộ, khó tìm ra chỗ giả tạo và con người thi hành pháp luật thường theo cảm tính, qua loa đại khái thì Di hoa tiếp mộc càng dễ dàng được thực hiện. Ta hãy xem vụ án Di hoa tiếp mộc trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung.

Vi Tiểu Bảo, học trò của Trần Cận Nam, là hương chủ Thanh Mộc đường của Thiên Địa hội, "nằm vùng" trong cung triều Thanh, được vua Khang Hy sủng ái, cử đi xây dựng toà Trung liệt đường ở phủ Dương Châu, tỉnh Triết Giang. Cùng "nằm vùng" với Vi Tiểu Bảo còn có Ngô Lục Kì, hương chủ Hồng Thuận đường của Thiên Địa hội, làm đề đốc Quảng Đông, trong tay nắm giữ binh quyền khá lớn. Ngô Chi Vinh, hiệu là Hiển Dương, là một gã nho sĩ người Hán hám danh. Y đã là đơn đầu cáo lên triều đình về vụ cha con Trang Doãn Thành, Trang Kiến Long làm bộ Minh thư tập lược có những điểm ca ngợi triều Minh, mạt sát triều Thanh khiến cho tên quyền thần Ngao Bái ra lệnh bắt hết các nhà nho ở Triết Giang tham gia làm Minh sử tập lược và bọn đàn ông họ Trang cộng khoảng 2000 người đem giết. Khi Khang Hy lên ngôi (1622), ông vua nhỏ tuổi này muốn trừ khử Ngao Bái. Vi Tiểu Bảo có công đâm chết Ngao Bái nên được các bà quả phụ họ Trang mang ơn, tặng cho con tiểu tỳ Song Nhi đi theo hầu hạ. Vi Tiểu Bảo rất quý Song Nhi, hứa với Song Nhi sẽ tìm mọi cách bắt Ngô Chi Vinh đem về cho các bà quả phụ họ Trang xử tội, để đền ơn tặng Song Nhi cho gã. Khi vua Khang Hy phong cho gã chức khâm sai đi về Dương Châu, gã lại gặp Ngô Chi Vinh. Hoá ra Ngô Chi Vinh nhờ làm Hán gian mà được phong chức tri phủ Dương Châu.

Lúc bấy giờ, ở Vân Nam, Ngô Tam Quế - Bình Tây vương của Thanh triều, đang chuẩn bị binh mã khởi loạn chống lại vua Khang Hy. Khi các quan ở Dương Châu đi đón tiếp Vi Tiểu Bảo, trong đó có cả Ngô Chi Vinh, Vi Tiểu Bảo vui miệng hỏi Ngô Chi Vinh có bà con gì với Ngô Tam Quế hay không, thì Ngô Chi Vinh dại dột khoe rằng y là cháu Ngô Tam Quế!

Chính cái cách khoe khoang dại dột đó đã đưa gã Hán gian hãnh tiến vào cái chết sau này.

Ở Dương Châu, Vi Tiểu Bảo chỉ đạo xây dựng Toà Trung liệt đường. Trước đây, năm 1643, Bát kỳ (tám đạo cờ tiêu biểu cho tám bộ tộc người Mãn Châu) tiến qua Trung Quốc, đánh tan tành đạo quân của triều Minh. Bát kỳ cho phép quân Mãn Châu hãm hiếp, cướp bóc, đốt nhà của người Hán. Dương Châu và Gia Định là hai vùng đất bờ xôi ruộng mật của tỉnh Triết Giang đã gánh chịu những đau thương đó. Người ta vẫn đồn đãi nhau tội ác của quân Mãn Châu qua câu "Dương Châu thập nhật, Gia Định tam đồ". Vua Khang Hy lên ngôi, muốn làm một ông vua nhân đức, muốn hcuộc lại các lỗi lầm của tổ tiên. Ông cho phép xây dựng lại toà Trung liệt đường để thờ nhà yêu nước Sử Các Bộ đã chết trong cuộc chống xâm lược Mãn Châu, lại tha thuế cho người Dương Châu ba năm. Vi Tiểu Bảo thay nhà vua đi làm công việc đó.

Thế nhưng, gã tri phủ Ngô Chi Vinh thì luôn sục tìm những nhà nho người Hán có ý không thần phục triều Khang Hy, đầu cáo lên triều đình để làm nấc thang danh vọng cho gã leo lên. Gã tự ý bắt giam ba nhà nho ở Triết Giang là Lữ Lưu Lương và Tra Y Hoàng (Tra Y Hoàng là viễn tổ của Kim Dung). Theo cách đầu cáo vụ Minh sử tập lược lên Ngao Bái trước đây, Ngô Chi Vinh gặp riêng khâm sai đại nhân Vi Tiểu Bảo. Hắn phân tích những chỗ chống đối nhà Thanh trong bài thơ Hồng Vũ cổ pháo ca của Tra Thận Thành (cũng là tằng tổ khác của Kim Dung):

Thấy người nằm giữa đám chông gai
Nghĩ đến non sông dạ ái hoài
Dâu biển gây nên trò biến ảo
Châu tuôn tần tã xót thương ai.

Rồi hắn phân tích thơ của Cố Viêm Võ:

Non nước nhà ta vốn vững vàng
Vì quân Di Dịch phải tan hoang
Kiến Châu bắt lính cùng thu thóc
Tây Thục còn lo nạn thổ quan.

Rồi hắn phân tích những chỗ đại nghịch vô đạo trong quyển Quốc thọ lục của Tra Y Hoàng: Tra Y Hoàng gọi những người Hán đã chống quân Thanh

là nghĩa binh; gọi tướng sĩ Thanh triều là quân giặc...Hắn còn trình riêng với Vi Tiểu Bảo: "Phương Nam có viên đại tướng nắm giữ trọng binh sắp dấy quân tạo phản". Cuối cùng hắn đưa cho Vi Tiểu Bảo bức thư của đề đốc Quảng Đông Ngô Lục Kì gửi cho Cố Viêm Võ, trong đó có câu định mời Cố Viêm Võ về Quảng Đông để cùng lo việc chống Thanh triều: "Muốn lo toan việc lớn của Trung Sơn, Khai Bình mà không có Thanh Điền tiên sinh vận trù kế hoạch thì chẳng thể thành công được". Trong óc Ngô Chi Vinh, hắn mơ mộng một trường công danh phú quý. Hắn còn đề nghị với Vi Tiểu Bảo đừng hé lộ công lao này cho hai viên tuần phủ và tổng đốc Dương Châu biết!

Vi Tiểu Bảo nhận các vật chứng mà Ngô Chi Vinh đưa trình, sợ đến tháo mồ hôi. Gã nghĩ ngay kế sách triệt hạ Ngô Chi Vinh và cứu các nhà nho. Gã an ủi Ngô Chi Vinh mấy lời, bảo hắn giải các can phạm vào, rồi cho hắn lui ra khỏi phủ để chờ lệnh. Ba nhà nho Lữ Lưu Lương, Tra Y Hoàng, Cố Viêm Võ gặp Vi Tiểu Bảo, lòng không khỏi hổ thẹn. Vốn trước đây, họ đã bị tay chân của Ngao Bái bắt được, may nhờ Trần Cận Nam là thầy của Vi Tiểu Bảo giải cứu. Nay bản thân họ bị bắt lần nữa, lại phải nhờ đến học trò của Trần Cận Nam giải cứu. Vi Tiểu Bảo bàn với các nhà nho chuyện giải cứu Ngô Lục Kì, hương chủ Hồng Thuận đường của Thiên Địa hội đang làm đề đốc Quảng Đông. Chuyện Ngô Lục Kì định dấy binh; Ngô Chi Vinh đã biết rõ. Về chữ nghĩa, Vi Tiểu Bảo dốt đặc cán mai nhưng về mưu kế, gã lại hơn người. Gã nghĩ ra kế Di hoa tiếp mộc.

Khéo làm sao, Ngô Lục Kì, Ngô Tam Quế và Ngô Chi Vinh cùng ở họ Ngô. Khéo làm sao, hai tỉnh Vân Nam và Quảng Đông đều ở phương Nam (so với Triết Giang). Lại khéo làm sao là Ngô Chi Vinh đã từng thừa nhận với Vi Tiểu Bảo trước mặt các quan rằng hắn chính là cháu của Ngô Tam Quế. Lại khéo hơn nữa khi Ngô Lục Kì quyết định khởi binh cũng là thời điểm mà Ngô Tam Quế định tạo phản. Kết hợp bốn yếu tố bất ngờ đó, Vi Tiểu Bảo ngờ Lữ Lưu Lương nhái chữ viết làm thư kí của Ngô Tam Quế, viết một bức thư giả mạo của Ngô Tam Quế gởi cho cháu là Ngô Chi Vinh. Bì thư đề: "Dương Châu tri phủ lão gia nhã giám". Đầu thư ghi: "Hiển Dương hiền điệt". Trong thư có đoạn "Di hoa tiếp mộc" khá cao cường: "Ngờ đâu, đức Thái tổ Cao hoàng đế của chúng ta (tức Chu Nguyên Chương, người khai sáng triều Minh - chú của tác giả) ban đầu xưng là Ngô quốc lại ứng vào tên họ của chú cháu ta sau ba trăm năm". Cuối thư, Lữ Lưu Lương ghi bốn chữ hàm hồ "Tây thúc thủ trát" (chú ở phía Tây gởi) rồi nhờ một người trong Thiên Địa hội đi theo Vi Tiểu Bảo là Tiền Bản Lão ký tên Ngô Tam Quế! Tại sao phải nhờ Tiền Bản Lão? Ngô Tam Quế là con nhà võ; Tiền Bản lão

cũng là nhà võ; họ ít chữ nghĩa; công văn thư từ thường là do thư kí viết sẵn để họ ký tên; chữ kí càng gân guốc càng tốt!

Làm xong bức thư giả mạo, Vi Tiểu Bảo gọi các quan tuần phủ, tổng đốc Dương Châu vào đưa cho họ coi và nói đây là thư của Ngô Chi Vinh trình cho gã để xúi gã chống lại vua Khang Hy. Vi Tiểu Bảo sai tuần phủ, tổng đốc Dương Châu làm tờ bẩm về triều đình âm mưu chống đối của Ngô Chi Vinh và gã ra lệnh bắt Ngô Chi Vinh vì đã "thông đồng phiên tặc". Ta nên nhớ rằng vua Khang Hy đã biết được những âm mưu tạo phản của Ngô Tam Quế mà Vi Tiểu Bảo đang là sủng thần của Khang Hy. Dẫu Vi Tiểu Bảo có vu oan cho cả trăm người thông đồng với Ngô Tam Quế để chém họ cũng được chứ đừng nói một tên Hán gian Ngô Chi Vinh với cái chức tri phủ nhỏ như hạt đậu.

Vi Tiểu Bảo dẫn Ngô Chi Vinh về Bắc Kinh, giao cho các bà quả phụ nhà họ Trang xử lý. Gã không cần tâu lên vua Khang Hy vụ Ngô Chi Vinh thông đồng phiên tặc thì nhà vua cũng đã biết (do bản tâu của các quan ở Dương Châu gởi về). sau đó, Ngô Tam Quế quả nhiên tạo phản ở Vân Nam; còn tính mạng và thân phận của Ngô Lục Kì vẫn được giữ kín. Những nhân vật Lữ Lưu Lương, Tra Y Hoàng, Cố Viêm Võ, Ngô Tam Quế, Ngô Chi Vinh là những nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa. Vi Tiểu Bảo, Ngô Lục Kì, Tiền Bản Lão, Song Nhi là những nhân vật thuần tuý hư cấu của tiểu thuyết.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Tố tụng hình sự theo luật giang hồ

Trong phần trước, tôi đã có dịp bàn với bạn đọc về luật giang hồ trong trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Mặc dù luật giang hồ có luật thành văn, có luật bất thành văn, nhưng đại để vẫn có một tiến trình tố tụng hình sự để thực hiện thi hành án.

Môn phái, tôn giáo, bang hội bào trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng có những điều được quy định thành "luật" gọi là môn qui, giáo qui, bang qui riêng. Việc thi hành án hình luật đối với một nhân vật gọi là "thanh lý môn hộ" (quét sạch cửa ngõ) vì những kẻ vi phạm môn qui, bang qui, giáo qui được coi là một thứ rác rến cần phải được giáo dục hay loại bỏ. Thủ tục tố tụng hình sự theo luật giang hồ được thực hiện gọn nhẹ, không rườm rà, rắc

rối, dài dòng. Khi một nhân vật bị nghi có dấu hiệu phạm tội hay đã được xác định là phạm tội thì giới luật viện, chấp pháp trưởng lão hoạc kẻ chỉ huy trực tiếp của nhân vật ấy có quyền ra lệnh truy bắt. Tất cả các đệ tử đều phải chấp hành lệnh truy bắt đó và trong trường hợp này, mỗi đệ tử là một trinh sát. Có những đệ tử võ công không bằng võ công kẻ phạm tội, đánh không lại kẻ phạm tội nhưng cũng phải thực hiện lệnh truy bắt đến cùng. Gặp kẻ phạm tội mà không ra tay truy bắt được coi là đồng loã, là che giấu tội phạm.

Khi đã bắt được kẻ phạm tội, giới luật viện, chấp pháp trưởng lão hay nhân vật chỉ huy mở ngay phiên xử tại chỗ. Họ chỉ hỏi kẻ phạm tội vài câu, xuất trình một vài vật chứng hay nhân chứng khiến kẻ phạm tội không thể che lấp được tội lỗi của mình, phải gật đầu chấp nhận. Dù nặng hay nhẹ, bản án cũng được tính toán để thi hành ngay, không qua các thủ tục xử phúc thẩm hay giám đốc thẩm.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung kể chuyện nhân vật chính Giác Viễn đại sư được chùa Thiếu Lâm phân công giữ Tàng Kinh lâu (lầu chứa kinh điển của chùa). Giác Viễn là một nhà sư không học võ công nhưng hàng ngày, ông vẫn tò mò đọc bộ Cửu dương công, nội lực trở nên thâm hậu bất ngờ hơn cả các vị đại sư thủ tòa Giới luật viện, Đạt ma viện. Cũng chính vì ham đọc kinh, nên ông đã bị kẻ khác lẻn vào Tàng kinh các ăn cắp cuốn kinh Lăng Già. Giới luật viện chùa Thiếu Lâm ra lệnh thi hành án hình luật đối với Giác Viễn: chân tay phải mang xiềng khoá, mỗi ngày phải gánh 300 gánh nước để ... đổ xuống giếng và không được nói chuyện với bất cứ một ai. Cho đến khi Hà Túc Đạo của phái Côn Lôn vào Trung Nguyên tấn công phái Thiếu Lâm, Trương Quân Bảo - đệ tử nấu nước pha trà cho sư Giác Viễn - đã dùng La Hán quyền đánh thắng Hà Túc Đạo. Giới luật viện của phái Thiếu Lâm chẳng những đã không khen ngợi Trương Quân Bảo mà còn ra lệnh cho quần tăng bắt giữ Trương Quân Bảo và sư Giác Viễn vì nghi ngờ cả hai thầy trò đã học lén võ công. Túng thế, Giác Viễn đại sư đã dùng hai thùng gánh nước "múc" một bên chú bé Trương Quân Bảo, một bên là cô bé Quách Tương, vượt trùng vây chạy trốn. Giữa đêm thanh trên núi cao, nhà sư ngồi đọc thuộc lòng Cửu dương công - một pho võ công thượng thặng mà ông chỉ tưởng là kinh Phật cho đến khi kiệt sức, viên tịch. Trương Quân Bảo nghe được một ít; Quách Tường nghe được một ít; Vô Sắc đại sư của chùa cũng nghe được một ít. Trương Quân Bảo lên núi Võ Đang tu theo đạo giáo lập ra phái Võ Đang; Quách Tường lên núi Nga Mi tu theo Phật giáo lập ra phái Nga Mi; cả ba phái Võ Đang, Nga Mi, Thiếu Lâm đều lấy Cửu dương công làm nền tảng võ thuật sau này!

Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, các đệ tử phái Võ Đang đọc được dòng chữ "môn hộ hữu biến, kích tu thanh lý" bên cạnh tử thi của người đệ tử thứ bảy tên là Mạc Thanh Cốc. Lập tức, người đệ tử thứ nhì là Dư Liên Châu mở cuộc điều tra và phát hiện ra Tống Thanh Thư, con trai của đại sư huynh Tống Viễn Kiều, đã học võ công thâm độc của phái Nga Mi, lại đi dòm lén phòng ngủ của các nữ đệ tử phái Nga Mi, bị Mạc Thanh Cốc phát hiện nên y đã giết Mạc Thanh Cốc để bịt miệng. Dư Liên Châu đã thi hành bản án "thanh lý môn hộ" cho phái Võ Đang ngay trong chùa Thiếu Lâm: dùng lục hợp kình bẻ gãy hai tay và dùng song quyền đánh vỡ xương sọ của phản đồ Tống Thanh Thư. Trương Vô Kỵ cứu chữa cho Thanh Thư, đưa về phái Võ Đang. Sau khi nghe Dư Liên Châu phúc bẩm tội trạng của Tông Thanh Thư, Trương Tam Phong giết luôn Thanh Thư và cách chức cả Tống Viễn Kiều vì tội không biết dạy con để còn làm những điều phi nhân, phi nghĩa.

Có những hào sĩ giang hồ không ở một môn phái, tôn giáo, bang hội nào nhưng ỷ mình võ công cao cường, luôn gây ra tội ác. Trong trường hợp đó, luật giang hồ cũng được thực thi rất sòng phẳng và tất nhiên, nhân vật chấp pháp và thi hành án là người tốt, nhân danh cái tốt để trừng trị cái xấu. Đó là trường hợp Bất Giới đại sư trừng trị gã Điền Bá Quang trong Tiếu ngạo giang hồ. Điền Bá Quang là tên dâm tặc, chuyên hãm hại lương gia phụ nữ nổi tiếng với 14 chữ "Giang dương đại đạo thái hoa dâm tặc vạn lý độc hành khoái đao" Điền Bá Quang. Một ngày nọ, hắn rình mò bên nhà một tiểu thư khuê các. Bất Giới hoà thượng đến gặp cha mẹ vị tiểu thư đó, bàn kế bắt và trừng trị Điền Bá Quang. Đêm ấy, vị hoà thượng nằm ngủ trong phòng cô tiểu thư, quả nhiên đêm khuya thì Điền Bá Quang đến giở trò hái hoa. Bất Giới bắt được hắn và khỏi cần tố tụng gì sất, nhà sư bèn xuyên vào bộ phận sinh dục của hắn hai mũi tụ tiễn, điểm đủ bảy trọng huyệt, cạo đầu hắn buộc hắn phải làm sư rồi đặt pháp danh cho hắn là Bất Khả Bất Giới (không thể không giới hạn). Cách thi hành án rung rợn như vậy khiến Điền Bá Quang không thể gian dâm được nữa, cũng không thể chạy mau như kiểu vạn lí độc hành trước đây. Quả nhiên, sau bản án này, Điền Bá Quang trở thành người tốt, một người tốt không làm ăn được gì!

Thủ tục tố tụng hình sự theo luật giang hồ phân biệt rõ rệt người trong môn phái và người ngoài môn phái; người biết luật và người không biết luật. Người trong môn phái đương nhiên phải biết luật nên chịu thi hành án nặng hơn; người ngoài môn phái không biết luật nên thường được coi là vô tội, đôi khi chỉ bị hình phạt nhẹ nhàng.

Người Trung Quốc yêu đạo Nho cho nên vẫn muốn thể hiện cái gọi là phong cách quân tử rõ ràng, công khai, thẳng thắn. Ngay trong luật tố tụng hình sự theo luật giang hồ, cái chất "quân tử Tàu" đó cũng được ca ngợi: môn phái, bang hội, tôn giáo nào dám nói rõ cái xấu, cái tội lỗi của mình ra thì được những người khác ca ngợi. Và trong trường hợp này, luật pháp được thực thi đến nơi đến chốn dù điều đó có làm cho môn phái, tôn giáo, bang hội mình phải mang nỗi nhục trước nhiều người chứng kiến. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung kể chuyện chùa Thiếu Lâm thi hành kỉ luật fối với Hư Trúc, một nhà sư trẻ phạm vào tội ăn mặn, uống rượu, ngủ với phụ nữ, mất hết võ công phái Thiếu Lâm lại đi làm đệ tử phái Tiêu Dao, trở thành cung chủ cung Linh Thứu. Hư Trục phải chịu đánh 100 côn và bị đuổi ra khỏi phái Thiếu Lâm trước sự chứng kiến của quần chúng các môn phái khác. Huyền Từ phương trượng là người đứng ra chủ trương ciệc thi hành án đó. Thế nhưng khi kéo quần của Hư Trúc xuống (để y chịu hình), nhờ có một dấu hiệu đặc biệt trên da, Diệp Nhị Nương mới biết đó là đứa con lưu lạc của mình và Huyền Từ phương trượng! Như vậy, Huyền Từ phương trượng đã phạm vào giới dâm và điều ấy làm cho cả phái Thiếu Lâm đau xót, xấu hổ. Nhưng để thể hiện phong cách quân tử minh bạch, Kim Dung đã để cho Huyền Từ phương trượng dõng dạc ra lệnh phạt Hư Trúc - con trai mình - đúng 100 côn rồi cởi áo ra tự nằm xuống, ra lệnh cho chấp pháp tăng đánh mình 200 côn. Phương trượng phải chịu hình phạt gấp đôi đệ tử! Chẳng những đã nặng gấp đôi về số lượng, Huyền Từ còn phải chịu nặng hơn về chất lượng: bọn chấp pháp tăng đánh Huyền Từ côn nào côn nấy ra trò. Họ sợ đánh nhẹ là bị quần hùng chê cười môn qui giới luật không nghiêm. Thụ hình xong 200 côn, Huyền Từ đứng dậy không nổi. Nhà sư đã tự vận kinh mạch mà chết để bảo vệ sự trong sáng cho phái Thiếu Lâm!

Ưu điểm cao nhất của luật tố tụng hình sự theo luật giang hồ là truy bắt, nghị án, ra bản án và thi hành án rất nhanh. Các phiên xử luôn luôn không có luật sư bào chữa, quyền lượng hình thuộc về người chấp pháp. Cơ sở thì hành án là đạo lý làm người, không căn cứ vào pháp lý của quốc gia. Những bản án của luật giang hồ được thực hiện công khai; không một ai có thể dùng tiền, dùng quyền, dùng thân thế để mua chuộc các vị chấp pháp. Những bản án bất thành văn đó hiện ra đều khắp trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung có những bản án nồng nàn đau đớn như bản án dành cho Huyền Từ phương trượng. Đọc Kim Dung ta thấy được một điều sảng khoái: công lý tự nhiên và đạo lý làm người được tôn trọng một cách triệt để. Đó cũng là khát vọng chung, rất nhân bản của các nền pháp luật trên toàn thế giới.

Những vụ án oan
NHỮNG VỤ ÁN OAN TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG

Án oan thì bao giờ chẳng có. Ngay trong những xã hội có nền pháp luật tiên tiến nhất, với sự giúp đỡ của những phương tiện điều tra tinh vi nhất, vẫn có những kết luận sai lầm của người chấp pháp, tạo ra những vụ án oan, huống chi trong tiểu thuyết. Khi viết tiểu thuyết, nhà văn Kim Dung đã khẳng định rằng: "Tiểu thuyết là viết cho con người hiện đại đọc. Kể cả tôi cũng là con người hiện đại". Điều đó có nghĩa là dù lấy bối cảnh là những triều đại lịch sử Tống, Nguyên, Minh, Thanh, nhưng tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung chủ yếu là phản ánh về xã hội Trung Quốc hiện đại, đặc biệt là những vụ án oan. Có lẽ Kim Dung đau niềm đau của hàng triệu người Trung Hoa trước những oan khuất mà họ phải gánh chịu những giai đoạn lịch sử khác nhau.

Kim Dung xây dựng bộ Liên thành quyết trên nền tảng câu chuyện oan ức có thật của Hoà Sinh, một lão bộc trong gia đình tác giả, đã từng cõng tác giả đi học. Thuở đôi mươi, Hoà Sinh đi làm mướn trong một gia đình địa chủ ở huyện Đơn Dương, tỉnh Giang Tô. Anh đã từng hứa hôn với một cô gái quê xinh đẹp. Thế nhưng, con của gã địa chủ cũng đem lòng yêu cô gái và hắn quyết tâm chiếm cho được cô gái đó. Trong một đêm cận Tết, khi Hoà Sinh đang giã bột thì nghe thấy tiếng người hô bắt trộm. Hoà Sinh chạy tới tiếp ứng nhưng khi đến nơi thì anh bị đám gia đinh chận đánh túi bụi, vu cáo anh là đồng đảng bọn trộm. Lưng anh bị đánh gãy. Người nhà của gã địa chủ còn tìm ra nhiều vàng bạc giấu gần cối xay. Anh bị giải lên quan, kêu oan không nổi, đành phải nhận tội ăn trộm. Ở tù hai năm, anh mới hay cô gái xinh đẹp đã trở thành vợ lẽ của con trai gã địa chủ.

Khi ông nội của Kim Dung về làm huyện lệnh chính đường Đơn Dương, ông cho tra cứu lại các vụ hình án, thấy được sự oan khuất của Hoà Sinh bèn thả Hoà Sinh ra. Hoà Sinh xin vào làm người giúp việc trong nhà Kim Dung và kể cho Kim Dung nghe vụ án oan của mình. Xúc động từ nỗi oan của Hoà Sinh, năm 40 tuổi, Kim Dung viết bộ Liên thành quyết. Trong tác phẩm này, nhân vật Địch Vân thương yêu cô sư muội Thích Phương, con gái của sư phụ Thích Trường Phát. Bị cha con Vạn Chấn Sơn vu cáo, Địch Vân phải vào tù chịu một vụ án oan và Thích Phương trở thành vợ của Vạn Khuê, con trai Vạn Chấn Sơn. Địch Vân phải mang nỗi oan khuất đó suốt mười mấy

năm, cho đến khi Thích Phương sắp chết, anh mới giải thích được cho cô nghe nỗi oan khuất của mình.

Có lẽ vụ án oan của Hoà Sinh tạo ra những ấn tượng lớn trong tâm hồn của Kim Dung cho nên trong bất kỳ bộ tiểu thuyết nào, ông cũng xây dựng những tình huống oan khuất và cho nhân vật trung tâm của mình phải gánh chịu những oan khuất đó. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, nhân vật Trương Vô Kỵ 20 tuổi, giáo chủ của Minh giáo Trung Hoa, con trai của Trương Thuý Sơn - đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong phái Võ Đang, bị nghi oan là giết vị sư thúc Mạc Thanh Cốc. Sở dĩ phái Võ Đang nghi oan Trương Vô Kỵ bởi vì anh là giáo chủ Minh giáo, đạo phái mà Võ Đang gọi là Ma giáo, và bởi vì bạn của anh là Triệu Mẫn, quận chúa Mông Cổ, kẻ thù lớn của nhất của võ lâm Trung Hoa và phái Võ Đang. Người đệ tử thứ hai của phái Võ Đang là Du Liên Châu căn cứ vào câu di chúc viết bằng máu của Mạc Thanh Cốc: "Môn hộ hữu biến, kích tu thanh lý" và cho rằng Mạc Thanh Côc ám chỉ Trương Vô Kỵ. Chàng trở thành kẻ thù của phái Võ Đang. Những bước thăng trầm của Trương Vô Kỵ khiến người đọc phải hồi hộp, lo lắng hộ chàng. Chỉ đến khi Trương Vô Kỵ điểm huyệt được bọn Du Liên Châu, tạo điều kiện cho những đệ tử phái Võ Đang nghe được chính miệng của Tống Thanh Thư, con trai của đại đệ tử Tống Viễn Kiều, kể lại thủ đoạn hắn học võ của phái Nga mi và giết sư thúc Mạc Thanh Cốc trong trường hợp nào thì các đệ tử của phái Võ Đang mới hết nghi ngờ Trương Vô Kỵ và nỗi oan của anh mới được rửa sạch.

Lệnh Hồ Xung trong Tiếu ngạo giang hồ cũng là một trường hợp hàm oan trầm trọng, và chỉ có cơ may của số phận mới cứu được mạng sống của anh. Lệnh Hồ Xung bị sư phụ Nhạc Bất Quần vu cáo là ăn cắp bộ Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm ở Phúc Châu, giết bạn đồng môn là Lục Đại Hữu, kết giao với bọn Ma giáo là dâm tặc Điền Bá Quang. Nhạc Bất Quần còn gởi thông báo tới các môn phái báo tin đã đuổi Lệnh Hồ Xung ra khỏi phái Hoa Sơn và nhờ các hào sĩ giang hồ ra tay giết hộ tên phản đồ Lệnh Hồ Xung. Sự thực thế nào? Chính Nhạc Bất Quần đã chiếm đoạt bộ Tịch tà kiếm phổ; Lao Đức Nặc giết hại Lục Đại Hữu; mối giao tình giữa Lệnh Hồ Xung và Điền Bá Quang chỉ là sự khâm phục phẩm chất thẳng thắn, khâm phục trình độ uống rượu mà thôi. Nhạc Bất Quần trút lên đầu Lệnh Hồ Xung nỗi oan khuất to lớn đó với mục đích duy nhất là nhờ giang hồ hảo hán giết tên đại đệ tử hộ mình để lão yên tâm luyện Tịch tà kiếm pháp, leo lên đại vị minh chủ võ lâm Trung Hoa.

Kiều Phong trong Thiên long bát bộ mới là trường hợp bi đát nhất. Ông vấn

là người Khất Đan bị đưa về Trung Quốc từ thủa mới nằm nôi, lớn lên ở Trung Quốc và trở thành bang chủ Cái bang, một tổ chứ yêu nước và tích cực chống Khất Đan. Một bọn đệ tử Cái bang phản loạn đã công bố lý lịch của Kiều Phong; ông mất ngôi Bang chủ, trở thành kẻ thù của quần hùng Trung Quốc. Ông bị vu cáo là bọn Khất Đan nằm chờ cơ hội dâng Trung Hoa cho đế quốc Khất Đan. Đau sót vì trời đất Trung Hoa mênh mông mà không thể tìm ra một nơi để sống, Kiều Phong ra ngoài Nhạn Môn quan, mong sống cuộc đời du mục săn chồn đuổi thỏ, sám hối những hành động chống Khất Đan của mình ngày xưa. Nhưng cơ duyên đã đưa đẩy ông cứu được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế Đại Liêu. Hồng Cơ phong ông làm Nam viện Đại vương và ra lệnh cho ông đem 20 vạn quân tiến qua Nhạn Môn Quan, đánh thẳng xuống Lạc Dương tiêu diệt Tống triều. Kiều Phong nghĩ đến chuyện trăm họ lầm than,nghĩ đến miếng cơm manh áo người Trung Hoa đã nuôi mình nên người, ông chống lại lệnh hành quân. Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh bắt nhốt ông, chụp cho ông chiếc mũ "tư thông với Hán tặc, phản bội Liêu quốc." Con người ngay thẳng, nhân hậu ấy cuối cùng phải tìm một khát vọng tự do bi thảm: bẻ gãy mũi tên chó sói, tự tử ngay Nhạn Môn Quan, sau khi đã xin Gia Luật Hồng Cơ một lời hứa vĩnh viễn không xâm lăng Trung Hoa. Cái chết đó đồng thời cũng là một lời tạ tội với Hồng Cơ và hàng triệu đồng bào Khất Đan của mình.

Thạch Phá Thiên trong Hiệp khách hành bị vu cáo là kẻ gây ra những vụ án cưỡng dâm, giết người ở phái Tuyết Sơn vì tướng mạo của chàng giống như đúc người anh ruột của mình là Thạch Trung Ngọc; Quách Tĩnh trong Xạ điêu anh hùng truyện bị các thầy của mình nghi ngờ là Hán gian làm gián điệp cho quân Mông Cổ; Dương Qua trong Thần điêu hiệp lũ bị vu oan là kẻ bắt cóc em bé Quách Tương, thoả hiệp với giặc Nguyên xâm lược...

Những nhân vật của Kim Dung đã trải qua thiên ma bách chiết mới được minh oan, rửa sạch nỗi nhục, lấy lại phẩm giá tươi đẹp của con người.

Kim Dung xây dựng những vụ án oan với một bút pháp tinh tế, một kỹ thuật tiểu thuyết sâu sắc. Ông dựng lên những hiện trường giả, những hồ sơ giả, những suy đoán thoạt nghe thì rất hợp lý nhưng thực sự rất phi luận lý, tạo điều kiện cho những nhân vật phản diện giết oan một con người. Tất nhiên bọn họ cũng nhân danh pháp luật quốc gia, chủ nghĩa Hán tộc, đạo lý làm người, tinh thần yêu nước...Rồi tác giả lật ngượclại vấn đề, chứng minh cho độc giả thấy toàn bộ các dữ kiện ấy chỉ là nguỵ tạo nên để những nhân vật chính quân tử của ông sáng lên rực rỡ giữa những kẻ đạo đức giả . Rồi đúng như mô thức tiểu thuyết phương Đông, cái hậu ngọt ngào đến ở cuối tác

phẩm: Địch Vân trở về với tình yêu của Thủy Sinh; Trương Vô Kỵ kẻ lông mày cho Triệu Mẫn; Lệnh Hồ Xung "Tiếu ngạo giang hồ" với Nhậm Doanh Doanh; Thạch Phá Thiên trở về với A Tú... Chỉ có Kiều Phong để lại giọt lệ vĩnh viễn trong lòng người: xác ông vùi sâu dưới Nhạn Môn Quan, dù nỗi oan khuất đã được rửa sạch.

Tứ di
Tứ di trong truyện võ hiệp Kim Dung

Tác phẩm tiểu thuyết không phải là tác phẩm nghiên cứu về nhân chủng học. Tuy nhiên không ai cấm cản 1 nhà văn đưa những kiến thức nhân chủng học vào 1 tiểu thuyết, đặc biệt là đối với 1 đất nước rộng lớn, kéo dài từ Đông Á qua Tây Á, tiếp giáp với châu Âu, kế cận với nhiều quốc gia và đa chủng tộc như đất nước Trung Hoa.Chính vì vậy nhà văn Trung Quốc Kim Dung đã đưa tứ di (bốn rợ) vào tác phẩm văn học của mình. Và ở điểm này ông đã thành công, vượt xa các nhà văn Trung Quốc tiền bối cũng như đương đại.

Từ năm 207 trước Công lịch, nhà Hán chiếm được "thiên hạ", thống nhất đất nước Trung Hoa. Tham vọng của Lưu Bang là tạo ra một nền thái bình Trung Hoa (Pax Sinnica), một nền thái bình trong sự cai trị của nhà Hán. Một số khái niệm được phối kết trong đó có từ Hán đứng đầu ra đời: Hán văn (văn chương Trung Hoa), Hán tự (chữ viết Trung Hoa), Hán tộc (dân tộc Trung Hoa), Hán tử (đàn ông Trung Hoa), Hán nhân (người Trung Hoa), Hán gian (người chống lại dân tộc Trung Hoa) …. Đặc biệt, Hán tộc tự cho phép mình đứng cao hơn các dân tộc khác. Họ gọi các dân tộc lân bang là Tứ Di. Tiểu thuyết võ hiệp của nhà văn Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử từ đời Bắc Tống đến đời Thanh. Trong tiểu thuyết của ông Tứ Di xuất hiện khá rõ nét. Chẳng hạn như trong tác phẩm Ỷ thiên Đồ long ký có chiêu kiếm Tứ di tân phục (4 rợ đều hàng). Chỉ 1 đường kiếm đánh ra 4 phương Đông, Tây, Nam, Bắc khiến kẻ địch phải nằm rạp xuống đất.

Phía Tây nước Trung Hoa có các dân tộc Tây Tạng (Tibet), Lâu Lan (Lobner), Thổ Lỗ Phồn (Tourfan), Đại Uyển (Ferganna), Sa Đà (Yarkand), Đại Nhục Chi (Indo Scythe), Ô Tôn (Sogoliane), Khang Cư (Boukhara ngày nay thuộc Turkestan). Phía Tây Nam và Nam Trung Hoa có Thiên Thiên (Shan Shan), Điền (Bài Di thuộc Vân Nam) Dạ Lang (thuộc Quý Châu), Nam man (Đại Việt), Tây Bắc có Tây Hạ, Bắc có Mông Cổ (Mongolia), Khất Đan (Kitan), Nga La Tư (Russie). Đông Bắc có Mãn Châu (Manchouri), Cao Ly (Koree). Phía Đông Trung Hoa là bờ biển không có dân tộc nào khác. Các nước Sở, Tề, Đông Ngô, Việt đã bị diệt vong, tất cả đều trở thành con dân Hán tộc ráo.

Trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp đầu tiên của mình, Kim Dung cũng đứng trên lập trường của Hán tộc, không khỏi có những cái nhìn sai lạc về những con người Tứ Di. Trong Liên Thành Quyết tức Tố Tâm Kiếm xây dựng hình ảnh một Huyết Đao Lão Tổ người Tây Tạng, theo Mật Tông (một trong 10 tông Phật giáo), xuống Trung Hoa, cực kỳ tàn bạo dâm ác. Kết cục của Huyết Đao Lão Tổ là chết một cách thảm thiết trên vùng núi tuyết Thiên Sơn, nhưng người thừa kế của lão - Địch Vân – thì lại được hưởng 1 cuộc sống hạnh phúc tốt đẹp. Lý do Địch Vân là 1 chàng trai Hán tộc, một thứ hoa sen "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Trong Xạ điêu anh hùng truyện và Thần điêu hiệp lữ, Kim Dung còn xây dựng một loạt những con người Tứ di: Thành Cát Tư Hãn, Đà Lôi, Hoa Tranh, Kim Luân Pháp Vương (Mông Cổ), Hoàn Nhan Liệt, Hoàn Nhan Khang (Nữ Chân, Mãn Châu). Những nhân vật Tứ di này đã bị Kim Dung làm cho méo mó. Tác giả đã tỏ ra rất ác cảm với hầu hết những nhân vật này. Cũng đúng thôi, họ đang là những con người vào xâm lăng đất nước Trung Quốc (rợ Kim đánh Nhà Tống, rợ Mông Cổ cướp ngôi vua, tuyệt duyệt nhà Tống). Dưới mắt nhìn của Kim Dung, con người thuộc các dân tộc Tứ di là những người huênh hoang khoác lác. Ỷ thiên Đồ long ký xây dựng nhân vật Tuyền Kiếm Nam, đệ nhất danh thủ điểm huyệt bằng phán quan bút của Cao Ly được Ngũ phụng bang mời lên đánh thuê trên núi Võ Đang. Ấy vậy mà chỉ cần một mình Trương Thuý Sơn của phái Võ Đang đánh cho vài chiêu, Tuyền Kiếm Nam đã cắm đầu chạy trốn. Quan điểm dân tộc của Kim Dung trong Liên Thành Quyết, Anh Hùng Xạ Điêu Truyện, Thần điêu hiệp lữ, Ỷ thiên Đồ long ký là quan điểm dân tộc hẹp hòi.

Thế nhưng, qua những tác phẩm sau đó dường như Kim Dung nhận ra cái nhìn sai trái của mình đối với Tứ di và ngòi bút của ông đã chuyển hẳn. Ông chợt thấy tất cả mọi con người thuộc mọi dân tộc đều có phẩm giá như nhau, không ai có quyền nhân danh Hán tộc để khinh khi người ngoài Hán tộc. Trong Thiên Long bát bộ, chính nhân vật A Châu, dòng Hán tộc đã nói: "làm người Trung Quốc thì chắc gì đã cao quý, làm người Khất Đan thì chắc gì đã thấp hèn'. Ông xây dựng 1 loạt nhân vật Tứ di: Gia Luật Hồng Cơ, Tiêu Phong (người Khất Đan), Hoàn Nhan A Cốt Đả (người Mãn Châu), Cưu Ma Trí (người Thổ Lỗ Phồn), công chúa Ngân Xuyên (người Tây Hạ), Đao Bạch Phụng (người Bài Di), Mộ Dung Phục (người Tiên Ty), và cả triều đình nước Đại Lý (Đoàn Dự, Đoàn Chính Thuần, Cao Thăng Thái…). Đọc Thiên Long bát bộ, ta bắt gặp một hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ trí dũng song toàn, đối đầu với ông là một Tống Triết Tôn ngu dốt và huênh hoang, một Tiêu Phong anh hùng ngay thẳng, một Hoàn Nhan A Cốt Đả kiêu hùng trên thảo nguyên. Những nhà tu ngoại quốc như Cưu Ma Trí (Thổ Lỗ Phồn),

Ba La Tinh, Triết La Tinh (Ấn Độ) ban đầu đến Trung Hoa với âm mưu đen tối, nhưng sau đó họ đã ngộ ra và trở thành những chân tu đắc đạo.

Nói cách khác quan điểm dân tộc của Kim Dung đã chuyển biến hết sức tích cực. Ông đã nhìn thấy cái dở của bọn vua quan nhà Tống, và đến khi viết Lộc Đỉnh ký thì lập trường của ông đã ngã hẳn sang triều Thanh, mặc dù dân tộc Mãn Châu đã mang tiếng là xâm lăng, chiếm ngai vàng và "thiên hạ" của triều Minh. 300 năm sau Kim Dung đã xây dựng lại một vua Khang Hy triều Thanh thông minh sáng suốt gấp trăm lần những vua triều Minh. Kim Dung nhận ra rằng cách cai trị của các vua Mãn tộc xuất sắc hơn cách cai trị của các vua Hán tộc. Dưới mắt nhìn của nhà tiểu thuyết Kim Dung, cuộc khởi nghĩa phản Thanh, phục Minh của các nhóm Thiên Địa hội, cuộc bạo loạn Hưng Minh thảo lỗ của Ngô Tam Quế đều là những trò phá rối chính trị, vô tổ chức và tất yếu phải diệt vong. Chính sử Trung Quốc cũng cho thấy rằng không có lực lượng nông dân nào ủng hộ 2 cuộc bạo loạn này, vua Khang Hy và triều đình nhà Thanh đã đại thắng. Nói cách khác, trong giai đoạn đó, người Trung Quốc Hán tộc cần những ông vua biết chăm sóc dân, đem lại cho họ cơm no áo ấm chứ không cần những ông vua Hán tộc hôn ám vô đạo. Lịch sử đào thải triều Minh để đưa những ông vua thuộc Di, Địch lên cai trị Trung Hoa là một vận hành tự nhiên và tất yếu.

Sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung khi tác giả nhìn về Tứ di một phần cũng xuất phát từ sự tiến bộ, lớn mạnh tất yếu của Tứ di. Mấy ngàn năm đất nước Trung Hoa ngủ mê trong tấm chăn quân chủ, đến khi họ mở mắt thức giấc thì đã thấy sức mạnh của vũ khí Tây phương kề bên cổ mình. Họ gọi người Nga, người Bồ Đào Nha, người Anh, người Hà Lan là Tây Dương quỷ, Hồng mao quỷ. Nhưng bọn "quỷ" đó đã làm cho người Hán tộc kinh hoàng, ký kết hiệp ước bất lợi này đến điều ước bất lợi khác. Chính Lỗ Tấn đã diễu cợt Hán tộc của mình với anh AQ có phép "thắng lợi tinh thần", nó đánh mình coi như đánh bố nó vì mình là bố nó. Lỗ Tấn mổ xẻ mạnh còn Kim Dung thì mổ xẻ sâu hơn. Tứ di trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung chính là những con người có đầy đủ phẩm giá, quyền sống và quyền làm người như bất kỳ một người Hán tộc nào. Đó cũng chính là tính nhân văn trong tác phẩm của Kim Dung.

"Luật hôn nhân"
"Luật hôn nhân" trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Từ 25 thế kỷ trước đây, người Trung Quốc đã quan niệm rằng gia đình là nền tảng của xã hội. Chính Khổng Tử đã phác hoạ ra tiến trình tu thân, tề gia, trị quốc: "Dục trị kỳ quốc giả, tiền tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân..." (Muốn trở thành người trị quốc, trước phải tề gia; muốn trở thành người tề gia, trước phải tu thân...). Trong khái niệm "tề gia", bao hàm khái niệm "lập gia" - tức hôn nhân để tiến tới xây dựng gia đình.

Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung lấy bối cảnh xã hội từ thế kỷ thứ 10 đến thời Khang Hy giữa thế kỷ thứ 17 nên những vấn đề hôn nhân, gia đình cũng được tác giả nhắc đến, dù không đậm nét. Chúng ta nhớ rằng ông tốt nghiệp cử nhân luật Đông Ngô pháp học viện (Thượng Hải) nên quan niệmj hôn nhân truyền thống đã từng là những điều mà ông đã được học. Và chính những điều đó trở thành những tình huống của những nhân vật được ông xây dựng trong tiểu thuyết võ hiệp.

Hôn nhân trong đời sống người Trung Quốc dưới các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh không chỉ thuộc phạm trù luật pháp mà còn thuộc phạm trù luân lý. Người Trung Quốc cho phép anh chị em cô cậu ruột (biểu huynh, biểu muội) có quyền yêu thương nhau và lấy nhau. Trong Thiên Long bát bộ, có một cặp biểu huynh biểu muội như vậy. Đó là anh chàng Mộ Dung Phục và cô nàng Vương Ngữ Yên. Mộ Dung Phục nguyên là người gốc Tiên Ty, nước Đại Yên, con của Mộ Dung Bác. Mộ Dung Bác có cô em ruột lấy một người đàn ông họ Vương ở Giang Nam, nước Tống. Bà sinh ra Vương Ngữ Yên. Vương Ngữ Yên là một cô gái thông minh, suốt đời không đi ra khỏi nhà, chỉ biết có biểu huynh của mình là Mộ Dung Phục. Cô say mê Mộ Dung Phục và lòng thầm mơ một ngày cùng se tơ kết tóc với hắn. Nhưng tham vọng của Mộ Dung Phục rất xa: hắn tin mình võ công cao cường, có bọn trợ thủ đắc lực, có thể lên ngôi vua để phục hồi nước Đại Yên. Khi Gia Luật Hồng Cơ, vua nước Đại Liêu, đánh xuống tận Biện Lương (Nam Kinh ngày nay) thì giấc mơ phục quốc của Mộ Dung Phục càng thêm sôi nổi. Cho nên nghe công chúa Ngân Xuyên nước Tây Hạ treo bảng chiêu phu hắn không quản ngại khó khăn ngàn dặm tìm qua Tây Hạ mong lọt vào mắt xanh của công chúa, trở thành phò mã nước Tây Hạ. Mà

có binh quyền nước Tây Hạ trong tay thì hắn có thể phục hồi nước Đại Yên. Thế nhưng, Vương Ngữ Yên chỉ sợ biểu ca bỏ rơi mình, chạy theo nhan sắc của công chúa Tây Hạ. Cô nhờ anh chàng dại gái, si tình Đoàn Dự phá giấc mơ của Mộ Dung Phục. Mộ Dung Phục không nghe lời cô khiến cô phải nhảy xuống giếng tự tử. Trong đáy giếng, cô gặp Đoàn Dự. Và lần đầu tiên trong đời, Vương Ngữ Yên nhân ra rằng chỉ có anh chàng Đoàn Dự mới là người yêu thương mình, rằng Mộ Dung Phục - biểu ca của cô chỉ là một con người phù phiếm. Tại đây, cô ngỏ lời thương yêu Đoàn Dự, quên mất anh chàng biểu ca.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký cũng có một cuộc tình biểu huynh, biểu muội như vậy. Đó là cặp Vệ Bích và Chu Cửu Chân. Họ thương yêu nhau, đi đâu cũng có đôi có cặp nhưng đối xử với người khác rất tàn bạo. Kim Dung không nói rõ mối tình đó có thành hay không. Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, Trương Vô Kỵ và Hân Ly là biểu huynh, biểu muội. Lứa đôi này cũng lỡ yêu nhau và Trương Vô Kỵ còn hứa lấy Hân Ly làm vợ nữa. Nhưng cô Hân Ly luyện môn Thiên châu vạn độc thủ, khuôn mặt biến dạng trở thành xấu xí. Cô đành rút lui khỏi cuộc tình, trả chàng Vô Kỵ lại cho quận chúa Mông Cổ Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ tức Triệu Mẫn.

Chẳng những biểu huynh, biểu muội đã được yêu nhau, lấy anh chị em đồng tông (cùng một ông tổ, một họ) tức đường huynh, đường muội cũng được lấy nhau. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung dàn một kịch bản tình yêu khiến người đọc muốn nín thở và cách mở nút để giải quyết vấn đề của ông cũng rất tài tình khiến người đọc cảm thấy đồng tình. Đó là mối quan hệ của Đoàn Dự với Mộc Uyển Thanh, Vương Ngữ Yên, Chung Linh.

Nguyên Đoàn Chính Thuần, em ruột của Đoàn Chính Minh, hoàng đế nước Đại Lý (Vân Nam ngày nay) là một gã vương gia trăng hoa. Lão có vợ chính thức là Đao Bạch Phụng, người dân tộc Bài Di (thuộc bộ tộc Thiện Thiện - Shan Shan, giáp biên giới Myanmar ngày nay). Đao Bạch Phụng sinh ra Đoàn Dự. Đoàn Chính Thuần trong những lần về Trung Quốc, đã quan hệ với vợ của Chung Vạn Cừu sinh ra Chung Linh; với Tần Hồng Miên sinh ra Mộc Uyển Thanh; với Vương phu nhân sinh ra Vương Ngữ Yên; với Nguyễn Tinh Trúc sinh ra A Tử và A Châu... Đoàn Dự lớn lên nào hay những mối trăng hoa ấy, đã gặp gỡ và thương yêu những Mộc Uyển Thanh, Chung Linh, Vương Ngữ Yên. Đoạn tiểu thuyết khiến người đọc nín thở nhất là đoạn Đoàn Diên Khánh, kẻ đồng tông với Đoàn Chính Minh và Đoàn Chính Thuần muốn chơi khăm hoàng gia nước Đại Lý, bắt Đoàn Dự và Mộc Uyển Thanh nhốt chung vào một nhà đá. Lão nghĩ họ là anh em cùng cha

khác mẹ nên trộn Âm dương hoà hợp tán, một loại thuốc kích dục thật mạnh, cho anh em Đoàn Dự - Mộc Uyển Thanh làm trò loạn luân để bọn giang hồ đến chứng kiến! Mộc Uyển Thanh không kềm chế được dục vọng nhưng Đoàn Dự nhờ thấm nhuần đạo Nho, đạo Phật nên vẫn giữ được sự trong sáng cho em gái, cho mình. Nhưng chàng trai si tình, dại gái này thật sự tuyệt vọng khi khám phá ra cả ba người mình yêu mến: Vương Ngữ Yên, Mộc Uyển Thanh, Chung Linh đều là ... thân muội (em ruột).

Làm sao cứu vãn được những mối tình thơ ngây đó? Kim Dung đã giải quyết thế này: ông chuyển họ từ thân huynh, thân muội trở thành đường huynh, đường muội. Ông kể lại một chuyện hai mươi năm trước. Lúc bấy giờ Thái tử Đoàn Diên Khánh tranh ngôi vua nước Đại Lý với Đoàn Chính Minh không được, bản thân lại bị thương nặng, nằm thoi thóp dưới cội bồ đề trước một ngôi chùa ở thành Côn Minh chờ chết. Cũng thời điểm đó, bà Đao Bạch Phụng khám phá ra đức ông chồng Đoàn Chính Thuần của mình là một gã trăng hoa, đã chung chạ với nhiều người đàn bà khác. Mà như trên tôi đã giới thiệu, Đao Bạch Phụng là người Bài Di (không thuộc dân tộc Trung Hoa) nên cái nhìn của bà về khái niệm tiết trinh rất...Bài Di, nghĩa là rất thoáng. Bà nghĩ chồng mình đã ăn chả, thì bà phải ăn nem để trả thù. Và bà đã đem tấm thân vương phi cao quý của nớc Đại Lý hiến dâng cho gã đàn ông nằm thoi thóp dưới cội bồ đề kia.

Thiên Long tự ngoại
Bồ đề thụ hạ
Viễn phương hành khất
Trường phát Quan Âm
(Ngoài chùa Thiên Long
Dưới gốc bồ đề
Hành khất phương xa
Quan Âm tóc dài...)

Gã ăn mày Đoàn Diên Khánh đã thụ hưởng hạnh phúc trời cho, cái hạnh phúc mà gã chẳng bao giờ dám mơ tới. Gã không biết người áo trắng, tóc dài đến với mình, ân ái với mình là ai. Nhưng gã đã nghe bà đọc bốn câu thơ đó khi ân ái với gã. Vâng, kết quả của chuyện tình bên đường đó là một cậu quý tử ra đời: Đoàn Dự. Vậy thì, Đoàn Dự chỉ là con hờ của Đoàn Chính Thuần. Mà quả thật, Đoàn Chính Thuần không có gène sinh con trai. Sau này trước khi chết, bà Đao Bạch Phụng mới đọc bồn câu thơ bí hiểm đó cho Đoàn Diên Khánh nghe để Đoàn Diên Khánh nhận ra con mình. Và còn kề tai dặn nhỏ Đoàn Dự: "Vương cô nương, Mộc cô nương, Chung cô nương... ngươi

thích ai, cứ lấy người đó". Nói cách khác, giữa Đoàn Dự và ba vị cô nương kia chỉ là anh em đường huynh, đường muội. Và họ có quyền lấy nhau, luật pháp và luân lý không hề cấm cản. Họ cùng chung họ Đoàn ở Vân Nam hết ráo!

Kim Dung sử dụng lăng kính pháp luật cổ điển để soi rọi quan hệ tình cảm của các nhân vật trong tiểu thuyết của mình. Ông cho biểu huynh, biểu muội; đường huynh, đường muội cứ yêu nhau và lấy nhau thoải mái. Và lúc bấy giờ cũng không ai cấm đa thê. Thậm chí một gã Đa Long dốt nát, làm chức Tổng quản thị vệ triều Khang Hy cũng có đến tám vợ. Đa Long thú nhận với Vi Tiểu Bảo rằng lão yêu đệ bát phòng (bà thứ tám) nhất bởi vì hình như bà mới chỉ 17 hay 18 tuổi gì đó! Học theo phong cách Đa Long, Vi Tiểu Bảo có được bảy vợ: Kiến Ninh công chúa, Tô Thuyên, A Kha, Song Nhi, Tăng Nhu, Mộc Kiếm Bình, Phương Di. Đó là chưa nói chuyện lăng nhăng của gã với công chúa Nga La Tư Tô Phi Á.

Có một dạng hôn nhân khác cũng khiến cho người ta suy nghĩ, kinh dị nhưng không bị cấm cản: con làm vợ thay mẹ. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung kể chuyện Hân Lê Đình phái Võ Đang đã hứa hôn với cô Kỷ Hiểu Phù phái Nga Mi. Thế nhưng, Quang Minh tả sứ của Bái hoả giáo Trung Hoa là Dương Tiêu thấy Kỷ Hiểu Phù xinh đẹp, đã cưỡng hiếp Hiểu Phù. Hiểu Phù có mang, sinh ra con gái đặt tên là Dương Bất Hối (không hối hận). Sư phụ của Hiểu Phù biết được chuyện đó, buộc Hiểu Phù phải giết con gái. Nhưng Hiểu Phù không thể giết con được. Cô bị sư phụ đánh chết; Dương Bất Hối được Trương Vô Kỵ cứu đi, đưa về Quang Minh đỉnh (đỉnh Pobedy) trên núi Thiên Sơn, đoàn tụ với Dương Tiêu. Trên đường giang hồ, Dương Bất Hối gặp Hân Lê Đình. Khi ấy Hân Lê Đình đã bị trọng thương nằm một chỗ và Bất Hối mới chỉ 15 tuổi. Hân Lê Đình thấy mặt Bất Hối, tưởng tượng ra khuôn mặt Kỷ Hiểu Phù vì cô rất giống mẹ. Dương Bất Hối đành xin phép giáo chủ Trương Vô Kỵ và cha mình là Dương Tiêu, được thay mẹ mình làm vợ Hân Lê Đình để chuộc lại lỗi lầm của cả cha và mẹ ngày xưa. Vụ làm vợ Hân Lê Đình của cô khiến ngạch trật có vẻ lộn xộn: bình thường Vô Kỵ gọi cô là muội (em gái) nay phải gọi cô là thẩm thẩm (bà thím). Nhưng lộn xộn cũng chẳng sao, cuộc hôn nhân đó không vi phạm pháp luật phong kiến và đạo lý làm người.

Nói như vậy có nghĩa là nếu có một cuộc hôn nhân hợp với pháp luật mà không hợp với đạo lý thì người ta cũng cấm cản, khinh bỉ, lên án. Trong bộ Thần điêu hiệp lữ, Kim Dung đã xây dựng một bi kịch như vật mà hai nhân vật chính là Tiểu Long Nữ và Dương Quá. Tiểu Long Nữ là đệ tử phái Cổ

Mộ, lớn lên trong động đá ở núi Chung Nam, hoàn toàn không hiểu những quy định của thế tục. Năm cô 17 tuổi thì chàng trai Dương Qua chạy vào cổ mộ để tránh sự truy sát của phái Toàn Chân, Tiểu Long Nữ coi Dương Qua là đồ đệ, đồng thời là bạn. Cô dạy cho Dương Qua học võ công; Dương Qua mặc nhiên coi cô là sư phụ của mình. Ba năm sống bên nhau, họ thầm yêu thương, nhưng chẳng ai dám nói lên lời thương yêu. Thế rồi Tiểu Long Nữ bị Doãn Chí Bình, đạo sĩ phái Toàn Chân cưỡng hiếp. Cô gái thơ ngây cứ nghĩ là Dương Qua đã ân ái với mình, lòng vừa thẹn vừa giận. Hai người tẻ trung đó ban tẩu giang hồ, hành hiệp cứu đời; giúp vợ chồng Hoàng Dung, Quách Tĩnh kháng chiến giữ thành Tương Dương, đánh quân xâm lược Mông Cổ. Nhưng cả Hoàng Dung, Quách Tĩnh và bọn hào sĩ giang hồ đều khinh bỉ mối quan hệ Dương Qua - Tiểu Long Nữ bởi vì họ cho rằng thấy trò yêu nhau là vi phạm đạo đức trầm trọng. Cả hai thầy trò đều muốn bỏ ra đi, tìm một thế giới khác không có luân lý, đạo đức khắt khe. Nhưng rồi Tiểu Long Nữ khám phá ra được sự thâtkj về chuyện cô thất trinh với Doãn Chí Bình. Đau lòng vì thấy mình không còn xứng đáng với Dương Qua, cô bỏ đi biền biệt. Và Dương Qua cũng bỏ ra một đời đi tìm hình bóng cô.

Lứa đôi đó yêu nhau say đắm, nồng nàn nhưng không thể sống thành vợ chồng vì hàng rào luân lý, đạo đức. Nhiều người đã ca ngợi nhà văn Kim Dung can đảm khi xây dựng mối tình của cặp nhân vật này. Ông đã lội ngược dòng nước luân lý của đạo Khổng, khi đạo Khổng đưa ra định đề "quân, sư, phụ" (vua, thầy và cha). Đó chính là bi kịch tình yêu của tuổi trẻ thời phong kiến. Lứa đôi đó về đâu, không ai biết, kể cả tác giả. Nhưng thôi, tìm hiểu sâu thêm nữa làm gì khi tiểu thuyết chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Thiên Long bát bộ và luật tục thảo nguyên

Thiên Long bát bộ là bộ phim nhiều tập hiện đang nổi tiếng, được nhiều người say mê, được chuyển thể từ tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung. Trong tiểu thuyết, Thiên Long bát bộ còn có tên là Lục mạch thần kiếm truyện. Bộ tiểu thuyết đồ sộ gồm 16 cuốn này được đặt trong bối cảnh lịch sử Trung Hoa từ thời Tống Anh Tôn (1063 - 1065) đến hết thời Tống Triết Tôn (1085 - 1099), liên quan đến những diễn biến lịch sử của bốn nước gồm Tống, Đại Lý, Tây Hạ và Khất Đan. Trong phạm vi của bài nghiên cứu này, tôi xin giới thiệu với các bạn về đế quốc Khất Đan và những luật tục trên thảo nguyên do đế quốc Khất Đan quy định được Kim Dung phản ánh qua Thiên Long bát bộ.

Năm 936, Thạch Kính Đường, người bộ tộc Sa Đà (Chata), phò mã của nhà Hậu Đường làm trấn thủ Hà Đông, chiếm đất nhà Hậu Đường lên ngôi, mở ra nhà Hậu Tấn. Thạch Kính Đường thờ Khất Đan như cha, cắt 16 châu thuộc đất Yên Vân (Sơn Tây và Hà Nam bây giờ, trong đó có cả thành Bắc Kinh) dâng cho Khất Đan. Khất Đan trở thành một đế quốc hùng mạnh ở Đông Bắc Trung Quốc, bao gồm cả vùng Mãn Châu (phía Bắc) và lưu vực sông Hoàng Hà (phía Nam), vùng Nhiệt Hà (phía Tây), kéo dài đến biên giới Triều Tiên (phía Đông). Kinh đô Khất Đan là Thượng Kinh; gọi Bắc Kinh ngày nay là Nam Kinh hay Yên Kinh (kinh đô cũ nước Yên) hay U Đô (kinh đô châu U). Vua Khất Đan tự gọi đất nước mình là Liêu Quốc, quy tập các bộ lạc Ô Ngổi, Ba Đức, Bắc Khắc, Nam Khắc, Thất Vị, Mai Cổ Tất, Ngũ Quốc và Ô Cổ Lạc. Thuộc quốc của đế quốc Khất Đan gồm 59 nước, trong đó có các nước lớn là Triều Tiên, Thổ Cốt Hồn, Thổ Phồn, Đột Quyết, Đảng Hạng, Sa Đà, Ba Tư, Đại Thực, Tân Giới, Hồi Cốt, Cao Xương, Tây Hạ, Vu Điền, Đôn Hoàng... Mười sáu châu Yên Vân của Trung Quốc "trả nợ" cho Khất Đan bao gồm các châu lớn như A, Thuận, Đàn, Trác, Dịch, Kế, Bình, Thước, Doãn, U... Liên tiếp ba triều đại Trung Quốc gồm Tấn, Tống, Chu nhiều phen chinh phạt nhưng không lấy lại được đất Yên Vân.

Người Khất Đan sống du mục, có chữ viết và tiếng nói riêng. Khi sát nhập Yên Vân vào đế quốc, người Khất Đan cũng viết chữ Hán và nói tiếng Hoa (tiếng Bắc Kinh - tức Quan thoại). Cho đến khi nhà Bắc Tống (960 - 1126) lên cai trị Trung Hoa, giữa biên giới Tống - Liêu chỉ có một con đường qua

lại. Đó là Nhạn Môn Quan. Nhạn môn quan là một sơn đạo hiểm trở thuộc phủ Đại Đồng (Sơn Tây), được phía Trung Hoa xây làm cửa ải, chỉ có bầy chim nhạn tránh tuyết hàng năm mới bay qua được, Nhạn môn quan đã để lại cho văn học Đường-Tống hàng ngàn bài thơ của các nhà thơ cảm xúc về chinh chiến, quan ải, nỗi khổ của những mối chia ly vì chinh chiến, góp phần tạo nên trường phái Biên tái trong lịch sử Trung Quốc.

Thiên Long bát bộ của Kim Dung tập trung phản ánh về vấn đề dân tộc và những xung đột chiến tranh giữa hai nước Tống-Liêu mà cái trục chính vẫn là nhân vật Tiêu Phong. Tiêu Phong nguyên là người Khất Đan, bị đưa về Trung Quốc từ khi còn lọt lòng, lớn lên có cái tên là Kiều Phong, làm đến chức Bang chủ Cái bang, một bang phái lớn nhất của võ lâm Trung Hoa. Nhưng thuộc hạ của ông đã tìm mọi cách công bố cái lý lịch Khất Đan của ông. Ông bỏ ra đi, chỉ muốn về bên kia Nhạn Môn quan làm một người Khất Đan bình thường săn chồn đuổi thỏ trên thảo nghuyên mênh mông. Số phận đau thương đã khiến ông giết lầm người tình yêu dấu là Đoàn A Châu (dân tộc Hán) và phải bảo bọc cho Đoàn A Tử, em ruột A Châu. A Tử bị thương năng, ông phải bồng cô ra Trường Bạch Sơn tìm xương cọp, mật gấu, nhân sâm chữa trị cho cô. Rồi ông kết bạn với Hoàn Nhan A Cốt Đả, người bộ tộc Nữ Chân (Mãn Châu - sau thành hoàng đế của Kim Quốc) và bắt được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế của Đại Liêu, người đứng đầu các bộ tộc Khất Đan...

Là một nhà tiểu thuyết tốt nghiệp cử nhân luật, Kim Dung đã nghiên cứu và đưa vào Thiên Long bát bộ những luật tục trên thảo nguyên, diễn ra giữa hai đế quốc Tống - LIêu. Kiến thức về luật tục học của ông rất phong phú, điều mà ta khó tìm thất trong tác phẩm văn chương và lịch sử của bất kỳ một tác giả Trung Hoa nào khác.

Đối với người đàn ông Khất Đan, luật tục buộc phải xăm hình con chó sói (lang hình) lên ngực từ thủa sơ sinh. Hình con chó sói chứng tỏ nguồn gốc dân tộc Khất Đan của người mang nó, thay vì giấy thông hành hay sơ yếu lý lịch. Người đàn ông Khất Đan nhận ra nhau khi cởi áo khoe hình con sói xanh. Ngay đến khi bị quân lính nhà Tống giết, họ cũng cởi áo ra, hướng về phương Bắc, hú lên những tiếng như chó sói tru trước khi từ giã cuộc sống. Chính Tiêu Phong cũng có một hình chó sói xanh trước ngực như vậy và đến năm 30 tuổi, ông mới biết mình thuộc dân tộc Khất Đan.

Hai nước giao tranh trên trăm năm, người nước này tỏ ra khinh miệt người nước kia và ngược lại. Người Tống gọi người Khất Đan là bọn chó Liêu

(Liêu cẩu); người Khất Đan gọi người Tống là bọn heo Tống (Tống trư). Quân lính hai bên tha hồ thâm nhập biên giới cướp bóc tài vật, gia súc; bắt bớ đàn bà và trẻ con. Những gì cướp được, bắt được với quân Tống thì phải trình lên tướng chỉ huy để được thưởng, với quân Liêu thì được hưởng trọn. Đó là luật tục chiếm hữu, được hai bên gọi bằng một thuật ngữ rất nhẹ nhàng: kiếm lương thảo. Không biết bao nhiêu phụ nữ và trẻ em đã bị chiếm đoạt tình dục, bị buộc làm nô lệ và vùi thây xung quanh Nhạn Môn quan.

Tuy nhiên, không phải ai bị bắt cũng bị giết. Muốn khỏi bị giết, phải có thục kim. Trên thảo nguyên, có luật tục đưa tiền bạc, tài sản chuộc mạng; số tiền bạc tài sản lớn hay nhỏ là do đôi bên trả giá thương lượng với nhau. Người Khất Đan tuân thủ tuyệt đối luật tục này. Thiên Long bát bộ của Kim Dung có đoạn thuật lại truyện Tiêu Phong và A Cốt Đả đi săn, tình cờ bắt được một người Khất Đan mặc áo hồng rất sang trọng. Người ấy thương lượng với Tiêu Phong, xin trả 3 xe vàng, 30 xe bạc, 300 con ngựa quý. Phả Lạp Thục, cha của A Cốt Đả, đề nghị Tiêu Phong đòi gấp 10 lần: 30 xe vàng, 300 xe bạc, 3000 ngựa quý. Tiêu Phong thương người đàn ông Khất Đan anh hùng, buông tha y mà không đòi một khoản thục kim nào. Một thời gian sau, người ấy đem tặng cho Tiêu Phong 5000 lượng vàng, 50000 lượng bạc, 1000 trâu béo, 5000 cừu, 3000 ngựa quý. Hoá ra, kẻ bị bắt và được Tiêu Phong tha mạng là đương kim hoàng đế Đại Liêu, tên thật là Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ về đến Thượng Kinh rồi, vẫn giữ lời hứa đem thục kim qua bộ lạc Nữ Chân trả cho Tiêu Phong dưới dạng quà tặng.

Như trên đã giới thiệu, Khất Đan có văn tự riêng, lại biết luôn cả tiếng Hoa. Thế nhưng, đối với người Khất Đan, một lời hứa còn nặng hơn cả chục tờ hoà ước được viết bằng văn tự. Luật tục Khất Đan đặt ra khẩu ước (hứa miệng) và triệt để trung thành với lời hứa này. Khi Gia Luật Hồng Cơ lên ngôi hoàng đế Đại Liêu thì Triệu Hú cũng đang ở ngôi hoàng đế Đại Tống (1085 - 2099). Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung thuật truyện Gia Luật Hồng Cơ bị Đoàn Dự (hoàng đế Đại Lý) và Hư Trúc (phò mã Tây Hạ) bắt giữ ngay tại Nhạn Môn quan, trước mặt Tiêu Phong. Thay vì đòi khoản thục kim; Tiêu Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc chỉ mong Gia Luật Hồng Cơ cho một khẩu ước: "Suốt đời, Gia Luật Hồng Cơ sẽ không đem binh mã vượt Nhạn môn quan để lấn áp Tống triều". Gia Luật Hồng Cơ đã bẻ mũi tên chó sói, đọc khẩu ước đó trước sự chứng kiến của quân Liêu, quân Tống, Đoàn Dự, Hư Trúc và Kiều Phong. Và quả nhiên, trong suốt giai đoạn Hồng Cơ trị vì, không mọt người Khất Đan nào vượt qua Nhạn Môn quan để gây chiến với quân nhà Tống.

Còn một luật tục khác xem ra rất dã man. Đó là luật tận sát. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung thuật lại cuộc binh biến trong nội tình Khất Đan: Gia Luật Trọng Nguyên và con trai là Gia Luật Niết Lỗ Cỗ nổi loạn; chiếm ngôi của Gia Luật Hồng Cơ. Tướng sĩ hai bên đánh nhau, xác nằm chật cả thảo nguyên, trong đó có những người bị thương nằm rên la thảm khốc. Thay vì đem những kẻ bị thương về cứu chữa, mỗi bên lai có một toán quân áo đen cầm vũ khí ra trận để giết hết những thương binh bên mình. Giết xong, hai toán quân áo đen lại đánh nhau thêm trận cuối. Thảo nguyên Khất Đan thật đau thương: chỉ có người chiến thắng lành lặn trở về mới được coi là chiến binh. Kẻ chiên thắng nào bị thương vẫn phải chết, không phải dưới vũ khí của kẻ thù mà là dưới vũ khí của đồng đội mình. Đối với dân tộc Khất Đan, người chiến thắng mới là anh hùng, mới là người có chính nghĩa.

Kim Dung là người Hán tộc. Người Hán tộc vẫn tự cho mình là một chủng tộc cao quý, gọi các dân tộc bốn phương là Tứ di. Họ luôn tỏ ra khinh bỉ các dân tộc lân bang. Nhưng qua Thiên Long bát bộ, Kim Dung nhận ra một điều: quân đội các bộ tộc Khất Đan và Nữ Chân kiêu dũng, thiện chiến và không tàn bạo như quân đội của Tống triều, phẩm chất nhân ái bao dung của "con chó Khất Đan" Tiêu Phong vượt xa những lãnh tụ Trung Hoa cao quý. Rõ ràng, quan điểm dân tộc của ông rất tiến bộ. Tất nhiên, sau này những cộng đồng Khất Đan, Nữ Chân, Thổ Phồn, Đột Quyết... đều sát nhập vào cộng đồng Trung Hoa, không người Hán tộc nào mạt sát họ là man di mọi rợ nữa. Điều này phản ánh từ một quan điểm chính trị hơn là một nhận thức nhân bản xuất phát từ phẩm giá làm người.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Bang giao Tống-Liêu nhìn qua Thiên Long bát bộ

Ở thời điểm năm 1063, Liêu tức Khất Đan đã trở thành một đế quốc hùng mạnh vùng Đông Bắc Trung Hoa. Người Khất Đan sống du mục, kinh tế chủ yếu là chăn nuôi và trồng trọt, có ngôn ngữ riêng, văn tự riêng. Khi sát nhập Yên Vân vào đế quốc, người Khất Đan có thêm tiếng Hoa làm chuyển ngữ. Biên giới Tống-Liêu kéo dài mấy ngàn dặm, trong đó con đường xung yếu nhất là Nhạn môn quan, một sơn đạo hiểm trở thuộc phủ Đại Đồng, Sơn Tây. Nhạn môn quan là con đường chinh chiến, đã từng là bãi chiến trường núi xương sông máu giữa hai dân tộc Tống-Liêu từ năm 960 đến năm 1126, đã để lại trong lịch sử văn học Trung Hoa hàng ngàn bài thơ mang màu sắc biên tái đau thương...

Thiên Long bát bộ hư cấu một nhân vật anh hùng Khất Đan là Tiêu Phong. Tiêu Phong bị bắt về nước Tống từ thủa nhỏ, đến năm 30 tuổi, trở thành Bang chúa Cái bang, thống lãnh quần hùng Cái bang Tống triều chống lại người Khất Đan. Ông bị bọn thuộc hạ tố cáo lý lịch Khất Đan, phải bỏ nước Tống trở về nước Liêu. Tại đây, ông kết bạn với Hoàng Nhan A Cốt Đả, người bộ tộc Nữ Chân (sau này là vua của Kim Quốc - tức Mãn Châu), rồi kết bạn cùng Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế nước Đại Liêu. Ông được Hồng Cơ phong làm Nam viện đại vương trấn thủ Nam Kinh (tức Bắc Kinh ngày nay), cai trị 16 châu Yên Vân, chờ ngày đánh qua Nhạn môn quan, tiêu diệt triều Tống...

Gia Luật Hồng Cơ là một ông vua đầy hùng tâm tráng chí của đế quốc Khất Đan, một nhân vật có thực được nhắc đến rất nhiều trong lịch sử. Ông nội của Gia Luật Hồng Cơ lên ngôi làm Đại Liêu hoàng đế, xưng là Thánh Tôn. Thánh Tôn tên thật là Gia Luật Long Tự, có hai con trai: Gia Luật Tôn Chân hiền hoà trung hậu và Gia Luật Trọng Nguyên kiêu dũng, giỏi binh cơ. Thánh tôn qua đời, truyền ngôi cho Tôn Chân nhưng hoàng hậu Đại Liêu lại yêu con thứ Trọng Nguyên nên sửa chữa chiếu chỉ, định lập Trọng Nguyên làm hoàng đế. Trọng Nguyên thương anh ruột, nói rõ âm mưu đó cho anh hay. Tôn Chân lên ngôi, cảm kích tấm lòng của người em, lập Trọng Nguyên lên làm Hoàng thái đệ, định sẽ truyền ngôi cho em. Tôn Chân lên ngôi, hiệu là Hưng Tôn. Hưng Tôn chết, ngôi vua không truyền cho Hoàng thái đệ mà truyền cho con ruột là Gia Luật Hồng Cơ. Gia Luật Hồng Cơ

phong cho chú Trọng Nguyên làm Thiên hạ binh mã Đại nguyên soái, phong cho con Trọng Nguyên là Gia Luật Niết Lỗ Cỗ làm Sở vương, tước hiệu Nam viện đại vương. Hai cha con Trọng Nguyên và Niết Lỗ Cỗ thừa dịp Hồng Cơ đi xuống phương nam làm cuộc binh biến chiếm ngôi vua Đại Liêu.

Đó là chính sử của Đại Liêu. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung để cho nhân vật Tiêu Phong giúp Gia Luật Hồng Cơ dẹp cuộc binh biến, bắt được Trọng Nguyên, giết chết Niết Lỗ Cỗ, được Gia Luật Hồng Cơ phong làm Nam Viện đại vương, cai quản phần đất Yên Vân...

Cũng ở thời điểm này, Triệu Hú, một gã thiếu niên mới 18 tuổi, lên ngôi vua ở Nam triều tức Tống Triết Tôn (1085-1099). Trước đời Triệu Hú, các vua Tống đã áp dụng Biến pháp của tể tướng Vương An Thạch (thường được gọi là phe Tân đảng) và những phép Thanh miêu, Bảo mã, Bảo giáp tạo nên một nền cai trị hà khắc. Khi Triệu Hú lên ngôi, bà Cao thị là Hoàng thái hậu buông rèm nhiếp chính 9 năm, áp dụng đường lối chính trị khoan hoà của Tư Mã Quang (thường được gọi là phe Cựu đảng) không gây chiến tranh, phòng thủ nghiêm ngặt, chờ cho Liêu quốc đại biến. Tư Mã Quang là tác giả của bộ Tư trị thông giám, cuốn sách đúc kết kinh nghiệm thịnh suy của ngàn năm xây dựng các đế chế Trung Hoa trước đó. Chính là đường lối khoan hoà của Cao thị đã làm cho đế quốc Khất Đan phải nể sợ. Tể tướng nước Liêu khen Hoàng thái hậu: "Từ khi Thái hậu Đại Tống buông rèm nghe chính sự, chiêu nạp danh thần, bài trừ chính trị hà khắc, trong suốt chín năm triều đình hưng thịnh, trăm họ yên vui". Thế nhưng, gã Triệu Hú là một ông vua hiếu chiến. Khát vọng của Triệu Hú là được một ông vua thực sự, đánh nhau với Liêu quốc. Cho nên khi Cao thị vừa băng hà, Triệu Hú đã áp dụng ngay các Biến pháp của phe Tân đảng, tin dụng bọn nội giám Nhạc Sĩ Tuyên, Lưu Duy Giản, Lương Tòng Chánh, triệt hạ phe Cựu đảng. Năm 1093, Triệu Hú giáng chức Đại học sĩ Tô Thức (Tô Đông Pha), đưa Tô đi làm tri phủ Định Châu. Khi ra đi, Tô Thức dâng biểu có đoạn: "Hạ thần e rằng hành động cấp tiến chỉ là tấm lòng nông nổi của những người vụ lợi, nên xin dâng bản tấu này, kính mong bệ hạ thận trọng canh cải tân pháp thời phúc cho xã tắc và may cho thiên hạ vậy". Triệu Hú giận, giáng luôn Tô Triệt, Đoan Minh Đại học sĩ đi làm Tri phủ Nhữ Châu. Đại thần Phạm Tô Vũ đưa lời can gián: "Hán, Đường mất nước cũng do nhà cầm quyền bắt dân phải lao vào cuộc xây dựng to tát, không được nghỉ ngơi. Những kẻ vì lợi nhỏ mà gây oán hờn cho quốc dân thì dù có đa hình khu trục cũng chưa đủ để tạ tội với trăm họ".

Trong tiểu thuyết Thiên Long bát bộ, Kim Dung thuật lại đoạn Cao thái hậu

qua đời và những lời nói huyênh hoang của Tống Triết Tôn Triệu Hú. Quân tình báo Khất Đan đã nắm được tất cả diễn biến xấu đó trong nội bộ Tống Triều và báo cáo về Thượng Kinh cho Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ đánh giá đây là cơ hội ngàn năm một thuở để xâm lăng Tống triều. Nhà vua xuống ngay Nam Kinh, ra lệnh cho Nam Viện đại vương Tiêu Phong lập tức cử binh mã tràn qua Nhạn môn quan phạt Tống. Thế nhưng, Tiêu Phong tha thiết yêu hoà bình, không muốn cho muôn dân hai nước lầm than vì chinh chiến. Ông chống lệnh hành quân, bị bắt nhốt rồi được cứu thoát. Cuối cùng, ông đã xin Đại Liêu hoàng đế được một khẩu ước: "Vĩnh viễn không đưa quân tràn qua Nhạn môn quan đánh xuống phương Nam". Khẩu ước đó bảo đảm cho Tống-Liêu gần 30 năm thanh bình. Và Tiêu Phong tự tử!

Trong chiến tranh cổ điển, Tống-Liêu đều triệt để áp dụng chủ trương binh bất yếm trá. Thấy bọn quan binh triều Tống tham lam, Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Gia Luật Mạc Ca, Nam Viện khu mật sứ cai quản Nam Kinh, tung vàng bạc châu báu ra mua chuộc, chia rẽ, khuynh loát đội ngũ quan quân Tống triều. Phủ Khai Phong, kinh đô nhà Tống, trở thành miền đất béo bở cho đội quân tình báo Liêu Quốc thâm nhập và hoạt động. Chính vì thế, nội tình của Tống triều bị người Khất Đan nắm rõ như trong lòng bàn tay, ngược lại với nội tình Khất Đan, vua quan nhà Tống như người mơ ngủ.

Người Tống thuộc Hán tộc, tự cho mình là chủng loại cao quý, gọi lân bang là Tứ Di, gọi người Khất Đan là bọn chó Liêu. Ngược lại, bốn rợ cũng chẳng coi người Hán ra gì, người Khất Đan gọi quân triều Tống là bọn heo Tống. Quân sĩ đôi bên đánh vào biên giới của nhau, đốt nhà, hãm hiếp bắt bớ phụ nữ, tước đoạt tài vật. Cả đôi bên đều gọi đó là cách kiếm lương thảo. Thiên Long bát bộ của Kim Dung phản ánh sinh động hiện thực lịch sử đau thương đó giữa hai dân tộc Tống-Liêu. Tác giả không đối chiếu, so sánh nhưng dường như qua Thiên Long bát bộ, ta thấy được bọn Liêu cẩu anh hùng, đàng hoàng ngay thẳng hơn bọn Tống trư.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Khi Vi Tiểu Bảo hình sự hóa quan hệ dân sự

Xưa nay, quan hệ tiền bạc nợ nần nằm trong dân gian là quan hệ dân sự. Thời vua Khang Hy nhà Thanh, việc vay mượn tiền bạc được xếp vào việc

hộ. Để phân biệt việc hộ và việc hình, người Trung Hoa có câu ngạn ngữ: "Giết người thì đền mạng, vay nợ phải trả tiền". Thế nhưng, một vị quan lớn của triều Khang Hy - Vi Tiểu Bảo, Đệ nhất Lộc Đỉnh công, Phủ Viễn Đại tướng quân - một nhân vật bất học vô thuật tự nhận mình là lưu manh hạng nhất, đã ngồi trên vương pháp, sẵn sàng hình sự hoá những quan hệ dân sự. Qua ngòi bút của Kim Dung trong bộ tiểu thuyết Lộc Đỉnh ký, ta thấy cách cho vay nợ và đòi nợ của Vi Tiểu Bảo khá lạ lùng. Kim Dung hình tượng hoá vấn đề là "tiền vô cổ nhân, hậu vô lai giả" (trước, không có người xưa nào; sau, cũng chẳng có được người giống như vậy).Nguyên Vi Tiểu Bảo say mê nhan sắc của A Kha, muốn lấy A Kha làm vợ. Thế nhưng A Kha lại say mê Trịnh Khắc Sảng, con trai thứ của Diên Bình quận vương Trịnh Kinh, một lãnh tụ chống nhà Thanh tại Đài Loan. Vi Tiểu Bảo gặp Trịnh Khắc Sảng lần đầu tiên tại phủ Hà Giang và y rất ghen tức với Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng phong lưu anh tuấn, lại là con của một quận vương cai trị đất Đài Loan trong khi Vi Tiểu Bảo mặt dơi tai chuột, lại chỉ là con của một kĩ nữ thành Dương Châu. Thấy sư tỷ A Kha cứ bám lấy Trịnh Khắc Sảng, Vi Tiểu Bảo ra lệnh cho anh em Thiên Địa hội của mình đón đánh Trịnh Khắc Sảng một trận thừa sống thiếu chết. Trịnh Khắc Sảng vẫn đeo đuổi A Kha. Vi Tiểu Bảo ra lệnh cho bọn Ngự tiền thị vệ thuộc đạo Kiêu Kỵ doanh chận đáng Trịnh Khắc Sảng một lần thứ hai, buộc Trịnh Khắc Sảng làm văn tự thiếu nợ một vạn lạng bạc, bọn chúng mới chịu thả ra. A Kha và Trịnh Khắc Sảng vẫn quyến luyến với nhau. Vi Tiểu Bảo nhờ đến bọn Mộc vương phủ ở Vân Nam đánh Trịnh Khắc Sảng một lần nữa, buộc phải làm lễ cưới với một cô gái xấu hoắc (nguyên là trai giả gái) và vu cáo Trịnh Khắc Sảng đã cưỡng dâm cô gái ấy! Trịnh Khắc Sảng phải nhờ đến sư phụ của y là Phùng Tích Phạm mới cứu nổi y về tới Đài Loan an toàn.

Vi Tiểu Bảo bị vua Khang Hy giam lỏng trên Điếu ngư đài đảo giữa biển Liêu Đông với một cái tước hàm hồ là Thông Cật bá. Lúc sau này, y đã có sáu người vợ là Tô Thuyên, Song Nhi, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tăng Nhu và Kiến Ninh công chúa. Thế rồi sư phụ y là Trần Cận Nam, Phùng Tích Phạm, Trịnh Khắc Sảng và cả A Kha đều trốn tránh việc truy bắt của triều đình Khang Hy, trôi dạt tới Điếu Ngư đài đảo. Nơi đây Trịnh Khắc Sảng vũ nhục Trần Cận Nam và đâm chết ông. Vi Tiểu Bảo bắt được Trịnh Khắc Sảng nhưng nghe lời thầy dạy, y không giết Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng đem A Kha gán nợ cho Vi Tiểu Bảo. Vi Tiểu Bảo chặt đứt một ngón tay của Trịnh Khắc Sảng, buộc hắn phải viết văn khế thiếu nợ ba trăm vạn lạng bạc. Trịnh Khắc Sảng cứ viết đại văn khế, một là để kiếm đường sống, hai là hắn hi vọng không bao giờ Vi Tiểu Bảo có thể đòi nợ hắn được. Không ngờ văn khế mượn đó lại trở thành tai vạ với hắn về sau.

Khang Hy bình định đảo Đài Loan; Trịnh Khắc Sảng dẫn toàn quân ra đầu hàng nhà Thanh. Hắn được phong Hải Trừng công; Phùng Tích Phạm được phong Trung Thành bá. Thực sự đây một đòn phép chính trị của Khang Hy đã được Lang Viên ghi rõ trong Thanh sử cảo: bình định Tam phiên (Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung), thu phục Mông Cổ và Tây Tạng, thu hồi Đài Loan, ổn định bên trong để rảnh tay đối phó với nạn xâm lăng của người Nga La Tư tại biên giới ba tỉnh Đông Bắc. Tuy được phong tước công nhưng Hải Trừng công Trịnh Khắc Sảng chỉ là hàng thần lơ láo, của cải hắn đục khoét từ Đài Loan đem về Bắc Kinh đã vơi quá nửa vào túi bọn quan lại trong triều đình. Trong khi đó, Vi Tiểu Bảo được phong Đệ nhất Lộc Đỉnh công, Phủ Viễn Đại tướng quân, có công bình định giặc Nga và kí kết hiệp ước bất tương xâm với người Nga tại Hắc Long Giang, thu về cho Trung Hoa thêm tám chục dặm vuông ở bờ nam sông Ngạch Nhĩ Cổ Lạp và Hắc Long Giang. Nghe tin, Khang Hy phong cho hàng thần Trịnh Khắc Sảng tước công, Vi Tiểu Bảo vừa ghen tức vừa nhớ lại mối thù ngày xưa. Hắn đem các thứ văn khế mượn nợ của Trịnh Khắc Sảng ra giao cho bọn thị vệ Kiêu Kỵ doanh, Tiền Phong doanh nhờ bọn này đi... đòi nợ. Ngự tiền thị vệ Đô tổng quản Đa Long nhận lệnh của Vi Tiểu Bảo, buộc Trịnh Khắc Sảng đem món nợ ba trăm vạn lạng bạc viết ra thành những giấy nhỏ một ngàn lạng, hai ngàn lạng rồi chia cho thị vệ đi đòi.

Từ đó, Hải Trừng công phủ của Trịnh Khắc Sảng ngày nào cũng có khách đến... đòi nợ. Bọn quan binh dưới trướng của Khang Hy vốn rất hống hách, lại dựa vào Phủ Viễn Đại tướng quân Vi Tiểu Bảo, sáng chiều thay nhau đòi nợ Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng ngậm bồ hòn làm ngọt đành phải đem hết mọi thứ ngân phiếu, đồ trang sức, bảo vật trong nhà ra trả nợ. Lần sau cùng, Vi Tiểu Bảo dẫn Đa Long đến phủ Trịnh Khắc Sảng. Hắn thấy Trịnh Khắc Sảng mặt mày ủ dột, tóc đã bạc thì mừng hơn cả đòi được nợ. Hắn chụp mũ Trịnh Khắc Sảng là muốn lên làm Đài Loan vương, sẽ đem quân vào nội địa để giết hết những gì gọi là Mãn Thanh, Thát Đát khiến Trịnh Khắc Sảng sợ đến tháo mồ hôi. Hắn còn ra lệnh bắt giữ Trịnh Khắc Sảng, may là Đa Long biết luật, phải đưa lời can gián.

Thấy chủ mình bị vũ nhục, Phùng Tích Phạm hăm dâng cáo trạng lên Khang Hy. Vi Tiểu Bảo nghe hắn hăm, lòng cũng có ý sợ. Lần này, Vi Tiểu Bảo thu được năm vạn bốn ngàn ba trăm lạng (tiền ngân phiếu), lại lấy được một mớ nữ trang. Tổng số mà Trịnh Khắc Sảng trả được cho Vi Tiểu Bảo trên hai trăm vạn lạng bạc. Hắn chia cho bọn thị vệ đúng một trăm vạn lạng để xài chơi, gọi là chi phí cho công đi đòi nợ (thảo trái phí). Nhưng hắn vẫn nơm

nớp lo sợ chuyện Phùng Tích Phạm hăm dâng cáo trạng. Trong đêm ấy, hắn ra lệnh cho Đa Long cho hai thủ lĩnh thị vệ Trương Khang Niên, Triệu Tề Hiền mạo xưng là người của Thái Đô thống ở Tiền Phong doanh đi bắt Phùng Tích Phạm về đánh đập gần chết. Hắn lại cho người ngầm đi báo với vợ lớn của Thái Đô thống là họ Thái có vợ nhỏ thứ tám tại hẻm Điềm Thủy Tĩnh ở Bắc Kinh. Đêm ấy, vợ của họ Thái dẫn một toán đàn bà đi đánh ghen. Lão Thái phải dẫn người đi cứu cô vợ nhỏ. Vi Tiểu Bảo lại sai Đa Long đi giúp cứu vợ nhỏ lão Thái...

Sáng hôm sau, Vi Tiểu Bảo nhận lệnh của vua Khang Hy phải đi làm giám trảm, thi hành án tử hình đối với Mao Thập Bát. Mao Thập Bát là một dũng sĩ phản Thanh phục Minh, có công đưa Vi Tiểu Bảo lên Bắc Kinh. Hắn nghĩ cách cứu Mao Thập Bát khỏi cái chết bằng cách lấy Phùng Tích Phạm thay vào. Hắn cho thân binh làm một cái nhà rạp hai ngăn ở pháp trường cửa Thái Thị. Rồi hắn sai thân binh dẫn Mao Thập Bát ra cho Đa Long nhận diện đúng là khâm phạm của triều đình. Đa Long xác nhận xong, hắn đưa ra cho Đa Long xem một tập khăn tay thêu những bức Xuân cung đồ. Xuân cung đồ là những bức thêu hình ảnh nam nữ giao phối nhau nhằm thoả mãn thói thị dâm của bọn quan lại, bọn nhà giàu thời Minh-Thanh. Khi Đa Long dán mắt vào tập Xuân cung đồ, Vi Tiểu Bảo cho thân binh đánh tráo Mao Thập Bát vào nhà rạp, đưa Phùng Tích Phạm vào pháp trường. Hắn ra lệnh chém tử tội rồi liệm xác khâm phạm vào áo quan...

Không ai biết được những âm mưu của Vi Tiểu Bảo ngoài vua Khang Hy. Nhà vua giao cho hắn điều tra vụ mất tích của Phùng Tích Phạm. Hắn dàn một màn kịch: cho gã chăn ngựa của Phùng TÍch Phạm dẫn một cô hầu gái của họ Phùng là Lan Hương ra đi. Rồi hắn đem xác Phùng Tích Phạm vào phủ nhà họ Phùng, kiếm một cái đao phạt cỏ làm hung khí gây án. Bọn quan viên điều tra vụ án biết rằng họ Phùng bị giết nhưng vết chém là vết do cương đao gây ra chứ không thể là dao cắt cỏ.

Có thể coi vụ Vi Tiểu Bảo giết người bịt miệng, đòi nợ Trịnh Khắc Sảng là một điển hình của chuyện hình sự hoá các quan hệ dân sự. Kim Dung viết những tình tiết này với một bút pháp thật lôi cuốn, hấp dẫn. Rõ ràng là vương pháp của triều nhà Thanh đã bị một gã tiểu lưu mang bẻ cong queo. Hắn làm được việc đó là nhờ có một đám thủ hạ thân tín mà đồng tiền đã trở thành quyền lực sai khiến. Bản tâm của Khang Hy cũng chẳng muốn những gã như Phùng Tích Phạm còn sống trên đời. Hai "chí lớn" gặp nhau, một cao một thấp. Cái chết của Phùng Tích Phạm khiến người ta ngậm ngùi khi nghĩ

đên số phận đen tối của hàng triệu người Trung Hoa dưới các chế độ quân chủ kéo dài trên ba ngàn năm.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Vi Tiểu Bảo phá án đua ngựa

Bộ tiểu thuyết Lộc Đỉnh ký của nhà văn Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử Trung Quốc dưới triều Khang Hy (1662 - 1722), khi nhà Mãn Thanh mới cai trị Trung Quốc được 18 năm và những thế lực "phản Thanh phục Minh" (chống nhà Thanh, dựng lại nhà Minh) còn hoạt động ở nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Trên nền tảng lịch sử có thật, bằng một trí tưởng tượng phong phú và khả năng hư cấu tuyệt vời, Kim Dung đã xây dựng thành công một nhân vật Khang Hy thông minh, nhân hậu, xuất sắc trong các chính sách cai trị đất nước; một Vi Tiểu Bảo ngộ nghĩnh dễ thương, xuất thân từ kỹ viện thành Dương Châu đã leo lên được tới hàng công tước triều Khang Hy. Toàn bộ những thành công cỉa Vi Tiểu Bảo đều tập trung vào hai chữ "may mắn". Vụ phá án đua ngựa, bắt được tên trọng phạm Ngô Ứng Hùng sau đây là một trong những chiến công may mắn của Vi Tiểu Bảo.

Chuyện xảy ra vào mùa xuân năm Khang Hy thứ 13, khi Vi Tiểu Bảo trở thành bá tước, giữ chức Chánh Đô thống Hoàng kỳ. vua Khang Hy đã biết được âm mưu làm phản của Bình Tây vương Ngô Tam Quế, một viên tướng phản Minh đầu Thanh, được vua cha của Khang Hy là Thuận Trị phong tước vương, trấn giữ Vân Nam và Quý Châu. Khang Hy có ý định triệt tam phiên: Ngô Tam Quế, THượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung. Sợ bị triệt phiên, Ngô Tam Quế nảy sinh ý định làm phản. So sánh lực lượng giữa triều đình và Ngô Tam Quế, Khang Hy nảy sinh ý đồ làm chậm cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế lại. Khang Hy đánh một nước cờ chiến lược: sai Vi Tiểu Bảo làm Tứ hôn sứ, đem cô em cùng cha khác mẹ là Kiến Ninh công chúa qua Vân Nam, gả cho Ngô Ứng Hùng, con trai Ngô Tam Quế để đánh lạc hướng cảnh giác của Ngô Tam Quế. Trong khi đó, Khang Hy ung dung chuẩn bị binh lực đối phó với Ngô Tam Quế nếu vụ biến loạn ở Vân Nam thực sự xảy ra.

Thương thay cho Ngô Ứng Hùng! Trên đường về Vân Nam, Vi Tiểu Bảo đã nhiều lần "phượng đảo loan điên" với Kiến Ninh công chúa đến nỗi Kiến Ninh say mê gã, muốn tìm cách giết chết Ngô Ứng Hùng để được sống với gã. Tại Vân Nam, trong khi chờ hôn lễ cử hành, Kiến Ninh được Vi Tiểu Bảo tặng cho một cây súng của người Nga chế tạo để phòng thân. Thế là Kiến Ninh lập kế gọi Ngô Ứng Hùng vào phòng riêng để xem mặt rồi dùng súng bắn nát bộ phận sinh dục của Ngô Ứng Hùng, vu cho hắn tội

muốn...cưỡng hiếp công chúa. Hôn lễ vẫn diễn ra nhưng chàng phò mã đã biến thành anh thái giám thứ thiệt. Sau hôn lễ, Vi Tiểu Bảo đưa hai vợ chồng Kiến Ninh - Ngô Ứng Hùng về lại Bắc Kinh, gọi là hoàn hôn theo nghi thức hôn nhân triều Thanh. Công việc diễn ra đúng với lá bài của Khang Hy: giữ Ngô Ứng Hùng lại Bắc Kinh làm con tin để làm chậm lại cuộc khởi loạn của Ngô Tam Quế.

Một hôm, Vi Tiểu Bảo dẫn phó tướng Triệu Lương Đống sang phủ phò mã của Ngô Ứng Hùng uống rượu. Bên Ngô Ứng Hùng có thêm ba viên tướng khác từ Vân Nam tới: Trương Dũng, Tôn Tư Khắc và Vương Tiến Bảo. Vương Tiến Bảo là một người sành nghề nuôi dưỡng và coi tướng ngựa. Hắn thấy con ngựa Ngọc Hoa Thông giống Đại Uyển (Fergana - một tiểu quốc phía Tây Trung Hoa) của Vi Tiểu Bảo thì chê tràn. Ngược lại, hắn ca ngợi bầy ngựa Vân Nam, một loài ngựa nhỏ, lông lá xác xơ nhưng chạy đường núi rất giỏi. Vi Tiểu Bảo tức khí, hẹn cùng Ngô Ứng Hùng tổ chức cuộc đua ngựa ngày hôm sau; tiền ăn thua là một vạn lạng bạc. Khi đã cáp độ xong, Vi Tiểu Bảo chợt nhìn thấy khoé mắt Vương Tiến Bảo hiện lên vẻ hân hoan. Gã biết thế nào Ngô Ứng Hùng cũng thủ thắng trong cuộc đua ngựa và tự trách thầm mình đã ngu dốt ham cá độ. Vốn là dân cờ gian bạc lận, Vi Tiểu Bảo biết loại ngựa Vân Nam chắc chắn sẽ ăn đứt bầy ngựa của mình. Về phủ bá tước, gã lẳng lặng gọi tên mã phu trưởng, giao tiền cho hắn để hắn rủ rê bọn mã phu của Ngô Ứng Hùng đi uống rượu, chơi gái, rồi tìm cách cho bầy ngựa Vân Nam của Ngô Ứng Hùng ăn bả đậu để chúng đau bụng, ỉa chảy. Gã phải thắng trong cuộc đua ngựa ngày mai!

Làm xong mọi việc, Vi Tiểu Bảo vào chầu vua Khang Hy. Khang Hy hỏi gã cặn kẽ đường đi nước bước ở Vân Nam, lại kêu ty xa giá bộ binh vào hỏi han tình hình chuẩn bị lừa ngựa, súng ống. Lúc bấy giờ, Vi Tiểu Bảo mới biết nhà vua chuẩn bị đánh Vân Nam, triệt hạ Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Khang Hy hỏi gã đặc tính của loài ngựa Vân Nam, Vi Tiểu Bảo không dám nói thật. Một là nếu gã thú thật đã đầu độc ngựa Vân Nam của Ngô Ứng Hùng thì Khang Hy sẽ chửi gã là thứ cờ gian bạc lận; hai là - nếu gã nói dóc rằng ngựa Vân Nam rất dở thì sợ nhà vua mất cảnh giác, sau này gặp thất bại trên chiến trường, gã sẽ phạm tội khi quân. Kim Dung diễn tả những mâu thuẫn trong tâm trạng Vi Tiểu Bảo ở đoạn này rất xuất sắc. Vi Tiểu Bảo tâu với nhà vua rằng Ngô Ứng Hùng đem theo khá nhiều ngựa Vân Nam về Bắc Kinh. Nghe đến đó, nhà vua hiểu ngay rằng Ngô Ứng Hùng đang định trốn chạy khỏi Bắc Kinh. Khang Hy ra lệnh cho Cửu môn Đề đốc đóng hết cửa thành nhưng đã trễ: Ngô Ứng Hùng quả nhiên đã chạy trốn bằng ngựa Vân Nam của mình. Chuyện hắn định đua ngựa với Vi Tiểu Bảo chỉ là một

trò lừa phỉnh. Hắn ra đi và bỏ lại bọn tuỳ tùng Vương Tiến Bảo, Trương Dũng, Tôn Tư Khắc. Vi Tiểu Bảo xin lệnh Khang Hy cho đi bắt Ngô Ứng Hùng về.

Gã điểm toàn bộ quân Kiêu Kỵ doanh, lại dắt theo bọn Vương Tiến Bảo vì bọn này rất sành về ngựa. Trên đường truy kích Vương Tiến Bảo nhìn ra dấu chân ngựa Vân Nam. Vương Tiến Bảo cũng lấy làm lạ vì ngựa Vân Nam do hắn nuôi dưỡng không bao giờ tiêu ra phân nát. Vi Tiểu Bảo giấu tịt chuyện mình cho đầu độc ngựa Vân Nam bằng bả đậu, cứ bảo cả đoàn rượt theo. Gã phấn khởi vì bả đậu đã phát huy tác dụng nhanh chóng. Từ Bắc Kinh về Vân Nam, đáng lẽ chạy sang hướng Nam nhưng Ngô Ứng Hùng lại chạy sang hướng Đông. Vi Tiểu Bảo hiểu ngay Ngô Ứng Hùng muốn chạy ra cửa biển Đường Cô để có thuyền dọc biển đưa hắn vê Quảng Tây, lên Vân Nam. Đang rượt theo, Vương Tiến Bảo thấy xác ngựa Vân Nam chết ở dọc đường. Hắn rất đau lòng nhưng Vi Tiểu Bảo lại cực kì khoan khoái, không ngờ trò cờ gian bạc lận của mình phục vụ hữu hiệu cho công việc truy bắt Ngô Ứng Hùng đến như thế. Quả nhiên, bầy ngựa Vân Nam danh tiếng không chịu nổi độc tố của bả đậu, ngã lăn ra chết ráo. Ngô Ứng Hùng bỏ ngựa, trốn vào trong ruộng lúa mạch. Hắn bị Vi Tiểu Bảo bắt được, giải ngược về Bắc Kinh. Vi Tiểu Bảo phá án thành công nhờ... bả đậu.

Vua Khang Hy dẫu thông minh đến bao nhiêu cũng không thể hiểu được do đâu Vi Tiểu Bảo bắt Ngô Ứng Hùng, phá vụ án "bỏ trốn khỏi nơi giam giữ" này nhanh đến như vậy.

Nhà vua hỏi Vi Tiểu Bảo: "Con mẹ nó, ngươi có bản lĩnh gì mà bắt được Ngô Ứng Hùng?". Đến lúc đó, Vi Tiểu Bảo mới tâu thật với nhà vua rằng bản lĩnh của gã là cờ gian bạc lận, chỉ có cách cho ngựa của Ngô Ứng Hùng ăn bả đậu mới có thể thắng được trong cuộc đua ngựa ngày mai. Khang Hy cao hứng,cười ha hả. Nhà vua tin rằng lòng trời đang ở với mình, rằng chưa ra quân mà chỉ với một trò gian lận của Vi Tiểu Bảo; nhà vua đã thắng Ngô Tam Quế.

Vụ phá án "phước chủ may thầy" này tiêu biểu cho phong cách viết văn hài hước của Kim Dung. Thế nhưng đó là văn chương tiểu thuyết trong Lộc Đỉnh ký, được Kim Dung viết vào năm 1972. Còn chính sử của nhà Thanh trước đó 200 năm thì thế nào? Trong tác phẩm Thanh sử cảo, Lang Viên ghi rõ: mùa xuân năm Khang Hy thứ 13, Ngô Ứng Hùng có ý định bỏ chức phò mã trốn về Vân Nam để cùng cha là Ngô Tam Quế mưu sự khởi loạn. vua Khang Hy đã tiên liệu mọi điều, cho người giám sát, bắt được Ngô Ứng

Hùng giam lỏng tại Bắc Kinh. Năm Khang Hy thứ 16 (1677), Ngô Tam Quế nổi loạn, dựng chiêu bài "Hưng Minh thảo Lỗ". Triều thần đề nghị Khang Hy đem Ngô Ứng Hùng ra để thương lượng với Ngô Tam Quế. Nhà vua không nghe, sai xử trảm Ngô Ứng Hùng và tấn công bình định Vân Nam. Cuộc bạo loạn của Ngô Tam Quế thất bại, nhà Mãn Thanh thu phục Trung Quốc về một mối.

Vụ án Vi Tiểu Bảo phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Năm Khang Hy thứ 14 (1676), sau khi bình định xong cuộc chiến tranh biên giới với người Nga La Tư, Vi Tiểu Bảo được phong tước đệ nhất đẳng Lộc Đỉnh công. Cùng đợt phong với Bảo có Trịnh Khắc Sảng, hàng thần từ Đài Loan về, được phong Hải Trừng công và thầy của Sảng là Phùng Tích Phạm được phong Trung Thành bá. Tại Bắc Kinh, Vi Tiểu Bảo đã liên tục cho người đến đòi nợ Trịnh Khắc Sảng, khiến gia tài của Sảng khánh kiệt.

Ỷ mình có công trạng đánh quân ngoại xâm, cho rằng Sảng chỉ là thứ hàng thần lơ láo, Vi Tiểu Bảo đã nhiều phen mắng nhiếc Sảng. Phùng Tích Phạm bắt buột phải can thiệp. Lão hăm dâng cáo trạng lên vua Khang Hy tố cáo các hành vi của Vi Tiểu Bảo. Từ đó, Vi Tiểu Bảo nẩy ra ý đồ giết Phùng Tích Phạm.

Bảo ra lệnh cho hai tên chỉ huy đội ngự tiền thị vệ là Trương Khang Niên và Triệu Tề Hiền đưa một toán thị vệ mạo xưng là người của Tiền phong doanh nửa đêm đến nhà của Phùng Tích Phạm, bắt Phạm đưa đi. Bảo dặn họ: “Hai vị đi nửa chừng đường rồi xiềng khoá chân tay lão, dùng vải đen bịt mắt, nhét hột thị vào miệng… Các vị đánh cho lão một trận nhừ đòn, lột hết quần áo”.

Theo lời Bảo, bọn ngự tiền thị vệ đi bắt Phùng Tích Phạm. Phạm có hỏi đi đâu vào lúc nửa khuya, bọn chúng trả lời: “ Có việc quân tình rất gấp ở Đài Loan, cần phải thương nghị”. Chúng dẫn Phùng Tích Phạm về và đánh đập ngay trong phủ Lộc Đỉnh công. Khi Phạm gần chết, chúng lột quần áo rồi lấy chiếu quấn người Phạm lại.

Sáng hôm sau, theo lệnh vua Khang Hy, Vi Tiểu Bảo phải làm quan giám trảm chém Mao Thập Bát, một người quen biết cũ của mình và luôn ủng hộ Thiên Địa hội với chủ thuyết “phản Thanh, phục Minh” chống lại triều đình. Vi Tiểu Bảo đã ra lệnh cho thân binh làm nhà rạp hai ngăn và cho họ 1.000 lạng bạc để tráo Phùng Tích Phạm vào chỗ của Mao Thập Bát. Khi Vi Tiểu ra lệnh chém, đao phủ chỉ chém Phùng Tích Phạm, giấu Mao Thập Bát vào trong nhà rạp. Sau đó, Bảo cho một chiếc xe ngựa tên khâm phạm Mao Thập Bát trốn về Dương Châu. Đồng thờ, Bảo ra lệnh tẩm liệm thi thể Phùng Tích

Phạm. Để dàn cảnh mình tiếc thương Mao Thập Bát, bảo đã lấy gừng xoa vào hai mắt cho nước mắt chảy ra, y như là đã khóc. Vua Khang Hy được nghe quân lính báo cáo, cứ tưởng thật là Bảo đã tuân lệnh ra làm giám trảm vụ xử chém Mao Thập Bát…

Công việc vừa xong, vua Khang Hy lại ra lệnh cho tri phủ Thuận Thiên (phụ trách khu vực thành Bắc Kinh) điều tra vụ án Phùng Tích Phạm mất tích. Nhà vua chỉ định Vi Tiểu Bảo chủ trì công việc điều tra và phá án của tri phủ Thuận Thiên. Vợ Phùng Tích Phạm phát đơn kêu nài ở phủ Thuận Thiên, tỏ ra nghi ngờ Vi Tiểu Bảo có liên quan đến cái chết của chồng mình. Trước tình hình đó, Bảo đã lỡ phóng lao đành phải theo lao.

Bảo lại bỏ tiền ra cho mấy tên thân binh rồi dặn dò mật kế. Bảo đưa cả tri phủ Thuận Thiên đến phủ Trung Thành bá, lập công đường ngay trong đại sảnh để thẩm vấn mọi người. Tất cả gia quyến của Phùng Tích Phạm 79 người đều phải có mặt để chịu thẩm vấn. Tại đây, Vi Tiểu Bảo đã thực hiện một kiểu lấy lời khai rất kỳ khôi, hoàn toàn không có trong hoạt động tư pháp. Bảo lựa một người đẹp nhất là vợ thứ năm của Phùng Tích Phạm tên là Cúc Phương để thẩm vấn. Sau khi chớt nhả một hồi, Cúc Phương khai ra được chuyện nữ tỳ tên Lan Hương bỏ trốn cùng tên giữ ngựa Hình Tứ. Bảo ra lệnh thưởng cho Cúc Phương 20 lạng bạc. Cứ như vậy, hễ ai đẹp thì Bảo thưởng tiền; ai xấu thì Bảo chửi cho một trận, choh rằng họ không biết hầu hạ Phùng Bá tước nên bá tước ham chơi đi cả nửa tháng mà chẳng chịu về nhà.

"Lấy lời khai" xong, Bảo cùng tri phủ Thuận Thiên tra xét các nơi trong nhà Phùng Tích Phạm. Đến gian thứ ba ở mé Tây, bọn thân bình tìm ra được một thanh cương đao dính máu. Tri phủ Thuận Thiên xác nhận đây là loại dao cắt cỏ ngựa. Đội trưởng thân binh sai lấy nước đổ xuống mặt đất, dưới gầm giường nơi Hình Tứ nằm ngủ. Nước thấm mau vào đất bày ra một tử thi không đầu đã thối rữa, mặc công phục bá tước. Bảo kêu người nhà Phùng Tích Phạm lại hỏi thì hóa ra đây là nơi ở của Hình Tứ, người đã dẫn nữ tỳ Lan Hương đi trốn. Bảo tiếp tục tra xét và tìm thấy đầu của Phùng Tích Phạm ngay trong tàu ngựa.

Thấy đã tìm ra thi thể của bá tước, người nhà của Phùng Tích Phạm khóc vang. Lòng họ vô cùng cảm kích Lộc Đỉnh công Vi Tiểu Bảo, thầm phục Vi đại nhân phá án nhanh chóng. Tri phủ Thuận Thiên lại càng phục lăn, vội vàng thảo công văn truy nã Hình Tứ và Lan Hương.

Trong bọn đi phá án, chỉ có một tên bộ đầu giàu kinh nghiệm là đem lòng ngờ vực. Trước nay, hắn đã phá hàng trăm vụ án; quan sát, khám nghiệm hàng trăm vết thương. Hắn thấy dấu đao cào cổ của Phùng Tích Phạm rất tề chỉnh, vật chém phải là khoái đao. Loại đao cắt cỏ không thể tạo ra vết chém này.

Hắn lại nhìn thấy đất ở gầm giường còn mới nguyên, chứng tỏ rằng tử thi mới được chôn xuống chứ không phải đã chôn được mười mấy ngày. Nhưng lòng tuy ngờ vực như vậy mà hắn có mười mấy cái miệng cũng không dám nói ra, bởi người chủ trì phá án vụ này là Lộc Đỉnh công Vi Tiểu Bảo, một kẻ thân tín của vua Khang Hy!

Vi Tiểu Bảo cầm công văn của tri phủ Thuận Thiên vào bái kiến nhà vua. Khang Hy xem qua loa các công văn rồi nói: "Vi Tiểu Bảo, bản lãnh phá án của ngươi không phải tầm thường… Ngươi lớn mật làm càn…". Nói cách khác, Khang Hy đã biết Vi Tiểu Bảo giết Phùng Tích Phạm, việc hắn dựng nên vụ Hình Tứ cùng Lan Hương bỏ trốn, tìm thấy cái đầu của Phùng Tích Phạm dưới gầm giường của Hình Tứ chỉ là một trò hề. Tuy nhiên, nhà vua lại không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vi Tiểu Bảo.

Căn cứ theo tình tiết vụ án, xét theo Bộ luật Hình sự năm 1999 của Việt Nam, Vi Tiểu Bảo đã phạm vào nhóm tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Đó là:

1- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn đánh tháo người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia bị kết án tử hình, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội có tổ chức; phạm vào Khoản 2 Điều 312 tội đánh tháo người đang bị dẫn giải, đang bị xét xử, có mức án từ 5 đến 12 năm tù.

2- Chủ trương cho đám thuộc hạ làm sai lệch toàn bộ hồ sơ vụ án Phùng Tích Phạm bị mất tích, phạm vào Khoản 3 Điều 300 tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, có mức án từ 7 đến 15 năm tù.

Tuy nhiên, vào thời Khang Hy nhà Thanh bên Trung Hoa, nhà vua đã tỏ ra dễ dãi với Vi Tiểu Bảo nên Bảo mới thoát được hai tội này. Chúng tôi căn cứ vào Bộ luật Hình sự để buộc tội Vi Tiểu Bảo nhưng lại không tìm ra được gã. Vậy ai thấy Vi Tiểu Bảo ở đâu, xin mách giúp, chỉ giùm.

Bản luận tội Vi Tiểu Bảo

Vi Tiểu Bảo là nhân vật chính trong bộ tiểu thuyết võ hiệp Lộc Đỉnh ký của Kim Dung. Do Hình bộ của triều Khang Hy nhà Thanh bên Tàu đã làm thất lạc hầu hết các hồ sơ, chúng tôi xin mạnh dạn công bố các hành vi tội lỗi của Vi Tiểu Bảo theo Bộ luật Hình sự của Việt Nam để bạn đọc cùng nghị án…

Vi Tiểu Bảo sinh khoảng năm Thuận Trị thứ 13 (tức năm 1656) tại động điếm Lệ Xuân Viện, thành Dương Châu. Mẹ của đương sự là Vi Xuân Hoa, gái làng chơi chuyên nghiệp; cha không rõ, không xác định được thuộc dân tộc Hán, Mãn, Mông, Tạng hay Hồi.

Năm 13 tuổi (1669), Bảo lên Bắc Kinh, lọt vào hoàng cung, giết tiểu thái giám Tiểu Quế Tử rồi mạo xưng mình là Tiểu Quế Tử; kết bạn với ông vua con nít Khang Hy. Nhờ có tài ton hót nịnh nọt và bản thân cũng lập được một số công trạng, Vi Tiểu Bảo lần lượt giữ các chức vụ Tổng quản thái giám Ngự trù phòng; Chánh Hoàng kỳ Đô thống tước phong Ba Đồ Lỗ; Tứ hôn sứ Vân Nam; Đại sứ đặc mệnh toàn quyền xây dựng Trung Liệt từ Dương Châu; Phó trụ trì chùa Thiếu Lâm pháp danh "Hối Minh thiền sư"; Chánh trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn; Tư lệnh mặt trận đánh Thần Long đảo ở Liêu Đông; Bá tước kiêm Tư lệnh mặt trận đánh quân La Sát ở miền Đông Bắc; Công tước xứ Lộc Đỉnh (Lộc Đỉnh công).

Trong quá trình công tác, Bảo đã hoạt động gián điệp tới "ba mang". Y vừa là đại thần của nhà Thanh, song lại giữ một số chức vụ quan trọng trong hai lực lượng tạo phản: Hương chủ Thanh Mộc đường của Thiên Địa hội (phản Thanh phục Minh) đặc trách khu vực Bắc Kinh; kiêm Bạch Long sứ của Thần Long giáo - một giáo phái phản động ở Liêu Đông.

Vợ: gồm 7 mụ, kể theo thứ tự tuổi tác: Tô Thuyên, Trần A Kha, Phương Di, Kiến Ninh, Mộc Kiếm Bình, Tăng Nhu và Song Nhi.

Con: Vi Hổ Đầu (trai, với A Kha), Vi Đồng Truỳ (trai, với Tô Thuyên), Vi Song Song (gái, với Kiến Ninh).

Trình độ văn hóa: Không biết chữ; chỉ đọc được 4 chữ Nhất, Nhị, Tam và

Tiểu (trong cái tên Vi Tiểu Bảo).

Trong 7 năm làm quan, từ năm Khang Hy thứ 7 (1669) đến năm Khang Hy thứ 14 (1676), Vi Tiểu Bảo đã liên tiếp phạm các tội sau:

1- Lúc 14 tuổi, khi mới làm bạn với vua Khang Hy, Bảo quen biết với Kiến Ninh công chúa, 13 tuổi. Lợi dụng khung cảnh cung Khôn Ninh vắng vẻ, Bảo đã cởi áo của công chúa ra, trói cô lại, miệng nói lời tục tĩu và tay thì làm những trò bỉ ổi. Cũng với thủ đoạn này, khi bắt Mộc Kiếm Bình, quân chúa Mộc vương phủ (nhà Minh) Vân Nam Bảo đã sờ sẫm trên thân thể và vẽ hình con rùa lên má nạn nhân. Nếu xét theo Bộ luện Hình sự năm 1999 của Việt Nam, hành vi này của Bảo đã đủ yếu tố cấu thành tội danh dâm ô với trẻ em (quy định tại Điều 116). Tuy nhiên, vì Bảo thực hiện các hành vi trên khi chưa thành niên, chúng tôi đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

2- Khi được Khang Hy cử về Dương Châu xây dựng toà Trung liệt từ, Bảo là thủ trưởng của bốn cô gái Tăng Nhu, Phương Di, Mộc Kiếm Bình và Song Nhi. Bảo đã đổ thuốc mê vào rượu cho A Kha và cả Tô Thuyên, vợ của Hồng An Thông – giáo chủ Thần Long giáo, cùng bốn cô thuộc hạ uống. Lợi dụng lúc những người này nửa mê nửa tỉnh, Bảo đã chất họ lên một cái giường lớn, miệng hát bài Thập bát mô và cưỡng dâm cả sáu người phụ nữ này. Theo Bộ luật Hình sự của nước ta, hành vi này của Bảo đã phạm vào điểm c Khoản 2 Điều 113, xứng đáng phạt tù từ 3 đến 10 năm. Tuy nhiên, lúc phạm tội Bảo chưa đủ 16 tuổi. Chúng tôi đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với y.

3- Khi được vua Khang Hy cử đi làm Tứ hôn sứ Vân Nam, đem công chúa Kiến Ninh mới 15 tuổi gả cho Ngô Ứng Hùng- con của Ngô Tam Quế, Vi Tiểu Bảo đã lợi dụng đường xa, dựng lên những hành cung để Kiến Ninh nghỉ ngơi. Bảo đã đuổi hết bọn thị vệ để vào phòng riêng của Kiến Ninh giao cấu nhiều lần với công chúa. Hậu quả nghiêm trọng đã xảy ra: Nạn nhân đã có thai trước khi về làm vợ Ngô Ứng Hùng. Hành vi này của Bảo đã vi phạm Khoản 1 Điều 115 tội giao cấu với trẻ em, có mức án từ 3 đến 10 năm tù.

Với 3 tội danh dâm ô với trẻ em, cưỡng dâm và giao cấu với trẻ em, chúng tôi đề nghị các cơ quan hữu quan thành phố Dương Châu có biện pháp đưa Vi Tiểu Bảo đi trường giáo dưỡng. Tuy nhiên, thời Khang Hy chưa có trường giáo dưỡng nên Vi Tiểu Bảo vẫn không được giáo dục để sửa chữa

sai lâm. Do vậy, y vẫn ở yên trong chức vụ và liên tục phạm tội ngày càng nghiêm trọng hơn.

4- Xuất thân tại Lệ Xuân viện, từ thuở nhỏ Vi Tiểu Bảo đã là một chuyên gia trong trò cờ gian bạc lận. Lên Bác Kinh làm quan, Bảo vẫn chứng nào tật nấy, tổ chức đánh bạc và gá bạc. Chỉ với ba con súc sắc có đổ thuỷ ngân, Bảo đã làm cái nhiều sòng bài trong hoàng cung cho bọn thái giám, thị vệ chơi và lột sạch tiền bạc của Ôn Hữu Phương, Ôn Hữu Đạo, Trương Khang Niên, Triệu Tề Hiền và nhiều nạn nhân khác với số tài sản trên cả trăm vạn lạng bạc. Với hành vi trên, Bảo đã có dấu hiện phạm tội đánh bạc theo Khoản 2 Điều 248 có mức án từ 2 đến 7 năm tù; tội tổ chức đánh bạc, gá bạc có mức án từ 3 đến 10 năm tù.

5- Khi trở thành Bá tước, làm tư lệnh mặt trận vùng Đông Bắc đánh quân La Sát (Nga), Vi Tiểu Bảo chỉ học được ấm ớ mấy tiếng Nga; cỡ như Hà thư ni khắc là món thịt nướng, Hu la là hoan hô, Phục đặc gia tửu là rượu Vodka. Ấy thế mà Bảo vẫn muốn tỏ ra mình là người nghe và nói lưu loát tiếng Nga. Đại sứ của Sa hoàng Nga La Tư trình quốc thư lên vua Khang Hy, đại để quốc thư nói hai nước Trung Quốc và Nga La Tư đời đời giữ tình hoà hiếu thì Vi Tiểu Bảo lại dịch đại ra là: "Bệ hạ văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thọ ngang trời đất". Vua Khang Hy và bọn bầy tôi cứ tấm tắc khen ngợi Vi Bá tước giỏi tiếng Nga nhưng ta biết đây là trò bịp mới của Bảo. Bản thân Bảo đã học thuộc lòng bài ca ngợi Hồng giáo chủ của đảo Thần Long và lời y dịch ra chỉ là bài học mà y đã thuộc lòng, không dính dáng gì đến nội dung quốc thư của Sa hoàng cả. Với hành vi trên, Vi Tiểu Bảo đã phạm vào Khoản 1 Điều 284 tội giả mạo trong công tác, mức án được quy định từ 1 đến 5 năm tù.

6- Lớn lên từ Lệ Xuân viện, Vi Tiểu Bảo đã tiêm nhiễm nhiều thói hư tật xấu và những trò dâm ô trong kỹ viện. Bài hát mà Bảo chuyên hát là bài Thập bát mô, lời lẽ tục tĩu về thân thể phụ nữ. Vi Tiểu Bảo còn lưu giữ bên mình bức Xuân cung đồ, gồm 4 tấm, vẽ hình phụ nữ khỏa thân và hình nam nữ "quan hệ", để giải trí. Chính Bảo đã dùng bức tranh này cho Tổng quản thị vệ Đa Long coi và tặng cho Đa Long, khiến hắn mất cảnh giác, để bộ thuộc của Bảo để đánh tráo tử tù Mao Thập Bát trốn đi. Hành vi trên của Bảo đã đủ yếu tố cấu thành tội truyền bá văn hoá phẩm đồi truỵ theo Khoản 1 Điều 253.

7- Trong thời gian làm tư lệnh quân Thanh đánh thành Ni Bố Sở của quân Nga, Vi Tiểu Bảo đã đi tiểu vào nước và thúc hối bọn quan quân bắn nước

tiểu của mình sang trại quân Nga. Nước tiểu đóng thành tuyết, dù không nhiều nhưng đã để lại mùi xú uế trong không khí vùng Lộc Đỉnh Sơn vốn rất trong lành. hành vi này đã phạm vào Khoản 1 Điều 182 tội gây ô nhiễm không khí, mức án từ 6 tháng đến 3 năm tù.

8-Trong thời gian làm quan dưới triều Khang Hy, Vi Tiểu Bảo đã tham gia Thiên Địa hội với chức danh hương chủ Thanh Mộc đường, phụ trách địa bàn Bắc Kinh. Thiên Địa hội là một tổ chức chính trị-quân sự chống triều Thanh, mưu đồ khôi phục lại nhà Minh. Khi đi công tác về Liêu Đông, Vi Tiểu Bảo lại được kết nạp vào Thần Long giáo, một tà giáo chống phá triều Thanh, giữ chức vụ chưởng kỳ sứ. Chẳng những tham gia hai tổ chức chống đối triều đình, Vi Tiểu Bảo còn tổ chức mạng lưới gián điệp cho Thanh Mộc đường hoạt động ngay tại Bắc Kinh trong phũ bá tước của mình, tổ chức đưa một số nhân vật quan trọng của Thần Long giáo vào làm thuộc hạ dưới trướng mình. Nếu xét theo quan điểm của Thanh triều và vận dụng Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện nay, hành vi hoạt động tình báo, gây cơ sở hoạt động tình váo, cung cấp bí mật cho kẻ thù của Vi Tiểu Bảo đã vi phạm Điều 80 quy định tội gián điệp. Vi Tiểu Bảo phải chịu mức án cao nhất: tử hình.

9- Cũng trong thời gian làm quan, Vi Tiểu Bảo đã giết thái giám Tiểu Quế Tử, Thuỵ Đống, Liễu Yến, Phùng Tích Phạm và một số nhân vật khác. Trường hợp của Đa Long sống lại được sau này nhờ trái tim nằm lệch sang bên phải là ngoài ý thức chủ quan của Vi Tiểu Bảo. Giết người xong, Vi Tiểu Bảo thường dùng một loại chất độc gọi là Hủ cốt tán rắc vào thi thể nạn nhân để thi thể tự tan ra thành nước. Vi Tiểu Bảo đã giết nhiều người, giết người trong lúc người ấy đang thi hành công vụ. Bảo thực hiện hành vi phạm tội một cách man rợ, tái phạm nguy hiểm với nhiều động cơ đê hèn khác nhau. Các hành vi ấy là cực ỳ nghiêm trọng, vi phạm Khoản 1 Điều 93 tội giết người, phải chịu mức án cao nhất: tử hình.

10- Trong suốt quá trình làm quan, Vi Tiểu Bảo đã đòi hối lộ một cách sống sượng. Bảo đã nhận của Bình Tây vương Ngô Tam Quế 500 vạn lạng bạc, một cặp súng lục; nhận của Ngô Ứng Hùng 300 vạn lạng bạc; nhận của Thi Lang một cái tô bằng vàng 24K nặng trên dưới 1Kg; nhận của Trịnh Khắc Sảng trên 200 vạn lạng bạc dưới hình thức "trả nợ" dù Trình Khắc Sảng không mượn Bảo đồng nào; nhận của các quan ở Dương Châu nhiều món quà có giá trị cao; nhận của quân dân đảo Đài Loan trên 600 vạn lạng. Bảo đã dùng số tiền bất chính ấy để đưa hối lộ lại cho bọn tham quan, trong đó có Minh Châu, Sát Nhĩ Châu, Sách Ngạch Đồ, Đổng Quốc Cương, Kiệt Thư, Khang Thân vương, Đa Long; bọn chỉ huy thị vệ Trương Khang Niên,

Triệu Tề Hiền… Mỗi người trên đây đã nhận hối lộ của Bảo nhiều lần, mỗi lần như vậy không dưới một vạn lạng bạc. Hành vi ấy của Vi Tiểu Bảo đã phạm vào Khoản 4 Điều 279 tội nhận hối lộ và Khoản 4 Điều 289 tội đưa hối lộ. Mức án cao nhất: Tử hình

Tóm lại: Bị can Vi Tiểu Bảo được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự về cá tội dâm ô với trẻ em theo Điều 116; cưỡng dâm theo Điều 113. Tuy nhiên. Phải nghiêm khắc trừng phạt bị can về các tội giao cấu với trẻ em theo Điều 115; đánh bạc theo Điều 248; tội tổ chức gá bạc, đánh bạc theo Điều 249; tội giả mạo trong công tác theo Điều 284; tội gián điệp theo Điều 80; tội giết người theo Điều 93; tội gây ô nhiễm không khí theo Điều 182; tội truyền bá văn hóa phẩm đồi truỵ theo Điều 253; tội nhận hối lộ theo Điều 297; và tội đưa hối lộ theo Điều 289.

Một nhân vật như Vi Tiểu Bảo rất nguy hiểm cho xã hội; cần phải loại trừ vĩnh viễn y ra khỏi cuộc sống bằng bản án nghiêm khác nhất để tạo tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Chúng tôi đề nghị tổng hợp hình phạt: Tử hình, tịch thu toàn bộ tài sản sung công quỹ.

Tuy nhiên, vua Khang Hy đã mất cảnh giác, để cho Vi Tiểu Bảo có cơ hội dẫn cả vợ lớn vợ bé và đàn con nhút nhít, chở hết của cải cùng đi trốn. Trách nhiệm ấy thuộc về Khang Hy, và trách nhiệm cao nhất là của… tác giả Kim Dung, chứ không thuộc về… chúng tôi!

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Bản luận tội Nhạc Bất Quần

Kính thưa hội đồng xét xử,

Hôm nay, phiên toà nhóm tại đây để xét xử một tên trọng phạm lớn là Nhạc Bất Quần trong bộ tiểu thuyết võ hiệp Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung. Thay mặt Viện Kiểm sát, tôi xin đọc phần luận tội về bị cáo Quần.

Nhạc Bất Quần là chưởng môn phái Hoa Sơn, có ngoại hiệu là Quân tử kiếm. Thật ra cái ngoại hiệu ấy chỉ là một dạng hình dung từ để diễn tả biểu hiện bề ngoài nho nhã, khiêm tốn của bị cáo Quần. Ở bề trong và đặc biệt là qua tất cả những hành vi gây án của bị cáo, những tác hại nghiêm trọng mà bị cáo đã thực hiện đối với đồng đạo võ lâm, bị cáo chỉ là một kẻ ngụy quân tử, một thứ quân tử giả mạo. Mà đại phàm lại hàng giả mạo thì nguy hiểm gấp nhiều lần so với hàng thật. Do vậy, theo quan điểm của chúng tôi, ngụy quân tử nguy hiểm gấp nhiều lần so với chân tiểu nhân.

Khi đang đảm nhiệm chức vụ chưởng môn, qua báo cáo của một tên đệ từ là Lao Đức Nặc, Nhạc Bất Quần đã hiểu được phái Thanh Thành có âm mưu chiếm đoạt bộ Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm ở Phúc Châu, Phúc Kiến. Cho nên khi phái Thanh Thành xuống Phúc Châu, Nhạc Bất Quần đã sớm cho Lao Đức Nặc cùng con gái là Nhạc Linh San đến trước, sang lại một tiệm rượu nhằm mục đích dòm dỏ động tĩnh của phái Thanh Thành. Phái Thanh Thành thực hiện âm mưu chiếm đoạt Tịch tà kiếm phổ của họ Lâm một cách thô thiển, còn Nhạc Bất Quần thì thực hiện âm mưu này một cách tinh vi, thâm độc hơn. Nhạc Bất Quần chỉ đợi phái Thanh Thành chiếm được Tịch tà kiếm phổ là y ra tay cướp giật ngay. Nói chung, ban đầu thì y chỉ muốn cướp của một thằng ăn cướp.

Thế nhưng, phái Thanh Thành không tìm ra được kiếm phổ. Người tìm ra kiếm phổ lại chính là Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử của bị cáo Quần. Trong lúc Lệnh Hồ Xung ngất xỉu, bị cáo Quần đã lấy kiếm phổ trong người đệ tử mình, đem cất giấu để rồi sau đó "dẫn đao tự cung" để luyện Tịch tà kiếm phổ! Hành vi thâm độc đó đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Để đánh lạc hướng những kẻ cùng nuôi âm mưu như mình, Nhạc Bất Quần loan tin trên giang hồ rằng Lệnh Hồ Xung kết giao với tà ma, định mượn tay những người chính phái trừ khử Lệnh Hồ Xung. Nguy hiểm hơn, Quần cho đệ tử của mình rình rập Lệnh Hồ Xung khi thấy kiếm pháp của Lệnh Hồ Xung phát triển vượt bậc để các đệ tử nghi ngờ rằng Lệnh Hồ Xung đã "nuốt" Tịch tà kiếm phổ. Thực ra là, theo công tác phúc tra của Viện chúng tôi, đối chiếu với lời khai các nhân chứng có trong hồ sơ vụ án, gã Lệnh Hồ Xung này chỉ học Độc Cô cửu kiếm do thái sư thúc tổ phái Hoa Sơn là Phong Thanh Dương truyền dạy. Tịch tà kiếm phổ mà đem so với Độc Cô cửu kiếm thì chẳng khác gì đem nhạc sến so với nhạc cổ điển, đem gái bia ôm so với gái gọi trong đường dây cao cấp mà báo chí làm rùm beng mấy bữa nay. Bị cáo Nhạc Bất Quần còn gửi thư công khai đến chưởng môn các môn phái kể tội Lệnh Hồ Xung, lời lẽ tuy rất mực khiêm nhường nhưng bộc lộ dã tâm hết sức đen tối. Hồ sơ vụ án còn lưu một bản thủ bút của y gửi đồng chí chưởng môn phái Thiếu Lâm là Phương Chứng đại sư. Trong thư, y kêu gọi phái Thiếu Lâm ra tay tru diệt Lệnh Hồ Xung vì Lệnh Hồ Xung đã kết giao với tà mà ngoại đạo. Bị cáo Quần đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của một chưởng môn, lại vu khống Lệnh Hồ Xung phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của y đã đủ yếu tố cấu thành tội danh vu khống theo Khoản 2 Điều 122 Bộ luật Hình sự. Lệnh Hồ Xung không bị đồng đạo giang hồ giết chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Không dừng lại ở đó, Nhạc Bất Quần đã liên tiếp thực hiện những hành vi gây án đê hèn, man rợ hơn. Khi Lâm Bình Chi, đứa con duy nhất của dòng họ Lâm ở Phúc Châu và là đệ tử của bị cáo Quần, biết được bị cáo đã lấy được Tịch tà kiếm phổ của tổ tiên mình thì bị cáo đã đâm Lâm Bình Chi một nhát kiếm chí mạng. Ngay lúc đó, một đệ tử khác của bị cáo là Cao Căn Minh chứng kiến được cảnh thầy giết trò, lỡ miệng la lên một tiếng; bị cáo đã xoay kiếm lại, giết nhân chứng Cao Căn Minh. Nhờ đó mà Lâm Bình Chi thoát chết. Lời khai của nhân chứng Lâm Bình Chi trước phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của vợ ị cáo là Ninh Trung Tắc và con gái của bị cáo là Nhạc Linh San trước khi họ qua đời, có cơ sở để tin cậy. Mặc dù bị cáo ngoan cố phản cung, khai rằng không biết ai đã giết Cao Căn Minh và đâm Lâm Bình Chi nhưng chúng tôi vẫn đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Quần phạm tội giết người theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự. hành vi giết người của bị cáo Quần phạm vào Tiết a (giết nhiều người), Tiết g (để thực hiện hoặc che dấu tội phạm khác), Tiết i (thực hiện tội phạm một cách man rợ), Tiết q (động cơ đê hèn). Tôi đền nghị Hội đồng xét xử đặc biệt quan tâm đến hành vi phạm tội này của bị cáo Quần bởi hành vi này đã khái quát được bản chất nguỵ quân tử của bị cáo.

Vượt xa hơn nữa, Nhạc Bất Quần đã giết hai vị sư thái Định Nhàn và Định Tĩnh của phái Hằng Sơn ngay tronng hậu viện chùa Thiếu Lâm. Hai vị sư thái đã chết, không còn ai đối chứng nhưng nhân chứng Nhậhm Doanh Doanh đã từng cởi áo hai vị sư thái quan sát vết thương, đã cho biết vết thương rất nhỏ, đâm trúng vào tim mạch. Loại vết thương này chỉ có thể xuất phát từ hung khí gây án là cây kim thêu. Mà đại phàm ai luyệệ được Tịch tà kiếm phổ thì mới dùng được kim thêu để gây án. Cho nên chúng tôi thấy đã đủ cơ sở kết luận Nhạc Bất Quần giết hai vị sư thái này.

Khi phái Hằng Sơn họp hội nghị tấn phong chưởng môn mới, bị cáo Nhạc Bất Quần đã sử dụng thuốc mê, bắt hết toàn bộ nữ đệ tử của phái này đem về giam giữ dưới các hang động trên núi Hoa Sơn. Mục đích của bị cáo là làm cho chưởng môn mới của phái Hằng Sơn phải đầu hàng, làm tay sai cho bị cáo để bị cáo yên tâm làm chưởng môn Ngũ Nhạc phái. Điều may mắn là trong bọn nữ đệ tử phái Hằng Sơn, ngoài các nữ ni ra còn có đệ tử tục gia. Các nữ đệ tử tục gia này vẫn được phép dùng son phấn, nước hoa. Họ là khách hàng quen thuộc của các hãng Sài Gòn mỹ phẩm, Lancôme, P&G, De Bon… Và trong đám nam đệ tử phái Hằng Sơn có Điền Bá Quang, một nhân vật có cái mũi thần kỳ, đứng xa ba ngàn thước vẫn đánh hơi được mùi mỹ phẩm. Nhờ kỹ năng đặc biệt này, Điền Bá Quang đã hít hơi, tìm và cứu được mấy trăm nữ đệ tử phái Hằng Sơn bị giam dưới các hang động. Hành vi bắt, giữ và giam người trái pháp luật của bị cáo Nhạc Bất Quần là có tổ chức, phạm tội đối với nhiều người, xúc phạm nghiêm trọng đến phẩm giá cao quý của nggười phụ nữ, đặc biệt là đối với các ni cô; gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế đối với các hãng mỹ phẩm. Hành vi ấy đã phạm vào tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật được quy định tại Khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Thưa Hội đồng xét xử,

Nhạc Bất Quần đã phạm các tội trộm cắp tài sản theo Khoản 2 Điều 138 có mức án từ 2 đến 7 năm tù; tội vu khống theo Khoản 2 Điều 122 có mức án từ 1 đến 7 năm tù; tội giết người theo Khoản 1 Điều 193 có mức án tử hình; tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật theo Khoản 2 Điều 123 có mức án từ 1 đến 5 năm tù. Chúng tôi đề nghị mức án tổng hợp tử hình đối với bị cáo Nhạc Bất Quần về cả bốn tội danh trên.

Xin cảm ơn Hội đồng xét xử.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Bản luận tội Nhất Đăng đại sư

Kính thưa Hội đồng xét xử,

Bị cáo Nhất Đăng là một nhân vật... trong bộ tiểu thuyết Xạ điêu anh hùng truyện. Nhất Đăng chỉ là pháp hiệu, tên thật của bị cáo là Đoàn Trí Hưng, nghề nghiệp: hoàng đế nước Đại Lý; địa chỉ thường trú: thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc ngày nay. Bị cáo Nhất Đăng đã từng được nhà văn Kim Dung xếp vào Võ lâm ngũ bá (5 ông trùm của võ lâm) cùng với Vương Trùng Dương (giáo chủ phái Toàn Chân), Hồng Thất Công (bang chủ Cái bang), Âu Dương Phong (chưởng môn Bạch Đà Sơn) và Hoàng Dược Sư (đảo chủ Đào Hoa đảo).

Tống Thái tổ Triệu Khuông Dẫn lên ngôi làm vua ở Trung Quốc, mở ra nhà Đại Tống, đóng đô ở Biện Kinh, tức phủ Khai Phong từ năm 960. Họ Đoàn lên ngôi vua ở Côn Mình, mở ra nước Đại Lý trước Triệu Khuông Dẫn 23 năm, tức từ năm 937. Đại Lý là một quốc gia độc lập ở phía Tây nam Trung Quốc, coi Phật giáo là quốc giáo. Các vua nước Đại Lý sùng mộ Phật giáo, tính đến Nhất Đăng thì trong 18 đời đã có 7 vị xuất gia làm sư. Bị cáo Nhất Đăng là đời vua thứ 18 của nước Đại Lý nhưng động cơ xuất gia của bị cáo không phải là do sùng mộ Phại giáo mà nên. Bị cáo xuất gia là để tránh một sự trả thù và đồng thời cũng để tỏ lòng ăn năn hối hận về những hành vi phạm pháp luật mà bị cáo đã gây ra trước đó. Hồ sơ vụ án do Kim Dung xây dựng đã thể hiện rõ lời nhận tội của bị cáo: "Ta tạo phúc cho trăm họ thì ít mà gây ra tội nghiệt thì nhiều". Cần nhớ rằng bị cáo nhận tội ngay trong bản cung đầu tiên, trạng thái tinh thần hoàn toàn sáng suốt, không hề bị cán bộ điều tra dùng nhục hình, bức cung, dụ cung.

Có thể nói khi còn là hoàng đế nước Đại Lý, bị cáo Nhất Đăng là con người lý tưởng, biết giữ cho quốc gia một nền hoà bình bền vững, biết chăm lo cơm áo cho trăm họ. Bản thân bị cáo cũng là tôn sư của một võ phái, là một đại hành gia với tuyệt kỹ Nhất dương chỉ. Võ công của bị cáo cao cường đến nỗi một chỉ (ngón tay) phóng ra có thể là tan bia vỡ đá, huống chi nói tới tấm thân huyết nhục của con người. Bản lĩnh của bị cáo thật khiến cho người ta kinh hãi: "Ngón tay phóng ra co vào như ý muốn; cánh tay cử động ung dung khoáng dật, điểm vào 36 đại huyệt với 36 thủ pháp khác nhau". Rồi có

khi: "Nhà sư đi như rồng, bước như cọp, cánh tay rung rung như chuồn chuồn điểm thủy". Phòng cách võ công của bị cáo là phong cách võ công của một bậc đại vương giả, người thường ít ai có được. Một người như bị cáo tưởng đã có thể an tâm là vua nước Đại Lý lâu dài, tiếp tục tạo phúc cho trăm họ, tiếp tục làm một thế lực đối trọng chống kẻ tà ác để góp phần duy trì công đạo cho võ lâm. Ấy thế mà bị cáo đã phạm tội đến nỗi phải đào nhiệm, bỏ trốn khỏi nơi cư trú, dẫn một số quan chức thân cận về huyện Đào Nguyên, Giang Nam, Trung Quốc rồi xuống tóc đi tu.

Đại Lý là một nước nhỏ; họ Đoàn làm vua thường chủ trương kiệm ước, khác hẳn cách sống hưởng thụ xa hoa, truỵ lạc của các vua nhà Đại tống. Các vua Đại Lý không tổ chức ra tam cung lục viện; hàng năm cũng không tuyển thêm các hoa hậu, hoa khôi, người mẫu, thiếu nữ thanh lịch để bổ sung vào đội ngũ phi tần, cung nữ. Tuy vậy, bị cáo Nhất Đăng, tức Đoàn Trí Hưng, vẫn là vua nên ngoài hoàng hậu chánh cung còn có thêm một số thứ phi khác. Trong đội ngũ phi tần ấy, có Lưu phi, tên thật là Lưu Anh Cô, 19 tuổi, thật sự là một đại hoa hậu.

Lưu Anh Cô hiếu võ, thường mong muốn được bị cáo dạy cho những môn võ công độc đáo. Ban đầu thì bị cáo có dạy cho Lưu Anh Cô vài ba chiêu thức nhưng sau đó việc dạy dỗ trở nên lơ là, thậm chí nghĩa vụ chăn gối cũng thực hiện không xong. Theo bị cáo, tình hình tồi tệ đó xảy ra là do bị cáo phải tiếp giáo chủ Toàn Chân giáo Vương Trung Dương đang sang thăm và làm việc với bị cáo để trao đổi võ công thượng thừa.

Đi theo Vương Trùng Đương có gã sư đệ tên Châu Bá Thông, ngoaạ hiệu là Lão ngaon đồng, tâm tính hồn nhiên, con người hiếu động, chỉ thích giỡn chơi. Lưu Anh Cô gặp Châu Bá Thông, đề nghị gã này dạy cho cô phép điểm huyệt. THế nhưng đại phàm phép điểm huyệt là ít nhất phải đưa ra một ngón tay để đụng chạm vào da thịt của người khác. Mà những huyệt đạo trên thân thể con người lại nằm ở những vị trí rất ác hại: huyệt Mi tâm nằm giữa hai lông mày, huyệt Đản trung nằm giữa ngực, huyệt Đan điền nằm dưới lỗ rún mấy phân tây... Từ điểm huyệt, Châu Bá Thông và Lưu Anh Cô đã thực hiện chuyện "điểm" nhau ngay trong cung cấm. Bị cáo Nhất Đăng có biết rõ việc ấy. Đó là việc xảy ra trong hoàng cung, bị cáo đang làm vua và làm chủ nhà. Chuyện bị cáo phản cung, cho rằng mình không biết chuyện quan hệ giữa Châu Bá Thông và Lưu Anh Cô là không có cơ sở để tin cậy.

Lưu Anh Cô có thai với Châu Bá Thông. Vương Trùng Dương giận lắm, muốn trừng phạt gã sư đệ lỗ mãng dã dám động chạm đến ái phi của ông bạn

quý. Song bị cáo Nhất Đăng chính thức tuyên bố cho phép Lưu Anh Cô được lấy Châu Bá Thông, hai người phải nên duyên nợ vợ chồng. Lúc này thì Châu Bá Thông giở quẻ. Đương sự tâu rõ với bị cáo rằng đương sự gây ra lầm lỗi, bị cáo muốn giết đương sự cũng được nhưng đừng bắt buộc đương sự phải làm chồng Lưu Anh Cô. Rồi đương sự... chạy trốn khỏi chốn hoàng cung nước Đại Lý. Từ đó, bị cáo không nhìn đến Lưu Anh Cô nữa.

Hai năm sau, một đêm, Lưu Anh Cô chợt xuất hiện, bồng đứa con trên tay đến nhờ bị cáo Nhất Đăng cứu mạng. Nguyên đứa con của cô bị một cao thủ nào đó đánh trọng thương nhưng đứa bé không chết. Hành vi vố ý gây thương tích này có ý đồ rõ ràng: kẻ gây án muốn bị cáo Nhất Đăng sử dụng Nhất dương chỉ để cứu mạng cho đứa bé, khiến cho bị cáo tiêu hao công lực để kẻ thù ra mặt thách đấu.

Ban đầu, bị cáo nhận cứu giúp đứa con riêng của Lưu Anh Cô. Nhưng khi giở tấm khăn bọc đứa bé ra, bị cáo nhìn thấy chiếc yếm đứa bé đang đeo chính là tấm khăn gấm thêu đôi uyên ương và những câu thơ do Lưu Anh Cô tặng Châu Bá Thông thì ngẩn người ra. Hồ sơ vụ án không thể hiện rõ bị cáo có nổi lòng ghen tức hay không, nhưng có ghi lại một câu mà bị cáo đã nói: "Con của các ngươi sinh ra thì tại sao ta phải hao tổn tinh lực để cứu?". Lưu Anh Cô quỳ lại bị cáo, nguyện tự xử lấy mình để bị cáo ra tay cứu mạng cho đứa bé nhưng bị cáo vẫn không chịu cứu giúp. Chỉ trong một đêm mà mái tóc xanh của Lưu Anh Cô đã trở nên bạc trắng. Bị cáo nhìn rõ mọi diễn biến đo trên mái tóc của Lưu Anh Cô nhưng y vẫn không chịu cứu đứa bé. Trong lúc quẫn trí, Lưu Anh Cô điên cuồng cất tiếng hát ru con rồi dùng lưỡi truỷ thủ mang trong người giết chết đứa bé rồi bỏ hoàng cung ra đi.

Đứa bé ấy là con của Lưu Anh Cô và Châu Bá Thông. Thế nhưng trên phương diện pháp luật, Lưu Anh Cô vẫn là vợ của bị cáo bởi trong hồ sơ vụ án không có một chứng cứ nào chứng minh rằng bị cáo và Lưu Anh Cô đã ly dị; bị cáo không còn nghĩa vụ làm chồng đối với Lưu Anh Cô. Lưu Anh Cô lại sinh đứa bé ra ngay trong hoàng cung nên trên danh nghĩa, đứa bé ấy vẫn là con của bị cáo, trừ trường hợp bị cáo xuất trình được... biên bản xét nghiệm ADN chứng minh đứa bé không mang những đặc điểm di truyền của bị cáo. Mà dù đứa bé ấy là con của một người nào đó thì bị cáo vẫn phải có nghĩa vụ cứu giúp nạn nhân bởi bị cáo có công phu Nhất dương chỉ, tức là có khả năng và điều kiện cứu giúp nạn nhân.

Nếu xét theo... pháp luật Việt Nam ngày nay, hành vi từ chối cứu người của bị cáo Nhất Đăng đã phạm vào tội không cứu người đang ở trong tình trạng

nguy hiểm đến tính mạng, được quy định rõ tại Tiết b Khoản 2 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 1999 "Người không cứu giúp là người mà theo pháp luật hay nghề nghiệp có nghĩa vụ phải cứu giúp.", có khung hình phạt từ 1 đến 5 năm tù.

Ở đây, chúng tôi xin lưu ý Hội đồng xét xử một điều là bị cáo Nhất Đăng có trình độ văn hóa cao, có hiểu biết pháp luật sâu rộng. Nạn nhân trong trường hợp cụ thể này là một hài nhi. Cho nên hành vi phạm tội của Nhất Đăng không có một tình tiết nào có thể được gọi là giảm nhẹ. Từ những điều đã trình bày trên, cần có một bản án thích hợp với hành vi gây án của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo và góp phần răn đe giáo dục chung. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nhất Đăng, tức Đoàn Trí Hưng mức án 5 năm tù giam, cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ hoàng đế nước Đại Lý vĩnh viễn.

Xin cám ơn Hội đồng xét xử.

Báo cáo về việc đình chỉ điều tra vụ án Tiểu Long Nữ

Trong thời gian qua, dư luận xã hội và dư luận của các bạn đọc bộ tiểu thuyết Thần điêu hiệp lữ đặc biệt quan tâm đến trường hợp Tiểu Long Nữ bị hiếp dâm. Cơ quan điều tra của chúng tôi đã nhận được đơn khiếu nại của đương sự.

Tiểu Long Nữ là một cô gái 18 tuổi, chưởng môn phái Cổ Mộ Đài, học trò của Lâm Triều Anh. Sư phụ của đương sự trước đây có tình cảm với Vương Trùng Dương, chưởng môn phái Toàn Chân. Cả hai phái Toàn Chân và Cổ Mộ Đài cùng đóng ở chân núi Chung Nam cho nên đệ tử của hai phái là hàng xóm với nhau. Các báo cáo của Công an huyện và Công an xã ghi nhận: tuy là hàng xóm nhưng giữa hai phái đã xảy ra những việc xích mích, thậm chí đánh nhau bằng vũ khí. Nhận thấy đây là hai võ phái thuộc hệ thống võ lâm Trung Nguyên, hơn nữa hậu quả của các lần xung đột không nghiêm trọng, địa phương đã có ý kiến giáo dục, hoà giải đôi bên; chưa đến mức phải xử phạt hành chính. Mọi việc chỉ thực sự nghiêm trọng khi có tên Dương Qua và tu chung với Tiểu Long Nữ trong Cổ Mộ Đài.

Dương Qua, còn gọi là Quá (lỗi lầm), là một thiếu niên mới 16 tuổi, cha là Dương Khang (đã chết), mẹ là Mục Niệm Từ (đã chết). Theo các hồ sơ còn lưu trữ tại cơ quan điều tra thì trước đây, Dương Khang đã từng nhận tên giặc Kim là Định Nam vương Hoàn Nhan Hồng Liệt làm cha, từng gây nhiều nợ máu với nhân dân các tỉnh Đông - Bắc Trung Quốc. Dương Khang lấy Kim tịch là Hoàn Nhan Khang, tính tình khắc bạc và dâm đãng. Việc y có con với Mục Niệm Từ là ngoài ý muốn của y. Sinh ra đứa con, Mục Niệm Từ mới đặt tên con là Dương Quá theo ý của đức Khổng Tử dạy: "Hữu quá tắc cải" (có lỗi thì phải sửa). Bà Từ cho rằng việc Dương Khang nhận giặc làm cha là lỗi lầm lớn nhất và hy vọng đứa con sẽ sửa được lỗi lầm của cha.

Dương Qua lớn lên, học tạp nhạp rất nhiều món võ công (của Hồng Thất Công, Hoàng Dung, Quách Tĩnh...). Đặc biệt là y tôn Âu Dương Phong, một ma đầu, trang chủ Bạch Đà Sơn trang ở Tây Vực, nhận y làm cha nuôi (dưỡng phụ). Sau đó, y sinh sự và đánh nhau với bọn đệ tử phái Toàn Chân. Bị người của phái Toàn Chân đuổi đánh, y chạy trốn vào Cổ Mộ Đài, được Tiểu Long Nữ ra tay cứu giúp. Tiểu Long Nữ có nuôi một bầy ong độc, thả

bầy ong ra tập kích đệ tử phái Toàn Chân; nhờ đó mà Dương Qua mới trốn thoát. Cơ quan Cảnh sát điều tra chúng tôi nhận định rằng chính vụ việc này là nguyên nhân dẫn đến vụ án sau này.

Theo lời khai của Tiểu Long Nữ trước cơ quan điều tra thì có một lần cô tự ý thoát y ở một chỗ vắng vẻ để luyện môn võ công Ngạc nữ tâm kinh, đã bị một người đàn ông nào đó điểm huyệt từ phía sau và thực hiện hành vi đồi bại. Cũng theo lời khai của cô, trong lúc thực hiện hành vi này, kẻ gây án đã lấy áo của cô che mặt cô lại nên cô không xác định được kẻ gây án là ai. Đương sự cũng cho biết, ban đầu cô nghĩ đó là Dương Qua, đứa học trò chỉ thua cô 2 tuổi. Cô khai đã bóng gió điều tra tên học trò này nhiều lần nhưng y không tỏ vẻ gì là tha thiết với cô về mặt quan hệ sinh lý. Mà theo cô, trên đời này chỉ có Dương Qua mới là kẻ thực hiện hành vi đồi bại đó, bởi hôm ấy chỉ có y mới biết cô đang luyện công phu Ngọc nữ tâm kinh và công phu này cần phải thoát y thì mới luyện thành. Về sau này, một số "chưởng môn" khác như Brigitte Bardot, Jennifer Aniston, Marilyn Monroe, Sophia Loren, Kim Bassinger... cũng thường xuyên thoát y luyện môn này nhưng không thành công. Một là vì họ luyện ở chỗ đông người, hai là họ luyện mà không có tâm pháp, ba là họ luyện lâu quá khiến các ông chụp hình thoải mái, thành ra trò cười của thiên hạ. Nói chung, Tiểu Long Nữ nghi ngờ Dương Qua chính là kẻ gây án.

Cơ quan điều tra đã triệu tập Dương Qua đến làm việc. Dương Qua khai ngày ấy, chính y đã biết Tiểu Long Nữ luyện Ngọc nữ tâm kinh. Y vâng lời dạy của sư phụ nên ngồi rất xa sư phụ và hoàn toàn không biết việc gì đã xảy ra. Lời khai của y có vẻ thành thật. Cơ quan điều tra đã xác minh đầy đủ giờ giấc của Dương Qua và thấy rằng không có khoảng thời gian nào bất minh để có thể kết luận y là kẻ gây án. Cơ quan điều tra thấy không đủ cơ sở để buộc tội Dương Qua.

Cơ quan điều tra cũng đã triệu tập tên Doãn Chí Bình đến làm việc. Bình là người phái Toàn Chân, đệ tử của đạo sĩ Khưu Xứ Cơ. Bình khia sáng hôm ấy, y quét tước, dọn dẹp trong sơn môn; không hề ra sau núi, cũng không dám bước sang ranh giới của phái Cổ Mộ Đài nên Bình không hề hay biết gì về sự việc xảy ra xung quanh núi. Tên đạo sĩ lời khai khá hồ đồ, quanh co nhưng cơ quan điều tra không tìm được yếu tố buộc tội nên đã thả y ra.

Tại sao cơ quan điều tra không tìm được yếu tố buộc tội? Đó là do đương sự Tiểu Long Nữ phản ánh mọi sự việc với cơ quan điều tra quá chậm. Trong thâm tâm, đương sự cho rằng kẻ thực hiện hành vi ấy là Dương Qua, người

mà đương sự thầm yêu trộm nhớ. Mãi đến 3 tháng sau, khi hiểu ra rằng nhận định đó là sai lầm, Tiểu Long Nữ mới nộp đơn đề nghị khởi tố vụ án với cơ quan điều tra. Nếu đương sự đề nghị khởi tố ngay trong ngày hôm ấy thì chúng tôi đã có thể lấy mẫu, trưng cầu xét nghiệm ADN và đã có thể tìm ra thủ phạm.

Sau đó hơn một năm, Doãn Chí Bình và một đồng môn khác là Triệu Chí Kính đánh nhau. Triệu Chí Kính có tố cáo Bình là kẻ đã thực hiện hành vi đồi bại với Tiểu Long Nữ. Dư luận nhân dân ở núi Chung Nam đã phản ánh điều đó với chúng tôi và chúng tôi đã mời Triệu Chí Kính lên làm việc. Kính khai rằng y có biết Doãn Chí Bình đã thực hiện hành vi ấy với Tiểu Long Nữ nhưng khi cơ quan điều tra hỏi y có trực tiếp chứng kiến không thì Kính trả lời là không. Bởi giữa Bình và Kính đang có sự tranh chấp về quyền lợi, địa vị nên cơ quan điều tra rất thận trọng, không loại trừ khả năng Kính thù ghét Bình mà đưa ra dư luận bất lợi cho Bình. Tuy nhiên, cơ quan điều tra cũng tống đạt lệnh triệu tập đến Doãn Chí bình lần thứ hai. Đại diện phái Toàn Chân cho biết Bình đã đi xa, không rõ nơi nào và không rõ ngày nào về. Có nguồn tin khác cho biết là Bình tham gia lực lượng đánh quân Mông Cổ.

Vụ án kéo dài 3 năm; cơ quan điều tra của chúng tôi cũng đã làm hết sức mình trong phạm vi cho phép của pháp luật nhưng không tìm ra thủ phạm. Tang chứng, vật chứng của vụ án không còn: hiện trường cũng đã thay đổi quá nhiều. Người bị hại Tiểu Long Nữ cùng học trò cô là Dương Qua đã bỏ Cổ Mộ Đài ra đi. Căn cứ vào Điều 139 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cơ quan điều tra đã ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Nếu có được chứng cứ xác thực, đáng tin cậy, chúng tôi sẽ phục hồi điều tra vụ án. Vậy xin báo cáo để các cơ quan hữu quan rõ.

Kết luận điều tra về hành vi phạm tội của Chu Chỉ Nhược

Họ và tên bị can: Chu Chỉ Nhược
Tên khác: Không có
Trình độ văn hoá: Biết đọc biết viết, tinh thông Dịch kinh
Tôn giáo: Phật giáo
Hoàn cảnh gia đình: Độc thân
Nghề nghiệp: chưởng môn phái Nga My

Căn cứ vào Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 1999, cơ quan điều tra đề nghị truy tố bị can Chu Chỉ Nhược về các tội danh "giết người" (Điều 93), "giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" (Điều 95), "trộm cắp tài sản" (Điều 138), "cố ý làm hư hỏng tài sản" (Điều 143). Trên cơ sở điều tra, cơ quan điều tra kết luận như sau:

Bị can Chu Chỉ Nhược là con gái của người thuyền chài không rõ tên trên sông Hán Thủy. Trong lần đào thoát của Thường Ngộ Xuân và Chu công tử, con trai của Chu Tử Vượng; cha của bị can bị quân Nguyên (Mông Cổ) bắn chết. Thường Ngộ Xuân nguyên là bộ tướng của Chu Tử Vượng, một người trong lực lượng Minh giáo tham gia khởi nghĩa chống quân Nguyên ở Hoài Tứ. Khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Chu Tử Vượng bị giết, Thường Ngộ Xuân cùng con trai của Chu Tử Vượng bị quân Mông Cổ truy sát trên dòng sông Hoài Thuỷ, làm chết Chu công tử và cha của bị can. May là lúc đó Trương Tam Phong, chưởng môn phái Võ Đang, cùng đồ tôn là Trương Vô Kỵ đang trên đường từ chùa Thiếu Lâm về, đã đánh tan quan binh truy sát, cứu mạng Thường Ngộ Xuân và Chu Chỉ Nhược.

Lúc bấy giờ, Trương Vô Kỵ mới 10 tuổi và Chu Chỉ Nhược mới 8 tuổi nhưng đã quyến luyến nhau. Trương Vô Kỵ gặp bệnh hiểm nghèo sắp chết nhưng Nhược đã làm quen, đút cơm cho Vô Kỵ ăn, an ủi Vô Kỵ. Trước tình cảnh đó, Thường Ngộ Xuân đưa ra một điều kiện: Xuân sẽ đưa Vô Kỵ đi gặp bác sĩ giỏi để chữa bệnh; ngược lại Trương Tam Phong sẽ bảo bọc cho Chu Chỉ Nhược. Hai bên đã đồng ý.

Sau khi về núi Võ Đang, Chu Chỉ Nhược được Trương Tam Phong gửi làm đệ tử tục gia của Diệt Tuyệt sư thái, chưởng môn phái Phật giáo Nga My.

Tại đây, y thị tu học trên 10 năm, trở thành một vị cô nương xinh đẹp, võ công cao cường. Khi Diệt Tuyệt sư thái sắp qua đời, có di ngôn cho Chu Chỉ Nhược kế tục đảm nhiệm chức vụ chưởng môn phái Nga My. Cũng trong thời gian đó, Trương Vô Kỵ bị lưu lạc sang Tây Vực, nhờ may mắn mà tự chữa được bệnh và tu tập được võ công cao cường, cứu được bọn quần hùng Minh giáo (Bái hỏa giáo Trung Quốc), được tôn xưng giáo chủ Minh giáo. Xa nhau hơn 10 năm, cả hai gặp lại nhau trên đỉnh Quang Minh, dãy Thiên Sơn tại Tây Vực.

Trong lúc truy tìm và giải cứu cha nuôi là Tạ Tốn đang bị Kim Hoa bà bà giam lỏng tại Linh Xà đảo, Vô Kỵ tình cờ gặp lại Chu Chỉ Nhược và Hân Ly (em họ của Vô Kỵ). Cùng đi với Vô Kỵ có Triệu Mẫn (tên thật là Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, Thiệu Mẫn quận chúa Mông Cổ) và Tiểu Siêu (gái lai Ba Tư, người hầu của Vô Kỵ). Thấy Vô Kỵ có mang theo hai bảo vật hiếm có trên thế gian là kiếm Ỷ Thiên và đao Đồ Long, Chu Chỉ Nhược đã rắp tâm chiếm đoạt, chỉ chờ có cơ hội thuận tiện là ra tay.

Trên vùng biển Linh Xà đảo, Vô Kỵ đã đụng độ với 12 Bảo Thụ vương và Phong Vân Nguyệt tam sứ của Bái hoả giáo Ba Tư. Tại đây, Kim Hoa bà bà, nguyên là Tử Sam Long Vương (đứng đầu trong Tứ hộ giáo pháp vương của Minh giáo Trung Quốc), bị người Ba Tư bắt và chuẩn bị đưa lên giàn hỏa vì đã phản bội sứ mạng của Minh giáo Ba Tư. Kim Hoa bà bà, tên thật là Đại Ỷ Ty, nguyên là Thánh nữ của Bái hoả giáo Ba Tư, là mẹ ruột của Tiểu Siêu, người hầu của Vô Kỵ. Để cứu tất cả mọi người, Tiểu Siêu, dù đã thầm yêu, phải chấp nhận xa Vô Kỵ, trở về Ba Tư để lên ngôi giáo chủ Bái hoả giáo, cứu mạng cho mẹ ruột. Chia tay trên biển, Trương Vô Kỵ đưa Tạ Tốn, Hân Ly, Triệu Mẫn và Chu Chỉ Nhược trở về Trung Nguyên. Trên đường về, họ ghé tạm vào một hòn đảo không tên để nghỉ ngơi và điều trị các vết thương. Tại đây, bị can Chu Chỉ Nhược đã thực hiện các hành vi gây án nghiêm trọng.

Biết Triệu Mẫn có món thuốc độc Thập hương nhuyễn cân tán, bị can Chu Chỉ Nhược đã lấy cắp và dùng thủ đoạn đê hèn để đầu độc Vô Kỵ, Tạ Tốn, Triệu Mẫn và Hân Ly. Y thị chiếm đoạt được cả kiếm Ỷ Thiên lẫn đao Đồ Long, làm gãy cả hai bảo vật hiếm có này, lấy được bộ Cửu âm chân kinh - một kinh điển võ học thượng thừa – cùng với bộ chưởng pháp Hàng long thập bát chưởng, Võ Mục di thư - một bộ binh pháp dùng để đuổi quân xâm lược. Y thị trói Triệu Mẫn, bỏ lên thuyền và thả trôi lênh đênh trên biển. Hồ sơ vụ án do Kim Dung ghi lại đã gọi hành vi này là "phóng trục". May mắn là sau đó Triệu Mẫn không chết và được cứu sống. Đối với Hân Ly, cô em

cô cậu yêu Vô Kỵ tha thiết, bị can Nhược đã thể hiện lòng ghen tuông sâu sắc và thực hiện thủ đoạn cực kỳ hèn mạt. Y thị giết Hân Ly bằng cách vạch nhiều nhát kiếm lên mặt cô gái này và tạo hiện trường giả để đổ tội cho Triệu Mẫn.

Thực hiện xong các thủ đoạn gây án hèn mạt đó, bị can Nhược cũng giả vờ trúng độc Thập hương nhuyễn cân tán để đánh lừa Trương Vô Kỵ và Tạ Tốn. Quả nhiên, Trương Vô Kỵ bị y thị đánh lừa, luôn tin rằng Triện Mẫn là kẻ thủ ác tàn bạo. Riêng nhân chứng Tạ Tốn tuy mù nhưng lại biết rõ các hành vi gây án của bị can Nhược. Tuy nhiên, vì cả Tạ Tốn lẫn Trương Vô Kỵ đều bị trúng độc nên không tiện lên tiếng tố cáo nhằm tránh bị bị can Nhược thủ tiêu bịt đầu mối.

Trở về Trung Nguyên, bị can Nhược luyện ngay Cửu âm chân kinh. Tuy nhiên, do ý nghĩa bộ kinh này quá ảo diệu và nóng lòng muốn thành công nhanh chóng nên y thị chỉ tập trung luyện những phần bá đạo. Từ khi luyện hai môn võ công bá đạo này, bị can Nhược ngày càn tỏ ra tàn bạo hơn. Lúc Triệu Mẫn tìm đến khi lễ cưới giữa Vô Kỵ và bị can diễn ra, kêu gọi Vô Kỵ đi cứu Tạ Tốn; bị can Nhược trong lớp áo cô dâu, đã dùng một chiêu trong Cửu âm bạch cốt trảo, chộp vào đầu Triệu Mẫn hòng giết chết cô ngay lúc ấy. Rất may là Triệu Mẫn đã cảnh giác trước, phản xạ lanh lẹ nên bị can đã đánh trượt vào vai; nhờ đó cô mới thoát chết. Ngoài ra, nhân chứng Vô Kỵ có khai rằng, anh nghi ngờ rằng chính bị can đã thực hiện hành vi giết người đối với đôi vợ chồng già Đỗ Bách Đương và Dịch Tam Nương, cư trú dưới chân núi Thiếu Thất, hòng phục kích giết chết Triệu Mẫn; cũng như nhiều lần chủ mưu hoặc trực tiếp mưu sát Tạ Tốn để bịt đầu mối. Tuy nhiên, yếu tố này chưa đủ bằng chứng để buộc tội bị can.

Trước cơ quan điều tra, bị can Chu Chỉ Nhược đã thú nhận các hành vi gây án đối với những người bị hại. Y thị khai rằng y thị rất yêu thương Trương Vô Kỵ nhưng y thị đã trót có lời thề với sư phụ trước khi bà này chết. Lời thề đó là không được lấy Trương Vô Kỵ mà phải bằng mọi cách lấy cho được bảo kiếm và bảo đao, luyện thành võ công cao cường để đưa páhi Nga My lên đứng đầu thiên hạ. Nhưng trước cơ quan điều tra, những điều y thị nại ra là không có cơ sở để tin cậy.

Trong quá trình điều tra, phá án, cơ quan điều tra đã thu giữ được hai đoạn gãy của thanh kiếm Ỷ Thiên, riêng thanh đao Đồ Long đã được hàn lại, ba bộ kinh sách viết trên lụa mỏng, một bình thuốc độc. Theo biên bản kết luận giám định của phòng khoa học kỹ thuật hình sự, loại độc dược đựng trong

bình là một loại thuốc bột kết hợp từ 10 thứ nhuỵ hoa, có tác dụng làm người bị trúng độc uể oải gân cốt, đi đứng không vững có tên là Thập hương nhuyễn cân tán. Trước những lời khai của các nhân chứng, đặc biệt là lời khai của nhân chứng Tạ Tốn ghi tại chùa Thiếu Lâm, các tang chứng, vật chứng cụ thể trên, Chu Chỉ Nhược đã cúi đầu nhận tội.

Kết luận:
Bị can Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga My, đã thiếu tu dưỡng đạo đức, tự buông thả mình theo các tham vọng cá nhân, trở thành kẻ phạm tội. Hành vi lấy kiếm rạch nhiều nhát lên mặt Hân Ly do bị can thực hiện đã cấu thành tội "giết người" theo Điều 93 Bộ luật Hình sự. Việc Hân Ly không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị can. Hành vi đánh Triệu Mẫn trong lễ cưới của bị can đã cấu thành tội "giết người trong trạng thái kích động mạnh" theo Điều 95 Bộ luật Hình sự. Việc bị can dùng thuốc độc đối với bốn người bị hại Vô Kỵ, Tạ Tốn, Triệu Mẫn và Hân Ly khiến bốn người mê man để y thị tiến hành việc trộm cắp bảo kiếm Ỷ Thiên và bảo đao Đồ Long đã cấu thành tội "trộm cắp tài sản" theo Điều 138 Bộ luật Hình sự. Hành vi làm gãy kiếm Ỷ Thiên và đao Đồ Long để lấy 3 bộ kinh sách trong đó của bị can đã cấu thành tội "cố ý làm hư hỏng tài sản" theo Điều 143 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đề nghị Viện Kiểm sát truy tố bị can Chu Chỉ Nhược với 4 tội danh nêu trên. Vậy xin chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án để quý viện nghiên cứu.

Yếu tố bằng chứng trong truyện võ hiệp Kim Dung

Tiểu thuyết võ hiệp của nhà văn Kim Dung không phải là sách pháp luật, cũng không phải là sách nghiên cứu về khoa học kỹ thuật hình sự. Tuy nhiên, những nhân vật của ông là giới hào sĩ giang hồ, có môn phái rõ ràng, sinh hoạt chủ yếu của họ đặt trên đường đao, mũi kiếm nên ít nhiều đã gây ra những trọng án. Để xây dựng thành một trọng án như thế, Kim Dung đã khéo léo tạo ra những bằng chứng, yếu tố không thể thiếu giúp bọn hào sĩ giang hồ điều tra, khám phá sự thật.

Có những bằng chứng tự nó nói lên sự thật, chỉ ra kẻ gây án. Trong Liên thành quyết (hay Tố tâm kiếm), nhân vật Thích Phương bị giết bởi một lưỡi truỷ thủ - một dạng dao găm ngắn. Nhìn lưỡi truỷ thủ còn cắm trên bụng người sư muội của mình, Địch Vân biết ngay kẻ gây án là Vạn Khuê, chồng của nạn nhân. Vạn Khuê cưới Thích Phương không phải vì tình yêu; hắn chỉ muốn moi bí mật của Liên thành quyết, gồm những chữ ráp lại từ Đường thi tuyển tập để đi tìm một kho báu giá trị liên thành. Những chữ đó là: “Giang Lăng thành Nam, Tây Thiên Ninh tự, hoàng kim Phật tượng, hướng chi mô bái kiến thành chúc cáo thông linh Như Lai tứ phướng vãng sinh cực lạc” (Phía Nam thành Giang Lăng, phí Tây chùa Thiên Ninhtượng Phật trong đại điện, hướng vào thành tâm vái lạy chúc cáo, Đức Như Lai sẽ ban phước được vãng sinh miền cực lạc).

Cũng trong tác phẩm này, khi bật nóc hòm của tiểu thư Lăng Sương Hoa để rải hài cốt của Đinh Điển, người tình của Lăng tiểu thư, vào hợp tán, Địch Vân đã nhìn thấy cẳng tay của bộ xương đưa lên và trên mặt gỗ nắp áo quan phía trong có những chữ viết bằng móng tay. Hai bằng chứng sống động đó cho phép Địch Vân hiểu ra là Lăng Sương Hoa đã bị cha mình, tri phủ Lăng Thoái Tư, chôn sống. Trước khi tắt thở, cô còn gắng gượng đưa tay lên viết những dòng chữ từ biệt người tình Đinh Điển.

Những nhân vật thực hiện công tác điều tra trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung thông minh một cách kỳ lạ. họ chỉ suy đoán nhưng suy đoán đó lại kinh qua những nhận định rất hợp lý và do vậy, họ suy đoán rất trúng. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Lệnh Hồ Xung tìm thấy xác hai vị sư thái Định Nhàn và Định Tĩnh phái Hằng Sơn trên chùa Thiếu Lâm. Định Nhàn vẫn

còn đủ sáng suốt để nhìn ra Lệnh Hồ Xung và trao lại cho chàng chiếc nhẫn sắt của chưởng môn phái Hằng Sơn. Nhà tu từ bi này tuyệt đối không cho Lệnh Hồ Xung biết ai đã giết mình; Lệnh Hồ Xung là nam nhân, không tiện cởi áo hai vị sư thái ra xem vết thương để biết thủ phạm. Thế nhưng, đại tiểu thư Nhậm Doanh Doanh, bạn gái Lệnh Hồ Xung, đã xem được vết thương đó, biết vết thương là do vật nhọn rất nhỏ đâm trúng trái tim. Cô suy đoán: kẻ giết người đã dùng vật nhọn như mũi kim thêu chẳng hạn; và thân pháp của hắn rất lẹ, công lực của hắn cực cao mới giết nổi Định Nhàn và Định Tĩnh. Để có công lực rất cao, thân pháp cực lẹ, nhân vật này hẳn đã luyện xong Tịch tà kiếm phổ. Kẻ ấy là ai? Chính là Nhạc Bất Quần, gã nguỵ quân tử, kẻ đã ăn cắp được Tịch tà kiếm phổ và nguyên là sư phụ của Lệnh Hồ Xung.

Có những loại bằng chứng rất đặc biệt, gắn liền với một nhân vật đến nỗi nó trở thành "thuộc tính" của nhân vật đó. Và do vậy, khi trưng ra bằng chứng đó, người ta biết ngay nó thuộc về ai. Đó là trường hợp những sợi tóc vàng của Tạ Tốn (Ỷ thiên Đồ long ký). Tạ Tốn có ngoại hiệu Kim mao sư vương (Sư tử lông vàng) vì tóc của nhân vật này vàng rực. Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga Mi, đã phóng trục Triệu Mẫn, giết Hân Ly, mưu toan bắt giam Tạ Tốn, ăn cắp được cả Ỷ thiên kiếm lẫn Đồ long đao. Cô tổ chức lễ cưới với Trương Vô Kỵ, con nuôi (dưỡng tử) của Tạn Tốn. Khi hai người sắp bái thiên địa để thành lứa đôi thì Triệu Mẫn xuất hiện và đưa ra một sợi tóc vàng. Thấy sợi tóc đó, Trương Vô Kỵ đã bỏ đám cưới, chạy theo Triệu Mẫn để cứu nghĩa phụ của mình. Từ sợi tóc vàng đặc biệt này, kết hợp với một số bằng chứng khác nữa, Vô Kỵ dần dần hiểu ra toàn bộ những âm mưu và những thủ đoạn của Chu Chỉ Nhược.

Cũng bởi bằng chứng rất đặc biệt cho nên trong truyện võ hiệp của Kim Dung có trường hợp đưa ra bằng chứng giả, dựng hiện trường giả để vu oan giá họa cho một người hoặc để đánh lạc hướng điều tra. Yếu tố này rất độc đáo bởi xã hội mà Kim Dung muốn phản ánh là xã hội Trung Hoa cách tác giả trên 300 năm.

Thiên Long bát bộ thuật lại câu chuyện nàng Ôn Khang giết chồng là Mã Đại Nguyên, phó bang chủ Cái bang. Để vu oan giá họa cho Kiều Phong, bang chủ Cái bang, Ôn Khang đã phục rượu cho chồng mình say, rồinhờ Bạch Thế Kính, một tình nhân của mình, giết chồng bằng chiêu thức Tỏa hầu cầm nã thủ. Đây là một môn công phu độc đáo mà chỉ có Kiều Phong mới đủ công lực thực hiện. Để tăng độ xác tín, Ôn Khang còn ăn cắp cây quạt của Kiều Phong đặt tại hiện trường, bên xác Mã Đại Nguyên. "Vụ án"

này tạo thêm điều kiện để người ta tin rằng Kiều Phong là quân Khất Đan gian ác, đã giết Mã Đại Nguyên để che dấu nguồn gốc Khất Đan của mình.

Trong một thời đại mà khoa học kỹ thuật hình sự còn thô sơ thì hơn bất kỳ yếu tố nào khác, chữ viết được coi là bằng chứng sống động nhất. Trong Lộc Đỉnh ký, để vu oan giá họa cho gã Hán gian tri phủ Dương Châu Ngô Chi Vinh, Vi Tiểu Bảo đã nhờ nhà nho Cố Viêm Võ nhái nét chữ của gia sư Ngô Tam Quế (một phiên vương đang khởi loạn chống vua Khang Hy) viết một bức thư gửi cho Ngô Chi Vinh. Từ phong cách hành văn đến loại giấy viết, Cố Viêm Võ đều mô phỏng đúng các văn thư của phủ Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Riêng phần chữ ký giả của Ngô Tam Quế, Cố Viêm Võ phải nhờ đến Tiền Lão Bản, một nhân vật võ biền. Tại sao phải nhờ đến Tiền Lão Bản? Tiền Lão Bản là con nhà võ, Ngô Tam Quế cũng con nhà võ, học thức kém, chữ viết gân guốc. Phải nhờ đến Tiền Lão Bản ký tên gân guốc mới ra nét chữ võ biền của Ngô Tam Quế. Bức thư giả này đương nhiên sẽ đệ trình lên bộ Hình, trở thành vật chứng của "vụ án" Ngô Chi Vinh thông đồng phiên tặc!

Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung không phải là tiểu thuyết hình sự hay trinh thám. Nhưng từ những bằng chứng do ông dựng lên, những cuộc điều tra mà các nhân vật của ông tiến hành, người đọc có cảm giác đang đọc một dạng tiểu thuyết hình sự hay trinh thám hấp dẫn và đầy tình khoa học. Kim Dung nói: "Tiểu thuyết viết để cho con người hiện đại đọc. Chính tôi cũng là con người hiện đại". Và điều đó cho ta biết tại sao trong những câu chuyện về giới giang hồ hào sĩ này của Kim Dung vẫn mang tính hiện đại của khoa học kỹ thuật hình sự qua những bằng chứng dù thật hay giả đều rất sống động, rất đặc biệt.

Những phiên tòa trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung tập trung phản ánh về sinh hoạt của giới võ lâm; mà nói đến giới võ lâm là nói đến những tôn giáo, môn phái, bang hội. Mỗi tôn giáo, môn phái bang hội có những luật lệ riêng và để thực thi luật lệ ấy, họ cũng tổ chức những phiên tòa xét xử những kẻ phạm môn quy, giới luật. Một cách khái quát, đó là những phiên toà lãng mạn; pháp đình có thể nhóm bất cứ đầu và bất kỳ lúc nào; chủ toạ phiên toàn đồng thời kiêm luôn quyền công tố; có khi có bồi thẩm đoàn tham gia hội thẩm, có khi không.

Đọc Tiếu ngạo giang hồ, ta gặp ngay phiên toà xử Lệnh Hồ Xung do chưởng môn phái Hoa Sơn Nhạc Bất Quần ngồi ghế chủ toạ. Lệnh Hồ Xung đã vi phạm nhiều điều trong "Hoa Sơn thất giới" (bảy điều giới luật của phái Hoa Sơn), trong đó có điều "nguông cuồng tự đại", giết La Nhân Kiệt của phái Thanh Thành; có thiện chí cứu Nghi Lâm - cô nữ ni nhỏ tuổi của phái Hằng Sơn - nhưng lại có những lời xúc phạm đến thanh danh phái Hằng Sơn như là "hễ gặp ni cô là xúi quẩy, đánh bạc tất thua", trốn vào kỹ viện với ni cô Nghi Lâm và Khúc Phi Yến. Nhạc Bất Quần phạt Lệnh Hồ Xung phải lên ngọn Ngọc Nữ Phong, quay mặt vào tường sám hối một năm. Chính thời gian thụ án này đã làm cho Lệnh Hồ Xung phải xa Nhạc Linh San, người tình nhỏ bé, con gái của Nhạc Bất Quần và khiến cho Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung, đi theo anh chàng Lâm Bình Chi. Tiếu ngạo giang hồ còn có một phiên toà thứ hai: Nhạc Bất Quần thông báo xử tử hình Lệnh Hồ Xung và gởi thông báo đi khắp các môn phái bạch đạo hễ gặp Lệnh Hồ Xung nơi đâu là có quyền tru diệt ngay. Đây là phiên toà vắng mặt bị cáo vì khi ấy Lệnh Hồ Xung đã mất hết công lực, đang ở một chỗ với Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, nhờ Nhậm Doanh Doanh nuôi dưỡng và che chở. Cũng tương tự, Nhậm Doanh Doanh cũng ra một thông báo tương tự: bất kỳ hào khách giang hồ hắc đạo nào gặp Lệnh Hồ Xung cũng phải giết ngay. Tại sao có bản án tử hình đó? Rất đơn giản: Nhậm Doanh Doanh đã thương yêu Lệnh Hồ Xung và cô biết chỉ có cô mới bảo vệ nổi chàng trai này. Cô phải ra lệnh như thế để Lệnh Hồ Xung vĩnh viễn ở lại bên cô, tiếp tục được cô che chở và chữa trị. "Phiên toà" và cái ản tử hình đó mênh mông một tình thương yêu đằm thắm, nghe ra có vẻ trẻ con những rất hợp logique. Đó là cách bày tỏ tình yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh!

Trong Thiên Long bát bộ, nhân vật Kiều Phong (tức Tiêu Phong), người Khất Đan, cũng từng là bị cáo của hai phiên toà, một phiên toà trên đất Khất Đan. Phiên toà thứ nhất mở ra tại Tụ Hiền trang của anh em nhà Du Ký - Du Câu, do phái Thiếu Lâm ngồi ghế chủ toạ; các môn phái khác ở Trung Hoa giữ quyền công tố. Bị cáo Kiều Phong vắng mặt, bị kết án là quân Khất Đan chó má (Liêu cẩu), đại ác, cần phải tiêu diệt. Thế nhưng, chàng Kiều Phong lại dẫn xác tới. Lý do: anh muốn đi tìm Thần y Tiết Mộ Hoa để chạy chữa cho A Châu, một cô gái mới quen biết, vừa được anh cứu ra khỏi chùa Thiếu Lâm. Phiên toà tiến hành rất lãng mạn: sau khi nghe mọi người kết án mình, Kiều Phong bình tĩnh gởi gắm A Châu lại cho thuộc hạ cũ là Bạch Thế Kính nhờ chăm sóc, xin anh em họ Du mấy chục hũ rượu rót đầy bát uống để chia tay với quần hùng Trung Hoa. Đó là lần đầu tiên người ta thấy bị cáo uống rượu với quan toà và các uỷ viên công tố! Uống xong, Kiều Phong địa khai sát giới, đánh nhau loạn xạ trong vòng vây của "quý toà" để tìm đường sống cho mình.

Phiên toà thứ hai xử Kiều Phong diễn ra tại Yên Kinh, nước Khất Đan. Khi ấy, Kiều Phong đã đổi lại họ tên Khất Đan - Tiêu Phong và giữ chức Nam Viện đại vương, tư lệnh tất cả các lực lượng bộ binh và kỵ binh Khất Đan. Ông lại còn là em kết nghĩa của hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ ra lệnh cho Kiều Phong đem hai chục vạn binh vượt qua Nhạn môn quan, tiến đánh và uy hiếp Lạc Dương. Thế những, bản tính nhân hậu, Kiều Phong không muốn cho hai bên Tống - Liêu phải đổ máu, trăm họ lầm than. Ông lại nhớ đến những ngày thơ ấu ở Trung Hoa, nhớ ơn người Trung Hoa đã dành cho ông miếng cơm, manh áo, sự dạy dỗ, giúp ông nên người. Ông rất phân biệt những người Trung Hoa giàu lòng từ ái sẵn sàng cưu mang, đùm bọc một tên "Liêu cẩu man rợ" như ông trong mấy mươi năm. Và ông quyết chống lại lệnh hành quân của Gia Luật Hồng Cơ. Để bắt được Kiều Phong, Gia Luật Hồng Cơ đã dùng kế: sai người vợ thứ ba của mình gọi A Tử - cô gái đang say mê Kiều Phong đến; giao cho cô một bình rượu pha thuốc mê với lời dặn "Uống rượu này vào là Tiêu đại vương sẽ thương yêu hiền muội ngay". Ngây thơ tin tưởng vào lời nói đó của thứ phi Gia Luật Hồng Cơ, A Tử đã rót rượu mời Kiều Phong uống. Và ông đã bị bọn võ sĩ của Gia Luật Hồng Cơ bắt giam vào cũi nhốt sư tử. Gia Luật Hồng Cơ kết tội Kiều Phong bất trung với vua, thông đồng với địch. Ông sẽ bị chém nếu bọn quần hùng Trung Nguyên không đến cứu thoát được và đưa về Nhạn Môn quan.

Biên giới giữa sự có tội và sự vô tội trong số phận những nhân vật tiểu thuyết Kim Dung thật mong manh. Những người chính nhân quân tử thường là nạn nhân những vụ án mà sự kết án vội vàng dẫn đến những oan khuất,

những mất mát không thể bù đắp được. Đó là trường hợp Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố, đôi vợ chồng trẻ trong ngày trở về phái Võ Đang, đã trở thành bị cáo trong một phiên toà bất ngờ mở ngay trong đạo quán của phái Võ Đang. Năm đại môn phái Thiếu Lâm, Nga My, Côn Lôn, Không Động, Hoa Sơn lấy cớ lên thăm núi võ Đang để ép buộc hai vợ chồng chỉ ra chỗ ở của Tạ Tốn. Họ trở thành đồng chủ toạ và đồng công tố viên giữ quyền công tố trước phiên toà. Mục đích tối hậu của họ là nhằm chiếm đoạt bảo đao Đồ Long mà Tạ Tốn đang giữ để hy vọng trở thành võ lâm chí tôn. Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố bằng mọi cách phải giữ kín hành tung của người anh kết nghĩa Tạ Tốn. Cả hai vợ chồng đã tìm đến cái chết, tự tử trước phiên toà để giữ cho được phong thái của người nhân quân tử, mặc dù họ chẳng có tội tình gì.

Nhưng có lẽ trong phiên toà cảm động nhất là phiên toà của Minh giáo Ba Tư xét xử vụ án Thánh sứ nữ Đại Ỷ Ty mất trinh, phản giáo. Minh giáo tức Bái hoả giáo (Mazdeisme hay Zoroastrisme) do Zoroasstre, người Ba Tư sáng lập từ thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên. Do sự xâm lấn của Hồi giáo, Bái hoả giáo phân hoá thành nhiều nhánh, trong đó có một nhánh do Manes sáng lập, cũng lấy tên là Minh giáo (Manicheisme), du nhập vào vùng Tây - Bắc Trung Hoa vào năm 760, mà người Trung Hoa vẫn gọi là Mani giáo. Lâu ngày chầy tháng, người ta lượt mất âm nước ngoài, Minh giáo mới bị gọi là Ma giáo. Thực sự, đây là một tôn giáo rất nhân bản, thờ ngọn lửa và mặt trời, cho sự quang minh là thiện, sự hắc ám là ác. Minh giáo chỉ chọn gái đồng trinh làm giáo chủ và những cô gái đồng trinh ấy phải có một thời gian làm những việc tích phúc. Kim Dung kể chuyện Thánh sứ nữ Đại Ỷ Ty của Minh giáo Ba Tư đã được phái sang Minh giáo Trung Hoa làm những việc tích phúc. Nhưng cô gái Ba Tư ấy đã yêu một chàng trai Trung Hoa - Hàn Thiên Diệp và họ đã có một đứa con gái xinh đẹp: Tiểu Siêu. Để tránh giáo luật của Minh giáo Ba Tư, Đại Ỷ Ty phải hoá thân làm một bà già xấu xí. Tiểu Siêu lớn lên, 16 tuổi xinh đẹp như một bông hoa, trở thành con hầu và thầm yêu chủ giáo chủ Minh giáo Trung Hoa Trương Vô Kỵ. Thế nhưng, Minh giáo Ba Tư thi hành giới luật: 18 Bảo Thụ vương từ Ba Tư sang đảo Linh Xà trên biển Trung Hoa, bắt được kẻ phản giáo Đại Ỷ Ty, đưa lên giàn hoả thiêu. Đến phút ấy, Tiểu Siêu mới xuất hiện cứu mẹ. Cô hy sinh mối tình đầu của mình với Trương Vô Kỵ, tình nguyện về lại Ba Tư làm giáo chủ Minh giáo, chuộc tội cho mẹ đã không còn trinh nữ. Tiểu Siêu sang Trung Hoa bằng con đường tơ lụa và trở lại Ba Tư bằng con đường tơ lụa. Cuối phiên toà ấy là tiếng reo hò hạnh phúc của giáo chúng Minh giáo Ba Tư, 12 Bảo Thụ vương cúi lạy cô bé đồng trinh xinh đẹp lên ngôi giáo chủ trong khi những giọt lệ xa người tình của cô vẫn còn đầm đìa trên má. Đó là những

phiên toà đẹp nhất mà những "quan toà" và người dự khán đều cúi lạy con của bị cáo.

Trí tưởng tượng và sức hiểu biết của nhà văn Kim Dung thật phong phú. Ông nắm vững những loại tập tục, những khoa học về phong tục (sciences des moeurs) của từng dân tộc, từng tôn giáo môn phái bang hội và phản ảnh khía cạnh luật pháp trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp! Tác phẩm của ông tràn đầy những tình huống đấu tranh giữa thiện và ác, đúng sai. Hai mặt đối lập triệt để đó được dàn dựng một cách công phu, giàu kịch tính giúp ngời ta dễ nhận ra được cái công lý đích thực ở đời. Trong bốn phiên toà vừa nêu, ông đã dành sự thắng lợi cho cái thiện, cái đúng: Lệnh Hồ Xung được sống hạnh phúc, Đại Ỷ Ty được cứu sống, Kiều Phong thoát được hai lần án tử hình. Riêng vợ chồng Trơng Thúy Sơn và Hân Tố Tố chết trước phiên toà nhưng con trai của họ, chàng trai Trương Vô Kỵ vẫn sống. Anh trở thành giáo chủ Minh giáo Trung hoá, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên trên toàn Trung Hoa. Một thuộc hạ của anh, Chu Nguyên Chương, khởi nghĩa thắng lợi ở Hoài Tứ - An Huy, lên ngôi lấy đế hiệu là Minh Thái Tổ.

HẾT